Kinh Kim Cang - Hòa Thượng Thích Trí Tịnh

KINHKIMCANG.WEEBLY.COM

KINH KIM CANG

KINH KIM CÀNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập,

Kinh Bát Nhã Ba La Mật (Phẩm 1 đến 15)

Bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh

1. PHẨM TỰ THỨ NHỨT

Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ đức Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật tại thành Vương Xá cùng với đại Tỳ Kheo Tăng trên năm ngàn người, đều là những bậc A La Hán đã hết hữu lậu dứt phiền não, tâm được giải thoát, huệ được giải thoát, tâm ý điều nhu, là bực đại long tượng, chỗ làm đã xong, lợi mình đã được, sạch hết kiết sử, bỏ gánh hoặc nghiệp, kham gánh chánh pháp, do chánh trí mà được giải thoát. Riêng Ngài A Nan là còn ở bực hữu học, chứng quả Tu Đà Hoàn. Lại có năm trăm Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thấy được thánh đế. Lại có hàng đại Bồ Tát đều được những môn đà là ni và những môn tam muội, thật hành không, vô tướng, vô tác, đã được đẳng nhẫn và vô ngại tổng trì. Đây đều là bực ngũ thần thông không còn giải đãi, đã rời bỏ danh lợi, thuyết pháp không cầu báo, lời nói ra tất được mọi người kính tin, chứng thâm pháp nhẫn được sức vô úy, giải thoát tất cả ma hạnh nghiệp chướng, khéo tuyên nói pháp nhơn duyên. Từ vô số kiếp đến nay, các Ngài phát thệ nguyện lớn, nhan sắc hòa vui thường thưa hỏi trước, lời nói dịu dàng, ở giữa đại chúng tự tại không sợ, từng khéo thuyết pháp từ vô số ức kiếp, biết rõ các pháp như ảo, như diệm, như bóng trăng trong nước, như hư không, như vang, như bóng, như mộng, như thành càn thát bà, như tượng trong gương, như biến hóa, đã được vô ngại vô úy biết rõ tâm hành của chúng sanh dùng trí huệ vi diệu mà cứu độ chúng. Các Ngài đã thành tựu đại nhẫn vô ngại như thật, nguyện lãnh thọ vô lượng thế giới của chư Phật, tưởng niệm đến vô lượng thế giới, chư Phật chánh định thường hiện tiền, có thể thỉnh vô lượng chư Phật, có thể dứt những kiến chấp và các phiền não, xuất sanh và du hí trăm ngàn muôn tam

muội. Hàng đại Bồ Tát đây thành tựu vô lượng công đức như vậy. Danh hiệu của các Ngài là: Bạt Đà Là Bồ Tát, Kế Na Na Dà La Bồ Tát, Đạo Sư Bồ Tát, Na La Đạt Bồ Tát, Tinh Đắc Bồ Tát, Thủy Thiên Bồ Tát, Chủ Thiên Bồ Tát, Đại Ý Bồ Tát, Ých Ý Bồ Tát, Tăng Ý Bồ Tát, Bất Hư Kiến Bồ Tát, Thiện Tấn Bồ Tát, Thế Thắng Bồ Tát, Thường Cần Bồ Tát, Bất Xả Tinh Tấn Bồ Tát, Nhựt Tạng Bồ Tát, Bất Khuyết Ý Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Chấp Bửu Ấn Bồ Tát, Thường Cử Thủ Bồ Tát, Từ Thị Bồ Tát, có trăm ngàn muôn ức na do tha đại Bồ Tát như vậy. Hàng đại Bồ Tát nầy đều là bực nhất sanh bổ xứ nối ngôi Phật. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn tự trải tòa sư tử rồi ngồi kiết già ngay thẳng nhiếp niệm nhập tất cả môn vương tam muội. Sau đó đức Phật an tường xuất định dùng thiên nhãn nhìn xem thế giới trọn thân mỉm cười, từ tướng thiên bức luân dưới lòng bàn chân phóng ra sáu trăm muôn ức quang minh. Từ mười ngón chân, hai mắt cá, hai bắp chân, hai gối, hai vế, eo, lưng, rún, bụng, hông, ngực, chữ vạn, vai, cánh tay, mười ngón tay, cổ, miệng, bốn mươi răng, mũi, mắt, tai, bạch hào, nhục kế, mỗi chỗ trên thân Phật phóng sáu trăm muôn ức quang minh. Từ những quang minh nầy phát ra quang minh lớn chiếu khắp Đại Thiên thế giới, rồi chiếu đến hằng sa thế giới của chư Phật ở mười phương, từ đây quang minh lại chiếu vượt qua hằng sa thế giới khắp mười phương. Nếu chúng sanh nào gặp được quang minh nầy thời quyết định được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tất cả lỗ lông khắp thân của Phật cũng đều mỉm cười phóng quang minh chiếu khắp cõi Đại Thiên suốt đến hằng sa thế giới ở mười phương. Nếu chúng sanh nào gặp được quang minh nầy thời quyết định được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đức Thế Tôn lại phóng quang minh thường chiếu khắp cõi Đại Thiên suốt đến hằng sa thế giới ở mười phương. Nếu chúng sanh nào gặp được quang minh nầy thời quyết định được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đức Thế Tôn mỉm cười vui vẻ hiện tướng lưỡi rộng dài trùm khắp Đại Thiên thế giới, phóng ra vô lượng ngàn muôn ức quang minh. Mỗi quang minh nầy hóa thành hoa

báu ngàn cánh màu hoàng kim. Trên hoa báu đều có Hóa Phật ngồi kiết già tuyên nói sáu phép ba la mật. Chúng sanh nào nghe được thời quyết định được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Quang minh nầy cũng chiếu đến hằng sa thế giới ở mười phương và cũng hiện hoa báu Hóa Phật thuyết pháp như vậy. Bấy giờ đức Phật vẫn ngồi trên tòa sư tử mà nhập sư tử du hí tam muội. Do thần lực của Phật, cả Đại Thiên thế giới đều chấn động sáu cách, làm cho mọi loài đều hòa vui. Trong cõi Đại Thiên nầy, hàng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và bát nạn đều được sanh lên cõi trời Tứ Vương đến trời Tha Hóa Tự Tại. Các vị Thiên Tử nầy tự biết túc mạng đều rất vui mừng đồng đến chỗ đức Phật ngự, đảnh lễ chân Phật rồi ngồi qua một phía. Hằng sa thế giới ở mười phương cũng chấn động sáu cách, các loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và bát nạn đều được sanh lên sáu cõi trời Dục Giới. Bấy giờ chúng sanh ở cõi Đại Thiên nầy, kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe, kẻ câm được nói, kẻ điên được tỉnh, kẻ loạn được định, kẻ bịnh được lành, kẻ tàn tật được hết tật nguyền, kẻ rách được được mặc, kẻ đói khát được ăn uống. Tất cả mọi loài đều phát thiện tâm xem nhau như cha mẹ, anh em, chị em ruột thịt, đồng thực hành mười nghiệp đạo lành, tịnh tu phạm hạnh không phạm lỗi lầm, lòng họ điềm nhiên khoái lạc như Tỳ Kheo nhập đệ tam thiền. Họ đều được trí huệ tốt giữ mình theo giới luật không làm tổn não kẻ khác. Đức Thế Tôn ngự trên tòa sư tử, quang minh sắc tướng oai đức nguy nguy tôn nghiêm bực nhứt, hơn cả Đại Thiên cùng hằng sa thế giới ở mười phương, như núi Tu Di cao sáng hơn tất cả núi non. Lúc đức Thế Tôn đem thân thường hiển thị cho chúng sanh trong cõi Đại Thiên, nhơn chúng cùng hàng phi nhơn và chư Thiên ở Dục giới, Sắc giới đem những thiên hoa, thiên hương, thiên anh lạc đến rải trên đức Phật. Những hoa hương báu nầy dừng ở hư không hóa thành đài báu lớn thòng những chuỗi ngọc cùng lọng báu nhiều màu giăng trùm Đại Thiên thế giới, do đây nên toàn cõi Đại Thiên thành màu hoàng kim, đến hằng sa thế giới ở mười phương cũng như vậy. Chúng sanh ở cõi nầy và chúng sanh ở thế giới mười phương

đều tự cho là đức Phật chỉ riêng thuyết pháp cho mình. Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười, miệng Phật phóng quang minh chiếu khắp Đại Thiên thế giới. Do quang minh nầy mà chúng sanh đồng thấy chư Phật và Tăng chúng trong hằng sa thế giới ở mười phương. Chúng sanh ở hằng sa thế giới ở mười phương kia cũng thấy Phật Thích Ca Mâu Ni và đại chúng ở cõi Đại Thiên nầy. Phương đông qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Đa Bửu của Phật Bửu Tích. Đức Phật đây hiện đương giảng Bát nhã ba la mật cho chư Đại Bồ Tát. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Phổ Minh thấy quang minh thấy chấn động lại thấy thân Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài liền đến bạch hỏi duyên do với Phật Bửu Tích. Đức Phật Bửu Tích bảo đó là thân lực của Phật Thích Ca Mâu Ni ở cõi Ta Bà cách đây hằng sa thế giới về phương Tây. Đức Thích Ca Mâu Ni sắp vì chúng đại Bồ Tát mà tuyên nói Bát nhã ba la mật. Phổ Minh Bồ Tát bạch đức Phật Bửu Tích rằng nay tôi muốn đến lễ bái cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni và gặp gỡ các vị đại Bồ Tát. Phật Bửu Tích thuận cho và trao hoa sen ngàn cánh màu hoàng kinh cho Phổ Minh Bồ Tát mà dặn rằng ông đem hoa nầy cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni. Ông nên nhứt tâm trân trọng đến cõi Ta Bà. Các vị Bồ Tát sanh vào cõi đó thật là khó bằng khó hơn. Phổ Minh Bồ Tát lãnh hoa sen ngàn cánh màu hoàng kim từ tạ Phật Bửu Tích rồi cùng vô số đại chúng đem những hoa hương phan lọng đến chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni đảnh lễ bạch rằng, đức Phật Bửu Tích gởi lời thăm và dâng hoa cúng dường. Phật Thích Ca Mâu Ni nhận hoa sen ngàn cánh màu hoàng kim rồi rải vụt qua phương Đông cúng dường hằng sa chư Phật. Hoa sen ấy hóa thành hằng sa đóa hoa khắp cả hằng sa thế giới ở phương Đông. Trên mỗi đóa hoa sen đều có Hóa Bồ Tát ngồi kiết già nói sáu pháp ba la mật, ai nghe được tiếng pháp nầy thời quyết định đến vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đại chúng theo Phổ Minh Bồ Tát cũng đem hoa hương phan lọng của mình dâng cúng Phật Thích Ca Mâu Ni. Phương Nam qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Ly Nhứt Thiết Ưu của Phật Vô Ưu Đức. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Ly Ưu. Phương Tây qua khỏi hằng sa thế giới có cõi

Diệt Ác của Phật Bửu Sơn. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Nghĩa Ý. Phương Bắc qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Thắng Quốc của đức Phật Thắng Vương. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Đức Thắng. Hạ phương qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Thiện Quốc của đức Phật Thiện Đức. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Hoa Thượng. Thượng phương qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Hỉ Quốc của đức Phật Hỉ Đức. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Đức Hỉ. Chư Bồ Tát trên đây ở cõi mình thấy quang minh thấy chấn động…liền cùng đại chúng cầm hoa hương phan lọng đến Ta Bà thế giới kính lễ cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni đồng như Phổ Minh Bồ Tát ở phương Đông. Lúc bấy giờ Đại Thiên thế giới thành trang nghiêm vi diệu như Hoa Tích thế giới cùng Phổ Hoa thế giới. Đức Như Lai biết hàng đại Bồ Tát cùng chư Nhơn Thiên Bát bộ ở hằng sa thế giới đều đã vân tập bèn gọi Ngài Xá Lợi Phất mà dạy rằng: "Đại Bồ Tát muốn dùng nhứt thiết chủng trí để biết tất cả pháp, thời phải tu tập Bát nhã ba la mật". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn dùng nhứt thiết chủng trí để biết tất cả pháp, thời phải tu tập Bát nhã ba la mật như thế nào?" Phật dạy: "Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát dùng phương pháp chẳng an trụ mà an trụ trong Bát nhã ba la mật. Bởi không có pháp để xả bỏ nên được đầy đủ Đàn ba la mật, vì người cho, kẻ nhận và tài vật đều bất khả đắc. Vì tội và không tội đều bất khả đắc nên đầy đủ Thi ba la mật. Vì tâm chẳng động nên đầy đủ Sằn đề ba la mật. Vì thân tâm tinh tấn chẳng giải đải nên đầy đủ Tỳ lê gia ba la mật. Vì chẳng tán loạn, chẳng say mê nên đầy đủ Thiền na ba la mật. Vì chẳng chấp trước tất cả pháp nên đầy đủ Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát dùng phương pháp chẳng an trụ mà an trụ trong Bát nhã ba la mật. Vì bất sanh nên đầy đủ bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám thánh đạo phần, không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám bội xả, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười nhứt thiết xứ. Cũng đầy đủ chín pháp tưởng thây chết: Tưởng sình, tưởng nứt, tưởng máu chảy, tưởng thúi rã, tưởng bầm xanh, tưởng dòi trùng ăn, tưởng

nát, tưởng xương trắng, tưởng cháy tan. Cũng đầy đủ tám chánh niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí xả, niệm thiên, niệm xuất tức, nhập tức, niệm chết. Cũng đầy đủ mười pháp quán: Quán vô thường, quán khổ, quán vô ngã, quán món ăn nhơ nhớp, quán thế gian tất cả đều không đáng vui ưa, quán chết, quán bất tịnh, quán đoạn trừ, quán ly dục, quán diệt tận. Cũng đầy đủ mười một trí: Pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, thế trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, như thiệt trí. Cũng đầy đủ ba môn tam muội: Tam muội có giác có quán, tam muội không giác có quán, tam muội không giác không quán. Cũng đầy đủ ba căn: Căn chưa biết sắp biết, căn biết, căn đã biết. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn biết tất cả công đức của Phật như mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ, đại bi, thời phải tu tập Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn đầy đủ đạo huệ, muốn dùng đạo huệ để đầy đủ đạo chủng huệ, muốn dùng đạo chủng huệ để đầy đủ nhất thiết trí, muốn dùng nhất thiết trí để đầy đủ nhất thiết chủng trí, muốn dùng nhất thiết chủng trí để dứt tập khí phiền não, đều phải tu tập Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát phải học tập Bát nhã ba la mật như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn lên địa vị Bồ Tát, muốn hơn bực Thanh Văn, Duyên Giác, muốn trụ bực bất thối chuyển, muốn có lục thần thông, muốn biết chí hướng của tất cả chúng sanh, muốn có trí huệ hơn tất cả của tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, muốn được những môn đà la ni, những môn tam muội, đều phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn dùng tâm tùy hỉ để hơn trên những sự bố thí, trì giới, tam muội thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, giải thoát tam muội của tất cả những người cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát thật hành phần ít bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, mà muốn do sức phương tiện hồi hướng để được vô lượng vô biên công đức, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn thật hành Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn đời đời thân thể giống như thân Phật đủ ba mươi hai tướng đại nhơn, tám mươi tùy hình hảo, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn sanh nhà Bồ Tát, muốn được bực đồng chơn, muốn chẳng rời Phật, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn đem những thiện căn cúng dường chư Phật và cung kính tôn trọng tán thán tùy ý thành tựu, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn làm cho chúng sanh thỏa nguyện về những thứ uống, ăn, y phục, giường nệm, đèn đuốc, phòng nhà, xe cộ, thuốc men, thời phải học Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn làm cho chúng sanh ở hằng sa thế giới đứng vững nơi sáu môn ba la mật, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn gieo một thiện căn ở trong phước điền của Phật còn mãi đến khi được vô thượng chánh đẳng chánh giác vẫn không hết, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn chư Phật ở mười phương ca ngợi danh hiệu của mình, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn vừa phát ý thời thân liền đến hằng sa thế giới ở mười phương, muốn vừa phát âm thời tiếng vang đến hằng sa thế giới ở mười phương, đều phải học Bát nhã ba la mật. Muốn thế giới của chư Phật chẳng dứt diệt, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn an trụ nơi nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, vô sở đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn biết nhơn duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên và tăng thượng duyên của các pháp, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn biết pháp như, pháp tánh và thiệt tế của các pháp, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát phải như vậy mà an trụ trong Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn đếm biết số vi trần của những hòn núi, của những quả đất trong Đại Thiên thế giới, muốn phân tích một sợ lông làm trăm phần rồi lấy một phần lông chấm hết nước của những suối ao, sông ngòi, biển cả trong Đại Thiên thế giới mà không kinh động đến loài thủy tộc, muốn thổi một cái liền tắt ngọn lửa cháy khắp Đại

Thiên thế giới như hỏa tai lúc kiếp tận, muốn lấy một ngón tay ngăn dừng những cơn gió lớn có thể làm tan nát Đại Thiên thế giới đến tất cả những núi Tu Di như thổi tan đống cỏ mục, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn một lần ngồi kiết già có thể làm cho thân thể khắp tất cả không gian trong Đại Thiên thế giới, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn lấy một sợ lông vít những núi Tu Di trong Đại Thiên thế giới ném qua khỏi vô số thế giới phương khác mà không kinh động đến chúng sanh trong đó, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn đem một suất ăn, một bộ y phục, một nén hương, một cành hoa, một cây đèn, một tràng phan, một bảo cái mà có thể cúng dường đầy đủ khắp chư Phật cùng chư Tăng trong hăng sa thê giới ở mười phương, thời phải học Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương đều đủ giới hạnh, tam muội, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, cùng làm cho được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, nhẫn đến được vô dư Niết Bàn, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật lúc bố thí nên biết rõ rằng: Bố thí như vậy được quả báo rất lớn, bố thí như vậy được sanh vào giòng quý hiền, bố thí như vậy được sanh lên trời Tứ Vương, trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa, bố thí như vậy được nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, nhơn bố thí nầy được bát thánh đạo phần, nhơn bố thí nầy được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Phật, thời phải học Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, lúc bố thí, do nơi sức huệ phương tiện nên có thể đầy đủ Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát lúc bố thí, do nơi sức huệ phương tiện nên đầy đủ sáu ba la mật?" Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Do vì người bố thí, kẻ thọ và tài vật đều bất khả đắc nên có thể đầy đủ Đàn na ba la mật. Vì có tội cùng chẳng tội

đều chẳng dính mắc nên đầy đủ Thi la ba la mật. Vì tâm bất động nên đầy đủ Sằn đề ba la mật. Vì thân tâm tinh tấn nên đầy đủ Tỳ lê gia ba la mật. Vì chẳng tán loạn chẳng say đắm nên đầy đủ Thiền na ba la mật. Vì biết tất cả pháp đều bất khả đắc nên đầy đủ Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn được công đức của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn đến bờ kia của pháp hữu vi và pháp vô vi, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn biết pháp như, pháp tướng và biên tế vô sanh của các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, thời phải học Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn đứng trước tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, muốn hầu hạ chư Phật, muốn làm nội quyến của chư Phật, muốn được quyến thuộc lớn, muốn được quyến thuộc Bồ Tát, muốn thanh tịnh báo đại thí, thời phải học Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn những tâm xan lẫn, phá giới, sân khuể, giải đãi, tán loạn, ngu si đều chẳng phát khởi, thời phải học Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn làm cho tất cả chúng sanh đứng vững nơi phước bố thí, nơi phước trì giới, nơi phước tu tập thiền định, nơi phước khuyến đạo, nơi tài phước và pháp phước, thời phải học Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn được ngũ nhãn thời phải học Bát nhã ba la mật. Đây là ngũ nhãn: nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Đại Bồ Tát muốn dùng thiên nhãn thấy chư Phật trong hằng sa thế giới, muốn dùng thiên nhĩ nghe pháp của chư Phật ở mười phương tuyên nói, muốn hiểu biết tâm của Phật, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn nghe được pháp của chư Phật ở mười phương tuyên nói, nghe xong nhớ mãi đến khi thành Vô thượng Bồ đề vẫn không quên, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn thấy thế giới của chư Phật ở quá khứ, thấy thế giới của chư Phật vị lai và thế giới ở mười phương của chư Phật hiện tại, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn nghe mười hai bộ kinh, từ khế kinh trường hàng đến luận nghị kinh mà hàng Thanh Văn nghe cùng chẳng nghe, nghe xong đều muốn đọc tụng, thọ trì trọn vẹn, thời phải học Bát nhã ba la mật. Chánh pháp của chư

Phật quá khứ, hiện tại, vị lai trong hằng sa thế giới đã tuyên nói, hiện nay nói và sẽ nói, được nghe xong đều muốn tin lãnh thọ trì, thật hành và giảng nói lại cho người khác, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn đem quang minh chiếu khắp những chỗ mà mặt nhựt mặt nguyệt chẳng chiếu đến trong hằng sa thế giới ở mười phương, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn làm cho tất cả chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, những nơi không có danh hiệu Phật, Pháp, Tăng, đều được chánh kiến nghe danh hiệu Tam Bảo, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, do năng lực của ta mà kẻ mù được thấy, kể điếc được nghe, kẻ rách được lành, kẻ đói khát được no đủ, thời phải học Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, do năng lực của ta mà những loài trong ba ác đạo đều được thân người, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, do năng lực của ta mà được đứng vững nơi giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Vô thượng Bồ đề, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn học oai nghi của chư Phật, muốn nhìn ngó như tượng vương, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát nguyện rằng khiến cho tôi lúc đi, chân tôi cách đất bốn ngón tay không đạp trên đất, tôi sẽ được vô lượng chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, từ Tứ Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên cung kính vây quanh cùng đi đến dưới cội bồ đề. Tôi sẽ ngồi dưới cội bồ đề và chư Thiên sẽ trải tòa cho tôi. Muốn được như vậy, thời phải học Bát nhã ba la mật. Lại nguyện lúc tôi thành Phật, chỗ tôi đi đứng ngồi nằm đều sẽ là Kim cang. Muốn được vậy, thời phải học Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nếu muốn ngày xuất gia liền thành đạo Vô thượng Bồ đề, liền chuyển pháp luân có vô lượng vô số chúng sanh xa lìa trần cấu ở trong các pháp được pháp nhãn thanh tịnh, có vô lượng vô số chúng sanh vì chẳng thọ tất cả pháp nên được vô lậu giải thoát, có vô lượng vô số chúng sanh được bất thối chuyển Vô thượng Bồ đề, thời phải

học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn lúc thành Phật sẽ dùng vô lượng vô số Thanh Văn làm Tăng, lúc nói một thời pháp, tất cả chư Tăng nầy liền được quả A La Hán, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn lúc thành Phật, sẽ dùng vô lượng vô số Bồ Tát làm Tăng, lúc nói một thời pháp, tất cả chư Tăng nầy đều được bất thối chuyển, được vô lượng thọ mạng đầy đủ quang minh, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn lúc thành Phật, trong thế giới không có danh từ tam độc, dâm dục, sân khuể, ngu si, tất cả chúng sanh đều thành tựu chánh trí huệ, thiện thí, thiện giới, thiện định, thiện phạm hạnh, thiện từ bi, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn lúc thành Phật, sau khi nhập Niết Bàn, chánh pháp không diệt tận, cũng không có danh từ diệt tận, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn lúc thành Phật, chúng sanh ở hằng sa thế giới ở mười phương nghe danh hiệu của ta quyết định sẽ được Vô thượng Bồ đề, thời phải học Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn được những công đức như vậy, thời phải học Bát nhã ba la mật.

2. PHẨM PHỤNG BÁT THỨ HAI

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Nếu đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật có thể làm những công đức ấy thời bốn vị Thiên Vương đều rất vui mừng mà nghĩ rằng chúng ta phải đem bốn cái bát dâng lên Bồ Tát như những bát mà chư Thiên Vương thuở trước đã dâng cho Phật thuở trước. Lúc đó trời Đao Lợi nhẫn đến trời Tha Hóa Tự Tại cũng rất hoan hỷ mà nghĩ rằng chúng ta phải hầu hạ cúng dường Bồ Tát để hàng Thiên chúng được thêm đông và giảm bớt hàng A tu la. Chư Thiên trong cõi Đại Thiên, từ cõi Tứ Vương đến cõi Sắc Cứu Cánh đều rất vui mừng mà nghĩ rằng chúng ta phải cẩn thỉnh Bồ Tát chuyển pháp luân. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc vị đại Bồ Tát nầy thật hành Bát nhã ba la mật Tăng ích sáu ba la mật, các thiện nam tử và thiện nữ nhơn đều tự vui

mừng mà nghĩ rằng chúng ta phải làm cha mẹ, vợ con, thân tộc, họ hàng cho người nầy. Lúc đó trời Tứ Vương nhẫn đến trời Sắc Cứu Cánh đều rất vui mừng mà tự nghĩ rằng chúng ta phải tìm cách làm cho Bồ Tát nầy xa lìa dâm dục, từ sơ phát tâm luôn là đồng nhơn, chớ để vị nầy hội hiệp với sắc dục, nếu hưởng thọ ngũ dục thời sẽ chướng ngại sanh về Phạm Thiên huống là quả Vô thượng Bồ đề. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát cần phải là người đoạn dục xuất gia mới đáng được Vô thượng Bồ đề, chẳng phải là người không đoạn dục mà được". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát cần phải có cha mẹ, vợ con, thân tộc, họ hàng chăng?" Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! hoặc có Bồ Tát có cha mẹ, vợ con, thân tộc. Hoặc có Bồ Tát từ khi sơ phát tâm đoạn dục tu hạnh đồng nhơn mãi đến thành Vô thượng Bồ đề chẳng phạm sắc dục. Hoặc có Bồ Tát dùng phương tiện lực hưởng thọ ngũ dục xong mới xuất gia thành Vô thượng Bồ đề. Ví như nhà ảo thuật giỏi khéo dùng phương ảo thuật hóa ra cảnh ngũ dục rồi vui đùa trong đó. Ý ông nghĩ thế nào, nhà ảo thuật có thiệt hưởng thọ cảnh ngũ dục ấy chăng?" – Bạch đức Thế Tôn! Không ạ. – Nầy Xá Lợi Phất! cũng vậy đại Bồ Tát dùng phương tiện lực hóa ra cảnh ngũ dục rồi ở trong đó hưởng thọ để độ chúng sanh. Đại Bồ Tát nầy chẳng nhiễm ngũ dục, lại dùng nhiều cách quở trách ngũ dục: Ngũ dục là lửa cháy, ngũ dục là nhơ nhớp xấu xa, ngũ dục là thứ phá hoại, ngũ dục như oán thù. Do đây nên biết rằng vì độ chúng sanh mà Bồ Tát hưởng thọ ngũ dục. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát phải thực hành Bát nhã ba la mật thế nào? – Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy danh tự Bồ Tát, chẳng thấy Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy là mình có thật hành Bát nhã ba la mật cùng không thật hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát là danh tự Bồ Tát, tánh vốn rỗng không. Trong tánh không chẳng có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, rời lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng có tánh không, tánh không tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tại sao vậy? Vì chỉ có danh tự gọi là bồ đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ Tát, chỉ có danh tự gọi là tánh

không. Tại sao vậy? Vì thật tánh của các pháp vốn là không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh. Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật như vậy cũng chẳng thấy sanh, chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy cấu, chẳng thấy tịnh. Tại sao vậy? Vì danh tự là những pháp do nhơn duyên hòa hiệp làm thành, chỉ do nhớ tưởng phân biệt giả danh mà nói thôi. Vì thế nên đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật chẳng thấy tất cả danh tự. Vì chẳng thấy nên chẳng chấp trước.

*** 3. PHẨM TU TẬP ĐÚNG THỨ BA

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải suy nghĩ như thế nầy: Bồ Tát chỉ có danh tự, Phật cũng chỉ có danh tự, Bát nhã ba la mật cũng chỉ có danh tự, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ có danh tự. Nầy Xá Lợi Phất! Như ngã chúng sanh thọ giả, mạng giả, sanh giả, dưỡng dục giả, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả đều là bất khả đắc tất cả. Vì là bất khả đắc nên rỗng không. Vì rỗng không nên chỉ dùng danh tự để tuyên nói. Đại Bồ Tát cũng thật hành Bát nhã ba la mật như vậy: Chẳng thấy ngã, chẳng thấy chúng sanh, nhân đến chẳng thấy tri giả, kiến giả. Những danh tự tuyên nói đó cũng chẳng thấy. Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật như vậy hơn trên tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, trừ trí huệ của Phật, do vì tánh không, tác dụng bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy đối với những pháp danh tự cùng chỗ mà danh tự dính đến, tất cả đều bất khả đắc. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát có thể thật hành như vậy đó là thật hành Bát nhã ba la mật. Ví như số Tỳ Kheo nhiều bằng số tre, lau, mía, mè, lúa, đậu, lùm rừng đầy cả cõi Diêm Phù Đề, tất cả đều có trí huệ như Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, đem tất cả trí huệ ấy muốn so sánh

với trí huệ của Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, thời không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn ức, nhẫn đến không bằng một phần ví dụ. Tại sao vậy? Vì dùng trí huệ nầy mà Bồ Tát độ thoát tất cả chúng sanh. Nầy Xá Lợi Phất! Không nói đến như Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên đầy cõi Diêm Phù Đề, mà ví như đầy cả cõi Đại Thiên, hoặc nhẫn đến đầy cả hằng sa thế giới ở mười phương, đem tất cả trí huệ ấy muốn so sánh với trí huệ của Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật cũng không bằng một phần trăm, nhẫn đến không bằng một phần ví dụ. Nầy Xá Lợi Phất! "Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, một ngày tu tập trí huệ hơn trên tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Trí huệ của hàng Thanh Văn, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, trí huệ của hàng Bích Chi Phật, trí huệ của Phật, những trí huệ nầy không sai biệt, không chống trái nhau, đều là vô sanh tánh không. Nếu đã là tánh vô sanh tánh không, chẳng trái nhau thời là không sai khác nhau. Cớ sao đức Thế Tôn lại dạy rằng Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật một ngày tu tập trí huệ hơn trên tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật?" Phật nói: "Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật một ngày tu tập trí huệ, tâm niệm rằng: Ta hành đạo trí huệ lợi ích tất cả chúng sanh, ta sẽ dùng nhứt thiết chủng trí biết rõ tất cả pháp, độ thoát tất cả chúng sanh. Nầy Xá Lợi Phất! Ý của ông nghĩ thế nào, trí huệ của hành Thanh Văn, Bích Chi Phật có những sự như vậy không?" -Bạch đức Thế Tôn! Không ạ. -Nầy Xá Lợi Phất! Hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có quan niệm nầy: Ta sẽ thành Vô thượng Bồ đề độ thoát tất cả chúng sanh, làm cho họ đều được vô dư y Niết Bàn, như chư đại Bồ Tát không? -Bạch đức Thế Tôn! Không ạ. -Nầy Xá Lợi Phất! Do những cớ trên đây nên biết rằng trí huệ của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật sánh với trí huệ của đại Bồ Tát không bằng một phần trăm, nhẫn đến không bằng một phần thí dụ. Nầy Xá Lợi Phất! Hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có quan niệm nầy: Ta thật hành sáu ba la mật, thành tựu chúng sanh, trang nghiêm Phật độ, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở

úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, độ thoát vô lượng vô số chúng sanh đến quả Niết Bàn như chư đại Bồ Tát không? -Bạch đức Thế Tôn! Không ạ. -Nầy Xá Lợi Phất! Ví như loài đom đóm kia chẳng bao giờ nghĩ rằng mình như mạt nhựt mọc lên chiếu ánh sáng khắp Diêm Phù Đề. Cũng vậy, hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng có quan niệm như đại Bồ Tát: Ta thật hành sáu ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng được Vô Thượng Bồ đề, độ vô lượng vô số chúng sanh đến quả Niết Bàn". Ngài Xá Lợi Phất thưa: " Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà đến bực bất thối chuyển thanh tịnh Phật đạo?" Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm thật hành sáu ba la mật, an trụ nơi pháp không, vô tướng, vô tác, có thể vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà đến bực bất thối chuyển thanh tịnh Phật đạo". -Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát an trụ bực nào mà có thể làm phước điền cho hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật? -Nầy Xá Lợi Phất! Từ lúc sơ phát tâm thật hành sáu ba la mật nhẫn đến lúc ngồi đạo tràng thành Vô thượng Bồ đề, trong khoảng thời gian ấy, luôn thường làm phước điền cho hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Tại sao vậy? Vì do có nhân duyên của đại Bồ Tát nên những thiện pháp của thế gian phát sanh. Như những pháp thập thiện, ngũ giới, bát quan trai, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, lục ba la mật, thật bát không, thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng, đại từ, đại bi, nhứt thiết chủng trí, do nhơn duyên của đại Bồ Tát mà những pháp nầy hiện ra trên thế gian. Cũng do nhơn duyên của Bồ Tát mà những đại tộc Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, Tứ Thiên Vương nhẫn đến Phi Phi Tưởng Thiên, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật và Phật Đà đều xuất hiện trên thế gian. -Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát có thanh tịnh xong phước bố thí chăng? -Nầy Xá Lợi Phất! Không có. Vì bổn lai đã thanh tịnh xong. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát là vị đại thí chủ bố thí những thiện pháp như thập thiện, ngũ giới nhẫn đến

nhứt thiết chủng trí". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào đại Bồ Tát tu tập đúng Bát nhã ba la mật tương ứng với Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát tu tập đúng sắc không, tu tập đúng thọ, tưởng, hành, thức không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Lại nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát tu tập đúng nhãn không, tu tập đúng nhĩ, tĩ, thiệt, thân, tâm không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát tu tập đúng sắc không, tu tập đúng thinh, hương, vị, xúc, pháp không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát tu tập đúng nhãn giới không, đúng sắc giới không, nhãn thức giới không, nhãn đến tu tập đúng ý thức giới không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát tu tập đúng khổ không, tu tập đúng tập, diệt, đạo không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát tu tập đúng vô minh không, tu tập đúng hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, tử không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát tu tập đúng tất cả pháp không, hoặc hữu vi hoặc vô vi, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Lại nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát tu tập đúng tánh không, tự tướng không, chư pháp không, vô sở đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không bảy môn không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc tu tập bảy môn không, đại Bồ Tát chẳng thấy sắc hoặc tương ứng hay không tương ứng, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tương ứng hay không tương ứng, chẳng thấy sắc hoặc sanh tướng hay diệt tướng, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc sanh tướng hay diệt tướng, chẳng thấy sắc hoặc cấu tướng hay tịnh tướng, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc cấu tướng hay tịnh tướng, chẳng thấy sắc hiệp với thọ, chẳng thấy thọ hiệp với tưởng, chẳng thấy tưởng hiệp với hành, chẳng thấy hành hiệp với thức. Tại sao vậy? Vì tánh của các pháp vốn rỗng không nên không có pháp nào hiệp với pháp nào. Nầy Xá Lợi Phất! Trong sắc không chẳng có sắc, trong thọ không, tưởng không, hành không, thức không chẳng có thọ, tưởng, hành, thức. Nầy Xá Lợi Phất! Vì

sắc rỗng không nên không có tướng não hoại, vì thọ rỗng không nên không có tướng thọ, vì tưởng rỗng không nên không có tướng biết, vì hành rỗng không nên không có tướng tác giả, vì thức rỗng không nên không có tướng tri giác. Tại sao vậy? Vì chẳng phải sắc khác với không, cũng chẳng phải không khác với sắc, mà sắc chính là không và không chính là sắc, thọ, tưởng, hành, thức chính là không và không chính là thọ, tưởng, hành, thức. Nầy Xá Lợi Phất! Tướng rỗng không của các pháp vốn chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiên tại, vì thế nên trong không pháp ấy không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, không có săc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, không có nhãn giới, nhẫn đến không có ý thức giới, không có vô minh cũng không có vô minh tận, nhẫn đến không có lão tử, cũng không có lão tử tận, không có khổ, tập, diệt, đạo, không có trí cũng không có đắc, không có Tu Đà Hoàn và quả Tu Đà Hoàn, không có Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán và Phật, cũng không có quả Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A Na Hán, quả Bích Chi Phật và quả Phật. Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy Bát nhã ba la mật hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng, cũng chẳng thấy Đàn na ba là mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật và Thiền na ba la mật hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng. Đại Bồ Tát cũng chẳng thấy săc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, chẳng thấy sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng thấy nhãn giới nhẫn đến ý thức giới hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng. Đại Bồ Tát cũng chẳng thấy tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng. Như trên đây, nầy Xá Lợi Phất! Phải biết đó là đại Bồ Tát tương ứng với Bát nhã ba la mật. Lại nầy Xá Lợi Phất! Lúc đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, không chẳng hiệp với không, vô tướng chẳng hiệp với vô tướng, vô tác chẳng hiệp với vô tác. Tại sao vậy? Vì không, vô tướng, vô tác

chẳng có hiệp với chẳng hiệp. Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Lại nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nhập vào tự tướng không của các pháp, nhập xong nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Bồ Tát chẳng cho là hiệp chẳng cho là chẳng hiệp, sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng hiệp với tiền tế cũng chẳng hiệp với hậu tế, chẳng hiệp với hiện tại. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát chẳng thấy tiền tế, chẳng thấy hậu tế cũng chẳng thấy hiện tại. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, vì tham tế là danh từ rỗng không, nên tiền tế chẳng hiệp với hậu tế, hậu tế chẳng hiệp với tiền tế, hiện tại chẳng hiệp với tiền tế, hậu tế, tiền tê với hậu tê cũng chăng hiệp với hiện tại. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, nhứt thiết trí chẳng hiệp với đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Tại sao vậy? Vì đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại đều còn chẳng thể thấy huống là có hiệp. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể thấy, vì nhãn đến ý chẳng thể thấy, vì sắc nhẫn đến pháp chẳng thể thấy, vì nhãn thức nhẫn đến ý thức chẳng thể thấy nên sắc, thọ đến ý thức đều chẳng hiệp với nhứt thiết trí. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, vì Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật đều chăng thể thấy nên Đàn na đến Bát nhã ba la mật chăng hiệp với nhất thiết trí. Vì tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần nhẫn đến thập lực, thập bát bất cộng pháp đều chẳng thể thấy nên tất cả đều chẳng hiệp với nhất thiết trí. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng tu tập sắc là hữu hay là vô, chẳng tu tập sắc là vô thường hay là vô thường, chẳng tu tập sắc là khổ hay là lạc, chẳng tu tập sắc là ngã hay là phi ngã, chẳng tu tập sắc là tịch diệt hay là chẳng phải tịch diệt, chẳng tu tập sắc là rỗng không hay là chẳng phải rỗng không, chẳng tu tập sắc là hữu tướng hay là vô tướng, chẳng tu tập sắc là hữu tác hay là vô

tác; thọ, tưởng. hành. thức cũng như vậy. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng có quan niệm là ta thật hành hay chẳng thật hành Bát nhã ba la mật, cũng chẳng có quan niệm chẳng phải thật hành cùng chẳng phải chẳng thật hành. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Lại nầy Xá Lợi Phất! Chẳng vì Bát nhã ba la mật mà đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật. Cũng chẳng vì Đàn na, Thi la, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiền na ba la mật, cũng chẳng vì bực bất thối chuyển thành tựu chúng sanh thanh tịch Phật độ, cũng chẳng vì thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp mà đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật. Cũng chẳng vì nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, cũng chẳng vì như pháp tánh, thiệt tế mà đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng phá hoại tướng của các pháp. Tu tập đúng như đây thời gọi là tương ứng vơi Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Chẳng vì thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc, lậu tận sáu môn thần thông mà đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì lúc thật hành, đại Bồ Tát còn chẳng thấy Bát nhã ba la mật huống là thấy Bồ Tát thần thông. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng quan niệm rằng ta dùng như ý thần thông bay đến phương Đông cùng bay đến khắp mười phương để cúng dường hằng sa chư Phật, cũng chẳng quan niệm rằng ta dùng thiên nhĩ nghe hằng sa chư Phật mười phương thuyết pháp, dùng tha tâm thông trí biết tâm niệm của hằng sa chúng sanh mười phương, dùng túc mạng trí biết việc làm của vô lượng đời của hằng sa chúng sanh ở mười phương, cũng chẳng nghĩ rằng ta dùng thiên nhãn thấy hằng sa chúng sanh chết đây sanh về nơi kia. Như đây gọi là đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật tương

ứng với Bát nhã ba la mật và cũng có thể độ thoát vô lượng vô số chúng sanh. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát có thể thật hành Bát nhã ba la mật như vậy thời ác ma không hại được, tất cả sự việc thế gian đều tùy ý muốn, hằng sa chư Phật mười phương đều ủng hộ cho Bồ Tát nầy chẳng sa vào hành Thanh Văn, Bích Chi Phật. Chư Thiên từ Tứ Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên cũng đều ủng hộ Bồ Tát giúp thêm tự tại. Nếu Bồ Tát nầy đã có trọng tội thì hiện đời bị báo nhẹ. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát nầy dùng lòng bình đẳng lợi ích chúng sanh. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát mau được các môn đà la ni và các môn tam muội, sanh về đâu cũng thường gặp được chư Phật mãi đến khi chứng quả Vô thượng Bồ đề không bao giờ rời chư Phật. Đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng có pháp nầy với pháp nầy hoặc hiệp hay chẳng hiệp nhau, hoặc bằng hay chẳng bằng nhau. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát chẳng thấy có pháp nầy cùng những pháp khác hoặc hiệp hoặc bằng hay chẳng hiệp chẳng bằng. Đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng ta sẽ chóng được pháp tánh hoặc chẳng được. Tại sao vậy? Vì pháp tánh chẳng phải là tướng được. Đây gọi là tu tập tương ứng với Bát nhã ba la mật. Lại nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy có pháp nào ra ngoài pháp tánh, cũng chẳng nghĩ rằng pháp tánh khác với các pháp, cũng chẳng nghĩ rằng pháp nầy có thể được pháp tánh hay chẳng được. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát chẳng thấy dùng pháp nầy có thể được pháp tánh hay chẳng được pháp tánh. Đại Bồ Tát tu tập đúng như đây thời gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, pháp tánh chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với pháp tánh. Đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, nhãn giới chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với nhãn

giới, sắc giới chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với sắc giới, nhãn thức giới chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với nhãn thức giới, nhẫn đến ý giới, pháp giới và ý thức giới chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với ý giới, pháp giới và ý thức giới. Tương ứng không như vậy gọi là tương ứng đệ nhứt. Nầy Xá Lợi Phất! Bồ Tát thật hành pháp không chẳng sa vào hành Thanh Văn, Bích Chi Phật, có thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, chóng được Vô thượng Bồ đề. Nầy Xá Lợi Phất! Trong các môn tương ứng, thời tương ứng với Bát nhã ba la mật là tối đệ nhứt, là tối tôn, tối thắng, tối diệu không có gì trên. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy thật hành tương ứng với Bát nhã ba la mật, chính đó là không, vô tướng, vô tác. Phải biết rằng Bồ Tát nầy như đã được thọ ký hoặc đã gần được thọ ký. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát tương ứng như vậy có thể làm lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh. Đại Bồ Tát nầy cũng chẳng nghĩ rằng ta tương ứng với Bát nhã ba la mật, chư Phật sẽ thọ ký cho ta, ta sẽ gần được thọ ký, ta sẽ thanh tịnh Phật độ, sẽ thành Phật chuyển pháp luân. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy chẳng thấy có pháp nào ra ngoài pháp tánh, cũng chẳng thấy có pháp nào thật hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy có pháp nào được Phật thọ ký, chẳng thấy có pháp nào thành Phật chuyển pháp luân. Tại sao vậy? Vì lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng sanh tướng ngã, tướng chúng sanh nhẫn đến chẳng sanh tướng tri giả, tướng kiến giả. Tại sao vậy? Vì chúng sanh rốt ráo bất sanh bất diệt, chúng sanh không có sanh, không có diệt. Nếu các pháp đã không có tướng sanh diệt thời làm sao lại có pháp thật hành Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Thế nên vì đại Bồ Tát chẳng thấy chúng sanh đó chính là thật hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì chúng sanh là bất thọ, là bất khả đắc, là ly, chính đây là thật hành Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Trong các môn tương ứng của đại Bồ Tát, tương ứng với không là tối đệ nhất. Tương ứng với không đây hơn tất cả các môn tương ứng. Đại Bồ Tát tu tập pháp không như vậy có thể phát sanh đại từ, chẳng sanh những tâm san lẫn, phạm giới, sân

hận, giải đải, tán loạn, vô trí".

*** 4. PHẨM VÃNG SANH THỨ TƯ

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật có thể tu tập tương ứng như vật, những vị ấy từ cõi nào chết rồi sanh đến cõi nầy, từ cõi nầy chết rồi sẽ sanh về đâu?" Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Những đại Bồ Tát ây hoặc từ cõi khác sanh đến cõi nây, hoặc từ cung trời Đâu Suất sanh xuống đây, hoặc có vị vẫn từ nhơn gian sanh trở lại nhơn gian đây. Nầy Xá Lợi Phất! Những Bồ Tát từ cõi khác sanh đến đây mau tương ứng với Bát nhã ba la mật. Vì tương ứng với Bát nhã ba la mật nên khi sanh đến cõi nầy, những pháp thâm diệu đều hiện ra lại tương ứng với Bát nhã ba la mật. Bồ Tát nầy sanh đến đâu cũng thường gặp được chư Phật. Nầy Xá Lợi Phất! Có bực Bồ Tát nhất sanh bổ xứ từ cung trời Đâu Suất sanh xuống đây. Bồ Tát nầy chẳng mất sau môn ba la mật, tùy sanh đến chỗ nào, tất cả môn đà la ni, tất cả môn tam muội đều hiện ra. Nầy Xá Lợi Phất! Có bực Bồ Tát từ nhơn gian sanh trở lại nhơn gian, Bồ Tát nầy căn tánh chậm lụt, trừ bực bất thối chuyển, chẳng thể mau chóng tương ứng với Bát nhã ba la mật, các môn đà la ni, các môn tam muội chẳng thể mau hiện ra. Nầy Xá Lợi Phất! Như lời ông hỏi, đại Bồ Tát tương ứng với Bát nhã ba la mật, từ cõi nầy chết sẽ sanh về đâu? Ông nên biết rằng những đại Bồ Tát nầy từ một Phật độ chết sẽ sanh đến một Phật độ khác, luôn luôn chẳng xa rời chư Phật. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát chẳng dùng phương tiện mà nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền và cũng thật hành sáu ba la mật. Vì đắc thiền nên đại Bồ Tát nầy sanh lên Trường Thọ Thiên. Rồi từ cung trời ấy sanh xuống nhơn gian gặp chư Phật. Hàng Bồ Tát nầy căn tánh không được lanh lẹ. Nầy Xá Lợi Phất! Có

bực đại Bồ Tát nhập sơ thiền đến tứ thiền và cũng thật hành Bát nhã ba la mật, vì chẳng dùng phương tiện nên xả thiền sanh xuống Dục giới. Hàng Bồ Tát nầy căn tánh cũng châm lụt. Nầy Xá Lợi Phất! Có bực đại Bồ Tát chập sơ thiền đến tứ thiền, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập hư không xứ định đến phi phi tưởng xứ định, tu tập tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, thật hành thập lực, đại từ, đại bi. Hàng đại Bồ Tát nầy dùng sức phương tiện chẳng sanh theo sắc thiền, chẳng sanh theo vô lượng tâm, chẳng sanh theo sắc định, mà sanh nơi nào có Phật xuất thế, thường chẳng rời hạnh Bát nhã ba la mật. Bồ Tát nầy sẽ thành Phật trong Hiền kiếp. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát nhập sơ thiền đến tứ thiền, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập hư không xứ định đến phi phi tưởng xứ định. Vì dùng sức phương tiện nên chẳng sanh theo thiền mà sanh trở lại Dục giới để thành tựu chúng sanh. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát nhập sơ thiền đến tứ thiền, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập hư không xứ định đến phi phi tưởng xứ định. Vì dùng sức phương tiện nên chẳng sanh theo thiền mà sanh vào các cõi trời Dục giới, như cõi Tứ Vương hoặc cõi Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa để thành tựu chúng sanh trong các cõi nầy và cũng để thanh tịnh Phật độ, gần gũi chư Phật. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện nhập sơ thiền, ở cõi nầy mạng chung sanh trời Phạm Thiên làm Đại Phạm Vương, rồi đến các Phật độ mới thành Vô thượng Chánh giác mà chưa chuyên pháp luân thời khuyên chuyên pháp luân. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát bực nhứt sanh bổ xứ thật hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện nhập sơ thiền đến tứ thiền, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập hư không xứ định đến phi phi tưởng xứ định, tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, nhập không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, chẳng sanh theo thiền mà sanh nơi có Phật xuất thế, tu phạm hạnh, hoặc sanh cung trời Đâu Suất, lúc mạng chung chẳng mất chánh niệm, đủ thiện căn, cùng vô số trăm ngàn ức vạn chư Thiên cung kính vây quanh đến sanh nơi đây mà được thành Vô thượng Bồ đề Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát được lục

thần thông chẳng sanh Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, mà từ một Phật độ, cung kính cúng dường tôn trọng tán thán chư Phật. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát du hí thần thông từ một Phật độ đến một Phật độ. Nơi nào mà Bồ Tát nầy đến thời không có Thanh Văn và Bích Chi Phật thừa, cũng không có danh từ Nhị thừa. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát du hí thần thông từ một Phật độ đến một Phật độ, chỗ nào có Bồ Tát nầy đến thời cõi đó thọ mạng vô lượng. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát du hí thần thông từ một Phật độ đến một Phật độ, nơi không có Tam Bảo Phật, Pháp và Tăng thời tán thán công đức của Phật, Pháp và Tăng. Chúng sanh nơi đó thời được nghe danh của Phật, của Pháp và của tăng, nên sau khi mạng chung sanh trước chỗ chư Phật. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc sơ phát tâm được sơ thiền đến tứ thiền, được tứ vô lượng tâm, được tứ vô sắc định, tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Bồ Tát nầy không sanh trong tam giới mà thường sanh nơi chúng sanh có lợi ích. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc sơ phát tâm thật hành sáu ba la mật lên ngôi Bồ Tát được bực bất thối chuyển. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc sơ phát tâm bèn được Vô thượng Bồ đề chuyển pháp luân, sau khi đem sự lợi ích cho chúng sanh xong liền nhập Niết Bàn, chánh pháp trụ thế hoặc một kiếp hoặc dưới một kiếp. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc sơ phát tâm liền tương ứng với Bát nhã ba la mật, cùng vô số trăm ngàn ức Bồ Tát từ một Phật độ đến một Phật độ để thanh tịnh Phật độ. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật được tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, rồi du hí trong đó: nhập sơ thiền, xuất sơ thiền, nhập diệt tận định, xuất diệt tận định, nhập nhị thiền nhẫn đến tứ thiền, nhập diệt tận định, xuất diệt tận định, nhập hư không xứ định nhẫn đến phi phi tưởng xứ định, nhập diệt tận định. Đó là đại Bồ Tát dùng sức phương tiện, lúc thật hành Bát nhã ba la mật, nhập siêu việt định. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, tu tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng mà chẳng trụ lấy những quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán,

Bích Chi Phật. Bồ Tát nầy dùng sức phương tiện để độ chúng sanh nên phát khởi bát thánh đạo phần, đem bát thánh đạo phần nầy làm cho chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật. Nầy Xá Lợi Phất! tất cả những quả A La Hán, Bích Chi Phật và trí huệ của các bực nầy đều là vô sanh pháp nhẫn của đại Bồ Tát đây. Nầy Xá Lợi Phất! Phải biết rằng đại Bồ Tát như đây thật hành Bát nhã ba la mật như vậy, an trụ trong bực bất thối chuyển như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát an trụ sáu ba la mật mà trang nghiêm cung trời Đâu Suất. Nên biết đây là Bồ Tát trong Hiền kiếp. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát tu tứ thiền đến mười tám pháp bất cộng mà chưa chứng tứ đế. Nên biết đây là bực Bồ Tát nhứt sanh bổ xứ. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát tu hành đạo Vô thượng Bồ đề trong vô lượng a tăng kỳ kiếp. Có đại Bồ Tát an trụ sáu ba la mật thường siêng tinh tấn lợi ích chúng sanh, chẳng nói bàn đến sự vô ích. Có đại Bồ Tát an trụ sáu ba la mật thường siêng tinh tấn lợi ích chúng sanh, từ một Phật độ đến một Phật độ để dứt diệt ba ác đạo của chúng sanh. Có đại Bồ Tát an trụ sáu ba la mật lấy Đàn na làm đầu để đem sự lợi lạc cho tất cả chúng sanh, ban cho họ những thức ăn uống, y phục, giường phòng, hương hoa, đèn đuốc, châu ngọc, tùy theo chỗ đáng cần dùng mà cung cấp cho chúng sanh. Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật biến thân hình như Phật để vì chúng sanh trong địa ngục, trong súc sanh, trong ngạ quỷ mà thuyết pháp. Có đại Bồ Tát lúc thật hành sáu ba la mật biến thân hình như chư Phật đến khắp mười phương hằng sa thế giới để thuyết pháp cho chúng sanh, cũng để cúng dường chư Phật và nghe Phật pháp, cũng để xem xét lựa lấy những tướng dạnh thanh tịnh tốt đẹp của các cõi nước hầu phát khởi quốc độ của mình cho được siêu thắng, hàng đại Bồ Tát trong đây đều là bực nhứt sanh bổ xứ. Có đại Bồ Tát lúc thật hành sáu ba la mật thành tựu ba mươi hai tướng tốt, sáu căn tịnh lợi. Vì sáu căn của Bồ Tát đây tịnh lợi nên được chúng sanh mến kính. Do chúng sanh đã mến kính, Bồ Tát nầy bèn lần lần đem pháp tam thừa cứu độ họ. Nầy Xá Lợi Phất! Vì cớ trên đây, lúc thật hành Bát nhã ba la mật,

đại Bồ Tát phải học thân thanh tịnh và khẩu thanh tịnh. Có đại Bồ Tát lúc thật hành sáu ba la mật được các căn thanh tịnh vẫn không từ cao, cũng chẳng khinh người. Có đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm an trụ Đàn na ba la mật nhẫn đến bực bất thối chuyển trọn chẳng sa vào ba ác đạo. Có đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm nhẫn đến bực bất thối chuyển thường chẳng bỏ rời hạnh thập thiện. Có đại Bồ Tát an trụ trong Đàn na và Thi la ba la mật mà làm Chuyển Luân Thánh Vương, đặt chúng sanh nơi thập thiện đạo và cũng đem tài vật bố thí cho chúng sanh. Có đại Bồ Tát an trụ trong Đàn na và Thi la ba la mật, trong vô lượng ngàn muôn đời làm Chuyển Luân Thánh Vương, gặp vô lượng ngàn muôn đức Phật và đều cung kính cúng dường tôn trọng tán thán tất cả. Có đại Bồ Tát thường đem chánh pháp để soi sáng cho chúng sanh cũng được lợi ích tự soi sáng, nhẫn đến lúc thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời sự soi sáng đó. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát như vậy đã được tôn trọng ở trong Phật pháp. Thế nên đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, thân, khẩu và ý đều thanh tịnh chẳng để vọng khởi". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh?" Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Nếu đại Bồ Tát nghĩ rằng đây là thân, là khẩu, là ý. Thấy có tướng dạng tác dụng như vậy thời gọi là thân, khẩu, ý bất tịnh. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy có thân, chẳng thấy có khẩu, chẳng thấy có ý. Nếu thấy có thân, khẩu, ý, thời do vì thấy có, nên thân, khẩu, ý có thể sanh những tâm niệm xan tham, phạm giới, sân khuể, giả đãi, tán loạn, ngu si. Phải biết Bồ Tát như đây, lúc thật hành Bát nhã ba la mật, chẳng có thể trừ được thô nghiệp của thân, khẩu và ý". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát dứt trừ thô nghiệp của thân, khẩu và ý?" Đức Phật nói: "Nếu chẳng thấy có thân, khẩu và ý, đại Bồ Tát nầy có thể dứt trừ thô nghiệp của thân, khẩu và ý. Nầy Xá Lợi Phất! Nếu đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm thật hành thập thiện đạo, chẳng móng tâm Thanh Văn, chẳng móng tâm Bích Chi Phật, thời có thể dứt

trừ được thô nghiệp của thân, khẩu và ý. Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật thanh tịnh Phật đạo, mà thật hành Đàn na, Thi na, Sằn đề, Tỳ lê gia và Thiền na ba la mật, Bồ Tát trừ được thô nghiệp của thân, khẩu và ý". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Phật đạo của đại Bồ Tát?" Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Nếu chẳng thấy có thân, khẩu và ý, chẳng thấy có Đàn na, Thi na, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiền na và Bát nhã ba la mật, chẳng thấy có Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật, đây gọi là Phật đạo của đại Bồ Tát. Chính đó có nghĩa là vì tất cả pháp đều bất khả đắc. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành sáu ba la mật không ai có thể phá hoại được. Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! thế nào là đại Bồ Tát lúc thật hành sáu ba la mật không ai phá hoại được?" Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Nếu lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng có sắc, thọ, tưởng, hành và thức, chẳng nghĩ rằng có nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân và ý, chẳng nghĩ rằng có sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, chẳng nghĩ rằng có nhãn giới, nhĩ giới, tĩ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tĩ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới và ý thức giới, chẳng nghĩ rằng có tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo phần, chẳng nghĩ rằng có Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật, chẳng nghĩ rằng có thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, chẳng nghĩ rằng có những quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Vô thượng Bồ đề, thật hành tăng ích sáu ba la mật như vậy thời không ai phá hoại được. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát an trụ trong Bát nhã ba la mật đầy đủ trí huệ, nhờ trí huệ nầy mà không sa vào ác đạo, cũng chẳng sanh vào trong loài người tệ ác, nghèo cùng. Thân thể của Bồ Tát nầy cảm thọ chẳng bị hàng Thiên Nhơn và A tu la chê ghét". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là trí huệ của đại Bồ Tát?" Đức Phật nói: "Nhờ trí huệ ấy mà đại Bồ Tát thấy hằng sa chư Phật

ở mười phương và cũng nghe Phật thuyết pháp cùng thấy Tăng chúng và thấy Phật độ nghiêm tịnh. Do trí huệ ấy mà đại Bồ Tát chẳng có cảm tưởng Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật, Thanh Văn, cũng chẳng có cảm tưởng ngã và quốc độ. Nhờ trí huệ ấy mà đại Bồ Tát thật hành Đàn na đến Bát nhã ba la mật mà chẳng thấy có Đàn na đến Bát nhã ba la mật, thật hành tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng mà chẳng thấy có tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Trên đây gọi là trí huệ của đại Bồ Tát. Nhờ trí huệ ấy mà đại Bồ Tát có thể đầy đủ tất cả pháp mà vẫn không thấy có tất cả pháp. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật thanh tịnh được nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Đây cũng gọi là ngũ nhãn thanh tịnh". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là nhục nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát?" Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát nhục nhãn thấy xa trăm do tuần, có vị thấy toàn thể Diêm Phù Đề, có vị thấy hai thiên hạ hoặc ba bốn thiên hạ, có vị thấy khắp Tiểu Thiên thế giới, có Bồ Tát nhục nhãn thấy suốt Đại Thiên thế giới. Đây là nhục nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát". Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thiên nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát? Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát thiên nhãn thấy như tứ Thiên Vương đã thấy, hoặc như Đao Lợi Thiên, như Dạ Ma Thiên, như Đâu Suất Thiên, như Hóa Lạc Thiên, như Tha Hóa Thiên, như Phạm Thiên Vương nhẫn đến như Sắc Cứu Cánh Thiên đã thấy. Thiên nhãn của đại Bồ Tát lại thấy chúng sanh trong hằng sa thế giới chết nơi đây sanh nơi kia. Chỗ thấy nầy chư Thiên và Tứ Vương đến cõi Sắc Cứu Cánh Thiên chẳng biết, chẳng thấy được và cũng chính là thiên nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát. Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là huệ nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát? Nầy Xá Lợi Phất! Huệ nhãn của đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng có những pháp là hữu vi, là vô vi, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu lậu, là vô lậu, mà không pháp nào chẳng thấy, không pháp nào chẳng nghe, không pháp nào chẳng hay, không pháp nào chẳng biết. Đây là huệ nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát. Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là pháp nhãn thanh tịnh của đại

Bồ Tát? Nầy Xá Lợi Phất! Do nơi pháp nhãn, đại Bồ Tát biết người nầy là tùy tín hành, người nầy là tùy pháp hành, người nầy là vô tướng hành, cũng biết người nầy tu môn không giải thoát, người nầy tu môn vô tướng giải thoát, người nầy tu môn vô tác giải thoát, người nầy được ngũ căn, do được ngũ căn mà được vô gián tam muội. do được vô gián tam muội mà được trí giải thoát, do được trí giải thoát mà dứt trừ tam kiết, là thấy có ngã, nghi ngờ và giới thủ, người nầy được gọi là quả Tu Đà Hoàn. Bồ Tát cũng biết người nầy được tư duy đạo làm mỏng bớt tham sân si, được quả Tư Đà Hàm, người nầy tăng tấn tư duy đạo dứt tham sân si Dục giới, được quả A Na Hàm, người nầy tăng tấn tư duy đạo dứt tham sân si mạn Sắc giới và Vô sắc giới, được quả A La Hán. Bồ Tát cũng biết người nầy tu môn giải thoát không vô tướng, vô tác được ngũ căn, được vô gián tam muội mà được trí giải thoát, do trí giải thoát biết rõ bao nhiêu phiền não nghiệm nhơn tích tập đều là pháp tịch diệt, được quả Bích Chi Phật. Pháp nhãn thanh tịnh của Bồ Tát thấy như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Do nơi pháp nhãn, đại Bồ Tát biết người nầy sơ phát tâm bồ đề thật hành sáu ba la mật thành tựu tín căn và tinh tấn căn, người nầy thiện căn thuần hậu, vì dùng sức phương tiện mà thọ thân để lợi ích chúng sanh: hoặc sanh lòng Sát Đế Lợi, hoặc sanh dòng Bà La Môn, hoặc sanh dòng Cư Sĩ, hoặc sanh cõi trời Tứ Vương, trời Đau Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa, luôn giáo hóa thành tựu chúng sanh và cấp thí cho họ đầy đủ mọi thứ cần dùng, đồng thời thanh tịnh Phật độ, cung kính cúng dường chư Phật mãi đến đạo Vô thượng Bồ đề chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Pháp nhãn thanh tịnh của Bồ Tát thấy biết như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Do nơi pháp nhãn, đại Bồ Tát biết vị Bồ Tát nầy thối chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ đề, vị Bồ Tát nầy không thối chuyển, vị Bồ Tát nầy đã được thọ ký làm Phật, vị Bồ Tát nầy chưa được thọ ký, vị Bồ Tát nầy đã đến bực bất thối chuyển, vị Bồ Tát nầy chưa đến bực bất thối chuyển, cũng biết vị Bồ Tát nầy đầy đủ thần thông bay đến mười phương hằng sa thế giới, cung kính cúng dường chư Phật, cũng biết

vị nầy chưa được thần thông rồi sẽ được thần thông, cũng biết vị nầy thanh tịnh Phật độ, vị nầy chưa thanh tịnh Phật độ, vị nầy thành tựu chúng sanh, vị nầy chưa thành tựu chúng sanh, vị nầy được chư Phật khen ngợi, vị nầy chưa được chư Phật khen ngợi, vị nầy hầu hạ chư Phật, vị nầy không hầu hạ gần chư Phật, vị nầy thọ mạng vô lượng, vị nầy thọ mạng hữu lượng, vị Bồ Tát nầy lúc thật hành Phật chúng Tỳ Kheo hữu lượng, vị nầy chúng Tỳ Kheo vô lượng, vị nầy lúc thật hành Phật dùng Bồ Tát làm Tăng, vị nầy không dùng Bồ Tát làm Tăng, vị nầy tu khổ hạnh khó làm, vị nầy không tu khổ hạnh khó làm, vị nầy là nhứt sanh bổ xứ, vị nầy chưa nhứt sanh bổ xứ, vị nầy thọ thân tối hậu, vị nầy chưa thọ thân tối hậu, vị nầy ngồi đạo tràng, vì nầy không thể ngồi đạo tràng, vị nầy có phá ma, vì nầy không có ma. Những sự thấy biết nầy là pháp nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát. Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Phật nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát? Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát từ nơi tâm cầu Phật đạo tuần tự nhập Kim cang tam muội được nhứt thiết chủng trí, bấy giờ thành tựu thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, đại từ, đại bi. Dùng nhứt thiết chủng trí, trong tất cả pháp, không pháp nào chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng hay, chẳng biết. Nên biết đây là Phật nhãn thanh tịnh lúc đại Bồ Tát được Vô thượng Bồ đề. Nầy Xá Lợi Phất! Muốn được ngũ nhãn thời phải học Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì trong sáu ba la mật nhiếp tất cả thiện pháp, những là Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ Tát pháp và Phật pháp. Nầy Xá Lợi Phất! Nếu có thiệt ngữ có thể nhiếp tất cả thiện pháp, thời chính đó là Bát nhã ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Bát nhã ba la mật hay phát sanh ngũ nhãn. Bồ Tát học ngũ nhãn thời được Vô thượng Bồ đề. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật tu thần thông ba la mật, do đây được những sự như ý. Như là chấn động đại địa, biến một thân làm vô số thân, vô số thân hoàn lại một thân, hoặc ẩn hoặc hiện đều tự tại, đi qua núi vách cây đá không chướng ngại như đi trong hư không, đi trên mặt nước như đi trên đất bằng, đi trong không gian như chim bay, vào ra trong đất

đá như trồi hụp trong nước, trong thân tuôn lửa, tuôn nước như đống lửa to, như nguồn suối trên núi tuyết, có thể lấy tay rờ mặt nhựt, mặt nguyệt, có thể rờ đến Phạm Thiên, thân thể luôn được tự tại. Dầu hiện những thần thông như ý mà đại Bồ Tát nầy chẳng thấy có thần thông, chẳng thấy có sự thần thông cũng chẳng thấy có thân, tất cả đều bất khả đắc, vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh. Thế nên đại Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng ta được như ý thần thông, trừ khi vì tâm nhứt thiết trí. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát được như ý thần thông trí chứng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Vì thiên nhĩ thanh tịnh hơn nhơn nhĩ, Bồ Tát nầy nghe hai thứ tiếng: tiếng của cõi trời và tiếng của loài người. Dầu như vậy nhưng Bồ Tát nầy cũng chẳng thấy có thiên nhĩ thần thông. Thiên nhĩ cùng âm thanh và thân mình đều bất khả đắc. Vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ Tát chẳng nghĩ rằng ta có thiên nhĩ, trừ khi vì tâm nhứt thiết trí. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật Bồ Tát nầy được thiên nhĩ thần thông trí chứng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nầy biết đúng như thiệt tâm của những chúng sanh khác. Nếu là dục tâm, sân tâm, si tâm, khác ái tâm, thọ tâm, tán tâm, loạn tâm, tiểu tâm, bất giải thoát tâm, hữu thượng tâm, thời Bồ Tát nầy biết đúng là dục tâm nhẫn đến biết đúng là hữu thượng tâm. Nếu là ly dục tâm, ly sân tâm, ly si tâm, vô khác ái tâm, vô thọ tâm, nhiếp tâm, định tâm, đại tâm, giải thoát tâm, vô thượng tâm, thời Bồ Tát nầy biết là đúng là tâm ly dục nhân đến biết đúng là tâm vô thượng. Dầu biết đúng như thiệt nhưng Bồ Tát nầy chẳng thấy có những tâm ấy. Tại sao vậy? Vì tâm ấy chẳng phải có thiệt tâm tướng, vốn là chẳng thể nghĩ bàn. Vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng ta được tha tâm trí chứng, trừ ki vì tâm nhứt thiết trí. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát nầy được tha tâm thần thông trí chứng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát dùng túc mạng trí chứng thần thông nhớ một ngày, một tháng, một năm, một kiếp nhẫn đến nhớ vô số trăm ngàn muôn ức kiếp ta ở chỗ đó, tên họ đó, sanh hoạt ăn uống như vậy, sống bao lâu, bị khổ hưởng vui như vậy, từ chỗ

đó chết sanh đến chỗ kia, từ chỗ kia chết sanh đến chỗ đó, có tướng dạng, có nhơn duyên như vậy nhưng Bồ Tát nầy chẳng thấy có túc mạng thần thông, chẳng thấy có sự túc mạng thần thông và thân mình. Tất cả đều bất khả đắc. Vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng ta có túc mạng thần thông, trừ lúc vì tâm nhứt thiết trí. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát nầy được túc mạng thần thông trí chứng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nầy dùng thiên nhãn thấy những chúng sanh lúc sau, lúc tử thân đẹp hay xấu, chỗ ở tốt hay xấu, hoặc thân lớn hoặc thân nhỏ, cũng thấy chúng sanh theo nhơn duyên của nghiệp, có những chúng sanh vì thân khẩu ý ác nghiệp thành tựu nên hủy báng hiền thánh, do nhân duyên tà kiến mà khi chết phải đọa ác đạo sanh trong địa ngục, có những chúng sanh thân, khẩu, ý thiện nghiệp thành tựu mà kính tin hiền thánh, do nhân duyên chánh kiến mà khi chết được vào thiện đạo sanh lên các cõi trời. dầu thấy biết như vậy mà Bồ Tát nầy chẳng thấy có thiên nhãn thần thông cùng sự thiên nhãn thần thông và thân mình. Tất cả đều bất khả đắc. Vì là tự tánh không, tự tánh lý, tự tánh vô sanh nên Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng ta có thiên nhãn thần thông, trừ lúc vì tâm nhất thiết trí. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát nầy được thiên nhãn thần thông trí chứng như vậy. Bồ Tát nầy cũng thấy rõ chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương chết đây sanh kia nhẫn đến sanh lên các cõi trời, tất cả bốn thần thông đều có công năng thâu suốt như vậy. Đây là lậu tận thần thông của Bồ Tát. Dầu được lậu tận thần thông mà Bồ Tát nầy chẳng sa vào hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, mãi đến quả vô thượng Bồ đề vẫn chẳng y cú pháp nào khác ngoài Bát nhã ba la mật. Bồ Tát nầy cũng chẳng thấy có lậu tận thần thông cùng sự lậu tận thần thông và thân mình. Tất cả đều bất khả đắc. Vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ tát nầy chẳng nghĩ ta được lậu tận thần thông, trừ lúc vì nhất thiết trí. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát nầy được lậu tận thần thông trí chứng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ thần

thông ba la mật, do đây mà quả vô thượng Bồ đề được tăng ích. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Đàn na ba la mật để thanh tịnh nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, chẳng sanh tâm xan lẫn vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Thi la ba la mật để thanh tịnh nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, chẳng dích mắc nơi có tội cùng chẳng có tội vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Sằn đề ba la mật để thanh tịnh nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, chẳng sân hận vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Tỳ lê gia ba la mật để thanh tịnh nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, thân tâm luôn tinh tấn, chẳng trễ lười thôi nghĩ vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Thiền na ba la mật để thanh tịnh nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, chẳng loạn động, chẳng say sưa thiền vị vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Bát nhã ba la mật để thanh tịnh nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, chẳng sanh tâm ngu su vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát lúc thật hành bát nhã ba la mật an trụ trong sáu ba la mật như vậy để thanh tịnh nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, vì chẳng đến chẳng đi, vì chẳng thí chẳng thọ, vì chẳng phải giới cấm chẳng phải phạm tội, vì chẳng phải nhẫn chẳng phải sân, vì chẳng phải siêng năng chẳng phải lười, vì chẳng định chẳng loại, vì chẳng trí chẳng ngu vậy. Bấy giờ đại Bồ Tát chẳng phân biệt bố thí cùng chẳng bố thí, chẳng phân biệt trì giới cùng phạm giới, chẳng phân biệt nhẫn nhục cùng sân khuể, chẳng phân biệt tinh tấn cùng giải đãi, chẳng phân biệt định tâm cùng loại tâm, chẳng phân biệt trí tuệ cùng ngu si, chẳng phân biệt hủy hại khinh mạn cùng cung kính tôn trọng. Tại sao vậy? Vì trong pháp vô sanh chẳng có ai lãnh thọ sự hủy hoại, không có ai lãnh thọ sự khinh mạn hay cung kính. Nầy Xá Lợi Phất! Thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát dược những công đức như vậy. hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật không có được

những công đức nầy. Do đây đại Bồ Tát đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được nhất thiết chủng trí. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, ở trong tất cả chúng sanh đại Bồ Tát sanh tâm bình đẳng. Đã sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, Bồ Tát được pháp bình đẳng. Đã được tất cả pháp bình đẳng, Bồ Tát đặt để tất cả chúng sanh trong pháp bình đẳng đó. Đại Bồ Tát nầy hiện đời được chư Phật mười phương yêu mến, cũng được tất cả Bồ Tát, Bích Chi Phật, Thanh Văn kính mến. Bất luận thọ sanh ở chỗ nào, đại Bồ Tát nầy, trong nhãn căn thẳng thấy có sắc cũng chẳng ái sắc, nhẫn đến trong ý căn chẳng biết có pháp cũng chẳng ái pháp. Nầy Xá Lợi Phất!? Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật như vậy chăng tôn giảm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc đức Phật giảng thuyết phẩm Bát nhã ba la mật, trong pháp hội có ba trăm Tỳ Kheo đứng dậy dâng y cúng dường đức Phật và phát tâm Vô thượng Bồ đề. Đức Phật mỉm cười, từ miệng Phật chiếu ra những ánh sáng nhiều màu. Ngài A Nan liền đứng dậy sửa y phục quỳ gối chắp tay bạch đức Phật hỏi duyên cớ mà đức Phật mỉm cười. Đức Phật nói: "Nầy A Nan! Sáu mươi mốt kiếp sau, ba trăm Tỳ Kheo nầy sẽ thành Phật hiệu là Đại Tướng. Sau khi bỏ thân nầy, ba trăm Tỳ Kheo đây sẽ sanh về cõi nước của đức Phật A Súc, cùng với sáu vạn thiên tử Dục giới đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề, sẽ xuất gia tu hành Phật đạo trong chánh pháp của đức Phật Di Lặc. Bây giờ do oai thần của Phật mà hàng tứ chúng trong pháp hội thấy ngàn đức Phật ở mỗi phương trong mười phương, quốc độ trong mười phương ấy đều nghiêm tịnh hơn cõi Ta Bà nầy. Có mười ngàn người phát nguyện tu tịnh hạnh để sanh về thế giới của chư Phật đó. Đức Phật biết tâm nguyện của chúng thiện nam tử nầy nên lại mỉm cười, từ miệng Phật phóng ra những ánh sáng. Ngài A Nan bạch đức Phật hỏi duyên cớ. Đức Phật nói mười ngàn người ấy sẽ sanh về các thế giới mười phương, mãi không rời chư Phật. Sau đây sẽ đều thành Phật, đồng hiệu là Trang Nghiêm Vương Như Lai.

*** 5. PHẨM TÁN THÁN BA LA MẬT THỨ NĂM

Bấy giờ các Ngài Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Diếp cùng chúng đại Tỳ Kheo, chúng đại Bồ Tát, chúng Ưu Bà Tắc, chúng Ưu Bà Di đứng dậy quỳ gối chấp tay thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Ma ha ba la mật là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát. Tôn ba la mật, đệ nhứt ba la mật, thắng ba la mật, diệu ba la mật, vô thượng ba la mật, vô đẳng ba la mật, vô đẳng đẳng ba la mật, như hư không ba la mật đều là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát. Bạch đức Thế Tôn! Tự tướng không ba la mật, tự tánh không ba la mật, chư pháp không ba la mật, vô pháp hữu pháp không ba la mật, khai nhứt thiết công đức ba la mật, thành tựu nhứt thiết công đức ba la mật, bất khả hoại ba la mật đều là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật nầy làm vô đẳng đẳng bố thí, đầy đủ vô đẳng đẳng Đàn na ba la mật, được vô đẳng đẳng thân và vô đẳng đẳng pháp, đây chính là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Đàn na ba la mật, năm ba la mật kia cũng vậy. Đức Thế Tôn cũng vốn đã thật hành Bát nhã ba la mật nầy mà đầy đủ sáu ba la mật, được vô đẳng đẳng pháp được vô đẳng đẳng sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thành Phật chuyên vô đăng đăng pháp luân. Quá khứ chư Phật cũng thật hành bát nhã ba la mật nầy mà đầy đủ vô đẳng đẳng bố thí nhẫn đến chuyển vô đẳng đẳng pháp luân. Vị lai chư Phật cũng thật hành Bát nhã ba la mật nầy sẽ đầy đủ vô đẳng đẳng bố thí nhẫn đến sẽ chuyển vô đẳng đẳng pháp luân. Vì thế nên chư đại Bồ Tát muốn vượt đến tất cả pháp bỉ ngạn phải thật hành Bát nhã ba la mật. Bạch đức Thế Tôn! Tất cả thế gian, hàng Trời, Người và A tu la đều phải lễ kính cúng dường đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật. Đức Phật nói: "Đúng như vậy! Đúng như vậy! Nầy các thiện nam tử! Tất cả thế gian hàng Trời, Người và A tu la đều phải lễ kính cúng dường người thật

hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì nhơn nơi Bồ Tát nầy qua lại mà thế gian xuất sanh các thiện đạo như loài Người, loài Trời từ Tứ Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên, cũng xuất sanh Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật và chư Phật. Nhơn nơi Bồ Tát nầy qua lại mà thế gian xuất sanh những thứ cần dùng như đồ uống ăn, y phục, đèn đuốc, phòng nhà , châu báu. Nầy Xá Lợi Phất! Tất cả những thứ vui thích của thế gian hoặc là dục lạc hay ly dục lạc trong nhơn gian hay trên các cõi trời đều là do Bồ Tát nầy mà có. Tại sao vậy? Vì lúc thật hành Bồ Tát đạo, đại Bồ tát nầy an trụ nơi sáu ba la mật, tự làm bố thí cũng đem sự bố thí để thành tựu chúng sanh, nhẫn đến tự làm Bát nhã ba la mật và cũng đem Bát nhã ba la mật để thành tựu chúng sanh. Nầy Xá Lợi Phất! Thế nên vì an lạc tất cả chúng sanh mà đại Bồ Tát xuất hiện thế gian vậy.

*** 6. PHẨM TƯỚNG LƯỠI THỨ SÁU

Bấy giờ đức Thế Tôn hiện tướng lưỡi rộng dài trùm khắp Đại Thiên thế giới. Từ nơi tướng lưỡi phóng ra vô số ánh sáng, vô lượng màu chiếu suốt hằng sa thế giới ở mười phương. Đông phương, trong hằng sa thế giới có vô lượng vô số Bồ Tát thấy ánh sáng nầy đều bạch hỏi đức Phật của mình về ánh sáng ấy. Chư Phật bảo đó là từ tướng lưỡi của đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai ở Ta Bà thế giới phương Tây phóng ra ánh sáng ấy để vì chư đại Bồ Tát mà thuyết Bát nhã ba la mật. Như phương Đông chín phương kia chư Bồ Tát bạch hỏi và chư Phật giải đáp cũng vậy. Chư Bồ Tát ở mười phương đều bạch cùng đức Phật của mình cầu được đến Ta Bà để kính lễ Thích Ca Mâu Ni Phật cùng gặp gỡ chư đại Bồ Tát và nghe Bát nhã ba la mật. Chư Phật đều bằng lòng. Chư Bồ Tát ở mười phương đem theo những hoa báu, hương báu, tràng phan bửu cái,

vàng bạc, châu ngọc đến Ta Bà thế giới. Chư Thiên ở cõi Tứ Vướng đến Sắc Cứu Cánh Thiên cũng đem những hoa trời, hương trời, cây trời, lá trời cùng nhiều loại hoa sen cõi trời, đồng đến chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật. Những hoa của chư đại Bồ Tát và của Chư Thiên rải cúng dường đều dừng ở không gian hóa thành đài báu có bốn trụ nhiều màu sắc rất trang nghiêm. Trong chúng hội của Thích Ca Mâu Ni Phật có mười vạn ức người đều đứng dậy chấp tay thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đời vị lai, chúng tôi cũng sẽ được những pháp như Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng hội đệ tử và thuyết pháp cũng vậy". Vì biết đại chúng nầy chí tâm nơi pháp bất sanh, bất diệt, bất xuất, bất tác đã được pháp nhẫn nên đức Phật mỉm cười, từ miệng đức Phật phóng ra những ánh sáng nhiêu màu. Ngài A Nan bạch Phật hỏi duyên cớ. Đức Phật nói: "Nầy A Nan! Mười vạn ức người nầy đã được vô sanh nhẫn, sáu mươi tám ức kiếp sau sẽ được thành Phật nơi kiếp Hoa Tích, đồng hiệu là Giác Hoa Như Lai" .

*** 7. PHẨM TAM GIẢ THỨ BẢY

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ông nên dạy chư đại Bồ tát về Bát nhã ba la mật đúng như chư đại Bồ Tát đáng phải thành tựu". Liền đó toàn thể chúng hội Bồ Tát, Thanh Văn, chư Nhơn, Thiên đều nghĩ rằng Ngài Tu Bồ Đề sẽ tự dùng trí tuệ của Ngài hay là nương thần lực của đức Phật mà giảng thuyết Bát nhã ba la mật cho chư đại Bồ Tát? Biết quan niệm của chúng hội, Ngài Tu Bồ Đề nói với Ngài Xá Lợi Phất: "Phàm hàng Thanh Văn đệ tử có thuyết pháp, có giáo thọ đều là nương thần lực của đức Phật cả". Lời của Phật giảng dạy chẳng trái với pháp tướng, như ngọn đèn sáng. Các thiện nam tử tu học theo pháp ấy được chứng pháp ấy. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật thiệt không có khả năng giảng thuyết Bát nhã ba la mật cho chư đại Bồ Tát. Ngài Tu Bồ

Đề bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Chư Bồ Tát đã nói đó, pháp gì gọi là Bồ Tát? Chúng con chẳng thấy pháp chính xác nào gọi là Bồ Tát, thời thế nào dạy Bồ Tát về Bát nhã ba la mật? Đức Phật nói: “Nầy Tu Bồ Đề! thật ra chỉ có danh tự gọi là Bát nhã ba la mật. Bồ Tát cùng tên Bồ Tát cũng chỉ có danh tự mà thôi. Danh tự nầy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như nói ngã, chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, tri giả, kiến giả, tác giả, khởi giả, đều là những pháp do hoà hiệp mà có. Những tên gọi đây vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Cũng vậy Bát nhã ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát đều do hòa hiệp mà có, cũng vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Ví như thân thể do hòa hiệp mà có, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng do hòa hiệp mà có, đều là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Bát nhã ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát cũng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn giới, nhĩ giới nhẫn đến ý thức giới, tất cả thập nhị xứ cùng thập bát giới ấy, đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Những thứ ấy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian. Cũng vậy, Bát nhã ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian, Nầy Tu Bồ Đề! Ví như nội thân gọi là đầu, cổ, vai, cánh, lưng, hông, vế, chân, ngoại vật gọi là cỏ, cây, nhánh, lá, cọng, mắt, đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, cũng chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian. Bát nhã ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát cũng như vậy, đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như danh hiệu của chư Phật quá khứ do hòa hiệp mà có, cũng là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự để nói, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian. Bát nhã ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát cũng như vậy. Ví như bóng vang,

mộng ảo, diệm hóa đều do hòa hiệp mà có, chỉ dùng danh tự để nói, những thứ ấy cùng danh tự vốn là bất sanh, bất diệt, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải trung gian. Bát nhã ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát cũng như vậy, đều do hòa hiệp mà có, là bất sanh, bất diệt, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian. Nầy Tu Bồ Đề! Phải học tập như vầy: Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, danh tự của Bát nhã ba la mật cùng sự nhẫn thọ Bát nhã ba la mật và chính pháp Bát nhã ba la mật đều là giả thi thiết cả. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy sắc danh tự cùng thọ, tưởng, hành, thức danh tự là thường, là vô thường, là khổ, là lạc, là ngã, là vô ngã, là câu, là tịnh, cũng chẳng thấy danh tự năm uẩn nầy là không, là vô tướng, là vô tác, là tịch diệt, là sanh, là diệt, là ở trong, ở ngoài, ở trung gian. Như năm uẩn, nhãn căn, sắc trần, nhãn thức, nhãn xúc sanh ra những cảm thọ, nhẫn đến ý căn, pháp trần, ý thức, ý xúc cùng nhơn duyên của ý xúc sanh ra những cảm thọ cũng vậy. Đại Bồ Tát đều chẳng thấy là thường, là vô thường nhẫn đến chẳng thấy ở trung gian. Tại sao vậy? Vì lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát ở trong tánh hữu vi, trong tánh vô vi đều không thấy Bát nhã ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát. Đối với những pháp nầy, đại Bồ Tát chẳng móng niệm phân biệt. Thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nầy an trụ trong bất hoại pháp, lúc tu tứ niệm xứ cho đến lúc tu mười tám pháp bất cọng, chẳng thấy Bát nhã ba la mật cùng danh tự của Bát nhã ba la mật chẳng thấy Bồ Tát cùng danh tự của Bồ Tát. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chỉ biết thiện tướng của các pháp. Thiệt tướng nầy là chẳng cấu, chẳng tịnh. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật đại Bồ Tát phải biết danh tự là giả thi thiết. Đã biết danh tự là giả thi thiết rồi thời chẳng chấp trước nơi sắc, thọ tưởng, hành, thức, chẳng chấp trước nơi nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng chấp trước nơi nhãn giới đến ý thức giới, chẳng chấp trước nơi nhãn xúc cùng nhơn duyên của xúc đến ý xúc cùng nhơn duyên của ý xúc sanh ra sự cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc bất khổ, bất lạc, chẳng

chấp trước tánh hữu vi, tánh vô vi, chẳng chấp trước Đàn na, Thi la, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiền na và Bát nhã ba la mật, chẳng chấp trước ba mươi hai tướng, chẳng chấp trước thân Bồ Tát, chẳng chấp trước nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn, chẳng chấp trước trí ba la mật, thần thông ba la mật, chẳng chấp trước nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng chấp trước thành tựu chúng sanh, chẳng chấp trước thanh tịnh Phật độ? , chẳng chấp trước pháp phương tiện. Tại sao vậy? Vì những pháp nầy đều là rỗng không nên chẳng có người chấp trước, chẳng có pháp bị chấp trước, chẳng có chỗ chấp trước. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng chấp trước tất cả pháp bèn tăng ích sáu ba la mật lên bực Bồ Tát bất thối chuyển, đủ đại thần thông đến Phật độ nầy đến Phật độ kia để cúng dường chư Phật, độ thoát chúng sanh, thanh tịnh Phật quốc, cũng để nghe chư Phật thuyết pháp. Nghe xon nhớ mãi đến lúc thành Vô thượng Bồ đề vẫn chẳng quên, được những môn đà la ni cùng những môn tam muội. Thế nên đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật phải biết rõ các pháp danh tự là giả thi thiết. Nầy Tu Bồ Đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có phải là Bồ Tát chăng? Không phải. Bạch đức Thế Tôn! Nầy Tu Bồ Đề! Nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn thức, nhĩ thức, tĩ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức có phải là Bồ Tát chăng? Không phải. Bạch đức Thế Tôn! Nầy Tu Bồ Đề! Địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng, thức chủng có phải là Bồ Tát chăng? Không phải. Bạch đức Thế Tôn! Nầy Tu Bồ Đề! Vô minh, hành thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, tử có phải là Bồ Tát chăng? Không phải. Bạch đức Thế Tôn! Nầy Tu Bồ Đề! Như như tướng của ngũ uẩn nhẫn đến như như tướng của thập nhị nhơn duyên có phải là Bồ Tát chăng? Không phải. Bạch đức Thế Tôn! Nầy Tu Bồ Đề! Rời ngoài như như tướng ấy có phải là Bồ Tát chăng? Không phải. Bạch đức Thế Tôn! Nầy Tu Bồ Đề! Ông thấy nghĩa gì mà cho rằng tất cả những pháp kể trên và ly những pháp ấy không phải là Bồ Tát như vậy? Bạch đức Thế Tôn! Chúng sanh

còn rốt ráo bất khả đắc huống lại là Bồ Tát. Sắc còn bất khả đắc huống là sắc hay rời sắc là Bồ Tát, huống là như như tướng của sắc hay rời như như tướng của sắc là Bồ Tát. Nhẫn đến thập nhị nhơn duyên hay rời thập nhị nhơn duyên là Bồ Tát, huống là như như tướng hay rời như như tướng của thập nhị nhơn duyên là Bồ Tát. Lành thay, lành thay! Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Vì đại Bồ Tát và chúng sanh bất khả đắc nên Bát nhã ba la mật cũng bất khả đắc. Cần phải học như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có phải là nghĩa của Bồ Tát chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không phải. Nầy Tu Bồ Đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thường vô thường, lạc, khổ, ngã vô ngã có phải là nghĩa của Bồ Tát chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không phải. Nầy Tu Bồ Đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không phi không, tướng? Vô tướng, tác vô tác có phải là nghĩa của Bồ Tát chăng? Nhẫn đến lão, tử cũng như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Không phải. Nầy Tu Bồ Đề! Ông thấy những nghĩa gì mà cho rằng ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên không phải nghĩa của Bồ Tát, ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên, thường vô thường nhẫn đến tác vô tác đều không phải nghĩa của Bồ Tát? Bạch đức Thế Tôn! Ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên còn rốt ráo bất khả đắc huống lại là nghĩa của Bồ Tát. Ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên, thường đến vô tác còn rốt ráo bất khả đắc huống lại là nghĩa của Bồ Tát. Lành thay, lành thay! Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, nghĩa của sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhân đến nghĩa vô tác đều bất khả đắc. Phải học Bát nhã ba la mật như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Ông nói rằng ông không thấy có pháp chính xác nào gọi là Bồ Tát. Phải biết rằng các pháp chẳng thấy các pháp. Các pháp chẳng thấy pháp tánh. Pháp tánh cũng chẳng thấy các pháp. Pháp tánh chẳng thấy địa chủng, địa chủng chẳng thấy pháp tánh, nhẫn đến thức chủng cũng như vậy. Pháp tánh chẳng thấy nhãn và sắc cùng nhãn thức tánh nhẫn đến ý thức tánh, nhãn sắc, nhãn thức tánh nhẫn đến ý thức tánh cũng chẳng thấy pháp tánh. Nầy Tu Bồ Đề! Hữu vi tánh chẳng thấy vô vi tánh, vô vi tánh cũng chẳng thấy hữu vi tánh. Tại sao vậy? Vì rời

hữu vi chẳng thể nói vô vi, rời vô vi chẳng thể nói hữu vi. Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật đối với các pháp đều không chỗ thấy. Bấy giờ Bồ Tát không kinh sợ, chẳng hối tiếc, tâm cũng chẳng trầm một. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy chẳng thấy ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới nhẫn đến chẳng thấy thập nhị nhơn duyên, chẳng thấy ngã chúng sanh nhẫn đến tri giả, kiến giả, chẳng thấy Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, chẳng thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng thấy Bồ Tát và pháp của Bồ Tát, chẳng thấy Phật, Phật pháp và Phật đạo. Vì tất cả pháp đều chẳng thấy nên Bồ Tát chẳng kinh sợ, chẳng hối tiếc, chẳng trầm một. Bạch đức Thế Tôn! Do cớ gì mà tâm của Bồ Tát nầy chẳng hối tiếc, chẳng trầm một? Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả tâm và tâm sở của đại Bồ Tát đều bất khả đắc và chẳng thể thấy. Vì thế nên tâm của Bồ Tát chẳng trầm một, chẳng hối tiếc. Bạch đức Thế Tôn! Do cớ gì mà tâm của Bồ Tát chẳng kinh sợ? Nầy Tu Bồ Đề! Ý và ý thức của Bồ Tát nầy đều bất khả đắc và chẳng thể thấy. Vì thế nên Bồ Tát chẳng kinh, chẳng sợ. Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Vì tất cả pháp bất khả đắc nên đại Bồ Tát phải thật hành Bát nhã ba la mật. Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả nơi chỗ đại Bồ Tát chẳng Bát nhã ba la mật, chẳng thấy Bồ Tát, chẳng thấy danh dự Bồ Tát, cũng chẳng thấy tâm Bồ Tát. Đây chính là dạy hàng đại Bồ Tát.

*** 8. PHẨM KHUYẾN HỌC THỨ TÁM

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn đầy đủ Đàn na ba la mật thời phải học Bát nhã ba la mật, muốn đầy đủ Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn biết ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, muốn biết nhãn xúc cùng nhãn xúc làm nhơn duyên sanh ra thọ, nhẫn

đến ý xúc làm nhơn duyên sanh ra thọ, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn dứt tam, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, giới thủ, các thứ tâm sở phiền não, thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn dứt tứ phược, tứ kiến, tứ điên đảo, thời phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn biết thập thiện, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, đều phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn nhập giác ý tam muội, muốn nhập lục thần thông, muốn nhập cửu thứ đệ định, muốn nhập siêu việt tam muội, đều phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn được sư tử du hí tam muội, sư tử phấn tấn tam muội, muốn được tất cả môn đà la ni, muốn được thủ lăng nghiêm tam muội, bửu ân tam muội, diệu nguyệt tam muội, nguyệt tràng tướng tam muội, nhứt thiết pháp ấn tam muội, quán ấn tam muội, tất pháp tánh tam muội, tất trụ tướng tam muội, như kim cang tam muội, nhập nhứt thiết pháp môn tam muội, tam muội vương tam muội, vương ấn tam muội, tịnh lực tam muội, cao xuất tam muội, tất nhập nhứt thiết biện tài tam muội, nhập chư pháp danh tam muội, quán thập phương tam muội, chư đà la ni môn ấn tam muội, nhật thiết pháp bất vong tam muội, nhiếp nhứt thiết pháp tụ ấn tam muội, hư không trụ tam muội, tam phần thanh tịnh tam muội, bất thối thần thông tam muội, xuất bát tam muội, chư tam muội tràng tướng tam muội, đều phải học Bát nhã ba la mật. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn thỏa mãn nguyện vọng của tất cả chúng sanh thời phải học Bát nhã ba la mật. Muốn được đầy đủ những thiện căn sau đây: thường chẳng đọa vào ác đạo, chẳng sanh nhà ti tiện, chẳng ở trong hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng sa vào Bồ Tát đảnh, thời phải học Bát nhã ba la mật". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là sa vào Bồ Tát đảnh?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu đại Bồ Tát chẳng dùng pháp phương tiện mà thật hành sáu ba la mật nhập không, vô tướng vô tác tam muội, chẳng sa vào hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng chẳng nhập Bồ Tát vị, đây gọi là đại Bồ Tát pháp ái sanh, vì thế nên sa vào Bồ Tát đảnh". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào gọi là Bồ Tát sanh?" Ngài Tu Bồ

Đề nói: “Sanh gọi là pháp ái”. Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Những gì là pháp ái?” Ngài Tu Bồ Đề nói: “Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không, là vô tướng, là vô tác, là tịch diệt, là vô thường, là khổ, là vô ngã, Bồ Tát nhẫn thọ ghi nhớ nắm giữ nơi đây, thời gọi là thuận đạo pháp ái sanh. Đây là khổ phải biết, đây là tập phải dứt, đây là diệt phải chứng, đây là đạo phải tu pháp nầy cấu, pháp nầy tịnh, nên gần pháp nầy, chẳng nên gần pháp nầy, chỗ nầy nên làm, chỗ nầy chẳng nên làm, đây là Bồ Tát đạo, đây chẳng phải Bồ Tát đạo, đây là chỗ học của Bồ Tát, đây chẳng phải chỗ học của Bồ Tát, đây là Đàn na ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật của Bồ Tát, đây chẳng phải sáu pháp ba la mật của Bồ Tát, đây là phương tiện của Bồ Tát, đây chẳng phải phương tiên của Bồ Tát, đây là chỗ thành thục của Bồ Tát, đây chẳng phải chỗ thành thục của Bồ Tát. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát nhẫn thọ ghi nhớ nắm giử những pháp trên đây thời gọi là thuận đạo pháp ái sanh”. Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là Bồ Tát bất sanh?” Ngài Tu Bồ Đề nói: “Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, trong nội không chẳng thấy ngoại không, trong ngoại không chẳng thấy nội không, trong ngoại không chẳng thấy nội ngoại không, trong nội ngoại không chẳng thấy ngoại không, trong nội ngoại không chẳng thấy không không, trong không không chẳng thấy nội ngoại không, trong đại không chẳng thấy không không, trong đại không chẳng thấy đệ nhứt nghĩa không, trong đệ nhứt nghĩa không chẳng thấy đại không, trong đệ nhứt nghĩa không chẳng thấy hữu vi không, trong hữu vi không chẳng thấy đệ nhứt nghĩa không, trong hữu vi không chẳng thấy vô vi không, trong vô vi không chẳng thấy hữu vi không, trong vô vi không chẳng thấy tất cánh không, trong tất cánh không chẳng thấy vô vi không, trong tất cánh không chẳng thấy vô thỉ không, trong vô thỉ không chẳng thấy tất cánh không, trong vô thỉ không chẳng thấy tán không, trong tán không chẳng thấy vô thỉ không, trong tán không chẳng thấy tánh không, trong tánh không chẳng thấy tán không, trong tánh không chẳng thấy chư pháp không, trong chư

pháp không chẳng thấy tánh không, trong chư pháp không chẳng thấy tự tướng không, trong tự tướng không chẳng thấy chư pháp không, trong tự tướng không chẳng thấy vô sở đắc không, trong vô sở đắc không chẳng thấy tự tướng không, trong vô sở đắc không chẳng thấy vô pháp không, trong vô pháp không chẳng thấy vô sở đắc không, trong vô pháp không chẳng thấy hữu pháp không, trong hữu pháp không chẳng thấy vô pháp không, trong hữu pháp không chẳng thấy vô pháp hữu pháp không,? trong vô pháp hữu pháp không chẳng thấy hữu pháp không. Như trên đây là Bồ Tát bất sanh, là được nhập Bồ Tát vị. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn học Bát nhã ba la mật phải học thế nầy: Chăng nghĩ nhớ ngũ uân, thập nhị xứ, thập bát giới, chăng nghĩ nhớ sáu ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Lúc được những tâm nầy, tâm vô đẳng đẳng, đại tâm, đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật chẳng nên nghĩ nhớ, chẳng nên tự đắc. Tại sao vậy? Vì tâm nầy chẳng phải tâm, vì tâm tướng vốn là thường tịnh vậy". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là tâm tính thường thanh tịnh?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Bồ Tát biết rõ tâm tướng cùng với tham, sân, si, tất cả kiết sử, phiền não vốn chẳng hiệp, chẳng lý nhau, với tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật vốn chẳng hiệp, chẳng lý nhau. Đây gọi là Bồ Tát tâm tướng thường thanh tịnh". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Có cái tâm không tâm tướng nầy chăng?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Trong tâm không tướng nầy có thể được những tướng hữu tâm cùng tướng vô tâm chăng?" Ngài Xá Lợi Phất nói: "Chẳng thể được". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu là chẳng thể được thời chẳng nên hỏi có cái tâm không tâm tướng chăng". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những gì là không tâm tướng?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Với các pháp, chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, đây gọi là không tâm tướng". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Chỉ có tâm nầy chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, còn sắc nhẫn đến Phật đạo có là cũng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt chăng?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu có thể biết tam tướng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, thời cũng có thể biết sắc nhẫn đến Phật đạo cũng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt". Ngài Xá Lợi Phất tán thán: "

Lành thay, lành thay! Tu Bồ Đề là chơn Phật tử từ miệng Phật mà sanh, từ thấy pháp mà sanh, từ pháp hóa sanh, lấy được pháp phần, chẳng lấy tài phần. Trong chánh pháp tự tin thân được chứng. Đúng như lời đức Phật từng khen ông là bực nhứt trong những người được vô tránh tam muội. Đại Bồ Tát phải học Bát nhã ba la mật như vậy. Trong đây cũng phải biết rõ Bồ Tát đúng như lời ông đa nói mà thật hành, thời chẳng rời Bát nhã ba la mật. Những thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn học bực Thanh Văn cũng phải nghe Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành. Người muốn học bực Bích Chi Phật cũng phải nghe Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thật hành. Người muôn học bực Bồ Tát cũng phải nghe Bát nhã ba la mật đê thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nói rộng về tam thừa, nên Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật đều phải học".

*** 9. PHẨM TẬP TÁN THỨ CHÍN

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng cảm thấy cũng chẳng được gì là Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật thời sẽ vì ai mà giảng thuyết Bát nhã ba la mật? Bạch đức Thê Tôn! Con chăng thây được tât cả các pháp tập hợp rời tan, nếu con vì Bồ Tát mà gọi tên là Bồ Tát có thể con sẽ hối hận. Bạch đức Thế Tôn! Tên gọi ấy chẳng an trụ cũng chẳng phải chẳng an trụ. Tại sao vậy? Vì tên gọi vốn vô sở hữu. Vì thế tên gọi ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được sắc nhẫn đến thức, nhãn nhẫn đến ý, sắc nhẫn đến pháp, nhãn thức nhẫn đến ý thức, nhãn xúc nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, con cũng chẳng thấy được vô minh nhẫn đến lão tử hợp tan, vô minh diệt nhẫn đến lão tử hợp tan, vô minh diệt nhẫn đến lão tử diệt hợp tan. Nếu đã là chẳng thấy được thời thế nào lại đặt

tên. Thế nên tên gọi chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Tại sao vậy? Vì tên gọi vô sở hữu vậy. Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được tham, sân, si các phiền não, kiết sử hợp tan, chẳng thấy được sáu ba la mật đến mười tám pháp bất cộng tập hợp rời tan, thời thế nào sẽ đặt tên gọi là Bồ Tát. Tên gọi nầy chẳng an trụ chẳng phải chẳng an trụ. Tại sao vậy? Vì tên gọi vô sở hữu vậy. Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được ngũ ấm hợp tan như mộng, như bóng, như vang, như dương diệm, như biến hóa. Con chẳng được rời hợp tan, cùng tịch diệt, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh hợp tan. Con chẳng được pháp tánh, thiệt tế, pháp tướng, pháp vị hợp tan. Con chẳng được những pháp thiện, pháp bất thiện hợp tan. Con chẳng được những pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu hợp tan. Con chẳng được những pháp quá khứ, vị lai, hiện tại hợp tan. Con chẳng được những pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại hợp tan. Những gì là pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại? Chính là pháp vô vi vậy. Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được pháp vô vi hợp tan. Chẳng thấy được Phật hợp tan, cũng chẳng thấy được hằng sa Phật quốc, chư Phật và Bồ Tát cùng Thanh Văn, Bích Chi Phật hợp tan. Vì đều vô sở hữu nên chẳng trụ, chẳng phải chẳng trụ. Như thế thời thế nào sẽ có thể giáo Bồ Tát về Bát nhã ba la mật. Bạch đức Thế Tôn! Danh tự Bồ Tát đây chẳng an trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ. Tại sao vậy? Vì danh tự nầy vô sở hữu vậy, thế nên chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ. Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được chư pháp thiệt tướng hợp tan thời thế nào đặt tên cho Bồ Tát mà gọi là Bồ Tát. Danh tự thiệt tướng của các pháp chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì danh tự nầy vô sở hữu. Thế nên danh tự chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ. Bạch đức Thế Tôn! Các pháp do nhơn duyên hòa hiệp mà có giả danh thi thiết. Danh tự Bồ Tát trong ngũ ấm, thập nhị xứ, thập bát giới nhẫn đến trong mười tám pháp bất cộng đều bất khả thuyết, ở trong pháp hòa hiệp cũng là bất khả thuyết. Ví như mộng, ảnh, hưởng, diệm, hóa trong các pháp, đều bất khả thuyết. Ví như danh tự hư không, địa, thủy, hỏa, phong cũng

chỉ có thể nói trong không có pháp. Danh tự của giới, tam muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, danh tự của Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật cũng chỉ có thể nói trong không có pháp. Danh tự của Phật, của Pháp cũng chỉ có thể nói trong không có pháp. những pháp là thiện, bất thiện, thường vô thường, khổ, lạc, ngã vô ngã, tịch diệt, ly, hữu, vô . Bạch đức Thế Tôn! Vì thế nên lòng con sẽ hối hận nếu con đạt danh tự Bồ Tát mà gọi là Bồ Tát, vì tướng hợp tan của tất cả pháp đều bất khả đắc. Danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì là vô sở hữu vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nghe nói tướng và nghĩa của Bát nhã ba la mật như vậy mà tâm chăng trâm một, chăng hôi tiêc, chăng kinh, chăng sợ, thời phải biết Bô Tát nầy quyết định an trụ trong tánh bất thối chuyển, vì chẳng an trụ nơi các pháp vậy. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn thật hành Bát nhã ba la mật, chẳng nên an trụ trong ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, chẳng nên an trụ trong sáu đại chủng, thập nhị nhơn duyên. Tại sao vậy? Vì sắc và sắc tướng là không nhẫn đến lão tử và tướng lão tử là không. Sắc không nhẫn đến lão tử không chẳng gọi là sắc nhẫn đến chẳng gọi là lão tử. rời ngoài không cũng không có sắc, nhẫn đến rời ngoài không cũng không có lão tử. Sắc tức là không, không tức là sắc. Nhẫn đến lão tử tức là không, không tức là lão tử. Vì lẽ trên đây nên lúc muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong săc, nhân đên chăng nên an trụ trong lão tử. Chăng nên an trụ trong tứ niệm xứ nhẫn đến chẳng nên an trụ trong mười tám pháp bất cộng. Tại sao vậy? Vì tứ niệm xứ và tướng của tứ niệm xứ là không. Tứ niệm xứ không chẳng gọi là tứ niệm xứ, rời ngoài không cũng không có tứ niệm xứ. Tứ niệm xứ tức là không, không tức là tứ niệm xứ. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên ai trụ trong sáu ba la mật. Tại sao vậy? Vì sáu ba la mật và tướng của sáu ba la mật là không. Sáu ba la mật không chẳng gọi là sáu ba la mật. rời ngoài không cũng chẳng có sáu ba la mật. Sáu ba la mật tức là không,

không tức là sáu ba la mật. Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong nhứt tự môn, nhị tự môn nhẫn đến vô lượng tự môn. Vì ý nghĩa cũng như trên đã nói. Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong các môn thần thông. Vì ý nghĩa cũng như trên đã nói. Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong sắc là vô thường, sắc là khổ, sắc là vô ngã, sắc là không, sắc là tịch diệt, là ly. Tại sao vậy? Vì vô thường và tướng vô thường là không. Vô thường không chẳng gọi là vô thường, rời ngoài không cũng chẳng có vô thường. Vô thường tức là không, không tức là vô thường. Khổ, vô ngã không tịch diệt và ly cũng như vậy. Nhẫn đến thọ, tưởng, hành, thức là ly, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ cũng như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong như như. Tại sao vậy? Vì như tướng là không nên chẳng gọi như như, rời ngoài không cũng chẳng có như như. Như tức là không, không tức là như. Bạch đức Thế Tôn! Muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thiệt tế. Tại sao vậy? Vì thiệt tế và thiệt tế tướng là không. Thiệt tế không chẳng gọi là thiệt tế, rời ngoài không cũng chẳng có thiệt tế. Thiệt tế tức là không, không tức là thiệt tế. Bạch đức Thế Tôn! Muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bát nhã ba la mật chẳng nên an trụ trong tất cả môn đà la ni, môn tam muội. Tại sao vậy? Vì tướng của đà la ni và tam muội là không. Đã là không thời chẳng gọi là môn đà la ni môn tam muội. Rời ngoài không cũng chẳng có môn đà la ni, môn tam muội. Môn đà la ni và môn tam muội tức là không, không tức là môn đà la ni và môn tam muội. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn thật hành Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện nên an trụ trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì có tâm chấp ngã nên Bồ Tát nầy sanh khởi sắc hành. Nếu đã sanh khởi hành thời chẳng nhẫn thọ Bát nhã ba la mật và cũng chẳng đầy đủ Bát nhã ba la mật. Vì chẳng đầy đủ Bát nhã ba la mật nên chẳng thành tựu

được nhứt thiết chủng trí. Như ngũ uẩn, thập nhị xứ đến tam muội môn cũng như vậy. Do tâm ngô ngã mà Bồ Tát sanh khởi tam muội môn hành. Vì có hành nên chẳng nhẫn thọ và chẳng đầy đủ Bát nhã ba la mật, do đây nên chẳng thành tựu được nhất thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì sắc đến tam muội môn vốn chẳng thọ nhận. Vì chẳng thọ nhận nên sắc chẳng phải sắc, đến tam muội môn, chẳng phải tam muội môn, vì là tánh không. Bát nhã ba la mật cũng chẳng thọ nhận, thế nên chẳng phải Bát nhã ba la mật, vì là tánh không. Vì thế nên muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải quán các pháp tánh không, quán tâm không hành xứ. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thọ nhận, công dụng tam muội quảng đại nầy chăng cùng chung với hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Nhứt thiết chủng trí đây cũng chẳng thọ nhận, vì là nội không, vì là ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhứt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không. Tại sao vậy? Vì nhứt thiết chủng trí chẳng thể dùng tướng và hành mà có thể được tướng hành. Vì tướng hành là cấu tướng. Những gì là cấu tướng? Sắc tướng đến tam muội môn tướng gọi là tướng cấu uế. Nếu nhẫn thọ, nếu tu hành cấu tướng nầy mà có thể được nhứt thiết chủng trí thời phạm chí Tiên Ni tất chẳng phát tín tâm. Tin thế nào? Tin Bát nhã ba la mật. Suy gâm phân biệt rõ biết chăng do pháp hữu tướng, chẳng do pháp vô tướng. Như thế, phạm chí Tiên Ni chẳng chấp lấy tướng mà an trụ. Trong tín hành, phạm chí Tiên Ni dùng tín không trí nhập trong pháp tướng, chẳng nhẫn thọ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì các pháp vốn tự tướng không nên chẳng thể nhẫn thọ. Phạm chí Tiên Ni nầy do chẳng phải nội quán, ngoại quán và nội ngoại quán mà được trí tuệ nầy. Cũng do chẳng phải là không trí huệ quán nên được trí huệ nầy. Tại sao vậy? Phạm chí nầy chẳng thấy có pháp, vì người trí biết pháp, biết xứ vậy. Chẳng phải ở trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải ở ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà

phạm chí nầy được trí, cũng chẳng ở trong nội ngoại sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà được trí huệ nầy, cũng chẳng phải rời ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà được trí tuệ nầy, vì nội ngoại không vậy. Ở trong đây phạm chí Tiên Ni tâm được tín giải nơi nhứt thiết trí. Thế nên phạm chí tin thiệt tướng của các pháp, vì tất cả các pháp bất khả đắc. Tín giải như vậy rồi thời không có pháp để có thể nhẫn thọ, vì các pháp không tướng, không ức niệm. Nơi các pháp, phạm? chí Tiên Ni cũng vô sở đắc, không thủ, không xả, vì thủ xả đều bất khả đắc vậy. Phạm chí Tiên Ni cũng chẳng niệm trí huệ, vì các pháp tướng vôn vô niệm vậy. Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát vì Bát nhã ba la mật chẳng phải Bát nhã ba la mật vậy. Đại Bồ Tát chẳng nhân thọ săc, thọ, tưởng, hành, thức, vì tất cả các pháp chẳng nhẫn thọ vậy. Nhẫn đến chẳng thọ tam muội môn, vì tất cả pháp chẳng thọ vậy. Ở trong đây, Bồ Tát nầy cũng chẳng lấy Niết Bàn niệm xứ, vì chưa đầy đủ tứ niệm xứ nhẫn đến chưa đầy đủ mười tám pháp bất cộng. Tứ niệm xứ nầy chẳng phải tứ niệm xứ, nhẫn đến mười tám pháp bất cộng chẳng phải pháp bất cộng. Những pháp nầy chẳng phải pháp, cũng không chẳng phải pháp. Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát chẳng thọ sắc, nhẫn đến chẳng thọ pháp bất cộng. Bạch đức Thế Tôn! Muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải tư duy như vầy: Gì là Bát nhã ba la mật? Tại sao gọi là Bát nhã ba la mật? Bát nhã ba la mật của ai? Nếu thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nên nghĩ nhớ răng nêu các pháp vô sở hữu bất khả đắc thời là Bát nhã ba la mật". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những pháp gì vô sở hữu bất khả đắc?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Bát nhã ba la mật là pháp vô sở hữu bất khả đắc, Thiền na, Tỳ lê gia, Sằn đề, Thi la, Đàn na ba la mật là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhứt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô sở hữu bất khả đắc, nhẫn

đến vô pháp hữu pháp không là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Tứ niệm xứ đến bất cộng pháp là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Các môn thần thông cùng như như pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, pháp trụ và thiệt tế đều là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Nầy Xá Lợi Phất! Phật cùng nhứt thiết trí, nhứt thiết chủng trí là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Vì là nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Nếu lúc tư duy như vậy, quán sát như vậy, đại Bồ Tát tâm chẳng trầm một, chẳng hối tiếc, chẳng khinh, chẳng sợ, phải biết đại Bồ Tát nầy chẳng rời hạnh Bát nhã ba la mật". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà biết Bồ Tát chẳng rời hạnh Bát nhã ba la mật?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc rời sắc tánh, nhẫn đến thức rời thức tánh. Sáu ba la mật rời sáu ba la mật tánh, nhẫn đến thiệt tế rời thiệt tế tánh". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là sắc tánh đến thiệt tế tánh?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vô sở hữu là sắc tánh, nhẫn đến vô sở hữu là thiệt tế tánh. Vì duyên cớ nầy nên biết rằng sắc rời sắc tánh nhẫn đến thiệt tế rời thiệt tế tánh. Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Sắc cũng rời sắc tướng, nhẫn đến thiệt tế cũng rời thiệt tế tướng. Tướng cũng rời tướng, tánh cũng rời tánh". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Nếu học như vậy, đại Bồ Tát được nhứt thiết chủng trí chăng?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Nếu đại Bồ Tát học như vậy thời thành tựu nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì các pháp chẳng sanh khởi, chẳng thành tựu vậy". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Duyên cớ gì các pháp chăng sanh, chăng thành?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì sắc tức là sắc không, nhẫn đến vì thiệt tế là thiệt tế không nên sắc sanh thành bất khả đắc, nhẫn đến thiệt tế sanh thành bất khả đắc. Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Học như vậy, đại Bồ Tát lần lần gần nhứt thiết chủng trí, lần lần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh và tướng thanh tịnh. Vì được thân và tâm cùng tướng thanh tịnh nên đại Bồ Tát nầy chẳng phát sanh những tâm phiền não, tham, sân, si, mạn, xan tà kiến. Vì chẳng phát sanh tâm phiền não nên Bồ Tát nầy chẳng sanh từ bụng người mẹ mà thường hóa sanh từ một Phật quốc đến một Phật quốc để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, mãi đến khi thành Vô thượng Bồ đề trọn

chẳng lúc nào rời chư Phật. Đại Bồ Tát phải học và hành Bát nhã ba la mật như vậy".

*** 10. PHẨM HÀNH TƯỚNG THỨ MƯỜI

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát nếu không phương tiện mà muốn thật hành Bát nhã ba la mật, nếu duyên nơi sắc, nếu duyên nơi thọ, tưởng, hành, thức, thời là hành tướng, nêu duyên nơi săc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay khổ, hoặc hữu hay không, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc ly, hoặc tịch diệt, đây đều là hành tướng cả. Nếu đại Bồ Tát không phương tiện mà duyên nơi tứ niệm xứ, nhẫn đến duyên nơi mười tám pháp bất cộng, đây là hành tướng. Nếu thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nghĩ rằng: Tôi có thật hành Bát nhã ba la mật, đây là hành tướng. Hoặc lại nghĩ rằng có thể thật hành như vậy thời là tu hành Bát nhã ba la mật, đây cũng là hành tướng. Nên biết đại Bồ Tát nầy không có phương tiện mà thật hành Bát nhã ba la mật. Ngài Tu Bồ Đề lại nói với Ngài Xá Lợi Phất: "Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát phân biệt duyên nơi săc, vì vấn đề săc mà khởi hạnh. Nêu vì vấn đề săc mà khởi hạnh, thời chẳng thể thoát ly sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não và khổ quả đời sau. Như sắc với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Như ngũ ấm với lục căn, lục trần, thập bát giới với tứ niệm xứ, nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng vậy. Nếu đại Bồ Tát phân biệt duyên nơi pháp bất cộng, vì vấn đề pháp bất cộng mà khởi hạnh thời chẳng thể thoát ly sanh, lão, bịnh, tử, ưu bi, khổ não và quả khổ đời sau Bồ Tát như đây còn chẳng thể chứng bực Thanh Văn, Bích Chi Phật huống là có thể được Vô thượng Bồ đề. Nên biết Bồ Tát như vậy là không phương tiện mà thật hành Bát nhã ba la mật". Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

“Thế nào biết rằng đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật mà có phương tiện?” Ngài Tu Bồ Đề nói: “Lúc muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng duyên nơi sắc, chẳng duyên nơi thọ, tưởng, hành, thức, chẳng duyên nơi tướng của sắc, chẳng duyên nơi tướng của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng duyên nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường, là vô thường, là lạc, là khổ, là ngã, là vô ngã, là không, là vô tướng, là vô tác, là ly, là tịnh diệt. Với tất cả, đại Bồ Tát đều chẳng duyên. Tại sao vậy? Nầy Xá Lợi Phất! Sắc không đây thời chẳng phải sắc, rời ngoài không cũng chẳng có sắc, rời ngoài sắc cũng chẳng có không, sắc tức là không, không tức là sắc. thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nhân đến mười tám pháp bất cộng, pháp bất cộng không thời là chẳng phải pháp bất cộng, rời không chẳng có pháp bất cộng, rời pháp bất cộng cũng chẳng có không, pháp bất cộng tức là không, không tức là pháp bất cộng. Nên biết đây là đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật có phương tiện vậy. Thật hành Bát nhã ba la mật mà có phương tiện như vậy, đại Bồ Tát nầy có thể được Vô thượng Bồ đề. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nầy chẳng nhận lấy thật hành, chẳng nhận lấy chẳng thật hành, chẳng nhận lấy thật hành chẳng thật hành, cũng chẳng nhận lấy chẳng phải thật hành chẳng phải chẳng thật hành. Chẳng nhận lấy, cũng chẳng nhận lấy”. Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Duyên cớ gì mà đại Bồ Tát chẳng nhận lấy?” Ngài Tu Bồ Đề nói: “Vì tự tánh bất khả đắc nên chẳng nhận lấy. Tại sao vậy? Vì không có tánh, chính đó là Bát nhã ba la mật. Thế nên đại Bồ Tát với tất cả đều chẳng nhận lấy. Với chẳng nhận lấy, cũng chẳng nhận lấy. Tại sao vậy? Vì pháp tánh là vô sở hữu nên chẳng duyên nơi pháp, cũng chẳng nhận lấy các pháp tướng. Đây gọi là tác dụng quảng đại của chư pháp vô sở thọ tam muội của đại Bồ Tát. Tam muội chẳng cùng chung với hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đại Bồ Tát thường thật hành tam muội nầy mà chẳng rời thời mau được Vô thượng Bồ đề”. Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Chỉ chẳng rời tam muội nầy mà đại Bồ Tát mau được Vô thượng Bồ đề, hay là còn những tam muội khác?” Ngài Tu Bồ Đề

nói: “Những tam muội sau đây cũng làm cho đại Bồ Tát mau được Vô thượng Bồ đề. Như là thủ lăng nghiêm tam muội, bửu ấn tam muội, sư tử du hí tam muội, diệu nguyệt tam muội, nguyệt tràng tướng tam muội, xuất chư pháp ấn tam muội, quán đảnh tam muội, tất pháp tánh tam muội, tất tràng tướng tam muội, kim cang tam muội, nhập pháp ấn tam muội, tam muội vương an lập tam muội, vương ấn tam muội, phóng quang tam muội, lực tấn tam muội, xuất sanh tam muội, tất nhập biện tài tam muội, nhập danh tự tam muội, quán phương tam muội, đà la ni ấn tam muội, bất vong tam muội, nhiếp chư pháp hải ấn tam muội, biến phú hư không tam muội, kim cang luân tam muội, bửu đoạn tam muội, năng chiêu diệu tam muội, bất câu tam muội, tam muội vô xứ trụ tam muội, vô tâm tam muội, tịnh đăng tam muội, vô biên minh tam muội, năng tác minh tam muội, phổ chiếu minh tam muội, kiên tịnh chư tam muội tam muội, vô cấu minh tam muội, tác nhạc tam muội, điển quang tam muội, vô tịnh tam muội, oai đức tam muội, ly tận tam muội, bất động tam muội, trang nghiêm tam muội, nhựt quang tam muội, nguyệt tịnh tam muội, tịnh minh tam muội, tác hành tam muội, tri tướng tam muội, như kim cang tam muội, tâm trụ tam muội, biến chiếu tam muội, an lập tam muội, bửu đảng tam muội, diệu pháp ấn tam muội, pháp đẳng tam muội, lập sanh hỉ tam muội, đáo pháp đảnh tam muội, năng tán tam muội, hoại chư pháp xứ tam muội, tự đẳng tướng tam muội, ly tự tam muội, đoạn duyên tam muội, bất hoại tam muội, vô chủng tướng tam muội, vô xứ hành tam muội, ly ám tam muội, vô khứ tam muội, độ duyên tam muội, tập chư đức tam muội, trụ vô tâm tam muội, tịnh diệu hoa tam muội, giác ý tam muội, vô lượng biện tam muội, vô đẳng đẳng tam muội, độ chư pháp tam muội, phân biệt chư pháp tam muội, tán nghi tam muội, vô trụ xứ tam muội, nhứt tướng tâm muội, bất nhứt hạnh tam muội, diệu hạnh tam muội, đạt nhứt thiết hữu để tán tam muội, nhập ngôn ngữ tam muội, ly âm thanh tự ngữ tam muội, nhiên cự tam muội, tịnh tướng tam muội, phá tướng tam muội, nhứt thiết chủng như túc tam muội, bất hỷ khổ lạc tam muội,

bất tận hành tam muội, đà la ni tam muội, thủ chư tà chánh tướng tam muội, diệt tắng ái tam muội, nghịch thuận tam muội, tịnh quang tam muội, kiên cố tam muội, mãn nguyệt tịnh quang tam muội, đại trang nghiêm tam muội, năng chiếu nhứt thiết thế tam muội, đẳng tam muội, vô tránh hạnh tam muội, vô trụ xứ lạc tam muội, như trụ định tam muội, hoại thân tam muội, hoại ngữ như hư không tam muội, ly trước như hư không bất nhiễn tam muội. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thật hành các môn tam muội trên đây cùng vô lượng vô số môn tam muội môn đà la ni đều có thể mau được Vô thượng Bồ đề". Thuận theo ý của đức Phật, Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nên biết rằng chư đại Bồ Tát thật hành các môn tam muội nầy, thời đã được chư Phật quá khứ thọ ký. Chư Phật hiện tại ở mười phương cũng thọ ký cho đại Bồ Tát nầy. Chư đại Bồ Tát nầy chẳng thấy, chẳng nghĩ những tam muội ấy, cũng chẳng nghĩ rằng tôi sẽ nhập, đương nhập, hay đã nhập những tam muội ấy. Chư đại Bồ Tát nầy hoàn toàn không có quan niệm phân biệt". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Đại Bồ Tát an trụ nơi những tam muội nầy, có phải đã được thọ ký từ chư Phật quá khứ chăng?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Không phải. Tại sao vậy? Nầy Xá Lợi Phất! Bát nhã ba la mật chẳng khác những tam muội, . Những tam muội chẳng khác Bát nhã ba la mật. Bồ Tát chẳng khác Bát nhã ba la mật và tam muội. Bát nhã ba la mật và tam muội chẳng khác Bồ Tát. Bát nhã ba la mật tức là tam muội. Tam muội tức là Bát nhã ba la mật. Bồ Tát tức là Bát nhã ba la mật và tam muội. Bát nhã ba la mật và tam muội tức là Bồ Tát". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Nếu tam muội chẳng khác Bồ Tát, Bồ Tát chẳng khác tam muội, tam muội tức là Bồ Tát, Bồ Tát tức là tam muội, thời Bồ Tát thế nào biết tất cả pháp là tam muội?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Lúc Bồ Tát nhập tam muội nầy chẳng nghĩ rằng tôi dùng pháp nầy để nhập tam muội nầy. Do duyên cớ đây nên đối với các tam muội, Bồ Tát chẳng biết, chẳng nhớ". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Tại sao chẳng biết, chẳng nhớ ?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì các tam muội vô sở hữu nên Bồ Tát chẳng biết, chẳng nhớ". Đức Phật khen: "Lành thay, lành thay! Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như

lời của Phật từng nói, ông là người thật hành vô tránh tam muội đệ nhứt được tương ứng với nghĩa nầy. Đại Bồ Tát phải y theo nghĩa nầy mà học sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát học như vậy có phải là học Bát nhã ba la mật chăng?" Đức Phật nói: "Đại Bồ Tát học như vậy chính là học Bát nhã ba la mật bì pháp ấy là bất khả đắc. Cũng chính là học năm ba la mật kia cùng tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, vì pháp ấy là bất khả đắc vậy". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật như vậy, có phải pháp ấy là bất khả đắc chăng?" Đức Phật nói: "Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật như vậy, pháp ây là bất khả đắc". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì là bất khả đắc?" Đức Phật nói: "Ngã là bất khả đắc, nhẫn đến tri giả, kiến giả là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Ngũ ấm, thập nhị xứ, thập bát giới là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tứ đế, thập nhị nhơn duyên là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng là vô sở đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Sáu ba la mật là vô sở đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật là vô sở đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là rốt ráo thanh tịnh?" Đức Phật nói: "Chăng xuất, chăng sanh, không được, không làm, đây gọi là rốt ráo thanh tịnh". Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát học như vậy, đó là học những pháp gì ? Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát học như vậy, với các pháp là vô sở học. Tại sao vậy? Nầy Xá Lợi Phất! Các pháp tướng chẳng phải như chỗ chấp trước của kẻ phàm phu. Bạch đức Thế Tôn! Các pháp thiệt tướng thế nào có ? Nầy Xá Lợi Phất! Các pháp vô sở hữu. Hữu như vậy, vô sở hữu như vậy, nơi sự nầy mà chẳng biết thời gọi là vô minh. Bạch đức Thế Tôn! Những gì là vô sở hữu, nơi sự nầy chẳng biết nên gọi là vô minh? Nầy Xá Lợi Phất! Ngũ ấm đến thập bát giới là vô sở hữu, tứ niệm xứ đến pháp bất

cộng là vô sở hữu. Tại sao vậy? Vì là nội không, nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vậy. Ở trong đây, vì sức vô minh làm cho khát ái nên kẻ phàm phu vọng thấy phân biệt. Đây gọi là vô minh. kẻ phàm phu nầy bị nhị biên trói buộc nên chẳng biết, chẳng thấy các pháp vô sở hữu. Do đây mà nhớ tưởng phân biệt chấp trước nơi sắc, nhẫn đến pháp bất cộng. Nơi pháp vô sở hữu, vì chấp trước nên người nầy sanh ra sự phân biệt biết và thấy. Đây là kẻ phàm phu chẳng biết, chẳng thấy. Chẳng thấy, chẳng biết những gì ? Chẳng thấy, chẳng biết sắc, nhẫn đến chẳng thấy, chẳng biết pháp bất cộng. Do cớ nầy mà sa vào hàng phàm phu như trẻ nít. Người nầy chẳng ra khỏi. Chẳng ra khỏi chỗ nào? Chẳng ra khỏi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, chẳng ra khỏi trong pháp của Thanh Văn, Bích Chi Phật. Người nầy cũng chẳng tin. Chẳng tin những gì ? Chẳng tin sắc không, nhẫn đến chẳng tin pháp bất cộng không. Người nầy cũng chẳng an trụ. Chẳng an trụ nơi đâu? Chẳng an trụ nơi lục ba la mật, chẳng an trụ bực bất thối chuyển, nhẫn đến chẳng an trụ pháp bất cộng. Do duyên cớ nầy mà gọi là phàm phu như trẻ nít. Cũng gọi là kẻ chấp trước. Chấp trước những gì ? Chấp trước sắc, nhẫn đến ý thức giới, chấp trước tham, nhẫn đến tà kiến, chấp trước tứ niệm xứ, nhẫn đến Phật đạo. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát học như vậy, có phải cũng là chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được nhứt thiết chủng trí chăng? Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát học như vậy cũng là chăng học Bát nhã ba la mật, chăng được nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy không phương tiện nên nghĩ tưởng phân biệt chấp trước Bát Nhã, Thiền na, Tỳ lê gia, Sằn đề, Thi la và Đàn na ba la mật, nhẫn đến nghĩ tưởng, phân biệt, chấp trước pháp bất cộng và nhứt thiết chủng trí. Vì duyên cớ nầy nên đại Bồ Tát học như vậy cũng là chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được nhứt thiết chủng trí. Bạch đức Thế Tôn! Nếu như vậy thời đại Bồ Tát phải học Bát nhã ba la mật như thế mới là học Bát nhã ba la mật được nhứt thiết chủng trí? Nầy Xá Lợi Phất! Lúc học Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát chẳng thấy Bát nhã ba la mật thời là học Bát nhã ba la mật được nhứt thiết

chủng trí, vì bất khả đắc vậy. Bạch đức Thế Tôn! Tại sao gọi là bất khả đắc? Nầy Xá Lợi Phất! Vì tất cả pháp nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vậy".

*** 11. PHẨM ẢO HỌC THỨ MƯỜI MỘT

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu sẽ có người hỏi rằng: Ảo nhơn học Bát nhã ba la mật nhân đến Đàn na ba la mật, ảo nhơn học tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng có được nhứt thiết chủng trí chăng? Thời con sẽ phải giải đáp thế nào?" Đức Phật nói: "nầy Tu Bồ Đề! Phật hỏi lại ông, tùy ý ông đáp lời Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Sắc với ảo có khác nhau chăng? Thọ, tưởng, hàng, thức với ảo có khác nhau chăng?" Bạch đức Thế Tôn! Không khác. Nầy Tu Bồ Đề! Nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn giới đến ý thức giới củng cới ảo có khác nhau chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không khác. Nầy Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng với ảo có khác nhau chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không khác nhau. Nầy Tu Bồ Đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với ảo có khác nhau chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không khác. Tại sao vậy? Vì sắc chăng khác ảo, ảo chăng khác săc, săc tức là ảo, ảo tức là sắc. Nhẫn đến vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng khác ảo ảo chẳng khác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là ảo, ảo tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nầy Tu Bồ Đề! Ảo có cấu, có tịnh chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Ngày Tu Bồ Đề! Ảo có sanh, có diệt chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu ảo chẳng sanh, chẳng diệt, ảo nầy có thể học Bát nhã ba la mật sẽ được nhứt thiết chủng trí chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Ngũ ấm giả danh có sanh, diệt, cấu, tịnh chăng? Bạch đức Thế Tôn! Phải.

Nầy Tu Bồ Đề! Ngũ ấm giả danh có sanh, diệt, cấu, tịnh chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu những pháp chỉ có danh tự, chẳng phải thân, ngữ, ý, chẳng phải thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, thời có thể học Bát nhã ba la mật được nhứt thiết chủng trí chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát có thể học Bát nhã ba la mật như vậy thời sẽ được nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì vô sở đắc vậy. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát phải như vậy mà học Bát nhã ba la mật được Vô thượng Bồ đề như ảo nhơn học. Tại sao vậy? Nên biết rằng ngũ ấm tức là ảo nhơn, ảo nhơn tức là ngũ ấm. Nầy Tu Bồ Đề! Ngũ âm ấy học Bát nhã ba la mật được nhứt thiết củng trí chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Vì ngũ ấm nầy tánh vô sở hữu. Tánh vô sở hữu cũng là bất khả đắc. Nầy Tu Bồ Đề! Ngũ ấm như mộng, như ảnh, như hưởng, như dương diệm, như biến hoá, học Bát nhã ba la mật sẽ được nhứt thiết chủng trí chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Vì mộng tánh nhẫn đến biến hóa tánh vô sở hữu. Tánh vô sở hữu cũng là bất khả đắc. Lục tình cũng như vậy. Ngũ ấm tức là lục tình, lục tình tức là ngũ ấm. Vì những pháp ấy tức là nội không, nhẫn đến vô pháp hữu pháp không nên bất khả đắc. Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát mới phát tâm nghe nói Bát nhã ba la mật có kinh sợ rụt rè chăng? Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát mới phát tâm đối với Bát nhã ba la mật, nếu không phương tiện cũng chăng gặp được bực thiện tri thức, hoặc có kinh sợ, hoặc rụt rè . Bạch đức Thế Tôn! Gì là phương tiện mà Bồ Tát thật hành theo đó được chẳng kinh sợ, rụt rè đối với Bát nhã ba la mật? Nầy Tu Bồ Đề! Có Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật đúng với tâm nhứt thiết chủng trí, quán tướng vô thường của? ngũ uẩn cũng bất khả đắc. Đây gọi là có phương tiện. Quán tướng khổ, tướng vô ngã tướng vô tác của ngũ uẩn cũng bất khả đắc. Đây gọi là có phương tiện. Quán tướng ly, tướng tịch diệt của ngũ uẩn cũng bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật có phương tiện. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật quán tướng vô thường của ngũ uẩn cũng là bất khả

đắc, quán tướng khổ, tướng vô ngã, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng ly, tướng tịch diệt của ngũ uẩn cũng là bất khả đắc. Bấy giờ đại Bồ Tát nghĩ rằng tôi nên vì tất cả chúng sanh mà giảng thuyết tướng vô thường cũng là bất khả đắc, tướng khổ, tướng vô ngã nhẫn đến tướng tịch diệt cũng là bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ Tát Đàn na ba la mật. Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng dùng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật để quán ngũ uẩn, vô thường cũng bất khả đắc, nhẫn đến chẳng dùng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật để quán ngũ uẩn, tịch diệt cũng bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ Tát Thi ba la mật. Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật nhẫn thọ ưa thích nơi tướng vô thường, nhẫn đến tướng tịch diệt của các pháp cũng là bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ Tát Sằn đề ba la mật. Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật đúng với tâm nhứt thiết chủng trí, quán tướng vô thường nhẫn đến tướng tịch diệt của ngũ uẩn cũng bất khả đắc, chẳng rời bỏ, chẳng thôi nghĩ. Đây gọi là đại Bồ Tát Tỳ lê gia ba la mật. Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật chẳng móng khởi tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật cùng những tâm bất thiện ác. Đây gọi là đại Bồ Tát Thiền na ba la mật. Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật suy nghĩ như vầy: Chẳng do không sắc nên sắc là không, mà sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức? nhẫn đến ý thức giới cũng như vậy, chẳng phải do không ý thức giới nên ý thức giới là không, mà ý thức giới tức là không, không tức là ý thức giới. Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy, chẳng phải do không pháp bất cộng nên pháp bất cộng là không, mà pháp bất cộng tức là không, không tức là pháp bất cộng. Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật như vậy không có kinh sợ, rụt rè". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát được bực thiện trí thức hộ trì nên chẳng kinh sợ rụt rè ?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Có thiện tri thức giảng thuyết sắc nhẫn đến ý thức giới, vô thường, khổ, vô ngã nhẫn đến tịch diệt cũng đều bất khả đắc, gìn giữ thiện căn nầy chẳng hướng về Thanh Văn,

Bích Chi Phật đạo mà chỉ hướng về nhứt thiết chủng trí, đây gọi là bậc thiện tri thức của đại Bồ Tát. Nầy Tu Bồ Đề! Có thiện tri thức giảng thuyết tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu mười tám pháp bất cộng cũng là bất khả đắc, giữ gìn thiện căn nầy chẳng hướng về Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, chỉ hướng về nhứt thiết chủng trí, đây gọi là bực thiện tri thức của đại Bồ Tát". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát vì không phương tiện và theo ác tri thức nên kinh sợ, rụt rè khi nghe nói Bát nhã ba la mật nầy". Đức Phật nói: "nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát rời tâm nhứt thiết trí, mà tu Bát nhã ba la mật nên được và nhớ Bát nhã ba la mật nầy, cũng được và nhớ Thiền na ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Săn đề ba la mật, Thi la ba la mật, Đàn na ba la mật. Bồ Tát rời tâm nhứt thiết trí mà quán các pháp ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, nơi pháp không đây có nhớ, có được. Bồ Tát rời tâm nhứt thiết trí mà tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu mười tám pháp bất cộng cũng nhớ, cũng được. Như trên đây là vì không phương tiện nên có kinh sợ, rụt rè khi nghe Bát nhã ba la mật nầy. Nầy Tu Bồ Đề! Có ác tri thức bảo Bồ Tát xa rời sáu ba la mật, hoặc chẳng giảng nói ma sự, chẳng giảng nói ma tội, chẳng nói rằng ác ma hiện hình Phật đến bảo Bồ Tát xa rời sáu ba la mật mà nói rằng: "Nầy thiện nam tử, cần gì tu sáu ba la mật làm chi! Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát. Lại có ác ma hiện hình Phật đến chỗ Bồ Tát mà giảng thuyết kinh pháp Thanh văn, hoặc trường hàng nhân đến luận nghị. Chẳng vì Bồ Tát mà nói ma sự ma tội nầy phải biết đây là ác tri thứ của Bồ Tát. Cũng chẳng vì Bồ Tát mà nói ma sự ma tội nầy: Ác ma hiện hình Phật đến bảo Bồ Tát: Nầy thiện nam tử! Ngươi không có tâm thiệt Bồ Tát, ngươi chẳng phải bực bất thối chuyển, ngươi cũng chẳng thể được Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát. Cũng chẳng giảng, chẳng dạy ma sự, ma tội như vậy: Ác ma hiện hình Phật đến bảo Bồ Tát rằng sắc không nhẫn đến pháp bất cộng không, Bát nhã ba la mật không nhẫn đến Đàn na ba la mật không, vậy ngươi cầu Vô thượng Bồ đề để

làm gì ! Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát. Cũng chẳng giảng, chẳng dạy ma sự ma tội như vậy: Ác ma hiện hình Bích Chi Phật đến bảo Bồ Tát rằng mười phương đều rỗng không, trong đó chẳng có Phật, Bồ Tát và Thanh văn. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát. Cũng chẳng giảng dạy ma sự, ma tội như vầy: Ác ma hiện hình Hòa Thượng A Xà Lê đến bảo Bồ Tát bỏ nhứt thiết chủng trí, bỏ Bồ Tát đạo, bảo Bồ Tát bỏ tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, bảo Bồ Tát nhập không, vô tướng, vô tác để chứng quả Thanh Văn, cần gì Vô thượng Bồ đề. Nầy Xá Lợi Phất! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát. Cũng chẳng giảng dạy ma sự, ma tội như vầy: Ác ma hiện hình cha mẹ đến bảo Bồ Tát tinh tấn cầu chứng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, cần gì phải cầu Vô thượng Bồ đề. Nếu cầu Vô thượng Bồ đề sẽ phải thọ sanh tử trong vô lượng vô số kiếp, phải bị chặt tay, chặt chân đau khổ. Nầy Xá Lợi Phất! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát. Có tri thức chẳng giảng? chẳng dạy ma sự ma tội như vầy: Ác ma hiện hình Tỳ Kheo đến bảo Bồ Tát các pháp nhãn sắc nhãn đến ý vô thường, khổ, vô ngã, không, vô tướng, vô tác, ly, tịch diệt đều là pháp bất khả đắc. Cũng dùng pháp khả đắc để nói tứ niệm xứ nhẫn đến pháp bất cộng. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát. Đã biết rồi thời phải lánh xa hạng ác tri thức nầy".

*** 12. PHẨM CÚ NGHĨA THỨ MƯỜI HAI

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát cú nghĩa?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Không cú nghĩa là Bồ Tát cú nghĩa. Tại sao vậy? Vì? Vô thượng Bồ đề không có nghĩa xứ cũng không có ngã, thế nên không cú nghĩa là Bồ Tát cú nghĩa. Ví như chim bay trong hư không chẳng có dấu tích,

Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Ví như những sự thấy trong giấc mộng không chỗ có, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy Ví như ảo thuật, dương diệm, ảnh hưởng, biến hóa đều không có thiệt nghĩa, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Ví như pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị và thiệt tế không có nghĩa, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Ví như sắc, thọ, tưởng, hành, thức của ảo nhơn không có nghĩa, đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Ví như lục căn, lục trần, lục thức của ảo nhơn không có nghĩa, ví như nhãn xúc, nhơn duyên, sanh thọ nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ của ảo nhơn không có nghĩa, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như lúc ảo nhơn thật hành nội không nhân đến vô pháp hữu pháp không chẳng có nghĩa, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như lúc ảo nhơn thật hành tứ niệm xứ nhẫn đến pháp bất cộng không có nghĩa, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng, Chánh Giác, sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có nghĩa vì ngũ uẩn đây không có vậy, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như đức Phật, nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn xúc đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ đều không xứ sở , đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như đức Phật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến pháp bất cộng đều không xứ sở , Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như trong tánh hữu vi không, tánh nghĩa vô vi, trong tánh vô vi không, tánh nghĩa hữu vi, đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như bất sanh, bất diệt không xứ sở như bất tác, bất xuất, bất đắc, bất cấu, bất tịnh đều không xứ sở , Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Vì pháp gì bất sanh, bất diệt nên không xứ sở ? Vì pháp gì bất tác, bất xuất, bất đắc, bất cấu, bất tịnh nên không xứ sở ?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Vì ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới đều bất sanh, bất diệt nhẫn đến bất cấu, bất tịnh nên không xứ sở. Vì tứ niệm xứ đến pháp bất cộng đều bất sanh, bất diệt

nhẫn đến bất cấu, bất tịnh nên không xứ sở. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Như nơi tứ niệm xứ đến pháp bất cộng, tịnh nghĩa rốt ráo bất khả đắc, đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như trong tịnh, ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc, vì ngã đến kiến giả đều không chỗ có vậy. Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như lúc mặt nhựt mọc lên thời không có tối tăm. Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như thời kỳ kiếp thiêu không có tất cả vật. Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như trong Phật giới không có phá giới. Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như trong Phật định không có loại tâm, trong Phật huệ không có ngu si, trong Phật giải thoát không có chẳng giải thoát, trong Phật giải thoát tri kiến không có chẳng giải thoát tri kiến. Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Như trong Phật quang thời nguyệt quang, nhựt quang không hiện, như trong Phật quang thời quang minh của chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đều không hiện. Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy. Tại sao vậy? Vì Vô thượng Bồ đề cùng Bồ Tát và Bồ Tát cú nghĩa, tất cả pháp đây đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối là nhứt tướng, chính là vô tướng. Nầy Tu Bồ Đề! Vô ngại tướng trong tất cả pháp đây, đại Bồ Tát phải nên học, cũng phải nên biết". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tất cả pháp? Thế nào là vô ngại tướng trong tất cả pháp mà phải học? , phải biết?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả pháp là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp cộng? , pháp bất cộng. Đây gọi là tất cả pháp, trong tất cả pháp vô ngại tướng đây, đại Bồ Tát phải học? , phải biết". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì

là pháp thiện thế gian nhẫn đến những gì là pháp bất cộng?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Pháp thiện thế gian là hiếu thuận với cha mẹ , cúng dường Sa Môn, Bà La Môn, cúng thờ bậc tôn trưởng? , chỗ phước bố thí, chỗ phước trì giới, chỗ phước tu thiền định? , chỗ phước khuyến đạo, phương tiện sanh phước đức, thập thiện đạo thế gian, quán tưởng chín tướng bất tịnh : tướng xanh, tướng sình, tướng máu, tướng nứt, tướng nhũn bấy, tướng bị ăn, tướng tan rã, tướng xương, tướng thiêu, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng niệm giới, niệm xả, niệm Thiên, niệm thiện, niệm hơi thở , niệm thân thể? , niệm chết. Đây gọi là pháp thiện thế gian. Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là pháp bất thiện? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham lẫn, não hại, tà kiến, thập bát thiện đạo nầy gọi là pháp bất thiện. Nầy Tu Bồ Đề! những gì là pháp hữu ký? Pháp thiện hoặc pháp bất thiện gọi là pháp hữu ký Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là pháp vô ký? Vô ký thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, vô ký tứ đại, vô ký ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, vô ký báo, đây gọi là pháp vô ký. Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là pháp thế gian? Ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đây gọi là pháp thế gian. Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là pháp xuất thế gian? Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ vô ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô tác giải thoát môn, vị tri dục tri căn, tri căn dĩ tri căn, hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, vô giác vô quán tam muội, bát bội xả, nội không đến vô pháp hữu pháp không, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, nhứt thiết trí, đây gọi là pháp xuất thế gian. Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là pháp hữu lậu? Ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, lục chủng, lục xúc, lục thọ, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đây gọi là pháp hữu lậu. Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là pháp vô lậu? Tứ niệm xứ nhẫn đến bất cộng pháp và nhứt thiết trí, đây gọi là pháp vô lậu. Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là pháp hữu vi? Nếu là pháp có sanh, có trụ, có

diệt, Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, ngũ ấm nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, tứ niệm xứ nhẫn đến pháp bất cộng và nhứt thiết trí, đây gọi là pháp hữu vi. Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là pháp vô vi? Nếu là pháp bất sanh, bất trụ, bất diệt, sạch tham, sân, si, pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thiệt tế, đây gọi là pháp vô vi. Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là cộng pháp? Tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đây gọi là cộng pháp. Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là bất cộng pháp? Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, đây gọi là bất cộng pháp. Nầy Tu Bồ Đề! Ở trong những pháp tứ tướng không đây, đại Bồ Tát chẳng nên chấp trước, vì bất động vậy. Đại Bồ Tát cũng phải biết tất cả pháp chăng có hai tướng, vì bất động vậy. Đây gọi là Bồ Tát nghĩa".

*** 13. PHẨM KIM CANG THỨ MƯỜI BA

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Do cớ gì mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Ở trong quyết định chúng, Bồ Tát nầy là bực thượng thủ nên gọi là đại Bồ Tát. Đây là quyết định chúng: tánh địa nhơn, bát nhơn, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, sơ phát tâm Bồ Tát nhẫn đến bất thối chuyển địa Bồ Tát. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phát đại tâm chẳng hư hoại như kim cang, thời sẽ là bực thượng thủ trong quyết định chúng". Ngài Tu Bồ Đề thưa "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát phát tâm thế nào mà gọi là phát đại tâm như kim cang chẳng hư hoại?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phát sanh tâm như vầy: Ở trong vô lượng đời sanh tử, tôi sẽ đại thệ trang nghiêm, tôi sẽ bỏ tất cả sở hữu, tôi sẽ đối với tất cả chúng sanh bằng tâm bình đẳng, tôi sẽ phải đem Tam thừa độ thoát tất cả chúng sanh, làm cho họ nhập vô dư Niết Bàn, tôi độ tất cả chúng sanh xong rồi nhẫn đến không có một người nhập Niết Bàn, tôi sẽ phải hiểu rõ

tướng bất sanh của tất cả pháp, tôi sẽ thuần dùng tâm nhứt thiết chủng trí để thật hành sáu ba la mật, tôi sẽ phải học trí huệ tỏ thấu tất cả pháp, tôi sẽ phải tỏ thấu chư pháp nhứt tướng trí môn, tôi sẽ phải tỏ thấu nhẫn đến chư pháp vô lượng tướng trí môn. Đây gọi là đại Bồ Tát phát sanh đại tâm chẳng hư hoại như kim cang. An trụ trong đại tâm này , đại Bồ Tát là bực thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phát tâm như vầy: Tôi sẽ thay thế cho tất cả chúng sanh trong mười phương mà chịu những sự đau khổ, hoặc chúng sanh Địa ngục, hoặc chúng sanh các loài Súc sanh hoặc chúng sanh Ngạ quỷ , nhẫn đến thay thế chịu khổ nhọc cho môi một chúng sanh trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp đến khi nào chúng sanh ấy đã được nhập vô dư Niết Bàn, sau đó tôi tự vun trồng thiện căn trong vô lượng trăm ngàn ức vô số kiếp sẽ được Vô thượng Bồ đề. Đây là đại tâm như kim cang chẳng hư hoại. An trụ trong đại tâm nầy, đại Bồ Tát là bực thượng thủ trong quyết định chúng. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lại phát sanh đại khoái tâm. Từ lúc sơ phát tâm nhẫn đến khi thành Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát chẳng sanh tâm tham nhiễm, sân khuể, ngu si, kiêu mạn, cũng chẳng sanh tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật. Đây là đại khoái tâm. An trụ trong đại khoái tâm nầy, đại Bồ Tát là bực thượng thủ trong quyết định chúng. Đại Bồ Tát cũng chẳng nghĩ nhớ có đại khoái tâm nầy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lại phải phát sanh bất động tâm, chính là tâm thường nghĩ nhớ nhứt thiết chủng trí, cũng chẳng nghĩ nhớ là mình có tâm bất động nầy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lại phải phát sanh tâm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh, chính là cứu tế tất cả chúng sanh và chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm lợi ích an lạc nầy. Do đây nên đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật là bậc thượng thủ trong quyết định chúng Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải phát sanh tâm dục pháp, hỉ pháp, lạc pháp. Gì là pháp? Chính là thiệt tướng của các pháp. Nơi pháp nầy mà tin chịu và lãnh thọ thời gọi là dục pháp và hỉ pháp. Còn thường tu hành pháp nầy thời gọi là lạc pháp. Do đây nên đại

Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật có thể làm bực thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát an trụ nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, thời có thể làm thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát an trụ trong tứ niệm xứ nhẫn đến trong mười tám pháp bất cộng, thời có thể làm thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát an trụ trong như kim cang tam muội nhẫn đến an trụ trong ly chấp trước như hư không bất nhiễm tam muội, thời là bực thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong các pháp như vậy thời có thể làm thượng thủ trong quyết định chúng. Do duyên cớ gì mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát".

*** 14. PHẨM ĐOẠN CHƯ KIẾN THỨ MƯỜI BỐN

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói sở dĩ Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát". Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Ông cứ nói" Ngài Xá Lợi Phất nói: "Ngã kiến, thọ kiến, mạng kiến, chúng sanh kiến, sanh kiến, dưỡng dục kiến, chúng số kiến, nhơn kiến, tác kiến, sử tác kiến, khởi kiến, sử khởi kiến, thọ kiến, sử thọ kiến, tri giả kiến, kiến giả kiến, đoạn kiến, thường kiến, hữu kiến, vô kiến, ấm kiến, nhập kiến, hữu kiến, giới kiến, đế kiến, nhơn duyên kiến, niệm xứ kiến, nhẫn đến bất cộng pháp kiến, Phật đạo kiến, thành tựu chúng sanh kiến, tịnh Phật quốc độ kiến, Phật kiến, chuyển pháp luân kiến. Vì dứt trừ những kiến chấp trên đây mà vì mọi người thuyết pháp nên Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát". Ngài Tu Bồ Đề hỏi: "Duyên cớ gì mà sắc kiến là

vọng kiến? Duyên cớ gì thọ, tưởng, hành, thức kiến nhẫn đến chuyển pháp luân kiến là vọng kiến?" Ngài Xá Lợi Phất nói: "Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện nên Bồ Tát ở nơi sắc sanh kiến chấp, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chuyển pháp luân sanh kiến chấp, vì pháp dung hữu sở đắc vậy. Nơi đây đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện mà vì họ thuyết pháp để dứt trừ những vọng kiến, vì pháp dụng vô sở đắc vậy" Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói sở dĩ mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ông cứ nói". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tâm Vô thượng Bồ đề, tâm vô đẳng đây chẳng cùng chung với tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Tại sao vậy? Vì đây là tâm nhứt thiết trí vô lậu chẳng hệ phược. Cũng chẳng chấp trước trong tâm nhứt thiết trí vô lậu chẳng hệ phược đây. Do duyên cớ nầy mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những gì là tâm vô đẳng đẳng của đại Bồ Tát chẳng cùng chung với tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm trở đi trọn không thấy một pháp nào có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh, có tăng, có giảm. Nếu đã là pháp chẳng sanh, chẳng diệt chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, thời trong đó không tâm Thanh Văn, không tâm Bích Chi Phật, không tâm Vô thượng Bồ đề, không Phật tâm. Đây gọi là tâm vô đẳng đẳng của đại Bồ Tát chẳng cùng chung với tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Như lời Ngài Tu Bồ Đề nói, trong tâm nhứt thiết trí vô lậu chẳng hệ phược đây cũng chẳng chấp trước. Nầy Ngài Tu Bồ Đề! Sắc cũng chẳng chấp trước, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng chấp trước, tứ niệm xứ nhẫn đến bất cộng pháp cũng chẳng chấp trước. Sao Ngài chỉ nói tâm đây chẳng chấp trước?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Phải lắm! Sắc nhẫn đến pháp bất cộng cũng chẳng chấp trước". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Tâm phàm phu cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh rỗng không vậy. Tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật, tâm chư Phật cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh rỗng không vậy". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Phải lắm!"

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Sắc cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh không vậy. Thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh không vậy. Tứ niệm xứ nhân đến mười tám pháp bất cộng cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh không vậy”. Ngài Tu Bồ Đề nói: “Vâng ! Như lời Ngài Xá Lợi Phất đã nói, tâm phàm phu nhẫn đến pháp bất cộng cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh không vậy”. Ngài Xá Lợi Phất nói: “Như lời Ngài Tu Bồ Đề đã nói, vì tâm là không nên chấp trước tâm. Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc là không nên chẳng chấp trước sắc. Vì thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến ý xúc, sanh thọ là không nên chấp trước, thọ, tưởng, hành, thức nhân đến chẳng chấp trước ý xúc, sanh thọ. Vì tứ niệm xứ là không nhân đến bất cộng pháp là không nên chẳng chấp trước tứ niệm xứ, nhẫn đến chẳng chấp trước bất cộng pháp”. Ngài Tu Bồ Đề nói: “Vâng, vì sắc là không nên trong sắc chẳng chấp trước. Nhẫn đến vì bất cộng pháp là không nên trong bất cộng pháp chẳng chấp trước. Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật dùng tâm Vô thượng Bồ đề, tâm vô đẳng đẳng chẳng cùng chung với tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm vô đẳng đẳng nầy, vì pháp dụng vô hữu vậy. Do duyên cớ nầy mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát”.

*** 15. PHẨM PHÚ LÂU NA THỨ MƯỜI LĂM

Ngài Phú Lâu Na Đa La Ni Tử bạch đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Con cũng thích nói sở dĩ mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát”. Đức Phật bảo Ngài Phú Lâu Na: “Ông cứ nói”. Ngài Phú Lâu Na nói: “Bồ Tát nầy đại thệ trang nghiêm, Bồ Tát nầy phát xu Đại thừa, Bồ Tát nầy ngồi nơi Đại thừa, nên Bồ Tát nầy được gọi là đại Bồ Tát”. Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào gọi là đại thệ trang nghiêm?” Ngài Phú Lâu Na nói: “Đại Bồ Tát chẳng phân biệt là vì bao

nhiêu người mà an trụ Đàn na ba la mật và thật hành Đàn na ba la mật. Mà chính là vì tất cả chúng sanh mà đại Bồ Tát an trụ Đàn na ba la mật và thật hành Đàn na ba la mật. Như Đàn na ba la mật, về Thi la, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiền na và Bát nhã ba la mật cũng vậy. Chẳng phải vì bao nhiêu người, mà chính là vì tất cả chúng sanh mà đại Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật và thật hành Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát đại thệ trang nghiêm, chẳng hạn cuộc trong một số chúng sanh. Chẳng nghĩ rằng tôi sẽ cứu độ những người nầy mà chẳng độ các người kia. Cũng chẳng nói rằng tôi sẽ làm cho những người nầy đến Vô thượng Bồ đề còn những người kia thời không. Đại Bồ Tát vì tất cả chúng sanh mà đại thệ trang nghiêm. Đại Bồ Tát lại nghĩ rằng tôi sẽ tự đầy đủ Đàn na ba la mật nhẫn đến tự đầy đủ Bát nhã ba la mật, cũng làm cho tất cả chúng thật hành sáu ba la mật. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát có bố thí bao nhiêu đều đúng với tâm nhứt thiết trí, cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề. Đây là Đàn na ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc đại Bồ Tát thật hành Đàn na ba la mật. Lúc thật hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà bố thí, chẳng hướng đến quả Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là Thi la ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc thật hành Đàn na ba la mật. Lúc thật hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà bố thí. Tin chịu ưa thích nơi pháp bố thí nầy. Đây gọi là Sằn đề ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc thật hành Đàn na ba la mật. Lúc thật hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà bố thí. Luôn siêng năng bố thí như vậy không thôi nghỉ. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc thật hành Đàn na ba la mật. Lúc thật hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà bố thí. Thường nhiếp tâm chẳng để móng tâm thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là Thiền na ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc thật hành Đàn na ba la mật. Lúc thật hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà bố thí. Quán các pháp như ảo. Chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật cho, chẳng

thấy có người thọ. Đây gọi là Bát nhã ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc đại Bồ Tát thật hành Đàn na ba la mật. Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí, chẳng lấy, chẳng được những tướng của ba la mật, phải biết đó là đại Bồ Tát đại thệ trang nghiêm. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Thi la ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà bố thí, cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là đại Bồ Tát Đàn na ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc thật hành Thi la ba la mật. Lúc thật hành? Thi la ba la mật, đối với các pháp nầy, đại Bồ Tát tin chịu ưa thích. Đây gọi là Sằn đề ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc thật hành thi la ba la mật. Lúc thật hành Thi la ba la mật, đại Bồ Tát siêng tu chăng nghĩ. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc thật hành Thi la ba la mật. Lúc thật hành Thi la ba la mật đại Bồ Tát chẳng nhiếp thọ tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là Thiền na ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc thật hành Thi la ba la mật. Lúc thật hành Thi la ba la mật, đại Bồ Tát quán tất cả pháp như ảo, cũng chẳng nghĩ nhớ có giới luật nầy, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là Bát nhã ba la mật đại thệ trang nghiêm lúc thật hành thi la ba la mật. Đại Bồ Tát lúc thật hành Thi la ba la mật, nhiếp cả năm ba la mật kia nên gọi là đại thệ trang nghiêm. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ Tát cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về vô thượng Bồ đề. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thật hành Sằn đề ba la mật. Lúc thật hành? Sằn đề ba la mật, đại Bồ Tát chỉ thọ tâm nhứt thiết trí mà chẳng thọ tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thật hành Sằn đề ba la mật. Lúc thật hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ Tát thân tâm tinh tấn chẳng thôi nghĩ đúng với tâm nhứt thiết trí. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật lúc thật hành Sằn đề ba la mật. Lúc thật hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ Tát nhiếp tâm một chỗ, dầu có bị đau khổ cũng chẳng tán loạn. Đây gọi là Thiền na ba la mật lúc thật hành Sằn đề ba la mật. Lúc thật hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí, quán các pháp rỗng không, chẳng có tác giả, chẳng có thọ giả, dầu bị người mắng nhiếc, chém

đâm, tâm Bồ Tát như ảo, như mộng. Đây gọi là Bát nhã ba la mật lúc thật hành Sằn đề ba la mật. Đại Bồ Tát lúc thật hành Sằn đề ba la mật nhiếp cả các môn ba la mật kia nên gọi là đại thệ trang nghiêm. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà bố thí, chẳng để thân tâm giải đãi. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật. Lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ Tát thỉ chung vẫn trì giới thanh tịnh đầy đủ. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật. Lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà tu hành nhẫn nhục. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật. Lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà nhiếp tâm ly dục nhập các môn thiền định. Đây gọi là Thiền na ba la mật lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật. Lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí, chẳng chấp lấy tướng của các pháp, nơi tướng chẳng chấp lấy nầy cũng chẳng chấp trước. Đây gọi là Bát nhã ba la mật lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật. Đại Bồ Tát lúc thật hành Tỳ lê gia ba la mật nhiếp cả các môn ba la mật kia nên gọi là đại thệ trang nghiêm. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Thiền na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà bố thí. Tâm vẫn ở trong định không xao động. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thật hành Thiền na ba la mật. Lúc thật hành Thiền na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà trì giới, do sức thiền định nên các pháp phá giới không xen vào được. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thật hành Thiền na ba la mật. Lúc thật hành Thiền na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí, vì sức từ bi tam muội nên nhẫn chịu tất cả khổ hại. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc thật hành Thiền na ba la mật. Lúc thật hành Thiền na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí, nơi thiền định chẳng ham, chẳng chấp, thường cầu tăng tiến từ một thiền đến một thiền. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật lúc thật hành Thiền na ba la mật. Lúc thật hành Thiền na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết, không y chỉ nơi tất cả pháp, cũng chẳng thọ

sanh theo thiền. Đây gọi là Bát nhã ba la mật lúc thật hành Thiền na ba la mật. Đại Bồ Tát lúc thật hành Thiền na ba la mật, nhiếp cả các môn ba la mật kia nên gọi là đại thệ trang nghiêm. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà bố thí, không lẫn tiếc những sở hữu trong thân, ngoài thân, chẳng thấy người cho, kẻ thọ và tài vật. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thật hành Bát nhã ba la mật. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí nên không thấy có hai sự trì giới và phá giới. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thật hành Bát nhã ba la mật. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí, chẳng thấy kẻ măng nhiếc, kẻ đánh đập, kẻ giết hại, cũng chăng thấy dùng pháp không nầy để nhẫn nhục. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc thật hành Bát nhã ba la mật. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí, quán các pháp rốt ráo không cho tâm đại bi mà tinh cần thật hành các pháp hạnh. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà nhập thiền định, quán các thiền định ly tướng, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác. Đây gọi là Thiền na ba la mật lúc thật hành Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, nhiếp cả năm môn ba la mật kia nên gọi là đai thệ trang nghiêm Bồ Tát đại thệ trang nghiêm nầy được chư Phật nười phương hoan hỉ xưng danh giữa đại chúng đê ca ngợi răng cõi nước đó có đại Bồ Tát đó đại thệ trang nghiêm, thành tựu chúng? sanh, thành tựu Phật quốc". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là đại Bồ Tát phát xu đại thừa?" Ngài Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử nói: "Lúc thật hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát xa lìa ái dục cùng những pháp ác bất thiện, ly sanh hỉ lạc hữu giác hữu quán nhập sơ thiền, nhẫn đến xả niệm thanh tịnh nhập tứ thiền, dùng tâm từ bi hỉ xả quảng đại vô nhị vô lượng khắp cùng một phương nhẫn đến mười phương tất cả thế gian. Lúc nhập thiền, xuất thiền, Bồ Tát nầy đem các thiền, các vô lượng tâm cùng chung với tất cả chúng sanh hướng đến nhứt thiết trí. Đây gọi là đại Bồ Tát Thiền na ba la mật phát xu Đại

thừa. Bồ Tát nầy an trụ trong thiền vô lượng tâm nghĩ rằng tôi sẽ được nhứt thiết chủng trí vì dứt sạch phiền não cho tất cả chúng sanh nên sẽ vì họ mà thuyết pháp. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc đại Bồ Tát thật hành Thiền na ba la mật. Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà tu tứ thiền? Và trụ trong tứ thiền chẳng nạp thọ tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc đại Bồ Tát thật hành Thiền na ba la mật. Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí nhập các thiền mà nghĩ rằng tôi vì dứt phiền não cho tất cả chúng sanh nên sẽ thuyết pháp, nơi đây nhẫn thọ ưa thích. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc đại Bồ Tát thật hành Thiền na ba la mật. Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí nhập các thiền, bao nhiêu thiện căn đều hướng về nhứt thiết trí, siêng tu không thôi nghỉ. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật lúc đại Bồ Tát thật hành Thiền na ba la mật. Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí nhập tứ thiền, quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không? , tướng vô tướng, tướng vô tác, cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về nhứt thiết trí. Đây gọi là Bát nhã ba la mật lúc đại Bồ Tát thật hành Thiền na ba la mật. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa vậy. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát phát xu Đại thừa thật hành từ tâm nghĩ rằng tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được an lạc. Nhập bi tâm nghĩ rằng tôi sẽ cứu tế tất cả chúng sanh. Nhập hỉ tâm nghĩ rằng tôi sẽ độ tất cả chúng sanh. Nhập xã tâm nghĩ rằng tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được lậu tận. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc đại Bồ Tát thật hành tứ vô lượng tâm. Đại Bồ Tát thật hành tứ vô lượng tâm tam muội nầy chỉ hướng về nhứt thiết trí mà chẳng hướng đến Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc đại Bồ Tát thật hành tứ vô lượng tâm. Đại Bồ Tát thật hành tứ vô lượng tâm chẳng ham quả Thanh Văn, Bích Chi Phật, chỉ nhẫn thọ ưa thích nhất thiết trí. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc đại Bồ Tát thật hành tứ vô lượng tâm. Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà thật hành tứ vô lượng tâm chỉ thật hiện hạnh thanh tịnh. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật lúc đại Bồ Tát thật hành tứ vô lượng tâm. Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết

trí nhập vô lượng tâm tam muội, cũng chẳng thọ sanh theo thiền vô lượng tâm. Đây gọi là phương tiện Bát nhã ba la mật lúc đại Bồ Tát thật hành tứ vô lượng tâm. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa vậy. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí mà tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, đúng với tâm nhứt thiết trí mà tu ba môn giải thoát đến mười tám pháp bất cộng. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát trí huệ trong nội không, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Nhẫn đến trí huệ trong vô pháp hữu pháp không, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại Thừa. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! trong tất cả pháp, đại Bồ Tát trí huệ chẳng loạn, chẳng định. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát trí huệ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, trí huệ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải thiệt, chẳng phải không hư, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát trí huệ chẳng đi trong ba thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng chẳng phải là chẳng biết rõ ba thời gian. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát trí huệ chẳng đi trong ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, cũng chẳng phải là chẳng biết rõ ba cõi, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát trí huệ chẳng đi trong pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, cũng chẳng phải là chẳng biết rõ tất cả pháp, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa".

— Hết —

KINH KIM CÀNG BÁT NHÃ BA LA MẬT
Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh

16. PHẨM THỪA ĐẠI THỪA THỨ MƯỜI SÁU

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa?" Ngài Phú Lâu Na nói: "Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát ngồi Đàn na ba la mật nhẫn đến ngồi Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy có Đàn na nhẫn đến chẳng thấy có Bát nhã, cũng chẳng thấy có Bồ Tát, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi sáu ba la mật, cũng gọi là ngồi Đại thừa. Lại nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nhứt tâm đúng với nhứt thiết trí mà tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu mười tám pháp bất cộng, vì pháp không, nên cũng bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nghĩ rằng Bồ Tát chỉ có danh tự vì chúng sanh bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa. Đại Bồ Tát nghĩ rằng sắc đến thức nhãn đến ý, sắc đến chấp, nhãn giới đến ý thức giới đều chỉ có danh tự, vì đều bất khả đắc vậy. Lại nghĩ rằng tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, nội không đến vô pháo hữu pháp không đến mười tám pháp bất cộng đều chỉ có danh tự vì đều bất khả đắc vậy. Lại nghĩ rằng pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thiệt tế đều chỉ có danh tự vì đều bất khả đắc vậy. Lại nghĩ rằng Vô thượng Bồ đề và Phật chỉ có danh tự vì bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Từ khi sơ phát tâm, đại Bồ Tát đầy đủ thần thông thành tựu chúng sanh, từ một quốc độ đến một quốc độ, đại Bồ Tát cúng dường kính trọng tán thán chư Phật, nghe chư Phật dạy pháp Đại thừa. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa. Đại Bồ Tát từ một Phật quốc đến một Phật quốc để thanh tịnh quốc độ, thành tựu chúng sanh, trọn không có cảm tưởng Phật quốc, cũng không có cảm tưởng chúng sanh. Bồ Tát nầy an trụ trong pháp bất nhị, vì chúng sanh mà thọ thân, tùy chỗ đáng được độ mà tự hiện thân hình để thuyết pháp giáo hóa chúng sanh. Như vậy mãi đến nhứt thiết chủng trí vẫn không rời Đại thừa. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi đại thừa. Ngồi Đại thừa nầy, đại Bồ Tát được nhứt thiết chủng trí chuyển pháp luân mà Thanh Văn, Bích Chi Phật và Thiên Long bát bộ đến tất cả người thế gian không thể chuyển được. Bấy giờ chư Phật mười phương đều hoan hỉ xưng danh hiệu để ca ngợi rằng phương đó, quốc độ đó có đại Bồ Tát ngồi Đại thừa được nhứt thiết chủng trí chuyển pháp luân. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa".

*** 17. PHẨM TRANG NGHIÊM THỨ MƯỜI BẢY

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát đại trang

nghiêm. Những gì là đại trang nghiêm? Bực Bồ Tát nào có thể đại trang nghiêm?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát Đại thừa đại trang nghiêm. Chính là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật trang nghiêm. Tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần trang nghiêm. Nội không đến vô pháp hữu không trang nghiêm. Thập lực đến pháp bất cộng và nhứt thiết chủng trí trang nghiêm. Biến thân như Phật trang nghiêm, quang minh chiếu khắp tam thiên Đại Thiên quốc độ, cũng chiếu khắp mười, mỗi phương đều hằng sa quốc độ. Làm chấn động Đại Thiên quốc, cũng chấn động hằng sa quốc độ trong mười phương. Bồ Tát nầy an trụ trong Đàn na ba la mật Đại thừa đại trang nghiêm. Đại Thiên quốc độ nầy biến thành cõi lưu ly. Bồ Tát nầy hóa thành Chuyển Luân Thánh Vương, chúng sanh cần dùng thứ gì thời đều cung cấp đầy đủ thứ ấy, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần mặc cho y phục, cần chỗ ở cho nhà phòng giường nệm, cần ánh sáng cho đèn đuốc, cần lành bệnh cho thuốc men, cần trang điển cho chuỗi ngọc châu báu cùng các loại hoa hương. Cấp cho xong rồi lại thuyết pháp cho họ tu hành pháp Đại thừa. Chúng sanh nghe xong, trọn chẳng rời sáu ba la mật nhân đến Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa đại trang nghiêm. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, rồi cung cấp đồ ăn uống, nhà phòng, thuốc men, hoa hương cho đại chúng ấy. Tu Bồ Đề nghĩa thế nào? Đối với nhà ảo thuật nầy thiệt có đại chúng cho chăng?" Bạch đức Thế Tôn! Không có thiệt. Nầy Tu Bồ Đề! Cũng vậy, đại Bồ Tát hóa làm Chuyển Luân Thánh Vương cung cấp nhu cầu đầy đủ cho tất cả chúng sanh, mặc dù có làm mà thiệt thời không chỗ cho. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Thi la ba la mật hiện sanh vào nhà Chuyển Luân Thánh Vương, đem thập thiện đạo giáo hóa chúng sanh. Có vị đem tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng giáo hóa chúng sanh. Chúng sanh nghe pháp tin hiểu thọ trì mãi đến thành Vô thượng Bồ đề trọn không rời pháp ấy. Ví như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng rồi đem pháp thập thiện đạo giáo hóa, cũng đem tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng để giáo hóa khiến thật hành. Tu Bồ Đề nghĩ thế nào? Có chúng sanh thiệt được nhà ảo thuật giáo hóa chăng? Bạch đức Thế Tôn! Không có thiệt. Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh thật hành thập thiện đạo đến mười tám pháp bất cộng, nhưng thiệt không có chúng sanh thật hành thập thiện đạo đến pháp bất cộng. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Sằn đề ba la mật, giáo hóa chúng sanh làm cho họ thật hành Sằn đề ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm đến nay, dầu bị tất cả chúng sanh mắng nhiếc, đánh đập, chém giết vẫn không móng khởi một niệm động tâm và cũng dạy tất cả chúng sanh thật hành nhẫn nhục nầy, nhưng thiệt không có chúng sanh thọ giáo và thật hành nhẫn nhục. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi, hóa hiện đại chúng rồi dạy thật hành nhẫn nhục. Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Tỳ lê gia ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thật hành Tỳ lê gia ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí, thân tâm tinh tấn giáo hóa chúng sanh. Nhưng thật không có chúng sanh thọ giáo. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật

giỏi. Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thật hành Thiền na ba la. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ Tát an trụ trong pháp bất động, chẳng thấy có loạn, chẳng thấy có định, giáo hóa tất cả chúng sanh thật hành Thiền na ba la mật, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời Thiền na ba la mật. Nhưng thiệt không có chúng sanh thọ giáo thật hành Thiền na ba la mật. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi. Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thật hành Bát nhã ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ Tát lúc an trụ trong Bát nhã ba la mật, không có pháp được thử ngạn bỉ ngạn, giáo hóa tất cả chúng sanh thật hành Bát nhã ba la mật, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời Bát nhã ba la mật. Nhưng thiệt không có chúng sanh thật hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi. Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm. Lại nầy Tu Bồ Đề! Tùy theo chỗ đáng được độ của chúng sanh trong hằng sa quốc độ ở mười phương, đại Bồ Tát tự biên thân hình an trụ Đàn na ba la mật nhân đến Bát nhã ba la mật, cũng giáo hóa chúng sanh thật hành sáu ba la mật. Chúng sanh tuân hành pháp nầy đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời pháp nầy. Nhưng thiệt không có chúng sanh tuân hành. tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi. Đây là đại Bồ Tát đại trang nghiêm. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đại trang nghiêm đúng với tâm nhứt thiết trí, chẳng nghĩ rằng tôi dạy bao nhiêu người nầy an trụ sáu ba la mật mà chẳng dạy những người kia. Cũng chẳng nghĩ rằng tôi dạy bao nhiêu người nầy an trụ tứ niệm xứ đến bất cộng pháp mà chẳng dạy bao nhiêu người kia. Cũng chẳng nghĩ rằng tôi dạy bao nhiêu người nầy cho họ được quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, nhứt thiết chủng trí mà chẳng dạy bao nhiêu người kia. Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí, nghĩ rằng tôi sẽ làm cho vô lượng vô biên vô số tất cả chúng sanh an trụ sáu ba la mật. Tôi sẽ đặt tất cả chúng sanh nơi tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn đến nhứt thiết chủng trí. Nhưng thiệt không có chúng sanh an trụ sáu ba la mật nhẫn đến được nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi. Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Theo ý nghĩa mà con được nghe nơi đức Phật dạy, thời đại Bồ Tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm. Vì các pháp tự tánh rỗng không vậy. Nghĩa là sắc tự tướng rỗng không nhẫn đến thức tự tướng rỗng không, nhãn tự tướng rỗng không nhẫn đến ý tự tướng rỗng không, sắc tự tướng rỗng không nhẫn đến pháp tự tướng rỗng không, nhãn thức tự tướng rỗng không nhẫn đến ý thức tự tướng rỗng không, nhãn xúc tự tướng rỗng không nhẫn đến ý xúc tự tướng rỗng không, nhãn xúc nhân duyên, sanh thọ tự tướng rỗng không nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ tự tướng rỗng không, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật tự tướng rỗng không, nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không tự tướng rỗng không, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng tự tướng rỗng không, Bồ Tát tự tướng rỗng không. Do duyên cớ trên đây mà biết rằng đại Bồ Tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm". Đức Phật nói: "Phải lắm, đúng như lời ông nói. Nầy Tu Bồ Đề! Nhứt thiết trí chẳng chẳng phải là tác pháp, chúng sanh cũng chẳng phải là

tác pháp. Đại Bồ Tát vì chúng sanh nầy mà đại trang nghiêm. Tại sao vậy? Vì tác giả bất khả đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Nhứt thiết trí chẳng phải là pháp làm ra, sanh ra, chúng sanh nầy cũng chẳng phải pháp làm ra, sanh ra. Tại sao vậy? Vì sắc chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, ngã nhơn nhẫn đến tri giả, kiến giả chẳng phải? Làm ra chẳng phải chẳng làm ra. Tại sao vậy? Vì các pháp rốt ráo bất khả đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Mộng nhẫn đến biến hóa chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Nội không nhẫn đến vô pháp hữu hữu pháp không chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráp bất khả đắc vậy. Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thiệt tế chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Bồ Tát chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Do duyên cớ nầy nên nhứt thiết trí chăng phải pháp làm ra, sanh ra, chúng sanh nầy cũng chẳng phải pháp làm ra sanh ra. Đại Bồ Tát vì chúng sanh nầy mà đại trang nghiêm". Ngài thưa Tu Bồ Đề: "Bạch đức Thế Tôn! như con quán sát nghĩa của đức Phật nói thời sắc không phược, không thoát, thọ, tưởng, hành, thức không phược, không thoát". Ngài Phú Lâu Na hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "những sắc gì không phược, không thoát, những thọ, tưởng, hành, thức gì không phược, không thoát?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc như mộng và thọ, tưởng, hành, thức như mộng không phược, không thoát. Sắc như ảnh, như hưởng, như ảo, như diệm, như hóa và thọ, tưởng, hành, thức như ảnh, như hưởng, như ảo, như diệm, như hóa không phược, không thoát. Nầy Ngài Phú Lâu Na! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, không phược, không thoát. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức vị lai không phược, không thoát. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện tại, không phược, không thoát. Tại sao không phược, không thoát? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức đây là vô sở hữu nên không phược, không thoát. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức đây là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát. Nầy Ngài Phú Lâu Na! Thiện và bất thiện cùng vô ký, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không phược, không thoát. Thế gian, xuất thế gian và hữu lậu cùng vô lậu, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không phược, không thoát. Tại sao vậy? Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không phước Tất cả pháp cũng không phược, không thoát. Tại sao vậy? Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát. Nầy Ngài Phú Lâu Na! Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không phược, không thoát. Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát. Nầy Ngài Phú Lâu Na! Nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, Vô thượng Bồ đề, nhứt thiết trí, nhứt thiết chủng trí, Bồ Tát và Phật cũng đều không phược, không thoát. Nầy Ngài Phú Lâu Na! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thiệt tế, vô vi pháp cũng đều không phược, không thoát. Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là vô sanh nên không phược, không phước. Nầy Ngài Phú Lâu Na! Đây gọi là đại Bồ Tát Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không phược, không thoát, tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí không phược, không thoát. Đại Bồ

Tát an trụ trong sáu ba la mật không phược, không thoát, nhẫn đến an trụ nhứt thiết chủng trí không phược, không thoát để thực hiện không phược, không thoát thành tựu chúng sanh, không phược, không thoát thành tịnh Phật độ, không phược, không thoát cúng dường chư Phật, không phược, không thoát nghe chánh pháp, không phược, không thoát trọn chẳng rời chư Phật, không phược, không thoát trọn chẳng rời các thần thông, không phược, không thoát trọn chẳng rời ngũ nhãn, không phược, không thoát trọn chẳng rời các môn đà la ni, không phược, không thoát trọn chẳng rời các môn tam muội, không phược, không thoát sẽ sanh đạo chủng trí, không phược, không thoát sẽ được nhứt thiết chủng trí, không phược, không thoát chuyển pháp luân, không phược, không thoát an lập chúng sanh nơi Tam thừa. Nầy Ngài Phú Lâu Na! Đại Bồ Tát thật hành không phược, không thoát sáu ba la mật, phải biết tất cả pháp đều không phược, không thoát, vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát. Đây gọi là đại Bồ Tát không phược, không thoát đại trang nghiêm".

*** 18. PHẨM VẤN THỪA THỨ MƯỜI TÁM

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là đại Bồ Tát Đại thừa? Thế nào sẽ biết là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa? Thừa ấy pháp từ đâu? Thừa ấy đến chỗ nào? Sẽ an trụ chỗ nào? Ai sẽ ngồi nơi thừa ấy để ra?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật là đại Bồ Tát Đại thừa. Đây là sáu ba la mật: Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật. Thế nào gọi là Đàn na ba la mật? Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí để bố thí những sở hữu trong thân ngoài thân, cùng chung tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Đàn na ba la mật. Thế nào gọi là Thi la ba la mật? Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí, để tự thật hành thập thiện đạo và cũng dạy người khác thật hành, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là Bồ Tát Thi la ba la mật. Thế nào gọi là Sằn đề ba la mậ ? Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí, tự đầy đủ nhẫn nhục và cũng dạy người khác thật hành nhẫn nhục, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Sằn đề ba la mật. Thế nào gọi là Tỳ lê gia ba la mật? Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí, thật hành năm ba la mật kia, siêng tu không thôi nghĩ, cũng an lập chúng sanh nơi năm ba la mật, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Tỳ lê gia ba la mật. Thế nào gọi là Thiền na ba la mật? Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí, tự dùng phương tiện nhập các thiền chẳng thọ sanh theo thiền và cũng dạy người khác nhập các thiền, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Thiền na ba la mật. Thế nào gọi là Bát nhã ba la mật? Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí, chẳng chấp trước tất cả các pháp và quán pháp tánh vì vô sở đắc vậy. Cũng dạy người khác chẳng chấp trước tất cả các pháp và quán pháp tánh vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật. Nầy Tu Bồ Đề! Đây là đại Bồ Tát Đại thừa. Đại Bồ Tát lại có Đại

thừa. Những là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhứt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không. Những gì là nội không? Nội pháp là nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân và ý. Xét về nhãn thời nhãn rỗng không, nhẫn đến xét về ý thời ý rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tự tánh như vậy. Đây gọi là nội không. Những gì là ngoại không? Ngoại pháp là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Xét về sắc thời sắc rỗng không, nhẫn đến xét về pháp thời pháp rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là ngoại không. Những gì là nội ngoại không? Nội ngoại pháp là thập nhị nhập : nội lục nhập tức là sáu căn và ngoại lục nhập tức là sáu trần. Xét về nội pháp thời nội pháp rỗng không, xét về ngoại pháp thời ngoại pháp rỗng không, vì đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là nội ngoại không. Những gì là không không? Không là tất cả pháp rỗng không. Không nầy cũng là rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tự tánh như vậy. Đây gọi là không không. Những gì là đại không? Đại là nói mười phương. Xét về Đông phương thời Đông phương rỗng không, nhẫn đến Hạ phương thời Hạ phương rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là đại không. Những gì là đệ nhứt nghĩa không? Đệ nhứt nghĩa là nói Niết Bàn. Xét về Niết Bàn thời Niết Bàn rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây là đệ nhứt nghĩa không. Những gì là hữu vi không? Hữu vi pháp là nói tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Xét về Dục giới thời Dục giới rỗng không. Sắc giới thời Sắc giới rỗng không, Vô sắc giới thời Vô sắc giới rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là hữu vi không. Những gì là vô vi không? Vô vi pháp là nói không tướng sanh, không tướng trụ, không tướng diệt. Xét về vô vi pháp thời vô vi pháp rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô vi không. Những gì là tất cánh không? Tất cánh là nói các pháp rốt ráo bất khả đắc, tức là tất cánh rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tất cánh không. Những gì là vô thỉ không? Xét về chỗ khởi đầu đến các pháp thời bất khả đắc, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô thỉ không. Những gì là tán không? Tán là nói các pháp không diệt. Không diệt nầy cũng rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tán không. Những gì là tánh không? Hoặc hữu vi pháp tánh hoặc vô vi pháp tánh, tánh nầy chẳng phải Thanh Văn, Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải Phật làm ra, cũng chẳng phải người khác làm ra. Xét về tánh nầy, thời tánh nầy rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tánh không. Những gì là tự tướng không? Tự tướng là nói sắc thời tướng biến hoại, thọ thời tướng lãnh thọ, tưởng thời tướng lấy tướng dạng, hành thời tướng tạo tác, thức thời tướng rõ biết. Tự tướng của những pháp hữu vi, pháp vô vi đều rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tự tướng không. Những gì là chư pháp không? Chư pháp là nói ngũ ấm, thập

nhi nhập, thập bát giới. Xét về chư pháp nầy thời chư pháp nầy rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tự tánh như vậy. Đây gọi là chư pháp không. Những gì là bất khả đắc không? Tìm cầu các pháp bất khả đắc đây là bất khả đắc không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là bất khả đắc không. Những gì là vô pháp không? Nếu pháp không có thời cũng rỗng không, vì chẳng thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô pháp không. Những gì là hữu pháp không? Hữu pháp là nói trong các pháp hòa hiệp có tự tánh tướng. Hữu pháp nầy rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là hữu pháp không. Những gì là vô pháp hữu pháp không? Vô pháp trong các pháp và hữu pháp trong các pháp đều rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô pháp hữu pháp không. Nầy Tu Bồ Đề! Lại còn pháp pháp tướng không, vô pháp vô pháp tướng không, tự pháp? tự pháp tướng không, tha pháp tha pháp tướng không. Những gì gọi là pháp pháp tướng không? Pháp nơi đây là nói ngũ âm. Ngũ âm rông không. Đây gọi là pháp pháp tướng không. Những gì gọi là vô pháp vô pháp tướng không? Vô pháp nơi đây là nói vô vi pháp. Đây gọi là vô pháp vô pháp tướng không. Những gì gọi là tự pháp tự pháp tướng không? Xét về các pháp thời tự pháp rỗng không. Rỗng không nầy chẳng phải do biết cũng chẳng phải do thấy. Đây gọi là tự pháp tự pháp tướng không. Những gì gọi là tha pháp tha pháp tướng không? Hoặc Phật xuất thế hoặc Phật chưa xuất thế, pháp trụ, pháp tướng, pháp vị, pháp tánh, như thiệt tế vượt quá những pháp không nầy. Đây gọi là tha pháp tha pháp tướng không. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa. Nầy Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa. Chính là thủ lăng nghiêm tam muội, bữu ấn tam muội, sư tử du hí tam muội, diệu nguyệt tam muội, nguyệt tràng tướng tam muội, xuất chư pháp tam muội, quán đảnh tam muội, tất pháp tánh tam muội, tất tràng tướng tam muội, kim cang tam muội, nhập pháp ấn tam muội, tam muội vương an lập tam muội, phóng quang tam muội, lực tấn tam muội, cao xuất tam muội, tất nhập biện tài tam muội, thích danh tự tam muội, quán phương tam muội, đà la ni ấn tam muội, vô cuống tam muội, nhiếp chư pháp hải tam muội, biến phú hư không tam muội, kim cang luân tam muội, bửu đoạn tam muội, năng chiếu tam muội, bất cầu tam muội, vô trụ tam muội, vô tâm tam muội, tịnh đăng tam muội, vô biên minh tam muội, năng tác minh tam muội, phổ chiếu minh tam muội, kiên tịnh chư tam muội tam muội, vô cấu minh tam muội, hoan hỉ tam muội, điển quang tam muội, vô tận tam muội. oai đức tam muội, ly tận tam muội, bất động tam muội, bất thối tam muội, nhựt đăng tam muội, nguyệt tịnh tam muội, tịnh minh tam muội, năng tác minh tam muội, tác hành tam muội, tri tướng tam muội, như kim cang tam muội, tâm trụ tam muội, phổ minh tam muội, an lập tam muội, bửu tụ tam muội, diệu pháp ấn tam muội, , pháp đẳng tam muội, đoạn hỉ tam muội, đáo pháp đảnh tam muội, năng tán tam muội, phân biệt chư pháp cú tam muội, tự đẳng tướng tam muội, ly tự tam muội, đoạn duyên tam muội, bất hoại tam muội, vô chủng tướng tam muội, vô xứ hành tam muội, ly mông muội tam muội, vô khứ tam muội, bất biến dị tam muội, độ duyên tam muội, tập chư công đức tam muội, trụ vô tâm tam muội, tịnh diệu hoa tam muội, giác ý tam muội, vô lượng biện tam muội, vô đẳng đẳng tam muội, độ chư pháp tam muội, phân biệt chư pháp tam

muội, tán nghi tam muội, vô xứ tam muội, nhứt trang nghiêm tam muội, sanh hành tam muội, nhứt hành tam muội, bất nhứt hành tam muội, diệu hành tam muội, đạt nhứt thiết hữu để tán tam tam muội, nhập danh ngữ tam muội, ly âm thanh tự ngữ tam muội, nhiên cự tam muội, tịnh tướng tam muội, phá tướng tam muội, nhứt thiết chủng diệu túc tam muội, bất hỉ khổ lạc tam muội, vô tận tướng tam muội, đà la ni tam muội, nhiếp chư tà chánh tướng tam muội, diệt tắng ái tam muội, nghịch thuận tam muội, tịnh quang tam muội, kiên cố tam muội, mãn nguyệt tịnh quang tam muội, đại trang nghiêm tam muội, năng chiếu nhứt thiết thế tam muội, tam muội đẳng tam muội, nhiếp nhứt thiết hữu tránh vô tránh tam muội, bất lạc nhứt thiết trụ xứ tam muội, như trụ định tam muội, hoại thân suy tam muội, hoại ngữ như hư không tam muội, ly trước như hư không bất nhiễm tam muội. Thế nào gọi là thủ lăng nghiêm tam muội? Biết chỗ hành xứ của các tam muội, đây gọi là thủ lăng nghiêm tam muội. Thế nào gọi là bửu ấn tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể ấn các tam muội, đây gọi là bửu ấn tam muội. Thế nào gọi là sử tử du hí tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể du hí trong các tam muội như sư tử, đây gọi là sư tử du hí tam muội. Thế nào gọi là diệu nguyệt tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể soi sáng các tam muội như mặc nguyệt sáng, đây gọi là diệu nguyệt tam muội. Thế nào gọi là nguyệt tràng tướng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể nắm giữ tướng của các tam muội, đây gọi là nguyệt tràng tướng tam muội. Thế nào gọi là xuất chư pháp tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể xuất sanh các tam muội, đây gọi là xuất chư pháp tam muội. Thế nào gọi là quán đảnh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể xem thấy tột đảnh của các tam muội, đây gọi là quán đảnh tam muội. Thế nào gọi là tất pháp tánh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời quyết định biết pháp tánh, đây gọi là tất pháp tánh tam muội. Thế nào gọi là tất tràng tướng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể nắm giữ bảo tràng của các tam muội. Thế nào gọi là kim cang tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể phá các tam muội, đây gọi là kim cang tam muội. Thế nào gọi là nhập pháp ấn tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời nhập vào các pháp ấn, đây gọi là nhập pháp ấn tam muội. Thế nào gọi là tam muội vương an lập tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời an trụ vững vàng trong tất cả tam muội như đế vương, đây gọi là tam muội vương an lập tam muội. Thế nào gọi là phóng quang tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể phóng quang chiếu các tam muội, đây gọi là phóng quang tam muội. Thế nào gọi là lực tấn tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể làm thế lực đối với các tam muội, đây gọi là lực tấn tam muội. Thế nào gọi là cao xuất tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể tăng trưởng các tam muội, đây gọi là cao xuất tam muội. Thế nào gọi là tất nhập biện tài tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể biện thuyết các tam muội, đây gọi là tất nhập biện tài tam muội. Thế nào gọi là thích danh tự tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể giải thích danh tự của các tam muội, đây gọi là thích danh tự tam muội. Thế nào gọi là quán phương tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể quán sát phương hướng các tam muội, đây gọi là quán phương tam muội. Thế nào gọi là đà la ni ấn tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể nắm giữ các tam muội ấn, đây gọi là đà la ni ấn tam muội. Thế nào gọi là vô cuống tam muội? An trụ trong tam

muội nầy thời không khi dối đối với các tam muội, đây gọi là vô cuống tam muội. Thế nào gọi là nhiếp chư pháp hải tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể nhiếp lấy các tam muội như nước đại hải, đây gọi là nhiếp chư pháp hải tam muội. Thế nào gọi là biến phú hư không tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời che trùm các tam muội như hư không, đây gọi là biến phú hư không tam muội. Thế nào gọi là kim cang luân tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể nắm giữ các tam muội phần, đây gọi là kim cang luân tam muội. Thế nào gọi là bửu đoạn tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể dứt trừ phiền não cấu của các tam muội, đây gọi là bửu đoạn tam muội. Thế nào gọi là năng chiếu tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể dùng quang minh chiếu rõ các tam muội, đây gọi là năng chiếu tam muội. Thế nào gọi là bất cầu tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời không có pháp để cầu, đây gọi là bất cầu tam muội. Thế nào gọi là vô trụ tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy tất cả pháp trụ, đây gọi là vô trụ tam muội. Thế nào gọi là vô tâm tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời tâm và tâm sở chẳng hiện hành, đây gọi là vô tâm tam muội. Thế nào gọi là tịnh đăng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời đối với các tam muội chiếu sáng như đèn sáng, đây gọi là tịnh đăng tam muội. Thế nào gọi là vô biên minh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời làm ánh sáng vô biên cho các tam muội đây gọi là vô biên minh tam muội. Thế nào gọi là năng tác minh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời liền có thể làm sáng cho các tam muội, đây gọi là năng tác minh tam muội. Thế nào gọi là phổ chiếu minh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể chiếu các tam muội môn, đây gọi là phổ chiếu minh tam muội. Thế nào gọi là kiên tịnh chư tam muội tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể làm cho tướng của các tam muội bền chắc trong sạch, đây gọi là kiên tịnh chư tam muội tam muội. Thế nào gọi là vô cấu minh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể trừ cấu nhơ của các tam muội, đây gọi là vô cấu minh tam muội. Thế nào gọi là hoan hỉ tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời lãnh thọ sự hoan hỉ của các tam muội, đây gọi là hoan hỉ tam muội. Thế nào gọi là điển quang tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chiếu suốt các tam muội như điển quang, đây gọi là điển quang tam muội. Thế nào gọi là vô tận tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời đối với các tam muội chẳng thấy cùng tận, đây gọi là vô tận tam muội. Thế nào gọi là oai đức tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có oai đức chiếu rõ đối với các tam muội, đây gọi là oai đức tam muội. Thế nào gọi là ly tận tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội cùng tận, đây gọi là ly tận tam muội Thế nào gọi là bất động tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời làm cho các tam muội chẳng động, chẳng lay, đây gọi là bất động tam muội. Thế nào gọi là bất thối tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể chẳng thấy các tam muội bất thất, đây gọi là bất thối tam muội. Thế nào gọi là nhựt đăng tam muội. An trụ trong tam muội nầy thời phóng quang chiếu các tam muội môn, đây gọi là nhựt đăng tam muội. Thế nào gọi là nguyệt tịnh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể trừ sự tối tăm của các tam muội, đây gọi là nguyệt tịnh tam muội. Thế nào gọi là tịnh minh tam muội? An trụ trong tam muội nầy nơi các tam muội được tứ vô ngại trí, đây gọi là tịnh minh tam muội. Thế nào gọi là năng tác minh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời nơi các tam

muội môn có thể làm sáng, đây gọi là năng tác minh tam muội. Thế nào gọi là tác hành tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể làm cho các tam muội có chỗ tạo tác. Thế nào gọi là tri tướng tam muội? An trụ trong các tam muội nầy thời thấy các tam muội liền biết tướng của các tam muội, đây gọi là tri tướng tam muội. Thế nào gọi là như kim cang tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể quán xuyến thấu suốt các pháp, nhưng cũng chẳng thấy có thấu suốt, đây gọi là như kim cang tam muội. Thế nào gọi là tâm trụ tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời tâm chẳng động, chẳng chuyển, chẳng não, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm nầy, đây gọi là tâm trụ tam muội. Thế nào gọi là phổ minh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời thời thấy khắp quang minh của các tam muội, đây gọi là phổ minh am muội. Thế nào gọi là an lập tam muội? An trụ ở trong tam muội nầy thời ở nơi các tam muội an lập chẳng động, đây gọi là an lập tam muội. Thế nào gọi là bửu tụ tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời thấy khắp các tam muội như thấy đống châu báu, đây gọi là bửu tụ tam muội. Thế nào gọi là diệu pháp ấn tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể ân khả các tam muội, vì dùng vô ân đề ân vậy, đây gọi là diệu pháp ân tam muội. Thế nào gọi là pháp đẳng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời quán sát các pháp bình đẳng, không pháp nào chẳng bình đẳng, đây gọi là pháp đẳng tam muội. Thế nào gọi là đoạn hỉ tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời dứt sự hỉ trong tất cả pháp, đây gọi là đoạn hỉ tam muội. Thế nào gọi là đáo pháp đảnh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời diệt các pháp ám, cũng là ở trên các tam muội, đây gọi là đáo pháp đảnh tam muội. Thế nào gọi là năng tán tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể phá tan các pháp, đây gọi là năng tán tam muội. Thế nào gọi là phân biệt chư pháp cú tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời phân biệt các pháp cú của các tam muội, đây gọi là phân biệt chư pháp cú tam muội. Thế nào gọi là tự đẳng tướng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời được tự đẳng của các tam muội, đây gọi là tự đẳng tướng tam muội. Thế nào gọi là ly tự tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời nơi các tam muội nhẫn đến không thấy một chữ, đây gọi là ly tự tam muội. Thế nào gọi là đoạn duyên tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời dứt duyên của các tam muội, đây gọi là đoạn duyên tam muội Thế nào gọi là bất hoại tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các pháp biến dị, đây gọi là bất hoại tam muội. Thế nào gọi là vô chủng tướng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các pháp có nhiều thứ loại, đây gọi là vô chủng tướng tam muội? Thế nào gọi là vô xứ hành tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy xứ hành của các tam muội, đây gọi là vô xứ hành ta muội. Thế nào gọi là ly mông muội tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời lìa rời sự tối tăm vi tế của các tam muội, đây gọi là ly mông muội tam muội. Thế nào gọi là vô khứ tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy tướng đi của tất cả tam muội, đây gọi là vô khứ tam muội. Thế nào gọi là bất biến dị tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy tướng biến dị của các tam muội, đây gọi là bất biến dị tam muội. Thế nào gọi là độ duyên tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời vượt qua cảnh giới của các tam muội duyên, đây gọi là độ duyên tam muội. Thế nào gọi là tập chư công đức tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chứa nhóm công đức của các tam muội, đây gọi là tập chư công đức tam muội. Thế nào gọi là trụ vô tâm tam muội? An trụ

trong tam muội nầy thời đối với các tam muội tâm vô sở nhập, đây gọi là trụ vô tâm tam muội. Thế nào gọi là tịnh diệu hoa tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời làm cho các tam muội tịnh diệu như hoa xinh đẹp sạnh thơm, đây gọi là tịnh diệu hoa tam muội. Thế nào gọi là giác ý tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời được thất giác phần ở trong các tam muội, đây gọi là giác ý tam muội. Thế nào gọi là vô lượng biện tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời ở trong các pháp được vô lượng biện, đây gọi là vô lượng biện tam muội. Thế nào gọi là vô đẳng đẳng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời được tướng vô đẳng đẳng nơi các tam muội, đây gọi là vô đẳng đẳng tam muội. Thế nào gọi là độ chư pháp tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời vượt qua tất cả tam giới, đây gọi là độ chư pháp tam muội. Thế nào gọi là phân biệt chư pháp tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời phân biệt thấy các tam muội và các pháp, đây gọi là phân biệt chư pháp tam muội. Thế nào gọi là tán nghi ta muội? An trụ trong tam muội nầy thời được tiêu tan sự nghi đối với các pháp, đây gọi là tán nghi tam muội. Thế nào gọi là vô trụ xứ tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chăng thấy chô trụ xứ của các pháp, đây gọi là vô trụ xứ tam muội. Thê nào gọi là nhứt trang nghiêm tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời trọn chẳng thấy các pháp có hai tướng, đây gọi là nhứt thiết trang nghiêm tam muội. Thế nào gọi là sanh hành tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các hành sanh khởi, đây gọi là sanh hành tam muội. Thế nào gọi là nhứt hành tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội thử ngạn, bỉ ngạn, đây gọi là nhứt hành tam muội. Thế nào gọi là bất nhứt hành ta muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội một tướng, đây gọi là bậc nhứt hành tam muội. Thế nào gọi là diệu hành tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội hai tướng, đây gọi là diệu hành tam muội. Thế nào gọi là đạt nhứt thiết hữu để tán tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời nhập vào tất cả cõi, tất cả tam muội, trí huệ thông đạt cùng không chỗ thông đạt, đây gọi là đạt nhứt thiết hữu để tán tam muội. Thế nào gọi là nhập danh ngữ tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời nhập vào danh ngữ của tất cả tam muội, đây gọi là nhập danh ngữ tam muội. Thế nào gọi là ly âm thanh tự ngữ tam muội? An trú trong tam muội nầy thời chẳng thấy âm thanh tự ngữ của các tam muội, đây gọi là ly âm thanh tự ngữ của các tam muội. Thế nào gọi là nhiên cự tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời oai đức chiếu sánh như ngọn đuốc, đây gọi là nhiên cự tam muội. Thế nào gọi là tịnh tướng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời sạch tướng của các tam muội, đây gọi là tịnh tướng tam muội Thế nào gọi là phá tướng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy tướng của các tam muội, đây gọi là phá tướng tam muội. Thế nào gọi là nhứt thiết chủng diệu túc tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời tất cả tam muội chủng đều đầy đủ, đây gọi là nhứt thiết chủng diệu túc tam muội. Thế nào gọi là bất hỉ khổ lạc tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội khổ lạc, đây gọi là bất hỉ khổ lạc tam muội. Thế nào gọi là vô tận tướng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội chung tận, đây gọi là vô tận tướng tam muội. Thế nào gọi là đà la ni tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể chấp trì các tam muội, đây gọi là đà la ni tam muội. Thế nào gọi là nhiếp chư tà chánh tướng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời nơi các tam muội chẳng thấy tướng tà chánh,

đây gọi là nhiếp chư tà chánh tướng tam muội. Thế nào gọi là diệt tắng ái tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời không thấy sự ưa ghét của các tam muội, đây gọi là diệt tắng ái tam muội. Thế nào gọi là nghịch thuận tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy sự nghịch thuận của các pháp, của các tam muội, đây gọi là nghịch thuận tam muội. Thế nào gọi là tịnh quang tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy sự cấu nhơ nơi quang minh của các tam muội, đây gọi là tịnh quang tam muội. Thế nào gọi là kiên cố tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội chẳng kiên cố, đây gọi là kiên cố tam muội. Thế nào gọi là mãn nguyệt tịnh quang tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời các tam muội đầy đủ như mặt nguyệt đêm rằm, đây gọi là mãn nguyệt tịnh quang tam muội. Thế nào gọi là đại trang nghiêm tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời đại trang nghiêm thành tựu các tam muội, đây gọi là đại trang nghiêm tam muội. Thế nào gọi là năng chiếu nhứt thiết thế tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể chiếu các tam muội và tất cả pháp, đây gọi là năng chiếu nhứt thiết thế tam muội. Thế nào gọi là tam muội đăng tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời nơi các tam muội chăng thấy tướng định, tướng loạn, đây gọi là tam muội đẳng tam muội. Thế nào gọi là nhiếp nhứt thiết hữu tránh vô tránh tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời có thể làm cho các tam muội chẳng phân biệt có kia đây, không kia đây, đây gọi là nhiếp nhứt thiết hữu tránh vô tránh tam muội. Thế nào gọi là bất lạc nhứt thiết trụ xứ tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy chỗ y tựa của các tam muội, đây gọi là bất lạc nhứt thiết trụ xứ tam muội. Thế nào gọi là như trụ định tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng vượt quá tướng như của các tam muội, đây gọi là như trụ định tam muội. Thế nào gọi là hoại thân suy tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy thân tướng, đây gọi là hoại thân suy tam muội. ?Thế nào gọi là hoại ngữ như hư không tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy ngữ nghiệp của các tam muội như hư không, đây gọi là hoại ngữ như hư không tam muội. Thế nào gọi là ly trước như hư không bất nhiễm tam muội? An trụ trong tam muội nầy thời thấy các tam muội như hư không vô ngại, cũng chẳng nhiễm tam muội nầy, đây gọi là ly trước như hư không bất nhiễm tam muội. Nầy Tu Bồ Đề! Đây gọi là đai Bồ Tát Đai thừa".

*** 19. PHẨM QUẢNG THỪA THỨ MƯỜI CHÍN

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tứ niệm xứ. Thế nào là bốn? Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát, trong nội thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy. Trong ngoại thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy. Trong nội ngoại thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy. Đại Bồ Tát quán thân, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian. Nội thọ, nội tâm, nội pháp, ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp, nội ngoại thọ, nội ngoại tâm, nội ngoại pháp, đại Bồ Tát theo thọ tâm pháp quán sát, cũng không có thọ giác, tâm giác, pháp giác, vì bất khả đắc vậy, siêng tinh tấn nhứt

tâm trừ sự tham ưu của thế gian. Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào là đại Bồ Tát trong nội thân theo thân quán sát? Lúc đại Bồ Tát đi thời biết là đi, lúc đứng thời biết là đứng, lúc ngồi thời biết là ngồi, lúc nằm thời biết là nằm. Thân hành động thế nào thời biết như vậy. Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy. Đại Bồ Tát lúc đến, lúc đi, lúc nhìn ngó, co duỗi, cúi ngửa, lúc đắp y, cầm bát, lúc ăn uống, lúc nằm nghĩ, ngủ, thức, ngồi, đứng, nói, nín, lúc nhập thiền, xuất thiền cũng thường nhứt tâm. Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, vì bất khả đắc vậy. Trong nội thân, lúc theo thân quán sát, đại Bồ Tát nhứt tâm niệm, lúc thở vào biết là thở vào, lúc thở ra biết là thở ra, lúc thở vào dài thời biết là thở vào dài, lúc thở ra dài thời biết là thở ra dài, lúc thở vào vắn thời biết là thở vào vắn, lúc thở ra vắn thời biết là thở ra vắn, . Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy. Đại Bồ Tát quán sát thân tứ đại nghĩ rằng trong thân thể có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Ví như nhà hành thịt dùng dao bén giết bò chia làm bôn phần rồi hoặc đứng hoặc ngồi quán sát bốn phần thịt bò nầy. Cũng vậy đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật quán sát thân thể bốn đại: thủy đại, hỏa đại, phong đại. Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, vì bất khả đắc vậy Đại Bồ Tát lại quán sát thân thể từ đảnh đầu đến chân, da mỏng bao bọc nhiều thứ bất tịnh đầy trong thân. Nghĩ rằng thân thể có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, gân, thịt, xương, tủy, tim, gan, phổi, tùy, cật, mật? , tiểu trường, đại trường, bao tử, bàng quang, phân dãi, mồ hôi, cáu ghét, nước mắt, nước mũi, nước miếng, máu, mủ, đàm, nhớt, não óc. Ví như trong kho của nhà nông chứa lộn lạo đầy những lúa, nếp, mè , đậu, bắp. Người có đôi mắt sáng mở kho liền thấy rõ là lúa, là nếp, là mè , là đậu, là bắp. Đại Bồ Tát quán sát trong thân từ đầu đến chân thấy rõ từng chi tiết bất tịnh, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy. Đại Bồ Tát nếu thấy thân người chết đã trải qua một ngày, hai ngày đến năm ngày, xanh ứ sình trương mủ nước rỉ chảy, tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Đây là đại Bồ Tát trong nội thân theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy. Đại Bồ Tát nếu thấy thân người chết vất bỏ đã sáu ngày, bảy ngày, bị chồn, chó, sài lang, quạ, kên kên, xé ăn, tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Đây là đại Bồ Tát trong nội thân theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy. Đại Bồ Tát nếu thấy thân người chết vất bỏ bị cầm thú xé ăn rã rời hôi thúi bất tịnh, tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy thân người chết vất bỏ, da thịt đã tan lộ bày gân xương liên tỏa, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thân người chết vất bỏ, xương cốt đã rã rời trên đất, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy thân người chết vất bỏ, xương cốt rã rời trên đất, xương chân chỗ nầy, xương đầu chỗ nọ, mỗi lóng, mỗi đốt đều khác chỗ, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy xương khô bỏ lâu ngày, gió thổi, nắng soi, màu trắng như vỏ ốc, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng

thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy xương khô bỏ trên đất lâu ngày mục rã nát bấy lộn với đất, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy. Như quán sát nội thân với ngoại thân cùng nội ngoại thân, cũng theo thân quán sát như vậy. Cũng phải theo như trên đây mà giải thuyết rộng về thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, và pháp niệm xứ. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tứ chánh cần. Những gì là bốn? Đại Bồ Tát đối với những pháp ác bất thiện chưa pháp sanh, vì làm cho pháp ác chẳng sanh nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhứt tâm hành đạo. Đối với pháp ác bất thiện đã pháp sanh, vì dứt trừ nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhứt tâm hành đạo. Đối với pháp thiện chưa phát sanh, vì phát sanh nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhiếp tâm hành đạo. Đối với pháp thiện đã pháp sanh, vì làm cho còn mãi để tu tập đến được đầy đủ rộng lớn nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhiếp tâm hành đạo, vì bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa. Nầy Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tứ như ý phần. Những gì là bốn? Đại Bồ Tát dùng sự mong muốn định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự tinh tấn định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự tư duy định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự nhứt tâm định hạnh thành tựu mà tu như ý phần. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy, Nầy Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là ngũ căn. Những gì là năm? Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là ngũ lực. Những gì là năm? Tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực, đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là thất giác phần. Những gì là bảy? Đại Bồ Tát tu niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỉ giác phần, trừ giác phần, định giác phần và xã giác phần, nương nơi ly, nơi vô nhiễm hướng đến Niết Bàn. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có bát thánh đạo phần là đại Bồ Tát Đại thừa. Những gì là tám? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có ba môn tam muội là đại Bồ Tát Đại thừa. Những gì là ba? Không tam muội, vô tướng tam muội và vô tác tam muội. Không tam muội là nói các pháp tự tướng rỗng không. Đây gọi là không giải thoát môn. Vô tướng tam muội là nói diệt hoại các pháp tướng, không nghĩ, không nhớ. Đây gọi là vô tướng giải thoát môn. Vô tác tam muội là nói đối với các pháp không mong cầu tạo tác. Đây gọi là vô tác giải thoát môn. Ba môn nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, pháp trí, tỉ trí, thế trí, tha tâm trí, và như thiệt trí. Thế nào gọi là khổ trí? Biết khổ chẳng sanh, đây gọi là khổ trí. Thế nào gọi là tập trí? Biết tập phải dứt, đây gọi là tập trí. Thế nào gọi là diệt trí? Biết khổ dứt diệt, đây gọi là diệt trí. Thế nào gọi là đạo trí? Biết bát thánh đạo phần, đây gọi là đạo trí. Thế nào gọi là tận trí? Biết tham, sân, si, diệt tận, đây gọi là tận trí. Thế nào gọi là vô sanh trí? Biết trong các cõi hữu lậu là vô sanh, đây gọi là vô sanh trí. Thế nào gọi là pháp trí? biết bổn sự của ngũ ấm, đây gọi là pháp trí. Thế nào gọi là tỉ trí? Biết nhân vô thường nhẫn đến biết ý xúc nhơn duyên sanh thọ vô thường, đây gọi là tỉ trí.

Thế nào gọi là thế trí? Biết nhơn duyên danh tự, đây gọi là thế trí. Thế nào gọi là tha tâm trí? Biết tâm niệm của những chúng sanh khác, đây gọi là tha tâm trí Thế nào gọi là như thiệt trí? Biết nhứt thiết chủng trí của chư Phật, đây gọi là như thiệt trí. Mười một trí nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có tam căn là đại Bồ Tát Đại thừa. Những gì là ba? Vị tri dục tri căn, tri căn và trí giả căn. Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn, ngũ căn của hành hữu học chưa đắc quả, đây gọi là vị tri dục căn. Ngũ căn của hành hữu học đã đắc quả, đây gọi là tri căn. Ngũ căn của bậc vô học, hoặc A La Hán, Bích Chi Phật, hoặc chư Phật, đây gọi là trí giả căn. Tam căn nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có tam tam muội là đại Bồ Tát Đại thừa. Những gì là ba? Hữu giác hữu quán tám muội, vô giác hữu quán tam muội và vô giác vô quán tam muội. Rời những dục nhiễm và rời những pháp ác bất thiện có giác, có quán, rời dục nhiễm pháp sanh hỉ lạc nhập sơ thiền, đây gọi là hữu giác hữu quán tam muội. Chặng giữa của sơ thiền và nhị thiền, đây gọi là vô giác hữu quán tam muội. Từ nhị thiền đến phi hữu tưởng phi vô tưởng định, đây gọi là vô giác vô quán tam muội. Tam tam muội nầy? Là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có thập niệm là đại Bồ Tát Đại thừa. Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xã, niệm thiên, niệm thiện, niệm xuất nhập tức, niệm thân và niệm tử. Mười chánh niệm nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, bát bội xả và cửu thế đệ định là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là thập lực. Những gì là mười? Một là Phật biết như thiệt những tướng thị xứ, bất thị xứ của tất cả pháp. Hai là Phật biết như thiệt những nghiệp, những thọ pháp của chúng sanh khác, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhơn duyên, biết báo của chúng sanh khác. Ba là Phật biết như thiệt những tướng cấu tịnh sai khác của các thiền giải thoát, các tam muội và các định. Bốn là Phật biết như thiệt những tướng căn tánh thượng hạ của chúng sanh khác. Năm là Phật như thiệt biết những loại dục giải của chúng sanh khác. Sáu là Phật như thiệt biết vô số tánh loại sai khác của thế gian. Bảy là Phật như thiệt biết chỗ đến của tất cả đạo hạnh. Tám là Phật như thiệt biết túc mạng của mình và của chúng sanh khác từ một đời đến vô lượng đời trong vô lượng kiếp có tướng như vậy, có nhơn duyên như vậy. Chín là Phật thiên nhãn thanh tịnh hơn chư Thiên, như thiệt thấy biết chúng sanh chết đây sanh kia, hoặc thiện đạo hoặc ác đạo. Mười là Phật biết như thiệt các lậu tận nên vô lậu tâm giải thoát, vô lậu huệ giải thoát, trong pháp hiện tại tự chứng biết nhập vào pháp ấy, nghĩa là chứng biết như thiệt ta đã hết sanh tử, đã thành phạm hạnh, từ đời nay chẳng còn lại thấy có đời sau nữa. Mười trí lực nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tứ vô sở úy. Thế nào là bốn? Phật nói lời thành thiệt rằng ta là bực nhứt thiết chánh trí. Đối với những điều như như thiệt gạn hỏi về các pháp của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy an trụ ngôi thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả hàng Sa Môn, Bà La Môn, chư Thiên Vương, Phạm Vương, Ma Vương, cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ nhứt. Phật nói lời thành thiệt rằng ta là bực tất cả lậu đã dứt diệt hết sanh. Đối với chỗ gạn hỏi như thiệt về lậu phiền não dứt diệt đây của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy

có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ ngôi thánh chúa, ở giữa đại chúng chư sư tử hống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả trời, Người cùng chúng sanh khác không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ hai. Phật nói lời thành thiệt rằng đây là những pháp chướng ngại chánh đạo giải thoát. Đối với những lời gạn hỏi như thiệt về pháp chướng đạo đây của tất cả đại chúng. Phật không tự thấy có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ bực thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả Nhơn, Thiên cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ ba. Phật nói lời thành thiệt rằng những thánh đạo mà ta đã dạy quyết định có thể ra khỏi thế gian, theo đây thật hành thời có thể hết khổ. Đối với những lời gạn hỏi như thiệt về thánh đạo đây của tất cả đại chúng. Phật không tự thấy có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ bực thánh chúa. ở giữa đại chúng như sư tử hống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả Nhơn, Thiên cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ tư. Tứ vô sở úy nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tứ vô ngại trí. Những gì là bốn? Pháp vô ngại trí, nghĩa vô ngại trí, từ vô ngại trí và lạc thuyết vô ngại trí đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là thập bát bất cộng pháp. Những gì là mười tám? Một là thân của chư Phật không đổi, hai là khẩu của chư Phật không lỗi, ba là ý niệm của chư Phật không lỗi, bốn là chư Phật không có dị tướng, năm là chư Phật không có tâm bất định, sáu là chư Phật không có tâm chẳng biết rồi mà xả, bảy là nguyện dục không diệt, tám là tinh tấn không diệt, chín là chánh niệm không diệt, mười là huệ không diệt, mười một là giải thoát không diệt, mười hai là giải thoát tri kiến không diệt, mười ba là tất cả thân nghiệp của chư Phật đều theo nghiệp trí huệ mà hiện hành, mười bốn là tất cả khẩu nghiệp đều theo trí huệ mà hiện hành, mười lăm là tất cả ý nghiệp đều theo trí huệ mà hiện hành, mười sáu là trí huệ của chư Phật thấy biết thuở quá khứ không ngại, không chướng, mười bảy là trí huệ thấy biết thuở vị lai không ngại, không chướng, mười tám là trí huệ thấy biết thuở hiện tại không ngại, không chướng. Đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là tự đẳng ngữ đẳng chư tự nhập môn. Những gì là tự đẳng ngữ đẳng chư tự nhập môn? A tự môn, vì tất cả pháp từ đầu vốn là bất sanh vậy. La tự môn, vì tất cả pháp ly cấy vậy. Ba tự môn, vì tất cả pháp đệ nhứt nghĩa vậy. Giá tự môn, vì tất cả pháp trọn bất khả đắc vậy, vì tất cả pháp bất diệt, bất sanh vậy. Na tự môn, vì tất cả pháp rời danh tánh tướng bất đắc, bất thất vậy. Lã tự môn, vì tất cả pháp thoát khỏi thế gian vậy, cũng là vì ái chi nhơn duyên dứt diệt vậy. Đà tự môn, vì tất cả pháp thiện tâm phát sanh, cũng là tướng xả thí vậy. Bà tự môn, vì các pháp bà tự rời lìa vậy. Đồ tự môn, vì các pháp đồ tự thanh tịnh vậy. Sa tự môn, vì các pháp tự tại tánh thanh tịnh vậy. Hòa tự môn, vì nhập vào các pháp, dứt bặt ngữ ngôn vậy. Đa tự môn, vì nhập vào các pháp, như tướng bất động vậy. Dạ tự môn, vì nhập vào các pháp, như thiệt bất sanh vậy. Tra tự môn, vì nhập vào các pháp, chiết phục bất khả đắc vậy. Ca tự môn, vì nhập vào các pháp, tác giả bất khả đắc vậy. Ta tự môn, vì nhập vào các pháp, thời gian bất khả đắc vậy, vì các pháp thời gian lay chuyển vậy. Ma tự môn, vì nhập vào các pháp, ngã sở bất khả đắc vậy. Già tự môn, vì nhập vào các pháp, khứ giả bất khả đắc vậy. Tha tự môn, vì

nhập vào các pháp, xứ sở bất khả đắc vậy. Xà tự môn, vì nhập vào các pháp, sanh bất khả đắc vậy. Bả tự môn, vì nhập vào các pháp, bả tự bất khả đắc vậy. Đà tự môn, vì nhập vào các pháp, tánh bất khả đắc vậy. Xa tự môn, vì nhập vào các pháp, định bất khả đắc vậy. Khư tự môn, vì nhập vào các pháp, hư không bất khả đắc vậy. Xoa tự môn, vì nhập vào các pháp, diệt tận bất khả đắc vậy. Đá tự môn, vì nhập vào các pháp, hữu bất khả đắc vậy. Nhã tự môn, vì nhập vào các pháp, trí bất khả đắc vậy. Tha tự môn, vì nhập vào các pháp, tha tự bất khả đắc vậy. Bà tự môn, vì nhập vào các pháp, phá hoại bất khả đắc vậy. Xa tự môn, vì nhập vào các pháp, dục bất khả đắc vậy, ngũ ấm như ảnh cũng bất khả đắc vậy. Ma tự môn, vì nhập vào các pháp, ma tự bất khả đắc vậy. Hòa tự môn, vì nhập vào các pháp, kêu gọi bất khả đắc vậy. Ta tự môn, vì nhập vào các pháp, ta tự bất khả đắc vậy. Noa tự môn, vì nhập vào các pháp, chẳng đến, chẳng đi, chẳng đứng, chẳng ngồi, chẳng nằm vậy. Phả tự môn, vì nhập vào các pháp, biên bờ bất khả đắc vậy. Ca tự môn, vì nhập vào các pháp, tụ họp bất khả đắc vậy. Sai tự môn, vì nhập vào các pháp, sai tự bất khả đắc vậy. Già tự môn, vì nhập vào các pháp, hiện hành bất khả đắc vậy. Tra tự môn, vì nhập vào các pháp, cong vậy bất khả đắc vậy. Đồ tự môn, vì nhập vào các pháp, chỗ tột biên bờ nên chẳng diệt, chẳng sanh vậy. Quá chữ Đồ thời không chữ có thể tuyên thuyết. Tại sao vậy? Vì không còn có chữ vậy. Những chữ vô ngại, vô danh, cũng diệt, chẳng nói được, chẳng chỉ được, chẳng thấy được, chẳng biên chép được. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết tất cả pháp như hư không. Đây gọi là đà la ni môn chính là nghĩa của chữ A. Nếu đại Bồ Tát, nơi những tự môn ấn, a tự ấn nầy, hoặc nghe, hoặc thọ, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc trì, hoặc giảng nói cho người khác, thời biết rằng sẽ được hai mươi công đức. Những gì là hai mươi? Được nhớ biết dai. Được tâm kiên cố. Được chỉ thú của kinh. Được trí huệ. Được lạc thuyết vô ngại. Dễ được những môn đà la ni khác. Được tâm không nghi hối. Được nghe lành chẳng mừng, nghe dữ chẳng giận. Được chẳng cao, chẳng hạ, an trụ tâm không tăng, không giảm. Được thiện xảo, biết lời nói của chúng sanh. Được khéo phân biệt ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, thập nhị nhơn duyên, tứ duyên và tứ đế. Được khéo phân biệt những căn tánh lợi độn của các chúng sanh. Được khéo biết tâm niệm của kẻ khác. Được khéo phân biệt ngày, tháng, năm, mùa. Được khéo phân biệt thiên nhĩ thông, Được khéo phân biệt túc mạng thông. Được khéo phân biệt sanh tử thông. Được có thể khéo tuyên thuyết thị xứ, phi xứ. Được khéo biết thân oai nghi qua, lại, ngồi, đứng. Những đà la ni môn, tự môn, a tự môn nầy gọi là đai Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy".

*** 20. PHẨM PHÁT THÚ THỨ HAI MƯƠI

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ông hỏi thế nào là đại Bồ Tát Đại thừa phát thú? Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát lúc thật hành sáu ba la mật, từ một địa đến một địa, đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa phát thú". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát từ một địa đến một địa?" Đức Phật nói: "Đại Bồ Tát biết tất cả pháp không có tướng lai khứ, cũng không có pháp hoặc lai khứ, hoặc đến, chẳng đến,

vì các pháp tướng bất diệt vậy. Đại Bồ Tát đối với các địa chẳng niệm, chẳng tư duy mà tu tập trị địa nghiệp, cũng chẳng thấy địa. Những gì là trị địa nghiệp? Lúc an trụ bực sơ địa, đại Bồ Tát thật hành mười việc. Một là thâm tâm kiên cố, vì dụng vô sở đắc vậy. Hai là đối với tất cả chúng sanh tâm bình đẳng, vì chúng sanh bất khả đắc vậy. Ba là bố thí cho người, vì thọ giả bất khả đắc vậy. Bốn là thân cận thiện tri thức, cũng chẳng tự cao vậy. Năm là cầu pháp, vì tất cả pháp bất khả đắc vậy. Sáu là thường xuất gia, vì gia bất khả đắc vậy. Bảy là mến thích Phật thân, vì tướng hảo bất khả đắc vậy. Tám là diễn nói giáo pháp xuất thế vì các pháp chẳng phân biệt bất khả đắc vậy. Chính là phá kiêu mạn, vì pháp sanh huệ bất khả đắc vậy. Mười là thiệt ngữ, vì những ngữ ngôn bất khả đắc vậy. Trên đây là mười sự trị địa nghiệp của đại Bồ Tát an trụ trong bực sơ địa tu tập. Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ trong bực nhị địa thường niệm tám pháp. Những gì là tám? Một là giới thanh tịnh. Hai là biết ơn và báo ơn. Ba an trụ nhẫn nhục lực. Bốn là thọ hoan hỉ. Năm là chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh. Sáu là nhập đại bi tâm. Bảy là tin kính và thưa hỏi nơi thầy. Tám là cần câu các môn ba la mật. Đây là đại Bồ Tát an trụ trong bực nhị địa đầy đủ tám pháp. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực tam địa thật hành năm pháp. Những gì là năm? Một là học vấn nhiều không nhàm đủ. Hai là thanh tịnh pháp thí cũng chẳng tự cao. Ba là thanh tịnh Phật độ cũng chẳng tự cao. Bốn là nhận chịu vô lượng sự cần khổ thế gian mà vẫn chẳng nhàm. Năm là an trụ nơi tàm quý. Đây là năm pháp mà đại Bồ Tát an trụ trong bực tam địa phải đầy đủ. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực tứ địa phải thọ hành chẳng bỏ mười pháp. Những gì là mười? Một là chẳng bỏ chỗ ở A lan nhã. Hai là thiểu dục. Ba là tri túc. Bốn là chẳng bỏ công đức đầu đà. Năm là chẳng bỏ giới. Sáu là tránh ghét các dục nhiễm. Bảy là nhàm tâm thế gian, thuận tâm Niết Bàn. Tám là xả bỏ tất cả sở hữu. Chín là tâm chẳng trầm một. Mười là chẳng tiếc tất cả vật. Đây là mười pháp mà đại Bồ Tát an trụ trong bực tứ địa chẳng bỏ . Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực ngũ địa xa rời mười hai pháp. Những gì là mười hai? Một là xa lìa sự thân cận hành bạch y. Hai là xa lìa hàng Tỳ Kheo Ni. Ba là xa lìa sự tham tiếc nhà người khác. Bốn là xa lìa sự đàm thuyết vô ích. Năm là xa lìa sự giận hờn. Sáu là xa lìa sự tự tôn đại. Bảy là xa lìa sự khinh miệt người khác. Tám là xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. Chín là xa lìa đại mạn. Mười là xa lìa tự dụng. Mười một là xa lìa điên đảo. Mười hai là xa lìa tham sân si. Đây là mười hai điều mà đại Bồ Tát an trụ trong bực ngũ địa xa lìa. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực lục địa nên đầy đủ sáu pháp, chính là sáu ba la mật. Bực lục địa lại có sáu pháp chẳng nên làm. Những gì là sáu? Một là chẳng móng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Hai là chẳng có ý lo ngại khi bố thí. Ba là bị đòi hỏi cầu xin, không có lòng trốn tránh. Bốn là những vật sở hữu đều đem bố thí. Năm là sau khi bố thí xong, không có lòng hối tiếc. Sáu là chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu. Đây là sáu pháp phải đầy đủ và sáu pháp phải xa lìa của đại Bồ Tát an trụ trong bực lục địa. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực thất địa phải xa lìa hai mươi pháp chẳng nên chẳng phải. Những gì là hai mươi? Một là chẳng chấp ngã. Hai là chẳng chấp chúng sanh. Ba là chẳng chấp thọ giả. Bốn là chẳng chấp chúng sanh số nhẫn đến tri giả, kiến giả. Năm là chẳng chấp đoạn kiến. Sáu là chẳng chấp thường kiến. Bảy là chẳng nên khởi tướng dạng. Tám là chẳng nên khởi nhơn duyên kiến. Chính là chẳng chấp danh sắc.

Mười là chẳng chấp ngũ ấm. Mười một là chẳng chấp thập nhị nhập. Mười hai là chẳng chấp thập bát giới. Mười ba là chẳng chấp tam giới. Mười bốn là chẳng khởi tâm chấp trước. Mười lăm là chẳng khởi chỗ mong cầu. Mười sáu là chẳng khởi chỗ y chỉ. Mười bảy là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Phật. Mười tám là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Pháp. Mười chín là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Tăng. Hai mươi là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi giới. Đây là hai mươi điều chẳng nên chấp trước. Lại có hai mươi pháp mà bực thánh địa phải đầy đủ. Những gì là hai mươi? Một là đầy đủ không. Hai là chứng vô tướng. Ba là biết vô tác. Bốn là ba phần thanh tịnh. Năm là ở trong chúng sanh đầy đủ trí từ bi. Sáu là chẳng niệm tưởng tất cả chúng sanh. Bảy là bình đẳng xem tất cả pháp, nơi trong đây cũng chẳng chấp trước. Tám là biết thiệt tướng của các pháp, cũng chẳng niệm tưởng sự nầy. Chín là vô sanh pháp nhẫn. Mười là vô sanh trí. Mười một là tuyên thuyết các pháp nhứt tướng. Mười hai là phá tướng phân biệt. Mười ba là chuyển ức tưởng.? Mười bốn là chuyển kiến. Mười lăm là chuyển phiên não. Mười sáu là đông huệ đông đăng. Mười bảy là điều ý. Mười tám là tâm tịch diệt. Mười chín là vô ngại trí. Hai mươi là chẳng nhiễm ái. Trên đây là hai mươi điều chẳng nên chấp trước và hai mươi điều phải đầy đủ của bực thất địa đại Bồ Tát. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bát địa phải đầy đủ năm pháp. Những gì là năm? Một là thuận nhập vào tâm chúng sanh. Hai là du hí các thần thông. Ba là thấy các Phật quốc. Bốn là tự trang nghiêm quốc độ mình như Phật quốc đã thấy. Năm là quán thân Phật như thiệt, tự trang nghiêm Phật thân. Lại phải đầy đủ năm điều. Một là biết các căn tánh thượng hạ . Hai là thanh tịnh Phật độ. Ba là nhập như huyễn tam muội. Bốn là thường nhập tam muội. Năm là tùy theo thiện căn mà chúng sanh đáng được để thọ thân. Trên đây là năm pháp và năm điều mà đại Bồ Tát bát địa đầy đủ. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong cửu địa phải đầy đủ mười hai pháp. Một là nhiếp thọ vô biến thế giới mà phần mình hóa độ. Hai là Bồ Tát được như chỗ nguyện cầu. Ba là biết tiếng nói của các Thiên long, Càn thát bà để thuyết pháp cho họ. Bốn là thành tựu thai sanh. Năm là thành tựu nhà? Sáu là thành tựu chỗ sanh. Bảy là thành tựu họ. Tám là thành tựu quyến thuộc. Chín là thành tựu xuất sanh. Mười là thành tựu xuất gia. Mười một là thành tựu bồ đề thọ trang nghiêm. Mười hai là thành tựu tất cả những công đức lành. Trên đây là mười hai pháp mà bậc cửu địa đại Bồ Tát phải đầy đủ. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết bậc thập địa đại Bồ Tát thời như đức Phật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thâm tâm nhẫn đến thế nào là thiệt ngữ?" Đức Phật nói: "Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí, tích tập tất cả thiện căn, đây gọi là thâm tâm trị địa nghiệp. Nếu sanh khởi tứ vô lượng tâm là từ , bi, hỉ và xả, đây gọi là tâm bình đẳng ở trong tất cả chúng sanh. Nếu bố thí cho tất cả chúng sanh mà không phân biệt, đây gọi là tu bố thí. Nếu thân cận học hỏi, cung kính cúng dường các bực có thể giáo hóa người an trụ trong nhứt thiết trí, đây gọi là thân cận thiện tri thức. Nếu cầu pháp đúng với tâm nhứt thiết trí, không sa vào hành Thanh Văn, Bích Chi Phật, đây gọi là cầu pháp. Nếu đời đời chẳng rời tâm xuất gia, luôn xuất gia trong Phật pháp không ai ngăn trở được, đây gọi là thường xuất gia trị địa nghiệp. Nếu thấy thân tướng của Phật, nhẫn đến khi thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời niệm Phật, đây gọi là ái lạc Phật thân. Hoặc Phật hiện tại hoặc Phật đã

nhập diệt, nếu vì chúng sanh mà thuyết pháp sơ trung hậu đều thiện, diệu nghĩa hảo ngữ trong sạch tinh thuần, hoàn cụ cả mười hai bộ kinh từ tu đa la đến luận nghị, đây gọi là diễn nói giáo pháp xuất thế trị địa nghiệp. Vì phá kiêu mạn nên trọn chẳng hạ sanh nhà hạ tiện, đây gọi là pháp kiêu mạn trị địa nghiệp. Đúng như lời mà thật hành, đây gọi là thiệt ngữ trị địa nghiệp. Trên đây là mười sự trị địa nghiệp của đại Bồ Tát an trụ trong bực sơ địa tu hành. Thế nào là giới thanh tịnh nhẫn đến cần cầu các ba la mật? Nầy Tu Bồ Đề! nếu đại Bồ Tát chẳng có tâm niệm xu hướng Thanh Văn, Bích Chi Phật và những sự phá giới chướng ngại Phật đạo, đây gọi là giới thanh tịnh. Nếu thật hành Bồ Tát hạnh, cho đến một chút ơn nhỏ còn chẳng quên huống là nhiều, đây gọi là biết ơn báo ơn. Nếu đối với tất cả chúng sanh không giận hờn, không làm não hại, đây gọi là an trụ sức nhẫn nhục. Lấy sự thành tựu chúng sanh làm niềm vui, đây gọi là thọ hoan hỉ. Nghĩ nhớ muốn cứu tất cả chúng sanh, đây gọi là chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Nếu nghĩ như vầy: Tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà chịu cần khổ trong địa ngục đến hằng sa kiếp chừng nào chúng sanh ấy thành Phật nhập Niết Bàn, đây là vì tất cả chúng sanh mười phương mà nhân thọ sự khổ nhọc nên gọi là nhập đại bi tâm. Nếu đối với bực sư trưởng xem như Phật, đây gọi là tin tưởng cung kính học hỏi nơi thầy. Nếu nhứt tâm siêng cầu các môn ba la mật mà không cầu sự khác, đây gọi là cần cầu các ba la mật. Trên đây gọi là tám pháp đầy đủ của đại Bồ Tát an trụ trong bực nhị địa. Thế nào là học vấn nhiều không nhàm đủ nhẫn đến an trụ nơi tàm quý? Nầy Tu Bồ Đề! Hoặc trong thế giới nầy hay ở thế giới mười phương có bao nhiêu chánh pháp của chư Phật tuyên thuyết thời đều muốn được nghe nhớ thọ trì cả, đây gọi là học vấn nhiều không nhàm đủ. Có bao nhiêu pháp thí vẫn không mong cầu, cho đến còn chẳng cầu Vô thượng Bồ đề huống là những sự khác, đây gọi là pháp thí chẳng cầu danh lợi, cũng gọi là thanh tịnh pháp thí. Đem tất cả thiện căn hồi hướng thanh tịnh Phật độ, đây gọi là tịnh Phật quốc độ. Vì đầy đủ thiện căn nên có thể thành tựu chúng sanh, cũng trang nghiêm Phật độ cho đến đầy đủ nhứt thiết trí trọn không mỏi nhàm, đây gọi là chịu lấy vô lượng sự cần khổ mà chẳng nhàm. Hổ thẹn nơi tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, đây gọi là an trụ nơi tàm quý. Trên đây là đại Bồ Tát an trụ bực tam địa đầy đủ năm pháp. Thế nào là chẳng bỏ chỗ ở A lan nhã nhẫn đến chẳng tiếc tất cả vật? Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát có thể hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, đây gọi là chẳng bỏ chỗ ở A lan nhã. Còn không có niệm mong muốn Vô thượng Bồ đề huống là những sự mong muốn khác, đây gọi là thiểu dục, được nhứt thiết chủng trí, đây gọi là tri túc. Quán sát các thâm pháp nhẫn, đây gọi là chẳng bỏ đầu đà công đức. Chẳng chấp lấy giới tướng, đây gọi là chẳng bỏ giới. Vì dục tâm chẳng phát sanh, đây gọi là trách ghét các dục nhiễm. Vì biết tất cả pháp chẳng tạo tác, đây gọi là nhàm tâm thế gian mà thuận tâm Niết Bàn. Chẳng tiếc tất cả nội pháp, ngoại pháp, đây gọi là xả bỏ tất cả sở hữu. Tâm chẳng sanh khởi nơi hai thứ thứ thức xứ, đây gọi là tâm chẳng trầm một. Đối với tất cả vật chẳng chấp trước, chẳng nghĩ nhớ, đây gọi là chẳng tiếc tất cả vật. Trên đây là mười pháp chẳng bỏ của đại Bồ Tát an trụ trong bực tứ địa. Thế nào là xa lìa gần gũi hàng bạch y nhẫn đến xa lìa tham, sân, si? Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát sanh nơi đâu cũng đều xuất gia, từ một Phật quốc đến một Phật quốc thường xuất gia cạo đầu mặc cà sa, đây gọi là xa lìa gần gũi bạch y. Chẳng ở chung với Tỳ Kheo Ni, nhẫn đến chẳng nghĩ tưởng dầu là khoảng đàn chỉ ,

đây gọi là xa lìa Tỳ Kheo Ni. Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Tôi phải an lạc chúng sanh, nay họ giúp tôi an lạc thời đâu nên sanh lòng lẫn tiếc, đây gọi là xa lìa sự lẫn tiếc nhà người khác. Nếu có chỗ nào luận đàm có thể phát sanh tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, thời tôi phải xa lìa, đây gọi là xa lìa chỗ luận đàm vô ích, Chẳng để cho tâm giận hờn, tâm não hại, tâm đấu tranh xen vào, đây gọi là xa lìa tâm sân. Chẳng thấy có nội pháp, đây gọi là xa lìa sự tôn đại. Chẳng thấy có ngoại phải, đây gọi là xa lìa sự khi dễ người. Mười nghiệp đạo bất thiện còn là chướng ngại bát thánh đạo huống là Vô thượng Bồ đề, đây gọi là xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. Chẳng thấy có pháp gì có thể làm đại mạn, đây gọi là xa lìa đại mạn. Chẳng thấy có pháp gì có thể tự dùng được, đây gọi là xa lìa tự dụng. Chỗ điên đảo bất khả đắc, đây gọi là xa lìa điên đảo. Chẳng thấy được chỗ tham, sân, si, đây gọi là xa lìa tham, sân, si. Trên đây là đại Bồ Tát an trụ trong bực ngũ địa xa lìa mười hai pháp. Thế nào là đầy đủ sáu pháp? An trụ trong sáu ba la mật có thể vượt đến bờ kia, đây gọi là đầy đủ sáu pháp. Thế nào là chẳng móng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật nhẫn đến chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu? Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát nghĩ rằng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chẳng móng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Bồ Tát nghĩ rằng bố thí có lòng lo ngại thời là chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là bố thí chẳng sanh lòng lo sợ. Bồ Tát nghĩ rằng thấy người cầu xin mà có tâm trốn tránh chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chẳng có lòng trốn tránh khi bị cầu xin. Lúc bố thí chẳng nói cái nầy cho được, cái nầy chẳng cho được, đây gọi là những vật sở hữu đều đem bố thí. Vì sức từ bi nên sau khi bố thí chẳng ăn năn. Vì sức tín công đức nên chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu. Trên đây là sáu pháp phải đầu đủ và sáu pháp phải xa lìa của đại Bồ Tát an trụ bậc lục địa. Thế nào là chẳng chấp ngã nhẫn đến chẳng chấp nơi sụ thấy là phải nương nơi giới? Nầy Tu Bồ Đề! Vì rốt ráo vô ngã, vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều rốt ráo bất khả đắc nên chẳng chấp trước những pháp ấy. Không có pháp đoạn diệt vì các pháp rốt ráo bất sanh nên chẳng chấp đoạn kiến. Nếu pháp đã chẳng sanh thời cũng chẳng thường nên chẳng chấp thường kiến. Vì không các phiền não nên chẳng chấp lấy tướng. Vì chư kiến đều chẳng thể thấy được nên chẳng khởi nhơn duyên kiến. Vì danh sắc, ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, tam giới, tâm nguyện và y chỉ đều là tánh không nên chẳng chấp trước. Vì khởi sự thấy là phải nương nơi Phật thời chẳng thấy Phật nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi Phật. Vì Pháp chẳng thể thấy nên chẳng khởi sự thấy y chỉ Pháp. Vì Tăng tướng vô vi chẳng thể nương nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi Tăng. Vì nơi tội cùng vô tội đều không dính mắc nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi giới. Trên đây là hai mươi pháp chẳng nên chấp trước của đại Bồ Tát an trụ trong bực thất địa. Thế nào là đầy đủ không nhẫn đến chẳng nhiễm ái? Nầy Tu Bồ Đề! Đầy đủ tự tướng không của các pháp, đây là đầy đủ không. Chẳng tưởng nhớ các tướng, đây là chúng vô tướng. Chẳng tạo tác trong tam giới, đây là biết là vô tác. Đầy đủ mười nghiệp đạo lành, đây là ba phần thanh tịnh. Vì được đại bi nên đầy đủ trí từ bi. Vì đầy đủ thanh tịnh Phật độ nên chẳng niệm tưởng tất cả chúng sanh. Vì chẳng tổn ích đối với tất cả pháp nên bình đẳng quán sát tất cả pháp. Vì các pháp thiệt tướng là vô tri nên Bồ Tát biết thiệt tướng của các pháp. Vì các pháp bất sanh, bất diệt, bất tác nên Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn. Vì biết danh sắc bất sanh nên được vô sanh trí.

Vì tâm chẳng hiện hành hai tướng nên tuyên nói các pháp nhứt tướng. Vì tất cả pháp chẳng phân biệt nên phá tướng phân biệt. Vì vô lượng tưởng niệm lớn nhỏ chuyển nên Bồ Tát chuyển nhớ tưởng. Vì kiến chấp Thanh Văn, Bích Chi Phật chuyển nên chuyển kiến. Vì dứt trừ những phiền não nên chuyển phiền não. Vì được nhứt thiết chủng trí nên định huệ đồng đẳng. Vì bất động đối với tam giới nên ý được điều. Vì chế ngự sáu căn nên tâm tịch diệt. Vì được Phật nhãn nên trí vô ngại. Vì xả bỏ sáu trần nên chẳng nhiễm ái. Trên đây là hai mươi pháp phải đầy đủ của đại Bồ Tát an trụ trong bậc thất địa Thế nào là đại Bồ Tát thuận nhập tâm chúng sanh nhẫn đến tự trang nghiêm Phật thân? Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng một tâm biết rõ tâm và tất sở của tất cả chúng sanh, đây là thuận nhập tâm chúng sanh. Dùng thần thông từ một Phật quốc đến một Phật quốc, cũng không có tưởng niệm Phật quốc, đây là du hí các thần thông. Từ ở cõi mình mà thấy vô lượng Phật quốc, cũng không có tưởng Phật quốc, đây là xem thấy các Phật quốc. Trụ ngôi Chuyển Luân Thánh Vương đi khắp Đại Thiên thế giới để tự trang nghiêm nước của mình, đây là tự trang nghiêm nước mình như Phật quốc đã được thấy. Vì như thiệt quán pháp thân nên là như thiệt quán Phật thân. Trên đây là đại Bồ Tát an trụ trong bực bát thánh địa đầy đủ năm pháp. Thế nào là biết các căn tánh thượng hạ nhẫn đến thế nào là tùy theo thiện căn để thọ thân? Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Phật thập lực biết những căn tánh thượng hạ của tất cả chúng sanh. Vì tịnh chúng sanh nên Phật độ tịnh. Trụ trong như huyễn tam muội thời có thể thành tựu tất cả sự, cũng chẳng phát sanh tâm tướng. Vì được báo sanh tam muội nên thường nhập tam muội. Vì thành tựu chúng sanh nên tùy theo thiện căn mà chúng sanh đáng được thọ thân hầu giáo hóa họ. Trên đây là năm điều mà đại Bồ Tát trụ bực bát địa được đầy đủ. Thế nào là đại Bồ Tát nhiếp thọ vô biên thế giới mà phần mình hóa độ nhẫn đến công đức thành tựu đầy đủ? Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hóa độ chúng sanh trong vô biên thế giới đúng như chỗ đáng được độ của Phật pháp, đây là nhiếp thọ vô biên thế giới mà phần mình hóa độ. Được đầy đủ sáu ba la mật, đây la được như chỗ nguyện cầu. Do từ vô ngại biện lực nên biết tiếng nói của chư Thiên Long, Càn thát bà. Vì đời đời được hóa sanh nên thai sanh được thành tựu. Vì thường sanh trong nhà vọng tộc nên nhà được thành tựu. Vì sanh nơi dòng Sát Đế Lợi hoặc Bà La Môn nên chỗ sanh thành tựu. Như họ của Bồ Tát quá khứ sanh mà sanh trong đó nên họ được thành tựu. Vì thuần dùng hàng đại Bồ Tát làm quyến thuộc nên quyến thuộc được thành tựu. Vì lúc sanh ra quang minh của Bồ Tát chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới cũng chẳng chấp lấy tướng quang minh nên xuất sanh được thành tựu. Vì khi xuất gia có vô lượng chư Thiên theo hầu hạ và quyết định đưa chúng sanh đến quả Tam thừa nên xuất gia thành tựu. Cây bồ đề dùng hoàng kim làm gốc, bảy báu làm thân, nhánh, lá chiếu sáng khắp vô lượng vô biên thế giới mười phương, đây là trang nghiêm Phật thọ thành tựu. Chúng sanh được thanh tịnh, Phật độ cũng thanh tịnh, đây là tất cả công đức lành thành tựu đầy đủ. Trên đây là mười hai pháp của bực cửu địa đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ. Thế nào là đại Bồ Tát an trụ trong bực thập địa phải biết như Phật? Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát đầy đủ sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến đầy đủ mười tám pháp bất cộng và nhứt thiết chủng trí dứt tất cả phiền não và tập khí, thời gọi là đại Bồ Tát an trụ trong bực thập địa phải biết là chư Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực thập

địa nầy dùng sức phương tiện để thật hành sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến thật hành mười tám pháp bất cộng, vượt qua bực càn huệ địa, bực tánh địa, bực bát nhơn địa, bực kiến địa, bực bạc địa, bực ly dục địa, bực dĩ tác địa, bực Bích Chi Phật địa, bực Bồ Tát địa. vượt qua chín bực trên mà an trụ nơi Phật địa, đây là Bồ Tát thập địa. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa phát thú".

*** 21. PHẨM XUẤT ĐÁO THỨ HAI MƯƠI MỐT

"Nầy Tu Bồ Đề! Ông hỏi Đại thừa nầy từ chỗ nào phát xuất và đến an trụ chỗ nào? Nầy Tu Bồ Đề! Đại thừa nầy phát xuất từ trong tam giới đến an trụ trong nhứt thiết trí, vì là pháp bất nhị vậy. Tại sao vậy? Đại thừa và nhứt thiết trí là hai pháp chẳng hiệp, chẳng tan, chẳng sắc, không hình, không đối là nhứt tướng, chính là vô tướng. Nếu có người muôn cho thiệt tê phát xuất thời là người muôn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho pháp như, pháp tánh, bất tư nghì tánh phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Tướng không của sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ nhứt thiết trí, vì sắc sắc tướng rỗng không, thọ, tưởng, hành, thức thức tướng rỗng không vậy. Nếu có người muốn cho nhãn không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho sắc không, thanh không nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Nhãn không nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ không chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ nhứt thiết trí, vì nhãn nhãn tướng rỗng không nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ tướng rỗng không vậy. Nếu có người muốn cho mộng, ảo, diệm, hưởng, ảnh và hóa phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Mộng tướng nhẫn đến hóa tướng chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong nhứt thiết trí, vì mộng mộng tướng rỗng không nhẫn đến hóa hóa tướng rỗng không vậy Nếu có người muốn cho Đàn na ba la mật phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong nhứt thiết trí, vì Đàn na Đàn na tướng rỗng không nhẫn đến Bát nhã Bát nhã tướng rỗng không vậy. Nếu có ngươi muốn nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Nội không tướng đến vô pháp hữu pháp không tướng chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong nhứt thiết trí, vì nội không nội không tánh rỗng không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vô pháp hữu pháp không tánhrỗng không vậy. Nếu có người muốn cho tứ niệm xứ đến thập

bát bất cộng pháp phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Tứ niệm xứ tánh đến thập bát bất cộng pháp tánh chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong nhứt thiết trí, vì tứ niệm xứ tứ niệm xứ tánh rỗng không nhẫn đến bất cộng pháp bất cộng pháp tánh rỗng không vậy. Nếu có người muốn cho A La hán phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho Bích Chi Phật phát xuất thời là muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Nếu có người muốn cho Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! A La Hán tánh, Bích Chi Phật tánh và Phật tánh chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong nhứt thiết trí, vì A La Hán A La Hán tánh rỗng không, Bích Chi Phật Bích Chi Phật tánh rỗng không, Phật tánh rỗng không vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Do nhơn duyên trên đây nên Đại thừa nầy phát xuất từ trong tam giới đến an trụ trong nhứt thiết trí, vì bất động vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Ông hỏi Đại thừa nầy đến an trụ chỗ nào? Nầy Tu Bồ Đề! Đại thừa nầy không chỗ an trụ, vì tất cả pháp không có tướng an trụ vậy. Đại thừa nầy nêu có an trụ thời là chăng phải an trụ. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như pháp tánh bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, vô khởi, vô tác, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ vì pháp tánh pháp tánh tướng rỗng không vậy, nhẫn đến vì vô tác vô tác tánh rỗng không vậy. Như pháp tánh, các pháp khác cũng như vậy, chẳng phải trụ, chẳng phả chẳng trụ. Đại thừa nầy cũng như vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Nầy Tu Bồ Đề! Do nhơn duyên như thế nên Đại thừa nầy không chỗ an trụ, vì là pháp bất trụ, là pháp bất cộng vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Ông hỏi ai ngồi Đại thừa nầy để phát xuất? Nầy Tu Bồ Đề! Không có ai ngồi Đại thừa nầy để phát xuất. Tại sao vậy? Vì Đại thừa nầy cùng người phát xuất và pháp bị sử dụng cùng thời gian phát xuất đều vô sở hữu cả. Nếu tất cả pháp đều vô sở hữu thời dùng pháp gì để phát xuất? Tại sao vậy? Ngã bất khả đắc nhẫn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Bát khả tư nghì tánh bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Nội không đến vô pháp hữu pháp không bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tu Đà Hoàn đến Bồ Tát, chư Phật bật khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tu Đà Hoàn quả đến nhứt thiết chủng trí bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, vô khởi, vô tác bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Quá khứ thế, vị lai thế, hiện tại thế, sanh, trụ, diệt bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tăng, giảm bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Vì những pháp gì bất khả đắc nên là bất khả đắc? Nầy Tu Bồ Đề! Vì pháp tánh bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì như thiệt tế, bất khả tư nghì tánh, pháp tướng, pháp vị bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì nội không đến vô pháp hữu pháp không bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì tứ niệm xứ đến bất cộng pháp bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, chư Phật bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì Tu Đà Hoàn quả, Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm quả, A La Hán quả, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo bất khả đắc nên là bất khả đắc. Vì bất sanh, bất diệt đến vô khởi, vô tác bất khả đắc nên là bất khả đắc. Lại vì sơ địa đến thập địa bất khả đắc nên là

bất khả đắc, vì rốt ráo vậy. Thế nào là sơ địa đến thập địa? Chính là càn huệ địa, tánh địa, bát nhơn địa, kiến địa, bạc địa, ly dục địa, dĩ tác địa, Bích Chi Phật địa, Bồ Tát địa và Phật địa. Trong nội không đến vô pháp hữu pháp không chẳng có thể được sơ địa đến thập địa. Tại sao vậy? Vì sơ địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, nhẫn đến thập địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Trong nội không đến vô pháp hữu pháp không, thành tựu chúng sanh bất khả đắc, tịnh Phật quốc độ bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Trong nội không đến vô pháp hữu pháp không, ngũ nhãn bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Nầy Tu Bồ Đề! vì thế nên đại Bồ Tát do nơi tất cả pháp bất khả đắc mà ngồi Đại thừa nầy từ tam giới phát xuất an trụ trong nhứt thiết trí".

*** 22. PHẨM THẮNG XUẤT THỨ HAI MƯƠI HAI

Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa và người Đại thừa vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa nầy đồng đẳng với hư không. Như hư không dung thọ vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh. Cũng vậy, Đại thừa nầy dung thọ vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh. Đại thừa nầy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ dừng ở. Đại thừa nầy, chẳng thể được quá khứ, chẳng thể được vị lai, chẳng thể được hiện tại. Ba đời bình đẳng là Đại thừa nầy. Do duyên cớ trên đây nên gọi là Đại thừa". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát Đại thừa là sáu ba la mật: Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa là tất cả đà la ni môn, tất cả tam muội môn. Như là thủ lăng nghiêm tam muội đến ly trước như hư không bất nhiễm tam muội. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa là nội không đến vô pháp hữu pháp không. Lại có đại Bồ Tát Đại thừa là tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Nầy Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu Dục giới là có chơn thiệt chẳng hư vọng, là đế lý chẳng điên đảo, thường hằng chẳng hư hoại chẳng phải pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi dục giới hư vọng, nhớ tưởng, phân biệt, hoà hiệp danh tự v.v. có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có. Thế nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu Sắc giới và Vô sắc giới là có chơn thiệt chẳng hư vọng, là đế lý chẳng điển đảo, thường hằng chẳng hư hoại, chẳng phải pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi sắc giới và Vô sắc giới hư vọng, nhớ tưởng, phân biệt, hòa hiệp danh tự… có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có. Thế nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu sắc uẩn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ là có chơn thiệt chẳng hư vọng, là đế lý chẳng điên đảo, thường hằng chẳng hư hoại, chẳng phải pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi sắc uẩn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ hư vọng, nhớ tưởng, phân biệt,

hòa hiệp danh tự v.v. có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu pháp tánh như thiệt tế, bất khả tư nghì tánh là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi pháp tánh đến bất tư nghì tánh không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! nếu nội không đến vô pháp hữu pháp không là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi nội không đến vô pháp hữu pháp không không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tứ niệm xứ đến bất cộng pháp không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu tánh nhơn pháp, bát nhơn pháp, Tu Đà Hoàn pháp, Tư Đà Hàm pháp, A Na Hàm pháp, A La Hán pháp, Bích Chi Phật pháp và Phật pháp là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tánh nhơn pháp đến Phật pháp không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! nếu bực tánh địa, bực bát nhơn, bực Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tánh địa đến chư Phật không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, những tâm trong khoảng trung gian đó là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi những tâm trong khoảng trung gian từ lúc phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng của đại Bồ Tát không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu như kim cang huệ của đại Bồ Tát là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời đại Bồ Tát nầy không thể biết được tất cả kiết sử và tập khí không có pháp, chẳng phải pháp để được nhứt thiết chủng trí. Bởi như kim cang huệ không có pháp, chẳng phải pháp, nên đại Bồ Tát biết được, tất cả kiết sử và tập khí không có pháp, chẳng phải pháp được nhứt thiết chủng trí. Thế nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu ba mươi hai tướng của chư Phật là pháp có mà chẳng là pháp không có, thời oai đức của

chư Phật chẳng thể chiếu sáng vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi ba mươi hai tướng không có pháp, chẳng phải pháp, nên oai đức của chư Phật chiếu sáng vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu quang minh của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời chẳng thể chiếu sáng hằng sa quốc độ. Bởi quang minh của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên có thể chiếu khắp hằng sa quốc độ. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu sáng mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời chư Phật chẳng thể dùng sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm ấy thấu đến khắp vô lượng a tăng kỳ quốc độ mười phương. Bởi sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên chư Phật có thể dùng âm thanh trang nghiêm ấy thấu đến khắp vô lượng a tăng kỳ quốc độ mười phương. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu pháp luân của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời chư Phật không thể chuyển pháp luân mà tất cả Sa Môn, Bà La Môn hoặc chư Thiên vương, Ma vương, Phạm vương và tất cả thế gian chúng sanh đều chẳng chuyển được. Bởi pháp luân của chư Phật không có pháp, chăng phải pháp, nên chu Phật có thể chuyển pháp luân mà tất cả Sa Môn, Bà La Môn hoặc Trời, Người và tất cả chúng khác trong thế gian đều chẳng chuyển được. Nầy Tu Bồ Đề! Chư Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân. Nếu chúng sanh ấy là pháp thiệt có mà chẳng phải là pháp không có, thời không thể làm cho chúng sanh ấy ở nơi vô dư y Niết Bàn mà nhập Niết Bàn. Bởi chư Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân. Chúng sanh ấy không có pháp, chẳng phải pháp, nên có thể làm cho chúng sanh ấy ở trong vô dư y Niết bàn đã diệt độ, nay diệt độ, sẽ diệt độ.

*** 23. PHẨM ĐẲNG KHÔNG THỨ HAI MƯƠI BA

“Nầy Tu Bồ Đề! Ông nói Đại thừa đồng đẳng với hư không. Đúng như vậy, Đại thừa đồng đẳng với hư không. Nầy Tu Bồ Đề! Như hư không không có Đông, Tây v.v. mười phương, Đại thừa cũng không có mười phương. Như hư không chẳng phải dài, vắn, vuông, tròn Đại thừa cũng chẳng phải dài, vắn, vuông, tròn. Như hư không chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, Đại thừa cũng chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không. Nầy Tu Bồ Đề! Như hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Như hư không chẳng tăng, chẳng giảm. Cũng vậy, Đại thừa chẳng tăng, chẳng giảm. Như hư không chẳng cấu, chẳng tịnh. Cũng vậy, Đại thừa chẳng cấu, chẳng tịnh. Như hư không chẳng sanh, chẳng diệt, không dừng, không đổi. Cũng vậy, Đại thừa chẳng sanh, chẳng diệt, không dừng, không đổi. Như hư không chẳng phải thiện bất thiện, chẳng phải ký vô ký. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải thiện bất thiện, chẳng phải ký vô ký. Như hư không chẳng thấy nghe, chẳng hay biết. Cũng vậy, Đại thừa không thấy nghe, hay biết. Như hư không chẳng thể biết được, chẳng thể hay được, chẳng thể thấy được, chẳng thể dứt được, chẳng thể chứng được, chẳng thể tu được. Cũng vậy, Đại thừa chẳng thể biết được, hay được, thấy

được, dứt được, cũng chẳng thể chứng được, tu được. Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không. Nầy Tu Bồ Đề! hư không chẳng phải tướng nhiễm, tướng ly. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng ly. Như hư không chẳng hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Cũng vậy, Đại thừa chẳng hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Như hư không chẳng có sơ phát tâm nhẫn đến đệ thập tâm. Cũng vậy, Đại thừa không có sơ pháp tâm nhẫn đến hệ thập tâm. Như hư không chẳng có càn huệ địa, tánh nhơn địa, bát nhơn địa, kiến địa, bạc địa, ly dục địa, dĩ tác địa. Cũng vậy, Đại thừa không có càn huệ địa đến dĩ tác địa. Như hư không chẳng có quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán. Cũng vậy, Đại thừa không có quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Như hư không chẳng có Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa. Cũng vậy Đại thừa không có Thanh Văn địa đến Phật địa. Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không. Nầy Tu Bồ Đề! Như hư không chẳng phải sắc vô sắc, chẳng phải khả kiến, bất khả kiến,? chẳng phải hữu đối, vô đối, chẳng phải hiệp, chẳng phải tán. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải sắc nhân đến chẳng phải tán. Như hư không chẳng phải thường vô thường, chẳng phải lạc, khổ, chẳng phải ngã vô ngã. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải thường vô thường, lạc, khổ, ngã vô ngã. Như hư không chẳng phải không bất không, chẳng phải tướng vô tướng, chẳng phải tác vô tác. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải không đến chẳng phải vô tác. Như hư không chẳng phải tịch diệt chẳng tịch diệt, chẳng phải ly chẳng ly. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tịch diệt đến chẳng phải ly. Như hư không chẳng phải tối sáng. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tối sáng. Như hư không chẳng phải khả đắc, bất khả đắc. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc. Như hư không chẳng phải khả thuyết, bất khả thuyết. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải khả thuyết, chẳng phải bất khả thuyết. Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không. Nầy Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, như hư không dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, Đại thừa cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Đúng như vậy. Vì chúng sanh vô sở hữu, nên biết rằng hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu, nên biết rằng Đại thừa cũng vô sở hữu. Do đây nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì chúng sanh hư không và Đại thừa đều bất khả đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết rằng vô số vô sở hữu. Vì vô số vô sở hữu nên biết rằng vô lượng vô sở hữu. Vì vô lượng vô sở hữu nên biết rằng vô biên vô sở hữu. Vì vô biên vô sở hữu nên biết rằng tất cả các pháp vô sở hữu. Do đây nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì chúng sanh hư không, Đại thừa vô số vô lượng vô biên, tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu, nên biết rằng pháp như, pháp tánh, thiệt tế vô sở hữu. Vì pháp như, pháp tánh, thiệt tế vô sở hữu, nên biết nhẫn đến vô số vô lượng vô biên đều vô sở hữu. Vì vô số vô lượng vô biên vô sở hữu nên biết tất cả pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì chúng sanh ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả cùng thiệt tế vô biên và tất cả pháp đều bất khả đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên biết rằng bất khả tư nghì tánh vô sở hữu. Vì bất khả tư nghì tánh vô sở hữu nên biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư

không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên đều vô sở hữu. Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Vì ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả, tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã vô sở hữu nhẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý vô sở hữu. Vì? nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên và tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Vì ngã đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật đều vô sở hữu. Vì Bát nhã ba la mật vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu. Vì vô số vô lượng vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên biết nội không đến vô pháp hữu pháp không đều vô sở hữu. Vì vô pháp hữu pháp không vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu. Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã chúng sanh đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết tứ niệm xứ đến bất cộng pháp vô sở hữu. Vì bất cộng pháp vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu. Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã chúng sanh đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết tánh địa đến dĩ tác địa vô sở hữu. Vì dĩ tác địa vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu. Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết Tu Đà Hoàn đến A La Hán vô sở hữu. Vì A La Hán? Vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu. Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì bất khả đắc vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết Thanh Văn thừa vô sở hữu. Vì Thanh văn thừa vô sở hữu nên biết Bích Chi Phật thừa vô sở hữu. Vì Bích Chi Phật thừa vô sở hữu nên biết Phật thừa vô sở hữu. Vì Phật thừa vô sở hữu nên biết người Thanh Văn vô sở hữu. Vì người Thanh Văn vô sở hữu nên biết Tu Đà Hoàn vô sở hữu nhẫn đến Phật vô sở hữu. Vì Phật vô sở hữu nên biết nhứt thiết chủng trí vô sở hữu. Vì nhứt thiết chủng trí vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu. Vì Đại thừa vô sở hữu nên vô số đến tất cả các pháp vô sở

hữu. Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì bất khả đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Như trong tánh Niết bàn dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh, Đại thừa nầy cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Do nhơn duyên nầy nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Nầy Tu Bồ Đề! Như lời ông nói Đại thừa nầy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở. Đúng như vậy. Đại thừa nầy chẳng thấy chỗ đến, chỗ đi, chỗ ở. Tại sao vậy? Vì tất cả các pháp tướng chẳng lay động vậy nên các pháp chẳng có chỗ đến, chỗ đi, chỗ ở. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Sắc không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Thọ, tường, hành, thức cũng như vậy. Sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp không từ đây đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Sắc như, thọ như, tưởng như, hành như, thức như không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Sắc tánh đến thức tánh không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Sắc tướng đến thức tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Như ngũ uân, thập nhị nhập, thập bát giới, lục đại chủng cũng vậy. Nhãn, nhãn pháp, nhãn như, nhãn tánh, nhãn tướng, đến thức chủng, thức chủng pháp, thức chủng như, thức chủng tánh, thức chủng tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỏ ở. Nầy Tu Bồ Đề! Như, như pháp, như như, như tánh, như tướng, thiệt tế, thiệt tế pháp, thiệt tế như, thiệt tế tánh, thiệt tế tướng, bất khả tư nghì, bất khả tư nghì pháp, bất khả tư nghì như, bất khả tư nghì tánh, bất khả tư nghì tướng, đều không? từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Nầy Tu Bồ Đề! Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, ba la mật, ba la mật pháp, ba la mật như, ba la mật tánh, ba la mật tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Tứ niệm xứ, tứ niệm xứ pháp, tứ niệm xứ như, tứ niệm xứ tánh, tứ niệm xứ tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng vậy Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát, Bồ Tát pháp, Bồ Tát như, Bồ Tát tánh, Bồ Tát tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Phật, Phật pháp, Phật như, Phật tánh, Phật tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Vô thượng chánh đẳng chánh giác pháp, chánh giác như, chánh giác tánh, chánh giác tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chở ở. Nầy Tu Bồ Đề! Hữu vi, hữu vi pháp, hữu vi như, hữu vi tánh, hữu vi tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Vô vi, vô vi pháp, vô vi như, vô vi tánh, vô vi tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa đây chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở. Nầy Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, Đại thừa đây tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc, Đại thừa đây gọi là ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa. Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại thừa đây tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc, ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa. Tại sao vậy? Vì đời quá khứ thời đời quá khứ rỗng không, đời vị lai thời đời vị lai rỗng không, đời hiện tại thời đời hiện tại rỗng không, ba đời bình đẳng thời ba đời bình đẳng rỗng không, Đại thừa thời Đại thừa rỗng không, Bồ Tát thời Bồ Tát rỗng không. Tại sao vậy? tánh không nầy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải khác, thế nên gọi là ba đời bình đẳng, là đại Bồ Tát Đại thừa. Trong Đại thừa nầy, bình đẳng cùng chẳng bình đẳng đều bất khả đắc, nhiễm

cùng chẳng nhiễm, sân cùng chẳng sân, si cùng chẳng si, mạn cùng chẳng mạn đều bất khả đắc, nhẫn đến tất cả pháp thiện cùng pháp bất thiện đều bất khả đắc. Trong Đại thừa nầy, thường cùng vô thường, lạc cùng khổ, thiệt cùng không thiệt, ngã cùng vô ngã đều bất khả đắc. Trong Đại thừa nầy, Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đều bất khả đắc. Vượt qua Dục giới, vượt qua Sắc giới, vượt qua Vô sắc giới đều bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì Đại thừa nầy, tự pháp bất khả đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Quá khứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, quá khứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức rỗng không. Vị lai sắc, thọ, tưởng, hành, thức rỗng không. Hiện tại sắc thọ, tưởng, hành, thức, hiện tại sắc, thọ, tưởng, hành, thức rỗng không. Trong tánh không, quá khứ, vị lai, hiện tại sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì trong tánh không, không đó còn là bất khả đắc huống là trong tánh không mà có được những tam thế ngũ uẩn. Nầy Tu Bồ Đề! Quá khứ, vị lai, hiện tại lục ba la mật đều bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, lục ba la mật cũng bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì trong bình đẳng quá khứ, vị lai, hiện tại đều bất khả đắc. Trong bình đẳng, bình đẳng cũng còn là bất khả đắc, huống là trong bình đẳng mà có được quá khứ, hiện tại, vị lai. Như lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng cũng vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Trong quá khứ, vị lai, hiện tại, người phàm phu bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, người phàm phu cũng bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Trong quá khứ, vị lai, hiện tại, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật đều bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật cũng đều bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Bát nhã ba la mật học tướng ba đời bình đẳng sẽ được đầy đủ nhứt thiết chủng trí. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, cũng chính là tướng ba đời bình đẳng. Đại Bồ Tát an tụ trong đây thời hơn tất cả thế gian, hành trời, Người, A tu la thành tựu nhứt thiết trí". Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đại Bồ Tát Đại thừa nầy, quá khứ chư đại Bồ Tát học trong đây đã được nhứt thiết chủng trí. Vị lai chư đại Bồ Tát học trong đây sẽ được nhứt thiết chủng trí. Hiện tại chư đại Bồ Tát trong vô lượng vô số quốc độ mười phương cũng học trong đây mà được nhứt thiết chủng trí. Bạch đức Thế Tôn! Do đây nên Đại thừa nầy thiệt là đại Bồ Tát Đại thừa vậy". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Quá khứ, hiện tại, vị lai, hiện tại chư Phật học trong Đại thừa nầy nên đã được, sẽ được và hiện được nhứt thiết chủng trí".

*** 24. PHẨM HỘI TÔNG THỨ HAI MƯƠI BỐN

Bấy giờ Ngài Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật sai Ngài Tu Bồ Đề vì chư đại Bồ Tát giải thuyết Bát nhã ba la mật. Nay sao lại nói Đại thừa làm chi?" Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Con nói Đại thừa có rời Bát nhã ba la mật chăng?" Đức Phật nói: "Tu Bồ Đề nói Đại thừa không rời Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp thiện, pháp trợ đạo, Thanh Văn pháp hoặc Bích Chi Phật pháp, hoặc Bồ Tát pháp, hoặc Phật pháp đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la

mật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những thiện pháp, trợ đạo pháp, Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ Tát pháp, Phật pháp nào đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Những lục ba la mật, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, ba giải thoát môn, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng đây và và những thiện pháp, trợ đạo pháp khác, hoặc Thanh Văn pháp, hoặc Bích Chi Phật pháp, hoặc Bồ Tát pháp, hoặc Phật pháp đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật. Nầy Tu Bồ Đề! Hoặc đại Bồ Tát Đại thừa, hoặc sáu môn ba la mật, hoặc ngũ ấm đến ý xúc, nhơn duyên, danh thọ, hoặc sáu đại chủng, hoặc tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, ba môn giải thoát và những thiện pháp, hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, hoặc tứ đế, hoặc tam giới, hoặc thập bát không, hoặc các môn tam muội, các môn đà la ni đến mười tám pháp bất cộng, hoặc Phật, Phật pháp, Phật tánh, Phật như, thiệt tế, bất khả tư nghì tánh, Niết Bàn, tất cả những pháp nầy đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, không ngại, không đẳng một tướng, chính là vô tướng. Nầy Tu Bồ Đề! Do nhơn duyên đây nên Đại thừa của ông nói tùy thuận với Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì Đại thừa chẳng khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật chẳng khác Đại thừa, Bát nhã ba la mật cùng Đại thừa không hai không khác. Năm ba la mật kia cũng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Tứ niệm xứ chẳng khác Đại thừa, Đại thừa chẳng khác tứ niệm xứ, Đại thừa cùng tứ niệm xứ không hai, không khác. Tứ chánh cần đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy. Do nhơn duyên đây nên Tu Bồ Đề nói Đại thừa chính là nói Bát nhã ba la mật".

*** 25. PHẨM THẬP VÔ THỨ HAI MƯỜI LĂM

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc? , trung tế bất khả đắc. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức là đại Bồ Tát, đây cũng là bất khả đắc. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là đại Bồ Tát, đây cũng là bất khả đắc. Nơi tất cả thứ, tất cả chỗ cầu tìm đại Bồ Tát đều bất khả đắc. Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ dạy cho những đại Bồ Tát nào về Bát nhã ba la mật? Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chỉ có danh tự . Như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo chẳng sanh. Như ngã, các pháp cũng không tự tánh như vậy. Những sắc gì rốt rái chẳng sanh? Những thọ, tưởng, hành, thức gì rốt ráo chẳng sanh? Bạch đức Thế Tôn! Rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi là sắc. Rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp rốt ráo chẳng sanh sẽ dạy Bát nhã ba la mật nầy chăng? Rời pháp rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ Tát thật hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ Tát nghe lời nói nầy mà tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt phải biết rằng đây là bực đại Bồ Tát có thể thật hành Bát nhã ba la mật". Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Nhơn duyên gì mà nói rằng đại Bồ Tát tiền tế bất khả đắc, hậu tể bất khả đắc, trung tế bất khả đắc? Nhơn duyên gì mà nói rằng vì sắc vô biên nên biết Bồ Tát cũng vô biên. Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên biết Bồ Tát cũng vô biên? Nhơn duyên gì mà nói rằng sắc là Bồ Tát đây cũng bất khả

đắc; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc? Nhơn duyên gì mà nói rằng nơi tất cả thứ tất cả chỗ, Bồ Tát đều bất khả đắc, thời sẽ những dạy Bồ Tát nào về Bát nhã ba la mật? Nhơn duyên gì mà nói rằng Bồ Tát chỉ có danh tự? Nhơn duyên gì mà nói rằng như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo chẳng sanh. Như ngã, các pháp cũng không tự tánh như vậy. Những sắc gì rốt ráo chẳng sanh, những thọ, tưởng, hành, thức gì rốt ráo chẳng sanh? Nhơn duyên gì mà nói rằng rốt ráo chẳng sanh gọi là sắc, rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức? Nhơn duyên gì mà nói rằng nếu pháp rốt ráo chẳng sanh sẽ dạy Bát nhã ba la mật nầy chăng? Nhơn duyên gì mà nói rằng rời pháp rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ Tát thật hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nhơn duyên gì mà nói rằng nếu Bồ Tát nghe lời nói nầy mà tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt thời gọi là đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật? Ngài Tu Bồ Đề trả lời Ngài Xá Lợi Phất: "Vì chúng sanh vô sở hữu, nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc. Vì chúng sanh không, vì chúng sanh ly nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Vì sắc vô sở hữu, vì thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức không, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức ly nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Vì ngũ ấm tánh vô sở hữu nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Vì lục ba la mật vô sở hữu nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì trong tánh không, tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc. Tánh không chẳng khác Bồ Tát. Bồ Tát chẳng khác tiền tế. Tánh không cùng Bồ Tát và tiền tế, ba pháp ấy không hai, không khác. Vì nhơn duyên nầy mà Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Vì sáu ba la mật rỗng không, vì sáu ba la mật rời lìa, vì sáu ba la mật tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì trong tánh không, tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc. Tánh không chẳng khác Bồ Tát. Bồ Tát chẳng khác tiền tế. Tánh không cùng Bồ Tát và tiền tế, ba pháp nầy không hai không khác. Do đây nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Vì nội không đến vô pháp hữu pháp không là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Vì tứ niệm xứ đến bất cộng pháp là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì trong tánh không, tiền tế, hậu tế và trung tế đều bất khả đắc. Tánh không cùng Bồ Tát và tiền tế không hai, không khác. Do đây nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Vì tất cả tam muội môn, tất cả đà la ni môn là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Vì pháp tánh, pháp như, thiệt tế, bất khả tư nghì tánh là vô sở hữu, rỗng không, rời lìa tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Vì Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật Đà là vô sở hữu rỗng không, rời lìa tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Vì Vô thượng Bồ đề, nhứt thiết chủng trí là vô sở hữu, rỗng không, rời lìa tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì trong tánh không, tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc, Bồ Tát cũng bất khả đắc. Không chẳng khác Bồ Tát, cũng chẳng khác tiền tế. Không cùng Bồ Tát và tiền tế, các pháp nầy không hai không khác. Do đây nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Như tiền tế, hậu tế và trung tế cũng như vậy. Lại nầy Xá Lợi Phất! Sắc như hư không, thọ, tưởng, hành, thức cũng như hư không. Tại sao vậy? Như hư không, biên bờ và trung gian đều bất

khả đắc. Vì không có biên và trung nên chỉ gọi tên là hư không. Cũng vậy, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, biên bờ và trung gian đều bất khả đắc. Vì sắc rỗng không. Trong rỗng không cũng không có biên bờ, không có trung gian. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Do nhơn duyên nầy nên vì sắc vô biên mà biết Bồ Tát cũng vô biên. Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên biết Bồ Tát cũng vô biên. Nhẫn đến bất cộng pháp cũng luận thuyết như vậy. Lại nầy Xá Lợi Phất! Sắc sắc tướng rỗng không, nhẫn đến thức thức tướng rỗng không. Đàn na ba la mật Đàn na ba la mật tướng rỗng không, nhẫn đến Bát nhã ba la mật Bát nhã ba la mật tướng rỗng không. Nội không nội không tướng rỗng không, nhẫn đến vô pháp hữu pháp không tướng rỗng không. Tứ niệm xứ tứ niệm xứ tướng rỗng không, nhẫn đến bất cộng pháp bất cộng pháp tướng rỗng không. Pháp như pháp như tướng rỗng không nhẫn đến bất khả tư nghì tánh bất khả tư nghì tánh tướng rỗng không. Tam muội môn tam muội môn tướng rỗng không, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí nhứt thiết chủng trí tánh rỗng không. Thanh Văn thừa Thanh Văn thừa tướng rỗng không, nhẫn đến Phật thừa Phật thừa tướng rỗng không. Thanh Văn nhơn Thanh Văn nhơn tướng rỗng không, nhẫn đến Phật tướng tánh rỗng không. Trong rỗng không đó, sắc bất khả đắc, thọ, tưởng. hành, thức bất khả đắc. Do đây nên sắc là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc. Thọ, tưởng, hành, thức là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Trong sắc, sắc bất khả đắc. Trong thọ, sắc bất khả đắc. Trong thọ, thọ bất khả đắc. Trong sắc, thọ bất khả đắc. Trong tưởng, thọ bất khả đắc. Trong tưởng, tưởng bất khả đắc. Trong sắc thọ, tưởng bất khả đắc. Trong hành, tưởng bất khả đắc. Trong hành, hành bất khả đắc. Trong sắc thọ tưởng, hành bất khả đắc. Trong thức, thức bất khả đắc. Trong sắc thọ tưởng hành, thức bất khả đắc. Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Trong nhãn, nhãn bất khả đắc. Trong nhĩ, nhĩ bất khả đắc. Trong nhãn, nhĩ bất khả đắc. Trong tĩ, tĩ bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ, tĩ bất khả đắc. Trong thiệt, tĩ bất khả đắc. Trong thiệt, thiệt bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ tĩ, thiệt bất khả đắc. Trong thân, thân bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ tĩ thiệt, thân bất khả đắc. Trong ý, thân bất khả đắc. Trong ý, ý bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ tĩ thiệt thân, ý bất khả đắc. Như ngũ ấm và sáu căn, sáu trần, sáu thức và sáu xúc cùng sáu xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng vậy. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, tất cả tam muội đến tất cả đà la ni môn, tánh pháp đến Bích Chi Phật pháp, sơ địa đến thập địa, nhứt thiết chủng trí, đạo chủng trí và nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Tu Đà Hoàn đến Phật cũng như vậy. Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Trong Bồ Tát, Bồ Tát bất khả đắc. Trong Bát nhã ba la mật, Bồ Tát bất khả đắc. Trong Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Trong Bồ Tát, Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Trong Bát nhã ba la mật, giáo hóa vô sở hữu bất khả đắc. Trong giáo hóa, giáo hóa vô sở hữu bất khả đắc. Trong giáo hóa, Bồ Tát và Bát nhã ba la mật vô sở hữu bất khả đắc. Tất cả pháp vô sở hữu bất khả đắc như vậy. Do nhơn duyên nầy nên trong tất cả thứ, tất cả chỗ, Bồ Tát bất khả đắc. Thời sẽ dạy Bồ Tát nào về Bát nhã ba la mật? Lại nầy Xá Lợi Phất! Sắc là giả danh. Thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Sắc gọi là chẳng phải sắc, nhẫn đến thức gọi là chẳng phải thức. Tại sao vậy? Vì danh tướng rỗng không. Nếu rống không thời chẳng phải là Bồ Tát. Do nhơn duyên nầy Bồ Tát chỉ có giả danh. Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đàn na ba la mật chỉ có danh tự.

Trong danh tự chẳng phải có Đàn na ba la mật. Trong Đàn na ba la mật chẳng phải có danh tự. Do nhơn duyên nầy Bồ Tát chỉ có giả danh. Như Đàn na ba la mật, năm ba la mật kia cũng vậy. Như lục ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, tam muội môn, đà la ni môn, đến nhứt thiết chủng trí cũng vậy. Do đây nên Bồ Tát chỉ có giả danh. Lại nầy Xá Lợi Phất! Ngã rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Nhẫn đến tri giả, kiến giả rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Sắc đến thức rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Nội không đến vô pháp hữu pháp không rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Tứ niệm xứ đến bất cộng pháp rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Tam muội môn đến nhứt thiết chủng trí rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Thanh Văn đến Phật rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Do nhơn duyên nầy nên nói rằng như ngã, danh tự ngã cũng rốt ráo chẳng sanh. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Vì các pháp hòa hiệp sanh nên không có tự tánh. Những gì hòa hiệp sanh nên không có tự tánh? Sắc hòa hiệp sanh nên không có tự tánh. Thọ, tưởng, hành, thức hòa hiệp sanh nên không có tự tánh. Nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ hòa hiệp sanh nên không có tự tánh. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật hòa hiệp sanh nên không có tự tánh. Tứ niệm xứ đến bất cộng pháp hòa hiệp sanh nên không có tự tánh. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Tất cả pháp vô thường cũng không mất". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Sắc vô thường cũng không mất. Thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng không mất. Tại sao vậy? Vì nếu pháp vô thường thời là tướng lay động, tướng rỗng không. Do đây nên tất cả pháp hữu vi vô thường cũng không mất. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu ký, hoặc pháp vô ký, là pháp vô thường cũng không mất. Tại sao vậy? Vì nếu pháp vô thường thời là tướng lay động, là tướng rỗng không. Do đây nên tất cả pháp có tạo tác vô thường cũng không mất. Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Tất cả pháp chẳng phải thường, chẳng phải diệt". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những pháp nào chẳng phải thường, chẳng phải diệt?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc chẳng phải thường chẳng phải diệt, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Do những nhơn duyên trên đây, nên các pháp hòa hiệp sanh không có tự tánh". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do duyên cớ gì mà sắc đến thức rốt ráo chẳng sanh?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc đến thức chẳng phải pháp tạo tác. Vì tác giả bất khả đắc. Nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ chẳng phải pháp tạo tác, vì tác giả bất khả đắc. Tất cả pháp đều chẳng phải khởi, chẳng phải tác, vì tác giả bất khả đắc. Do đây nên sắc đến thức rốt ráo bất khả sanh". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà rốt ráo bất khả sanh chẳng gọi là sắc đến thức?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc tánh rỗng không. Rỗng không nầy không có sanh, không có diệt, không có trụ, không có dị. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cùng tất cả pháp hữu vi tánh rỗng không. Rỗng không nầy không có sanh, diệt, trụ, dị. Do đây nên rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là sắc. Rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Pháp rốt ráo chẳng sanh, nên dạy Bát nhã ba la mật nầy chăng?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Rốt ráo

chẳng sanh chính là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật chính là rốt ráo chẳng sanh. Bát nhã ba la mật cùng rốt ráo chẳng sanh không hai không khác. Do đây nên nói rằng rốt ráo chẳng sanh, nên dạy Bát nhã ba la mật nầy chăng?" Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà rời lìa rốt ráo chẳng sanh thời không Bồ Tát thật hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với Bồ Tát. Rốt ráo chẳng sanh với Bồ Tát không hai, không khác. Chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với sắc, vì rốt ráo chẳng sanh với sắc không hai, không khác. Chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với sắc, vì rốt ráo chẳng sanh với sắc không hai, không khác. Chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với thọ, tưởng, hành, thức vì rốt ráo chẳng sanh với thọ, tưởng, hành, thức không hai, không khác, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Do đây nên lìa rốt ráo chẳng sanh nên không có Bồ Tát thật hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà Bồ Tát nghe thuyết trên đây tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, thời gọi là Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát chẳng thấy các pháp có giác tri tưởng. Đại Bồ Tát thấy tất cả các pháp như mộng, như hưởng, như ảnh, như ảo, như diệm, như hóa. Do đây nên nghe thuyết trên đây, Bồ Tát tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt". Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật quán sát các pháp như vậy. Lúc ấy đại Bồ Tát chẳng lãnh thọ sắc, chẳng hiển thị sắc, chẳng an trụ sắc, chẳng chấp trước sắc, cũng chẳng nói là sắc. Với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Với nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý chẳng thọ, chẳng thị, chẳng trụ, chẳng trước, cũng chẳng nói là nhãn đến ý. Với Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển thị, chẳng an trụ, chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật. Với nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển thị, chẳng an trụ, chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là nội không đến vô pháp hữu pháp không. Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đối với tứ niệm xứ đến bất cộng pháp nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển thị, chẳng an trụ chẳng chấp trước. Bạch đức Thế Tôn! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy sắc nhẫn đến chẳng thấy nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Sắc chẳng sanh thời chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh thời chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Nhãn chẳng sanh thời chẳng phải nhãn. Nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý chẳng sanh thời chẳng phải nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng sanh thời chẳng phải Đàn na ba la mật đến chẳng phải Bát nhã ba la mật. Nội không đến vô pháp hữu pháp không chẳng sanh thời chẳng phải nội không đến chẳng phải vô pháp hữu pháp không. Tại sao vậy? Sắc chẳng sanh thời chẳng hai, chẳng khác. Nhẫn đến vô pháp hữu pháp không chăng sanh thời chẳng hai, chẳng khác. Bạch đức Thế Tôn! Tứ niệm xứ chẳng sanh thời chẳng phải tứ niệm xứ. Nhẫn đến bất cộng pháp chẳng sanh thời chẳng phải bất cộng pháp. Pháp như, pháp tánh đến bất khả tư nghì tánh chẳng sanh thời chẳng phải pháp như đến chẳng phải bất khả tư nghì tánh. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh thời chẳng phải nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh thời chẳng hai, chẳng khác. Bất sanh

đây chẳng phải một, chẳng phải hai, ba, chẳng phải sai khác. Thế nên pháp ấy chẳng sanh thời chẳng phải pháp ấy. Bạch đức Thế Tôn! Sắc tướng chẳng diệt thời chẳng phải sắc. Tại sao vậy? Sắc và tướng chẳng diệt chẳng hai, chẳng khác. Vì pháp chẳng diệt nầy chẳng phải một, chẳng phải hai, ba, chẳng phải sai khác. Thế nên sắc tướng chẳng diệt thời chẳng phải sắc. Như sắc, thọ, tướng, hành, thức nhẫn đến bất cộng pháp cũng vậy. Do đây nên sắc vào trong pháp số vô nhị, thọ, tưởng, hành, thức vào trong pháp số vô nhị, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí vào trong pháp số vô nhị".

*** 26. PHẨM VÔ SANH THỨ HAI MƯƠI SÁU

Bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật quán các pháp. Những gì là Bồ Tát? Những gì là Bát nhã ba la mật? Những gì là quán?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì vô thượng Chánh đăng Cánh giác phát đại tâm, người nầy gọi là Bồ Tát. Người nầy cũng biết tất cả pháp, tất cả tướng mà cũng chấp trước, biết tướng của sắc nhẫn đến biết tướng của bất cộng pháp cũng chẳng chấp trước". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những gì là tất cả pháp tướng?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu dùng danh tự, nhơn duyên hòa hiệp…để biết các pháp, đây là sắc, đây là thanh, hương, vị, xúc, pháp, là pháp hữu vi, là pháp vô vi. Dùng tướng danh tự ngữ ngôn để biết các pháp thời gọi là biết các pháp tướng. Như lời Xá Lợi Phất hỏi, những gì là Bát nhã ba la mật? Vì viễn ly nên gọi là Bát nhã ba la mật. Những pháp gì viễn ly? Viễn lý ấm giới nhập. Viễn ly ba la mật. Viễn ly không, Do đây nên viễn ly gọi là Bát nhã ba la mật. Lại viễn ly tứ niệm xứ đến viễn ly mười tám pháp bất cộng, viễn ly nhứt thiết trí. Do đây nên viễn ly gọi là Bát nhã ba la mật. Những gì là quán? Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát quán sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải bất không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải ác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly, chẳng phải chẳng ly, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, tất cả môn tam muội đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật quán các pháp". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh là chẳng phải nhứt thiết chủng trí?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc tướng rỗng không. Trong sắc không ấy không có sắc cũng không có sanh, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Do đây nên sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh là chẳng phải nhứt thiết chủng trí". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà nói rằng sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải nhứt thiết chủng trí?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Có sắc là có chẳng hai, nhẫn đến có nhứt thiết chủng trí là có chẳng hai. Tất cả những pháp nầy đều chẳng hiệp, chẳng tan,, không sắc, không hình, không đối một tướng. Do đây nên sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, nhẫn đên nhứt thiết chủng trí chẳng hai

là chẳng phải nhứt thiết chủng trí". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: " Do nhơn duyên gì mà nói rằng sắc nầy vào trong pháp số vô nhị, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí vào trong pháp số vô nhị ?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc, sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc. Do đây nên sắc vào trong pháp số vô nhị. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy". Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật quán các pháp như vậy thời thấy sắc vô sanh, vì rốt ráo tịnh vậy. Thấy thọ, tưởng, hành, thức vô sanh vì rốt ráo tịnh vậy. Nhẫn đến thấy Phật và Phật pháp vô sanh vì rốt ráo tịnh vậy". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Cứ theo nghĩa của Tu Bồ Đề nói mà tôi được nghe thời sắc là chẳng sanh, thọ, tưởng, hành, thức là chẳng sanh, nhẫn đến Phật và Phật pháp cũng chẳng sanh. Nếu như vậy thời lẽ ra nay chẳng nên được Tu Đà Hoàn Tu Đà Hoàn quả, Tư Đà Hàm Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm A Na Hàm quả, A La Hán A La Hán quả, Bích Chi Phật Bích Chi Phật đạo, chẳng nên được đại Bồ Tát nhứt thiết chủng trí, cũng không có lục đạo chúng sanh sai khác, cũng chẳng nên được đại Bồ Tát năm thứ bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp là tướng chẳng sanh, cớ chi Tu Đà Hoàn tu đạo đế để dứt ba kiết sử? Tư Đà Hàm tu đạo đế để làm mỏng tham, sân, si? A Na Hàm tu đạo đế để dứt năm hạ phần kiết sử? A La Hán tu đạo đế để dứt năm thượng phần kiết sử? Bích Chi Phật vì pháp Bích Chi Phật mà tu đạo đế ? Cớ chi đại Bồ Tát vì thọ khổ thay chúng sanh mà làm những việc khó làm? Cớ chi Phật chuyển pháp luân?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tôi chẳng muốn cho pháp vô sanh có sở đắc. Tôi cũng chẳng muốn cho trong pháp vô sanh có được Tu Đà Hoàn và Tu Đà Hoàn quả, nhẫn đến có được Bích Chi Phật và Bích Chi Phật đạo. Tôi cũng chẳng muốn trong pháp vô sanh có Bồ Tát làm việc khó làm để thay khổ cho chúng sanh, Bồ Tát cũng chẳng dùng tâm khó làm để hành đạo. Tại sao vậy? Vì nếu sanh tâm khó, tâm khổ thời chẳng thể lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh. Nầy Xá Lợi Phất! Nay đây Bồ Tát thương xót chúng sanh. Với chúng sanh, Bồ Tát tưởng như cha mẹ, anh em, con cháu, cũng tưởng như thân mình. Thế nên Bồ Tát có thể lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Bồ Tát nên sanh tâm như thế nầy: Như ngã bất khả đắc, nơi tất cả thứ, tất cả chỗ, nội pháp, ngoại pháp cũng vậy, đều bất khả đắc. Nếu sanh tâm như trên đây thời Bồ Tát không có tâm khó, tâm khổ. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát nầy nơi tất cả thứ, tất cả chỗ, tất cả pháp đều chẳng lãnh thọ. Nầy Xá Lợi Phất! Tôi cũng chẳng muốn cho trong vô sanh có Phật chứng Vô thượng Bồ đề, trong vô sanh có chuyển pháp luân, tôi cũng chẳng muốn dùng pháp vô sanh để đắc đạo". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Nay Tu Bồ Đề muốn khiến dùng pháp sanh đắc đạo hay là dùng pháp vô sanh đắc đạo?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tôi chẳng muốn khiến dùng pháp sanh đắc đạo". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Vậy thời Tu Bồ Đề muốn khiến dùng pháp vô sanh đắc đạo?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tôi cũng chẳng muốn khiến dùng pháp vô sanh đắc đạo". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Như lời Tu Bồ Đề nói thời là vô tri, vô đắc". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Có tri, có đắc không phai hai pháp. Nay theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc. Theo danh tự thế gian nên có Tu Đà Hoàn đến có chư Phật. Trong đệ nhứt nghĩa đế thời vô tri, vô đắc, cũng không Tu Đà Hoàn đến không chư Phật". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Nếu theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc, thời sáu loài sai khác cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải là đệ nhứt nghĩa đế". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng

như vậy. Theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc. Sáu loài sai khác cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải là đệ nhứt nghĩa đế. Tại sao vậy? Vì trong đệ nhứt nghĩa đế không có nghiệp, không có báo, không có sanh, không có diệt, không có tịnh, không có cấu". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Pháp chẳng sanh sanh chăng? Pháp sanh sanh chăng?" Ngià Tu Bồ Đề nói: "Tôi chẳng muốn khiến pháp chẳng sanh sanh, cũng chẳng muốn khiến pháp sanh sanh". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Pháp chẳng sanh nào không muốn khiến sanh?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc là pháp chẳng sanh, tự tánh nó rỗng không chẳng muốn khiến sanh. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề là pháp chẳng sanh, tự tánh nó rỗng không chẳng muốn khiến sanh". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Sanh sanh hay chẳng sanh?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Chẳng phải sanh, cũng chẳng phải chẳng sanh sanh. Tại sao vậy? Vì sanh và chẳng sanh là hai pháp chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc không hình, không đối, một tướng tức là không có tướng. Do đây nên chẳng phải sanh sanh cũng chẳng phải chẳng sanh sanh". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Tu Bồ Đề khéo thích nói pháp vô sanh và tướng vô sanh". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tôi thích nói pháp vô sanh và tướng vô sanh. Tại sao vậy? Vì những pháp vô sanh, tướng vô sanh và những lời thích nói đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng, tức là không có tướng". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Tu Bồ Đề thích nói pháp chẳng sanh, cũng thích nói tướng chẳng sanh, những lời thích nói nầy cũng chẳng sanh". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Vì sắc chẳng sanh nhẫn đến nhất thiết chủng trí chẳng sanh. Do đây nên tôi thích nói pháp chẳng sanh, cũng thích nói tướng chẳng sanh, lời thích nói nầy cũng chẳng sanh". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Trong những người thuyết pháp, Tu Bồ Đề đáng là người trên hết. Vì có hỏi điều chi, Tu Bồ Đề đều đáp được cả". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì các pháp không có sở y vậy". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là các pháp không có sở y?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc tánh thường không, chẳng y tựa trong, chẳng y tựa ngoài, chẳng y tựa trung gian. Nhẫn đến nhất thiết chủng trí tánh thường không, chẳng y tựa trong, chẳng y tựa ngoài, chẳng y tựa trung gian. Do đây nên tất cả pháp không chỗ y tựa, vì tánh thường không vậy. Ngài Xá Lợi Phất! Thế nên đại Bồ Tát lúc thật hành sáu môn ba la mật phải tịnh sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến phải tịnh nhất thiết chủng trí". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là đại Bồ Tát lúc thật hành sáu môn ba la mật tịnh Bồ Tát đạo?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Có thế gian Đàn na ba la mật. Có xuất thế gian Đàn na ba la mật. Năm ba la mật kia cũng đều có thế gian và có xuất thế gian". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là thế gian Đàn na ba la mật? Thế nào là xuất thế gian Đàn na ba la mật?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu đại Bồ Tát làm thí chủ có thể bố thí cho Sa Môn, Bà La Môn và người nghèo cùng đi xin: cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần mặc cho mặc, cần chỗ ở cho chỗ ở, cần tiền bạc, châu báu, hoa hương, cần cầu thuốc mem cho thuốc mem, tất cả thứ cần dùng đều cấp cho. Lúc bố thí, Bồ Tát nghĩ rằng tôi cho họ nhận, tôi chẳng bỏn xẻn tham lam, tôi là thí chủ, tôi có thể thí xả tất cả, tôi y theo lời Phật dạy mà thật hành Đàn na ba la mật. Bố thí xong, Bồ Tát lúc dùng pháp đã được, cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề mà nghĩ rằng nhân duyên bố thí nầy khiến chúng sanh được sự an lạc đời nay, về sau khiến họ được sự an lạc nhập Niết Bàn. Nầy Xá Lợi Phất! Bồ Tát nầy bố thí có ba điều chướng ngại: Một là ngã tướng, hai là tha tướng, ba là thí tướng. Vì bố thí mà có

ba tướng nầy nên gọi là thế gian Đàn na ba la mật. Tại sao gọi là thế gian? Vì ở trong thế gian chẳng động dời, chẳng siêu xuất vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Thế nào gọi là xuất thế gian Đàn na ba la mật? Chính là ba phần thanh tịnh vậy. Những gì là ba? Lúc bố thí, đại Bồ Tát chẳng thấy có mình, chẳng thấy có người nhận, chẳng có thấy vật bố thí, cũng chẳng trong mong báo đáp. Đây gọi là đại Bồ Tát ba phần thanh tịnh Đàn na ba la mật. Lại lúc bố thí, đại Bồ Tát bố thí cho tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh, đem sự bố thí nầy hồi hướng Vô thượng Bồ đề nhẫn đến không thấy có pháp tướng vi tế. Đây gọi là xuất thế gian Đàn na ba la mật. Tại sao gọi là xuất thế gian? Vì ở trong thế gian có thể động dời, có thể siêu xuất vậy. Năm môn ba la mật kia nếu có sở y thời gọi là thế gian, nếu không sở y thời gọi là xuất thế gian, ngoài ra như đã giải nói về Đàn na ba la mật. Lúc thật hành sáu môn ba la mật, đại Bồ Tát tịnh Bồ Tát đạo như vậy" Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là đại Bồ Tát vì đạo Vô thượng Bồ đề?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tứ niệm xứ là đại Bồ Tát vì đạo Vô thượng Bồ đề, nhẫn đến Bát thánh đạo phần, giải thoát môn, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tất cả tam muội môn và đà la ni môn, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, đây gọi là đại Bồ Tát vì đạo Vô thượng Bồ đề". Ngài Xá Lợi Phất khen: "Lành thay lành thay! Nầy Tu Bồ Đề! "Gì là ba la mật lực?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Là Bát nhã ba la mật lực. Vì Bát nhã ba la mật hay sanh tất cả pháp lành của Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật. Bát nhã ba la mật hay nạp thọ tất cả pháp lành, hoặc pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, hoặc pháp Bồ Tát và Phật pháp. Nầy Xá Lợi Phất! Quá khứ chư Phật thật hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Bồ đề. Vị lai chư Phật cũng thật hành Bát nhã ba la mật sẽ được Vô thượng Bồ đề. Hiện tại nay, chư Phật trong các quốc độ mười phương cũng thật hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Bồ đề. Nếu lúc nghe nói Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nghi ngờ, chẳng cho là khó, thời nên biết đại Bồ Tát nầy thật hành Bồ Tát đạo. Người thật hành Bồ Tát đạo vì cứu tất cả chúng sanh nên tâm chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh, bởi vô tâm đắc vậy. Bồ Tát phải thường chẳng rời niệm nầy: Chính là đại bi niệm". Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: "Muốn khiến đại Bồ Tát thường chẳng rời niệm nầy: chính là đại bi niệm. Nếu đại Bồ Tát thường chẳng rời đại bi niệm, thời nay đây tất cả chúng sanh sẽ làm Bồ Tát. Vì tất cả chúng sanh cũng chẳng rời các niệm vậy". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Lành thay, lành thay! Xá Lợi Phất muốn chất vấn tôi mà trở thành nghĩa của tôi. Tại sao vậy? Vì chúng sanh không có nên niệm không. Vì chúng sanh tánh không có nên niệm tánh cũng không. Vì chúng sanh pháp không có nên niệm pháp cũng không. Vì chúng sanh ly nên niệm cũng ly. Vì chúng sanh rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì chúng sanh bất khả tri nên niệm cũng bất khả tri. Nầy Xá Lợi Phất! Vì sắc không có nên niệm cũng không. Vì sắc tánh không có nên niệm tánh cũng không. Vì sắc pháp không có nên niệm pháp cũng không. Vì sắc ly nên niệm cũng ly. Vì sắc rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì sắc bất khả tri nên niệm cũng bất khả tri. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề cũng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thật hành Bồ Tát đạo, tôi muốn khiến chẳng rời niệm nầy: chính là đại bi niệm". Bấy giờ đức Phật khen: "Lành thay, lành thay! Đây chính là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát. Ai muốn nói thời phải nói như vậy. Tu Bồ Đề nói về Bát nhã ba la mật đều là tuân thừa ý của Phật. Đại Bồ Tát học Bát

nhã ba la mật phải học như lời của Tu Bồ Đề nói". Lúc Ngài Tu Bồ Đề nói phẩm Bát nhã ba la mật, cõi Đại Thiên chấn động sáu cách. Bấy giờ đức Phật mỉm cười. Ngài Tu Bồ Đề bạch hỏi duyên do. Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Như ta nói Bát nhã ba la mật tại quốc độ nầy, mười phương trong vô lượng vô số quốc độ, chư Phật cũng nói Bát nhã ba la mật như vậy". Lúc đức Phật nói phẩm Bát nhã ba la mật, có mười hai na do tha Nhơn, Thiên được vô sanh pháp nhẫn. Lúc mười phương chư Phật nói Bát nhã ba la mật cũng có vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề".

*** 27. PHẨM THIÊN VƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BẢY

Bấy giờ trong Đại Thiên thế giới, chư vị Tứ Thiên Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên đồng đến pháp hội. Chư vị Đao Lợi Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Dạ Ma Thiên Vương, chư vị Đâu Suất Thiên Vương cùng vô số trăm ngà ức chư Thiên, chư vị Hóa Lạc Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Tự Tại Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Phạm Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên đồng đến pháp hội. Thân quang minh do nghiệp báo sanh của chư vị Tứ Thiên Vương nhẫn đến chư vị Đại Tự Tại Thiên so với thường quang của đức Phật không bằng một phần muôn ức, ở bên Phật khác nào cột cháy nám sánh với đống vàng diêm phù đàn. Thích Đề Hoàn Nhơn, vị Thiên Vương cõi trời Đau Lợi bạch Ngài Tu Bồ Đề: "Chư vị Thiên Vương đây cùng hòa hiệp đều muốn nghe Đại Đức Tu Bồ Đề nói Bát nhã ba la mật. Bạch Ngài Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nên an trụ trong Bát nhã ba la mật thế nào? Những gì là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát? Thế nào đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Tôi sẽ thừa thuận ý của đức Phật mà nói Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát, như chỗ chư đại Bồ Tát phải an trụ trong Bát nhã ba la mật. Nay chư Thiên Tử nào chưa phát tâm Vô thượng Bồ đề thời nên phát tâm. Người nào nhập chánh vị Thanh Văn thời chẳng thể phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì chướng cách với sanh tử vậy. Người nầy nếu phát bồ đề tâm, tôi cũng tùy hỉ. Vì bực thượng nhan phải nên lại cầu thượng pháp. Tôi trọn không dứt tuyệt công đức của họ. Nầy Kiều Thi Ca! Gì là Bát nhã ba la mật? Đại Bồ Tát đúng với tâm nhất thiết trí để tư niệm sắc là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Tư niệm sắc như bịnh, như mụn nhọt vỡ bể, như mũi tên ghim vào thân, làm cho đau đớn, suy hoại, lo sợ chẳng an, vì vô sở đắc vậy. Tư niệm thọ, tưởng, hành, thức đến địa, thủy, hỏa, phong không thức, sáu đại chủng cũng như vậy, vì đều vô sở đắc cả. Bồ Tát lại quán sắc đến thức chủng là tịch diệt, là ly, là bất sanh, là bất diệt, là bất cấu, là bất tịnh, vì vô sở đắc vậy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát đúng với tâm thứ nhứt thiết trí quán vô minh duyên ra các hành nhẫn đến lão tử nhơn duyên tụ tập những sự khổ lớn, vì cũng vô sở đắc vậy. Đại Bồ Tát quán vì vô minh diệt nên các hành diệt, nhẫn đến vì sanh diệt nên lão tử diệt. Vì lão tử diệt nên nhóm khổ lớn ưu bi khổ não cũng diệt, vì vô sở đắc vậy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết chủng trí tu tứ niệm xứ, vì vô sở đắc vậy. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, vì vô sở

đắc vậy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát đúng với tâm nhứt thiết trí thật hành Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, vì vô sở đắc vậy. Lại Kiều Thi Ca! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát quán như vầy: Chỉ có các pháp và các pháp làm nhơn duyên cho nhau mà có thuận ích, tăng trưởng, phân biệt, so tính, trong đây không có ngã và ngã sở. Tâm hồi hướng của Bồ Tát chẳng ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, tâm bồ đề chẳng ở trong tâm hồi hướng. Ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, tâm hồi hướng bất khả đắc. Ở trong tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Bồ đề bất khả đắc. Đại Bồ Tát dù quán tất cả pháp, nhưng cũng không có pháp khả đắc. Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát". Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Thế nào là tâm hồi hướng của Bồ Tát chẳng ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, nhẫn đến ở trong tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Bồ đề bất khả đắc". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Tâm hồi hướng và tâm Vô thượng Bồ đề chẳng phải tâm, là chẳng phải tâm tướng. Trong chẳng phải tâm tướng chẳng hồi hướng được, chẳng phải tâm tướng nầy thường chẳng phải tâm tướng. Bất khả tư nghì tướng thường bất khả tư nghì tướng. Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát". Đức Phật khen: "Lành thay, lành thay! Tu Bồ Đề vì chư đại Bồ Tát mà nói Bát nhã ba la mật, an ổn tâm của đại Bồ Tát". Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn! Con phải báo ân. Thuở quá khứ, chư Phật và các đệ tử vì hàng đại Bồ Tát nói sáu ba la mật dạy bảo lợi ích vui mừng. Lúc ấy đức Thế Tôn cũng ở nơi đó học được Vô thượng Bồ đề. Hôm nay cũng phải vì hàng Bồ Tát nói sáu ba la mật, dạy bảo lợi ích vui mừng cho họ được Vô thượng Bồ đề". Ngài Tu Bồ Đề nói với Thích Đề Hoàn Nhơn: "Nầy Kiều Thi Ca! Nay Ngài nên nghe chỗ nên an trụ cùng chỗ chẳng nên an trụ trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát. Nầy Kiều Thi Ca! Sắc sắc rỗng không, đến thức thức rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không. Sắc không và Bồ Tát không nầy chẳng hai, chẳng khác, đến thức không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác. Nầy Kiều Thi Ca! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát nên an trụ như vậy. Lại nhãn nhãn rỗng không, đến ý rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không. Nhãn không nhẫn đến Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác. Lục trần, sắc đến pháp, lục đại, đại địa đến thức đại thức đại rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không. Thức đại không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác. Vô minh vô minh rỗng không đến lão tử lão tử rỗng không. Vô minh diệt vô minh diệt rỗng không đến lão tử diệt lão tử diệt rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không. Vô minh không đến lão tử diệt không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác. Nầy Kiều Thi Ca! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát phải an trụ như vậy. Lại Đàn na ba la mật đến nhứt thiết chủng trí nhứt thiết chủng trí rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không. Nhứt thiết chủng trí không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác. Nầy Kiều Thi Ca! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát phải an trụ như vậy. Thế nào trong Bát nhã ba la mật chỗ chẳng nên an trụ? Nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì có sở đắc vậy. Chẳng nên an trụ trong nhãn đến ý. Chẳng nên an trụ trong sắc đến pháp. Chẳng nên an trụ trong nhãn thức đến ý thức. Chẳng nên an trụ trong nhãn xúc, nhơn duyên, sanh thọ, vì có sở đắc vậy. Chẳng nên an trụ trong Đàn na ba la mật đến nhứt thiết trí, vì có sở đắc vậy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát đối với sắc là thường, sắc là vô thường, sắc là lạc, là khổ, sắc là tịnh, sắc là bất tịnh, sắc là ngã, sắc là vô ngã, sắc là không, sắc là bất không,

sắc là tịch diệt, sắc là chẳng tịch diệt, sắc là ly, sắc là chẳng ly, đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Như với sắc, với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát đối với vô vi tướng và phước điền của quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến của Phật đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Ở trong sơ phát tâm: Tôi phải đầy đủ sáu môn ba la mật, sẽ nhập Bồ Tát vị, sẽ ở bực bất thối chuyển, có đủ năm thần thông, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Có đủ năm thần thông rồi tôi sẽ đến vô lượng vô số cõi Phật để lễ kính cúng dường, nghe Phật thuyết pháp, nghe xong nói lại cho người khác. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Như quốc độ nghiêm tịnh của chư Phật, tôi cũng sẽ nghiêm tịnh quốc độ như vậy, sẽ thành tựu chúng sanh khiến họ nhập Phật đạo, sẽ đến chỗ của vô lượng vô số chư Phật để tán thán kính trọng cúng dường phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tất cả như vầy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Tôi sẽ sanh ngũ nhãn, sẽ sanh tất cả tam muội, tất cả đà la ni, sẽ được nhập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, sẽ đầy đủ đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Đây là bát nhơn, là tín hành nhơn, là pháp hành nhơn, Tu Đà Hoàn tột bảy đời, Tu Đà Hoàn mạng chung sạch phiền não, Tu Đà Hoàn trung gian nhập Niết Bàn, người nầy hướng Tư Đà Hàm quả chứng, Tư Đà Hàm nhứt lai nhập Niết Bàn, người nầy hướng A Na Hàm quả chứng, A Na Hàm nơi kia nhập Niết Bàn, người nầy hướng A La Hán quả chứng, A La Hán đời nay nhập vô dư Niết Bàn, người nầy là Bích Chi Phật, trụ Bồ Tát địa, vượt hơn Thanh Văn, Bích Chi Phật, được đạo chủng trí, nhứt thiết chủng trí, đắc Vô thượng Bồ đề, sẽ chuyển pháp luân, làm Phật sự độ vô lượng chúng sanh nhập Niết Bàn. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Được tứ như ý túc, trụ trong tam muội nầy sẽ trụ thọ số kiếp như số cát sông Hằng, sẽ được ba mươi hai tướng, mỗi mỗi tướng có trăm phước trang nghiêm, thế giới của ta như hằng sa thế giới mười phương, Đại Thiên thế giới của ta thuần kim cang, cây bồ đề của ta sẽ phát ra mùi thơm làm cho chúng sanh dứt sạch thân bịnh và tâm bịnh, chúng sanh nghe mùi thơm nầy sẽ sạch tham, sân, si, cũng không có tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, tất cả sẽ được Vô thượng Bồ đề. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Sẽ khiến trong thế giới của tôi không có danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có danh tự Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, không có danh tự tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, cũng không có danh tự Tu Đà Hoàn đến Phật. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Tại sao vậy? Vì chư Phật lúc đắc Vô thượng Bồ đề, tất cả pháp đề vô sở đắc vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Thế nên ở trong Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng nay đây Bồ Tát phải an trụ trong Bát nhã ba la mật như thế nào?" Biết tâm niệm của Ngài Xá Lợi Phất, Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Cứ theo ý Ngài thời chư Phật an trụ chỗ nào?" Ngài Xá Lợi Phất nói: "Chư Phật không có chỗ an trụ. Chư Phật chẳng an trụ trong sắc, chẳng an trụ trong thọ, tưởng, hành, thức, chẳng an trụ trong tánh hữu vi, trong tánh vô vi, chẳng an trụ trong tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, chẳng an trụ trong nhứt thiết chủng trí. Trong Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải an trụ như chư Phật an trụ. Nơi tất cả pháp chẳng phải an trụ chẳng phải chẳng an trụ. Trong Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải học

như vậy, phải an trụ nơi pháp chẳng trụ". Bấy giờ trong pháp hội có chư Thiên Tử nghĩ rằng lời nói câu chữ của hàng Dạ Xoa còn có thể rõ biết được, Đại Đức Tu Bồ Đề luận nói, giải thích Bát nhã ba la mật, chúng tôi trọn chẳng biết chi cả. Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của Chư Thiên Tử nên hỏi rằng: "Các Ngài chẳng hiểu, chẳng biết ư?" Chư Thiên Tử nói: "Bạch Đại Đức! Chúng tôi chẳng hiểu, chẳng biết". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng ra thời các Ngài phải nên chẳng biết, còn tôi thì không có luận nói, nhẫn đến tôi không nói đến một chữ, cũng không có người nghe. Tại sao vậy? Vì những chữ chẳng phải Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật không có thích giả. Vô thượng Bồ đề của chư Phật không có chữ, không có lời. Nầy các Ngài! Như đức Phật biến hóa thành hóa nhơn. Hoá nhơn nầy lại biến hóa bốn bộ chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Như-lai-tạng Tiểu thừa, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Ở giữa bốn bộ chúng nầy, hóa nhơn thuyết pháp. Ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có thuyết giả, có thích giả, có trí giả chăng?" Chư thiên Tử nói: "Bạch Đại Đức! Không có". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy các Ngài! Tất cả pháp đều như biến hóa, trong đó không có thuyết giả, không có thích giả cũng không có tri giả. Nầy các Ngài! Ví như có người chiêm bao thấy Phật thuyết pháp, ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có thuyết giả, thính giả và tri giả chăng?" Chư Thiên Tử nói: "Bạch Đại Đức! Không có". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy các Ngài! Tất cả các pháp đều như chiêm bao, không có người nói, không có người nghe, không có người biết. Nầy các Ngài! Ví như có hai người ở một bên bờ khe sâu lên tiếng ca ngợi Phật, Pháp và Tăng phát ra hai vang. Ý các Ngài nghĩ thế nào, hai vang ấy có hiểu lẫn nhau chăng?" Chư Thiên Tử nói: "Bạch Đại Đức! Không". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy các Ngài! Tất cả pháp cũng như vang, không thuyết giả, không thích giả, không tri giả. Nầy các Ngài! Như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm Phật và bốn bộ chúng rồi thuyết pháp. Ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có người nói, người nghe, người biết không?" Chư Thiên Tử nói: "Bạch Đại Đức! Không có". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy các Ngài! Tất cả pháp như ảo huyễn, trong đó không có thuyết giả, thích giả, cũng không có tri giả". Bấy giờ chư Thiên Tử nghĩ rằng Đại Đức Tu Bồ Đề giải nói muốn cho dễ hiểu mà trở lại càng thâm, càng diệu. Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên Tử mà nói rằng: "Nầy các Ngài! Sắc chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thâm, chẳng phải diệu. Sắc tánh đến thức tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu. Nhãn tánh đến ý tánh, sắc tánh đến pháp tánh, nhãn giới tánh đến ý thức giới tánh, nhãn xúc đến ý xúc, nhãn xúc, nhơn duyên, sanh thọ đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, tất cả tam muội đến tất cả đà la ni, nhứt thiết chủng trí và nhứt thiết chủng trí tánh đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu". Chư Thiên Tử nghĩ rằng trong thuyết pháp ấy chẳng phải nói sắc đến chẳng nói nhứt thiết chủng trí, chẳng nói Tu Đà Hoàn quả đến A La Hán quả, chẳng nói Bích Chi Phật đạo, chẳng nói Vô thượng Bồ đề đạo, trong chẳng pháp ấy chẳng nói danh tự ngữ ngôn. Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên Tử nên nói rằng: "Nầy các Ngài! Đúng như vậy, trong pháp ấy, Vô thượng Bồ đề của chư Phật không có tướng nói được, trong ấy không có thuyết giả, không có thính giả, không có tri giả. Nầy các Ngài! Do đây nên thiện nam tử, thiện nữ nhơn, người muốn an trụ Tu

Đà Hoàn quả, muốn y chứng Tu Đà Hoàn quả, người nầy chẳng lìa rời trí nhẫn trên đây. Người muốn an trụ, muốn chứng Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm quả, A La Hán quả, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo, người nầy chẳng rời lìa trí nhẫn trên đây. Nầy các Ngài! Đại Bồ Tát từ sơ phát tâm, ở trong Bát nhã ba la mật, phải an trụ như vậy. Vì không có nói, không có nghe vậy".

*** 28. PHẨM ẢO NHƠN THÍNH PHÁP THỨ HAI MƯƠI TÁM

Bấy giờ chư Thiên Tử nghĩ rằng nên dùng những người nào để nghe Đại Đức Tu Bồ Đề thuyết pháp? Biết tâm niệm của chư Thiên Tử, Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy các Ngài! Như người ảo hóa nghe pháp, tôi phải dùng người như vậy. Vì người như vậy không có nghe, không có biết, không có chứng". Chư Thiên Tử hỏi: "Bạch Đại Đức! Chúng sanh như ảo, người nghe pháp cũng như ảo chăng? Chúng sanh như hóa, người nghe pháp cũng như hóa chăng?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Nầy các Ngài! Chúng sanh như ảo, người nghe pháp cũng như ảo, chúng sanh như hóa, người nghe pháp cũng như hóa. Nầy các Ngài! Ngã như ảo, như mộng, chúng sanh đến tri giả, kiến giả cũng như ảo, như mộng. Sắc đến thức, nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn thức đến ý thức, nhãn xúc đến ý xúc, nhãn xúc nhơn duyên, sanh thọ đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng như ảo, như mộng. Nội không đến vô pháp hữu pháp không, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp cũng đều như ảo, như mộng. Tu Đà Hoàn quả đến Phật đạo cũng như ảo, như mộng". Chư Thiên Tử hỏi: "Đại Đức nói Phật đạo như ảo, như mộng. Niết Bàn, Đại Đức cũng nói như ảo, như mộng chăng? Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tôi nói Phật đạo như ảo, như mộng. Tôi nói Niết Bàn cũng như ảo, như mộng. Nếu còn có pháp nào hơn Niết Bàn tôi nói cũng như ảo, như mộng. Tại sao vậy? Vì ảo mộng và Niết Bàn không hai, không khác". Bấy giờ các Ngài Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Ma Ha Ca Chiên Diên, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Ma Ha Ca Diếp và vô số Bồ Tát hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Bát nhã ba la mật như vậy rất là sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó biết, tịch diệt vi diệu. Ai sẽ là người lãnh thọ được?. Ngài A Nan nói với chư đại đệ tử và chư Bồ Tát: "Chư đại Bồ Tát bất thối chuyển có thể lãnh thọ Bát nhã ba la mật rất sâu, khó thấy, khó hiểu, khó biết, tịch diệt vi diệu nầy. Những người thành tựu chánh kiến, những bậc lậu tận A La Hán, sở nguyện đã mãn cũng có thể tín thọ. Lại những thiện nam tử, thiện nữ nhơn đã thấy nhiều Phật, ở chỗ chư Phật đã nhiều cúng dường trồng căn lành, thường gần thiện tri thức, có căn tánh lanh lợi, những người nầy có thể lãnh thọ, chẳng nói là phải hay chẳng phải". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Chẳng dùng không để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt không, chẳng dùng vô tướng, vô tác để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt vô tướng, vô tác, chẳng dùng vô sanh, vô diệt, tịch diệt và ly để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt vô sanh, vô diệt, tịch diệt và ly. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng vậy, Đàn na ba la mật đến nhứt thiết chủng trí cũng vậy. Chẳng dùng không đến ly để phân biệt nhứt thiết chủng trí, chẳng dùng nhứt

thiết chủng trí để phân biệt không". Ngài Tu Bồ Đề lại nói vơi chư Thiên Tử: "Bát nhã ba la mật rất sâu nầy ai có thể lãnh thọ ư? Nầy các Ngài! Trong Bát nhã ba la mật nầy không có pháp chỉ bày được, không có pháp nói luận được. Nếu đã không có pháp chỉ được, không có pháp nói được, thời người lãnh thọ cũng bất khả đắc". Ngài Xá Lợi Phất nói với Ngài Tu Bồ Đề: "Trong Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp tam thừa và giáo pháp nhiếp thủ Bồ Tát, từ bực sơ phát ý đến bực thập địa, từ Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, từ tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật như vậy, thường hóa sanh chẳng mất thần thông, đầy đủ thiện căn đi đến các cõi Phật, muốn có phẩm vật để cúng dường thời liền được như nguyện. Ở chỗ chư Phật nghe lãnh giáo pháp mãi đến nhứt thiết trí không đoạn tuyệt, chưa từng rời chánh định, sẽ được biện tài mau chóng, biện tài lanh lẹ, biệt tài bất tận, biện tài bất đoạn, biện tài đúng cơ, biện tài đúng nghĩa, biện tài hơn tất cả thế gian". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Như lời Xá Lợi Phất nói, Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp Tam thừa và giáo pháp hộ trì Bồ Tát, nhẫn đến đại Bồ Tát được tối thượng biện tài của tất cả thế gian, vì bất khả đắc vậy. Ngã nhân đến tri giả, kiến giả bất khả đắc. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí bất khả đắc". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Nhơn duyên gì mà trong Bát nhã ba la mật nói rộng về giáo pháp Tam thừa vì bất khả đắc? Nhơn duyên gì mà trong Bát nhã ba la mật hộ trì Bồ Tát vì bất khả đắc? Nhơn duyên gì đại Bồ Tát được biện tài mau lẹ đến tối thượng biện tài trong tất cả thế gian vì bất khả đắc?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì nội không nên Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp Tam thừa bất khả đắc. Vì ngoại không đến vô pháp hữu pháp không nên nói rộng giáo pháp Tam thừa bất khả đắc vậy. Vì nội không nên hộ trì Bồ Tát đến tối thượng biện tài trong tất cả thế gian bất khả đắc. Vì ngoài không đến vô pháp hữu pháp không nên Bát nhã ba la mật hộ trì Bồ Tát đến được tối thượng biện tài trong tất cả thế gian bất khả đắc vậy".

*** 29. PHẨM TÁN HOA THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên Vương trong Đại Thiên thế giới nghĩ rằng Đại Đức Tu Bồ Đề vì chúng ta mà ban pháp vũ. Chúng ta nên hóa hiện hoa đẹp để rải trên đức Phật, chư đại Bồ Tát, chư Tỳ Kheo Tăng, Đại Đức Tu Bồ Đề và Bát nhã ba la mật. Liền đó chư Thiên Vương hóa hiện hoa đẹp rải trên đức Phật, chư đại Bồ Tát, chư Tỳ Kheo Tăng và Đại Đức Tu Bồ Đề và cũng cúng dường Bát nhã ba la mật. Khắp Đại Thiên thế giới lúc bấy giờ đầy những hoa trong không gian. Những hoa nầy hóa thành những hoa đài đoan nghiêm vi diệu. Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng những hoa trên hư không do chư Thiên Tử rải, từ nào chưa từng thấy. Đây là hóa hoa, chẳng phải hoa từ cây sanh ra. Đây là hoa từ tâm thọ sanh, chẳng phải từ cây sanh. Biết tâm niệm của Ngài Tu Bồ Đề, Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nói: "Bạch Đại Đức! Hoa nầy chẳng phải sanh, hoa cũng chẳng từ tâm thọ sanh". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Ngài nói hoa nầy chẳng phải sanh, hoa cũng phải từ

tâm thọ sanh. Hoa nầy nếu chẳng phải là sanh pháp thời chẳng gọi là hoa". Thiên Đế Thích Đê Hoàn Nhơn nói: "Bạch Đại Đức! Chỉ có hoa nầy là chẳng sanh, hay là sắc và thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sanh?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Chẳng phải chỉ có hoa nầy là chẳng sanh, mà sắc cũng chẳng sanh. Nếu đã chẳng sanh thời chẳng gọi là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sanh. Nếu chẳng sanh thời chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Như ngũ ấm, lục nhập, lục thức, lục xúc và lục xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng vậy. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng sanh, nếu chẳng sanh thời chẳng gọi là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật. Nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Tứ niệm xứ đến bất cộng pháp chẳng sanh, nhứt thiết chủng trí cũng chẳng sanh. Nếu chẳng sanh thời chẳng gọi là tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí". Thiên Đế nghĩ rằng Đại Đức Tu Bồ Đề có trí huệ rất sâu, chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng. Đức Phật biết tâm niệm của Thiên Đế nên nói rằng: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Tu Bồ Đề có trí huệ rất sâu, chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng". Thiên Đế thưa: "Bạch Thế Tôn! Đại Đức Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng như thế nào?" Đức Phật nói: "Sắc chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề cũng chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng. Tại sao vậy? Vì các pháp tướng không có hoại, chỗ nói của Tu Bồ Đề cũng không có hoại và chẳng hoại vậy. Như ngũ ấm, lục nhập đến lục xúc, nhơn duyên, thọ sanh, Đàn na ba la mật đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, Tu Đà Hoàn quả đến Phật đạo, nhứt thiết trí đến nhứt thiết chủng trí, Tu Đà Hoàn đến Phật, tất cả chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề cũng chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng. Tại sao vậy? Vì các pháp tướng không có hoại và chẳng hoại, chỗ nói của Tu Bồ Đề cũng không có hoại và chẳng hoại vậy. Nầy Kiều Thi Ca! đúng như vạy, Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng". Ngài Tu Bồ Đề nói với Thiên Đế: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Như lời đức Phật nói, các pháp chỉ là giả danh. Đại Bồ Tát phải biết các pháp chỉ là giả danh như vậy. Phải học Bát nhã ba la mật như vậy. Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học sắc, chẳng học thọ, tưởng, hành, thức. Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có sắc để học, cũng chẳng thấy có thọ, tưởng, hành, thức để học. Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật để học. Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học nội không đến vô pháp hữu pháp không, là chẳng học tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có nội không đến pháp bất cộng để học. Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học Tu Đà Hoàn quả đến nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có quả Tu Đà Hoàn đến nhứt thiết chủng trí để học". Thiên Đế hỏi: "Bạch Đại Đức! Do nhơn duyên gì mà chẳng thấy sắc đến chẳng thấy thấy nhứt thiết chủng trí?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc sắc không nhẫn đến nhứt thiết chủng trí không. Nầy Kiều Thi Ca! Sắc không chẳng học sắc không nhẫn đến nhứt thiết chủng trí không chẳng học nhứt thiết chủng trí không. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu chẳng học không như vậy thời gọi là học không, vì chẳng hai vậy. Đại Bồ Tát nầy học sắc không nhẫn đến học nhứt thiết chủng trí không, vì chẳng hai vậy. Nếu học sắc không vì chẳng hai, nhẫn đến học nhứt thiết chủng trí không vì chẳng hai, đại Bồ Tát nầy có thể học Đàn na ba la mật

đến Bát nhã ba la mật vì chẳng hai vậy. Có thế học tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng vì chẳng hai vậy. Có thế học quả Tu Đà Hoàn đến nhứt thiết chủng trí vì chẳng hai vậy. Đại Bồ Tát nầy có thể học vô lượng vô biên a tăng kỳ pháp. Nếu có thể học vô lượng vô biên vô số pháp, thời đại Bồ Tát nầy chẳng vì sắc tăng mà học, chẳng vì sắc giảm mà học. Nhẫn đến chẳng vì nhứt thiết chủng trí tăng mà học, cũng chẳng vì nhứt thiết chủng trí giảm mà học. Nếu chẳng vì sắc tăng giảm mà học, nhẫn đến nếu chẳng vì nhứt thiết chủng trí tăng giảm mà học, thời đại Bồ Tát nầy chẳng vì sắc thọ mà học, cũng chẳng vì sắc diệt mà học. Nhẫn đến chẳng vì nhứt thiết chủng trí thọ và diệt mà học". Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Học như vậy, đại Bồ Tát nầy chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà học. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ và diệt mà học?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát nếu học như vậy thời chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà học, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ diệt mà học". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà đại Bồ Tát chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà học, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ diệt mà học?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc nầy chẳng thọ được cũng không có ai thọ sắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng thọ được cũng không ai thọ, vì nội ngoại rỗng không vậy. Vì chẳng thọ tất cả pháp nên đại Bồ Tát có thể đến nhứt thiết chủng trí". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật như vậy có thể đến nhứt thiết chủng trí chăng?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật như vậy có thể đến nhứt thiết chủng trí, vì chẳng thọ pháp vậy". Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả pháp chẳng thọ, chẳng diệt mà học, thời làm sao đến được nhứt thiết chủng trí?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc chẳng thọ, chẳng thấy sắc cấu, chẳng thấy sắc tịnh, chẳng thấy sắc tăng, chẳng thấy sắc giảm. Tại sao vậy? Vì sắc sắc tánh rỗng không vậy. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng chẳng thấy sanh, chẳng thấy diệt, chẳng thấy thọ, chẳng thấy chẳng thọ, chẳng thấy cấu, chẳng thấy tịnh, chẳng thấy tăng, chẳng thấy giảm. Tại sao vậy? Vì nhứt thiết chủng trí tánh rỗng không vậy. Đại Bồ Tát vì tất cả pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thọ, chẳng xả, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng hiệp, chẳng tan, chẳng tăng, chẳng giảm, nên học Bát nhã ba la mật có thể đến nhứt thiết chủng trí. Vì không chỗ học, không chỗ đến được vậy". Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi Ngài Xá Lợi Phất: "Đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu chỗ nào?" Ngài Xá Lợi Phất nói: "Đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở trong phẩm Tu Bồ Đề". Thiên Đế hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Có phải thần lực của Đại Đức khiến Xá Lợi Phất nói đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở trong phẩm Tu Bồ Đề chăng?" Ngài Tu Bồ Đề nói: " Chẳng phải thần lực của tôi". Thiên Đế hỏi: "Thần lực của ai vậy?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đó là thần lực của Phật". Thiên đế nói: "Tất cả pháp đều không thọ xứ. Tại sao vậy? Nói là thần lực của Phật, rời tướng không thọ xứ thời Như Lại bất khả đắc, rời pháp như thời Như Lai cũng bất khả đắc". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Rời tướng không thọ xứ thời Như Lai bất khả đắc, rời pháp như thời Như Lai cũng bất khả đắc. Trong tướng không thọ xứ, Như Lai bất khả đắc. Trong pháp như, Như Lai bất khả đắc. Trong sắc như, Như Lai như bất khả đắc. Trong Như Lai như, sắc như bất khả đắc.

Trong sắc pháp tướng, Như Lai pháp tướng bất khả đắc. Trong Như Lai pháp tướng, sắc pháp tướng bất khả đắc. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Như Lai trong sắc như chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai trong thọ, tưởng, hành, thức như chẳng hiệp, chẳng tan. Như Lai rời sắc như chẳng hiệp, chẳng an, Như Lai rời thọ, tưởng, hành, thức như chẳng hiệp, chẳng tan. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Như Lai trong sắc pháp tướng chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai trong thọ, tưởng, hành, thức pháp tướng chẳng hiệp, chẳng tan. Như Lai rời sắc pháp tướng chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai rời thọ, tưởng, hành, thức pháp tướng chẳng hiệp, chẳng tan. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Trong tất cả pháp chẳng hiệp, chẳng tan là thần lực của Như Lai, vì dùng pháp vô sở thọ vậy. Như lời Kiều Thi Ca nói, đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở chỗ nào? Nầy Kiều Thi Ca! Chẳng nên ở trong sắc hay rời ngoài sắc mà cầu Bát nhã ba la mật. Chẳng nên ở trong thọ, tưởng, hành, thức hay rời ngoài thọ, tưởng, hành, thức mà cầu Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật nầy và sắc, thọ, tưởng, hành, thức, tất cả pháp đây đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhứt đó là vô tướng. Nhẫn đến chẳng nên ở trong nhứt thiết chủng trí mà cầu Bát nhã ba la mật, cũng chẳng nên rời ngoài nhứt thiết chủng trí mà cầu Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật đây và nhứt thiết chủng trí, tất cả pháp nầy đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhứt là vô tướng. Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải rời ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí, cũng chẳng phải rời ngoài nhứt thiết chủng trí. Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải rời ngoài sắc như. Nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí như, cũng chẳng phải rời ngoài nhứt thiết chủng trí như. Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải rời ngoài sắc pháp. Nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí pháp, cũng chẳng phải rời ngoài nhứt thiết chủng trí pháp. Tại sao vậy? Nầy Kiều Thi Ca! Tất cả pháp nầy đều vô sở hữu bất khả đắc. Vì vô sở hữu bất khả đắc, nên Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc cũng chẳng phải rời sắc, nhẫn đến cũng chẳng phải nhứt thiết chủng trí cũng chẳng phải rời nhứt thiết chủng trí. Chẳng phải sắc như cũng chẳng phải rời sắc như, nhẫn đến cũng chẳng phải nhứt thiết chủng trí như cũng chẳng phải rời nhứt thiết chủng trí như. Chẳng phải sắc pháp cũng chẳng phải rời sắc pháp, nhẫn đến cũng chẳng phải nhứt thiết chủng trí pháp cũng chẳng phải rời nhứt thiết chủng trí pháp". Thiên Đế nói: "Ma ha ba la mật nầy là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật. Vô lượng ba la mật, vô biên ba la mật là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật. Chư Tu Đà Hoàn và quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư A La Hán và quả A La Hán, chư Bích Chi Phật và đạo Bích Chi Phật, chư đại Bồ Tát đều từ trong Bát nhã ba la mật nầy mà học thành. Có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh phật độ, chứng Vô thượng Bồ đề đều từ trong Bát nhã ba la mật nầy mà học thành". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Ma ha ba la mật nầy là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật. Vô lượng ba la mật, vô biên ba la mật là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật. Cũng từ trong Bát nhã ba la mật nầy mà học thành quả Tư Đà Hoàn đến thành Vô thượng Bồ đề. Nầy Kiều Thi Ca! Vì sắc rộng lớn nên Bát nhã ba la mật cũng rộng lớn. Tại sao vậy? Sắc tiền tế, hậu tế và trung tế đều bất khả đắc. Thọ, tưởng, hành,

thức rộng lớn nên Bát nhã ba la mật cũng rộng lớn, vì thọ, tưởng, hành, thức, tiền tế, hậu tế và trung tế đều bất khả đắc. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Do nhơn duyên nầy nên Ma ha ba la mật nầy là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật. Nầy Kiều Thi Ca! Vì sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng, vì sắc lượng bất khả đắc vậy. Như hư không lượng bất khả đắc, cũng vậy sắc lượng bất khả đắc. Hư không vô lượng nên sắc vô lượng. Vì sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng. Nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng. Tại sao vậy? Vì nhứt thiết chủng trí vô lượng bất khả đắc. Như hư không lượng bất khả đắc, cũng vậy nhứt thiết chủng trí lượng bất khả đắc. Hư không vô lượng nên nhứt thiết chủng trí cũng vô lượng. Nhứt thiết chủng trí vô lượng nên Bát nhã ba la mật cũng vô lượng. Do nhơn duyên nầy nên đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật vô lượng. Nầy Kiều Thi Ca! Sắc vô biên nên đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật vô biên. Tại sao vậy? Sắc, tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên. Vì nhứt thiết chủng trí, tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc vậy. Do nhơn duyên nầy nên Bát nhã ba la mật vô biên. Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì duyên nơi vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên". Thiên Đế hỏi: "Thế nào là duyên nơi vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì duyên tất cả pháp vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên". Thiên Đế hỏi: "Thế nào duyên tất cả pháp vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì duyên vô biên pháp tánh nên Bát nhã ba la mật vô biên. Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì duyên vô biên pháp như nên Bát nhã ba la mật vô biên". Thiên Đế hỏi: "Thế nào duyên vô biên pháp như nên Bát nhã ba la mật vô biên?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì pháp như vô biên nên duyên cũng vô biên. Vì duyên vô biên nên pháp như cũng vô biên". Do nhơn duyên nầy nên đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì chúng sanh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên". Thiên Đế hỏi: "Thế nào chúng sanh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Theo ý Ngài thời những pháp gì gọi là chúng sanh?" Thiên Đế nói: "Không có pháp gì gọi là chúng sanh. Vì giả danh nên gọi là chúng sanh. Danh tự ấy vốn không có pháp cũng không có chỗ đến. Chỉ gượng đặt tên thôi". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Ý Ngài nghĩ thế nào. Trong Bát nhã ba la mật nầy nói chúng sanh có thiệt chăng?" Thiên Đế nói: "Không có thiệt". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu trong Bát nhã ba la mật chẳng nói thiệt có, thời chúng sanh vô biên cũng bất khả đắc. Nầy Kiều Thi Ca! Ý Ngài nghĩ thế nào? Chư Phật trong hằng sa kiếp nói chúng sanh và danh tự chúng sanh. Vả có pháp chúng sanh có sanh, có diệt chăng?" Thiên Đế nói: "Không có. Vì bổn lai chúng sanh thường thanh tịnh vậy". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Do nhơn duyên nầy, vì chúng sanh vô biên nên biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên".

*** 30. PHẨM TAM THÂN THỨ BA MƯƠI

Bấy giờ chư Thiên Vương và chư Thiên, chư Phạm Vương và chư Phạm Thiên, chư Thần Tiên và chư Thiên Nữ đồng thời ba phen ca ngợi rằng: Hay thay! Hay thay!

Pháp của Đại Đức Tu Bồ Đề tuyên thuyết đều do ân lực nhơn duyên của đức Phật xuất thế gian ban bố giáo pháp nầy. Nếu có đại Bồ Tát nào thật hành Bát nhã ba la mật nầy chẳng xa rời, thời chúng tôi xem vị đó như đức Phật. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy dầu không có pháp nào được có, từ sắc đến nhứt thiết chủng trí, nhưng có giáo pháp Tam thừa, tức là Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Như lời các Ngài nói: Trong Bát nhã ba la mật nầy dầu không có pháp nào được có, từ sắc đến nhứt thiết chủng trí, nhưng có giáo pháp Tam thừa: Thanh Văn thừa và Phật thừa. Nầy chư Thiên Tử! Nếu có đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật nầy mà chẳng xa rời thời nên xem như đức Phật, vì vô sở đắc vậy. Tại sao vậy? Trong Bát nhã ba la mật nói rộng về giáo pháp Tam thừa: Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa. Trong Đàn na ba la mật, Phật bất khả đắc. Rời Đàn na ba la mật, Phật cũng bất khả đắc. Nhẫn đến trong nhứt thiết chủng trí, Phật bất khả đắc. Rời nhứt thiết chủng trí, Phật cũng bất khả đắc. Nầy chư Thiên Tử! Đại Bồ Tát nếu có thể học tất cả pháp nầy, từ Đàn na ba la mật đến nhứt thiết chủng trí, vì cớ sự trên đây nên xem vị ấy như đức Phật. Nầy chư Thiên Tử! Thuở xưa, thời kỳ Phật Nhiên Đăng, nơi đầu ngã tư đường trong thành Hoa Nghiêm, ta được thấy Phật và nghe pháp, liền chẳng rời công hạnh Đàn na ba la mật nhẫn đến chẳng rời công hạnh Bát nhã ba la mật; chẳng rời nội không đến vô pháp hữu pháp không; chẳng rời tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần; chẳng rời tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vố sắc định; chẳng rời tất cả tam muội môn; tất cả đà la ni môn; chẳng rời tứ vô sở úy, thập lực, tứ vô ngại trí, thập bát cộng pháp; chẳng rời đại từ đại bi và vô lượng Phật pháp khác, vì vô sở đắc vậy. Bấy giờ đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, qua khỏi một a tăng kỳ kiếp vị lai, sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". Chư Thiên Tử thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Rất là hi hữu, Bát nhã ba la mật nầy có thể làm cho chư đại Bồ Tát được nhứt thiết trí, vì nơi sắc đến nhứt thiết chủng trí chẳng thủ, chẳng xả vậy". Bấy giờ đức Phật nhìn khắp hội chúng: Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, chư đại Bồ Tát, chư Thiên Vương, chư Phạm Vương và chư Thiên Tử, Thiên Nữ. Nhìn khắp hội chúng xong, đức Phật nói với Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn: "Nầy Kiều Thi Ca! Hoặc đại Bồ Tát, hoặc hàng tứ chúng, hoặc chư Thiên Tử, Thiên Nữ, nếu ai nghe, thọ trì, đọc tụng, thân cận, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, chẳng rời nhứt thiết trí, thời các loài ma chẳng phá hoại được. Tại sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ nầy biết rõ chắc sắc không nhẫn đến nhứt thiết chủng trí không, không chẳng thể phá hoại không, vô tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, vô tác chẳng thể phá hoại vô tác. Tại sao vậy? Vì các pháp nầy tự tánh, tự tướng bất khả đắc nên không có sự gì phá hoại được thời đâu có ai chịu lấy não hại! Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam và thiện nữ nầy, hàng Nhơn Phi Nhơn không thể não hại được. Tại sao vậy? Vì thiện nam và thiện nữ nầy, ở trong tất cả chúng sanh khéo tu tâm từ bi hỉ xã, vì vô sở đắc vậy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam và thiện nữ nầy trọn không bị hoạch tử. Tại sao vậy? Vì thiện nam và thiện nữ nầy thật hành Đàn na ba la mật, với tất cả chúng sanh đều dùng tâm bình đẳng mà cung cấp vậy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Trong Đại Thiên thế giới, chư Thiên

Vương, chư Phạm Vương và chư Thiên Tử, chư Thiên Nữ, có ai phát tâm Vô thượng Bồ đề mà chưa nghe Bát nhã ba la mật nầy và chưa thọ trì, thân cận, thời vị Trời ấy nay đây phải nghe thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí. Lại nầy Kiều Thi Ca! Các thiện nam và thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy rồi thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí, thời hoặc ở nhà vắng, hoặc ở núi rừng, hoặc ở chỗ đông người trọn không có sự kinh sợ. Tại sao vậy? Vì các thiện nam và thiện nữ nầy biết rõ nội không, biết rõ ngoại không, nhẫn đến biết rõ vô pháp hữu pháp không, vì vô sở đắc vậy". Chư Thiên Tử thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam và thiện nữ có thể thọ trì Bát nhã ba la mật và thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí, thời chư Thiên chúng tôi phải thường thủ hộ người đó. Tại sao vậy? Bạch đức Thế Tôn! Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nơi dứt được ba ác đạo, dứt được sự nghèo cùng của Trời, Người, dứt được những tai hoạn, tật bịnh, đói khát. Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có mười nghiệp đạo lành xuất hiện thế gian, và cũng xuất hiện tứ thiền đến nhứt thiết chủng trí. Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên thế gian bèn có những nhà đại tộc, những dòng tôn quý và Chuyển Luân Thánh Vương cùng chư Thiên và Tứ Vương Thiên đến Sắc Cứu Cánh Thiên. Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có quả xuất thế Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật đạo. Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ mà có chư Phật xuất hiện thế gian, mà có chuyển pháp luân, mà biết có Phật bửu và Tỳ Kheo Tăng bửu. Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên trên đây nên tất cả thế gian, chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thủ hộ đại Bồ Tát nầy". Đức Phật nói: "Đúng như vậy! Nầy chư Thiên Tử! Do đại Bồ Tát nhơn duyên mà dứt ba ác đạo nhẫn đến có Tam Bửu xuất hiện thế gian. Vì thế nên chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thường thủ hộ, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán đại Bồ Tát nầy. Nầy chư Thiên Tử! Cúng dường kính trọng đại Bồ Tát nầy thời là cúng dường đức Phật. Nầy chư Thiên Tử! Ví như trong cõi Đại Thiên, hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật đông nhiều như rừng rậm, lúa mè, tre lau, có thiện nam, thiện nữ cúng dường kính trọng khắp tất cả cũng không bằng phước đức cúng dường kính trọng bực đại Bồ Tát sơ phát tâm chẳng rời sáu ba la mật. Tại sao vậy? Vì chẳng do nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật nhơn duyên nên có đại Bồ Tát và chư Phật xuất thế. Mà do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có Thanh Văn và Bích Chi Phật cùng chư Phật xuất hiện thế gian. Vì thế nên, nầy Kiều Thi Ca! Tất cả thế gian, chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thường thủ hộ, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán đại Bồ Tát nầy".

— Hết —

KINH KIM CÀNG BÁT NHÃ BA LA MẬT
Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập,

Kinh Bát Nhã Ba La Mật (Phẩm 31 đến 45)

Bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh

31. PHẨM DIỆT TRÁNH THỨ BA MƯƠI MỐT

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: " Bạch đức Thế Tôn! Rất lạ lùng hi hữu, đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật! Nếu ai được nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm được công đức trong hiện đời như vậy, cũng thành tựu chúng sanh, tranh nghiêm thành tịnh cõi Phật, từ một Phật quốc đến một Phật quốc cúng dường chư Phật, muốn có đồ cúng dường liền tùy ý liền được Vô thượng Bồ đề trọn không giữa chừng quên sót. Đại Bồ Tát nầy cũng được gia thành tựu, mẫu thành tựu, sanh thành tựu, quyên thuộc thành tựu, tướng thành tựu, quang minh thành tựu, nhãn thành tựu, nhĩ thành tựu, tam muội thành tựu, đà la ni thành tựu. Đại Bồ Tát nầy dùng phương tiện lực biến thân chư Phật, đến các quốc độ không Phật để tán dương lục ba la mật, tứ niệm xứ đến thập bát bất cộng pháp, dùng sức phương tiện mà thuyết pháp, dùng pháp Tam thừa để độ thoát chúng sanh, chính là Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa. Bạch đức Thế Tôn! Rất hi hữu! Thọ trì Bát nhã ba la mật là đã tổng nhiếp năm ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, cũng là tổng nhiếp pháp Tu Đà Hoàn đến Phật đạo và nhứt thiết chủng trí". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Thọ trì Bát nhã ba la mật là đã tổng nhiếp năm ba la mật đến nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy hiện đời được công đức, nên nhứt tâm nghe kỹ". Thiên Đế thưa: " Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi kính xin thọ giáo". Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có các ngoại đạo phạm chí, hoặc ma vương ma dân, hoặc kẻ tăng thượng mạn muốn chống trái, phá hoại tâm Bát nhã ba la mật của Bồ Tát, những kẻ ấy vừa sanh lòng ác thời liền diệt mất, trọn chẳng được theo ý muốn. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát thường thật hành sáu ba la mật. Do các chúng sanh mãi mãi tham tránh nên đại Bồ Tát xã tất cả những nội vật, ngoại vật để an lập chúng sanh trong Đàn na ba la mật. Do các chúng sanh mãi mãi đấu tranh nên đại Bồ Tát xã tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Nhẫn nhục ba la mật. Do các chúng sanh mãi mãi giải đãi nên đại Bồ Tát xã tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Tinh tấn ba la mật. Do các chúng sanh mãi mãi loại tâm nên đại Bồ Tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lạp chúng sanh nơi Thiền na ba la mật. Do các chúng sanh mãi mãi ngu si nên đại Bồ Tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Bát nhã ba la mật. Do chúng sanh mãi mãi vì ái kiết mà luân chuyển sanh tử, nên đại Bồ Tát dùng sức phương tiện dứt ái kiết của chúng sanh, để an lập chúng sanh nơi tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến Phật đạo. Trên đây là đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật được công đức trong đời hiện tại. Công đức đời sau được Vô thượng Bồ đề, chuyển pháp luân, đầy đủ hạnh nguyện, nhập vô dư Niết Bàn. Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện

nữ nhơn nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, thời chỗ của người nầy ở, các hành ngoại đạo, ma vương, ma dân, kẻ tăng thượng mạn muốn kinh hủy, vấn nạn, phá hoại Bát nhã ba la mật trọn chẳng thành được. Ác tâm của người nầy lần giảm diệt mà công đức lần thêm lớn. Nhờ nghe Bát nhã ba la mật nầy nên lần lần do đạo Tam thừa đặng hết những sự khổ. Nầy Kiều Thi Ca! Ví như có vị thuốc tên ma kỳ. Có rắn đói đi kiếm ăn thấy mồi muốn mổ ăn, con mồi chạy, đến chỗ vị thuốc ma kỳ. Do sức của hơi thuốc nên rắn không giám tiến lại mà phải trở lui. Vì sức thuốc có thể thắng sức độc vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nầy nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, nếu có những sự đấu tranh muốn đến phá hoại, do oai lực của Bát nhã ba la mật, ác sự liền tiêu mau diệt, người nầy liền sanh thiện tâm, thêm nhiều công đức. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy có thể diệt những sự đấu tranh. Những gì là sự đấu tranh? Chính là tham, sân, si, vô minh nhẫn đến những cái, kiết, sử, triền, nhóm khổ lớn, ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, đoạn kiến, thường kiến, cấu kiên, tịnh kiên, hữu kiên, vô kiên, xan tham, phạm giới, sân khuê, giải đãi, loạn ý, vô trí, thường tưởng, lạc tưởng, tịnh tưởng, ngã tưởng, chấp sắc, chấp thọ, tưởng, hành, thức, chấp Đàn na ba la mật nhẫn đến chấp nhứt thiết chủng trí, chấp Niết Bàn, những sự đấu tranh nầy đều có thể tiêu diệt không cho tăng trưởng. Lại nầy Kiều Thi Ca! Trong Đại Thiên thế giới, chư Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên thường thủ hộ thiện nam, thiện nữ nào có thể nghe, thọ trì, Bát nhã ba la mật, cúng dường người đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật. Hiện tại chư Phật mười phương cũng đồng ủng hộ thiện nam, thiện nữ nầy. Các thiện nam tử, thiện nữ nầy dứt pháp ác, thêm lớn pháp lành, như là Đàn na ba la mật cùng tăng đến nhứt thiết chủng trí, càng tăng vì vô sở đắc vậy. Các thiện nam, thiện nữ nầy có lời nói ra đều được lời tín thọ, hàng thân hữu bền chặt. Thiện nam, thiện nữ nầy không nói lời vô ích, chẳng bị sân khuể che đậy, chẳng bị kiêu mạn, xan tham, tật đố che đậy. Người nầy tự mình chẳng sát sanh, tán thán pháp chẳng sát sanh, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh. Người nầy tự mình xa lìa trộm cắp, dạy người chẳng trộm cắp, tán thán pháp chẳng trộm cắp, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng trộm cắp. Người nầy tự mình chẳng tà dâm, dạy người chẳng tà dâm, tán thán pháp chẳng tà dâm, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng tà dâm. Người nầy tự mình chẳng vọng ngữ, dạy người chẳng vọng ngữ, tán thán pháp chẳng vọng ngữ, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng vọng ngữ. Nơi chẳng lưỡng thiệt, chẳng ác khẩu và chẳng vô ích ngữ cũng như vậy. Người nầy tự mình chẳng tham, dạy người chẳng tham, tán thán pháp chẳng tham, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng tham. Nơi chẳng sân não và chẳng tà kiến cũng như vậy. Người nầy tự thật hành Đàn na ba la mật, dạy người thật hành Đàn na ba la mật, dạy người thật hành Đàn na ba la mật, tán thán pháp Đàn na ba la mật, cũng hoan hỷ tán thán người thật hành Đàn na ba la mật. Nhẫn đến tự được nhứt thiết chủng trí, dạy người được nhứt thiết chủng trí, tán thán pháp nhứt thiết chủng trí, cũng hoan hỷ tán thán người được nhứt thiết chủng trí. Đại Bồ Tát nầy lúc thật hành sáu ba la mật, có bố thí bao nhiêu đều cùng chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì vô sở đắc vậy. Lúc thật hành lục ba la mật như vậy, thiện nam, thiện nữ nầy nghĩ rằng nếu không bố thí, tôi sẽ sanh nhà bần cùng, chẳng có thể thành tựu chúng sanh,

thanh tịnh Phật độ, cũng chẳng có thể được nhứt thiết chủng trí. Nếu không giữ giới, tôi sẽ sanh trong ba ác đạo, còn chẳng được nhơn thân huống là có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Vô thượng Bồ đề. Nếu không tu nhẫn nhục, thân tôi sẽ hủy hoại các căn, sắc lực sẽ không đầy đủ, chẳng thể được sắc thân toàn vẹn của Bồ Tát mà chúng sanh ngó thấy ắt thêm lớn căn lành mãi đến Vô thượng Bồ đề, cũng không thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được nhứt thiết chủng trí. Nếu giải đãi, tôi chẳng thể được Bồ Tát đạo thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được nhứt thiết chủng trí. Nếu loạn tâm, tôi sẽ chẳng sanh được các thiền định, cũng chẳng thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được nhứt thiết chủng trí. Nếu tôi vô trí, không được phương tiện trí thời không thể vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được nhứt thiết chủng trí. Đại Bồ Tát nầy lại nghĩ rằng tôi chẳng nên vì tùy xan tham và chẳng đầy đủ Đàn na ba la mật, chẳng nên vì tùy phạm giới mà chẳng đầy đủ Thi na ba la mật, chẳng nên vì tùy sân khuể mà chẳng đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật, chẳng nên vì tùy giải đãi mà chẳng đầy đủ Tinh tấn ba la mật, chẳng nên vì tùy loạn ý mà chẳng đầy đủ Thiền na ba la mật, chẳng nên vì tùy si tâm mà chẳng đầy đủ Bát nhã ba la mật. Nếu chẳng đầy đủ sáu ba la mật, thời tôi trọn chẳng thể thành tựu nhứt thiết chủng trí. Thiện nam, thiện nữ nầy thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật như vậy cũng chẳng rời tâm nhứt thiết chủng trí, được những công đức đời nầy và đời sau". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Hi hữu thay, đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật, vì hồi hướng tâm nhứt thiết chủng trí, cũng vì chẳng cao tâm". Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Thế nào là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật vì hồi hướng tâm nhứt thiết trí, cũng vì chẳng cao tâm?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát nếu thật hành thế gian Đàn na ba la mật bố thí cho chư Phật, Bích Chi Phật, Thanh Văn và người nghèo cùng khốn khổ, vì không phương tiện lực nên sanh cao tâm. Nếu thật hành thế gian Thi na ba la mật, nghĩ rằng tôi thật hành trì giới, tôi có thể đầy đủ Giới ba la mật, vì không phương tiện nên sanh cao tâm. Nhẫn đến thật hành thế gian Bát nhã ba la mật, nghĩ rằng tôi thật hành Bát nhã ba la mật, tôi tu Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện nên sanh cao tâm. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát lúc tu thế gian tứ niệm xứ, tự nghĩ rằng tôi tu tứ niệm xứ, tôi đầy đủ tứ niệm xứ, vì không phương tiện nên sanh cao tâm. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng đến nhứt thiết chủng trí, nghĩ rằng tôi tu pháp bất cộng, tôi sẽ thành tựu chúng sanh, tôi sẽ thanh tịnh Phật độ, tôi sẽ được nhứt thiết chủng trí. Vì còn có ngô ngã không phương tiện nên sanh cao tâm. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thật hành thế gian thiện pháp như vậy, vì thấy có ngô ngã nên sanh cao tâm. Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát thật hành xuất thế gian Đàn na ba la mật chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có kẻ nhận, chẳng thấy có vật bố thí. Thật hành xuất thế gian Đàn na ba la mật như vậy thì hồi hướng nhứt thiết chủng trí cũng chẳng sanh cao tâm. Thật hành Thi na ba la mật, Thi na ba la mật bất khả đắc. Thật hành Tinh tấn ba la mật, Tinh tấn ba la mật bất khả đắc. Thật hành Thiền na ba la mật, Thiền na ba la mật bất khả đắc. Thật hành Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Tu tứ niệm xứ, tứ niệm xứ bất khả đắc. Nhẫn đến tu nhứt thiết chủng trí, nhứt thiết chủng trí bất khả đắc. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật như vậy, vì hồi hướng nhứt thiết

chủng trí, vì chẳng sanh cao tâm".

*** 32. PHẨM BỬU PHÁP ĐẠI MINH THỨ BA MƯƠI HAI

Đức Phật nói với Thiên Đế: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy rồi thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí, lúc lâm trận, do tụng Bát nhã ba la mật nên vào trong quân trận trọn chẳng mất mạng, đao tên không hại. Tại sao vậy? Thiện nam, thiện nữ nầy mãi mãi thật hành sáu ba la mật, tự trừ đao tên dâm dục của mình, cũng trừ đao tên dâm dục của người khác, tự trừ đao tên sân khuể của mình, cũng trừ đao tên sân khuể của mình, cũng trừ đao tên sân khuể của người khác, tự trừ đao tên ngu si của mình, cũng trừ đao tên ngu si của người khác, tự trừ đao tên tà kiến của mình, cũng trừ đao tên tà kiến của người, tự trừ đao tên triên câu, cũng trừ đao tên triên câu của người, tự trừ đao tên kiết sử, cũng trừ đao tên kiết sử của người. Nầy Kiều Thi Ca! Do nhơn duyên nầy, nên thiện nam, thiện nữ nầy chẳng bị đao tên làm hại. Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí, tất cả những độc, cổ độc, hầm lửa, nước sâu, dao chém đều không làm hại được. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy là đại minh chú, là vô thượng chú. Nếu thiện nam, thiện nữ học đại minh chú nầy thời chẳng tự não hại lấy thân mình, cũng chẳng não hại người khác, cũng chẳng não hại cả mình lẫn người. Tại sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ nầy chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có chúng sanh, nhẫn đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc. Chẳng thấy có sắc, nhẫn đến chẳng thấy có nhứt thiết chủng trí. Vì chẳng thấy có, nên chẳng tự não hại thân mình, chẳng não hại người khác, cũng chẳng não hại lẫn mình cả người. Vì học đại minh chú nầy nên được Vô thượng Bồ đề, quán tâm của tất cả chúng sanh mà tùy ý thuyết pháp. Tại sao vậy? Vì quá khứ chư Phật học đại minh chú nầy đã được Vô thượng Bồ đề, vị lai chư Phật học đại minh chú nầy sẽ được Vô thượng Bồ đề, hiện tại chư Phật học đại minh chú nầy được Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu có người chỉ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật nầy mà thờ nơi nhà, chớ không thọ trì, không đọc tụng, chẳng giảng thuyết, chẳng chánh ức niệm, tất cả hành Nhơn, Phi Nhơn không thể phá hoại chỗ đó được. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy được tất cả chư Thiên Vương, chư Phạm Vương cùng chư Thiên trong Đại Thiên thế giới và trong vô số vô lượng thế giới mười phương đồng ủng hộ. Chỗ thờ Bát nhã ba la mật nầy, chư Thiên đều đến cúng dường, kính trọng, lễ lại rồi đi. Chỉ có biên chép Bát nhã ba la mật để thờ tại nhà, mà thiện nam, thiện nữ ấy còn được công đức hiện đời như vậy. Ví như hoặc có người hoặc có súc vật đến dưới cây bồ đề, thời hàng Nhơn, Phi Nhơn mang ác ý đến không làm hại được. Tại sao vậy? Vì chỗ cây bồ đề nầy là nơi mà quá khứ chư Phật được Vô thượng Bồ đề, vị lai chư Phật và hiện tại chư Phật cũng ở nơi đó mà được Vô thượng Bồ đề. Khi được thành Phật rồi, đều bố thí sự không kinh sợ cho tất cả chúng sanh, làm cho vô lượng vô số chúng sanh được phước lạc trong Người trên Trời, cũng làm cho vô lượng vô số chúng sanh

được quả Tu Đà Hoàn đến quả Vô thượng Bồ đề. Do oai lực của Bát nhã ba la mật, nên chỗ ấy được sự cung kính, lễ bái, cúng dường". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép cúng dường Bát nhã ba la mật, hoặc có thiện nam, thiện nữ sau khi đức Phật nhập diệt xây tháp cúng dường Xá Lợi, hai người nầy ai được phước nhiều?" Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Ta hỏi lại Ngài, tùy ý Ngài đáp. Do học đạo gì mà Phật được Vô thượng Bồ đề thân tướng hảo nầy?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Do học trong Bát nhã ba la mật mà đức Phật được Vô thượng Bồ đề cùng thân tướng hảo trang nghiêm". Đức Phật nói: "Đúng như vậy! Nầy Kiều Thi Ca! Đức Phật từ trong Bát nhã ba la mật mà học được nhứt thiết chủng trí. Nầy Kiều Thi Ca! Chẳng phải do thân tướng hảo mà gọi là Phật. Chính là do được nhứt thiết chủng trí nên gọi là Phật. Nầy Kiều Thi Ca! Nhứt thiết chủng trí của Phật sanh từ trong Bát nhã ba la mật. Nầy Kiều Thi Ca! Thân của Phật đây là chỗ sở y của nhứt thiết chủng trí. Nhơn nơi thân nầy mà Phật được nhứt thiết chủng trí. Nên nghĩ rằng thân của đức Phật đây là chỗ sở y của nhứt thiết chủng trí. Vì thế nên sau khi Phật nhập Niết Bàn, Xá Lợi sẽ được cúng dường. Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, thời tức là cúng dường nhứt thiết chủng trí. Do cớ nầy nên thiện nam, thiện nữ nên biên chép Bát nhã ba la mật nầy, rồi hoặc thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, kính trọng, cúng dường, tán thán. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ xây tháp cúng dường Xá Lợi, kính lễ, tán thán. Lại có thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì Bát nhã ba la mật nầy mà kính thọ, cúng dường, tán thán, thời được phước rất nhiều. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh nội không đến vô pháp hữu pháp không, xuất sanh tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, xuất sanh tất cả tam muội, tất cả thiền định, tất cả đà la ni. Thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ đều xuất phát từ trong Bát nhã ba la mật nầy. Bồ Tát thành tựu tất cả công hạnh cũng từ trong Bát nhã ba la mật nầy. Tất cả phước quả của loài Người cùng cõi Trời đến Sắc Cứu Cánh Thiên đều từ Bát nhã ba la mật nấy sanh. Những Thánh quả từ Tu Đà Hoàn đến chư Phật và nhứt thiết chủng trí của chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người Diêm Phù Đề chẳng cúng dường, tán thán Bát nhã ba la mật, phải chăng vì họ chẳng biết cúng dường thời được nhiều lợi ích?" Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Trong Diêm Phù Đề, đối với Phật, Pháp và Tăng có bao nhiêu người có lòng tin bất hoại? Có bao nhiêu người không nghi? Có bao nhiêu người quyết liễu?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đối với Phật, Pháp và Tăng, trong Diêm Phù Đề ít người có lòng tin bất hoại, cũng ít người không nghi và quyết liễu". Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Trong Diêm Phù Đề, có bao nhiêu người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba môn giải thoát, tám bội xả, chín thứ đệ định, bốn trí vô ngại, sáu thần thông? Trong Diêm Phù Đề có bao nhiêu người dứt ba kiết sử, được đạo Tu Đà Hoàn? Bao nhiêu người dứt ba kiết sử cũng mỏng tham, sân, si, được đạo Tư Đà Hàm? Bao nhiêu người dứt năm hạ phần kiết, được đạo A Na Hàm? Bao nhiêu người dứt năm hạ phần kiết, được đạo A La Hán? Bao nhiêu người cầu đạo Bích Chi Phật? Bao nhiêu người phát tâm Vô thượng Bồ đề?" Thiên Đế thưa: "Trong Diêm Phù Đề, ít người được ba mươi bảy phẩm trợ

đạo, nhẫn đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Trong Diêm Phù Đề ít người đối với Phật, Pháp Tăng có lòng tin bất hoại, không nghi và quyết liễu. Cũng ít người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhẫn đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Trong những người phát tâm nầy lại ít người thật hành Bồ Tát hạnh. Tại sao vậy? Vì những chúng sanh trong Diêm Phù Đề, đời trước của họ chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng cúng dường Tỳ Kheo Tăng, chẳng bố thí, chẳng trì giới, chẳng nhẫn nhục, chẳng tin tấn, chẳng thiền định, chẳng trí tuệ, chẳng nghe nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nghe, chẳng tu tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, chẳng nghe, chẳng tu những môn tam muội, những môn đà la ni, cũng chẳng tu nhứt thiết chủng trí. Do cớ trên đây nên ít chúng sanh tin bất hoại nơi Tam Bảo, nhẫn đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Trong những người phát tâm lại ít người thật hành Bồ Tát đạo. Trong những người thật hành Bồ Tát đạo lại ít người được Vô thượng Bồ đề. Nầy Kiều Thi Ca! Ta dùng Phật nhãn thấy trong những thế giới phương Đông có vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề, thật hành Bồ Tát đạo, nhưng vì xa lìa sức phương tiện Bát nhã ba la mật nên có rất ít người được an trụ bực bất thối chuyển, còn phần nhiều thời sa vào hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Trong chín phương kia cũng như vậy. Vì thế nên thiện nam, thiện nữ phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề phải nghe Bát nhã ba la mật và phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm. Xong rồi lại phải biên chép, cung kính, tôn trọng, tán thán và cúng dường Bát nhã ba la mật. Những thiện pháp khác vào trong Bát nhã ba la mật cũng phải nghe, thọ trì nhẫn đến cúng dường. Những gì là thiện pháp khác? Chính là Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, những tam muội môn, đàn la ni môn, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, đại từ đại bi. Vô lượng thiện pháp như vậy đều vào trong Bát nhã ba la mật cũng phải nghe, thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm và tán thán, cúng dường. Thiện nam, thiện nữ phải nghĩ rằng lúc làm Bồ Tát, đức Phật học và thật hành Bát nhã ba la mật cùng vô lượng thiện pháp cũng như vậy. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật cùng vô lượng thiện pháp là chỗ tôn quý của tôi, là pháp ấn của chư Phật, cũng là pháp ấn của Thanh Văn, Bích Chi Phật. Chư Phật do học Bát nhã ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí mà được đến bỉ ngạn. Chư Bích Chi Phật và Thanh Văn cũng học Bát nhã ba la mật nhẫn đến nhứt thiết trí mà đến bỉ ngạn. Nầy Kiều Thi Ca! Thế nên thiện nam, thiện nữ, lúc Phật còn tại thế hoặc sau khi Phật nhập Niết Bàn, phải y chỉ Bát nhã ba la mật, Thiền na ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Thi na ba la mật, Đàn na ba la mật, nhẫn đến phải y chỉ nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí là chỗ mà chư Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật và tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la đều đáng y chỉ nơi đó. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu thiện nam, thiện nữ, vì cúng dường Phật mà xây tháp bảy báu cao một do tuần, dùng hoa hương, an lạc, phan cái, kỹ nhạc cõi Trời để cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Nầy Kiều Thi Ca! Do nhơn duyên nầy, thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?" Thiên Đế nói: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, rất nhiều!" Đức Phật nói: "Nhưng vẫn không bằng phước của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy và biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm tát bà nhã, cùng cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường. Nầy

Kiều Thi Ca! Chẳng luận một tháp bảy báu. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, vì cúng dường Phật nên thiện nam, thiện nữ xây tháp bảy báu khắp Diêm Phù Đề cũng đều cao một do tuần, dùng hoa hương, anh lạc, phan cái, kỹ nhạc cõi Trời để cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Phước của thiện nam, thiện nữ ấy rất nhiều". Đức Phật nói: "Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nhẫn đến cúng dường, kính trọng, tán thán. Nầy Kiều Thi Ca! Chẳng luận xây tháp khắp một Diêm Phù Đề. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, thiện nam, thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp bốn châu thiên hạ. Thiện nam, thiện nữ nầy được phước nhiều chăng?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều". Đức Phật nói: "Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép đến cúng dường Bát nhã ba la mật. Nầy Kiều Thi Ca! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu khắp bốn châu thiên hạ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, thiện nam, thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp Tiểu Thiên thế giới. Thiện nam, thiện nữ nầy được phước nhiều chăng?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều". Đức Phật nói: "Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép đến cúng dường Bát nhã ba la mật. Nầy Kiều Thi Ca! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu khắp Tiểu Thiên thế giới. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, thiện nam, thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp Trung Thiên thế giới. Thiện nam, thiện nữ nầy được phước nhiều chăng?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều". Đức Phật nói: "Nhưng vẫn chưa nhiều bằng phước của thiện nam, thiện nữ cúng dường Bát nhã ba la mật. Nầy Kiều Thi Ca! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu đầy Trung Thiên thế giới. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, thiện nam, thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do tuần khắp Đại Thiên thế giới, rồi cúng dường trọn đời. Thiện nam, thiện nữ nầy phước nhiều chăng?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, rất nhiều". Đức Phật nói: "Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã ba la mật nầy, rồi thọ trì, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường. Nầy Kiều Thi Ca! Lại chẳng luận xây tháp bảy báu đầy Đại Thiên thế giới. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, vì cúng dường Phật nên mỗi mỗi chúng sanh trong Đại Thiên thế giới đều xây tháp bảy báu và đều cúng dường trọn đời, vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm, chẳng rời tâm nhứt thiết trí, và cũng cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường". Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đúng như vậy, nếu có ai cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật nầy, thời là cúng dường chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Bạch đức Thế Tôn! Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu mỗi mỗi chúng sanh trong hằng sa quốc độ mười phương, vì cúng dường đức Phật nên xây tháp bảy báu cao một do tuần, rồi cúng dường bửu tháp, hoặc một kiếp hoặc dưới một kiếp. Bạch đức Thế Tôn! Những người cúng dường như vậy, có được phước nhiều chăng?" Đức Phật nói: "Rất nhiều". Thiên Đế thưa: "Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã ba la mật nầy nhẫn đến chánh ức niệm, cung kính, tôn trọng, tán thán và cúng dường thời được phước lại nhiều lới hơn. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp lành đều nhập vào trong Bát nhã ba la mật. Như là những pháp lành thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng

tâm, tứ vô sắc định, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba môn giải thoát, tứ đế, sáu thần thông, tám bội xả, chín thứ đề định, sáu ba la mật, mười tám không, những tam muội môn, những đà la ni môn, mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng, nhứt thiết trí, đạo chủng trí, nhứt thiết chủng trí. Bạch đức Thế Tôn! Đây gọi là pháp ấn của tất cả chư Phật. Trong pháp nầy, tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật và tam thế chư Phật do học pháp nầy mà được đến bỉ ngạn".

*** 33. PHẨM THUẬT HÀNH THỨ BA MƯƠI BA

Bấy giời đức Phật bảo Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã ba la mật nầy, và học tập, thọ trì, đọc tụng, thân cận, giảng thuyết, chánh ức niệm, lại thêm dùng hoa hương, chuỗi ngọc, phan cái, kỹ nhạc cúng dường, sẽ được vô số vô lượng bất khả tư nghì, bất khả xưng lượng vô biên phước đức. Tại sao vậy? Vì nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí của chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật nầy sanh. Vì Thiền na ba la mật đến Đàn na ba la mật của chư Bồ Tát đều từ trong Bát Nhã mà sanh. Vì nội không đến vô pháp hữu pháp không đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh. Vì tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng và ngũ nhãn của Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh. Vì thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, đạo chủng trí, nhứt thiết chủng trí, tất cả Phật pháp, Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa đều trong Bát nhã ba la mật mà sanh. Nầy Kiều Thi Ca! Thế nên phước đức biên chép đến cúng dường Bát nhã ba la mật nầy hơn phước đức cúng dường bửu tháp trước kia, trăm ngàn muôn phần chẳng bằng một phần, nhẫn đến toán số thí dụ đều chẳng bằng được. Tại sao vậy? Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thời Phật bảo, Pháp bảo và Tỳ Kheo Tăng bảo trọn chẳng đoạn tuyệt. Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thời thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, nhứt thiết trí, nhứt thiết chủng trí đều hiện ra nơi đời. Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thời có những đại tộc, trưởng giả, cư sĩ, trời Tứ Thiên Vương đến trời Sắc Cứu Cánh, quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, đạo Bồ Tát, đạo Phật vô thượng, chuyển pháp luân, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ".

*** 34. PHẨM KHUYẾN TRÌ THỨ BA MƯƠI BỐN

Bấy giờ cả Đại Thiên thế giới có bao nhiêu hàng Tứ Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên bảo Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên rằng: "Các Ngài phải thọ, phải trì, phải thân cận, phải đọc tụng, phải giảng thuyết, phải chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy. Tại sao vậy? Vì thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, thời tất cả pháp lành tu tập sẽ được đầy đủ. Hàng Thiên chúng thêm đông, hàng A tu la

giảm bớt. Vì thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, thời Phật chủng chẳng dứt, Pháp chủng chẳng dứt, Tăng chủng chẳng dứt. Vì Phật chủng, Pháp chủng và Tăng chủng chẳng dứt, nên có lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng xuất hiện nơi đời, nên có quả Tu Đà Hoàn đến Phật quả xuất hiện nơi đời". Đức Phật bảo Thiên Đế: "Nầy Kiều Thi Ca! Ngài nên thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy. Tại sao vậy? Nếu A tu la sanh tâm muốn chiến đấu với chư Thiên cõi Đao Lợi, Ngài nên tụng niệm Bát nhã ba la mật, tâm ác của A tu la liền tiêu diệt, chẳng còn muốn đấu chiến. Nếu có Thiên Tử hay Thiên Nữ hiện năm tướng chết và sẽ sa vào loài chẳng vừa ý, Ngài nên ở trước mặt họ mà đọc tụng Bát nhã ba la mật. Nhờ nghe Bát nhã ba la mật, các Thiên Tử, Thiên Nữ ấy tăng trưởng công đức nên được sanh trở lại bổn xứ. Vì nghe Bát nhã ba la mật thời được lợi ích lớn. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ hay là Thiên Tử, Thiên Nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy, vì được công đức nên lần lần sẽ được Vô thượng Chánh giác. Tại sao vậy? Vì quá khứ chư Phật và hàng đệ tử đều học Bát nhã ba la mật nầy mà được Vô thượng Bồ đề, nhập vô dư Niết Bàn. Vị lai và hiện tại chư Phật cùng hàng đệ tử cũng đều học Bát nhã ba la mật nầy mà được Vô thượng Bồ đề, nhập vô dư y Niết Bàn. Nầy Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật nầy nhiếp tất cả pháp lành như là pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát và Phật pháp". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là đại minh chú, là vô thượng minh chú, là vô đẳng đẳng minh chú. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy hay trừ tất cả pháp bất thiện, hay cho tất cả pháp thiện". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật là đại minh chú, là vô thượng minh chú, là vô đẳng đẳng minh chú. Tại sao vậy? Vì quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật đều nhơn minh chú nầy mà được Vô thượng Bồ đề. Nhơn minh chú nầy nên thế gian có mười nghiệp đạo lành, có tứ thiền, có vô lượng tâm, tứ vô sắc định, có Đàn na ba la mật đến pháp bất cộng, có pháp tánh, pháp như, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thiệt tế, có ngũ nhãn, quả Tu Đà Hoàn đến nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí. Nầy Kiều Thi Ca! Do nơi đại Bồ Tát nên thế gian xuất hiện thập thiện, tứ thiền nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật. Ví như trăng tròn chiếu sáng, các tinh tú cũng có thể chiếu sáng. Tất cả thiện pháp đến nhứt thiết chủng trí tại thế gian, nếu thời kỳ không có Phật xuất thế, thời đều phát sanh từ chư Bồ Tát. Phương tiện lực của đại Bồ Tát nầy đều sanh từ Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát dùng phương tiên lực nầy để thật hành Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, để thật hành nội không đến vô pháp hữu pháp không, để thật hành tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, chẳng chứng đặng Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng có thể thành tựu chúng sanh, thành tịnh Phật độ, có thể thành tựu thọ mạng, thành tựu quốc độ, thành tựu quyến thuộc Bồ Tát, được nhứt thiết chủng trí. Tất cả như thế đều từ Bát nhã ba la mật phát sanh. Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, thân cận, nhẫn đến chánh ức niệm thời sẽ được thành tựu công đức đời nầy, đời sau". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật được công đức đời hiện tại như thế nào?" Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm thời trọn chẳng bị trúng độc mà chết, đao thương chẳng hại được, nước lửa cũng chẳng chìm đốt

được, nhẫn đến bốn trăm lẻ bốn thứ bịnh chẳng xâm được, trừ nghiệp báo đời trước của người ấy. Nếu có quan sự phát khởi, thiện nam, thiện nữ nầy đến trước mặt quan không ai khiển trách được. Tại sao vậy? Vì oai lực của Bát nhã ba la mật vậy. Nếu thiện nam, thiện nữ đọc tụng Bát nhã ba la mật đến trước mặt vua chúa, đại thần, thời vua chúa đại thần đều hoan hỷ đón tiếp, chuyện trò niềm nở. Tại sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ nầy thường có tâm từ bi hỉ xả đối với chúng sanh vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Đó là Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật được công đức trong đời hiện tại. Những gì là công đức ở đời vị lai? Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật thời trọn chẳng rời thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ không định, lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Người nầy trọn chẳng sa vào ba ác đạo. Thân mạo hoàn cụ. Trọn chẳng sanh vào nhà nghèo hèn hạ tiện. Thường được ba mươi hai tướng. Thường được hóa sanh trong nước hiện có Phật. Trọn chẳng rời lìa Bồ Tát thần thông. Nếu muốn từ một Phật quốc đến một Phật quốc để cúng dường chư Phật và nghe Phật thuyết pháp thời được như ý. Những nước đã được đến, người nầy đều có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, lần lần được Vô thượng Bồ đề. Nầy Kiều Thi Ca! Đó là công đức ở đời sau. Vì thế nên thiện nam, thiện nữ phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, dùng hoa hương, phan cái, kỹ nhạc cúng dường, thường chẳng rời tâm nhứt thiết trí. Thiện nam, thiện nữ nầy được thành tựu công đức đời nầy, đời sau nhẫn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

*** 35. PHẨM KHIỂN TRỪ MA NGOẠI THỨ BA MƯƠI LĂM

Bấy giờ chư ngoại đạo Phạm chí muốn đến tìm chỗ sở đoản của đức Phật. Thiên Đế nghĩ rằng như ngoại đạo phạm chí nầy muốn đến tìm chỗ sở đoản của đức Phật, tôi nên tụng niệm Bát nhã ba la mật của đức Phật vừa giáo thọ, tất chư ngoại đạo phạm chí nầy trọn không thể làm trở ngại công việc giảng thuyết Bát nhã ba la mật. Nghĩ xong, Thiên Đế liền niệm Bát nhã ba la mật. Lúc đó chư ngoại đạo phạm chí ở xa nhiễu quanh đức Phật rồi đi trở về. Ngài Xá Lợi Phất tâm niệm có chi mà chư ngoại đạo phạm chí ở xa nhiễu quanh đức Phật rồi đi trở về? Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: "Vì Thích Đề Hoàn Nhơn tụng niệm Bát nhã ba la mật, nên chư ngoại đạo phạm chí ở xa nhiễu quanh đức Phật rồi đi trở về. Nầy Xá Lợi Phất! Ta chẳng thấy chư ngoại đạo phạm chí ấy có chút thiện tâm, họ mang ý ác đến muốn tìm chỗ sở đoản của đức Phật. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thuyết Bát nhã ba la mật, ta chẳng thấy tất cả thế gian hoặc chư Thiên, chư Ma, chư Phạm, hoặc trong chúng Sa Môn, trong chúng Đà La Môn, có ai mang ác ý mà có thể đến phá hoại được. Tại sao vậy? Vì trong Đại Thiên quốc độ nầy, chư Tứ Thiên Vương đến Đại Tự Tại Thiên, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ Tát và chư Phật đồng thủ hộ Bát nhã ba la mật nầy. Tại sao vậy? Vì chư Thiên đến chư Phật đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật. Lại nầy Xá Lợi Phất! Trong hằng sa quốc độ mười phương, chư Thiên đến chư Phật cũng đồng thủ hộ Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì chư Thiên đến chư Phật mười

phương cũng đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật. Bấy giờ có ác ma nghĩ rằng nay đây Phật cùng tứ chúng hội hợp với chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, trong đó tất có bực đại Bồ Tát được thọ ký sẽ thành Vô thượng Bồ đề. Ta phải đến đó để phá hoại đạo tâm của họ. Nghĩ xong, ác ma liền hóa hiện bốn bộ binh kéo đến chỗ đức Phật. Thiên Đế biết là không phải binh chủng của vua Tần Bà La hay vua Ba Tư Nặc, cũng không phải của dòng Thích Ca và dòng Lê Xa. Đây tất là binh của ác ma hóa hiện. Ác ma nầy mãi tìm dịp hại chúng sanh, ta phải tụng niệm Bát nhã ba la mật. Thiên Đế liền tụng niệm Bát nhã ba la mật. Ác ma nghe tiếng tụng niệm, lần lần tan rã trở về. Chư Thiên cõi Tứ Vương đến cõi Sắc Cứu Cánh ở cõi nầy và hằng sa cõi ở mười phương đồng hóa hiện những thiên hoa từ trên không rải trên đức Phật và đồng xướng rằng cầu nguyện Bát nhã ba la mật ở lâu nơi Diêm Phù Đề. Tại sao vậy? Vì người Diêm Phù Đề thọ trì Bát nhã ba la mật thời Bát nhã ba la mật được trụ nơi thế gian. Tùy thời gian Bát nhã ba la mật an trụ, thời ở Diêm Phù Đề Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo cũng an trụ chẳng diệt. Cũng phân biệt biết rõ đạo đại Bồ Tát. Và lại chỗ nào có thiện nam, thiện nữ biên chép quyển Bát nhã ba la mật, thời chỗ đó tất chói sáng, rời xa sự tối tâm". Đức Phật bảo Thiên Đế và tất cả chư Thiên: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca và chư Thiên Tử! Người Diêm Phù Đề thọ trì Bát nhã ba la mật, theo thời gian mà sự thọ trì nầy còn tồn tại, thời cũng là thời gian mà Tam Bảo tồn tại. Nhẫn đến chỗ nào có thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, thời chỗ ấy tất chói sáng, rời xa sự tối tăm". Chư Thiên Tử hóa hiện thiên hoa rải trên đức Phật mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm thời ma chúa, ma dân không làm hại được. Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi cũng phải ủng hộ những người nầy, vì chúng tôi xem những người nầy như đức Phật hoặc kế đức Phật". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm, phải biết những người nầy đời trước đã làm công đức nhiều ở chỗ đức Phật, đã thân cận cúng dường chư Phật, được bực thiện tri thức hộ niệm. Bạch đức Thế Tôn! Nhứt thiết trí của chư Phật phải tìm cầu trong Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật cũng phải tìm cầu trong nhứt thiết trí. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật chẳng khác nhứt thiết trí. Nhứt thiết trí chẳng khác Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật cùng nhứt thiết trí chẳng phải hai, chẳng phải khác. Do đây nên hàng chư Thiên chúng tôi xem những người nầy như đức Phật hoặc kế đức Phật". Đức Phật nói: "Đúng như vậy! Nầy Kiều Thi Ca! Nhứt thiết trí của chư Phật tức là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật tức là nhứt thiết trí. Tại sao vậy? Nầy Kiều Thi Ca! Nhứt thiết trí của chư Phật đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật chẳng khác nhứt thiết trí. Nhứt thiết trí chẳng khác Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật cùng nhứt thiết trí chẳng phải hai, chẳng phải khác".

*** 36. PHẨM TÔN ĐẠO THỨ BA MƯƠI SÁU

Ngài A Nan thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao chẳng ca ngợi Đàn na ba la mật đến

mười tám pháp bất cộng mà chỉ ca ngời Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Đối với năm môn ba la mật đến mười tám pháp bất cộng thời Bát nhã ba la mật là tôn đạo của tất cả. Nầy A Nan! Bố thí mà chẳng hồi hướng nhứt thiết trí thời có được gọi là Đàn na ba la mật chăng? Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ mà chẳng hồi hướng nhứt thiết trí thời có được gọi là thi na ba la mật chăng?" Ngài A Nan thưa: 'Bạch đức Thế Tôn! Không". Đức Phật nói: "Do đó mà biết rằng Bát nhã ba la mật là tôn đạo đối với năm ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, nên phải ca ngợi". Ngài A Nan thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là bố thí đến trí huệ hồi hướng nhứt thiết trí được thành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Dùng bố thí không có hai pháp mà hồi hướng nhứt thiết trí, thời gọi là Đàn na ba la mật, vì bất sanh, bất khả đắc nên bố thí, hồi hướng nhứt thiết trí thời gọi là Đàn na ba la mật. Nhẫn đến dùng trí huệ không có hai pháp hồi hướng nhứt thiết trí thời gọi là Bát nhã ba la mật, vì bất sanh bất khả đắc nên trí huệ hồi hướng nhứt thiết trí thời gọi là Bát nhã ba la mật". Ngài A Nan thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào dùng pháp không hai mà bô thí nhân đến dùng pháp không hai mà trí huệ hồi hướng nhứt thiết trí, thời gọi là Đàn na ba la mật đến gọi là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Nầy A Nan! Vì sắc không hai pháp, vì thọ, tưởng, hành, thức không hai pháp, nhẫn đến vì Vô thượng Bồ đề không hai pháp vậy. Tại sao vậy? Vì sắc sắc tướng rỗng không. Đàn na ba la mật và sắc không hai, không khác, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề và Đàn na ba la mật không hai, không khác. Năm ba la mật kia cũng như vậy. Vì thế nên, nầy A Nan! Chỉ ca ngời Bát nhã ba la mật là tôn đạo của năm ba la mật đến nhứt thiết chủng trí. Nầy A Nan! Ví như mặt đất, đem hột giống rải lên trên, đủ nhơn duyên hòa hiệp bèn mọc lên. Các hột giống ấy nương nơi đất mà mọc lên. Cũng vậy, năm ba la mật nương Bát nhã ba la mật mà sanh. Tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí đều nương Bát nhã ba la mật mà sanh. Thế nên Bát nhã ba la mật là tôn đạo của năm ba la mật đến mười tám pháp bất cộng". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật nói chưa hết công đức của người thọ trì đến chánh ức niệm của Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì người thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật thời thọ lấy đạo Vô thượng của tam thế chư Phật. Vì muốn được nhứt thiết trí phải tìm cầu trong Bát nhã ba la mật. Muốn được Bát nhã ba la mật phải tìm cầu trong nhứt thiết trí. Bạch đức Thế Tôn! Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian xuất hiện thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian bèn có những danh nhơn vọng tộc, trời Tứ Vương đến trời Sắc Cứu Cánh. Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian bèn có Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, đại Bồ Tát. Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà có chư Phật, Thế Tôn xuất hiện thế gian". Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Người thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, ta chẳng nói họ chỉ được gần ấy công đức. Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật chẳng rời tâm nhứt thiết trí thời thành tựu vô lượng giới phẩm, thành tựu vô lượng định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm. Phải biết người nầy như Phật. Tất cả giới phẩm, định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật đối với người nầy không bằng một phần

trăm ngàn muôn ức, nhẫn đến toán số thí dụ đều không bằng. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì quyển kinh Bát nhã ba la mật rồi cúng dường, tôn kính, tôn trọng cũng được công đức trong đời nầy và đời sau". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi phải thường thủ hộ những thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật chẳng rời tâm nhứt thiết trí, cúng dường, cung kính, tôn trọng Bát nhã ba la mật". Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Lúc thiện nam, thiện nữ muốn đọc tụng, giảng thuyết Bát nhã ba la mật, thời vô lượng trăm ngàn chư Thiên đều đến nghe pháp. Thiện nam, thiện nữ giảng thuyết pháp Bát nhã ba la mật, thời chư Thiên giúp thêm đởm lực cho những người ấy. Các pháp sư ấy nếu mỏi mệt, nhờ chư Thiên giúp thêm đởm lực nên lại có thể giảng thuyết nữa. Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm, cúng dương Bát nhã ba la mật cũng được công đức hiện đời nầy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ ấy ở giữa bốn bộ chúng, lúc giảng thuyết Bát nhã ba la mật, lòng không khiếp nhược. Lúc bị luận nạn cũng không sợ sệt. Tại sao vậy? Vì thiện nam và thiện nữ ấy được sự hộ trì của Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật cũng phân biệt tất cả pháp, hoặc thê gian hay xuất thê gian, hoặc hữu lậu hay vô lậu, hoặc thiện hay bất thiện, hoặc hữu vi hay vô vi, hoặc pháp Thanh Văn hay pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát hay Phật pháp. Vì thiện nam, thiện nữ ấy an trụ trong nội không hay vô pháp hữu pháp không, nên chẳng thấy có ai chướng nạn được Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy người bị luận nạn, cũng chẳng thấy Bát nhã ba la mật. Thiện nam, thiện nữ ấy được Bát nhã ba la mật ủng hộ, nên không ai nạn hoại được. Lúc thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, thiện nam, thiện nữ ấy chẳng mất, chẳng kinh, chẳng sợ. Tại sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ ấy chẳng thấy có pháp mất, chẳng thấy có pháp kinh sợ. Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm, cúng dường Bát nhã ba la mật, lại được công đức đời hiện tại nầy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm, biên chép, cúng dường quyển kinh Bát nhã ba la mật, người nầy được cha mẹ yêu thương, thân tộc, bạn bè kính mến, được Sa Môn, Bà La Môn kính nể, được chư Phật, chư đại Bồ Tát, chư A La Hán đến chư Tu Đà Hoàn ái kính, tất cả thế gian, chư Thiên, Ma, Phạm, A tu la cũng ái kính người nầy. Người nầy thật hành Đàn na ba la mật không lúc nào đoạn tuyệt. Thi la ba la mật đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy, không lúc nào đoạn tuyệt. Người nầy tu nội không chẳng dứt, đến tu vô pháp hữu pháp không chẳng dứt, tu niệm xứ đến bất cộng pháp chẳng dứt, tu các môn tam muội chẳng dứt, tu các môn đà la ni chẳng dứt, tu những Bồ Tát thần thông chẳng dứt, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ chẳng dứt, nhẫn đến tu nhứt thiết chủng trí chẳng dứt. Người nầy cũng có thể hàng phục kẻ luận nạn hủy báng. Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến cúng dường Bát nhã ba la mật cũng được công đức đời nầy, đời sau như vậy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Tại chỗ ở của thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh, chư Thiên cõi trời Tứ Vương, Đao Lợi nhẫn đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, toàn thể chư Thiên trong cõi Đại Thiên nầy và trong thế giới mười phương, những vị đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, đều đến chỗ ấy để ra mắt quyển Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy rồi trở về. Ngoài ra những hàng Thiên, Long, Bát bộ trong cõi nầy và trong những thế giới mười phương cũng đều đến chỗ ấy để ra mắt quyển kinh Bát nhã ba la mật và thọ trì,

đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy rồi trở về. Thiện nam, thiện nữ nầy nghĩ rằng chư Thiên cùng Bát bộ thần trong cõi nầy và trong những thế giới mười phương đều ra mắt quyển Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ bái, như thế thời tôi đã ban bố pháp thí rồi. Nầy Kiều Thi Ca! Chư Thiên trong cõi Đại Thiên cùng chư Thiên trong những thế giới mười phương, từ trời Tứ Vương đến trời Sắc Cứu Cánh, những vị đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, đều ủng hộ các thiện nam, thiện nữ nầy, làm cho những kẻ ác, những việc ác không xâm hại được. Ngoại trừ đời trước của người ấy có trọng tội. Nầy Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ nầy cũng được công đức đời hiện tại. Những Thiên Tử đã phát tâm Vô thượng Bồ đề đều đến chỗ ở của người nầy. Tại sao vậy? Vì những Thiên Tử đã phát tâm Vô thượng Bồ đề đều muốn cứu hộ tất cả chúng sanh, chẳng bỏ tất cả chúng sanh, muốn an lạc tất cả chúng sanh vậy". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ nầy làm sao biết được chư Thiên trong thế giới đây cùng chư Thiên trong những thế giới ở mười phương đều ra mắt Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ lạy?" Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ thấy quang minh thanh tịnh lớn, thời biết chắc là lúc có chư Thiên đến ra mắt Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy. Lại nếu các thiện nam, thiện nữ nghe mùi hương lạ vi diệu, cũng biết chắc là lúc có chư Thiên đến ra mắt để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường lễ lạy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì các thiện nam, thiện nữ công hạnh tịnh khiết, nên chư Thiên đến ra mắt Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường hoan hỉ lễ lạy Trong chỗ đó nếu có hàng tiểu quỉ liền tức thời đi ra, vì họ chẳng kham nổi oai đức lớn của chư Thiên. Do hàng Đại Đức chư Thiên đến, nên thiện nam, thiện nữ nầy phát đại tâm. Vì thế nên chỗ nào có Bát nhã ba la mật, thời bốn phía phải sạch sẽ. Phải thắp đèn, đốt hương thơm, rải những hoa đẹp, dầu thơm rưới đất, nghiêm sức với những bảo cái, tràng phan. Lúc thuyết pháp, các thiện nam, thiện nữ nầy trọn không mỏi mệt, tự cảm thấy thân thể thơ thới, tâm thần an vui. Đúng pháp nằm nghĩ, an ổn không ác mộng. Trong giấc mơ thấy Phật ba mươi hai tướng tốt, tám mươi tùy hình hảo. Chúng Tỳ Kheo cung kính vây quanh. Đức Phật vì chư Tăng mà thuyết pháp. Các thiện nam, thiện nữ nầy nghe và lãnh thọ giáo pháp. Những là lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Cũng phân biệt nghĩa của lục ba la mật đến nghĩa của pháp bất cộng. Trong giấc mơ, các thiện nam, thiện nữ nầy cũng thấy cây bồ đề trang nghiêm rất đẹp. Thấy chư Bồ Tát đến cội cây bồ đề thành Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân. Cũng thấy trăm ngàn muôn Bồ Tát đồng kết tập chánh pháp, luận nghị rằng: Phải cầu nhứt thiết trí như vậy, phải thành tựu chúng sanh như vậy, phải tịnh Phật quốc độ như vậy. Cũng thấy mười phương vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật. Cũng nghe danh hiệu của chư Phật ấy ở mười phương nào, nước nào, hiệu là gì, có bao nhiêu Bồ Tát, bao nhiêu Thanh Văn vây quanh cung kính, đức Phật ấy vì đại chúng mà thuyết pháp. Lại thấy mười phương vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật nhập Niết Bàn. Lại thấy vô số trăm ngàn muôn ức tháp thất bảo của chư Phật. Lại thấy cúng dường bảo tháp với những hương hoa nhẫn đến phan lọng, cung kính, tôn trọng, tán thán. Nầy Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ nầy chiêm bao thấy những cảnh lành như vậy, nên lúc ngủ yên, lúc thức cũng yên. Chư Thiên giúp thêm

khí lực, nên người nầy tự cám thấy thân thể nhẹ nhàng, chẳng quá ham những đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men. Đối với tứ sự cúng dường, lòng người nầy phớt nhẹ. Như Tỳ Kheo tọa thiền, sau khi xuất thiền định, tâm hiệp với thiền định, chẳng ham uống ăn, tâm họ phớt nhẹ. Tại sao vậy? Vì chư Thiên tự nhiên dùng tinh chất của món ăn để thêm khí lực cho người nầy. Mười phương chư Phật và hàng Thiên, Long, Quỷ thần, A tu la, Càn thát bà, Ca lâu na, Khẩn na la, Ma hầu la già cũng giúp thêm khí lực cho người nầy. Nầy Kiều Thi Ca! Vì thế nên các thiện nam, thiện nữ muốn được công đức đời hiện tại như vậy, thời phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, cũng chẳng rời tâm nhứt thiết trí. Nếu không thể thọ trì đến chánh ức niệm, các thiện nam, thiện nữ phải biên chép quyển kinh rồi cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa hương, anh lạc, tràng phan, bảo cái. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy, rồi thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, biên chép quyển kinh, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa hương, anh lạc, phan cái thời công đức tứ sự cúng dường mười phương chư Phật và hàng đệ tử, cũng xây tháp bảy báu sau khi chư Phật và đê tử nhập Niết Bàn".

*** 37. PHẨM XÁ LỢI THỨ BA MƯƠI BẢY

Đức Phật nói với Thiên Đế Thích: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu đem Xá lợi của Phật đầy cả Diêm Phù Đề làm một phần, lại có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật làm một phần. Trong hai phần nầy Ngài lấy phần nào?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi dành lấy quyển kinh Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Đối với Xá lợi của đức Phật, chẳng phải tôi chẳng cung kính tôn trọng, nhưng vì Xá lợi nầy xuất sanh từ Bát nhã ba la mật do Bát nhã ba la mật huân tu, nên Xá lợi nầy mới được cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán". Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên Đế: "Bát nhã ba la mật nầy chẳng thể lấy được, nó không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhất, tức là vô tướng, sao Ngài lại muốn lấy? Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật nầy chẳng do lấy mà có, chẳng do bỏ mà có, chẳng do tăng giảm tụ tán tổn ích cấu tịnh mà có. Bát nhã ba la mật nầy chẳng cho Phật pháp, chẳng bỏ phàm phu pháp, cũng chẳng cho Bích Chi Phật pháp, A La Hán pháp, hữu học pháp, chẳng bỏ phàm phu pháp, chẳng cho tánh vô vi, chẳng bỏ tánh hữu vi, chẳng cho nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng cho tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí, cũng chẳng bỏ phàm phu pháp". Thiên Đế nói: "Đúng như vậy, thưa Ngài Xá Lợi Phất! Nếu có người biết Bát nhã ba la mật nầy chẳng cho Phật pháp cũng chẳng bỏ phàm phu pháp, nhẫn đền chẳng cho nhứt thiết chủng trí pháp cũng chẳng bỏ phàm phu pháp. Đại Bồ Tát nầy có thể thật hành Bát nhã ba la mật, có thể tu Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật chẳng hiện hành hai pháp vậy. Pháp chẳng hai là Bát nhã ba la mật. Pháp chẳng hai là Thiền na đến Đàn na ba la mật". Đức Phật khen: "Lành thay, lành thay! Nầy Kiều Thi Ca! Đúng như lời Ngài đã nói. Vì Bát nhã ba la mật chẳng hiện hành hai pháp. Pháp chẳng hai là Bát nhã ba la mật, nhẫn đến là Đàn na ba la mật. Nầy Kiều

Thi Ca! Nếu có người muốn được pháp tánh hai tướng, thời là muốn được Bát nhã ba la mật hai tướng. Tại sao vậy? Vì pháp tánh và Bát nhã ba la mật không hai không khác, nhẫn đến Đàn na ba la mật cũng vậy. Nếu có người muốn được thiệt tế bất tư nghì tánh hai tướng, thời là muốn được Bát nhã ba la mật hai tướng. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật và thiệt tế bất tư nghì tánh không hai không khác vậy. Nhẫn đến Đàn na ba la mật cũng như vậy". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tất cả thế gian, loài người cùng chư thiên, A tu la đều phải kính lạy, cúng dường Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì từ trong Bát nhã ba la mật mà đại Bồ Tát học được Vô thượng Bồ đề. Bạch đức Thế Tôn! Tôi thường ngồi tại Thiện Pháp Đường. Những lúc tôi không ngồi tại Thiện Pháp Đường, các Thiên Tử đến cúng dường tôi, hướng về phía tòa tôi ngồi kính lễ đi nhiễu rồi trở về. Các Thiên Tử nầy nghĩ rằng vì Thiên Đế thường ngồi tại tòa nầy thuyết pháp cho chư Thiên cõi Trời Đao Lợi vậy. Bạch đức Thế Tôn! Cũng vậy, chỗ nào biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật nầy, chỗ nào thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết Bát nhã ba la mật nầy, hàng Trời, Rồng, Bát bộ đều đến kính lễ Bát nhã ba la mật, cúng dường xong rồi đi. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh chư Phật, và xuất sanh tất cả những đồ cần thiết thích ý của tất cả chúng sanh. Xá lợi của Phật cũng là chỗ làm nhơn duyên cho nhứt thiết chủng trí. Do cớ trên đây nên, bạch đức Thế Tôn! Trong hai phần, tôi lấy phần Bát nhã ba la mật. Lại kính bạch đức Thế Tôn! Lúc thọ trì, đọc tụng Bát nhã ba la mật, nếu tâm tôi nhập vào trong pháp, thời lúc ấy tôi chẳng thấy tướng bố úy. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy không tướng mạo, không ngôn thuyết. Bạch đức Thế Tôn! Không tướng mạo, không ngôn thuyết là Bát nhã ba la mật, nhẫn đến là nhứt thiết chủng trí. Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật sẽ là có tướng mà chẳng phải là vô tướng, thời chư Phật lẽ ra chẳng nên biết tất cả pháp không tướng mạo, không ngôn thuyết mà chứng được Vô thượng Bồ đề, rồi lại vì hàng đệ tử giảng nói các pháp cũng không tướng mạo, không ngôn thuyết. Bạch đức Thế Tôn! Bởi Bát nhã ba la mật đích thiệt là không tướng mạo, không ngôn thuyết mà chứng được Vô thượng Bồ đề, rồi vì hàng đệ tử giảng nói các pháp cũng không tướng mạo, không ngôn thuyết. Bạch đức Thế Tôn! Vì thế nên tất cả thế gian, loài người, chư Thiên, A Tu La đều phải tôn trọng, tán thán, cung kính, cúng dường Bát nhã ba la mật nầy với những hương hoa, anh lạc, nhẫn đến các thứ phan lọng. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người nào thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, và biên chép, cúng dường với những hoa hương, anh lạc, phan lọng, thời chẳng bị sa vào các loài Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, cũng như sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, nhẫn đến khi thành Vô thượng Bồ đề thường thấy chư Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường chư Phật. Bạch đức Thế Tôn! Xá lợi của Phật đầy cả cõi Đại thiên đem làm một phần, chép quyển kinh Bát nhã ba la mật làm một phần. Trong hai phần nầy, tôi vẫn chọn lấy Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy sanh Xá lợi của chư Phật. Thế nên Xá lợi được cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán. Thiện nam, thiện nữ do cung kính, cúng dường Xá lợi nên được hưởng phước lạc trên cõi Trời, trong loài người, thường chẳng sa vào ba ác đạo, theo sở nguyện lần lần do pháp Tam thừa mà nhập Niết Bàn. Vì thế nên, bạch đức Thế Tôn! Nếu người được thấy hiện tại Phật, nếu được thấy quyển

kinh Bát nhã ba la mật, cũng đồng không khác. Vì Bát nhã ba la mật với Phật với Phật không hai không khác vậy. Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật trụ thế có ba sự thị hiện, nói mười hai bộ kinh từ Tu Đa La đến Ưu Bà Đề Xá. Có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết Bát nhã ba la mật nầy cũng đồng như đức Phật trụ thế không khác. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh ba sự thị hiện và mười hai bộ kinh vậy. Lại có người thọ trì Bát nhã ba la mật rồi giảng nói cho người khác, cũng đồng như trên không khác. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật xuất sanh chư Phật, cũng xuất sanh mười hai bộ kinh từ Tu Đa La đến Ưu Bà Đề Xá vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người cúng dường chư Phật trong hằng sa thế giới ở mười phương, cũng cung kính, tôn trọng, tán thán. Lại có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường với những hoa hương, phan lọng. Hai người nầy được phước đồng nhau. Tại sao vậy? Vì mười phương chư Phật đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật vậy. Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy rồi thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, cũng giảng nói cho người khác, thời chẳng còn sa vào ba ác đạo, cũng chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Tại sao vậy? Vì phải biết người nầy đã an trụ trong bực bất thối chuyển vậy. Bát nhã ba la mật nầy xa rời tất cả khổ não suy bịnh. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật nầy vẫn thọ trì, đọc tụng, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường, thời rời các sự khủng bố. Ví như người mang nợ mà gần bên Quốc vương để hầu hạ cung cấp, thời chủ nợ trở lại cung kính, cúng dường người nầy. Người nầy không còn bố úy, vì nương oai lực của Quốc vương vậy. Cũng vậy, nhờ sự huân tu Bát nhã ba la mật mà các Xá lợi của chư Phật được cúng dường, cung kính. Xá lợi ví như người mang nợ, còn Bát nhã ba la mật ví như Quốc vương. Nhờ nương gần quốc vương mà người mang nợ được cúng dường. Cũng vậy, Xá lợi nương sự huân tu của Bát nhã ba la mật mà được cúng dường. Nhứt thiết chủng trí của chư Phật cũng do Bát nhã ba la mật huân tu mà được thành tựu. Vì những lẽ như trên, nên trong hai phần, tôi lấy phần Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Bạch đức Thế Tôn! Trong Bát nhã ba la mật xuất sanh Xá lợi và ba mươi hai tướng của chư Phật. Trong Bát nhã ba la mật cũng xuất sanh mười trí lực, bốn vô úy, bốn vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi của chư Phật. Trong Bát nhã ba la mật xuất sanh năm ba la mật, cũng làm cho được danh tự Ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật xuất sanh nhứt thiết chủng trí của chư Phật. Bạch đức Thế Tôn! Trong đại thiên thế giới, nếu có ai thọ trì, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật, chỗ đó tất cả người hoặc quỷ thần không làm hại được, người nầy lần lần được nhập Niết Bàn. Bát nhã ba la mật có lợi ích lớn như vậy, có thể làm Phật sự trong Đại Thiên thế giới. Bạch đức Thế Tôn! Chỗ nào có Bát nhã ba la mật thời chỗ đó chính là có Phật. Ví như chỗ để vô giá ma ni bửu châu thời hàng Phi nhơn không xâm hại được. Nếu có người bị bịnh nhiệt, hay bịnh hàn, bịnh phong, hoặc bị bệnh tạp nhiệt phong hàn, đem bửu châu nầy cho người bịnh đeo, thời liền được lành mạnh. Bửu châu nầy lại làm cho chỗ tối thành sáng, lúc nóng bức thành mát mẻ, lúc lạnh lẽo thành ấm áp. Chỗ nào có bửu châu nầy thời chỗ đó chẳng lạnh, chẳng nóng, thời tiết hòa thích, cũng không có các loài trùng độc. Có ai bị rắn độc cắn, đem bửu châu đến gần thời nọc được liền tiêu. Có người nào đau mắt mù lòa,

đem bửu châu đến gần thời mắt liền sáng tỏ hết bịnh. Nếu người bị bịnh phung cùi ghẻ độc, cho đeo bửu châu nầy thời được lành mạnh. Để bửu châu nầy trong nước, thời nước liền một màu. Nếu dùng vật màu xanh gói bửu châu nầy để vào nước, thời nước liền màu xanh. Nếu dùng vật màu vàng, đỏ, trắng, hồng hay màu tạp gói bửu châu nầy để vào nước, thời nước liền màu ấy. Nếu đem bửu châu nầy để vào nước đục, thời nước đục liền trong". Ngài A Nan hỏi Thiên Đế: "Ma ni bửu châu ấy là vật trên trời hay là vật nhơn gian?" Thiên Đế nói: "Là bửu châu trên trời. Người Diêm Phù Đề cũng có bửu châu như vậy, nhưng công lực có chỗ chẳng đầy đủ. Bửu châu ở cõi trời thanh tịnh nhẹ nhàng, tốt đẹp, không thể lấy gì để ví dụ được. Đem bửu châu nầy đựng vào hộp. Khi đã lấy bửu châu, vì công đức củ bửu châu huân ướp, nên hộp ấy được người quý trọng. Cũng vậy, bạch đức Thế Tôn! Chỗ nào có người biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, thời chỗ ấy không có những sự não hại. Sauk hi đức Phật nhập Niết Bàn, Xá lợi được cúng dường, đều là do lực của Bát nhã ba la mật, công lực của thiền na ba mật, công lực của Thiền na ba la mật đến Đàn na ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, nhứt thiết trí, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, pháp tánh, thiệt tế, bất tư nghì tánh đến nhứt thiết chủng trí. Thiện nam, thiện nữ nghĩ rằng: Xá lợi của Phật đây là chỗ nhứt thiết chủng trí đại từ đại bi, là chỗ những công đức dứt diệt hẳn tất cả kiết sử và tập khí, do đây nên Xá lợi được cung kính, cúng dường. Bạch đức Thế Tôn! Xá lợi là trụ xứ của những công đức bửu ba la mật, là trụ xứ của bất cấu bất tịnh ba la mật, là trụ xứ của bất sanh bất diệt ba la mật, là trụ xứ của bất nhập bất xuất ba la mật, là trụ xứ của bất tăng bất giảm ba la mật, là trụ xứ của bất lai bất khứ bất trụ ba la mật. Xá lợi của Phật là trụ xứ của các pháp tướng ba la mật. Do các pháp tướng ba la mật huân tu nên Xá lợi được kính trọng, cúng dường. Bạch đức Thế Tôn! Chẳng luận Xá lợi đầy cả Đại Thiên thế giới. Giả sử Xá lợi của Phật đầy cả hằng sa thế giới làm một phần. Lại có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật làm một phần. Trong hai phần trên đây, tôi lấy phần Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh Xá lợi của chư Phật. Do Bát nhã ba la mật nầy huân tu nên Xá lợi được cúng dường vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ cúng dường, cung kính, tông trọng, tán thán Xá lợi, được công đức báo vô biên, hưởng thọ phước lạc nhơn gian và trên cõi Trời, nhẫn đến do nhơn duyên phước nầy nên sẽ được tận khổ. Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, sẽ được đầy đủ Thiền na ba la mật đến Đàn na ba la mật, sẽ được đầy đủ tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà an trụ bực Bồ Tát. Đã an trụ bực Bồ Tát thì được thần thông Bồ Tát, từ một Phật quốc đến một Phật quốc. Bồ Tát nầy vì chúng sanh mà thọ thân. Theo chỗ chúng sanh đáng được thành tựu mà Bồ Tát nầy được làm Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc làm Sát Đế Lợi, Bà La Môn để cho chúng sanh được thành tựu. Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải khinh mạn bất kính mà tôi chẳng lấy Xá lợi. Vì thiện nam, thiện nữ cúng dường Bát nhã ba la mật thời chính là cúng dường Xá lợi vậy. Bạch đức Thế Tôn! Có người muốn thấy pháp thân và sắc thân của chư Phật hiện tại trong vô lượng vô số thế giới ở mười phương, người nầy phải nghe Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, vì người khác diễn thuyết. Thiện nam, thiện nữ nầy sẽ được thấy pháp thân và sắc

thân của chư Phật hiện tại trong vô lượng thế giới mười phương. Thiện nam, thiện nữ thật hành Bát nhã ba la mật cũng phải dùng pháp tướng để tu niệm Phật tam muội. Thiện nam, thiện nữ muốn thấy hiện tại chư Phật thời phải thọ trì Bát nhã ba la mật nầy nhẫn đến chánh ức niệm. Bạch đức Thế Tôn! Có hai loại pháp tướng: những pháp tướng hữu vi và những pháp tướng vô vi. Thế nào gọi là những pháp tướng hữu vi? Chính là trí huệ trong nội không nhẫn đến trí huệ trong vô pháp hữu pháp không, trí huệ trong tứ niệm xứ nhẫn đến trí huệ trong mười tám pháp bất cộng, trí huệ trong pháp thiện, trong pháp bất thiện, trí huệ trong pháp hữu lậu, trong pháp vô lậu, trí huệ trong pháp thế gian, trong pháp xuất thế gian. Trên đây gọi là những pháp tướng của pháp hữu vi. Thế nào gọi là những pháp tướng vô vi? Chính là tự tánh của các pháp, tự tánh nầy không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh, không tăng, không giảm. Thế nào gọi là tự tánh của các pháp? Tánh vô sở hữu của các pháp là tự tánh của các pháp. Đây gọi là những pháp tướng vô vi". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiếu Thi Ca! Chư Phật quá khứ do nơi Bát nhã ba la mật mà được Vô thượng Bồ đề. Hàng đệ tử của chư Phật quá khứ cũng do nơi Bát nhã ba la mật mà đạo Tu Đà Hoàn đến đạo A La Hán, đạo Bích Chi Phật. Chư Phật vị lai và hiện tại cùng hàng đệ tử cũng như vậy. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nói rộng nghĩa Tam thừa. Vì là pháp vô tướng vậy. Vì là pháp vô sanh, vô diệt vậy. Vì là pháp vô cấu, vô tịnh vậy. Vì là pháp vô tác, vô khởi vậy. Ví là pháp bất nhập, bất xuất, bất tăng, bất tổn, bất thủ, bất xả vậy. Bởi là thế tục pháp nên chẳng phải đệ nhứt nghĩa. Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật nầy chẳng phải thử bỉ, chẳng phải cao, hạ, chẳng phải đẳng, bất đẳng, chẳng phải tướng, phi tướng, chẳng phải thế gian, xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, vô lậu, chẳng phải hữu vi, vô vi, chẳng phải thiện, bất thiện, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nầy Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật chẳng lấy pháp Thanh văn, Bích Chi Phật, cũng chẳng bỏ pháp phàm nhơn". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật biết rõ tâm của tất cả chúng sanh, cũng chẳng được chúng sanh nhẫn đến chẳng được tri giả, kiến giả. Đại Bồ Tát nầy chẳng được sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng được nhãn đến ý, chẳng được sắc đến pháp, chẳng được nhãn xúc, nhơn duyên, sanh thọ, chẳng được tứ niệm xứ đến pháp bất cộng, chẳng được Vô thượng Bồ đề, chẳng được Phật pháp, chẳng được Phật. Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật chẳng vì được pháp mà xuất hiện. Tại sao vậy? Vì tánh Bát nhã ba la mật vô sở hữu bất khả đắc. Chỗ bất khả đắc của pháp sở dụng cũng bất khả đắc". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Như lời Ngài đã nói, đại Bồ Tát luôn thật hành Bát nhã ba la mật, Vô thượng Bồ đề còn bất khả đắc, huống là Bồ Tát vì Bồ Tát pháp". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chỉ thật hành Bát nhã ba la mật, mà chẳng thật ba la mật khác ư!" Đức Phật nói: Nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát thật hành tất cả sáu ba la mật, vì vô sở đắc. Thật hành Đàn na ba la mật, chẳng thấy người thí, chẳng thấy kẻ thọ, chẳng thấy tài vật. Thật hành Thi la ba la mật, chẳng thấy giới, chẳng thấy người trì giới, chẳng thấy người phá giới. Nhẫn đến thật hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy trí huệ, chẳng thấy người trí huệ, chẳng thấy người không trí huệ. Nầy Kiều Thi Ca! Lúc đại Bồ Tát thật hành bố thí, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho bố thí, nên được đầy đủ Đàn ba la mật. Lúc đại Bồ Tát thật hành trì giới, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho trì giới, nên được

đầy đủ Thi la ba la mật. Lúc đại Bồ Tát thật hành nhẫn nhục, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho nhẫn nhục, nên được đầy đủ Sằn đề ba la mật. Lúc đại Bồ Tát thật hành tinh tấn, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho tinh tấn, nên được đầy đủ Tỳ lê gia ba la mật. Lúc đại Bồ Tát thật hành thiền na, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho thiền na, nên được đầy đủ Thiền na ba la mật. Lúc đại Bồ Tát quán các pháp, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho quán trí, nên được đầy đủ Bát nhã ba la mật. Bởi tất cả pháp từ sắc đến nhứt thiết chủng trí đều vô sở đắc vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Ví như cây diêm phù đề, những lá, những hoa, những quả, những màu sắc, nhiều thứ sai khác, bóng mát của cây thời không sai khác. Các ba la mật vào trong Bát nhã ba la mật đến nhứt thiết trí, không sai khác cũng như vậy, vì vô sở đắc vậy". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật thành tựu đại công đức, thành tựu tất cả công đức, Bát nhã ba la mật thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức, thành tựu vô đẳng công đức. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật nầy, rồi cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, lại chính ức niệm đúng như lời kinh Bát nhã ba la mật. Lại có thiện nam, thiện nữ chép quyển kinh Bát nhã ba la mật nầy rồi đem cho người khác. Bạch đức Thế Tôn! Hai người trên đây ai được phước nhiều?" Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nay Phật hỏi lại Ngài, tùy ý Ngài đáp. Nếu có người cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Xá lợi của chư Phật. Lại có người chia Xá lợi ra như hột cải để cho người khác cúng dường. ai được phước nhiều hơn?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như tôi nghe pháp nghĩa của đức Phật nói: người tự mình cúng dường Xá lợi. Nếu lại có người phân Xá lợi như hột cải để cho người khác cúng dường, người nầy được phước rất nhiều. Vì thấy phước nầy lợi ích chúng sanh, nên đức Phật nhập kim cang tam muội, làm nát thân kim cang thành hột Xá lợi. Tại sao vậy? Vì sau khi đức Phật nhập diệt, người cúng dường Xá lợi của đức Phật dầu bằng hột cải, người nầy cũng được phước vô biên nhẫn đến tận khổ". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật rồi cúng dường, cung kính. Nếu lại có người biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác học. Thiện nam, thiện nữ nầy được phước rất nhiều. Nếu có thiện nam, thiện nữ đúng với nghĩa trong Bát nhã ba la mật mà diễn nói cho người khác được hiểu biết. Công đức của người nầy hơn người trước. Những theo nghe Bát nhã ba la mật phải xem người nầy như Phật. Cũng xem như người phạm hạnh cao thắng. Tại sao vậy? Vì phải biết Bát nhã ba la mật tức là Phật. Bát nhã ba la mật chẳng khác Phật. Phật chẳng khác Bát nhã ba la mật. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ trong Bát nhã ba la mật mà học được Vô thượng Bồ đề. Hàng Thanh văn học Bát nhã ba la mật nầy mà được đạo A La Hán. Người cầu Bích Chi Phật đạo học Bát nhã ba la mật nầy mà được đạo Bích Chi Phật. Hàng Bồ Tát học Bát nhã ba la mật mà được nhập Bồ Tát vị. Nầy Kiều Thi Ca! Vì thế nên thiện nam, thiện nữ muốn cung kính, cúng dường chư Phật hiện tại, thời nên cúng dường Bát nhã ba la mật. Ta thấy sự lợi ích nầy, nên lúc mới thành Vô thượng Bồ đề, ta nghĩ rằng có ai là người đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, y chỉ? Nầy Kiều Thi Ca! Trong tất cả thế gian, trong những hàng chư Thiên, Ma Phạm, hoặc Sa Môn, Bà La Môn, ta chẳng thấy ai sánh bằng Phật cả, huống là có người hơn. Ta lại tự nghĩ rằng

pháp của ta được tự làm cho ta thành Phật. Ta cúng dường, cung kính, tánh thán pháp nầy và y chỉ pháp nầy mà an trụ. Những gì là pháp nầy? Chính là Bát nhã ba la mật. Nầy Kiều Thi Ca! Phật còn tự mình cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán và y chỉ Bát nhã ba la mật. Huống là thiện nam, thiện nữ muốn được Vô thượng Bồ đề mà chẳng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật xuất sanh chư đại Bồ Tát. Trong chư đại Bồ Tát xuất sanh chư Phật. Nầy Kiều Thi Ca! Thế nên thiện nam, thiện nữ hoặc cầu Phật đạo, hoặc cầu Bích Chi Phật đạo, hoặc cầu Thanh văn đạo, thời đều phải cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật với những hoa hương, anh lạc nhẫn đến phan lọng".

*** 38. PHẨM PHÁP THÍ THỨ BA MƯƠI TÁM

Đức Phật nói với Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy người một Diên Phù Đề thật hành thập thiện đạo. Người nầy được phước nhiều chăng?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người nầy được phước rất nhiều". Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Vẫn không bằng phước của người biên chép, thọ trì quyển kinh Bát nhã ba la mật rồi đem cho người khác bảo đọc, tụng giải thuyết. Tại sao vậy? Trong Bát nhã ba la mật nói rộng các pháp vô lậu. Các thiện nam, thiện nữ từ trong đây tu học, đã học, sẽ học, hiện đương học, đã được, sẽ được, hiện được nhập trong chánh pháp vị, đã được, sẽ được, hiện được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán. Người cầu Bích Chi Phật đạo cũng vậy. Chư đại Bồ Tát cầu Vô thượng Bồ đề đã nhập, sẽ nhập, hiện nhập trong chánh pháp vị, đã được, sẽ được, hiện được Vô thượng Bồ đề. Nầy Kiều Thi Ca! Những gì là pháp vô lậu? Chính là tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Thiện nam, thiện nữ học pháp nầy, đã được, sẽ được, hiện được Vô thượng Bồ đề. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy cho một người quả Tu Đà Hoàn, người nầy được phước nhiều hơn dạy người một Diêm Phù Đề thật hành thập thiện đạo. Tại sao vậy? Vì dạy người một Diêm Phù Đề thật hành thập thiện đạo, chẳng xa rời hẳn khổ ba ác đạo. Còn dạy một người cho quả Tu Đà Hoàn thời xa rời hẳn khổ Địa ngục, Ngạ quỷ, Ngạ quỷ, Súc sanh. Nhẫn đến quả A La Hán và đạo Bích Chi Phật cũng vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ dạy người một Diêm Phù Đề cho được quả Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật đạo, chẳng bằng dạy một người cho được Vô thượng Bồ đề được phước rất nhiều. Tại sao vậy? Do nhơn duyên Bồ Tát mà xuất sanh Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật. Do nhơn duyên Bồ Tát mà xuất sanh chư Phật. Nầy Kiều Thi Ca! Vì thế nên biết rằng thiện nam, thiện nữ chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác đọc tụng, giải thuyết được phước rất nhiều. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy nói rộng các pháp thiện. Học các thiện pháp nầy bèn xuất sanh những đại tộc ở nhơn gian và chư Thiên các cõi trời nhẫn đến Phi Phi Tưởng Thiên. Học các thiện pháp nầy bèn xuất sanh tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí, bèn có Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật, bèn có chư Phật. Lại nầy

Kiều Thi Ca! Không luận dạy người một Diêm Phù Đề. Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy cả chúng sanh trong bốn thiên hạ thật hành thập thiện đạo, chẳng bằng người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác đọc tụng, giải thuyết, được phước rất nhiều. Những điều khác như trên đã nói. Không luận bốn thiên hạ. Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy cả chúng sanh trong Tiểu thiên thế giới, Trung thiên thế giới, Đại thiên thế giới, nhẫn đến dạy cả chúng sanh trong hằng sa thế giới thật hành thập thiện đạo, chẳng bằng người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác đọc tụng, giải thuyết, được phước rất nhiều. Những điều khác như trên đã nói. Lại nầy Kiều Thi Ca! Có người dạy cả chúng sanh trong một Diêm Phù Đề cho họ đứng vững nơi tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ngũ thần thông. Người nầy được phước nhiều chăng? Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người nầy được phước rất nhiều". Đức Phật nói: "Vẫn chẳng bằng thiện nam, thiện nữ chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác đọc tụng, giải thuyết, được phước rất nhiều. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy nói rộng các thiện pháp. Những điều khác như trên đã nói. Nhân đến dạy cả chúng sanh trong hằng sa thế giới ở trong mười phương thật hành thập thiện đạo, so sánh phước đức cũng như vậy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật. Người nầy được phước hơn người dạy cả chúng sanh trong Diêm Phù Đề thật hành thập thiện đạo cùng an lập nơi tứ thiền đến ngũ thần thông. Người chánh ức niệm, thọ trì, thân cận nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật chẳng do nhị pháp cũng chẳng co bất nhị pháp. Thọ trì, thân cận nhẫn đến chánh ức niệm Thiền na ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Sằn đề ba la mật, thi la ba la mật, Đàn na ba la mật, chẳng do nhị pháp. Vì Vô thượng Bồ đề nên chánh ức niệm nội không đến nhứt thiết chủng trí, chẳng do nhị pháp. Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ dùng nhiều nhơn duyên vì người khác mà diễn thuyết nghĩa Bát nhã ba la mật, phân biệt, khai thị cho hạ được hiểu biết. Những gì là nghĩa Bát nhã ba la mật? Nghĩa Bát nhã ba la mật là: Chẳng nên dùng nhị tướng để quán, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, chẳng nhập, chẳng xuất, chẳng tăng, chẳng tổn, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thủ, chẳng xả, chẳng trụ, chẳng bất trụ, chẳng phải, chẳng thiệt, chẳng phải hư, chẳng phải hiệp, chẳng phải tan, chẳng phải trước, chẳng phải bất trước, chẳng chơn, chẳng phải chẳng chơn, chẳng phải pháp, chẳng phải bất pháp, chẳng phải như, chẳng phải bất như, chẳng phải thiệt tế, chẳng phải chẳng thiệt tế. Thiện nam, thiện nữ đem nghĩa Bát nhã ba la mật nầy dùng nhiều nhơn duyên diễn thuyết phân biệt, khai thị cho người khác được hiểu biết. Người nầy được phước đức rất nhiều, hơn là tự mình thọ trì, đọc tụng đến chánh ức niệm. Lại nầy Kiều Thi Ca! thiện nam, thiện nữ tự thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật cũng dùng nhiều nhơn duyên diễn thuyết, phân biệt, khai thị cho người khác được hiểu biết, người nầy được công đức rất nhiều". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ phải diễn thuyết, khai thị, phân biệt nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy làm cho được hiểu biết?" Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ diễn thuyết, khai thị, phân biệt nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy làm cho người khác được hiểu biết, được vô lượng vô biên phước đức. Nếu có người cúng dường vô lượng vô số chư Phật mười phương theo chỗ cần dùng mà cung kính, tôn

trọng, tán thán, cúng dường hoa hương nhẫn đến phan lọng. Nếu lại có người dùng nhiều nhơn duyên giảng rộng nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt làm cho người khác được hiểu biết, được công đức rất nhiều. Tại sao vậy? Vì quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật học trong Bát nhã ba la mật nầy mà đã được, sẽ được, hiện được Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ trong vô lượng vô biên vô số kiếp thật hành Đàn na ba la mật, chẳng bằng thiện nam, thiện nữ diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt cho người khác được hiểu, phước đức rất nhiều. Tại sao vậy? Vì vô sở đắc vậy. Thế nào gọi là hữu sở đắc? Nầy Kiều Thi Ca! Nếu đại Bồ Tát dùng hữu sở đắc mà bố thí. Lúc bố thì, quan niệm tôi cho, người nhận, của vật để cho. Đây gọi là được Đàn na mà chẳng được ba la mật. Lúc trì giới, quan niệm tôi trì giới, đây là giới. Đó gọi là được Thi la mà chẳng được ba la mật. Lúc nhẫn nhục, quan niệm tôi nhẫn nhục, vì người ấy mà nhẫn nhục. Đây gọi là được Sằn đề mà chẳng được ba la mật. Lúc tinh tấn, quan niệm tôi tinh tấn, vì sự đó mà siêng năng tinh tấn. Đây gọi là được Tỳ lê gia mà chẳng được ba la mật. Lúc tu thiền, quan niệm tôi tu thiền, chỗ tu là thiền. Đây gọi là Thiền na mà chẳng được ba la mật. Lúc tu huệ, quan niệm tôi tu huệ, chỗ tu là huệ. Đây gọi là được Bát nhã mà chẳng được ba la mật. Thiện nam, thiện nữ thật hành như vậy thời chẳng được đầy đủ Đàn na ba la mật, nhẫn đến chẳng được đầy đủ Bát nhã ba la mật". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát tu thế nào được đầy đủ Đàn na ba la mật, nhẫn đến đầy đủ Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Lúc bố thí, đại Bồ Tát chẳng thấy người cho, chẳng thấy người thọ, chẳng thấy của vật đem cho. Người nầy được đầy đủ Đàn na ba la mật. Nhẫn đến lúc tu huệ, đại Bồ Tát chẳng thấy huệ, chẳng thấy huệ bị tu tập. Người nầy được đầy đủ Bát nhã ba la mật. Thiện nam, thiện nữ thật hành Bát nhã ba la mật như vậy, nên vì người khác mà diễn thuyết nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt cho họ được hiểu biết. Năm ba la mật kia cũng như vậy. Tại sao vậy? Vì đời vị lai có người muốn nói Bát nhã ba la mật mà nói tương tợ Bát nhã ba la mật. Có thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Bồ đề, vì nghe tương tợ Bát nhã ba la mật nầy mà thất chánh đạo. Thế nên đại Bồ Tát phải vì người nầy mà diễn nói đủ nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt cho họ hiểu biết". Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tương tợ Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Có Thiện nam, thiện nữ nói sở hữu đắc Bát nhã ba la mật, đây là tương tợ Bát nhã ba la mật". Thiên Đế thưa: "Thế nào là thiện nam, thiện nữ nói hữu sở đắc Bát nhã ba la mật, đây là tương tợ Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Thiện nam, thiện nữ nói rằng sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức vô thường, thật hành vậy là thật hành Bát nhã ba la mật. Người tu hành cầu sắc vô thường, cầu thọ, tưởng, hành, thức vô thường. Đây là thật hành tương tợ Bát nhã ba la mật. Nói nhãn vô thường đến ý vô thường, nói sắc vô thường đến pháp vô thường, nói nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới vô thường đến ý thức giới, pháp giới, ý thức giới vô thường, nói địa chủng vô thường đến thức chủng vô thường, nói nhãn xúc vô thường đến ý xúc vô thường, nói nhãn xúc nhơn duyên sanh thọ vô thường đến ý xúc, nhơn duyên sanh thọ vô thường. Như nói về vô thường, nói khổ, nói vô ngã cũng như vậy. Lúc hành giả thật hành Đàn na ba la mật, vì sắc đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ vô thường, khổ, vô ngã, có thể thật hành như vậy là thật hành Bát nhã ba la mật. Như lúc thật

hành Đàn na ba la mật, lúc thật hành Thi là ba la mật đến Bát nhã ba la mật, lúc thật hành tứ thiền đến tứ vô sắc định, lúc thật hành tứ niệm xứ đến nhứt thiết trí, cũng vì nói vô thường, khổ, vô ngã, có thể thật hành như vậy là thật hành Bát nhã ba la mật. Nầy Kiều Thi Ca! Như trên đó gọi là tương tợ Bát nhã ba la mật. Lại nầy Kiều Thi Ca! Thuở vị lai, thiện nam, thiện nữ nói tương tợ Bát nhã ba la mật rằng các người tu hành Bát nhã ba la mật. Lúc tu hành Bát nhã ba la mật, các người sẽ được Sơ địa đến Thập địa. Với Thiền na đến Đàn na ba la mật cũng nói như vậy. Nghe lời giải thuyết như trên, hành giả tương tợ hữu sở đắc, dùng tổng tướng tu Bát nhã ba la mật nầy. Đây gọi là tương tợ Bát nhã ba la mật. Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ muốn nói Bát nhã ba la mật, bảo rằng các người tu hành Bát nhã ba la mật rồi sẽ hơn hàng Thanh văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là nói tương tợ Bát nhã ba la mật. Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ vì cầu Phật đạo, nên giải thuyết rằng các người tu hành Bát nhã ba la mật xong, sẽ nhập Bồ Tát vị, được vô sanh pháp nhẫn. Đã được vô sanh pháp nhẫn bèn trụ Bồ Tát thần thông, từ một Phật quốc đến một Phật quốc, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật. Đây là giải thuyết tương tợ Bát nhã ba la mật. Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì cầu Phật đạo, thiện nam, thiện nữ giải thuyết rằng các người học Bát nhã ba la mật nầy, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, thời sẽ được vô lượng vô biên vô số công đức. Đây gọi là nói tương tợ Bát nhã ba la mật. Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì cầu Phật đạo, thiện nam, thiện nữ nói rằng như quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, tất cả công đức thiện căn từ sơ phát tâm đến thành Phật, đều hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây là giải thuyết tương tợ Bát nhã ba la mật". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ vì cầu Phật đạo, thế nào là chẳng nói tương tợ Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu vì cầu Phật đạo, thiện nam, thiện nữ giải thuyết Bát nhã ba la mật như vầy: Nầy thiện nam tử! Nhà ngươi tu hành Bát nhã ba la mật chớ quán sắc vô thường. Tại sao vậy? Vì sắc sác tánh rỗng không. Sắc tánh ấy chẳng phải pháp. Nếu chẳng phải pháp, thời gọi là Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật, sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật, sắc còn bất khả đắc, huống là thường với vô thường. Giải thuyết thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy. Giải thuyết như vậy thời gọi là chẳng nói tương tợ Bát nhã ba la mật. Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì cầu Phật đạo, thiện nam, thiện nữ nói rằng: Nhà ngươi tu hành Bát nhã ba la mật, đối với các pháp chớ có đi qua cũng chớ có đi lại. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật, không có pháp gì qua được, đứng được. Bởi tất cả pháp tự tánh rỗng không. Tự tánh rỗng không là chẳng phải pháp. Nếu chẳng phải pháp thời tức là Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật không có pháp gì nhập được, xuất được, sanh được, diệt được. Giải thuyết như vậy thời gọi là chẳng nói tương tợ Bát nhã ba la mật. Nhẫn đến nói rộng như vậy trái hẳn với tương tợ, thời gọi là chẳng nói tương tợ Bát nhã ba la mật. Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ phải nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy. Nếu nói nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy, thời được công đức hơn trước. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có người giáo hóa tất ca chúng sanh trong Diêm Phù Đề, trong tứ thiên hạ, trong Tiểu thiên thế giới, trong Trung thiên thế giới, trong Đại thiên thế giới, nhẫn đến giáo hóa tất cả chúng sanh trong hằng sa quốc độ mười phương đều được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán,

quả Bích Chi Phật. Ngài nghĩ thế nào, người nầy được phước nhiều chăng?" Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người nầy được phước rất nhiều". Đức Phật nói: "Vẫn không bằng thiện nam, thiện nữ đem nghĩa Bát nhã ba la mật nầy, dùng nhiều nhơn duyên vì người khác giải thuyết, khai thị, phân biệt cho họ hiểu biết. Bảo rằng các người đến lãnh thọ Bát nhã ba la mật nầy, siêng đọc siêng tụng, giải thuyết, chánh ức niệm. Thật hành đúng như trong Bát nhã ba la mật đây nói. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật xuất sanh hàng Tu Đà Hoàn đến đạo Bích Chi Phật vậy. Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ giáo hóa chúng sanh trong một Diêm Phù Đề nhẫn đến giáo chúng sanh trong hằng sa quốc độ mười phương, làm cho phát tâm Bồ đề nhẫn đến làm cho được bực bất thối chuyển, dầu được phước rất nhiều, nhưng vẫn không bằng người đem Bát nhã ba la mật giảng thuyết cho người khác, dùng những nhơn duyên khái thị, phân biệt cho họ được hiểu biết, bảo họ tu hành đúng như lời dạy trong Bát nhã ba la mật, sẽ được nhứt thiết trí và Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật xuất sanh những đại Bồ Tát sơ phát tâm, nhẫn đến xuất sanh những đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Kiều Thi Ca! Chúng sanh trong một Diêm Phù Đề nhẫn đến trong hằng sa thế giới mười phương phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề. Nếu có thiện nam, thiện nữ vì họ mà giảng rộng nghĩa Bát nhã ba la mật và khai thị, phân biệt cho họ được hiểu biết. Có người vì một Bồ Tát bất thối chuyển mà diễn thuyết Bát nhã ba la mật và khai thị, phân biệt cho được hiểu biết, người nầy được phước rất nhiều. Lại Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có chúng sanh tong một Diêm Phù Đề nhẫn đến trong hằng sa thế giới mười phương đều được bực bất thối chuyển. Có thiện nam, thiện nữ đem Bát nhã ba la mật giảng giải ý nghĩa cho những bực nầy. Trong đây có một Bồ Tát muốn mau chứng Vô thượng Bồ đề, nếu có người đem Bát nhã ba la mật giảng giải ý nghĩa cho Bồ Tát nầy, thời được phước nhiều hơn hết". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như đại Bồ Tát càng gần đến Vô thượng Bồ đề, lại càng nên giáo hóa thật hành sáu ba la mật, càng nên giáo hóa thật hành nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Lại nên cúng dường y phục, ngọa cụ, ẩm thực, y dược, tùy theo chỗ cần dùng mà cung cấp. Thiện nam, thiện nữ pháp thí và tài thí cúng dường đại Bồ Tát nầy thời được công đức. Vì đại Bồ Tát nầy mau thành Vô thượng Bồ đề vậy". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Lành thay, lành thay! Nầy Kiều Thi Ca! Ngài vì thánh đệ tử mà an ủy chư đại Bồ Tát vì Vô thượng Bồ đề, nên đem pháp thí, tài thì làm lợi ích, theo lẽ thời phải như vậy. Tại sao thế? Vì trong hàng Bồ Tát xuất sanh chư Phật thánh chúng. Nếu Bồ Tát chẳng pháp tâm Vô thượng Bồ đề, thời Bồ Tát nầy chẳng thể học sáu ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, chẳng thể được Vô thượng Bồ đề. Nếu chẳng thể được Vô thượng Bồ đề, thời không có Thanh văn và Bích Chi Phật. Nầy Kiều Thi Ca! Vì thế nên chư đại Bồ Tát học sáu ba la mật đến mười tám pháp bất cộng. Do học sáu ba la mật đến mười tám pháp bất cộng mà được Vô thượng Bồ đề. Do được Vô thượng Bồ đề nên dứt diệt ba ác đạo Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Thế gian bèn có những dòng hào tộc, bèn có các cõi trời từ Tứ Vương Thiên đến Phi Phi Tưởng Thiên, bèn có Đàn na ba la mật, bèn có nội không đến vô pháp hữu pháp không, bèn có tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, bèn có Thanh văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa đều xuất hiện thế gian".

*** 39. PHẨM TÙY HỈ THỨ BA MƯƠI CHÍN

Ngài Di Lặc đại Bồ Tát nói với Ngài Tu Bồ Đề: "Hoặc Thanh văn, hoặc Bích Chi Phật, hoặc tất cả chúng sanh, hoặc bố thí, trì giới, hoặc tu thiền định tùy hỷ phước đức. Có đại Bồ Tát tùy hỉ phước đức cùng với tất cả chúng sanh chung hưởng, hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Phước đức nầy bực nhứt trên hết, rất diệu Vô thượng, không gì bằng. Tại sao vậy? Vì cúng Thanh văn, Bích Chi Phật và tất chúng sanh bố thí, trì giới, tu thiền định tùy hỉ phước đức, là để tự điều phục, tự thanh tịnh, tự độ, mà tu hành những tứ niệm xứ đến bát thánh đạo và không, vô tướng, vô tác. Bồ Tát tùy hỉ phước đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề, đem công đức nầy để điều phục tất cả chúng sanh, để thanh tịnh tất cả chúng sanh, để độ tất cả chúng sanh, vì vô sở đắc vậy. Ngài Tu Bồ Đề nói: "Chư đại Bồ Tát tưởng niệm vô lượng vô biên vô số chư Phật diệt độ trong vô lượng vô biên vô số quốc độ mười phương, từ sơ phát tâm đến được Vô thượng Bồ đề, nhập vô dư y Niết Bàn đến chánh pháp diệt tận có tất cả thiện căn đúng với sáu ba la mật. Cùng với thiện căn của hành Thanh văn, như phước đức bố thí, phước đức trì giới, phước đức tu tập thiền định. Cùng với thiện căn vô lậu của hành hữu học, vô học. Cùng với tụ, định tụ, huệ tu, giải thoát tụ, giải thoát tri kiến tụ, nhứt thiết trí, đại từ đại bi của chư Phật. Cùng với vô lượng vô số những Phật pháp khác và pháp của chư Phật diễn thuyết. Trong những pháp nầy học được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán và đạo Bích Chi Phật, nhập ngôi đại Bồ Tát. Cùng với những chúng sanh khác gieo trồng thiện căn. Tất cả những thiện căn ấy hòa hợp phước đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thời là phước đức đệ nhứt trên hết, rất diệu vô thượng, không gì bằng. Tùy hỉ như vậy rồi, đem phước tùy hỉ nầy hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Nếu có thiện nam, thiện nữ tu hành Bồ Tát thừa, nghĩ rằng lòng tôi hướng về Vô thượng Bồ đề. Đây là sanh tâm duyên nơi sự. Nếu thiện nam, thiện nữ nắm lấy tướng Vô thượng Bồ đề, có thể được như chỗ đã nghĩ tưởng chăng?" Di Lặc Bồ Tát nói: "Nếu thiện nam, thiện nữ nắm lấy tướng, thời chẳng được như chỗ đã tưởng nghĩ". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu những duyên, những sự vô sở hữu, thiện nam, thiện nữ nầy thật hành Bồ Tát thừa, nắm lấy tướng, đối với thiện căn từ sơ phát tâm đến chánh pháp diệt tận của chư Phật mười phương, cùng với thiện căn của hành hữu học vô học Thanh văn, đều hòa hiệp tất cả tùy hỉ công đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì vô tướng vậy. Như thế thời Bồ Tát nầy há chẳng phải vô thường cho là thường, khổ cho là lạc, vô ngã cho là ngã, bất tịnh cho là tịnh, mà thành tưởng điên đảo, kiến điên đảo. Hoặc như duyên và như sự hồi hướng Vô thượng Bồ đề cũng như vậy. Tâm hồi hướng cũng như vậy. Đàn na ba la mật đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy. Nếu như vậy, thời những gì là duyên, những gì là sự, những gì là Vô thượng Bồ đề, những gì là thiện căn, những gì là tâm tùy hỉ hồi hướng Vô thượng Bồ đề?" Ngài Di Lặc Bồ Tát nói: "Nếu chư đại Bồ Tát đã từ lâu thật hành sáu ba la mật, nhiều cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, luôn gần thiện trí thức, khéo tu học pháp tự tướng không. Chư đại Bồ Tát nầy dùng duyên như vậy và sự như vậy, nơi thiện căn

của chư Phật, tùy hỉ phước đức, chẳng nắm lấy tướng Vô thượng Bồ đề. Bởi chẳng hai pháp chẳng phải chẳng hai pháp, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, chẳng phải pháp có thể được chẳng phải pháp chẳng thể được, chẳng phải pháp cấu chẳng phải pháp tịnh, chẳng phải phải pháp sanh chẳng phải pháp diệt, nên đây gọi là hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Nếu chư Bồ Tát tu hành sáu ba la mật chẳng được lâu, cúng dường chư Phật chẳng được nhiều, chẳng gieo trồng căn lành, chẳng gần thiện tri thức, chẳng khéo tu học pháp tự tướng không. Bồ Tát nầy dùng duyên như vậy sự như vậy mà tùy hỉ phước đức của chư Phật, tâm lấy tướng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây thời chẳng gọi là chơn thiệt hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Nầy Ngài Tu Bồ Đề! Nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy, nhẫn đến nghĩa nhứt thiết chủng trí, như là nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nên giải nói với hành tân học Bồ Tát. Vì sẽ làm mất lòng kính tin thanh tịnh mà Bồ Tát nầy đã được chút ít. Nên đem nói với bực đại Bồ Tát bất thối chuyển. Hoặc với người được sự hộ trì của thiện tri thức, hoặc với người từ lâu cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn. Cũng nên giải thuyết Bát nhã ba la mật nầy nhân đến nghĩa nhứt thiết chủng trí, như là nội không đến vô pháp hữu pháp không. Những người nầy nghe pháp như vậy không mất, không kinh, không sợ. Nầy Ngài Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tùy hỉ phước đức phải hồi hướng Vô thượng Bồ đề như vậy. Nghĩa là Bồ Tát dùng tâm tùy hỉ phước đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề, tâm nầy tận diệt biến ly. Duyên ấy, sự ấy, những thiện căn ấy cũng tận diệt biến ly. Trong đây, những gì là tâm tùy hỉ, những gì là duyên, những gì là sự, những gì là thiện căn tùy hỉ hồi hướng Vô thượng Bồ đề? Nếu đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, biết rõ Bát nhã ba la mật nầy không có pháp như vậy, nhẫn đến Đàn na ba la mật không có pháp, sắc, thọ, tưởng hành thức đến Vô thượng Bồ đề không có pháp như vậy. Đại Bồ Tát phải tùy hỉ công đức như vậy mà hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Nếu có thể hồi hướng như vậy, thời gọi là tùy hỉ công hồi hướng Vô thượng Bồ đề". Thiên Đế hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Bồ Tát mới phát tâm nghe việc nầy há không kinh sợ ư? Thế nào là Bồ Tát mới phát tâm tu các thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề? Lại thế nào là tùy hỉ phước đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu Bồ Tát mới phát tâm thật hành Bát nhã ba la mật, chẳng thọ Bát nhã ba la mật nầy, vì vô sở đắc vậy, vì vô tướng vậy. Nhẫn đến Đàn na ba la mật cũng như vậy. Lại nhiều tin hiểu nội không đến vô pháp hữu pháp không. Nhiều tin hiểu tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, thường theo thiện tri thức. Thiện tri thức nầy giảng nói nghĩa sáu ba la mật và khai thị, phân biệt cho. Dạy dỗ như vậy làm cho thường chẳng rời Bát nhã ba la mật, nhẫn đến được vào bực Bồ Tát chẳng rời Bát nhã ba la mật, nhẫn đến chẳng rời Đàn na ba la mật. Chẳng rời tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Cũng dạy nói về ma sự. Nghe những ma sự rồi vẫn chẳng tăng, chẳng giảm. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát nầy chẳng thọ tất cả pháp vậy. Bồ Tát nầy cũng thường chẳng rời chư Phật. Nhẫn đến lúc nào bực Bồ Tát luôn gieo trồng thiện căn. Do thiện căn nầy mà vào nhà Bồ Tát. Nhẫn đến lúc thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời thiện căn nầy. Lại đại Bồ Tát mới phát tâm nầy đối với quá khứ chư Phật vô lượng vô biên vô số quốc độ mười phương, dứt đường sanh tử, dứt đường hí luận, bỏ hẳn gánh nặng, diệt gai tụ lạc, dứt những hữu lậu, được chánh trí giải thoát, cùng hàng đệ tử tu hành công đức. Hoặc hàng đại trưởng giả cư sĩ, chư

Thiên từ Trời Tứ Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh gieo trồng thiện căn, tất cả công đức đều hòa hiệp. Dùng tâm tùy hỉ đệ nhứt trên hết, hơn hết, không gì bằng mà tùy hỉ. Tùy hỉ rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề". Ngài Di Lặc Bồ Tát nói với Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu Bồ Tát mới phát tâm tưởng niệm thiện căn của chư Phật và hành đệ tử, dùng tâm tùy hỉ đệ nhất vi diệu hơn hết không gì bằng mà tùy hỉ công đức. Tùy hỉ rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát nầy thế nào chẳng sa nơi tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến đảo?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu đại Bồ Tát niệm Phật và Tăng. Trong đây, chẳng móng khởi tưởng là Phật, tưởng là Tăng, cũng chẳng móng khởi tưởng là thiện căn. Dùng tâm nầy hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Trong tâm nầy cũng chẳng móng khởi tưởng là tâm. Bồ Tát hồi hướng như vậy thời tưởng chẳng điên đảo, tâm chẳng điên đảo, kiến chẳng điên đảo. Nếu đại Bồ Tát niệm thiện căn của Phật và Tăng, năm lấy tướng rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát hồi hướng như vậy, thời gọi là tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo. Nếu đại Bồ Tát dùng tâm nầy niệm thiện căn của chư Phật và chúng Tăng. Lúc tâm niệm như vậy liền biết diệt tận. Nếu diệt tận thời pháp ấy bất khả đắc. Tâm dùng đề hồi hướng cũng là tướng tận diệt. Chỗ hồi hướng và pháp cũng là tướng tận diệt. Nếu hồi hướng như đây thời gọi là chánh hồi hướng mà chẳng phải tà hồi hướng. Đại Bồ Tát phải hồi hướng Vô thượng Bồ đề như vậy. Và lại nếu đối với thiện căn của chư Phật quá khứ và hàng đệ tử, thiện căn của phàm phu nghe pháp, thiện căn Thiên, Long, Bát bộ nhẫn đến của trời Sắc Cứu Cánh nghe pháp phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tất cả phước đức nầy đều hòa hiệp. Bồ Tát dùng tâm đệ nhứt vi diệu hơn hết, không gì bằng mà tùy hỉ công đức rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bấy giờ nếu đại Bồ Tát biết những pháp ấy tận diệt, chỗ hồi hướng và pháp cũng tự tánh không. Có thể hồi hướng như vậy thời gọi là chơn thiệt hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Lại đại Bồ Tát biết không có pháp nào hồi hướng được pháp nào. Vì tất cả pháp tự tướng không. Hồi hướng như đây thời gọi là chánh hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật đến Đàn na ba la mật như vậy, thời chẳng sa vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Bởi Bồ Tát nầy chẳng nắm lấy hồi hướng ấy, cũng chẳng đem những thiện căn hồi hướng đến chỗ tam Bồ đề. Đây gọi là đại Bồ Tát Vô thượng hồi hướng. Lại nếu đại Bồ Tát biết phước đức đã gieo trồng, rời hẳn ngũ ấm, thập nhị xứ, thập bát giới. Cũng biết Bát nhã ba la mật là ly tướng, biết nội không đến vô pháp hữu pháp không là ly tướng, biết tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng là ly tướng. Đại Bồ Tát khởi tâm tùy hỉ phước đức như vậy, thời gọi là hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Nếu đại Bồ Tát tùy hỉ phước đức, biết tùy hỉ phước đức tự tánh ly, cũng biết chư Phật ly, Phật tánh các thiện căn cũng ly, thiện căn tánh cũng ly, hồi hướng và hồi hướng tánh cũng ly, Bồ Tát và Bồ Tát tánh cũng ly, Bát nhã ba la mật đến Đàn na ba la mật cũng ly, nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng ly, nội không tánh đến vô pháp hữu pháp không tánh cũng ly, tứ niệm xứ đến pháp bất cộng cũng ly, tứ niệm xứ tánh đến bất cộng pháp tánh cũng ly. Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật ly tướng như vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát trong Bát nhã ba la mật phát sanh tùy hỉ phước đức. Lại đại Bồ Tát đối với thiện căn của chư Phật quá khứ diệt độ, nếu muốn hồi hướng thời phải hồi hướng như vầy: Phải quan niệm rằng như tướng chư Phật diệt độ, tướng các thiện căn cũng vậy, tướng pháp diệt độ cũng như vậy. Tôi dùng tâm hồi

hướng, tướng của tâm nầy cũng như vậy. Nếu hồi hướng được như vậy thời gọi là hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Hồi hướng như vậy thời chẳng sa vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Nếu đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật nắm lấy tướng thiện căn của chư để hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thời chẳng gọi là hồi hướng. Tại sao vậy? Vì chư Phật quá khứ và thiện căn chẳng phải tướng duyên, chẳng phải không tướng duyên. Nếu đại Bồ Tát nắm lấy tướng như vậy thời chẳng gọi là thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát nầy sa vào tưởng điên đảo, tâm diên đảo, kiến điên đảo. Nếu Bồ Tát chẳng nắm lấy tướng chư Phật, các thiện căn, cũng chẳng lấy tướng hồi hướng, thời gọi là đem các thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát nầy chẳng sa vào tưởng điên đảo, tâm diên đảo, kiến điên đảo". Ngài Di Lặc hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Đại Bồ Tát thế nào đối với các thiện căn chẳng nắm lấy tướng mà có thể hồi hướng Vô thượng Bồ đề?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Do sự nầy nên phải biết trong đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật cần có phương tiện lực Bát nhã ba la mật. Nếu là phước đức rời Bát nhã ba la mật, thời chẳng được hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật, chư Phật bất khả đắc, các thiện căn bất khả đắc, tâm hồi hướng Vô thượng Bồ đề cũng bất khả đắc. Ở trong đây, lúc đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, nên quan niệm rằng thân của chư Phật quá khứ và đệ tử đều tận diệt, các thiện cũng tận diệt. Nay nếu ta nắm lấy tướng phân biệt chư Phật, thiện căn và tâm hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thời chư Phật chẳng hứa khả. Tại sao vậy? Vì nắm lấy tướng thời là hữu sở đắc vậy. Nghĩa là ở nơi chư Phật quá khứ nắm lấy tướng phân biệt vậy. Thế nên đại Bồ Tát muốn dùng các thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thời chẳng nên lấy để hồi hướng. Nếu có được và nắm lấy để hồi hướng, thời chư Phật chẳng nói có lợi ích lớn. Tại sao vậy? Vì hồi hướng như vậy là tạp độc. Ví như đồ ăn ngon lộn tạp độc, dầu có màu đẹp hương thơm được người ham mà trong đó có chất độc. Kẻ ngu dại thích ăn vì tham màu đẹp hương thơm vị ngon vừa miệng. Lúc ăn nầy tiêu hóa, kẻ ngu ấy bèn thọ những khổ đau đớn chết chóc. Nếu thiện nam, thiện nữ chẳng thọ trì, đọc tụng rành rẽ, chẳng hiểu nghĩa trong đây mà giảng dạy người khác rằng: Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật mười phương, từ sơ phát tâm đến Vô thượng Bồ đề, nhập vô dư y Niết Bàn đến chánh pháp tận diệt. Trong thời gian đó, lúc thật hành sáu ba la mật gieo trồng căn lành, lúc tu tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, gieo trồng căn lành, lúc thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, gieo trồng căn lành, cùng với những giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nhứt thiết chủng trí, pháp không sai lầm thường xả hành của chư Phật và hàng đệ tử gieo trồng căn lành, cùng những người được chư Phật thọ ký sẽ thành Bích Chi Phật, hàng Thiên, Long, Bát bộ gieo trồng căn lành, tất cả phước đức hòa hiệp tùy hỉ hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Sự hồi hướng nầy vì nắm lấy tướng và có pháp được nên như là món ăn lộn chất độc. Người có pháp được thời trọn không có chánh hồi hướng. Tại sao vậy? Vì có pháp được đây thời gọi là lộn độc, có tướng, có động, có hí luận. Nếu hồi hướng như vậy thời là hủy báng Phật, là chẳng theo lời Phật dạy, là chẳng theo chánh pháp đã nói. Thiện nam, thiện nữ nầy cầu Phật đạo phải học như thế nầy: Thiện căn của tam thế chư Phật từ sơ phát tâm đến thành Phật nhập vô dư y Niết Bàn chánh pháp tận diệt cùng hành đệ tử lúc tu hành Bát nhã ba la mật đã gieo trồng, nhẫn đến lúc nhứt thiết chủng trí, tất

cả phước đức hồi hướng như vầy: Như trí huệ vô thượng mà chư Phật đã biết, những thiện căn tướng ấy, những thiện căn tánh ấy, tôi cũng tùy hỉ như vậy. Như chư Phật đã biết, tôi cũng hồi hướng Vô thượng Bồ đề như vậy. Nếu thiện nam, thiện nữ hồi hướng như vậy, thời là chẳng hủy báng Phật, đúng như lời Phật dạy, đúng với Phật pháp đã nói. Hồi hướng như vậy là không xen lộn chất độc. Lại thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc thật hành Bát nhã ba la mật phải hồi hướng thiện căn như vầy: Như sắc chẳng thuộc Dục giới, chẳng thuộc Sắc giới, chẳng thuộc Vô sắc giới, chẳng thuộc pháp, chẳng gọi quá khứ, vị lai, hiện tại. Nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Như pháp tánh, pháp tướng, pháp trụ, thiệt tế, bất tư nghì tánh, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nhứt thiết chủng trí chẳng thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, chẳng thuộc pháp, chẳng thuộc quá khứ, vị lai và hiện tại. Hồi hướng nầy, chỗ hồi hướng nầy và hành giả chẳng hệ thuộc cũng như vậy. Chư Phật và những thiện căn đây cũng chẳng hệ thuộc. Thiện căn của Thanh văn, Bích Chi Phật đây cũng chẳng hệ thuộc, chẳng thuộc pháp, chẳng thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật biết săc…đều chẳng hệ thuộc, chẳng thể đem pháp năm lấy tướng hữu sở đắc để hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Sắc…đây là vô sanh. Nếu pháp đã vô sanh thời là vô pháp, trong vô pháp không thể hồi hướng. Hồi hướng như trên đây thời không xen lộn chất độc. Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo nắm lấy tướng hữu sở đắc đem thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thời gọi là tà hồi hướng. Nếu là tà hồi hướng thời chư Phật chẳng khen ngợi. Dùng tà hồi hướng nầy thời chẳng đầy đủ Đàn na ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật. Chẳng đầy đủ tứ niệm xứ đến thập lực. Chẳng thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Nếu chẳng thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, thời chẳng thể Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì hồi hướng nầy xen lộn chất độc. Lại lúc Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, phải quan niệm rằng như những thiện căn hồi hướng mà chư Phật đã biết, đó là chơn thiệt hồi hướng, tôi cũng dùng pháp tướng hồi hướng ấy. Đây gọi là chánh hồi hướng". Đức Phật khen Ngài Tu Bồ Đề: "Lành thay, lành thay! Vì làm Phật sự, vì đại Bồ Tát mà ông nói pháp hồi hướng chân chánh phải thật hành. Bởi không tướng, không được, không xuất, không cấu, không tịnh, không pháp tánh, tự tướng rỗng không, thường tự tánh rỗng không, như pháp tánh, như thiệt tế vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong Đại Thiên quốc độ đều thật hành thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ngũ thần thông, ông nghĩ sao, chúng sanh ấy được nhiều phước chăng?" Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều". Đức Phật nói: "Chẳng bằng thiện nam, thiện nữ đối với những thiện căn, tâm chẳng nắm lấy mà hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Phước đức nầy đệ nhứt hơn hết, rất vi diệu vô thượng, không gì bằng. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong Đại Thiên quốc độ đều được Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật. Có thiện nam, thiện nữ đem tứ sự cúng dường trọn đời và cung kính, tôn trọng, tán thán, cung cấp đủ đồ cần dùng. Nhơn duyên nầy được phước nhiều chăng?" Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người nầy được phước rất nhiều". Đức Phật nói: "Vẫn chẳng bằng thiện nam, thiện nữ đối với những thiện căn, tâm chẳng nắm lấy mà hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Phước đức nầy đệ nhứt hơn hết, rất là vi diệu vô thượng, không gì bằng. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong Đại Thiên trong quốc độ

đều phát tâm Bồ đề. Mỗi mỗi chúng sanh trang hằng sa thế giới, đều cung kính, cúng dường Bồ Tát nầy trong hằng sa kiếp. Nhơn duyên nầy được rất nhiều chăng?" Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều vô lượng vô biên không gì thí dụ được. Nếu phước đức nầy có hình dạng thời hằng sa quốc độ cũng không dung thọ được". Đức Phật nói: "Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói. Dầu vậy, nhưng chẳng bằng thiện nam, thiện nữ đối với những thiện căn, tâm chẳng nắm lấy mà hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Công đức hồi hướng không nắm lấy nầy, sánh với công đức trên thời hơn cả trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến toán số thí dụ cũng không sánh được. Tại sao vậy? Vì người trên kia nắm lấy tướng có pháp được mà thật hành thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ngũ thần thông, và nắm lấy tướng có pháp được mà cúng dường, cung kính Tu Đà Hoàn đến cung kính, cúng dường Bồ Tát vậy. Tứ Thiên Vương và hai vạn Thiên Tử chấp tay lễ Phật mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hồi hướng rất là rộng lớn. Vì là phương tiện lực vậy. Vì là vô sở đắc vậy. Vì là vô tướng vậy. Vì là vô giác vậy. Đem những thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề như vậy, thời chăng sa vào hai pháp". Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn cũng cùng vô số chư Thiên cõi đao Lợi và chư Thiên Tử khác đồng đem thiên hoa, thiên hương, anh lạc, thiên tràng phan, thiên cổ, thiên nhạc cúng dường lên đức Phật, thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! đại Bồ Tát hồi hướng rất là rộng lớn. Vì là phương tiện lực vậy. Vì là vô sở đắc vậy. Vì là vô giác vậy. đem những thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề như vậy, thời chẳng sa vào hai pháp". Chư Phạm Thiên cùng vô số chư Thiên đến lễ chân Phật thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Vị tằng hữu Bồ Tát được sự hộ trợ của Bát nhã ba la mật, do phương tiện lực nên hơn người nắm lấy tướng có pháp được trên kia". Quang Âm Thiên đến Sắc Cứu Cánh Thiên cũng lễ Phật, thưa như vậy. Đức Phật bảo Tứ Thiên Vương nhẫn đến chư Thiên Sắc Cứu Cánh: "Chư Thiên Tử! Nếu tất cả chúng sanh trong Đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tất cả Bồ Tát nầy niệm thiện căn của quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật và của chư Thanh văn, Bích Chi Phật, từ lúc mới phát tâm đến trụ, cùng với thiện căn của tất cả chúng sanh như là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, giới, định, huệ, giải thoát, tri kiến giải thoát và vô lượng Phật pháp khác đều hòa hiệp tùy hỉ tất cả. Tùy hỉ xong, đều hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì là nắm lấy tướng hữu sở đắc vậy. Lại có thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Bồ đề cũng là niệm thiện căn của tam thế chư Phật và chư Thanh văn, Bích Chi Phật, cùng thiện căn của tất cả chúng sanh và những Phật pháp khác đều hòa hiệp tùy hỉ, nhưng vì vô sở đắc, vì không hai pháp, vì không có tướng, vì chẳng nắm lấy pháp, vì không thấy có, đây là sự tùy hỉ đệ nhứt hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì bằng. Tùy hỉ xong, hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Côn đức của thiện nam, thiện nữ nầy hơn công đức trên cả trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến không thể ví dụ được". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật nói thiện nam, thiện nữ hòa hiệp tùy hỉ đệ nhứt hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì bằng. Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tùy hỉ đệ nhứt đến không gì bằng?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại mà chẳng thủ, chẳng xả, chẳng nhớ chẳng phải chẳng nhớ, chẳng được chẳng phải chẳng được. Trong các pháp đó cũng chẳng có pháp sanh diệt, cấu tịnh, tăng giảm, lai khứ, hiệp tán, nhập xuất. Như các

pháp tướng, như như tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, quá khứ, vị lai, hiện tại, tôi cũng tùy hỉ như vậy. Tùy hỉ xong, hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây là hồi hướng đệ nhứt hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì bằng. Nầy Tu Bồ Đề! Pháp tùy hỉ nầy sánh với những pháp tùy hỉ khác trăm ngàn muôn ức lần hơn, nhẫn đến thí dụ cũng không kịp được. Lại nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, đối với tam thế thiện căn từ sơ phát tâm đến pháp trụ của chư Phật và chư Thanh văn, Bích Chi Phật, nhẫn đến vô lượng Phật pháp khác, cùng thiện căn của những chúng sanh khác, nếu muốn tùy hỉ thời phải tùy hỉ như thế nầy: Phải quan niệm rằng bố đồng đẳng với giải thoát, năm độ kia cũng đồng đẳng với giải thoát, sắc, thọ, tưởng, hành, thức đồng đẳng với giải thoát, nội không đến vô pháp hữu pháp không đồng đẳng với giải thoát, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần đồng đẳng với giải thoát, thập lực đến nhứt thiết chủng trí đồng đẳng với giải thoát, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đồng đẳng với giải thoát, tùy hỉ đồng đẳng với giải thoát, các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại đồng đẳng với giải thoát, chư Phật mười phương cùng giải thoát đồng đẳng, chư Phật hồi hướng cùng giải thoát đồng đẳng, chư Phật cùng giải thoát đồng đẳng, chư Phật diệt độ cùng giải thoát đồng đẳng, Thanh văn, Bích Chi Phật cùng giải thoát đồng đẳng, Thanh văn, Bích Chi Phật diệt độ cùng giải thoát đồng đẳng, pháp tướng của chư Phật cùng giải thoát đồng đẳng, pháp tướng của Thanh văn, Bích Chi Phật cùng giải thoát đồng đẳng. Tất cả các pháp tướng cũng cùng giải thoát đồng đẳng, tôi đem tướng những thiện căn nầy tùy hỉ công đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề cũng đồng đẳng với giải thoát, vì bất sanh bất diệt vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đây gọi là đại Bồ Tát tùy hỉ công đức đệ nhứt hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì bằng. Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát thành tựu công đức nầy thời mau được Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Hiện tại nếu có thiện nam, thiện nữ vì cầu Phật đạo nên trọn đời cúng dường hiện tại hằng sa chư Phật và Thanh văn, Bích Chi Phật mười phương, cung phụng tất cả đồ cần dùng và cung kính, tôn trọng, tán thán, vì nắm lấy tướng hữu sở đắc vậy. Thật hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, vì nắm lấy tướng hữu sở đắc. Lại có thiện nam, thiện nữ phát tâm cầu vô thượng, thật hành lục ba la mật, đem những thiện căn chẳng nắm lấy tướng vô sở đắc, phương tiện lực hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Phước đức nầy đệ nhứt hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì bằng, hơn phước đức trên trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến ví dụ cũng không kịp được. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc thật hành lục ba la mật như vậy, vì phương tiện nên phải đem thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì chẳng nắm lấy tướng vô sở đắc vậy".

*** 40. PHẨM CHIẾU MINH THỨ BỐN MƯƠI

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đây chính là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Chính là Bát nhã ba la mật!" Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật hay chiếu sáng tất cả pháp, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nên kính lễ Bát nhã ba la mật. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật chẳng

dính mắc ba cõi. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật trừ các sự tối tăm, vì tất cả phiền não kiến chấp đều dứt trừ vậy. Bạch đức Thế Tôn! Trong tất cả pháp trợ đạo, thời Bát nhã ba la mật là tối thượng. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là an ổn, vì hay dứt trừ tất cả bố úy khổ não vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật hay đem lại quang minh, vì trang nghiêm với ngũ nhãn vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật hay chỉ dẫn những chúng sanh đã sa vào tà kiến, vì rời hẳn hai bên vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là nhứt thiết chủng trí, vì tất cả phiền não và tập khí dứt diệt vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là mẹ của chư đại Bồ Tát, vì hay xuất sanh các Phật pháp vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật bất sanh bất diệt, vì tự tướng rỗng không vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật xa rời sanh tử, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là chỗ hộ vệ của người không ai cứu giúp, vì ban bố tất cả trân bửu vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật đầy đủ năng lực, vì không gì phá hoại được vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật hay chuyển ba lần chuyển mười hai hành pháp luân, vì tất cả các pháp chăng chuyên, chăng hườn vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật hay hiển thị các pháp tánh, vì vô pháp hữu pháp không vậy. Bạch đức Thế Tôn! Phải cúng dường Bát nhã ba la mật thế nào?" Đức Phật nói: "Phải như cúng dường Phật mà cúng dường Bát nhã ba la mật. Phải như lễ Phật mà lễ Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì Phật chẳng khác Bát nhã ba la mật và Bát nhã ba la mật tức là Phật. Phật tức là Bát nhã ba la mật và Bát nhã ba la mật tức là Phật. Trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh chư Phật, chư Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán, A Na Hàm, Tư Đà Hàm, Tu Đà Hoàn. Trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh mười thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, năm thần thông, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo. Trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh thập lực, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, nhứt thiết chủng trí". Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng do cớ gì mà Ngài Xá Lợi Phất hỏi đức Phật những sự như vậy. Thiên Đế bèn đem ý nghĩ đó hỏi Ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát được Bát nhã ba la mật thủ hộ, do phương tiện lực, đối với thiện căn của tam thế chư Phật từ sơ phát tâm đến pháp trụ, đều hòa hiệp tùy hỉ, tất cả hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Vì cớ ấy nên tôi bạch hỏi việc như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát hơn Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật và Thiền na ba la mật. Ví như những người sanh manh, hoặc số trăm, số ngàn, hoặc cả trăm ngàn người, mà không ai dẫn đường, thời học không đi vào thành được. Cũng vậy, năm ba la mật mà rời Bát nhã ba la mật thời như kẻ mù không người dẫn đường, không thể tiến đạo, không thể được nhứt thiết chủng trí. Nếu được Bát nhã ba la mật dắt dẫn, thời năm ba la mật gọi là có con mắt và được danh tự Ba la mật". Thiên Đế hỏi Ngài Xá Lợi Phất: "Như lời Ngài nói là Bát nhã ba la mật tương tợ thời năm ba la mật chẳng dược danh tự Ba la mật. Nếu không Thi la ba la mật, hoặc nếu không Sằn đề ba la mật, hoặc không Tỳ lê gia ba la mật hay Thiền na ba la mật tương tợ thời năm ba la mật chẳng được danh tự Ba la mật. Nếu đã như thế, tại sao chỉ riêng ca ngợi Bát nhã ba la mật?" Ngài Xá Lợi Phất nói: "Đúng như lời Kiếu Thi Ca nói. Nếu không Đàn na ba la mật…thời năm ba la mật chẳng được danh tự Ba la mật. Nhưng vì đại Bồ Tát an trụ trong Bát

nhã ba la mật thời hay đầy đủ Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật. Vì thế nên đối với với năm ba la mật, thời Bát nhã ba la mật là đệ nhứt trên hết, là tối diệu vô lượng, không gì bằng". Ngài Xá Lợi Phất thưa đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Phải phát sanh Bát nhã ba la mật thế nào?" Đức Phật nói: "Vì sắc chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật sanh. Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật sanh. Vì Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật sanh. Vì nội không đến pháp hữu pháp không chẳng sanh, vì tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật sanh. Vì tất cả các pháp chẳng sanh như vậy nên Bát nhã ba la mật phải sanh". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là vì sắc chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật sanh. Nhẫn đến thế nào là vì tất cả pháp chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phải sanh?" Đức Phật nói: "Sắc chẳng khởi, chẳng sanh vì là chẳng được, chẳng mất vậy. Nhẫn đến tất cả các pháp chẳng khởi, chẳng sanh vì là chẳng được, chẳng mất vậy, Do đó, mà Bát nhã ba la mật sanh". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Sanh Bát nhã ba la mật như vậy hiệp với những pháp nào?" Đức Phật nói: "Không có cùng hiệp. Thê nên được gọi là Bát nhã ba la mật". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chẳng cùng hiệp với những pháp nào?" Đức Phật nói: "Chẳng cùng hiệp với pháp bất thiện, chẳng cùng hiệp với pháp thiện, chẳng cùng hiệp với pháp thế gian, chẳng cùng hiệp với pháp xuất thế gian, chẳng cùng hiệp với pháp xuất thế gian, chẳng cùng hiệp với pháp hữu lậu, chẳng cùng hiệp với pháp vô lậu, chẳng cùng hiệp với pháp tội, chẳng cùng hiệp với pháp vô tội, chẳng cùng hiệp với pháp hữu vi, chẳng cùng hiệp với pháp vô vi. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật chẳng vì được các pháp mà sanh. Thế nên đối với các pháp không chỗ cùng hiệp". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy cũng chẳng hiệp với nhứt thiết trí chăng?" Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật cũng chẳng hiệp và nhứt thiết trí cũng chẳng được. Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật chẳng như danh tự, chẳng như tướng, chẳng như pháp khởi tác hiệp". Thiên Đế thưa: "Nay hiệp thế nào?" Đức Phật nói: "Nếu đại Bồ Tát như chẳng lấy, chẳng thô, chẳng ở, chẳng mắc, chẳng dứt, hiệp như vậy cũng không chỗ hiệp, cũng vậy, Bát nhã ba la mật tất cả pháp hiệp cũng không chỗ hiệp". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thật là chưa từng có. Bát nhã ba la mật nầy vì tất cả pháp chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất nên sanh". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật mà quan niệm rằng Bát nhã ba la mật hoặc hiệp với tất cả pháp, hoặc chẳng hiệp, thời vị Bồ Tát nầy đã bỏ Bát nhã ba la mật, đã lìa Bát nhã ba la mật". Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Lại có nhơn duyên mà đại Bồ Tát bỏ và xa lìa Bát nhã ba la mật. Nếu đại Bồ Tát quan niệm rằng Bát nhã ba la mật nầy không chỗ có, trống rỗng, chẳng cứng chắc. Đại Bồ Tát nầy thời là bỏ và lìa xa Bát nhã ba la mật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tin Bát nhã ba la mật là chẳng tin pháp nào?" Đức Phật nói: "Tin Bát nhã ba la mật thời chẳng tin sắc, chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tin nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, chẳng tin sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng tin nhã giới đến ý thức giới, chẳng tin Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, chẳng tin nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng tin tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, chẳng tin thập lực đến mười tám pháp bất cộng, chẳng tin quả Tu Đà Hoàn đến đạo

Bích Chi Phật, chẳng tin đạo Bồ Tát, chẳng tin Vô thượng Bồ đề nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì sắc bất khả đắc nên tin Bát nhã ba la mật thời chẳng tin sắc. Nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí bất khả đắc nên Bát nhã ba la mật thời chẳng tin nhứt thiết chủng trí. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Lúc tin Bát nhã ba la mật thời chẳng tin sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy gọi là Đại ba la mật. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc lớn, chẳng làm sắc nhỏ, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề chẳng làm lớn, chẳng làm nhỏ, chư Phật chẳng làm lớn, chẳng làm nhỏ. Vì Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc hiệp, chẳng làm sắc tan, nhẫn đến chư Phật chẳng làm hiệp, chẳng làm tan. Vì Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc vô lượng, chẳng làm sắc chẳng phải vô lượng, nhẫn đến chư Phật chẳng làm vô lượng, chẳng làm chẳng phải vô lượng. Vì Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc rộng, chẳng làm sắc hẹp, nhẫn đến chư Phật chẳng làm rộng, chẳng làm hẹp. Vì Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm hữu lực, chẳng làm sắc vô lực, nhẫn đến chư Phật chẳng làm hữu lực, chẳng làm vô lực. Do nhơn duyên trên đây nên Bát nhã ba la mật gọi là đại ba la mật. Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ Tát mới phát tâm chẳng xa lìa Bát nhã ba la mật, chẳng xa lìa Thiền na ba la mật đến Đàn na ba la mật, quan niệm rằng Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc lớn, chẳng làm sắc nhỏ, chẳng làm sắc hiệp, chẳng làm sắc tan, chẳng làm sắc vô lượng, chẳng làm sắc chẳng phải vô lượng, chẳng làm sắc hữu lực, chẳng làm sắc vô lực. Nhẫn đến chư Phật cũng như vậy. Bồ Tát biết như vậy thời chẳng hiện hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì chẳng phải tướng Bát nhã ba la mật. Nghĩa là làm sắc lớn, nhỏ đến hữu lực, vô lực, nhẫn đến chư Phật làm lớn, nhỏ, hữu lực, vô lực. Bạch đức Thế Tôn! Vì dụng hữu sở đắc, Bồ Tát nầy bèn có lỗi lầm lớn. Nghĩa là lúc thật hành Bát nhã ba la mật làm sắc lớn, nhỏ đến hữu lực, vô lực, nhẫn đến chư Phật làm lớn nhỏ, nhỏ, hữu lực, vô lực. Bạch đức Thế Tôn! Vì dụng hữu sở đắc, Bồ Tát nầy bèn có lỗi lầm lớn. Nghĩa là lúc thật hành Bát nhã ba la mật làm sắc lớn, nhỏ, nhẫn đến chư Phật làm hữu lực, vô lực. Tại sao vậy? Vì người hữu sở đắc thời không Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì chúng sanh chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật chẳng sanh, nhẫn đến vì Phật chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật chẳng sanh. Vì chúng sanh tánh không nên Bát nhã ba la mật tánh không. Vì sắc tánh không nên Bát nhã ba la mật tánh không. Nhẫn đến vì Phật tánh không nên Bát nhã ba la mật tánh không. Vì chúng sanh chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp. Vì sắc chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp. Nhẫn đến vì Phật chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp. Vì chúng sanh sắc đến Phật rỗng không nên Bát nhã ba la mật rỗng không. Vì chúng sanh sắc đến Phật ly nên Bát nhã ba la mật ly. Vì chúng sanh sắc đến Phật không có nên Bát nhã ba la mật không có. Vì chúng sanh sắc đến Phật bất khả tư nghì nên Bát nhã ba la mật bất khả tư nghì. Vì chúng sanh sắc đến Phật chẳng diệt nên Bát nhã ba la mật chẳng diệt. Vì chúng sanh sắc đến Phật bất khả tri nên Bát nhã ba la mật bất khả tri. Vì chúng sanh đến Phật lực chẳng thành tựu nên Bát nhã ba la mật lục chẳng thành tựu. Thế nên, bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát gọi là Đại ba la mật vậy".

*** 41. PHẨM TÍN HỦY THỨ BỐN MƯƠI MỐT

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Có đại Bồ Tát tin hiểu Bát nhã ba la mật nầy. đại Bồ Tát ấy từ đâu sanh nơi đây? Phát tâm Bồ đề đã được bao lâu? Đã cúng dường bao nhiêu đức Phật? Thật hành sáu ba la mật được bao lâu mà nay có thể tùy thuận và hiểu thâm nghĩa Bát nhã ba la mật?’ Đức Phật nói: “Đại Bồ Tát nầy cúng dường chư Phật mười phương đến sanh nơi đây. Đại Bồ Tát nầy đã phát tâm Vô thượng Bồ đề từ vô lượng vô biên a tăng kỳ trăm ngàn muôn ức kiếp. Từ lúc mới phát tâm Bồ đề, đại Bồ Tát nầy thường thật hành sáu ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nầy hoặc thấy hay nghe Bát nhã ba la mật liền nghĩ rằng tôi thấy Phật, nghe Phật thuyết pháp. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nầy hay tùy thuận hiểu thâm nghĩa Bát nhã ba la mật. Vì vô tướng, vô nhị và vô sở đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy có thể nghe, có thể thấy chăng?” Đức Phật nói: “Bát nhã ba la mật nầy không có ai nghe, cũng không có ai thấy. Bát nhã ba la mật không nghe không thấy, vì các pháp độn vậy. Thiền na ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Sằn đề ba la mật, Thi la ba la mật và Đàn na ba la mật không nghe không thấy, vì các pháp độn vậy. Tứ niệm xứ đến bát thánh đạo không nghe không thấy, vì các pháp độn vậy. Thập lực đến bất cộng pháp không nghe thấy, vì các pháp độn vậy. Phật và Phật đạo không nghe không thấy, vì các pháp độn vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thật hành đạo bao lâu mà Bồ Tát nầy có thể thật hành thâm Bát nhã ba la mật nầy?” Đức Phật nói: “Nầy Tu Bồ Đề! Trong đây phải phân biệt để nói. Có đại Bồ Tát sơ phát tâm tập thật hành thâm sáu ba la mật, do sứ phương tiện nên đối với các pháp không chỗ phá hoại, chẳng thấy các pháp có pháp nào là không lợi ích, cũng trọn chẳng xa rời thật hành sáu ba la mật, cũng chẳng xa lìa chư Phật. Từ một thế giới đến một thế giới, nếu muốn dùng sức thiện căn để cúng dường chư Phật, thời tùy ý liền được. Vĩnh viễn chẳng còn thác sanh trong bụng bà mẹ nhơn loại. Trọn chẳng rời những thần thông, trọn chẳng sanh những phiền não và tâm niệm Thanh văn, Bích Chi Phật. Từ một quốc độ đến một quốc độ để thành tựu chúng sanh thanh tịnh Phật độ. Nầy Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát có thể tập thật hành Bát nhã ba la mật như vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Có đại Bồ Tát thấy chư Phật nhiều. Hoặc từ vô lượng trăm ngàn ức kiếp theo chư Phật thật hành sáu ba la mật, vì không sức phương tiện, đều vì có sở đắc, nên lúc nghe giảng thuyết thâm Bát nhã ba la mật, liền từ trong chúng hội bỏ đi, chẳng cung kính thâm Bát nhã ba la mật và chư Phật. Chư đại Bồ Tát ấy hiện nầy ngồi trong đại chúng nầy, nghe thâm Bát nhã ba la mật, vì không thích nên bèn bỏ đi. Tại sao vậy? Vì những người nầy đời trước lúc nghe nói thâm Bát nhã ba la mật bèn bỏ đi nên đời nay nghe nói thâm Bát nhã ba la mật nên cũng bỏ đi, thân tâm không hòa. Những người nầy gieo trồng giống nghiệp duyên ngu si. Do nghiệp duyên ngu si nên khi nghe giảng thâm Bát nhã ba la mật bèn khinh chê. Vì khinh chê Bát nhã ba la mật nên tức là khinh chê nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí của tam thế chư Phật. Vì người nầy khinh che nhứt thiết trí của tam thế chư Phật nên phát khởi nghiệp phá pháp. Do tội phá pháp kết hợp nhơn duyên nên đọa trong đại địa ngục vô lượng trăm ngàn muôn ức năm. Những người phá pháp nầy, từ một

đại địa ngục đến một đại địa ngục. Nơi đó, lúc hỏa kiếp pháp khởi, người nầy lại dời đến một đại địa ngục ở cõi khác mà thác sanh, từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục. Nếu lúc cõi đó hỏa tai phát khởi, thời người nầy lại thác sanh vào đại địa ngục ở cõi khác. Lần lượt thác sanh như vậy khắp thế giới mười phương. Vì tội phá pháp chưa hết, nên sanh trở lại cõi nầy, từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục thọ vô lượng khổ. Cõi nầy phát khởi hỏa kiếp lại thác sanh vào đại địa ngục cõi khác. Người nầy lúc thác sanh vào súc sanh chịu khổ vì tội phá pháp cũng vậy. Lúc tội nặng lần mỏng nhẹ, người nầy hoặc được thân nhơn loại, sanh vào nhà người sanh manh, hoặc sanh vào nhà chiên Đà La, sanh vào những nhà hạ tiện như hốt phân hay khiêng thây người chết…Hoặc không có con mắt, hoặc một mắt, hoặc mắt mù, không lưỡi, không tai, không chân tay. Nơi người thác sanh không có Phật, không có chánh pháp, không Phật đệ tử. Tại sao vậy? Vì tội phá pháp chứa nhóm quá sâu nặng nên thọ lấy quả báo như vậy". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tội ngũ nghịch cùng tội phá pháp có tương tợ nhau không?" Đức Phật nói: "Chẳng nên bảo là tương tợ. Tại sao vậy?" Nếu có người nghe nói thâm Bát nhã ba la mật mà chẳng tin nôi rôi hủy báng rằng chẳng nên học pháp ấy. Đó là phi pháp, chẳng phải pháp lành, chẳng phải lời Phật dạy, chẳng phải Phật giáo. Người nầy tự mình hủy báng, cũng bảo người khác hủy báng Bát nhã ba la mật. Người nầy tự phá hoại thân mình, cũng phá hoại thân người khác. Người nầy tự uống thuốc độc dược giết thân mình, cũng đầu độc người khác. Người nầy tự làm mất thân mình, cũng làm mất thân người khác. Người nầy tự chẳng tin, chẳng biết thâm Bát nhã ba la mật, cũng làm người khác chẳng tin, chẳng biết. Nầy Xá Lợi Phất! Ta còn chẳng cho nghe danh tự của người ấy, huống là mắt thấy và cùng ở. Tại sao vậy? Phải biết người nầy gọi là kẻ làm nhơ chánh pháp, bị sa vào tánh đen trược suy hoại. Những ai nghe và tin dùng lời người nầy thời cũng thọ khổ như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Nếu người nào phá hủy Bát nhã ba la mật thời gọi là kẻ hoại pháp". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Đức Thế Tôn nói người hoại pháp phải mang lấy trọng tội mà chẳng nói thân thể lớn nhỏ của người nầy phải thọ". Đức Phật nói: "Chẳng cần nói người nầy thọ thân lớn nhỏ. Tại sao vậy? Người phá pháp nầy nếu nghe thân thể lớn nhỏ mà mình phải thọ thời sẽ thổ máu nóng, hoặc chết hoặc sắp chết. Người phá pháp nầy nghe thân thể như vậy, có trọng tội như vậy, sẽ rất buồn lo như mũi tên đâm vào tim, sẽ lần khô héo mà nghĩ rằng vì tội phá pháp nên mắc lấy thân đại quỷ thọ vô lượng khổ như vậy". Vì thế nên Phật chẳng cho Xá Lợi Phất hỏi thân lớn nhỏ mà người phá pháp nầy phải thọ. Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Xin đức Thế Tôn nói để làm điều răn sáng suốt cho người đời sau, khiến biết rằng tội nghiệp phá pháp mắc phải thân lớn xấu thọ khổ như vậy". Đức Phật nói: "Người đời sau nếu nghe tội phá pháp nghiệp nhơn dầy nặng đầy đủ phải chịu vô lượng khổ rất lâu trong đại địa ngục, cũng đủ làm điều răn sáng suốt rồi". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ tánh thiện thanh tịnh được nghe pháp nầy cũng đủ làm chỗ y chỉ, thà mất thân mạng chớ hủy phá chánh pháp. Họ tự nghĩ rằng nếu ta hủy phá chánh pháp thời sẽ phải thọ lấy sự khổ như vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Những thiện nam, thiện nữ phải khéo nhiếp thân khẩu ý ba nghiệp, chớ để thọ lấy sự khổ như vậy, hoặc chẳng được thấy Phật, hoặc chẳng được nghe pháp, hoặc chẳng được thân cận chư tăng, hoặc sanh ở quốc độ không

Phật, hoặc sanh ở nhà bần cùng, hoặc mọi người chẳng tín thọ lời nói. Bạch đức Thế Tôn! Do nơi thân khẩu nghiệp nhơn duyên, có tội nặng phá pháp như vậy chăng?" Đức Phật nói: "Do nơi khẩu nghiệp nhơn duyên có tội nặng phá pháp như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Người ngu si ấy ở trong Phật pháp xuất gia thọ giới rồi phá thâm Bát nhã ba la mật, chê bai chẳng tín thọ. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu phá Bát nhã ba la mật, chê bai Bát nhã ba la mật, thời là phá nhứt thiết trí của chư Phật mười phương. Phá nhứt thiết trí là phá Phật Bảo. Phá Phật Bảo thời là phá Pháp Bảo. Phá Pháp Bảo thời là phá Tăng Bảo. Phá Tam Bảo thời là phá chánh kiến của thế gian. Phá chánh kiến thế gian thời là phá tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí. Phá nhứt thiết chủng trí thời mắc vô lượng vô biên a tăng kỳ tội, thời phải thọ lấy vô lượng vô biên a tăng kỳ sự ưu khổ". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Có mấy nhơn duyên mà người ngu si nầy chê bai phá hoại thâm Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Có bốn nhơn duyên. Một là bị ma sai sử. Hai là chẳng tin thâm pháp, chẳng tin, chẳng hiểu, tâm không thanh tịnh. Ba là gần gũi thầy bạn ác, tâm mê tối giải đãi, chấp chặt thân ngũ ấm. Bốn là nhiều sân giận, tự cao, khinh người. Nầy Tu Bồ Đề! Do bốn nhơn duyên trên đây mà người ngu si muốn phá hoại thâm Bát nhã ba la mật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người tương đắc với bạn ác, gieo trồng điều bất thiện, chẳng siêng năng tinh tấn tu pháp lành thời khó tin, khó hiểu thâm Bát nhã ba la mật nầy". Đức Phật nói: "Đúng như vậy, Người ấy khó tin, khó hiểu thâm Bát nhã ba la mật nầy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Bát nhã ba la mật nầy rất sâu khó tin, khó hiểu?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Sắc chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng trói chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là thọ, tưởng, hành, thức. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là sáu ba la mật. Nội không đến vô pháp hữu pháp không chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là nội không đến vô pháp hữu pháp không. Tứ niệm xứ đến nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là tứ niệm xứ đến nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là tứ niệm xứ đến nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí. Nầy Tu Bồ Đề! Sắc bổn tế chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì bổn tế tánh vô sở hữu là sắc. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí bổn tế chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì bổn tế tánh vô sở hữu là nhứt thiết chủng trí. Nầy Tu Bồ Đề! Sắc hậu tế nhẫn đến nhứt thiết chủng trí hậu tế chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì hậu tế vô sở hữu là sắc, nhẫn đến là nhứt thiết chủng trí. Nầy Tu Bồ Đề! Sắc hiện tại nhẫn đến nhứt thiết chủng trí hiện tại chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì hiện tại tánh vô sở hữu là sắc nhẫn đến là nhứt thiết chủng trí". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những người chẳng chuyên cần tinh tấn, chẳng gieo trồng căn lành, gần gũi bạn ác, giải đãi, ưa quên, không trí huệ thiện xảo phương tiện, thiệt khó tin, khó hiểu Bát nhã ba la mật". Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Những người ấy thiệt khó tin khó hiểu Bát nhã ba la mật nầy. Tại sao vậy? Vì sắc thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. Lại vì sắc thanh tịnh tức là Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Bát nhã ba la mật thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh. Nhẫn đến nhứt thiết

chủng trí thanh tịnh tức là Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Bát nhã ba la mật thanh tịnh tức là nhứt thiết chủng trí thanh tịnh. Sắc thanh tịnh và Bát nhã ba la mật thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí thanh tịnh và Bát nhã ba la mật thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì chẳng hai thanh tịnh nên sắc thanh tịnh. Vì chẳng hai thanh tịnh nên nhứt thiết chủng trí thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì chẳng hai thanh tịnh nầy cùng sắc thanh tịnh đến nhứt thiết chủng trí thanh tịnh không hai, không khác. Vì ngã thanh tịnh, chúng sanh đến tri giả, kiến giả thanh tịnh nên sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí thanh tịnh. Vì sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí thanh tịnh nên ngã chúng sanh nhẫn đến tri giả, kiến giả thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì ngã đến kiến giả thanh tịnh nầy cùng với sắc đến nhứt thiết chủng trí thanh tịnh chẳng hai, chẳng khác, không đoạn, không hoại. Nầy Tu Bồ Đề! Vì tham, sân, si thanh tịnh nên sắc đến nhứt thiết chủng trí thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì tham, sân, si thanh tịnh cùng với sắc đến nhứt thiết chủng trí thanh tịnh chẳng hai, chẳng khác. Nầy Tu Bồ Đề! Vì vô minh thanh tịnh nên hành thanh tịnh. Vì hành thanh tịnh nên thức thanh tịnh. Vì thức thanh tịnh nên danh sắc thanh tịnh. Vì danh sắc thanh tịnh nên lục nhập thanh tịnh. Vì lục nhập thanh tịnh nên xúc thanh tịnh. Vì xúc thanh tịnh nên thọ thanh tịnh. Vì thọ thanh tịnh nên ái thanh tịnh. Vì ái thanh tịnh nên thủ thanh tịnh. Vì thủ thanh tịnh nên hữu thanh tịnh. Vì hữu thanh tịnh nên sanh thanh tịnh. Vì sanh thanh tịnh nên lão tử thanh tịnh. Vì lão tử thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Vì Bát nhã ba la mật thanh tịnh nên Thiền na thanh tịnh. Nhẫn đến vì Đàn na thanh tịnh nên nội không thanh tịnh. Vì nội không thanh tịnh nên nhẫn đến vô pháp hữu pháp không thanh tịnh. Vì vô pháp hữu pháp không thanh tịnh nên tứ niệm xứ nhẫn đến nhứt thiết trí thanh tịnh. Vì nhứt thiết trí thanh tịnh nên nhứt thiết chủng trí thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì nhứt thiết trí nầy cùng với nhứt thiết chủng trí không hai, không khác, không đoạn, không hoại. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã ba la mật thanh tịnh nên sắc thanh tịnh. Nhẫn đến vì Bát nhã ba la mật thanh tịnh nên nhứt thiết trí thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy cùng với nhứt thiết trí không hai, không khác. Nầy Tu Bồ Đề! Vì Thiền na ba la mật thanh tịnh nên nhẫn đến nhứt thiết trí thanh tịnh. Nhẫn đến vì Đàn na ba la mật thanh tịnh nên nhẫn đến nhứt thiết trí thanh tịnh. Vì nội không thanh tịnh nên nhẫn đến nhứt thiết trí thanh tịnh. Vì tứ niệm xứ thanh tịnh nên nhẫn đến nhứt thiết trí thanh tịnh. Nầy Tu Bồ Đề! Vì nhứt thiết trí thanh tịnh nên nhẫn đến Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Nầy Tu Bồ Đề! Vì hữu vi thanh tịnh nên vô ci thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì hữu vi thanh tịnh nên vô vi thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì hữu vi thanh tịnh cùng với vô thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại. Nầy Tu Bồ Đề! Vì quá khứ thanh tịnh nên vị lai và hiện tại thanh tịnh nên vị lai và hiện tại thanh tịnh. Vì vị lai thanh tịnh nên quá khứ và hiện tại thanh tịnh. Vì hiện tại thanh tịnh nên quá khứ và vị lai thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì hiện tại thanh tịnh cùng với quá khứ và vị lai thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại vậy".

*** 42. PHẨM THÁN TỊNH THỨ BỐN MƯƠI HAI

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy rất sâu!” Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Những pháp nào thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sâu?” Đức Phật nói: “Vì sắc thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sâu. Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, vì tứ niệm xứ thanh tịnh, nhẫn đến vì mười tám pháp bất cộng thanh tịnh, vì Bồ Tát thanh tịnh, vì Phật thanh tịnh, vì nhứt thiết trí và nhứt thiết chủng trí thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sâu”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy rất sáng!” Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Những pháp nào thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sáng?” Đức Phật nói: “Vì Bát nhã ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sáng. Vì tứ niệm xứ nhẫn đến nhứt thiết chủng trí thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sáng”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy chẳng tương tục!” Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “những pháp nào chẳng tương tục nên thanh tịnh nầy chẳng tương tục?” Đức Phật nói: “Vì sắc chẳng đi, chẳng tương tục nên thanh tịnh nầy chẳng tương tụ. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng đi, chẳng tương tục nên thanh tịnh nầy chẳng tương tục”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy vô cấu!” Đức Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”. Ngài Xá Lợi Phất nói: “Những pháp nào vô cấu nên thanh tịnh nầy vô cấu?” Đức Phật nói: “Vì sắc tánh thường thanh tịnh nên thanh tịnh nầy vô cấu. Nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí tánh thường thanh tịnh nên thanh tịnh nầy vô cấu”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh vô đắc, vô trước!” Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Những pháp nào vô đắc, vô trước nên thanh tịnh nầy vô đắc, vô trước?” Đức Phật nói: “Vì sắc vô cấu, vô trước nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí vô đắc, vô trước nên thanh tịnh nầy vô đắc, vô trước”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy vô sanh!” Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Những pháp nào vô sanh nên thanh tịnh nầy vô sanh?” Đức Phật nói: “Vì sắc vô sanh, nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí vô sanh nên thanh tịnh nầy vô sanh”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Dục giới!” Đức Phật nói: “vì rốt ráo thanh tịnh vậy”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Dục giới?” Đức Phật nói: “Dục giới tánh bất khả đắc nên thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Dục giới!” Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Sắc giới!” Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Sắc giới?” Đức Phật nói: “Sắc giới tánh bất khả đắc nên thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Sắc giới”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Vô sắc giới?” Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Vô sắc giới?” Đức Phật nói: “Vô sắc giới tánh bất khả đắc nên thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Vô sắc giới“. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy vô tri!” Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao thanh tịnh nầy vô tri?” Đức Phật nói: “Vì các pháp độn nên thanh tịnh nầy vô tri”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Sắc vô tri nên thanh tịnh nầy thanh tịnh!” Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh

tịnh vậy". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Tại sao sắc vô tri nên thanh tịnh nầy thanh tịnh?" Đức Phật nói: "Vì sắc tự tánh rỗng không nên sắc vô tri mà thanh tịnh nầy thanh tịnh". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức vô tri nên thanh tịnh nầy thanh tịnh!" Đức Phật nói: "Vì rốt thanh tịnh vậy". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Tại sao thọ, tưởng, hành, thức, vô tri nên thanh tịnh nầy thanh tịnh?" Đức Phật nói: "Vì thọ, tưởng, hành, thức tự tánh rỗng không nên thọ, tưởng, hành, thức vô tri mà thanh tịnh nầy thanh tịnh". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tất cả pháp thanh tịnh nên thanh tịnh nầy thanh tịnh!" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Tại sao tất cả pháp thanh tịnh nên thanh tịnh nầy thanh tịnh?" Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp bất khả đắc nên tất cả pháp thanh tịnh mà thanh tịnh nầy thanh tịnh". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy đối với nhứt thiết trí không làm thêm, không làm bớt!" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! tại sao đối với nhứt thiết trí, Bát nhã ba la mật nầy không làm thêm, không làm bớt?" Đức Phật nói: "Vì pháp thường trụ, nên đối với nhứt thiết trí, Bát nhã ba la mật nầy không làm thêm, không làm bớt. Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật thanh tịnh nầy đối với các pháp không chỗ thọ nhận!" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Tại sao Bát nhã ba la mật thanh tịnh đối với các pháp không chỗ thọ nhận?" Đức Phật nói: "Vì pháp tánh bất động nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh nầy không chỗ thọ nhận đối với các pháp". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ngã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh mà rốt ráo thanh tịnh?" Đức Phật nói: "Vì ngã vô sở hữu nên sắc vô sở hữu mà rốt ráo thanh tịnh". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ngã thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh!" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Do cớ gì nã thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh mà rốt ráo thanh tịnh?" Đức Phật nói: "Vì ngã vô sở hữu nên thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu mà rốt ráo thanh tịnh". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ngã thanh tịnh nên sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng thanh tịnh!" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tại sao vậy? Vì ngã vô sở hữu nên sáu ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng vô sở hữu mà rốt ráo thanh tịnh". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ngã thanh tịnh nên quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật đạo thanh tịnh!" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tại sao vậy? Vì tự tướng không vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ngã thanh tịnh nên nhứt thiết trí thanh tịnh!" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tại sao vậy? Vì vô tướng vô niệm vậy?" Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Do hai thanh tịnh nên vô đắc, vô trước là thanh tịnh!" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tại sao vậy? Vì vô cấu, vô tịnh vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ngã vô biên nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh!" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tại sao vậy? Vì rốt ráo không và vô thỉ không vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát có thể biết như vậy thời gọi là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật!" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tại sao vậy? Vì biết đạo chủng vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện nên nghĩ rằng sắc chẳng biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng biết thọ, tưởng, hành, thức, pháp quá khứ chẳng

biết pháp quá khứ, pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai, pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại". Đức Phật nói: "Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện nên chẳng nghĩ tôi bố thí cho người, cũng chẳng nghĩ rằng tôi trì giới, trì giới như vậy, tôi nhẫn nhục, tu nhẫn nhục như vậy, tôi tinh tấn, tinh tấn như vậy, tôi nhập thiền, nhập thiền như vậy, tôi tu trí huệ, tu trí huệ như vậy, tôi được phước đức, được phước đức như vậy. Đại Bồ Tát nầy cũng chẳng nghĩ rằng tôi sẽ vào trong bực Bồ Tát, tôi sẽ thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, tôi sẽ được nhứt thiết chủng trí. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nầy thật hành Bát nhã ba la mật, do phương tiện lực nên không có những nhớ tưởng phân biệt, vì là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhứt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đây gọi là đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, do phương tiện lực nên được vô ngại". Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Thế nào là thiện nam tử cầu Bồ Tát đạo có pháp chướng ngại?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiêu Thi Ca! Có những thiện nam, thiện nữ câu Bồ Tát đạo mà nắm lấy tâm tướng. Những là nắm lấy tướng Đàn na ba la mật, nắm lấy tướng Thi la ba la mật nhẫn đến tướng Bát nhã ba la mật, nắm lấy tướng nội không nhẫn đến tướng vô pháp hữu pháp không, nắm lấy tướng tứ niệm xứ nhẫn đến tướng bát thánh đạo, nắm lấy tướng thập lực nhẫn đến tướng mười tám pháp bất cộng, nắm lấy tướng chư Phật, nắm lấy tướng thiện căn của chư Phật gieo trồng. Đem tướng nắm lấy tất cả phước đức hòa hiệp đó hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây là pháp chướng ngại của thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ Tát. Dụng pháp trên đây thời chẳng thể vô ngại thật hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể hồi hướng, nhẫn đến tướng nhứt thiết chủng trí chẳng hồi hướng. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu giáo hóa cho người đến Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải giáo hóa thiệt tướng của tất cả pháp. Thiện nam, thiện nữ nếu cầu đạo Bồ Tát, lúc thật hành Đàn na ba la mật, chẳng nên phân biệt rằng tôi thí cho, tôi trì giới, tôi nhẫn nhục, tôi tinh tấn, tôi nhập thiền, tôi trí huệ, chẳng nên phân biệt rằng tôi tu nội không đến tôi tu vô pháp hữu pháp không, tôi tu tứ niệm xứ đến pháp bất cộng nhẫn đến Vô thượng Bồ đề. Nếu giáo hóa Vô thượng Bồ đề như vậy, thời tự mình không sai lầm cũng như chỗ thuyết pháp của đức Phật, làm cho thiện nam, thiện nữ xa lìa tất cả pháp chướng ngại". Đức Phật khen Ngài Tu Bồ Đề: "Lành thay, lành thay! Đúng như lời của ông nói về những pháp chướng ngại cho chư Bồ Tát. Nay ông lại lắng nghe tướng chướng ngại vi tế. Có thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Bồ đề nắm lấy tướng để tưởng chư Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Những tướng có thể có, thời đều là tướng chướng ngại. Lại đối với chư Phật, từ lúc phát tâm đến lúc pháp trụ, có bao nhiêu thiện căn, các thiện nam, thiện nữ nầy nắm lấy tướng mà tưởng nhớ, rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Những tướng có được thời đều là tướng chướng ngại. Lại đối với những thiện căn của chư Phật, của đại đệ tử, của những chúng sanh khác, mà nắm lấy tướng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Những tướng có được thời đều là tướng chướng ngại. Tại sao vậy? Chẳng nên nắm lấy tướng để tưởng niệm chư Phật. Cũng chẳng nên nắm lấy tướng để tưởng niệm thiện căn của chư Phật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy rất sâu!" Đức Phật nói: "Vì tất cả

pháp thường ly vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi phải kính lễ Bát nhã ba la mật". Đức Phật nói: "Vì Bát nhã ba la mật nầy không khởi, không tác nên không ai có thể được". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tất cả các pháp cũng chẳng thể biết, chẳng thể được". Đức Phật nói: "Tất cả pháp một tánh duy nhứt, chẳng phải hai tánh. Pháp tánh duy nhứt nầy cũng là vô tánh. Vô tánh nầy chính là tánh. Tánh nầy chẳng khởi, chẳng tác. Đúng vậy, nếu đại Bồ Tát biết các pháp một tánh duy nhứt là vô tánh không khởi, không tác, thời xa lìa tất cả tướng chướng ngại". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy khó biết, khó hiểu". Đức Phật nói: "Đ0úng như lời ông nói. Bát nhã ba la mật nầy không người thấy, không người nghe, không người hay, không người biết, không người được". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy chẳng thể nghĩ bàn". Đức Phật nói: "Đúng như lời ông nói. Bát nhã ba la mật nầy chẳng từ tâm sanh, chẳng từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh, nhẫn đến chẳng từ mười tám pháp bất cộng sanh".

*** 43. PHẨM VÔ TÁC THỨ BỐN MƯƠI BA

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy không sở tác!" Đức Phật nói: "Vì tác giả bất khả đắc. Vì sắc bất khả đắc nhẫn đến tất cả pháp bất khả đắc". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Nếu đại Bồ Tát muốn thật hành Bát nhã ba la mật thời phải thật hành thế nào?" Đức Phật nói: "Muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thật hành nơi sắc, chẳng hành nơi thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến chẳng hành nhứt thiết chủng trí, thời đó là thật hành Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát, nơi sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, chẳng hành thường hay vô thường, thời là thật hành Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát, nơi sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, chẳng hành hoặc khổ hoặc vui, thời thật hành Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát, nơi sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, chẳng hành là ngã hay chẳng phải ngã, thời thật hành Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát, nơi sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, chẳng hành tịnh hay bất tịnh, thời là thật hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí đây vốn không có tánh, thời thế nào lại có thường, có vô thường, có khổ, có vui, có ngã, có chẳng ngã, có tịnh, có bất tịnh được. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng hành sắc chẳng đầy đủ, nhẫn đến chẳng hành nhứt thiết chủng trí chẳng đầy đủ, thời là thật hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì sắc chẳng đầy đủ thời chẳng gọi là sắc, như đây cũng chẳng hành thời là thật hành Bát nhã ba la mật. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng đầy đủ thời chẳng gọi là nhứt thiết chủng trí, như đây cũng chẳng hành thời là thật hành Bát nhã ba la mật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Thật chưa từng có! Đức Thế Tôn khéo nói tướng dạng ngại cùng tướng dạng chẳng ngại của những thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ Tát". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Phật khéo nói tướng dạng ngại cùng tướng dạng chẳng ngại của những thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát chẳng hành sắc, chẳng chướng ngại,

thời hành Bát nhã ba la mật. Nhẫn đến chẳng hành nhứt thiết chủng trí, chẳng chướng ngại, thời là hành Bát nhã ba la mật. Nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật như vậy, đại Bồ Tát biết sắc là chẳng chướng ngại, biết thọ, tưởng, hành, thức là chẳng chướng ngại, nhẫn đến biết nhứt thiết chủng trí là chẳng chướng ngại. Biết quả Tu Đà Hoàn là chẳng chướng ngại, nhẫn đến biết đạo Vô thượng Bồ đề là chẳng chướng ngại", Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Chưa từng có vậy, Bạch đức Thế Tôn! Pháp thậm thâm nầy, hoặc giảng thuyết, hoặc chẳng giảng thuyết cũng đều chẳng tăng, chẳng giảm". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Pháp thậm thâm nầy, hoặc nói hoặc chẳng nói cũng đều chẳng tăng, chẳng giảm. Nầy Tu Bồ Đề! Như ảo nhơn, lúc khen hay lúc chê cũng đều chẳng tăng, chẳng giảm. Lúc khen chẳng mừng, lúc che chẳng lo. Nầy Tu Bồ Đề! Pháp tướng của các pháp cũng như vậy, lúc nói cũng như bổn không khác, lúc chẳng nói cũng như bổn không khác". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chỗ làm của chư đại Bồ Tát rất khó. Lúc tu hành Bát nhã ba la mật nầy, các Ngài chẳng mừng chẳng lo, mà có thể thực tập Bát nhã ba la mật. Cũng chẳng thôi chuyên nơi Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Bạch đức Thế Tôn! Tu hành Bát nhã ba la mật như tu hành hư không. Như trong hư không, không có Bát nhã ba la mật nhẫn đến không có Đàn na ba la mật. Như trong hư không, không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến không có mười tám pháp bất cộng. Như trong hư không, không có quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến đạo Vô thượng Bồ đề. Tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Tất cả đều nên kính lễ chư đại Bồ Tát có thể đại thệ trang nghiêm nầy. Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy vì chúng sanh mà đại thệ trang nghiêm chuyên cần tinh tấn, như hư không đại thệ trang nghiêm chuyên cần tinh tấn. Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy muốn độ chúng sanh như muốn độ hư không. Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy đại thệ trang nghiêm, như là hư không khắp cả chúng sanh đại thệ trang nghiêm. Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy đại thệ trang nghiêm muốn độ chúng sanh như là cất hư không lên. Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy được sức đại tinh tấn, vì muốn độ chúng sanh mà phát tâm Vô thượng Bồ đề. Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy rất dũng mãnh, vì độ chúng sanh đồng như hư không mà phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Bạch đức Thế Tôn! Nếu chư Phật đầy cả trong cõi Đại Thiên như là tre, lau, mía, lúa, mè, lùm rừng, thường thuyết pháp luôn cả một kiếp hoặc gần một kiếp. Mỗi đức Phật độ vô lượng vô biên vô số chúng sanh làm cho họ nhập Niết Bàn. Tánh chúng sanh nầy cũng vẫn tăng, chẳng giảm. Tại sao vậy? Vì chúng sanh vốn vô sở hữu vậy, là ly vậy. Nhẫn đến chư Phật trong quốc độ mười phương độ chúng sanh, tánh chúng sanh vẫn không tăng, không giảm cũng như vậy. Do nhơn duyên ấy, bạch đức Thế Tôn! Tôi nói rằng chư đại Bồ Tát nầy vì muốn độ chúng sanh mà phát tâm Vô thượng Bồ đề, là muốn độ hư không. Bấy giờ có một Tỳ Kheo nói rằng: Tôi phải đảnh lễ Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật dầu không pháp sanh, không pháp diệt, mà có chúng chánh giới, có chúng chánh định, có chúng chánh huệ, có chúng giải thoát, có chúng giải thoát trí kiến. Mà có các bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, chư Phật. Mà có Phật Bửu, Pháp Bửu, Tỳ Kheo Tăng Bửu. Mà có chuyển pháp luân". Lúc đó Thiên Đế hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu đại Bồ Tát tu tập Bát nhã ba la mật là tu tập pháp gì?" Ngài Tu Bồ Đề bảo Thiên Đế: "Nầy Kiều Thi Ca!

đại Bồ Tát nầy tu tập Bát nhã ba la mật là tu tập không". Thiên Đế bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nầy và thân cận, đọc tụng, giải thuyết, chánh ức niệm, thời tôi phải thủ hộ những gì?" Ngài Tu Bồ Đề hỏi Thiên Đế: "Nầy Kiều Thi Ca! Ngài có pháp gì có thể thủ được chăng?" Thiên Đế nói: "Không! Bạch Đại Đức! Tôi chẳng thấy pháp gì có thể thủ hộ được". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu thiện nam, thiện nữ tu hành đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã ba la mật, thời chính là thủ hộ. Nghĩa là thường tu hành đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã ba la mật mà chẳng xa rời, thời hoặc người hay phi nhơn không làm hại được thiện nam, thiện nữ nầy. Phải biết rằng thiện nam, thiện nữ nầy chẳng xa rời Bát nhã ba la mật. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu ai muốn thủ hộ hàng Bồ Tát tu hành Bát nhã ba la mật, thời là muốn thủ hộ hư không. Nầy Kiều Thi Ca! Ý Ngài nghĩ sao? Ngài có thể thủ hộ mộng, diệm, ảnh, hưởng, ảo, hóa được chăng?" Thiên Đế nói: "Không thể thủ hộ được". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu ai muốn thủ hộ chư Bồ Tát tu hành Bát nhã ba la mật thời cũng như vậy. Chỉ luống nhọc nhằn thôi. Nầy Kiều Thi Ca! Ngài có thể thủ hộ chỗ biến hóa của chư Phật chăng?" Thiên Đế nói: "Tôi chăng thủ hộ được". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu ai muốn thủ hộ chư Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật thời cũng như vậy." Nầy Kiều Thi Ca! Có thể thủ hộ pháp tánh, thiệt tế, pháp như, bất tư nghì tánh chăng?" Thiên Đế nói: "Không thể thủ hộ được". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu có ai muốn thủ hộ chư Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật thời cũng như vậy". Thiên Đế hỏi: "Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Thế nào đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật thấy biết các pháp như mộng, như diệm, như ảnh, như ảo, như hóa? Thế nào chư đại Bồ Tát như chỗ mình thấy biết nên chẳng quan niệm mộng, chẳng quan niệm là mộng, chẳng quan niệm dùng mộng, chẳng quan niệm tôi mộng? Như mộng với diệm, ảnh, hưởng, ảo và hóa cũng vậy". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, chẳng quan niệm sắc, chẳng quan niệm là sắc, chẳng quan niệm dùng sắc, chẳng quan niệm sắc với tôi, thời đại Bồ Tát nầy cũng có thê chẳng quan niệm mộng, chẳng quan niệm là mộng, chẳng quan niệm dùng mộng, chẳng quan niệm tôi mộng, nhẫn đến ảo và hóa cũng vậy. Nếu đại Bồ Tát nhẫn đến nhứt thiết trí, chẳng quan niệm nhứt thiết trí, chẳng quan niệm là nhứt thiết trí, chẳng quan niệm dùng nhứt thiết trí, chẳng quan niệm nhứt thiết trí của tôi, thời đại Bồ Tát cũng có thể nhẫn đến chẳng quan niệm hóa, chẳng quan niệm là hóa, chẳng quan niệm dùng hóa, chẳng quan niệm hóa của tôi. Nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát như vậy biết các pháp như mộng, như diệm, như ảnh, như hưởng, như ảo, như hóa". Bấy giờ do thần lực của Phật, nên trong Đại thiên thế giới, các hàng Trời Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời đâu Suất, Trời Hóa lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại, Trời Phạm Thiên, Trời Phạm Phụ, Trời Phạm Chúng, Trời Đại Phạm, Trời Thiểu Quang, nhẫn đến Trời Tịnh Cư, tất cả những hàng Trời nầy đem hương chiên đàn cõi Trời vói rải trên đức Phật, cùng nhau đến chỗ Phật, đầu mặt lạy chơn Phật, rồi đứng qua một phía. Do thần lực của Phật, nên những hàng Trời nầy đều thấy ngàn đức Phật phương Đông thuyết pháp, cùng tướng dạng như vậy, danh hiệu như vậy, giảng nói phẩm Bát nhã ba la mật nầy, chư Tỳ Kheo đều tên Tu Bồ Đề, người gạn hỏi phẩm Bát nhã ba la mật đều tên Thích đề Hoàn Nhơn. Như phương Đông, chín phương kia cũng đều hiện ngàn đức Phật như vậy. Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Thời kỳ Di

Lặc Đại Bồ Tát chứng Vô thượng Bồ đề chánh đẳng Chánh giác, cũng sẽ nói Bát nhã ba la mật tại chỗ nầy. Chư đại Bồ Tát trong Hiền kiếp, lúc chứng Vô thượng Bồ đề cũng ở tại chỗ nầy mà nói Bát nhã ba la mật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lúc Ngài Di Lặc Bồ Tát thành Phật, dùng tướng gì, nhơn gì, nghĩa gì mà nói nghĩa Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Lúc Di Lặc Bồ Tát chứng Vô thượng Bồ đề sẽ thuyết pháp như vầy: Sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Sắc chẳng phải khổ, chẳng phải lạc. Sắc chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Sắc chẳng phải phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Sắc chẳng phải hệ phược, chẳng phải giải thoát. Sắc chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Sắc rốt ráo thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức nhẫn đến nhứt thiết trí cũng như vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy thanh tịnh?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Nêu sắc chăng sanh, chăng diệt, chăng cấu, chẳng tịnh, thời gọi là sắc thanh tịnh. Nếu thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, thời gọi là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì hư không thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào vì hư không thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Vì hư không chẳng sanh, chẳng diệt nên thanh tịnh. Bát nhã ba la mật cũng vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc chẳng nhiễm ô nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng nhiễm ô nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Như hư không chẳng thể nắm lấy được nên hư không thanh tịnh. Vì hư không thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì hư không có thể thuyết minh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Tại sao vậy? Nhơn trong hư không hai âm thanh xuất phát. Như hư không, vì Bát nhã ba la mật có thể thuyết minh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Nầy Tu Bồ Đề! Vì hư không chẳng thể thuyết minh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Tại sao vậy? Như hư không vì không chỗ thuyết minh được nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Nầy Tu Bồ Đề! Lại như hư không vì chẳng thể được nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Tại sao vậy? Như hư không vì không chỗ được nên hư không thanh tịnh, Bát nhã ba la mật cũng không chỗ được nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì tất cả pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp rốt ráo thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nầy và gần gũi, chánh ức niệm, thời trọn chẳng mắc bịnh, nhãn, nhỉ, tỉ, thiệt, thân cũng trọn chẳng bịnh, thân không tàn tật cũng chẳng suy già, chẳng hoạnh tử, vô số hàng chư Thiên, từ Trời Tứ Thiên Vương đến Trời Tịnh Cư thảy đều đi theo nghe học. Mỗi tháng đến sáu ngày trai: mùng tám, mười bốn, mười lăm, hai mươi ba, hai mươi chín và ngày ba mươi, tại chỗ thiện nam, thiện nữ nầy làm pháp sư, giảng thuyết Bát nhã ba la mật, chư Thiên chúng hội đều vân tập đến. Ở giữa đại chúng, thiện nam, thiện nữ giảng thuyết Bát nhã ba la mật nầy được vô lượng vô biên vô số bất khả tư nghì, bất khả xưng lượng phước đức". Đức Phật nói: "Đúng như lời

Tu Bồ Đề nói. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật là đại trân bửu. Những gì là đại trân bửu? Bát nhã ba la mật nầy có thể nhổ được sự bần cùng của Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ và trong loài người. Bát nhã ba la mật nầy có thể ban cho hào tộc đại tánh Sát Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, ban cho cõi Trời Tứ Vương đến Phi Phi Tưởng, ban cho quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nói rộng về thập thiện, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật, thập bát không, thập lực, tứ vô úy, thập bát bất cộng, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Học theo đây thời xuất sanh đại tánh Sát Lợi, đại tánh Bà La Môn, đại tánh Cư Sĩ, Trời Tứ Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất Đà, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại, Trời Phạm Chúng, Trời Phạm Phụ, Trời Phạm Vương, Trời Thiểu Quang, Trời Vô Lượng Quang, Trời Quang Âm, Trời Thiểu Tịnh, Trời Vô Lượng Tịnh, Trời Biến Tịnh, Trời Vô Vân, Trời Phước Sanh, Trời Quảng Quả, Trời Vô Tưởng, Trời Vô Phiền, Trời Vô Nhiệt, Trời Thiện Kiến, Trời Thiện Hiện, Trời Sắc Cứu Cánh, Trời Không Vô Biên Xứ, Trời Thức Vô Biên Xứ, Trời Vô Sở Hữu Xứ, Trời Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ. Học trong pháp nầy thời được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, A La Hán đạo Bích Chi Phật, đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nầy Tu Bồ Đề! Vì thế nên Bát nhã ba la mật gọi là đại trân bửu. Trong trân bửu ba la mật, không pháp gì có thể được là hoặc sanh, hoặc diệt, hoặc cấu, hoặc tịnh, hoặc lấy, hoặc bỏ. Trong trân bửu ba la mật cũng không có pháp hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Vì thế nên gọi là vô sở đắc trân bửu ba la mật. Nầy Tu Bồ Đề! Trân bửu ba la mật nầy không có pháp gì làm ô nhiễm được Tại sao vậy? Vì chỗ dùng nhiễm pháp là bất khả đắc. Vì thế nên gọi là vô nhiễm trân bửu ba la mật. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật, cũng chẳng biết như vậy, chẳng phân biệt như vậy, cũng bất khả đắc như vậy, chẳng hí luận như vậy. Đây là có thể tu hành Bát nhã ba la mật, cũng có thể kính lễ chư Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật để cúng dường, cung kính tán thán chư Phật, đi đến các cõi Phật để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Nầy Tu Bồ Đề! Đối với các pháp, Bát nhã ba la mật nầy không có năng lực, không chẳng phải năng lực, cũng không lãnh thọ, không ban cho, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng thêm, chẳng bớt. Bát nhã ba la mật nầy cũng chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng bỏ cõi Dục, Cõi Sắc, cõi Vô sắc, cũng chẳng trụ cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Bát nhã ba la mật nầy chẳng ban cho Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật, cũng chẳng bỏ Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật nầy chẳng cho nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng chẳng bỏ, chẳng cho tứ niệm xứ đến bát thánh đạo cũng chẳng bỏ, chẳng cho thập lực đến thập bát bất cộng pháp cũng chẳng bỏ, chẳng cho quả Tu Đà Hoàn đến nhứt thiết trí cũng chẳng bỏ. Bát nhã ba la mật nầy chẳng cho pháp A La Hán, chẳng bỏ pháp phàm phu, chẳng cho pháp Bích Chi Phật, chẳng bỏ pháp A La Hán, chẳng cho Phật pháp, chẳng bỏ Bích Chi Phật. Bát nhã ba la mật nầy cũng chẳng cho pháp vô vi, chẳng bỏ

pháp hữu vi. Tại sao vậy? Vì hoặc có Phật, những pháp tướng nầy luôn thường trụ không khác, vì pháp tướng, pháp trụ, pháp vị thường trụ chẳng sai, chẳng mất vậy". Bấy giờ chư Thiên đứng trong hư không vui mừng hớn hở phát âm thanh lớn, đem hoa âu bát la, hoa ba đầu ma, hoa câu vật đầu, hoa phân đà lợi rải lên trên đức Phật mà nói rằng ở Diêm Phù Đề chúng tôi thấy pháp luân chuyển lần thứ hai. Trong đây có vô lượng trăm ngàn Thiên Tử được vô sanh pháp nhẫn. Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Pháp luân nầy chuyển, chẳng phải chuyển lần thứ nhứt, chẳng phải chuyển lần thứ hai. Bát nhã ba la mật nầy chẳng do chuyển, chẳng do hườn mà xuất hiện, vì vô pháp hữu pháp rỗng không vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! thế nào vì vô hữu pháp rỗng không nên Bát nhã ba la mật chẳng do chuyển, chẳng do hườn mà xuất hiện?" Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật Bát nhã ba la mật tướng rỗng không nhẫn đến Đàn na ba la mật Đàn na ba la mật tướng rỗng không, nội không nội không tướng rỗng không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vô pháp hữu pháp không tướng rỗng không, tứ niệm xứ tứ niệm xứ tướng rỗng không nhẫn đến bát thánh đạo bát thánh đạo tướng rỗng không, Phật thập lực thập lực tướng rỗng không nhẫn đến mười tám pháp bất cộng pháp bất cộng tướng rỗng không, quả Tu Đà Hoàn quả Tư Đà Hàm tướng rỗng không nhẫn đến nhứt thiết trí nhứt thiết trí tướng rỗng không". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật của chư đại Bồ Tát là Ma ha Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Dầu tất cả pháp, tự tánh rỗng không, nhưng chư đại Bồ Tát nhơn nơi Bát nhã ba la mật mà được Vô thượng Bồ đề, cũng không có pháp được chuyển pháp luân, cũng không có pháp chuyển được, cũng không có pháp hườn được. Trong Ma ha Bát nhã ba la mật nầy cũng không có pháp thấy được. Tại sao vậy? Pháp nầy không có được hoặc chuyển hoặc hườn, vì tất cả pháp rốt ráo chẳng sanh vậy. Tại sao vậy? Vì tướng không nầy, tướng vô tướng nầy, tướng vô tác nầy chẳng chuyển được, chẳng hườn được. Nếu giải thuyết Bát nhã ba la mật được như vậy, có thể giảng dạy, khai thị, phân biệt rành rẽ, giải thích cặn kẽ, thời gọi là thanh tịnh giải thuyết Bát nhã ba la mật. Cũng không người nói, cũng không người nghe, cũng không người chứng. Nếu không nói, không nghe, không chứng, thời cũng không diệt mất. Trong thuyết pháp nầy, cũng không phước điền quy định".

*** 44. PHẨM KHẮP CA NGỢI TRĂM BA LA MẬT THỨ BỐN MƯƠI BỐN

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Vô biên ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì như hư không vô biên vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bình đẳng ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì các pháp bình đẳng vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Ly ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì rốt ráo rỗng không vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bất hoại ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Không bỉ ngạn ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì không danh, không thân vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Không đại chủng ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói:

“Vì thở ra, thở vào bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất khả thuyết ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì giác quán bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô danh ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất khứ ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp bất lai vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Không di chuyển ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp không thể nép phục vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Tận ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp rốt ráo tận vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất sanh ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp bất diệt vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất diệt ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp bất sanh vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô tác ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tác giả bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô tri ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tri giả bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất đáo ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì sanh tử bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất thất ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp chẳng mất vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Mộng ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì nhẫn đến những sự thấy trong mộng đều bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Hưởng ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì người nghe tiếng bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Ảnh ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì bóng mặt trong gương bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Dương diệm ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì dòng nước bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Ảo ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì sự ảo thuật bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất cấu ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì các phiền não bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô tịnh ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì các phiền não hư dối vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất ô ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì xứ sở bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất hí luận ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả hí luận phá hoại vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất niệm ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả niệm phá hoại vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất động ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì pháp tánh thường trụ vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô nhiễm ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì biết tất cả pháp vọng giải vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bất khởi ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp vô phân biệt vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Tịch diệt ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp tướng bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô dục ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì dục bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô sân ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì sân khuể bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô si ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì vô minh hắc ám dứt diệt vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô phiền não ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì phân biệt ức tưởng hư vọng vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô chúng sanh ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì chúng sanh vô sở hữu vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô đoạn ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì các pháp chẳng sanh khởi vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô nhị biên ba la mật là Bát

nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì không nhị biên vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bất phá ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp chẳng rời lìa nhau vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bất thủ ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì vượt hơn bực Thanh văn, Bích Chi Phật vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bất phân biệt ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì các vọng tưởng bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Vô lượng ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì các pháp hạn lượng bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Hư không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì tất cà pháp vô sở hữu vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Vô thường ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Vô tướng ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp chẳng sanh vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Nội không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì nội pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Ngoại không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì ngoại pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Nội ngoại không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì nội ngoại pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Không không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì pháp không không bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Đại không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Đệ nhứt nghĩa không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì Niết Bàn bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Hữu vi không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì pháp hữu vi bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Vô vi không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "vì pháp vô vi bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Tất cánh không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì các pháp rốt ráo bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Vô thỉ không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì các pháp vô thỉ bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Tánh không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì tán pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Tánh không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì hữu vi vô vi tánh bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Chư pháp không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Vô sở đắc không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì vô sở hữu vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Tự tướng không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì vô pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "hữu pháp không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì hữu pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Vô pháp hữu pháp không ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì vô pháp và hữu pháp đều bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Niệm xứ ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì thân, thọ, tâm và pháp bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Chánh cần ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì pháp thiện và pháp bất thiện bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Như ý túc ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì bốn như ý túc bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Căn ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì ngũ căn bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Lực ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì ngũ lực bất khả đắc vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Giác ba la mật là Bát nhã ba la mật?" Đức Phật nói: "Vì thất giác phần bất khả đắc

vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Đạo ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì bát thánh đạo phần bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô tác ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì vô tác bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Không ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì không tướng bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô tướng ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tướng tịch diệt bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bội xả ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì bất bội xả bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Định ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì cửu thứ đệ định bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Đàn na ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì xan tham bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Thi la ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì phá giới bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Sằn đề ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì nhẫn và chẳng nhẫn đều bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Tỳ lê gia ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì giải đãi và tinh tấn đều bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Thiên na ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì định và loạn đều ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bát nhã ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì ngu si và trí huệ đều bất khả đắc vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Thập lực ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp chẳng thể khuất phục vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Tứ vô sở úy ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì đạo chủng trí chẳng mất vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô ngại trí ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp không chướng, không ngại vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Phật pháp ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì vượt hơn tất cả pháp vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Như thiệt thuyết ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tất cả lời nói đều như thiệt vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Tự nhiên ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì tự tại trong tất cả pháp vậy”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Phật ba la mật là Bát nhã ba la mật?” Đức Phật nói: “Vì biến nhứt thiết chủng trí vậy”.

*** 45. PHẨM KINH NHĨ VĂN TRÌ THỨ BỐN MƯƠI LĂM

Lúc đó Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng: “Nếu thiện nam, thiện nữ nơi tai được nghe Bát nhã ba la mật, thời người nầy đã ở chỗ Phật đời trước tu tạo các công đức, đã gần gũi thiện tri thức. Huống là người thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, đúng như lời mà tu hành Bát nhã ba la mật nầy. Phải biết thiện nam, thiện nữ đây đã thân cận nhiều đức Phật. Người có thể được nghe thọ, đọc tung, chánh ức niệm, tu hành như lời và có thể hỏi, có thể đáp Bát nhã ba la mật nầy. Phải biết người đây đời trước đã nhiều lần cúng dường thân cận chư Phật. Người nghe Bát nhã ba la mật nầy mà chẳng kinh sợ. Phải biết người đây đã từ vô lượng ức kiếp thật hành Đàn ba la mật, Thi ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật”. Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Có thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm nầy mà chẳng kinh sợ. Nghe rồi thọ trì, thân cận,

đúng như lời mà tu tập. Phải biết người đây như bực đại Bồ Tát bất thối chuyển. Tại sao vậy? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát nhã ba la mật nầy rất sâu. Nếu là người đời trước thật hành sáu ba la mật chưa được lâu, thời không thể tin được. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào khinh chê thâm Bát nhã ba la mật. Phải biết người đây đời trước cũng đã từng khinh chê thâm Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Lúc nghe nói thâm Bát nhã ba la mật, người đây không tin ưa, lòng không thanh tịnh. Người đây đời trước chẳng thưa hỏi chư Phật và đệ tử Phật phải thật hành sáu ba la mật thế nào, phải tu tập nội không đến vô pháp hữu pháp không thế nào, phải tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo thế nào, phải tu thập lực đến mười tám pháp bất cộng thế nào". Thiên Đế nói với Ngài Xá Lợi Phất: "Nếu có thiện nam, thiện nữ đời trước chẳng lâu ngày tu tập sáu ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Những người nầy nghe nói Bát nhã ba la mật đây không có lòng tin hiểu, thời có gì đáng lấy làm lạ. Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Tôi kính lễ Bát nhã ba la mật. Kính lễ Bát nhã ba la mật tức là kính lễ nhứt thiết trí". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Kính lễ Bát nhã ba la mật tức là kính lễ nhứt thiết trí. Tại sao vậy? Vì nhứt thiết trí của chư Phật đều phát sanh từ Bát nhã ba la mật. Nhứt thiết trí tức là Bát nhã ba la mật. Thế nên, nầy Kiều Thi Ca, thiện nam, thiện nữ muốn trụ nhứt thiết trí, thời phải trụ Bát nhã ba la mật. Muốn sanh đạo chủng trí thời phải tập hành Bát nhã ba la mật. Muốn dứt tất cả kiết sử và tập khí thời phải tập hành Bát nhã ba la mật. Muốn chuyển pháp luân thời phải tập hành Bát nhã ba la mật. Thiện nam, thiện nữ muốn được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, thời phải tập hành Bát nhã ba la mật. Thiện nam, thiện nữ muốn giáo chúng sanh cho được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Bích Chi Phật thời phải tập hành Bát nhã ba la mật. Thiện nam, thiện nữ muốn giáo hóa chúng sanh cho được Vô thượng Bồ đề, muốn tổng nhiếp Tỳ Kheo Tăng, thời phải tập hành Bát nhã ba la mật". Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát thế nào gọi là trụ Bát nhã ba la mật, Thiền na ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Trì giới ba la mật, Bố thí ba la mật? Thế nào trụ nơi nội không đến vô pháp hữu pháp không? Thế nào trụ tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ngũ thần thông? Thế nào trụ tứ niệm xứ đến bát thánh đạo? Thế nào trụ thập lực đến pháp bất cộng? Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thế nào tập hành Bát nhã ba la mật đến Đàn na ba la mật, thế nào tập hành nội không đến mười tám pháp bất cộng?" Đức Phật nói: "Lành thay, lành thay, nầy Kiều Thi Ca! Ông có thể hỏi được những điều như vậy. Đó là do thần lực của Phật cả. Nầy Kiều Thi Ca! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nếu không an trụ trong sắc, trong an tru trong thọ, tưởng, hành, thức, không an trụ trong nhãn, nhĩ, nhẫn đến không an trụ trong ý thức giới, thời là tập hành Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát nếu không an trụ trong Bát nhã ba la mật thời là tập hành Bát nhã ba la mật. Không an trụ trong Thiền na ba la mật thời là tập hành Thiền na ba la mật. Không an trụ trong Tỳ lê gia ba la mật thời tập hành Tỳ lê gia ba la mật. Không an trụ trong Sằn đề ba la mật thời là tập hành Sằn đề ba la mật. Chẳng an trụ trong Thi la ba la mật thời là tập hành Thi la ba la mật. Không an trụ trong Địa ngục ba la mật thời là tập hành Địa ngục ba la mật. Đây gọi là đại Bồ Tát không an trụ trong Bát nhã ba la mật thời là tập hành Bát nhã ba la mật. Nầy Kiều Thi Ca! Chẳng an trụ trong nội không thời là tập

hành nội không. Nhẫn đến không an trụ trong vô pháp hữu pháp không thời là tập hành vô pháp hữu pháp không. Chẳng an trụ trong tứ thiền thời là tập hành tứ thiền. Chẳng an trụ trong tứ vô lượng tâm thời là tập tứ vô lượng tâm. Chẳng an trụ tứ vô sắc định thời là tập hành tứ vô sắc định. Chẳng an trụ trong ngũ thần thông thời là tập hành ngũ thần thông. Chẳng an trụ trong tứ niệm xứ thời là tập hành tứ niệm xứ. Nhẫn đến chẳng an trụ trong bát thánh đạo thời là tập hành bát thánh đạo. Chẳng an trụ trong thập lực thời là tập hành thập lực. Nhẫn đến chẳng an trụ trong mười tám pháp bất cộng thời là tập hành mười tám pháp bất cộng. Tại sao vậy? Nầy Kiều Thi Ca! đại Bồ Tát nầy, nơi sắc, chẳng được chỗ an trụ được, chẳng được chỗ tập hành được. Nhẫn đến nơi mười tám pháp bất cộng, chẳng được chỗ trụ được, chẳng được chỗ tập được. Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát chẳng tập hành sắc nhẫn đến tập hành pháp bất cộng, đây gọi là tập hành sắc nhẫn đến gọi là tập hành mười tám pháp bất cộng. Tại sao vậy? Đại Bồ Tát nầy, nơi sắc, tiền tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc. Nhẫn đến pháp bất cộng cũng như vậy". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thê Tôn! Bát nhã ba la mật nầy rất sâu!" "Đức Phật nói: "Vì sắc như rất sâu, nhẫn đến vì bất cộng pháp như rất sâu nên Bát nhã ba la mật". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bát nhã ba la mật nầy khó đo lường được!" Đức Phật nói: "Vì sắc khó đo lường được, nhẫn đến pháp bất cộng khó đo lường được nên Bát nhã ba la mật khó đo lường được". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bát nhã ba la mật nầy vô lượng". Đức Phật nói: "Vì sắc vô lượng, nhẫn đến pháp bất cộng vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng. Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát chẳng thật hành sắc thậm thâm thời là hành Bát nhã ba la mật, chẳng hành sắc khó đo lường thời là hành Bát nhã ba la mật, chẳng hành sắc vô lượng thời là hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì tướng thậm thâm của sắc là chẳng phải sắc, nhẫn đến tướng thậm thâm của pháp bất cộng là chẳng phải pháp bất cộng. Vì tướng khó đo lường của sắc là chẳng phải sắc, nhẫn đến tướng khó đo lường của pháp bất cộng là chẳng phải pháp bất cộng. Vì tướng vô lượng của sắc là chẳng phải sắc, nhẫn đến vô lượng của pháp bất cộng là chẳng phải pháp bất cộng. Chẳng hành như vậy là hành Bát nhã ba la mật". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy rất sâu. Tướng rất sâu, khó thấy, khó hiểu, chẳng nghĩ lường được. Chẳng nên đem nói với hàng Bồ Tát mới phát tâm. Tại sao vậy? Hàng Bồ Tát mới phát tâm nghe Bát nhã ba la mật rất sâu, hoặc sẽ kinh sợ rồi sinh lòng nghi hối mà chẳng tin, chẳng tu hành. Bát nhã ba la mật rất sâu nầy nên nói với bực Bồ Tát bất thối chuyển. Nghe Bát nhã ba la mật rất sâu, bực đại Bồ Tát nầy chẳng kinh sợ, chẳng sanh lòng nghi hối, tất có thể tin và hành". Thiên Đế hỏi Ngài Xá Lợi Phất: "Nếu đối với hàng Bồ Tát mới phát tâm mà nói Bát nhã ba la mật rất sâu, thời sẽ có lỗi thế nào?" Ngài Xá Lợi Phất nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nghe Bát nhã ba la mật rất sâu nầy, hàng Bồ Tát mới phát tâm hoặc có thể sẽ kinh sợ hủy báng chẳng tin; hủy báng chẳng tin Bát nhã ba la mật rất sâu nầy thời là gieo nghiệp nhơn ba ác đạo. Do nghiệp nhơn nầy nên khó được Vô thượng Bồ đề". Thiên Đế hỏi: "Có Bồ Tát chưa được thọ ký nào nghe Bát nhã ba la mật rất sâu nầy mà chẳng kinh sợ chăng?" Ngài Xá Lợi Phất nói: "Thật vậy, nầy Kiều Thi Ca, nếu có Bồ Tát nào nghe Bát nhã ba la mật rất sâu đây mà chẳng kinh sợ, thời nên biết đó là bực Bồ Tát chẳng bao lâu sẽ được thọ ký Vô

thượng Bồ đề, chẳng quá một hai đức Phật". Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Bực Bồ Tát đó từ lâu đã phát tâm thật hành sáu ba la mật, đã cúng dường nhiều đức Phật, nghe Bát nhã ba la mật rất sâu nầy, chẳng kinh sợ, nghe rồi thọ trì, tu hành đúng như lời nói trong Bát nhã ba la mật", Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi muốn nói tỉ dụ. Như thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo, trong chiên bao thấy mình tu hành Bát nhã ba la mật, nhập thiền định, siêng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, giữ gìn cấm giới, thật hành bố thí, tu tập nội không, ngoại không nhẫn đến ngồi đạo tràng. Phải biết thiện nam, thiện nữ nầy gần đạo Vô thượng Bồ đề, lúc thức, chơn thiệt tu hành Bát nhã ba la mật, nhập thiền định, siêng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, giữ gìn cấm giới, thật hành bố thí mà lại chẳng mau thành Vô thượng Bồ đề ngồi đạo tràng. Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thành tựu thiện căn nên được nghe Bát nhã ba la mật liền thọ trì và tu hành đúng như lời. Phải biết người nầy là bực đại Bồ Tát, đã phát tâm từ lâu, gieo trồng căn lành, đã cúng dường nhiều đức Phật, gần gũi thiện tri thức. Người nầy có thể thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật. Phải biết đó là bực gần được thọ ký đạo Vô thượng Bồ đề. Phải biết người nầy như bực đại Bồ Tát bất thối chuyển. Người nầy chẳng thối chuyển đạo Vô thượng Bồ đề, có thể được Bát nhã ba la mật rất sâu. Được rồi có thể thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm. Bạch đức Thế Tôn! Ví như có người đi qua trăm do tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, bốn trăm do tuần đường hiểm trở hoang vắng. Người nầy trước tiên thấy người chăn súc vật, hoặc thấy ranh giới, hoặc thấy vườn tược, thời đã biết là đã gần thành ấp, xóm làng. Lòng người nầy an ổn, chẳng còn sợ ác thú, độc trùng, giặc cướp, đói khát. Bạch đức Thế Tôn! Cũng vậy, đại Bồ Tát nếu được Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm, thì biết là gần được thọ ký Vô thượng Chánh giác, thì biết đại bồ tát nầy chẳng còn sợ sa vào bực Thanh văn hay Bích Chi Phật. vì đã phát hiện những tướng tiên khởi, đó là được nghe thấy, được thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa nầy vậy". Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Đúng như vậy. Nếu người thích nói thí dụ nữa thì nên nói". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như người muốn lấy biển cả mà đi về hướng biển cả. Đến lúc chẳng còn thấy cây, chẳng còn thấy núi thì biết là đã gần đến biển cả mặc dầu chưa thấy biển cả, vì mặt biển cả bằng phẳng, không cây, không núi. Cũng vậy, đại Bồ Tát được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy rồi thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm, thì biết là gần được thọ ký Vô thượng Chánh giác. Như đầu xuân, trên các cây lá cũ đã rụng hết thì biết những cây ấy sẽ nẩy lộc, trổ lá, đơm bông, kết trái. Mọi người thấy tướng lá cũ rụng hết đều sanh lòng vui mừng. Cũng vậy, đại Bồ Tát được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy rồi thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm và thực hành đúng như lời. Phải biết đại Bồ Tát nầy đã thành tựu thiện căn, cúng dường nhiều đức Phật. Đại Bồ Tát nầy nên nghĩ rằng mình nhờ thiện căn hướng về Vô thượng Chánh giác đời trước theo dõi nên nay được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy rồi thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm, thật hành đúng như lời. Chư Thiên Tử đã từng thấy chư Phật đều vui mừng mà nghĩ rằng các vị Bồ Tát trước cũng có tướng tiên khởi được thọ ký như vậy. Hiện nay đại Bồ Tát nầy chắc sẽ gần được thọ ký Vô thượng Chánh giác. Bạch đức Thế Tôn! Như người mẹ mang thai, thân thể nặng nhọc, đi đứng bất tiện, ngồi nằm chẳng an, ăn ngủ càng

kém, chẳng ưa nói cười, chán việc quen trước. Có những người mẹ khác thấy biết bà nầy sắp sanh sản. Cũng vậy, đại Bồ Tát gieo thiện căn cúng dường chư Phật nhiều, thật hành lục độ, gần gũi thiện tri thức, nay thiện căn thành tựu, được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa, thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm, thật hành đúng như lời. Mọi người cũng biết đại Bồ Tát nầy sắp được thọ ký Vô thượng Chánh giác". Đức Phật phán: "Lành thay, lành thay! Lời của Xá Lợi Phất vừa nói đều là Phật lực cả". Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch rằng: "Đức hi hữu Thế Tôn Vô thượng Ứng cúng đẳng Chánh giác rất khéo phó thác sự việc của chư đại Bồ Tát!" Đức Phật phán: "Nầy Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Chánh giác, an ổn đa số chúng sanh, làm cho vô lượng chúng sanh được lợi lạc vì đại Bồ Tát thương xót hàng Trời, Người vậy. Lúc thật hành Bồ Tát đạo, chư Bồ Tát nầy dùng bốn sự kiện để nhiếp độ vô lượng chúng sanh. Đó là bố thí, ái ngữ, lợi ích và đồng sự. Chư Bồ Tát nầy cũng đem pháp thập thiện để thành tựu chúng sanh. Tự mình tu sơ thiền nhẫn đến phi phi tưởng định. Cũng dạy mọi người tu sơ thiền nhẫn đến phi phi tưởng định. Tự mình thật hành Bố thí ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật, cũng dạy mọi người thật hành Bố thí ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật. Chư Bồ Tát nầy được Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện dạy cho chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán mà tự mình chẳng chứng lấy quả ấy. Cũng dạy cho chúng sanh được quả Bích Chi Phật mà tự mình chẳng chứng lấy quả ấy. Chư Bồ Tát nầy tự tu sáu ba la mật, cũng dạy Vô lượng Bồ Tát khác tu sáu ba la mật, tự trụ bực bất thối, cũng dạy người khác trụ bức bất thối, tự tịnh Phật độ, cũng dạy người khác tịnh Phật độ, tự thành tựu chúng sanh, cũng dạy người khác thành tựu chúng sanh, tự được thần thông, tự được môn đà la ni, cũng dạy người khác được đà là ni, tự đầy đủ biện tài vô ngại, cũng dạy người khác đủ biện tài vô ngại, tự thọ sắc thân trọn vẹn ba mươi hai tướng, cũng dạy người khác thành tựu sắc thân ba mươi hai tướng, tự thành tựu bực đồng chơn, cũng dạy người khác thành tựu bực đồng chơn. Tự thành tựu thập trí lực, cũng dạy người khác thành tựu thập trí lực, tự thành tựu tứ vô úy, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, cũng dạy người khác thật hành tứ vô úy, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, tự được nhứt thiết chủng trí, cũng dạy người khác được nhứt thiết chủng trí, tự rời lìa tất cả kiết sử và tập khí, cũng dạy người khác rời lìa tất cả kiết sử và tập khí, tự chuyển pháp luân, cũng dạy người khác chuyển pháp luân". Ngài Tu Bồ Đề bạch rằng: "Đức Thế Tôn hi hữu! Chư đại Bồ Tát thành tựu đại công đức, vì tất cả chúng sanh mà thật hành Bát nhã ba la mật để được Vô thượng Bồ đề. Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là chư đại Bồ Tát tu hành Bát nhã ba la mật đầy đủ?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu lúc tu hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng thấy tướng tăng cũng chẳng thấy tướng giảm của sắc, của thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến của nhứt thiết chủng trí, đó là lúc Bồ Tát đầy đủ Bát nhã ba la mật. Lại Nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng thấy là pháp, là phi pháp, cũng chẳng thấy pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp thiện, pháp ác, pháp vô ký, pháp hữu vi, pháp vô vi, cũng chẳng thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cùng chẳng thấy Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật, nhẫn đến chẳng thấy nhứt thiết chủng trí. Đó là Bồ Tát tu hành đầy đủ Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì các pháp đều không có

tướng, các pháp là không, là hư giả, là chẳng bền chắc, không có giác tri, không có thọ mạng. Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lời phán dạy của đức Thế Tôn quả thật chẳng thể nghĩ bàn". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Vì sắc chẳng thể nghĩ bàn nên lời Phật nói chẳng thể nghĩ bàn. Vì thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng thể nghĩ bàn nên lời Phật nói chẳng thể nghĩ bàn. Nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát biết sắc là chẳng thể nghĩ bàn, biết thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí là chẳng thể nghĩ bàn thì Bồ Tát nầy chẳng đầy đủ được Bát nhã ba la mật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật sâu xa nầy ai là người sẽ tìm hiểu?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu có đại Bồ Tát nào từ lâu đã thật hành sáu ba la mật, gieo căn lành, cúng dường chư Phật nhiều, gần gũi thiện tri thức luôn, Bồ Tát nầy tin hiểu được Bát nhã ba la mật sâu xa". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát tu hành sáu ba la mật lâu, gieo căn lành, cúng dường chư Phật nhiều, gần gũi thiện tri thức luôn?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu đại Bồ Tát chẳng phân biệt sắc, chẳng phân biệt sắc tướng, chẳng phân biệt sắc tánh, nhân đến chẳng phân biệt nhứt thiết chủng trí, chẳng phân biệt nhứt chủng tướng, chẳng phân biệt nhứt thiết chủng tánh. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc chẳng thể nghĩ bàn nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí chẳng thể nghĩ bàn. Thế nên đại Bồ Tát trên đây được gọi là tu hành lục ba la mật lâu, gieo căn lành, cúng dường chư Phật nhiều, gần gũi thiện tri thức luôn". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Vì sắc rất sâu nên Bát nhã ba la mật rất sâu. Vì thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí rất sâu nên Bát nhã ba la mật rất sâu. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy là kho trân bảo, vì nơi đó báu Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, Bích Chi Phật, Vô Thượng Chánh Giác. Vì nơi đó có báu tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ngũ thần thông, tứ niệm xứ nhẫn đến bát chánh đạo, thập trí lực, tứ vô ý, tứ vô ngại trí, đại từ đại bi, thập bát bất cộng và nhứt thiết chủng trí vậy. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy là kho thanh tịnh. Vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật là kho thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật là kho thanh tịnh. Bạch đức Thế Tôn! Rất quái lạ, lúc nói Bát nhã ba la mật nầy lại có nhiều sự lưu nạn". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật rất sâu nầy có nhiều sự lưu nạn. Vì lẽ ấy nên lúc thiện nam, thiện nữ nào muốn biên chép Bát nhã ba la mật nầy thì nên biên chép mau đi. Lúc muốn đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành thì nên tu hành mau đi. Tại sao vậy? Vì lúc biên chép, đọc tụng nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật rất sâu nầy chẳng muốn có các lưu nạn phát khởi vậy. Thiện nam, thiện nữ nào nếu có thể một tháng, hai tháng, ba tháng hoặc nhẫn đến một năm biên chép xong thì nên siêng cần chép cho xong. Nếu đọc tụng nhẫn đến tu hành trong một tháng hoặc một năm được thành tựu thì nên siêng cần cho thành tựu. Vì kho trân bảo nầy có nhiều lưu nạn phát khởi vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Trong Bát nhã ba la mật rất sâu nầy ác ma ưa làm lưu nạn, chẳng cho biên chép, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Dầu ác ma muốn làm lưu nạn Bát nhã ba la mật rất sâu nầy, chẳng cho biên chép nhẫn đến tu hành, nhưng ác ma cũng chẳng phá hoại được sự biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật của chư đại Bồ Tát nầy".

Bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Do sức lực nào làm cho ác ma chẳng lưu nạn được chư đại Bồ Tát biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật rất sâu nầy?" Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Đó là do Phật lực làm cho ác ma chẳng lưu nạn được chư đại Bồ Tát biên chéo nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật rất sâu nầy". Nầy Xá Lợi Phất! Cũng do thần lực của chư Phật hiện tại ở mười phương quốc độ hộ niệm cho đại Bồ Tát nầy nên ác ma chẳng lưu nạn được. Nầy Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ phải nghĩ rằng tôi biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy đều là do thần lực của mười phương chư Phật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy đều do thần lực của chư Phật nên biết rằng những người nầy được chư Phật hộ niệm". Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Đúng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Vì biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy đều do Phật lực nên biết rằng cũng được hư Phật hộ niệm". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Hiện tại mười phương vô lượng vô biên vô số chư Phật đều biết, đều thấy lúc thiện nam, thiện nữ nầy biên chép nhẫn đến lúc tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy". Nầy Xá Lợi Phất! Trong thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ Tát mà biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, nên biết rằng những người ấy đã đến gần Vô thượng Chánh giác. Nầy Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, những người đây đối với Bát nhã ba la mật sâu xa có nhiều tin hiểu, lại cũng cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Chư Phật đều biết đều thấy thiện nam, thiện nữ nầy. Do công đức cúng dường mà thiện nam, thiện nữ nầy sẽ được lợi ích lớn, sẽ được quả báo lớn. Nầy Xá Lợi Phất! Do công đức cúng dường nầy mà thiện nam, thiện nữ ấy chẳng sa vào ác đạo, không bao giờ xa rời chư Phật cho đến chứng được bất thối địa. Nầy Xá Lợi Phất! Do nhơn duyên căn lành mà thiện nam, thiện nữ ấy mãi đến khi được Vô thượng Bồ đề vĩnh viễn chẳng xa rời sáu ba la mật, chẳng xa rời nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng xa rời tứ niệm xứ nhẫn đến bát thánh đạo, chẳng xa rời mười trí lực nhẫn đến Vô thượng Chánh giác. Nầy Xá Lợi Phất! Sau khi Phật nhập diệt, Bát nhã ba la mật sâu xa nầy sẽ đến cõi nước phương Nam. Nơi đó, các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di sẽ biên chép, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Do nhơn duyên căn lành đây mà tứ chúng ấy chẳng còn sa vào ác đạo, được hưởng phước vui cõi Trời, cõi Người, thêm lớn sáu ba la mật, cúng dường, cung kính ngợi khen chư Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật thừa. Nầy Xá Lợi Phất! Bát nhã ba la mật sâu xa nầy sẽ từ phương Nam truyền đến phương Tây, từ phương Tây sẽ truyền đến phương Bắc, hàng tứ chúng ở các cõi nước ấy sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành, Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Do nhơn duyên căn lành ấy mà họ chẳng còn sa vào ác đạo, hưởng phước vui cõi Trời, cõi Người, thêm lớn sáu ba la mật, cúng dường, cung kính, ngợi khen chư Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật thừa. Nầy Xá Lợi Phất! Bấy giờ ở phương Bắc, Bát nhã ba la mật sâu xa nầy sẽ làm Phật

sự tại đó. Bởi vì sao? Nầy Xá Lợi Phất! Thời kỳ pháp của ta thạnh hành không có tướng diệt hoại. Nầy Xá Lợi Phất! Ta đã nhớ đến các thiện nam, thiện nữ thọ trì nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Các thiện nam, thiện nữ ấy có thể biên chép và cung kính, cúng dường, ca ngợi Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Các thiện nam, thiện nữ ấy do nhơn duyên căn lành trên mà chẳng sa vào ác đạo, được hưởng phước vui cõi Trời, cõi Người, thêm lớn sáu ba la mật, cúng dường, cung kính, ngợi khen chư Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật thừa. Nầy Xá Lợi Phất! ta dùng Phật nhãn thấy các người ấy, ta cũng ngợi khen các người ấy. Vô lượng vô biên vô số chư Phật ở mười phương cũng thấy, cũng ngợi khen các người ấy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật sâu xa nầy về sau sẽ thạnh hành ở phương Bắc ư?" Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Đúng như vậy. Bát nhã ba la mật sâu xa nầy về sau sẽ thạnh hành ở phương Bắc. Nầy Xá Lợi Phất! Sau nầy ở phương Bắc, nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà biên chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành như lời, phải biết các người ây từ lâu đã phát tâm Đại thừa, đã cúng dường nhiêu chư Phật, gieo căn lành, luôn gần gũi thiện tri thức". Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Sau nầy ở phương Bắc có bao nhiêu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo mà biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy?" Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Sau nầy ở Bắc phương dầu có nhiều thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo nhưng ít có người nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà không kinh sợ. Tại sao vậy? Vì các người nầy gần gũi cúng dường nhiều chư Phật, nhiều học hỏi nơi chư Phật. các người nầy có thể đủ sáu ba la mật, đầy đủ tứ niệm xứ nhẫn đến đầy đủ mười tám pháp bất cộng. Nầy Xá Lợi Phất! Các người nầy nhờ căn lành thuần thục vì Vô thượng Bồ đề, mà có thể đem lợi ích nhiều cho chúng sanh. Nay ta cũng như chư Phật quá khứ vì thiện nam, thiện nữ nầy mà nói pháp nhứt thiết chủng trí. Do nhơn duyên đây nên đời sau các người ấy tiếp nối được Vô thượng Chánh giác rồi cũng vì người khác mà nói pháp Vô thượng Chánh giác. Các thiện nam, thiện nữ ấy đều nhứt tâm hòa hiệp. Ma và dân ma còn không phá hoại được tâm Vô thượng Bồ đề của họ, huống là những người ác chê bai người thật hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà phá hoại được tâm Vô thượng Bồ đề của họ. Nầy Xá Lợi Phất! Các thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy được pháp hỉ lớn, được pháp lạc lớn, cũng gầy dựng nhiều người ở nơi căn lành để được Vô thượng Bồ đề. Các thiện nam, thiện nữ nầy ở trước Phật tuyên thệ rằng lúc tôi thật hành Bồ Tát đạo sẽ độ vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh giác, dạy bảo cho họ được lợi ích vui mừng nhẫn đến thọ ký bực bất thối. Phật biết rõ tâm nguyện của họ và Phật cũng tùy hỉ. Các thiện nam, thiện nữ nầy ở trước chư Phật quá khứ đã từng tuyên thệ như trên và cũng được chư Phật quá khứ biết rõ tâm nguyện của họ mà tùy hỉ cho họ. Nầy Xá Lợi Phất! Vì các thiện nam, thiện nữ ấy tâm nguyện của họ lớn nên sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp của họ hưởng thọ cũng lớn, họ cũng có thể bố thí lớn, gieo căn lành lớn. Họ gieo căn lành lớn xong được quả báo lớn. Vì để nhiếp chúng sanh nên họ lấy quả báo lớn. Ở giữa chúng sanh họ có thể xả thí những vật sở hữu trong ngoài thân. Do nhơn duyên căn lành nầy họ phát nguyện muốn sanh về quốc độ phương khác, nơi mà chư Phật hiện đương nói Bát nhã ba la mật sâu xa. Ở trước chư Phật nghe Bát nhã ba la mật

sâu xa rồi, họ cũng dạy lợi ích vui mừng cho trăm ngàn muôn ức chúng sanh nơi đó, đều khiến phát tâm Vô thượng Bồ đề". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật đối với những pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không gì chẳng biết, không pháp như nào mà Phật chẳng biết, tất cả hạnh nghiệp của chúng sanh không sự nào mà chẳng biết. Nay đức Phật biết rõ chư Phật và Bồ Tát, Thanh văn quá khứ. Đức Phật cũng biết rõ chư Phật và Bồ Tát, Thanh văn hiện tại, biết rõ chư Phật và Bồ Tát, Thanh văn vị lai. Bạch đức Thế Tôn! Đời vị lai những thiện nam, thiện nữ cần cầu sáu ba la mật để thọ trì, đọc tụng nhẫn đến tu hành có được hay chẳng được?" Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Nếu thiện nam, thiện nữ nhứt tâm tinh tấn cần cầu sẽ được các kinh đúng sáu ba la mật sâu xa". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ cần hành như vậy sẽ được kinh đúng sáu ba la mật sâu xa ư?" Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Các thiện nam, thiện nữ ấy được kinh đúng sáu ba la mật sâu xa nầy. Tại sao vậy? Các thiện nam, thiện nữ ấy vì Vô thượng Chánh giác mà thuyết pháp lợi ích vui mừng cho chúng sanh an trụ sáu ba la mật. Do đây nên các thiện nam, thiện nữ ây chuyên sanh đời sau đê được kinh đúng sáu ba la mật sâu xa. Khi được rồi họ tu hành đúng như sáu ba la mật đã được nói. Họ tinh tấn chẳng nghĩ nhẫn đến tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, chứng Vô thượng Chánh giác".

— Hết —

KINH KIM CÀNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập,

Kinh Bát Nhã Ba La Mật (Phẩm 46 đến 60)

Bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh

46. PHẨM MA SỰ THỨ BỐN MƯƠI SÁU

Lúc bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật đã ngợi khen, đã nói công đức của các thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Bồ đề thật hành sáu ba la mật, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ. Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo sanh ra những lưu nạn như thế nào?" Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Lạc thuyết biện tài chẳng liền phát sanh, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát. Tại sao vậy? Vì có đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật khó đầy đủ sáu ba la mật. Thế nên Lạc thuyết biện tài chẳng liền phát sanh là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lạc thuyết biện tài vụt khỏi cũng là ma sự của Bồ Tát. Tại sao vậy? Vì đại

Bồ Tát thật hành sáu ba la mật ham thích thuyết pháp. Thế nên Lạc thuyết biện tài vụt khỏi cùng ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép kinh Bát nhã ba la mật mà khinh lờn ngạo mạn, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chéo kinh nầy mà cười cười đùa loạn tâm, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép kinh nầy mà khinh cười, chẳng cung kính, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép kinh nầy nếu tâm loạn bất định, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép kinh nầy nếu các người chẳng hòa hiệp, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ nào nghĩ rằng tôi không được tự vị trong kinh rồi bèn bỏ đi, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thọ trì, đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm khinh lờn ngạo mạn, đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thọ trì kinh nầy, lúc gần gũi, chánh ức niệm nếu cùng nhau ra dấu cười cợt, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thọ trì nhẫn đến tu hành kinh nầy nếu khinh miệt lẫn nhau, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm kinh nầy nếu tâm tán loạn, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà tâm chẳng hòa hiệp, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật phán dạy rằng thiện nam, thiện nữ tự nghĩ tôi không được tư vị trong kinh rồi bèn bỏ đi. Bạch đức Thế Tôn! Do cớ gì Bồ Tát chẳng được tư vị trong kinh nói rồi bèn bỏ đi?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Bồ Tát nầy đời trước chẳng dày công thật hành sáu ba la mật, nên nghe nói Bát nhã ba la mật nầy liền nghĩ rằng tôi chẳng ghi nhận Bát nhã ba la mật, tôi chẳng thanh tịnh, bèn đứng dạy bỏ đi". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao chẳng thọ ký cho người nghe Bát nhã ba la mật đứng dậy bỏ đi?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu Bồ Tát chưa vào trong pháp vị thì chư Phật chẳng thọ ký Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu lúc nghe nói Bát nhã ba la mật mà nghĩ rằng trong đây không có nói đến danh tự của tôi, do đó mà tâm chẳng thanh tịnh, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "cớ sao trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy chẳng nói danh tự của Bồ Tát ấy?" Đức Phật nói: "Chư Phật chẳng nói danh tự của Bồ Tát chưa được thọ ký. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc nghe Bát nhã ba la mật mà nghĩ rằng trong đây không nói đến tên xứ sở của tôi sanh, người nầy không muốn nghe bèn đứng dậy rời pháp hội bỏ đi. Lúc người nầy đứng dậy, cứ mỗi niệm phải một kiếp tinh tấn cầu Vô thượng Bồ đề trở lại. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bỏ Bát nhã ba la mật mà học các kinh khác, Bồ Tát nầy trọn không thể đến nhứt thiết chủng trí, đây là bỏ gốc mà níu nhánh lá, phải biết đó là sự của Bồ Tát". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những kinh gì mà thiện nam, thiện nữ học theo trọn chẳng đến được nhứt thiết chủng trí?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đó là những kinh hàng Thanh văn thật hành. Như là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo, không, vô tướng, vô tác, giải thoát môn. Các thiện nam, thiện nữ an trụ trong pháp trên đây được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đây là chỗ của hàng Thanh văn đi, không thể đến được nhứt thiết chủng trí. Nầy Tu Bồ Đề! Trong Bát nhã ba la mật xuất sanh chư Phật Bồ Tát thành tựu pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Lúc học Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát cũng học pháp thế gian và

pháp xuất thế gian. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như con chó chẳng theo chủ nhà để đòi ăn mà theo gã cần vụ. Cũng vậy, đời sau có thiện nam, thiện nữ bỏ Bát nhã ba la mật sâu xa cội gốc, trở lại nắm lấy kinh pháp sở hành của Thanh văn, Bích Chi Phật nhánh lá, hải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Như có người muốn thấy voi, được thấy voi rồi trở lại nhìn dấu chân voi. Theo ý người, kẻ đó có không chăng?" Bạch đức Thế Tôn! Người ấy chẳng khôn. Cũng vậy, Nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo được Bát nhã ba la mật sâu xa lại bỏ đi cầu lấy kinh pháp sở hành của Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Nầy Tu Bồ Đề! Như có người muốn thấy biển lớn trở lại tìm nước đọng ở dấu chân trâu mà nghĩ rằng nước biển lớn có bằng nước dấu chân trâu chăng? Ý ngươi thế nào, người ấy có khôn chăng? Bạch đức Thế Tôn! Người ấy chẳng khôn. Cũng cậy, nầy Tu Bồ Đề! đời sâu có thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo được Bát nhã ba la mật sâu xa lại bỏ đi cầu lấy kinh pháp sở hành của Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Nầy Tu Bồ Đề! Như thợ vẽ nghĩ muốn vẽ thắng điện của Thiên Đế mà trở lại vẽ cung điện nhựt nguyệt. Ý ngươi thế nào, thợ vẽ nầy có khôn chăng? Bạch đức Thế Tôn! Thợ vẽ nầy chẳng khôn. Nầy Tu Bồ Đề! Cũng vậy, đời sau có thiện nam, thiện nữ phước đức mỏng cầu Phật đạo được Bát nhã ba la mật sâu xa nầy lại bỏ đi cầu các kinh hàng Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Như có người muốn lấy Chuyển Luân Thánh Vương, được gặp mà chẳng biết, về sau thấy các Tiểu Quốc Vương cho rằng không khác Chuyển Luân Thánh Vương. Ý ngươi thế nào, người nầy có khôn chăng? Bạch đức Thế Tôn! Người nầy chẳng khôn. Nầy Tu Bồ Đề! Cũng vậy, đời sau có thiện nam, thiện nữ phước đức mỏng cầu Phật đạo được Bát nhã ba la mật sâu xa nầy lại bỏ đi cầu các kinh sở hành của hàng Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Như có người đang đói, bỏ cơm sốt ngon đi ăn cơm thiu lâu ngày. Ý ngươi thế nào, người đó nầy có khôn chăng? Bạch đức Thế Tôn! người đó nầy chẳng khôn. Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Đời sau có thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy lại bỏ đi lấy các kinh sở hành của Thanh văn, Bích Chi Phật để cầu được nhứt thiết chủng trí, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Như có người được châu ma ni vô giá lại đem sánh với châu thủy tinh. Ý ngươi thế nào, người nầy có khôn chăng? Bạch đức Thế Tôn! Người nầy chẳng khôn. Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Đời sau có thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy lại bỏ đi lấy các kinh sở hành của Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Các thiện nam, thiện nữ ấy lúc biên chép Bát nhã ba la mật nầy ưa nói những sự chẳng đúng pháp, biên chép Bát nhã ba la mật sâu xa nầy chẳng thành. Những gì là ưa nói những sự chẳng đúng pháp? Đó là ưa sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp. Ưa nói trì giới, các thiền, các định. Ưa nói sáu ba la mật. Ưa nói tứ tứ niệm xứ nhẫn đến Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Trong Bát nhã ba la mật nầy không có tướng ưa nói. Nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật là tướng bất khả tư nghì, là tướng bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh bất loạn, bất tán. Bát nhã ba la mật là tướng không nói, không dạy, không lời, không nghĩa. Bát nhã ba la mật là tướng vô sở đắc. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật không tất cả các pháp ấy. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu có Thiện nam cầu Phật đạo, lúc

biên chép kinh Bát nhã ba la mật nầy mà tâm tán loạn duyên theo các pháp ấy, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy biên chép được chăng?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Biên chép không được. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật tự tánh không. Vì Thiền na ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tự tánh không. Tự tánh đã không thì chẳng gọi là pháp. Không pháp chẳng thể biên chép được không pháp. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo nghĩ rằng không pháp là Bát nhã ba la mật sâu xa, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ Đề, dùng văn tự để biên chép Bát nhã ba la mật, tự nghĩ rằng mình biên chép Bát nhã ba la mật, dùng chữ đặt Bát nhã ba la mật, phải biết đó cũng là ma sự của Bồ Tát. Tại sao vậy? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát nhã ba la mật không có văn Thiền na ba la mật nhẫn đến Thiền na ba la mật không có văn tự, sắc thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí không có văn tự. Bạch đức Thế Tôn! Nếu chấp không văn tự là Bát nhã ba la mật nhẫn đến chấp không văn tự là nhứt thiết chủng trí, cũng là ma sự của Bồ Tát. Như biên chép, đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành đúng như lời đúng như vậy". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc biên chép Bát nhã ba la mật mà tưởng nhớ quốc độ, thành ấp, phương hướng, nghe hủy báng thầy mình mà nghĩ đến hoặc nghĩ đến cha mẹ; anh em, chị em, bà con, nghĩ đến kẻ giặc cướp, nam nữ, nghĩ đến những sự khác như vậy sẽ bị ác ma xúi nghĩ nhớ thêm, phá hư công việc biên chép Bát nhã ba la mật, phá hư công việc đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành Bát nhã ba la mật. Phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc biên chép nhẫn đến lúc tu hành Bát nhã ba la mật, ác ma tìm phương tiện đem những kinh sâu xa khác đến tặng cho. Người có sức phương tiện chẳng nên ham muốn những kinh sâu xa khác của ác ma đem đến vì những kinh ấy không đưa người đến nhứt thiết chủng trí. Kẻ không đủ sức phương tiện, nghe nói những kinh sâu xa khác bèn bỏ Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, đức Phật đã giảng dạy nhiều phương tiện của đạo Bồ Tát. Chư đại Bồ Tát nên tìm ở trong đây. Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo mà bỏ Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, đi cầu phương tiện nơi những kinh sâu xa của Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết cũng là ma sự của Bồ Tát".

*** 47. PHẨM LƯỠNG BẤT HÒA HIỆP QUÁ THỨ BỐN MƯƠI BẢY

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Người thính pháp nơi Bát nhã ba la mật muốn biên chép, đọc tụng, vấn nghĩa, chánh ức niệm mà người thuyết pháp lười biếng chẳng muốn nói, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát. Người thuyết pháp tâm chẳng lười biếng mà người nghe pháp chẳng chịu nghe lãnh, tâm hai bên chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thính pháp muốn biên chép đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà người thuyết pháp muốn đi qua phương khác, phải biết đây cũng là ma sự của Bồ Tát. Người thuyết pháp muốn cho biên

chép, thọ trì mà người thích pháp muốn đi qua phương khác, tâm hai bên chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp quý trọng của bố thí, những y phục, thực phẩm, phòng nhà, thuốc men, người thính pháp thiểu dục tri túc, nhiếp niệm tinh tấn, thiền định, trí tuệ, tâm hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát. Người thuyết pháp thiểu dục tri túc, nhiếp niệm tinh tấn, thiền định, trí huệ, người thính pháp quý trọng của bố thí, những tứ sự tư sanh, tâm hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mậtt, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp thọ mười hai hạnh Đầu Đà: một là thường là thường khất thực, hai là thứ đệ khất thực, ba là nhứt tọa thực, bốn là tiết lượng thực, năm là sau ngọ trung chẳng ẩm tương, sáu là chỉ chứa ba y, bảy là nạp y, tám là ở a lan nhã, chín là ở trong gò mã, mười là ở gốc cây, mười một là ở đất trống, mười hai là ngồi luôn không nằm, người thính pháp chẳng thọ mười hai hạnh Đầu Đà, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát. Người thính pháp thọ mười hai hạnh Đầu Đà, người thuyết pháp chẳng thọ mười hai hạnh Đầu Đà, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có tín tâm, có giới hạnh, muốn biên chép, thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm, người thính pháp không tín tâm, không giới hạnh, chẳng muốn biên chép nhẫn đến chẳng muốn chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát. Người thính pháp có tín tâm, có giới hạnh, người thuyết pháp không tín tâm, không giới hạnh, hai bên chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết hay bố thí tất cả chẳng lẫn tiếc, người thính pháp bỏn xẻn, chẳng thí xả, hai bên chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự. Người thính pháp hay bố thí tất cả chẳng lẫn tiếc, người thuyết pháp bỏn xẻn, chẳng thí xả, hai bên chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thích pháp muốn cúng dường cho người thuyết pháp những đồ vật tư sanh, người thuyết pháp chẳng chịu nhận, phải biết đây là ma sự. Người thuyết pháp muốn cung cấp đồ tư sanh cho người thính pháp, người thính pháp chẳng chịu nhận, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp dễ tỏ ngộ, người thuyết pháp ám độn, phải biết đây là ma sự. Người thính pháp mau tỏ ngộ, người thính pháp ám độn, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được, nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp biết nghĩa thứ lớp của mười hai bộ kinh là khế kinh nhẫn đến luận nghị, người thính pháp chẳng biết. Hoặc người thính pháp biết nghĩa thứ đệ của mười hai bộ kinh, người thuyết pháp chẳng biết, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp thành tựu sáu ba la mật, người thính pháp chẳng thành tựu. Hoặc người thính pháp có sáu ba la mật, người thuyết pháp chẳng có. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có sức phương tiện nơi sáu ba la mật, người thính pháp không có. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp đắc đà la ni, người thính pháp không đắc. Hoặc người thính pháp đắc đà la ni, người thuyết pháp không đắc. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn cho biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, người thính pháp chẳng muốn. Hoặc người thính pháp muốn biên chép nhẫn đến chánh ức niệm, người thuyết pháp chẳng muốn biên chép nhẫn đến chẳng muốn cho chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp không tham dục, giận hờn, ngủ nghỉ, điệu hối, nghi ngờ, người thính pháp có tham dục nhẫn đến nghi ngờ. Hoặc người thính pháp lìa ngũ cái: tham dục nhẫn đến nghi ngờ, người thuyết pháp có ngũ cái. Hai bên chăng hòa hiệp, chăng biên chép được nhân đên chăng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, có người đến nói những sự thống khổ trong ba ác đạo rồi bảo rằng sao Ngài chẳng ở tại thân đời nầy dứt khổ nhập Niết Bàn, lại cầu Vô thượng Bồ đề làm chi? Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, có người đến ca ngợi các cõi Trời, ca ngợi Trời Tứ Thiên Vương đến Trời Phi Phi Tưởng, ca ngợi sơ thiền đến phi phi tưởng định rồi bảo rằng: Thưa Ngài, ba cõi dầu hưởng thọ phước vui nhưng cũng đều là vô thường, là khổ không, vô ngã, tướng biến tận tán ly. Sao ngài chẳng ở tại thân đời nầy chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, lại ở trong thế gian sanh tử chịu khổ để cầu Vô thượng Bồ đề làm chi? Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp một thân không phiền lụy, tự tại vơ ngại, người thính pháp dắt theo chúng nhơn đông, hoặc người thính pháp một thân không phiền lụy, tự tại vô ngại, người thuyết pháp, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp bảo người thính pháp rằng nếu ngươi có thể tùy theo ý ta, thời sẽ cho người biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, bằng không tùy theo ý ta, thời không cho. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thính pháp muốn thuận theo ý người thuyết pháp mà người thuyết pháp chẳng cho, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp vì muốn được tài lợi mà cho biên chép nhẫn đến cho chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, người thính pháp vì cớ nầy nên chẳng chịu theo nghe. Hoặc người thính pháp vì tài lợi mà muốn biên chép nhẫn đến muốn chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, vì cớ nầy nên người thuyết pháp chẳng muốn cho. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến

chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ nguy nạn, người thính pháp chẳng muốn đi theo. Hoặc người thính pháp muốn đến xứ nguy nạn, người thuyết pháp chẳng muốn đến. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ lúc mắc nghèo đói, người thính pháp không muốn đi theo. Hoặc người thính pháp muốn đến xứ đói khát, người thuyết pháp chẳng muốn đến. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ giàu vui, người thính pháp muốn đi theo. Người thuyết pháp bảo rằng ngươi vì tài lợi mà đi theo ta, ngươi nên suy nghĩ kỹ, hoặc được tài lợi hoặc chẳng được, chớ để ngày sau ăn năn, người thính pháp nghe nói cho rằng không muốn mình đi theo nên sanh lòng chán mà không đi. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muôn đên xứ hoang văng có nạn giặc ướp, ác thú, độc trùng, người thính pháp muốn đi theo. Người thuyết pháp bảo rằng ngươi đến xứ hoang vắng hiểm nạn làm chi. Người thính pháp nghe nói cho rằng không muốn cho mình biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, sanh lòng chán chẳng đi theo. Hai bên chẳng hòa hiệp, đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có nhiều thí chủ, thường đến nhà họ viếng thăm, bảo người thính pháp rằng ta có việc phải đến nhà họ. Người thính pháp biết ý bèn chẳng cùng đi. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma làm Tỳ Kheo đến chỗ thiện nam, thiện nữ dùng phương tiện phá hoại chẳng cho biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ác ma làm Tỳ Kheo dùng cách nào để phá hoại?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ác ma làm Tỳ Kheo đến chỗ thiện nam, thiện nữ mà bảo rằng kinh của ta nói mới là Bát nhã ba la mật, còn kinh đó không phải. Lúc ác ma dùng lời phá hoại tín tâm như vậy, có thiện nam, thiện nữ chưa được tho ký bèn sanh lòng nghi, vì nghi nên chẳng biên chép nhẫn đến chẳng chánh ức niệm Bát nhã ba la mật. Chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma làm Tỳ Kheo đến bảo rằng Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, chứng thiệt tế được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Bích Chi Phật. Do đó mà chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Nầy Tu Bồ Đề! Lúc nói Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, có nhiều ma sự khởi lên làm trở ngại. Đại Bồ Tát phải sớm biết để xa lìa". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những ma sự gì làm trở ngại Bát nhã ba la mật mà Bồ Tát phải sớm biết để xa lìa?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Tương tợ Bát nhã ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật là ma sự phát khởi. Bồ Tát phải sớm biết để xa lìa. Lại nầy Tu Bồ Đề! Những kinh sở hành của hàng Thanh văn, Bích Chi Phật là ma sự của Bồ Tát, phải sớm hay biết xa lìa. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma làm Tỳ Kheo tìm phương tiện trao cho Bồ Tát những kinh dạy về nội không, ngoại không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, dạy về tứ niệm xứ nhẫn đến bát chánh đạo, ba môn giải thoát, không, vô tướng, vô tác để được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật. Do đó

chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma do hóa làm Phật thân vàng trượng lục chói sáng đến chỗ Bồ Tát. Vì ham thích thân Phật nầy mà Bồ Tát hao tổn chánh trí huệ. Do đó chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hóa làm Phật và chúng Tỳ Kheo đến chỗ Bồ Tát. Các Tỳ Kheo nầy nói pháp cho Bồ Tát. Bồ Tát ham thích tự nghĩ rằng đời sau tôi cũng sẽ được như vậy. Vì ham thích thân ma mà hao tổn chánh trí huệ, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hóa làm vô số Bồ Tát thật hành sáu ba la mật, chỉ dạy cho thiện nam, thiện nữ. Vì ham thích mà thiện nam, thiện nữ hao tổn chánh trí huệ, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy không có sắc thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến không có nhứt thiết chủng trí. Nầy Tu Bồ Đề! Vì không có sắc nhẫn đến không có nhứt thiết chủng trí, nên trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy không có Phật, không có Bồ Tát, Thanh văn , Bích Chi Phật. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp tự tánh không vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Như vàng bạc châu ngọc ở Diêm Phù Đề có nhiều nạn, nhiều cướp. Cũng vậy, lúc thiện nam, thiện nữ biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật phát khởi nhiều nạn, nhiều oán". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đúng như vậy. Vàng bạc châu ngọc trong Diêm Phù Đề có nhiều nạn, nhiều cướp. Lúc thiện nam, thiện nữ biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật phát khởi nhiều nạn, nhiều oán, nhiều ma sự. Tại sao vậy? Hạng người ngu si bị ma sai sử mà phá hoại, xa lìa công việc biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa. Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ngu si ít trí ít huệ nầy lúc biên chép nhẫn đến lúc chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa lại phá hoại, xa lìa. Bạch đức Thế Tôn! Hạng người ngu si nầy lòng họ chẳng thích pháp Đại thừa nên họ chẳng biên chép, đọc tụng, thọ trì, chánh ức niệm, chẳng tu hành đúng như lời, họ lại phá hoại người khác chẳng cho biên chép nhẫn đến chánh ức niệm". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Hàng thiện nam, thiện nữ mới phát tâm Đại thừa vì bị ma sai sử, chẳng gieo căn lành, chẳng cúng dường chư Phật, chẳng theo thiện tri thức nên chẳng biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà lại làm sự lưu nạn. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ hay biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa nầy thì ma sự chẳng phát khởi. Người nầy đầy đủ Thiền na ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật, đầy đủ được tứ niệm xứ nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đó là do Phật lực nên thiện nam, thiện nữ ấy có thể biên chép được nhẫn đến chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, cũng đầy đủ được Thiền na ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật, đầu đủ được nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ được tứ niệm xứ nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Nầy Tu Bồ Đề! Hiện tại mười phương vô lượng vô biên vô số chư Phật, chư đại Bồ Tát bất thối chuyển cũng trợ giúp ủng hộ cho thiện nam, thiện nữ nầy biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa".

*** 48. PHẨM PHẬT MẪU THỨ BỐN MƯƠI TÁM

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ví như bà mẹ có con trai, hoặc năm hoặc mười hoặc trăm ngàn người con trai. Bà mẹ phải bịnh, các con đều lo buồn cần cầu cứu chữa, vì nhớ ơn mẹ sanh dục và dạy dỗ mình. Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Phật và chư Phật hiện tại mười phương đều thường dùng Phật nhãn nhìn Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Tại sao vậy? vì Bát nhã ba la mật sâu xa nầy hay hiển thị tướng thế gian, hay xuất sanh chư Phật, hay cho nhứt thiết chủng trí, cũng hay sanh Thiền ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật, hay sanh nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, hay sanh tứ niệm xứ nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, hay sanh Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, hay sanh chư Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Chư Phật đã được Vô thượng Bồ đề, chư Phật hiện nay được cùng chư Phật sẽ được đều do Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà được. Nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo nên biên chép nhân đên chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Chư Phật thường dùng Phật nhãn nhìn người nầy, gia hộ cho họ được chẳng thối chuyển Vô thượng Chánh giác". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như lời đức Phật dạy, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian. Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật? Hay hiển thị tướng thế gian? Thế nào là chư Phật từ Bát nhã ba la mật sanh? Chư Phật nói tướng thế gian như thế nào? Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy xuất sanh mười trí lực nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Vì được các pháp trên đây mà gọi là Phật, nên Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật. Nầy Tu Bồ Đề! "Chư Phật nói ngũ ấm là tướng thế gian". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! thế nào là trong Bát nhã ba la mật nói ngũ ấm? thế nào là trong Bát nhã ba la mật hiển thị tướng ngũ ấm?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Bát nhã ba la mật chẳng hiển thị ngũ ấm phá, chẳng hiển thị ngũ ấm hoại, chẳng hiển thị sanh, diệt, cấu, tịnh, tăng, giảm, chẳng hiện thị xuất, nhập, chẳng hiện thị quá khứ, vị lai, hiện tại. Tại sao vậy? Vì tướng không chẳng phá chẳng hoại. Vì tướng vô tướng chẳng phá chẳng hoại. Vì tướng vô tác chẳng phá chẳng hoại. Vì pháp bất khởi, pháp bất sanh, pháp vô sở hữu, pháp tánh chẳng phá chẳng hoại. Vì tướng hiển thị như vậy nên Phật nói Bát nhã ba la mật sâu xa hay hiển thị tướng thế gian. Lại nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà chư Phật biết rõ tâm niệm của vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Nầy Tu Bồ Đề! Trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy không chúng sanh, không danh từ chúng sanh, không sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không danh từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến không nhứt thiết chủng trí, không danh từ nhứt thiết chủng trí. Thế nên Bát nhã ba la mật sâu xa nầy hay hiển thị tướng thế gian. Nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật sâu xa nầy chẳng hiển thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến chẳng hiển thị nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy còn không Bát nhã ba la mật huống là sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Có bao nhiêu danh số chúng sanh hoặc loài có sắc hay không sắc, có tưởng hay không tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, ở quốc độ nầy nhẫn đến khắp quốc độ mười phương. Những chúng sanh ấy hoặc nhiếp tâm, đức Phật đều

biết thiệt rõ tất cả tâm niệm của họ. Do đâu mà đức Phật biết thiệt rõ tướng dạng tâm niệm của chúng sanh? Vì đức Phật dùng pháp tướng nên biết rõ. Dùng pháp tướng gì để biết? Nầy Tu Bồ Đề! Trong pháp tướng nầy còn không có tướng pháp tướng huống là nhiếp tâm với loạn tâm. Vì dùng pháp tướng nầy mà đức Phật biết rõ nhiếp tâm, loạn tâm của tất cả chúng sanh. Lại nầy Tu Bồ Đề! đức Phật biết thiệt rõ nhiếp tâm, loạn tâm của chúng sanh. Do đâu mà biết? Vì do tận tướng nên biết, do vô nhiễm tướng nên biết, do diệt tướng nên biết, do đoạn tướng nên biết, do tịch tướng nên biết, do ly tướng nên biết. Đức Phật do nơi Bát nhã ba la mật mà biết rõ nhiếp tâm, loạn tâm của tất cả chúng sanh. Lại nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thiệt rõ nhiễm tâm của chúng sanh, biết thiệt rõ sân tâm, si tâm của chúng sanh, nếu chúng sanh có nhiễm tâm, sân tâm, si tâm. Tại sao đức Phật biết thiệt rõ như vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Vì thiệt tướng của nhiễm tâm không có tướng nhiễm, vì thiệt tướng của sân tâm, si tâm không có tướng sân, không có tướng si. Tại sao vậy? Vì trong thiệt tướng không có tâm vương, tâm sở, huống là có được nhiễm tâm, sân tâm, si tâm, huống là có được tâm chăng nhiêm, chăng sân, chăng si. Thê nên, nây Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ tâm nhiễm, tâm sân, tâm si của tất cả chúng sanh. Lại nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thiệt rõ tâm không nhiễm, không sân, không si của tất cả chúng sanh nếu chúng sanh không tâm nhiễm sân, sân, si. Tại sao vậy? Vì trong tâm không nhiễm, không sân, không si nầy chẳng có tướng nhiễm, sân, si. Vì hai tâm chẳng cùng chung vậy. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết rõ tâm không nhiễm, sân, si của chúng sanh nếu có chúng sanh không có tâm nhiễm sân, si. Lại nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật, nếu chúng sanh cò quảng tâm, đức Phật biết thiệt rõ quảng tâm của chúng sanh. Tại sao vậy? Vì đức Phật biết tâm tướng của chúng sanh chẳng rộng, chẳng hẹp, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng đến, chẳng đi, vì tâm tướng rời rời lìa, vì tâm tánh vốn không nên không có gì làm rộng, làm hẹp, làm tăng, làm giảm, chẳng đến, chẳng đi. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thiệt rõ đại tâm của chúng sanh. Tại sao vậy? Vì đức Phật chẳng thấy tâm chúng sanh có tướng lai, tướng khứ, tướng sanh, trụ, dị, diệt. Tại sao vậy? vì tâm tánh vốn không nên không có ai đến, đi, không có sanh, trụ, dị, diệt. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh có đại tâm, do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thiệt rõ đại tâm của chúng sanh. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh có tâm vô lượng, do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thiệt rõ tâm vô lượng của chúng sanh. Tại sao vậy? Vì do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết rõ tâm ấy của chúng sanh; chẳng thấy an trụ, chẳng thấy chẳng an trụ. Vì tướng của tâm vô lượng không chỗ y chỉ, nào có chỗ trụ, chẳng trụ. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Chúng sanh có tâm vô lượng, do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thiệt rõ tâm vô lượng ấy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Tâm chẳng thể thấy được của chúng sanh, do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thiệt rõ tâm chẳng thể thấy được ấy. Tại sao vậy? Vì tâm chúng sanh là vô tướng, vì tự tướng vốn không, đức Phật biết thiệt rõ vô tướng. Tâm của chúng sanh cả ngũ nhãn đều không thấy được. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Tâm chẳng thể thấy được của chúng sanh, do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thiệt rõ tâm chẳng thể thấy được ấy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật, những tâm số xuất một co giãn của chúng sanh, đức Phật biết thực rõ.

Tại sao vậy? Vì tất cả tâm số xuất một co giản của chúng sanh đều y cứ nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà sanh khởi. Ở trong ấy, đức Phật biết rõ tâm số xuất một co giãn của chúng sanh. Đó là thần và thế gian thường, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc thần và thế gian vô thường, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc thần và thế gian cũng thường cũng vô thường, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc thần và thế gian chẳng thường chẳng vô thường, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc thần và thế gian thường, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Như kiến thức nầy y cứ nơi sắc, kiến nầy y cứ nơi thọ, y cứ nơi tưởng, y cứ nơi hành, y cứ nơi thức cũng như vậy. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc và thế gian hữu biên, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc và thế gian vô biên, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy cứ nơi sắc và thế gian cũng hữu biên cũng vô biên, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc và thế gian chẳng hữu biến chẳng vô biên, đây là sự thiệt, ngoài ra là nòi sai. Như y cứ nơi sắc, kiến thức nầy y cứ nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thân chính là thân. Kiên thức nây y cứ nơi săc thân khác thân khác, y cứ nơi thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy. Sau khi chết có như đi, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc, sau khi chết có như đi hoặc không có như đi, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc, sau khi chết chẳng phải có như đi, chẳng phải không có như đi, đây là sự thiệt, ngoài ra là nói sai. Như y cứ nơi sắc, y cứ nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thế nên, Nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thiệt rõ những tâm số xuất một co giãn của chúng sanh. Lại nầy Tu Bồ Đề! đức Phật biết rõ sắc tướng. Biết rõ sắc tướng thế nào? Như là như tướng: chẳng hoại, không phân biệt, không tướng, không nhớ ghi, không hí luận, không được, sắc tướng sắc tướng cũng như vậy, cũng chẳng hoại nhẫn đến cũng không được. Nầy Tu Bồ Đề! đức Phật biết rõ thọ tướng nhẫn đến biết rõ thức tướng là chẳng hoại nhẫn đến không được như là như tướng. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! đức Phật biết rõ chúng sanh như tướng và chúng sanh tâm số xuất một co giãn như tướng, ngũ ấm như tướng, chư hành như tướng, cũng chính là tất cả pháp như tướng, đó là sáu ba la mật như tướng, đó là ba mươi bảy phẩm trợ đạo như tướng, đó là thập bát không như tướng, đó là bát bội xả như tướng, đó là chín thứ đệ định như tướng, đó là mười trí lực như tướng, đó là tứ vô úy, tứ vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng như tướng, đó là nhứt thiết chủng trí như tướng, đó là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, pháp hữu vi, pháp vô vi như tướng, đó là quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, quả Vô thượng Bồ đề và chư như tướng. Chư Phật như tướng đều là tướng nhứt như, chẳng hai chẳng khác, chẳng tận. Đây gọi là tất cả pháp như tướng. Đức Phật do Bát nhã ba la mật mà được như tướng vậy. Vì thế nên Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian. thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật biết rõ tất cả pháp như tướng, chẳng biệt dị, chẳng phải chẳng như. Vì được như tướng như vậy nên đức Phật được gọi là Như Lai". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Các pháp như tướng chẳng biệt dị, chẳng phải chẳng như ấy là rất sâu xa. Bạch đức Thế Tôn! Chư Phật dùng pháp ấy mà vì người nói Vô thượng Bồ đề. Ai là

người tin hiểu được? Chỉ có bức bất thối Bồ Tát, người đầy đủ chánh kiến, bực vô lậu A La Hán. Vì pháp nầy rất sâu xa", Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Vì pháp nầy tướng vô tận nên rất là sâu xa". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Pháp nào tướng vô tận nên là rất sâu xa?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Vì tất cả pháp vô tận nên là rất sâu xa. Như vậy, nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật được tất cả pháp như ấy rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp".

*** 49. PHẨM VẤN TƯỚNG THỨ BỐN MƯƠI CHÍN

Lúc bấy giờ trong cõi Đại Thiên có chư Thiên cõi Dục, Sắc vói rải hoa hương rồi bay đến chỗ đức Phật, đảnh lễ chưn Phật rồi đứng qua một phía mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Đã nói ba la mật rất sâu. Những gì là tướng Bát nhã ba la mật rất sâu?" Đức Phật bảo chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc: "Nầy chư Thiên Tử! Tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác là tướng Bát nhã ba la mật rất sâu, tướng vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô cấu, vô tịnh, vô sở hữu, vô tướng, vô sở y, tướng hư không là tướng Bát nhã ba la mật. Nầy chư Thiên Tử! Những tướng như là tướng Bát nhã ba la mật rất sâu. Đức Phật dùng pháp thế gian để giảng nói cho chúng sanh, chớ chẳng phải là đệ nhứt nghĩa. Nầy chư Thiên Tử! Các tướng ấy, tất cả Thiên, Nhơn, A Tu La trong đời không phá hoại được. Tại sao vậy? Vì Thiên, Nhơn, A Tu La trong đời cũng là tướng. Nầy chư Thiên Tử! Tướng không thể phá hoại tướng, tướng không thể biết tướng, tướng không thể biết vô tướng, vô tướng không thể biết tướng, tướng và vô tướng chỗ biết cho rằng biết đó là vì pháp biết đều chẳng thể được. Tại sao vậy? Nầy chư Thiên Tử! Các tướng chẳng phải sắc làm ra, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức làm ra, chẳng phải sáu ba la mật làm ra, nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí làm ra. Nầy chư Thiên Tử! các tướng ấy chẳng phải sở hữu của người, của trời, chẳng phải thế gian, xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, vô lậu, chẳng phải hữu vi, vô vi. Nầy chư Thiên Tử! Như có người hỏi rằng những gì là tướng của hư không? Lời hỏi nầy có đúng không? Chư Thiên thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lời hỏi ấy không đúng. Vì hư không chẳng có tướng nói được, vì hư không chẳng sanh khởi, chẳng bị làm ra". Đức Phật bảo chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc: "Có Phật hay không có Phật, tánh tướng vẫn thường trụ. Vì được tánh tướng đúng như thiệt mà đức Phật được gọi là Như Lai". Chư Thiên thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật được các pháp tánh tướng rất sâu. Được tánh tướng ấy rồi được vô ngại trí. An trụ trong tướng nầy dùng Bát nhã ba la mật họp tự tướng của các pháp. Bát nhã ba la mật nầy là chỗ thường hành đạo của chư Phật. Do hành đạo nầy nên được Vô thượng Chánh giác. Do được Vô thượng Bồ đề mà thông đạt tất cả pháp tướng, hoặc sắc tướng nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tướng". Đức Phật phán: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Tướng não hoại là tướng của sắc, cảm giác là tướng của thọ, duyên lấy tướng của tưởng, sanh khởi tạo tác là tướng của hành, liễu biệt là tướng của thức. Đức Phật được không các tướng ấy. Nầy chư Thiên Tử! Hay xả thí là tướng Đàn na ba la mật, không nhiệt não là tướng của Thi la ba la mật, chẳng đổi khác là tướng của Nhẫn ba la mật, chẳng thối lui là tướng

của Tấn ba la mật, nhiếp tâm là tướng của Thiền ba la mật, bỏ lìa là tướng Bát nhã ba la mật. Đức được không có các tướng ấy. Nầy chư Thiên Tử! Lòng không nhiễu hại não loạn là tướng của tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định. Đức Phật được không các tướng ấy. Nầy chư Thiên Tử! Xuất thế gian là tướng của ba mươi bảy phẩm trợ đạo, rời lìa là tướng của không giải thoát, tịch diệt là tướng của vô tướng giải thoát, khổ là tướng của vô tác giải thoát. Đức Phật được không các tướng ấy. Nầy chư Thiên Tử! Siêu thắng là tướng của mười trí lực, chẳng kinh sợ là tướng của bốn vô úy, biết khắp hết là tướng của bốn trí vô ngại, người khác không được là tướng của mười tám pháp bất cộng. Đức Phật được không các tướng ấy. Nầy chư Thiên Tử! Thương xót chúng sanh là tướng của đại từ đại bi, chơn thiệt là tướng của không sai lầm, vô sở thủ là tướng của thường xả, hiện tại biết rõ là tướng của nhứt thiết chủng trí. Đức Phật được không các tướng ấy. Nầy chư Thiên Tử! Vì được tất cả pháp không tướng nên đức Phật được gọi là bực trí vô ngại". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Bát nhã ba la mật là mẹ chư Phật. Bát nhã ba la mật hay hiển thị tướng thê gian. Thê nên Phật y chỉ pháp đê an trụ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi pháp ấy. Pháp ấy là gì? Chính là Bát nhã ba la mật. Đức Phật y chỉ nơi Bát nhã ba la mật để an trụ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi Bát nhã ba la mật. Vì Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh chư Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Vì đức Phật là người biết tác động. Nếu có người hỏi đúng. Là người biết tác động đáp đúng, không ai hơn đức Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Vì đức Phật là người biết tác động nên pháp của đức Phật đi và đạo của đức Phật đến chừng được Vô thượng Bồ đề. Đức Phật trở lại cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi pháp ấy, đạo ấy và thọ trì thủ hộ pháp ấy, đạo ấy. Nầy Tu Bồ Đề! Đó gọi là đức Phật là người biết tác động. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác vì không có tướng tác giả. Tất cả pháp không có tướng sanh khởi vì không có hình sự. Nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết các pháp không có tướng tạo tác, không có tướng sanh khởi. Cũng vì cớ nầy mà đức Phật là người biết tác động. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật do Bát nhã ba la mật mà được tất cả pháp chẳng sanh, vì là vô sở đắc vậy. Thế nân Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là không biết, là không thấy, sao Bát nhã ba la mật lại hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Tất cả pháp không biết, không thấy. Thế nào là không biết, là không thấy? Vì tất cả pháp vốn không, là hư giả chẳng kiên cố, nên tất cả pháp không biết, không thấy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Tất cả pháp không y chỉ, không chỗ hệ phược, thế nên tất cả pháp không biết không thấy. Do đó mà Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian. Vì chẳng thấy sắc, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng thấy nhứt thiết chủng trí nên Bát nhã ba la mật hay hiển thị tướng thế gian, hay sanh chư Phật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tại sao chẳng thấy sắc nhẫn đến chẳng thấy nhứt thiết chủng trí nên Bát nhã ba la mật hay hiển thị tướng thế gian?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu chẳng duyên nơi sắc để sanh phân biệt, chẳng duyên nơi thọ, tưởng, hành, thức để sanh phân biệt, nhẫn đến chẳng duyên nơi nhứt thiết chủng trí để sanh phân biệt, đó chẳng gọi là chẳng thấy tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến chẳng gọi là chẳng thấy tướng của nhứt

thiết chủng trí, nên hiển thị tướng thế gian. Do đây mà Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian. Lại nầy Tu Bồ Đề! Thế nào là Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian? Nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị thế gian không. Hiển thị thế gian không như thế nào? Hiển thị ngũ ấm thế gian không, hiển thị thập nhị nhập thế gian không, hiển thị thập bát giới thế gian không, hiển thị thập nhị nhơn duyên thế gian không, hiển thị ngã kiến cùng sáu mươi hai kiến thức thế gian không, hiển thị mười thiện đạo thế gian không, hiển thị tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ định thế gian không, hiển thị ba mươi bảy phẩm trợ đạo thế gian không, hiển thị sáu ba la mật thế gian không, hiển thị nội không, ngoại không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không thế gian không, hiển thị hữu vi tánh, vô vi tánh thế gian không, hiển thị mười trí lực nhẫn đến nhứt thiết chủng trí thế gian không. Đó là hiển thị thế gian không. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật do Bát nhã ba la mật hiển thị thế thế gian không nên biết thế gian không, hay thế gian không, tư duy thế gian không, phân biệt thế gian không. Thế nên Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị phất thế gian không. Hiển thị Phật thế gian không thế nào? Hiển thị ngũ ấm thế gian không, nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian không. Thế nên Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian bất khả tư nghì: Hiển thị ngũ ấm thế gian bất khả tư nghì nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian bất khả tư nghì. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian ly: Hiển thị ngũ ấm thế gian ly nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian ly. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian tịch diệt: Hiển thị ngũ ấm thế gian tịch diệt nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian tịch diệt. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian rốt ráo không: Hiển thị ngũ ấm thế gian rốt ráo không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian rốt ráo không. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian tánh không: Hiển thị ngũ ấm thế gian tánh không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian tánh không. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian vô pháp không: Hiển thị ngũ ấm thế gian vô pháp không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian vô pháp không. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian hữu pháp không: Hiển thị ngũ ấm thế gian hữu pháp không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian hữu pháp không. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian hữu pháp không, hiển thị ngũ ấm thế gian hữu pháp không, nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian hữu pháp không. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian vô pháp hữu pháp không: Hiển thị ngũ ấm thế gian vô pháp hữu pháp không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian vô pháp hữu pháp không. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian độc không: Hiển thị ngũ ấm thế gian độc không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian độc không. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hay xuất sanh chư Phật, hay hiển thị tướng Phật thế gian. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật sâu xa nầy hiển thị tướng thế gian, đó là tướng chẳng sanh đời nầy, đời sau. Tại sao vậy? Vì các pháp không có tướng dùng sanh đời nầy, đời sau được". Ngài Tu Bồ Đề thưa:

“Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy vì sự lớn mà phát khởi, vì sự bất khả tư nghì mà phát khởi, vì sự bất khả xưng mà phát khởi, vì sự vô lượng mà phát khởi, vì sự vô đẳng mà phát khởi”. Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề, Bát nhã ba la mật nầy vì đại sự, vì bất khả tư nghì sự, vì bất khả xưng sự, vì vô đẳng đẳng sự, vì vô đẳng sự mà phát khởi. Thế nào Bát nhã ba la mật vì đại sự nên phát khởi? Nầy Tu Bồ Đề! Đại sự của chư Phật là: cứu tất cả chúng sanh, chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh. Thế nào Bát nhã ba la mật vì bất khả tư nghì sự nên phát khởi? Nầy Tu Bồ Đề! bất khả tư nghì sự là Phật pháp, là pháp của Như Lai, là pháp của đấng tự nhiên, là pháp của bực nhứt thiết trí. Thế nào là Bát nhã ba la mật vì bất khả xưng mà phát khởi? Nầy Tu Bồ Đề! Sự bất khả xưng là vì trong tất cả chúng sanh không ai có thể tư duy xưng lược được pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của đấng tự nhiên, pháp của bực nhứt thiết trí. Thế nào là Bát nhã ba la mật vì sự vô lượng mà phát khởi? Nầy Tu Bồ Đề! Trong tất cả chúng sanh không có ai thể lường được pháp của Phật, pháp của đấng Như Lai, pháp của đấng tự nhiên, pháp của bực nhứt thiết trí, thê nên Bát nhã ba la mật vì sự bất khả lượng mà phát khởi. Thê nào là Bát nhã ba la mật vì vô đẳng đẳng sự mà phát khởi? Nầy Tu Bồ Đề! Trong tất cả chúng sanh không ai có thể ngang bằng đức Phật huống là hơn, thế nên Bát nhã ba la mật vì sự vô đẳng đẳng mà phát khởi”. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật chỉ vì pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của đấng tự nhiên, pháp của bực nhứt thiết trí, là sự bất khả tư nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng mà phát khởi ư?” Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Đúng như vậy. Pháp của Phật, của Như Lai, của đấng tự nhiên, của bực nhứt thiết trí là sự bất khả tư nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng. sắc thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, pháp tánh, pháp tướng đều cũng bất khả tư nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng. Trong đây, tâm và tâm đều bất khả đắc. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc bất khả đắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí bất khả đắc nên sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí đều bất khả nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng. Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Do đâu mà vì sắc bất khả đắc nên sắc bất khả tư nghì, đến vô đẳng đẳng? Nhẫn đến do đâu mà vì nhứt thiết chủng trí bất khả đắc nên nhứt thiết chủng trí bất khả tư nghì đến vô đẳng đẳng?” Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Vì không ai có thể lường được sắc nhẫn đến không ai có thể lường được nhứt thiết chủng trí nên sắc bất khả đắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí bất khả đắc. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc tướng bất khả tư nghì nên không ai lường được nhẫn đến vì sắc tướng vô đẳng đẳng nên không ai lường được. Vì nhứt thiết chủng trí bất khả tư nghì nên không ai lường được nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí vô đẳng đẳng nên không ai lường được. Nầy Tu Bồ Đề! Ý của ông thế nào? Trong bất khả tư nghì đến trong vô đẳng đẳng chừng có thể được chăng? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đến nhứt thiết chủng trí chừng có thể được chăng?” Bạch đức Thế Tôn! Không thể được! Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! tất cả pháp đều bất khả tư nghì nhẫn đến cũng đều vô đẳng đẳng. Nầy Tu Bồ Đề! Phật pháp đây bất khả tư nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng. Đây gọi là Phật pháp bất khả tư nghì nhẫn đến gọi là vô đẳng đẳng. Nầy Tu Bồ Đề! Phật pháp bất khả tư nghì vì quá tư nghì vậy. Phật pháp bất xưng vì quá xưng vậy. Phật pháp bất khả lượng vì quá lượng vậy. Phật pháp vô đẳng đẳng vì quá đẳng

đẳng vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Do đây nên tất cả pháp bất khả tư nghì đến vô đẳng đẳng. Nầy Tu Bồ Đề! Bất khả tư nghì là gọi nghĩa ấy bất khả tư nghì, bất khả xưng là gọi nghĩa ấy bất khả xưng, bất khả lượng là gọi nghĩa ấy bất khả lượng, vô đẳng đẳng là gọi nghĩa ấy vô đẳng đẳng. Nầy Tu Bồ Đề! Pháp của chư Phật đây bất khả tư nghì đến vô đẳng đẳng. Bất khả tư nghì như hư không bất khả tư nghì, bất khả xưng như hư không bất khả xưng, bất khả lượng như hư không bất khả lượng, vô đẳng đẳng như hư không vô đẳng đẳng. Nầy Tu Bồ Đề! Đây gọi là Phật pháp bất khả tư nghì nhẫn đến vô đẳng đẳng. Phật pháp vô lượng như vậy. Tất cả Trời, Người, A Tu La không ai có thể tính lường nghĩ bàn được". Lúc đức Phật nói phẩm Phật pháp bất khả tư nghì, bất khả xưng, vô lượng , vô đẳng đẳng nầy, có năm trăm Tỳ Kheo và hai mươi Tỳ Kheo Ni vì chẳng thọ tất cả pháp nên phiền não hết, tâm được giải thoát, chứng A La Hán, sáu muôn Ưu Bà Tắc và ba muôn Ưu Bà Di xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, hai mươi đại Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn, sẽ được thọ ký trong Hiền Kiếp nầy.

*** 50. PHẨM THÀNH BIỆN THỨ NĂM MƯƠI

Lúc bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật rất sâu nầy vì đại sự mà phát khởi, vì bất khả tư nghì sự, vì bất khả xưng sự, vì bất khả lượng sự, vô đẳng đẳng sự mà phát khởi". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Bát nhã ba la mật rất sâu nầy vì bất khả tư nghì sự đến vì vô đẳng đẳng sự mà phát khởi, Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật chứa đựng năm ba la mật, chứa đựng mười tám không, chứa đựng tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, chứa đựng mười trí lực đến nhứt thiết chủng trí. Ví như nhà vua là bực tôn quý trong nước, bao nhiêu việc nước đều ủy nhiệm cho đại thần, nhà vua vô sự an vui nhàn nhã. Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Bao nhiêu pháp Thanh văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát, pháp Phật, tất cả đều ở trong Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật hay hoàn thành những sự việc đó. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật vì đại sự mà phát khởi nhẫn đến vì vô đẳng đẳng sự mà phát khởi. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật chẳng lấy sắc, chẳng dính sắc nên có thể hoàn thành được, chẳng lấy, chẳng dính thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng lấy, chẳng dính nhứt thiết chủng trí nên có thể hoàn thành được, chẳng lấy, chẳng dính quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chẳng lấy, chẳng dính Vô thượng Bồ đề nên Bát nhã ba la mật nầy có thể hoàn thành tất cả pháp". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! thế nào vì chẳng lấy, chẳng dính, sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến vì chẳng lấy, chẳng dính nhứt thiết chủng trí mà Bát nhã ba la mật hay hoàn thành tất cả pháp?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ý ông nghĩ thế nào? Vả thấy sắc, thấy thọ, tưởng, hành, thức có thể lấy, có thể dính được chăng? Nhẫn đến thấy nhứt thiết chủng trí có thể lấy, có thể dính được chăng?" Bạch đức Thế Tôn! Không thể được. Lành thay! Nầy Tu Bồ Đề! Đức cũng chẳng thấy sắc có thể lấy, có thể dính được nhẫn đến chẳng thấy nhứt thiết chủng trí có thể lấy, có thể dính được. Vì chẳng thấy nên chẳng lấy, vì chẳng lấy nên chẳng dính. Nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật cũng

chẳng thấy pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của đấng tự nhiên, pháp của bực nhứt thiết trí có thể lấy, có thể dính được. Vì chẳng thấy nên chẳng lấy, vì chẳng lấy nên chẳng dính. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát chẳng nên lấy, chẳng nên dính nơi sắc, nhẫn đến chẳng nên lấy, chẳng nên dính nơi pháp của bực nhứt thiết trí". Bấy giờ chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật rất sâu nầy khó thấy, khó hiểu chẳng thể suy nghĩ so sánh để biết được. Bực thiện xảo vi diệu trí huệ tịch diệt mới biết được. Người tin được Bát nhã ba la mật nầy, phải biết là đại Bồ Tát cúng dường nhiều đức Phật, gieo căn lành nhiều, gần gũi thiện tri thức, nên tin hiểu được Bát nhã ba la mật rất sâu nầy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu trong cõi Đại Thiên có bao nhiêu chúng sanh, tất cả đều làm người tín hành, người pháp hành, làm Bát Nhơn, làm Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, làm Bích Chi Phật hoặc trí hoặc đoạn, đều chẳng bằng được Bồ Tát nầy thật hành Bát nhã ba la mật trong một ngày. Tại sao vậy? Vì người tín hành, pháp hành nhẫn đến Bích Chi Phật hoặc trí hoặc đoạn chính là vô sanh pháp nhẫn của Bồ Tát". Đức Phật bảo chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Người tín hành, người pháp hành nhẫn đến Bích Chi Phật chính là vô sanh pháp nhẫn đến Bích Chi Phật chính là vô sanh pháp nhẫn của đại Bồ Tát. Nầy chư Thiên Tử! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm thì sẽ mau được Niết Bàn hơn thiện nam, thiện nữ vì cầu Thanh văn hay Bích Chi Phật mà lìa bỏ Bát nhã ba la mật, đi thật hành theo kinh khác hoặc một kiếp hoặc dưới một kiếp. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy nói rộng về pháp thượng diệu mà người tín hành, người pháp hành nhẫn đến đại Bồ Tát đều phải nên học. Học xong chứng được Vô thượng Bồ đề". Lúc bấy giờ chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đồng phát thanh rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy gọi là Ma ha ba la mật, gọi là bất khả tư nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng ba la mật. Người tín hành, pháp hành nhẫn đến Bích Chi Phật học Bát nhã ba la mật được thành đại Bồ Tát, được thành Vô thượng Bồ đề, Bát nhã ba la mật nầy cũng chẳng tăng, chẳng giảm". Bạch xong, chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đảnh lễ chưn Phật, nhiều Phật rồi trở về Thiên cung. Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà liền tin, liền hiểu. Người nầy từ nơi nào chết rồi sanh nhơn gian đây?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu đại Bồ Tát nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy liền tin, liền hiểu, chẳng quên, chẳng bỏ, chẳng thắc mắc, chẳng nghi, chẳng ăn năn mà vui mừng ưa nghe, nghe xong ghi nhớ chẳng rời lìa, hoặc lúc đi đứng hoặc lúc nằm ngồi chẳng hề quên sót, thường theo sát Pháp sư. Như trâu nghé theo sát trâu mẹ, Bồ Tát vì nghe Bát nhã ba la mật mà thường theo sát Pháp sư, khi được Bát nhã ba la mật miệng tụng, tâm hiểu, chánh kiến thông suốt. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đại Bồ Tát nầy từ loài người chết mà sanh trở lại trong nhơn gian nầy. Tại sao vậy? người cầu Phật đạo, đời trước nghe Bát nhã ba la mật rồi biên chép, cung kính, cúng dường, nên sau khi chết sanh trở lại nhơn gian được nghe Bát nhã ba la mật liền tin, liền hiểu". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Có vị Bồ Tát nào ở phương khác thành tựu công đức trên đây, cúng dường chư Phật rồi bỏ thân mà đến sanh tại nhơn gian nầy, được nghe Bát nhã ba la mật liền tin, liền hiểu, biên chép, đọc tụng, chánh ức niệm chăng?" Đức Phật phán: "Có. Ở phương khác,

Bồ Tát thành tựu công đức trên đây, cúng dường chư Phật, bỏ thân đến sanh tại nhơn gian nầy được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa liền tin, liền hiểu, biên chép, thọ trì, đọc tung, chánh ức niệm. Phải biết đó là do công đức thành tựu ở đời trước nên được như vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Có Bồ Tát ở nơi Di Lặc Bồ Tát được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa, do căn lành ấy mà đến tại nhơn gian nầy. Nầy Tu Bồ Đề! Lại có Bồ Tát đời trước nghe Bát nhã ba la mật mà chẳng thưa hỏi những cớ sự trong đó. Vì không thưa hỏi nên đến sanh tại nhơn gian nghe Bát nhã ba la mật, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy lòng họ tiếp tục nghi ngờ, khó tỏ ngộ. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát đời trước hoặc nghe Thiền ba la mật, hoặc nghe Tinh tấn ba la mật, hoặc nghe Nhẫn nhục ba la mật, hoặc nghe Trì giới ba la mật, hoặc nghe Bố thí ba la mật mà không thưa hỏi cớ sự trong đó. Vì đời trước không thưa hỏi nên đến sanh tại nhơn gian nầy, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa lòng họ tiếp tục nghi ngờ, khó tỏ ngộ. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đời trước Bồ Tát hoặc nghe nội không, ngoại không nhẫn đến nghe nhứt thiết chủng trí mà không thưa hỏi cớ sự trong ấy, vì đời trước không thưa hỏi để được hiểu quyết định nên đến sanh tại nhơn nầy, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa lòng họ nghi ngờ, khó tỏ ngộ. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu đời trước Bồ Tát nghe Bát nhã ba la mật sâu xa rồi thưa hỏi sự việc trong ấy mà không thật hành, khi bỏ thân sanh đời sau nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy trong khoảng một ngày hoặc hai, ba, bốn, năm ngày, lòng họ vững chắc không ai phá hoại được. Nếu họ xa rời chỗ nghe thì sẽ thối thất. Tại sao vậy? Vì ở đời trước, lúc nghe Bát nhã ba la mật dầu họ có thưa hỏi sự việc trong ấy nhưng họ chẳng thật hành đúng như lời. Người nầy có lúc muốn nghe, tâm chẳng vững chắc, chí chẳng quyết định, như cái lông nhẹ, theo gió mà bay mà bay qua Đông hoặc qua Tây. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ Tát nầy phát tâm chẳng được lâu, chẳng thường gần gũi thiện tri thức, chẳng cúng dường nhiều Phật, đời trước dầu được nghe mà chẳng biên chép, chẳng đọc tụng, chẳng chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, chẳng học sáu ba la mật, chẳng học nội không, ngoại không nhẫn đến chẳng học nhứt thiết chủng trí. Bồ Tát mới phát tâm Đại thừa, vì ít tin ít thích nên chẳng đọc tụng, chẳng chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, chẳng thể biên chép được nhẫn đến chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo mà chẳng biên chép, chẳng thọ trì nhẫn đến chẳng chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, cũng chẳng được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, nhẫn đến cũng chẳng được sự gia hộ của nhứt thiết chủng trí. Người nầy cũng chẳng thật hành Bát nhã ba la mật đúng như lời. Người nầy hoặc sa vào bực Thanh văn hoặc Bích Chi Phật. Tại sao vậy? Người nầy chẳng biên chép nhẫn đến thật hành Bát nhã ba la mật được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật sâu xa, thế nên họ sẽ sa vào trong hai thừa ấy".

*** 51. PHẨM THÍ DỤ THỨ NĂM MƯƠI MỐT

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ví như thuyền hư chìm giữa biển lớn, nếu người nào trong thuyền chẳng nắm phao, chẳng ôm cây ván hoặc tử thi, phải biết những người

ấy không thể vào bờ và sẽ chìm chết. Người nào nắm phao hoặc ôm cây ván, tử thi, phải biết người nầy chẳng bị chìm chết, sẽ được vào đến bờ an ổn tự tại. Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, nếu chỉ có lòng tin ưa mà chẳng y Bát nhã ba la mật, chẳng biên chép, chẳng thọ trì, chẳng đọc, chẳng tụng, chẳng giảng thuyết, chẳng chánh ức niệm, với năm ba la mật kia nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng đều chẳng y, chẳng biên chép, đọc tụng, chánh ức niệm, phải biết thiện nam, thiện nữ nầy giữa đường suy hao, chẳng đến được nhứt thiết chủng trí, sẽ chứng lấy bực Thanh văn hoặc Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, có đức tin, đức nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, y Bát nhã ba la mật, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, người nầy được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật sâu xa, nhẫn đến được sự gia hộ của nhứt thiết chủng trí. Vì được gia hộ nên người nầy chẳng giữa đường suy hao, vượt khỏi bực Thanh văn, Bích Chi Phật, hay tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, sẽ chứng Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có người dùng cáo bình đất chưa nung chín để múc nước, phải biết không bao lâu cái bình ấy sẽ bể rã, trở về nơi đất. Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ dầu có tâm Vô thượng Bồ đề, có đức tin, đức nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, mà chẳng được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật sâu xa nhẫn đến của nhứt thiết chủng trí, người nầy giữa đường suy hao, sẽ sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có người dùng bình đất đã nung chín để múc nước, phải biết cái bình nầy sẽ chứa được mà không rã. Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ cầu Vô thượng Bồ đề, có đức tin, đức nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, giải, xả, tinh tấn, lại được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật sâu xa nhẫn đến của nhứt thiết chủng trí, phải biết người nầy chẳng suy hao giữa đường mà vượt khỏi bực Thanh văn, Bích Chi Phật, hay tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, chứng được Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ví như thuyền trang bị chưa hoàn thành mà chở tài vật vượt biển khơi, sẽ biết thuyền nầy sẽ hư chìm giữa đường, người một nơi, thuyền và tài vật chìm trôi một ngả. Vì phương tiện không đầy đủ nên lái buôn phải mất tài vật. Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ dầu có tâm Bồ đề, có đức tin, có nhẫn, nguyện, tịnh tâm, thâm tâm đến tinh tấn mà không được phương tiện lực của Bát nhã ba la mật nhẫn đến của nhứt thiết chủng trí gia hộ, phải biết người nầy giữa đường suy hao, mất đại trân bảo nhứt thiết chủng trí, sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như người có trí, trang bị thuyền lớn hoàn hảo, sau đó mới hạ thuyền xuống biển chuyên chở tài vật, phải biết thuyền nầy tất không hư giữa đường, sẽ đến được chỗ muốn đến. Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, có đức tin, có nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, giải, xả, tinh tấn, lại được phương tiện lực của Bát nhã ba la mật đến nhứt thiết chủng trí gia hộ, phải biết người nầy sẽ được Vô thượng Bồ đề, không bị suy hao giữa đường, sa vào Thanh văn, Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có người tuổi già hơn trăm, suy yếu nhiều bịnh. Người già bịnh nầy nằm liệt trên giường không thể dậy đi được, hoặc có dậy đi được cũng không thể bước đi xa một, hai mươi dặm được. Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ dầu có tâm Bồ đề có đức tin, nhẫn có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, giải, xả, tinh tấn nhưng chẳng được phương tiện lực của Bát nhã ba la mật gia hộ, nhẫn đến chẳng được phương tiện lực của nhứt thiết chủng trí gia hộ, phải biết người

nầy giữa đường sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật. Như người già hơn trăm tuổi, suy yếu nhiều bịnh muốn đứng dậy bước đi, có hai người khỏe mạnh tận lực kèm dìu hai bên, nhờ đó người già bịnh đi đến được chỗ muốn. Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, có đức tin, có nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có dục, giải, xả, tinh tấn, lại được phương tiện lực của Bát nhã ba la mật nhẫn đến của nhứt thiết chủng trí gai hộ, phải biết người nầy giữa không sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật mà đến được chỗ muốn đến, đó là Vô thượng Bồ đề". Đến đây đức Phật lại khen Ngài Tu Bồ Đề: "Lành thay, lành thay! Tu Bồ Đề vì chư Bồ Tát mà thưa hỏi nơi Như Lai sự việc như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! nếu có thiện nam, thiện nữ từ lúc mới phát tâm đến nay dùng tâm ngã ngã sở mà bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Lúc bố thí nhẫn đến trí huệ, người nầy có quan niệm: Tôi là thí chủ, tôi bố thí cho người ấy, tôi bố thí vật ấy, nhẫn đến có quan niệm tôi là người tu trí huệ, tôi tu trí huệ ấy, tôi có trí huệ. Người nầy chẳng biết, thử ngạn, chẳng được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật nhẫn đến chẳng được sự gia hộ của nhứt thiết chủng trí. Vì trong Bát nhã ba la mật nhân đến trong Đàn na ba la mật không có sự phân biệt như vậy. Xa lìa thử ngạn, bỉ ngạn, đó là tướng của sáu ba la mật. Vì không được gia hộ nên người nầy chẳng đến nhứt thiết chủng trí mà sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào là người cầu Phật đạo mà không có phương tiện? Người cầu Phật đạo từ lúc sơ phát tâm đến nay không có sức phương tiện trong khi thật hành sáu độ, người nầy quan niệm rằng tôi là thí chủ bố thí cho người và dùng tài vật ấy để bố thí, nhẫn đến quan niệm rằng tôi tu huệ ấy, có huệ ấy, do đó mà có quan niệm tự cao: Nơi bố thí tự cao, trì giới tự cao, nhẫn nhục tự cao, tinh tấn tự cao, thiền định tự cao, trí huệ tự cao. người nầy không biết rằng không phân biệt nhớ tưởng, xa lìa thử ngạn, bỉ ngạn là tướng của sáu ba la mật. Vì không biết thử ngạn, không biết bỉ ngạn nên người nầy không được thủ hộ của Đàn na ba la mật nhẫn đến không được thủ hộ của nhứt thiết chủng trí, do đó không thể đến được nhứt thiết chủng trí mà phải sa vào bực Thanh văn hay Bích Chi Phật. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! đại Bồ Tát nếu chẳng được sức phương tiện của Bát nhã ba la mật thủ hộ, tất phải sa vào bực Thanh văn hay Bích Chi Phật. Nếu được sự gia hộ của phương tiện lực Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát tất mau được Vô thượng Bồ đề, không bị sa vào bực Thanh văn hay Bích Chi Phật. Thế nào là được sự gia hộ? Nầy Tu Bồ Đề! Từ ban sơ đến nay, Bồ Tát dùng sức phương tiện mà bố thí, không tâm nghĩ có ngã ngã sở nhẫn đến không tâm ngã ngã sở mà tu trí huệ. Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng tôi có bố thí, đó là của tôi bố thí, chẳng vì bố thí mà tự cao, nhẫn đến chẳng vì trí huệ mà tự cao. Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng tôi là thí chủ, tôi bố thí cho người ấy, tôi đem vật ấy để bố thí, nhẫn đến chẳng nghĩ rằng tôi tu trí huệ, tôi có trí huệ ấy. Tại sao vậy? Vì trong Đàn na ba la mật không có sự phân biệt như vậy, xa lìa thử ngạn, bỉ ngạn là tướng của Đàn na ba la mật, nhẫn đến xa lìa thử ngạn, bỉ ngạn là tướng Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật không sự nhớ nghĩ, phân biệt như vậy. Bồ Tát nầy biết thử ngạn, biết bỉ ngạn. Bồ Tát nầy được Đàn na ba la mật hộ niệm nhẫn đến được Bát nhã ba la mật hộ niệm, được nội không, ngoại không nhẫn đến được nhứt thiết chủng trí họ niệm. Vì được sự hộ niệm đó nên Bồ Tát nầy chẳng sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật mà được đến bực nhứt thiết chủng trí. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! đại Bồ Tát vì được phương tiện lực

của Bát nhã ba la mật gia hộ nên chẳng sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật mà mau được Vô thượng Bồ đề".

*** 52. PHẨM THIỆN TRI THỨC THỨ NĂM MƯƠI HAI

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Hàng tân học Bồ Tát phải học sáu ba la mật như thế nào?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu muốn học sáu ba la mật, hàng tân học Bồ Tát phải trước cúng dường gần gũi bực thiện tri thức hay giảng nói Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Thiện tri thức ấy giảng dạy rằng: Nầy thiện nam tử! Có bao nhiêu bố thí đều hồi hướng Bồ đề tất cả, có bao nhiêu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ đều hồi hướng Vô thượng Bồ đề tất cả. Ngươi chớ cho sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Vô thượng Bồ đề, chớ cho sáu ba la mật là Vô thượng Bồ đề, chớ cho nội không nhân đến vô pháp hữu pháp không là Vô thượng Bồ đề, chớ cho tứ niệm xứ đến bát thánh đạo là Vô thượng Bồ đề, chớ cho mười trí lực đến mười tám pháp bất cộng là Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì chẳng nắm lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì được Vô thượng Bồ đề, chẳng nắm lấy sáu ba la mật nhẫn đến chẳng nắm lấy mười tám pháp bất cộng thì được Vô thượng Bồ đề. Nầy thiện nam tử! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy chớ tham sắc, chớ tham thọ, tưởng, hành, thức, chớ tham sáu ba la mật nhẫn đến chớ tham nhứt thiết chủng trí. Vì sắc chẳng phải cái có thể tham được, nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí chẳng phải có cái để tham được. Nầy thiện nam tử! Chớ tham quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chớ tham bực Bồ Tát, chớ tham Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì Vô thượng Bồ đề chẳng phải cái có thể được. Tại sao vậy? Vì pháp tánh không vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chư Bồ Tát hay làm việc khó: ở trong pháp tánh không mà cầu Vô thượng Bồ đề, mà muốn được Vô thượng Bồ đề. Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! đại Bồ Tát hay làm được việc khó: Ở trong pháp tánh không mà cầu Vô thượng Bồ đề, mà muốn được Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Vì muốn an ổn thế gian nên chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề, vì muốn an lạc thế gian, cứu thế gian, làm chỗ về cho thế gian, làm chỗ ý cứ cho thế gian, làm cồn đảo cho thế gian, làm nhà dìu dắt thế gian, làm con đường rốt ráo cho thế gian, làm chỗ đến cho thế gian mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào vì an ổn thế gian, vì an lạc thế gian mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề để cứu với lục đạo chúng sanh ra khỏi lo khổ sấu não, đặt lên bờ Niết Bàn vô úy. Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào vì cứu thế gian mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề cứu khổ sanh tử cho chúng sanh, thuyết pháp cho chúng sanh, chúng sanh được nghe pháp lần lần do ba thừa mà được độ thoát. Nầy Tu Bồ Đề! thế nào là vì làm chỗ về cho thế gian mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề cứu chúng sanh ra khỏi tướng sanh, già, bịnh, chết, lo buồn sầu não, đặt chúng nơi bờ Niết Bàn vô úy. Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào vì làm chỗ y cứ cho thế gian mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề vì chúng sanh

mà nói tất cả pháp không chỗ y cứ". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tất cả pháp không chỗ y cứ?" Đức Phật dạy: "Nầy Tu Bồ Đề! Sắc chẳng tương tục đó là sắc không sanh, sắc không sanh đó là sắc không diệt, sắc không diệt đó là sắc không chỗ y cứ. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức đến nhứt thiết chủng trí cũng vậy. Nầy Tu Bồ Đề! thế nào vì làm con đường rốt ráo cho thế gian mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Lúc được Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát vì chúng sanh mà nói pháp như vầy: Tướng rốt ráo của sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến của nhứt thiết chủng trí chẳng phải sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng phải nhứt thiết chủng trí. Như tướng rốt ráo, tất cả pháp tướng đều như vậy". Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều như tướng rốt ráo, tại sao chư đại Bồ Tát đều phải được Vô thượng Bồ đề. Vì trong tướng rốt ráo của sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến trong tướng rốt ráo của nhứt thiết chủng trí đều không có phân biệt là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến không có phân biệt là nhứt thiết chủng trí". Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Trong tướng rốt ráo của sắc, của thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến không có phân biệt là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến không có phân biệt là nhứt thiết chủng trí. Tu Bồ Đề! Đây là việc khó của đại Bồ Tát: quán sát tướng tịch diệt của các pháp mà tâm Bồ Tát chẳng mất, chẳng bỏ. Vì đại Bồ Tát nghĩ rằng pháp sâu xa như vậy tôi phải biết như vậy, lúc được Vô thượng Bồ đề sẽ vì chúng sanh mà nói pháp tịch diệt vi diệu như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào vì làm cồn đảo cho thế gian mà đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Trong sông trong biển, chỗ đất mà bốn phía đều bị nước cắt đứt thì gọi là cồn đảo. Cũng vậy, sắc trước sau đứt đoạn, thọ, tưởng, hành, thức trước sau đứt đoạn, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí trước sau đứt đoạn. Vì trước sau đứt đoạn nên tất cả pháp đều đứt đoạn. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp trước sau đứt đoạn đó là tịch diệt, đó là diệu bảo, tức là không, là vô sở đắc, nhiễn ái dứt sạch, là ly dục Niết Bàn. Lúc được Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát vì chúng sanh mà nói pháp tịch diệt vi diệu. Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào vì làm nhà dìu dắt thế gian mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề vì chúng sanh mà giảng nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, vì chúng sanh mà giảng nói thập nhị nhập, thập bát giới, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ không định, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, ngũ thần thông là chẳng sanh, diệt, chẳng cấu, tịnh, giảng nói Tu Đà Hoàn quả nhẫn đến nhứt thiết chủng trí là chẳng sanh, diệt, cấu, tịnh. Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào vì làm chỗ đến cho chúng sanh mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề! Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề vì chúng sanh mà giảng nói sắc đến không, thọ, tưởng, hành, thức đến không nhẫn đến nhứt thiết chủng trí đến không. Vì chúng sanh mà giảng nói sắc chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến, nhẫn đến giảng nói nhứt thiết chủng trí chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến. Tại sao vậy? Vì tướng không của sắc chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến, vì tướng không của thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến tướng không của nhứt thiết chủng trí chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến. Vì tất cả pháp đến không tức là đến mà chẳng có qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong không đều không có đến hay chẳng phải đến. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến vô tướng. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong vô tướng, đến và chẳng đến đều không có được. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến vô tác. Sự đến nầy là

chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong vô tác, đến và chẳng đến đều không có được. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến vô khởi, đến bất sanh diệt, đến bất cấu tịnh, đến vô sở hữu. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong vô khởi, trong vô sở hữu, trong bất sanh diệt, bất cấu tịnh, đến và chẳng đến đều không có được. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến mộng, ảo, hưởng, ảnh, hóa. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong mộng, ảo, hưởng, ảnh, hóa, đến và chẳng đến đều không có được. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến vô lượng vô biên. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong vô lượng vô biên, đến và chẳng đến đều không có được. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến chẳng cho, chẳng lấy. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong chẳng cho, chẳng lấy nầy, đến và chẳng đến đều không có được. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến chẳng cao, chẳng hạ. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong chẳng cao, chẳng hạ nầy, đến và chẳng đến đều không có được. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến bất tăng, bất giảm. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong bất tăng, bất giảm nầy, đến và chẳng đến đều không thể được. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến bất lai, bất khứ, bất nhập xuất, bất hiệp tán, bất trước đoạn. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong bất lai khứ, nhập xuất, hiệp tán, trước đoạn, đến và chẳng đến đều không có được. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến ngã, đến nhơn, đến chúng sanh, đến thọ giả, đến khởi, đến sử khởi, đến tác, đến sử tác, đến tri giả, đến kiến giả. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả đều rốt ráo không có được thì làm sao có đến, chẳng phải đến. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến thường, đến lạc, đến ngã, đến tịnh. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì thường, lạc, ngã, tịnh rốt ráo không có được thì làm sao có đến, chẳng đến. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến tham, sân, si, mạn, nghi, kiến. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì tham, sân, si, mạn, nghi, kiến rốt ráo không có được thì làm sao có đến, chẳng đến. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến như, đến pháp tánh, đến thiệt tế, đến bất tư nghì tánh. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong như, trong pháp tánh, thiệt tế, bất tư nghì tánh không có lai, không có khứ. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến bình đẳng, đến bất động tướng. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong bình đẳng, trong tướng bất động không có đến và chẳng đến. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến sắc, đến thọ, tưởng, hành, thức, đến thập nhị nhập, thập bát giới. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhập, giới đều chẳng có được thì làm sao có đến, chẳng đến. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến lục ba la mật nhẫn đến thập bát không, đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì sáu ba la mật nhẫn đến bát thánh đạo đều không có được thì làm sao có đến, chẳng đến. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến mười trí lực nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong nhứt thiết chủng trí không có đến và chẳng đến. Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô thượng Bồ đề. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến trong Vô thượng Bồ đề không có đến và chẳng đến". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! ai là người tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa nầy?" Đức Phật dạy: "Nầy Tu Bồ Đề! Có đại Bồ Tát từ trước ở chỗ chư Phật đã tu sáu ba la mật, thiện căn thuần thục, cúng dường vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật, thường gần gũi thiện tri thức. Những

người nầy hay tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa". Bạch đức Thế Tôn! Người hay tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa nầy có tánh gì, tướng gì, mạo gì? Tánh, tướng, mạo rời lìa tham, sân, si, đại Bồ Tát nầy tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa".

*** 53. PHẨM XU HƯỚNG NHỨT THIẾT TRÍ THỨ NĂM MƯƠI BA

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa nầy sẽ đến chỗ nào?" Đức Phật dạy: "Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa nầy sẽ đến nhứt thiết chủng trí". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hay đến nhứt thiết chủng trí nầy làm chỗ về đến cho tất cả chúng sanh, vì tu Bát nhã ba la mật vậy. Bạch đức Thế Tôn! Tu Bát nhã ba la mật là tu tất cả pháp. Bạch đức Thế Tôn! Không chỗ tu là tu Bát nhã ba la mật. Chẳng thọ tu, hư hoại tu là tu Bát nhã ba la mật". – Do pháp gì hư hoại mà Bát nhã ba la mật là hư hoại tu? – Bạch đức Thế Tôn! Vì sắc hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hư hoại tu. Vì thọ, tưởng, hành, thức hư hoại, vì thập nhị nhập, thập bát giới hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu. Vì ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu. Vì Đàn na ba la mật hoại nhẫn đến Bát nhã ba la mật hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu. Vì nội không hoại nhẫn đến mười tám pháp bất cộng hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu. Vì tứ niệm xứ hoại nhẫn đến nhứt thiết chủng trí hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu". Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc hoại nhẫn đến nhứt thiết chủng trí hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu. Lại nầy Tu Bồ Đề! Trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, bực bất thối địa Bồ Tát phải nghiệm biết. Nếu ở trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà chẳng trước chấp, phải biết đó là bực bất thối địa Bồ Tát. Nếu trong Thiền na ba la mật nhẫn đến trong nhứt thiết chủng trí mà chẳng trước chấp, phải biết đó là bực bất thối địa Bồ Tát. Lúc hành thâm Bát nhã ba la mật, bực bất thối địa Bồ Tát chẳng lấy lời người khác làm khẩn yếu, cũng chẳng làm theo lời chỉ bảo của người khác. Bực bất thối địa Bồ Tát chẳng bị tâm dục, tâm sân, tâm si kéo dắt, chẳng bao giờ rời lìa sáu ba la mật. Lúc nghe nói Bát nhã ba la mật sâu xa, bực bất thối địa Bồ Tát chẳng kinh sợ, chẳng ăn năn, nghi ngờ mà hoan hỉ ưa nghe, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm và thật hành đúng như lời. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ Tát nầy đời trước đã từng nghe sự việc trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy và đã thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy hiện tại có oai đức lớn, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa mà lòng không kinh sợ, ăn năn, nghi ngờ, lại hoan hỉ ưa nghe, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà không kinh sợ, lại ưa nghe nhẫn đến chánh ức niệm thì thật hành Bát nhã ba la mật nầy thế nào?" Đức Phật dạy: "Tùy thuận tâm nhứt thiết chủng trí, đây là chỗ phải thật hành Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát". – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tùy thuận tâm nhứt thiết chủng trí mà đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật phải như vậy? – Nầy Tu Bồ Đề! Lấy không để tùy thuận, lấy vô tướng, vô tác để tùy thuận, lấy vô sở hữu, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh để tùy thuận, đó là đại Bồ Tát thật hành Bát

nhã ba la mật sâu xa. Lấy như mộng, như ảo, diệm. hưởng, hóa để tùy thuận, đó là thật hành Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật tuyên dạy lấy không nhẫn đến lấy như mộng, ảo để tùy thuận, người thật hành Bát nhã ba la mật phải như vậy. Đại Bồ Tát nầy hành pháp gì? – Nầy Tu Bồ Đề! đại Bồ Tát chẳng hành nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng hành nơi nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì chỗ hành của Bồ Tát nầy không pháp làm, không pháp hoại, không từ đâu đến cũng chẳng đến đâu, không chỗ trụ, không tính được, không lường được. Nếu là không tính được, không lường được thì pháp ấy là chẳng thể được, chẳng thể dùng sắc để được nhẫn đến chẳng thể dùng nhứt thiết chủng trí để được. Tại sao vậy? Vì sắc tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là sắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là nhứt thiết chủng trí. Nếu sắc tướng như nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tướng như thì đều là như duy nhứt, không hai, không khác. Sắc tướng như, Bát nhã ba la mật tướng như: như duy nhứt, không hai, không khác. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tướng như, Bát nhã ba la mật tướng như: như duy nhất, không hai, không khác".

*** 54. PHẨM ĐẠI NHƯ THỨ NĂM MƯƠI BỐN

Lúc bấy giờ chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đem hương bột chiên đàn cõi Trời và những hoa sen xanh, đỏ, hồng, trắng cõi Trời vói rải cúng dường đức Phật, rồi đến chỗ đức Phật đảnh lễ chưn Phật đứng qua một phía mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Bồ đề của chư Phật thật là rất sâu, khó thấy, khó hiểu, chẳng thể suy gẫm mà biết được, là vi diệu tịch diệt, chỉ có bức trí mới biết được, ngoài ra tất cả thế gian chẳng thể tin được. Tại sao vậy? vì trong Bát nhã ba la mật sâu xa nói thế nầy: Sắc tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là sắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là nhứt thiết chủng trí. sắc tướng như, Bát nhã ba la mật tướng như là một như, không hai, không khác. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tướng như, Bát nhã ba la mật tướng như là một không hai, không khác".

Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Sắc tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là sắc. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật là nhứt thiết chủng trí. Sắc tướng như, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tướng như là một như, không hai, không khác. Thế nên, nầy chư Thiên Tử! Lúc mới thành đạo, lòng đức Phật muốn yên lặng chẳng muốn thuyết pháp. Tại sao vậy? Vì pháp Vô thượng Bồ đề của đức Phật chứng được rất sâu, khó thấy, khó hiểu, chẳng thể suy gẫm được, là vi diệu tịch diệt, chỉ bức trí biết được, còn tất cả thế gian chẳng thể tin được. Tại sao vậy? Vì Vô thượng Bồ đề không người được, không chỗ được, không thời gian được, đây là tướng rất sâu của các pháp, chính là không có hai pháp. Nầy chư Thiên Tử! Ví như vì hư không rất sâu nên pháp nầy rất sâu, vì như rất sâu nên pháp nầy rất sâu, vì pháp tánh, thiệt tế, bất khả tư nghì, vô biên rất sâu nên pháp nầy rất sâu , vì vô lai, vô khứ rất sâu nên pháp nầy rất sâu, vì bất sanh, bất diệt, vô cấu, vô tịnh, vô trí, vô đắc rất sâu nên pháp nầy rất sâu. Nầy chư Thiên Tử! Vì ngã rất sâu

nhẫn đến tri giả, kiến giả rất sâu nên pháp nầy rất sâu. Nầy chư Thiên Tử! Vì sắc rất sâu, thọ, tưởng, hành, thức rất sâu nên pháp nầy rất sâu. Vì sáu ba la mật nhẫn đến vô pháp hữu pháp không rất sâu nên pháp nầy rất sâu. Vì tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí rất sâu nên pháp nầy rất sâu". Chư thiên cõi Dục, cõi Sắc thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Pháp vừa đức Phật dạy, tất cả thế gian chẳng thể tin được. Bạch đức Thế Tôn! Pháp sâu xa nầy chẳng vì lấy hay bỏ sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà nói, nhẫn đến chẳng vì bỏ hay lấy nhứt thiết chủng trí mà nói. Các thế gian đều thọ lấy mà thật hành nào sắc là ngã, là ngã sở, nào thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là ngã sở, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí là ngã, là ngã sở". Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Pháp rất sâu xa nầy chẳng phải vì lấy hay bỏ sắc mà nói, nhẫn đến chẳng phải vì lấy hay bỏ nhứt thiết chủng trí mà nói. Nầy chư Thiên Tử! Nếu có Bồ Tát vì thọ lấy sắc nhẫn đến vì thọ lấy nhứt thiết chủng trí mà tu hành, Bồ Tát nầy chẳng tu hành được Bát nhã ba la mật, chẳng tu hành được Thiền na ba la mật nhẫn đến chẳng tu hành được nhứt thiết chủng trí". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Pháp rất sâu xa nầy tùy thuận tất cả pháp: Tùy thuận Đàn ba la mật nhẫn đến tùy thuận nhứt thiết chủng trí. Pháp nầy vô ngại: Chẳng ngại sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng ngại nhứt thiết chủng trí. Nầy chư Thiên Tử! Pháp nầy tên là vô ngại tướng, vì đồng như hư không, vì đồng như pháp tánh, pháp trụ, thiệt tế, bất khả tư nghì tánh, vì đồng như hư không, vô tướng, vô tác. Pháp nầy sanh tướng: Sắc chẳng sanh nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng sanh, vì bất khả đắc vậy. Pháp nầy không xứ sở, vì xứ sở của sắc nhẫn đến xứ sở của nhứt thiết chủng trí bất khả đắc vậy". Bấy giờ chư Thiên cõi Dục cõi Sắc thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ngài Tu Bồ Đề là Phật tử, tùy Phật sanh. Tại sao vậy? Vì chỗ nói của Ngài Tu Bồ Đề đều hiệp với không". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy chư Thiên Tử! Các Ngài bảo Tu Bồ Đề là Phật tử, tùy Phật sanh? Thế nào là tùy Phật sanh? Vì tướng như nên Tu Bồ Đề tùy Phật sanh. Tại sao vậy? Vì đức Như Lai tướng như chẳng lai, chẳng khứ, Tu Bồ Đề tướng như cũng chẳng lai, chẳng khứ, thế nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh. Lại Tu Bồ Đề từ nào đến giờ vẫn tùy Phật sanh. Tại sao vậy? Vì đức Như Lai tướng như tức là tất cả pháp tướng như, tất cả pháp tướng như tức là đức Như Lai tướng như. Trong tướng như nầy cũng không có tướng như. Thế nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh. Lại đức Như Lai như là tướng thường trụ, Tu Bồ Đề như cũng là tướng thường trụ. Đức Như Lai như tướng cũng không dị biệt. Thế nản Tu Bồ Đề là tùy thuận Phật sanh. Đức Như Lai tướng không có chỗ ngại, tất cả pháp như tướng cũng không có chỗ ngại, đây là Như Lai như tướng cùng nhứt thiết pháp như tướng là một như, không hai, không khác. Như tướng nầy vô tác trọn không chẳng như, nên như tướng nầy là như duy nhứt, không hai, không khác. Thế nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh. Đức Như Lai như tướng tất cả chỗ vô niệm, vô biệt, Tu Bồ Đề như tướng cũng tất cả chỗ vô niệm, vô biệt. Đức Như Lai như tướng chẳng dị biệt, chẳng thể được, Tu Bồ Đề cũng vậy. Thế nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh. Đức Như Lai như tướng chẳng xa rời các pháp như tướng, như: nầy trọn không chẳng như, vì như chẳng khác nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh, mà cũng không chỗ tùy. Lại đức Như Lai như tướng chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại, các pháp như tướng cũng chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại, thế nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh. Lại đức Như Lai như chẳng ở trong như quá khứ, chẳng ở

trong như vị lai, chẳng ở trong như hiện tại. Quá khứ như, vị lai như, hiện tại như cũng chẳng ở trong Như Lai như, là một như, không hai, không khác. Sắc như, Như Lai như, thọ, tưởng, hành, thức như, Như Lai như, là một như, không hai, không khác. Ngã như nhẫn đến tri giả như, Như Lai như, là một như, không hai, không khác. Đàn ba la mật như nhẫn đến nhứt thiết chủng trí như, Như Lai như, là một như, không hai, không khác. Đại Bồ Tát do được như vậy nên gọi là Như Lai". Lúc Ngài Tu Bồ Đề nói phẩm Như tướng trên đây, cõi Đại thiên thế giới nầy chấn động sáu cách. Chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đem bột chiên đàn hương Trời rải trên đức Phật, cũng rải trên Ngài Tu Bồ Đề mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Phật là chưa từng có. Ngài Tu Bồ Đề do đức Như Lai như mà tùy Phật sanh". Ngài Tu Bồ Đề lại nói với chư thiên: "Nầy các Ngài! Tu Bồ Đề chẳng từ trong sắc mà Phật sanh, cũng chẳng từ trong sắc như mà tùy Phật sanh. Tu Bồ Đề chẳng rời sắc mà tùy Phật sanh, cũng chẳng rời sắc như mà tùy Phật sanh. Nhẫn đến Tu Bồ Đề chẳng từ trong nhứt thiết chủng trí mà tùy Phật sanh, cũng chẳng trong nhứt thiết chủng trí mà tùy Phật sanh, chẳng rời nhứt thiết chủng trí như mà tùy Phật sanh. Tu Bồ Đề chẳng từ trong vô vi mà tùy Phật sanh, chẳng từ vô vi như mà tùy Phật sanh, chẳng rời vô vi mà tùy Phật sanh, cũng chẳng rời vô vi như mà tùy Phật sanh. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp ấy đều là vô sở hữu, đều là bất khả đắc, không người tùy sanh, cũng không pháp tùy sanh". Lúc bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như ấy chơn thiệt chẳng hư. Pháp tướng, pháp trụ, pháp vị rất sâu. Trong đây, sắc không thể được, sắc như không thể được. Tại sao vậy? Vì sắc còn không thể được, huống gì sắc như mà lại có thể được. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng thể được, nhứt thiết chủng trí như chẳng thể được. Tại sao vậy? Vì nhứt thiết chủng trí còn chẳng thể được, huống gì nhứt thiết chủng trí như mà lại có thể được". Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Như ấy chơn thiệt chẳng như. Pháp tướng, pháp trụ, pháp vị rất sâu. Trong đây, sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí đều chẳng thể được, sắc như nhẫn đến nhứt thiết chủng trí như đều chẳng thể được. Tại sao vậy? Vì sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí còn chẳng thể được, huống gì sắc như nhẫn đến nhứt thiết chủng trí như mà lại có thể được". Lúc Ngài Xá Lợi Phất nói như tướng trên đây, trong pháp hội có hai trăm vị Tỳ Kheo vì chẳng thọ tất cả pháp nên được hết phiền não, thành A La Hán, năm trăm Tỳ Kheo Ni xa trần lìa cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Năm ngàn đại Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn. Sáu ngàn Bồ Tát vì chẳng thọ tất cả pháp nên hết phiền não, tâm được giải thoát, thành A La Hán. Đức Phật phán dạy: "Nầy Xá Lợi Phất! Sáu ngàn Bồ Tát thành A La Hán trên đây, đời trước họ gặp năm trăm đức Phật, cúng dường, gần gũi. Họ thật hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Vì không có sức phương tiện của Bát nhã ba la mật nên họ thật hành biệt dị. Họ nghĩ rằng đây là bố thí, đây là trì giới, đây là nhẫn nhục, đây là tinh tấn, đây là thiền định. Vì không có Bát nhã ba la mật nên không có sức phương tiện. Vì không có sức phương tiện nên thật hành biệt dị. Vì biệt dị nên không được tướng không biệt dị. Vì không được tướng không biệt dị nên chẳng được vào bực Bồ Tát. Vì chẳng được vào bực Bồ Tát nên được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát dẫu thật hành Bồ Tát đạo mà xa rời Bát nhã ba la mật thì không có sức phương tiện, nên ở nơi thiệt tế chứng lấy mà thành quả vi Thanh văn thừa". Ngài Xá

Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! do nhơn duyên gì cũng đồng tu hành pháp không, vô tướng, vô tác, mà người không sức phương tiện thì chứng lấy thiệt tế, thành Thanh văn thừa, người có sức phương tiện lại được Vô thượng Bồ đề?” Đức Phật phán dạy: “Nầy Xá Lợi Phất! Có Bồ Tát vì rời tâm Bát nhã ba la mật mà tu pháp không, vô tướng, vô tác nên không có sức phương tiện, do đây mà thành Thanh văn thừa. Nầy Xá Lợi Phất! Lại có Bồ Tát chẳng rời tâm Bát nhã ba la mật mà tu pháp không, vô tướng, vô tác nên có sức phương tiện, do đây mà vào bực Bồ Tát, được Vô thượng Bồ đề. Nầy Xá Lợi Phất! Như thân chim dài lớn đến trăm do tuần hoặc hai trăm, ba trăm do tuần mà không có cánh, từ Trời Đao Lợi rơi xuống Diêm Phù Đề. Ý ngươi nghĩ sao, nấy Xá Lợi Phất! Giữa đường đang rơi, chim không cánh ấy muốn trở về cung Trời có được chăng?” – Bạch đức Thế Tôn! Không thể được. – Nầy Xá Lợi Phất! Chim ấy mong rằng sau khi rơi xuống Diêm Phù Đề, thân chim sẽ nguyên vẹn không đau đớn có được chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không thể được. Lúc đã rơi xuống đất, chim ấy tất phải đau đớn hoặc chết. Vì chi ấy thân thể đã lớn lại không cánh. – Cũng vậy, nầy Xá Lợi Phất! Bồ Tát dầu có thời gian kiếp số bằng cát sông Hằng, tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, sanh đại tâm, làm đại sự vì được Vô thượng Bồ đề mà thọ vô lượng nguyện, nếu xa rời sức phương tiện của Bát nhã ba la mật tất phải sa vào Thanh Văn thừa hoặc Bích Chi Phật. Nầy Xá Lợi Phất! Nếu Bồ Tát dầu tưởng niệm trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại nhưng lại tướng thọ trì, Bồ Tát nầy chẳng biết, chẳng hiểu chư Phật, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, chỉ nghe tiếng nói về danh tự, không, vô tướng, vô tác, rồi nắm lấy tiếng danh tự ấy để hồi hướng Vô thượng Bồ đề, Bồ Tát nầy trụ trong bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, không thể qua khỏi được. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát nầy xa rời sức phương tiện của Bát nhã ba la mật mà thọ trì các thiện căn để hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Nầy Xá Lợi Phất! Có Bồ Tát từ khi mới phát tâm đến nay không xa rời tâm Bát nhã ba la mật, tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, ví có sức phương tiện của Bát nhã ba la mật nên không nắm lấy tướng, ở nơi giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng nắm lấy tướng không, vô tướng, vô tác, giải thoát môn. Phải biết Bồ Tát nầy chẳng sa vào Thanh Văn, Duyên Giác mà thẳng đến Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát nầy từ nào vẫn không nắm lấy tướng trong khi tu các thiện căn: không nắm lấy tướng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, không nắm lấy tướng giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Nầy Xá Lợi Phất! đây gọi là Bồ Tát có sức phương tiện dùng tâm ly tướng mà tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, nhẫn đến dùng tâm ly tướng tu hành nhứt thiết chủng trí”. Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Như tôi nhận hiểu nghĩa của đức Phật nói, nếu đại Bồ Tát chẳng rời lìa sức phương tiện của Bát nhã ba la mật, phải biết Bồ Tát nầy gần Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì từ khi mới pháp tâm đến nay, Bồ Tát nầy không pháp biết được: hoặc là sắc hoặc là thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Bạch đức Thế Tôn! có thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo mà xa rời Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, phải biết người ấy nơi Vô thượng Bồ đề hoặc được hoặc chẳng được. Tại sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo ấy có bố thí đều

nắm lấy tướng, có trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định đều nắm lấy tướng, thế nên chẳng nhứt định được Vô thượng Bồ đề. Bạch đức Thế Tôn! Vì cớ trên đây nên đại Bồ Tát muốn được Vô thượng Bồ đề chẳng nên xa rời sức phương tiện của Bát nhã ba la mật. đại Bồ Tát nầy trụ trong sức phương tiện của Bát nhã ba la mật, dùng tâm vô tướng, vô đắc xứng đáng tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Nhẫn đến dùng tâm vô tướng, vô đắc cứng đáng tu nhứt thiết chủng trí". Lúc bấy giờ chư Thiên cõi Sắc, cõi Dục bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Bồ đề thiệt là khó được. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát phải biết tất cả các pháp rồi mới được Vô thượng Bồ đề, pháp ấy cũng chẳng thể được". Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Vô thượng Bồ đề rất khó được. Đức Phật cũng đã được tất cả pháp nhứt thiết chủng trí rồi được Vô thượng Bồ đề, cũng không chỗ được, không hay biết, không bị biết, không người biết. Tại sao vậy? Vì các pháp rốt ráo thanh tịnh vậy". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như lời dạy của Phật, Vô thượng Bồ đề rất khó được. Theo tôi hiểu nghĩa của Phật dạy thì Vô thượng Bồ đề nầy rất dễ được. Tại sao vậy? Vì không có người được Vô thượng Bồ đề, cũng không có pháp bị được, tất cả pháp, tất cả pháp tướng không: không pháp bị được, không người hay được, vì tất cả pháp không vậy. Cũng không pháp tăng được, không pháp giảm được. Từ bố thí nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, các pháp nầy đều không có cái bị được, không có ai hay được. Do đây nên theo ý tôi thì Vô thượng Bồ đề dễ được. Tại sao vậy? Vì sắc sắc tướng không nhẫn đến nhứt thiết chủng trí nhứt thiết chủng trí tướng không". Ngài Xá Lợi Phất nói với Nầy Tu Bồ Đề: "Thưa Ngài! Nếu tất cả pháp không như hư không, hư không kia chẳng nghĩ rằng tôi sẽ được Vô thượng Bồ đề. Nếu đại Bồ Tát tin hiểu tất cả pháp không như hư không mà Vô thượng Bồ đề nầy dễ được, tại sao hiện nay có hằng hà sa Bồ Tát cầu Vô thượng Bồ đề lại thối chuyển? Thế nên biết rằng Vô thượng Bồ đề chẳng phải dễ được". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Nơi Vô thượng Bồ đề, sắc, thọ, tưởng, hành, thức có thối chuyển chăng? Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí có thối chuyển chăng?" – Không có thối chuyển. – Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Nơi Vô thượng Bồ đề, rời sắc, thọ, tưởng, hành, thức có pháp gì thối chuyển chăng? Nhẫn đến rời nhứt thiết chủng trí có pháp thối chuyển già chăng? – Không có thối chuyển! – Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ý Ngài nghĩ thế nào? Sắc như tướng, thọ như tướng nhẫn đến rời nhứt thiết chủng trí như tướng, nơi Vô thượng Bồ đề có thối chuyển chăng? – Không có gì thối chuyển! – Thưa ngài Xá Lợi Phất! Rời sắc như tướng nhẫn đến rời nhứt thiết chủng trí như tướng, có pháp gì thối chuyển nơi Vô thượng Bồ đề chăng? – Không có pháp thối chuyển. – Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nơi Vô thượng Bồ đề như có thối chuyển chăng? Nhẫn đến pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thiệt tế, bất tư nghì tánh, nơi Vô thượng Bồ đề có thối chuyển chăng? – Không có thối chuyển. – Thưa ngài Xá Lợi Phất! Rời như, rời pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thiệt tế, bất tư nghì tánh, nơi Vô thượng Bồ đề có pháp gì thối chuyển chăng? – Không có pháp gì thối chuyển. – Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu các pháp rốt ráo chẳng thể được thì pháp gì thối chuyển nơi Vô thượng Bồ đề? – Như lời Ngài Tu Bồ Đề nói, trong pháp nhẫn ấy không có Bồ Tát thối chuyển nơi Vô thượng Bồ đề. Nếu không thối chuyển, cứ theo đức Phật dạy, người cầu đạo có ba hạng: A La Hán đạo, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo, ba hạng nầy là không sai

khác. Như lời Tu Bồ Đề nói thời chỉ có một hạng đại Bồ Tát cầu Phật đạo thôi". Bây giờ Ngài Mãn Từ Tử bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Ngài nên hỏi Tu Bồ Đề là có một Bồ Tát thừa chăng?" Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Phải chăng Ngài muốn nói có một Bồ Tát thừa?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ở trong chư pháp như, Ngài muốn có ba thừa: Thanh Văn, Bích Chi Phật và Phật thừa chăng?" – Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không. – Thưa ngài Xá Lợi Phất! Trong ba thừa sai biệt ấy có như để được chăng? – Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không. – Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như ấy có một tướng, hai tướng, ba tướng chăng? – Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không. – Thưa ngài Xá Lợi Phất! Trong như ấy, Ngài muốn có nhiều Bồ Tát nhẫn đến có một Bồ Tát được chăng? – Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không. – Thưa ngài Xá Lợi Phất! Trong bốn thứ ấy đều không thể có được người ba thừa, sao Xá Lợi Phất lại nghĩ rằng người cầu Thanh Văn thừa, người cầu Bích Chi Phật thừa, người cầu Phật thừa? Thưa ngài Xá Lợi Phất! đại Bồ Tát nghe chư pháp như tướng nầy mà lòng chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng ăn năn, chẳng nghi thì gọi là đại Bồ Tát hay thành tựu Vô thượng Bồ đề". Đức Phật khen Ngài Tu Bồ Đề: "Lành thay! Lành thay! Nầy Tu Bồ Đề! Lời của ngươi nói đó đều là Phật lực. Nếu đại Bồ Tát nghe nói như ấy không có các pháp biệt dị mà chẳng kinh sợ, nghi ngờ, phải biết Bồ Tát nầy hay thành tựu Vô thượng Bồ đề". Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thành tựu Bồ Đề nào?" Đức Phật dạy: "Thành tựu Phật Vô thượng Bồ đề". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tu hành thế nào?" Đức Phật dạy: "Phải sanh khởi tâm bình đẳng với tất cả chúng sanh, cũng dùng tâm bình đẳng khi nói với họ, không có thiên lệnh. Với tất cả chúng sanh phát khởi tâm đại từ, cũng dùng tâm đại từ khi nói với họ. Với tất cả chúng sanh phải có tâm khiêm hạ, cũng dùng tâm khiêm hạ khi nói với họ. Với tất cả chúng sanh phải có tâm làm an ổn, cũng dùng tâm làm an ổn khi nói với họ. Với tất cả chúng sanh phải có tâm vô ngại, cũng dùng tâm vô ngại khi nói với họ. Với tất cả chúng sanh phải có tâm không não hại, cũng dùng tâm không não hại nói với họ. Với tất cả chúng sanh phải có tâm ái kính, cũng dùng tâm ái kính khi nói với họ. Ái kính họ như cha mẹ, như anh chị em, như con cháu, như bà con, như bạn bè. đại Bồ Tát nầy phải tự mình chẳng sát sanh, cũng chẳng dạy người khác chẳng sát sanh, khen ngợi pháp chẳng sát sanh, vui mừng khen ngợi các người chẳng sát sanh. Nhẫn đến tự mình phải không tà kiến, cũng dạy người khác không tà kiến, khen ngợi pháp không tà kiến, vui mừng khen ngợi những người không tà kiến. Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tu hành như vậy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tu hành sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, phải tự tu hành từ tâm, bi tâm, hỉ tâm, xả tâm, phải tự tu hành không xứ định, thức xức định, vô sở hữu xứ định, phi phi tưởng xứ định, khen ngợi pháp sơ thiền đến pháp phi phi tưởng xứ định, vui mừng khen ngợi những người tu hành sơ thiền đến tu hành phi phi tưởng xứ định. Phải tự mình đầy đủ Đàn ba la mật, Thi ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, cũng dạy người khác đầy đủ sáu ba la mật, khen ngợi sáu pháp ba la mật, vui mừng khen ngợi những người đầy đủ sáu ba la mật. Nầy Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tự mình tu nội không nhẫn đến bát thánh đạo, tự tu không, vô tướng, vô tác, tam muội, tự tu bát bội xả, tự tu cửu thứ đệ định,

cũng dạy người khác tu nội không nhẫn đến cửu thứ đệ định, khen ngợi các pháp nội không nhẫn đến cửu thứ đệ định, vui mừng ngợi khen những người tu nội không nhẫn đến cửu thứ đệ định. Đại Bồ Tát phải tự đầy đủ mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, cũng dạy người khác đầy đủ mười trí lực nhẫn đến đại từ đại bi, khen ngợi các pháp ấy, vui mừng khen ngợi những người đấy đủ mười trí lực nhẫn đến đại từ đại bi. Đại Bồ Tát phải tự mình thuận quán, nghịch quán mười hai nhơn duyên, cũng dạy người khác thuận quán, nghịch quán mười hai nhơn duyên, khen ngợi pháp quán ấy và vui mừng khen ngợi người thật hành. Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tu hành như vậy. Đại Bồ Tát lại phải tự mình biết khổ dứt tập chứng diệt tu đạo, cũng dạy người biết khổ dứt chứng diệt tu đạo, khen ngợi pháp biết dứt chứng tu ấy và vui mừng khen ngợi người biết khổ dứt tập chứng diệt tu đạo. Đại Bồ Tát tự mình phát sanh chứng trí quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến tự phát sanh chứng trí quả Bích Chi Phật mà chẳng tự chứng lấy quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chẳng tự chứng lấy quả Bích Chi Phật, cũng dạy người khác chứng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến dạy người khác chứng quả Bích Chi Phật, khen ngợi pháp Tu Đà Hoàn quả nhẫn đến khen ngợi pháp Bích Chi Phật đạo, vui mừng khen ngợi người chứng nhập qủ Tu Đà Hoàn nhẫn đến người chứng nhập Bích Chi Phật đạo. Đại Bồ Tát tự mình nhập Bồ Tát vị, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, cũng dạy người khác nhập Bồ Tát vị, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, khen ngợi pháp nhập Bồ Tát vị, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, vui mừng khen ngợi người nhập Bồ Tát vị, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh. Đại Bồ Tát tự ình phát khởi Bồ Tát thần thông, tự sanh nhứt thiết chủng trí, cũng dạy người khác phát khởi Bồ Tát thần thông, sanh nhứt thiết chủng trí, khen ngợi pháp phát khởi Bồ Tát thần thông, pháp sanh nhứt thiết chủng trí, vui mừng khen ngợi người phát khởi Bồ Tát thần thông, sanh nhứt thiết chủng trí. Đại Bồ Tát phải tự dứt tập khí tất cả kiết sử, cũng dạy người dứt tập khí tất cả kiết sử, khen ngợi pháp dứt tập khí, vui mừng khen ngợi người dứt tập khí tất cả kiết sử. Lại nầy Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tự nắm lấy thọ mạng thành tựu, cũng dạy người nắm lấy thọ mạng thành tựu, khen ngợi pháp nắm lấy thọ mạng thành tựu, vui mừng khen ngợi người nắm lấy thọ mạng thành tựu. Đại Bồ Tát thành tựu pháp trụ, cũng dạy người thành tựu pháp trụ, khen ngợi pháp thành tựu pháp trụ, vui mừng khen ngợi người thành tựu pháp trụ. Nầy Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tu hành như vậy. Cũng phải học sức phương tiện của Bát nhã ba la mật như vậy. Lúc học như vậy, Bồ Tát nầy sẽ được sắc vô ngại, sẽ được thọ, tưởng, hành, thức vô ngại, nhẫn đến sẽ được pháp trụ vô ngại. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy từ trước nhẫn lại chẳng thọ lấy sắc, chẳng thọ lấy thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến chẳng thọ lấy nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì sắc mà chẳng người thọ là chẳng phải sắc. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí mà chẳng người thọ là chẳng phải nhứt thiết chủng trí". Lúc nói Bồ Tát hạnh nầy, có hai ngàn Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn.

*** 55. PHẨM BẤT THỐI CHUYỂN THỨ NĂM MƯƠI LĂM

Lúc bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Do hạnh gì, loại gì, tướng mạo gì mà biết là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển?” Đức Phật dạy: “Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát biết được bậc phàm phu, bậc Thanh Văn, bậc Bích Chi Phật và bậc Phật. Trong tướng như của các bậc ấy không hai, không khác, cũng chẳng nghĩ, chẳng phân biệt. Vào trong như ấy, nghe sự ấy suốt thẳng qua không nghi. Tại sao vậy? Vì trong như ấy không một tướng, không hai tướng. Đại Bồ Tát nầy cũng chẳng nói lời vô ích, chỉ nói toàn lời lợi ích, chẳng nhìn đến chỗ hay dỡ của người khác. Nầy Tu Bồ Đề! Do những hạnh, loại, tướng mạo như vậy mà biết được bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển”. – Bạch đức Thế Tôn! Lại còn do hạnh, loại, tướng mạo nào mà biết là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển? – Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có thể xem thấy được tất cả pháp không hạnh, không loại, không tướng mạo, phải biết đây là bậc bất thối chuyển. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không hạnh, không hoại, không tướng mạo, đại Bồ Tát chuyển những pháp gì mà gọi là bậc bất thối chuyển? – Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát ở trong sắc mà chuyển nhẫn đến ở trong Vô thượng Bồ đề mà chuyển thì gọi là đại Bồ Tát bất thối chuyển. Tại sao vậy? Vì sắc tánh không nhẫn đến Vô thượng Bồ đề tánh không thì Bồ Tát nầy sẽ trụ chỗ nào. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng nhìn xem diện mạo, ngôn ngữ của ngoại đạo, của Sa Môn, của Bà La Môn. Bồ Tát chẳng bao giờ có sự nghĩ rằng các nhà ngoại đạo, Sa Môn, Bà La Môn nầy thiệt biết, thiệt thấy hoặc nói chánh kiến. Bồ Tát chẳng có tâm nghi ngờ, chẳng mắc giới thủ, chẳng sa tà kiến, cũng chẳng cầu việc tốt thế tục để làm thanh tịnh, chẳng lễ lạy cúng dường, chư Thiên. Do những hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! đại Bồ Tát chẳng sanh nơi nhà hạ tiện, nhẫn đến chẳng sanh chỗ bát nạn, thường chẳng thọ thân người nữ. Do những hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là bực bất thối chuyển đại Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thường thật hành mười nghiệp đạo lành: tự mình chẳng sát sanh nhẫn đến chẳng tà kiến, cũng dạy người chẳng sát sanh nhẫn đến chẳng tà kiến, vui mừng khen ngợi người chẳng sát sanh nhẫn đến chẳng tà kiến. Bồ Tát nầy dầu trong giấc chiêm bao cũng chẳng phạm mười nghiệp đạo ác. Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà biết là bực đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì lợi ích cho chúng sanh mà đại Bồ Tát thật hành Đàn ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật. Đây gọi là bực bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Tất cả mười hai bộ kinh, từ khế kinh đến luận nghị, đại Bồ Tát thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm. Lúc ban pháp thí, đại Bồ Tát nghĩ rằng do pháp thí nầy mà tâm nguyện của tất cả chúng sanh hoàn mãn, đem công đức pháp thí nầy cho tất cả chúng sanh cùng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là bực đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Trong pháp rất sâu, đại Bồ Tát chẳng nghi ngờ. Tại sao vậy? Vì bực đại Bồ Tát bất thối chuyển nầy đều chẳng thấy có pháp nào sanh được chỗ nghi ngờ. Từ sắc đến nhứt thiết chủng trí, chẳng thấy pháp nào sanh được chỗ nghi ngờ. Do những hạnh, loại, tướng mạo đây mà biết là bực bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Thân, khẩu, ý, ba nghiệp của đại Bồ Tát đều dịu dàng. Do đức từ mà thân, khẩu, ý thành tựu. Do đây mà biết là bực bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng chung cùng

với ngũ cái: dâm dục, sân khuể, thùy miên, điệu hối và nghi. Do hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là bực bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Với tất cả chỗ, đại Bồ Tát đều không ái trước. Do đây mà biết là bực bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc ra vào đi lại ngồi, nằm, đi, đứng, cất chưn, hạ chưn, đại Bồ Tát luôn an ổn, thường tự chánh niệm, nhứt tâm nhìn đất mà bước. Do những hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là bực bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Y phục, mền nệm của đại Bồ Tát mặc dùng không ai gớm nhơ, Bồ Tát nầy ưa thích sạch sẽ, ít mang bịnh tật. Do đây mà biết là bực bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Thân thể người thường có tám vạn hộ trùng xâm phạm cắn ăn. Thân thể của bực đại Bồ Tát bất thối chuyển không có hộ trùng ấy. Vì công đức của Bồ Tát nầy vượt ngoài thế gian. Tùy theo công đức xuất thế nầy tăng ích mà Bồ Tát được thân thanh tịnh, được tâm thanh tịnh. Do những hạnh, loại, tướng mạo đây mà biết là bực bất thối chuyển đại Bồ Tát". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát được thân thanh tịnh, được tâm thanh tịnh thế nào?" Đức Phật phán dạy: "Nầy Tu Bồ Đề! Tùy thiện căn tăng ích đã được mà diệt trừ tâm vạy vò, tâm tà vọng, đây gọi là thân thanh tịnh và tâm thanh tịnh. Do thân thanh tịnh và tâm thanh tịnh nầy mà đại Bồ Tát vượt hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật để vào trong Bồ Tát vị. Đây gọi là bực bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng quý lợi dưỡng. Dầu thật hành mười hai Hạnh Đầu đà mà chẳng quý pháp Đầu Đà. Do đây mà gọi là bậc bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thường chẳng phát sanh tâm xan tham, tâm tật đố, tâm ngu si, thường chẳng phát sanh tâm phá giới, tâm sân động, tâm giải đãi, tâm tán loạn. Do những hạnh, loại, tướng mạo đây mà biết là bậc bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tâm an trụ chẳng lay động, thâm nhập trí huệ, nhứt tâm nghe nhận những pháp theo nghe và sự việc thế gian đều hiệp với Bát nhã ba la mật. Đây là tướng mạo bất thối chuyển của bực đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ở trước đại Bồ Tát, nếu ác ma hóa làm tám đại Địa ngục, trong đó có ngàng ức vạn Bồ Tát đang bị đốt nấu thống khổ. Ác ma bảo đại Bồ Tát nầy rằng: Những người trong Địa ngục đây toàn là bực bất thối chuyển đại Bồ Tát được đức Phật thọ ký mà đọa vào đây, nếu Ngài được đức Phật thọ ký bực bất thối chuyển cũng sẽ đọa vào đại Địa ngục nầy. Chi bằng Ngài xả bỏ tâm Bồ Tát thì chẳng bị đọa Địa ngục mà sẽ được sanh lên cõi Trời. Dầu thấy sự trên, dầu nghe lời nói trên, Bồ Tát nầy vẫn chẳng động tâm, chẳng nghi, chẳng sợ mà tự nghĩ rằng không bao giờ có sự ấy. Do hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà biết là bực bất thối chuyển đại Bồ Tát. Nầy Tu Bồ Đề! Ác ma lại hóa làm Tỳ Kheo đắp y đến bảo Bồ Tát rằng: Trước kia Ngài nghe bảo phải tu sáu ba la mật nhẫn đến bảo phải tịnh tu được Vô thượng Bồ đề đó, Ngài nên mau bỏ đi, từ lúc mới phát tâm đến nay có bao nhiêu thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề, Ngài cũng nên mau bỏ đi. Nếu Ngài bằng lòng bỏ, tôi sẽ dạy Ngài Phật pháp chơn thiệt. Chỗ nghe học trước kia của Ngài đều chẳng phải Phật pháp, chẳng phải của Phật dạy, đó là đều văn sức nhóm hiệp làm ra thôi. Chỗ nói của tôi mới thiệt là Phật pháp. Nếu Bồ Tát nghe nói như vậy rồi sanh tâm kinh sợ, nghi ngờ, phải biết đây là chưa được đức Phật thọ ký, chưa vào trong tánh bất thối. Nếu là bực bất thối dầu nghe nói như vậy mà tâm chẳng lay động, chẳng sợ, chẳng nghi, luôn tùy thuận y chỉ nơi pháp vô tác, vô sanh, chẳng tin làm theo lời người khác. Lúc thật hành sáu ba la mật chẳng theo

lời người khác, nhẫn đến lúc thật hành Vô thượng Bồ đề cũng chẳng theo lời người khác, hiện thấy thiệt tướng của các pháp, chẳng tin làm theo lời người khác, ví như bực lậu tận A La Hán, ác ma chẳng lay chuyển được. Nầy Tu Bồ Đề! Với đại Bồ Tát bất thối chuyển, những hàng cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng thể phá hoại được, chẳng thể chiết phục được tâm của Bồ Tát nầy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nầy quyết định an trụ trong bực bất thối chuyển chẳng theo lời người khác, dầu là lời của Phật dạy cũng chẳng liền tin lấy ngay, huống là lời nói của những người cầu Thanh Văn, cầu Bích Chi Phật và của ác ma, ngoại đạo, phạm chí mà lại tin theo, không bao giờ có việc ấy. Tại sao vậy? Đại Bồ Tát nầy chẳng thấy có pháp gì có thể tin theo: chẳng thấy có sắc hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sắc như nhẫn đến thức như, nhẫn đến chẳng thấy Vô thượng Bồ đề, hoặc Vô thượng Bồ đề như. Do hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là bực bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hóa thân Tỳ Kheo đến bảo Bồ Tát rằng: Chỗ tu hành của Ngài là pháp sanh tử, chẳng phải đạo nhứt thiết trí, Ngài nên tại thân đời nay chứng quả khổ tận. Khi đó ác ma dùng hạnh thế gian nói pháp tợ đạo, pháp tợ đạo nầy là sự hệ phược tam giới, như là tướng xương trăng, hoặc nói về sơ thiền nhẫn đến nói về phi phi tưởng xứ. Ngài dùng đạo nầy, hạnh nầy sẽ được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến sẽ được quả A La Hán. Ngài dùng đạo nầy, đời nay sẽ dứt hết khổ sanh, sao Ngài lại mãi chịu lấy những khổ não trong sanh tử làm gì. Còn chẳng cần thọ lấy thân tứ đại đời nay huống là sẽ lại thọ lấy thân đời sau. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nầy khi nghe lời nói ấy lòng chẳng kinh sợ, nghi ngờ, tự nghĩ rằng vị Tỳ Kheo nầy làm lợi ích cho tôi chẳng ít, vì tôi mà nói pháp tợ đạo, thật hành pháp tợ đạo nầy còn chẳng chứng được quả Tu Đà Hoàn, huống là chứng được quả Vô thượng Bồ đề. Đại Bồ Tát nầy càng thêm vui mừng mà nghĩ rằng: Vị Tỳ Kheo nầy làm lợi ích cho tôi không ít, vì tôi mà nói pháp chướng đạo, chướng học đạo Tam thừa. Khi đó ác ma biết Bồ Tát vui mừng nên bảo rằng: Ngài muốn thầy hàng đại Bồ Tát cúng dường hằng sa chư Phật, cùng ở chỗ hằng sa chư Phật tu hành sáu ba la mật, cũng hầu cận hằng sa chư Phật thưa hỏi Bồ Tát đạo: thế nào an trụ Bồ Tát thừa? Thế nào thật hành sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến đại từ đại bi? Hàng đại Bồ Tát ấy theo đúng như lời chư Phật dạy mà an trụ, mà thật hành, mà tu tập. Hàng đại Bồ Tát tu học như vậy mà còn chẳng được Vô thượng Bồ đề, chẳng được nhứt thiết chủng trí huống là Ngài mà lại sẽ được Vô thượng Bồ đề! Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nầy khi nghe nói như vậy mà lòng chẳng kinh lạ, càng thêm vui mừng mà tự nghĩ rằng: Tỳ Kheo nầy làm lợi cho tôi chẳng ít, vì tôi mà nói pháp chướng đạo. Bấy giờ ác ma biết tâm Bồ Tát nầy chẳng kinh nghi nên liền hóa làm đông nhiều Tỳ Kheo mà bảo Bồ Tát nầy rằng: Những vị nầy đều là Bồ Tát phát tâm cầu Phật đạo, hiện nay đều an trụ bực bất thối chuyển cả. Những vị nầy còn chẳng thể được Vô thượng Bồ đề, huống là Ngài có thể được! Nghe và thấy sự việc trên đây, đại Bồ Tát nầy liền nghĩ rằng đây là ác ma nói pháp tương tợ đạo, đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật chẳng nên thối chuyển tâm Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng được sa vào đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật. lại nghĩ rằng: Thật hành Đàn ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí mà chẳng được Vô thượng Bồ đề, không bao giờ có sự ấy. Nầy Tu Bồ Đề! Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà biết là bực bất thối chuyển đại Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tự nghĩ rằng: Nếu Bồ Tát có

thể theo đúng lời Phật dạy, chẳng xa rời Bát nhã ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, Bồ Tát nầy trọn chẳng thối chuyển Vô thượng Bồ đề, nếu Bồ Tát hay biết ma sự cũng chẳng mất Vô thượng Bồ đề. Do hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là tướng đại Bồ Tát bất thối chuyển". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chuyển nơi pháp gì gọi là bất thối chuyển?" Đức Phật dạy: "Chuyển nơi sắc tướng, chuyển nơi thọ, tưởng, hành, thức tướng, nhẫn đến chuyển nơi Phật tướng, do đây mà gọi là tướng đại Bồ Tát bất thối chuyển. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy dùng pháp tự tướng không để nhập Bồ Tát vị, được vô sanh pháp nhẫn. Cớ sao gọi là vô sanh pháp nhẫn? Vì trong đây không có chút pháp nào có thể được, vì chẳng thể được nên chẳng làm, vì chẳng làm nên chẳng sanh, đây gọi là vô sanh pháp nhẫn. Do hạnh, loại, tướng mạo nầy nên gọi là bực đại Bồ Tát bất thối chuyển".

*** 56. PHẨM KIÊN CỐ THỨ NĂM MƯƠI SÁU

Đức Phật phán dạy: "Lại Nầy Tu Bồ Đề! Ác ma đến Bồ Tát, muốn phá hoại tâm của Bồ Tát mà bảo rằng: Nhứt thiết chủng trí đồng với hư không rỗng không, chẳng có tướng, các pháp đồng với hư không rỗng không, chẳng có tướng. Ở trong các pháp đồng với hư không rỗng không, chẳng có tướng ấy, không có ai được Vô thượng Bồ đề, cũng không có chẳng được, các pháp ấy đều như hư không, chẳng có tướng. Ngài luống chịu khổ siêng tu vô ích. Vô thượng Bồ đề của Ngài nghe đó đều là ma sự, chẳng phải lời của Phật dạy. Ngài luôn bỏ tâm nguyện ấy đi. Ngài chớ mãi thọ lấy sự khổ, lo lắng chẳng an ấy mà phải đọa vào ác đạo. Lúc nghe lời trách cứ ấy, Bồ Tát nầy nên nghĩ rằng đây là ác ma muốn phá hoại tâm Vô thượng Bồ đề của tôi. Các pháp dầu như hư không, chẳng chỗ có, tự tướng rỗng không, nhưng chúng sanh chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu. Tôi cũng do đại thệ trang nghiêm rỗng không, chẳng có tự tướng, đồng như hư không mà được nhứt thiết chủng trí rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp cho họ được giải thoát, chứng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm về sau, nếu nghe sự việc trên tự phải vững tâm, chẳng động chuyển. Do tâm vững chắc, chẳng động chuyển nầy mà thật hành sáu ba la mật tất sẽ được vào Bồ Tát vị". – Bạch đức Thế Tôn! Vì bất chuyển mà gọi là bất thối chuyển hay là vì chuyển mà gọi là bất thối chuyển? – Nầy Tu Bồ Đề! Vì bất chuyển, vì chuyển cũng gọi là bất thối chuyển. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát chẳng bị chuyển nơi bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật thì gọi là bất thối chuyển. Nếu đại Bồ Tát chuyển bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật thì cũng gọi là bất thối chuyển. Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà được gọi là đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển lúc muốn nhập sơ thiền đến diệt tận định liền được nhập. Lúc muốn tu tứ niệm xứ đến ngũ thần thông liền có thể tu. Dầu tu tứ niệm xứ đến ngũ thần thông, nhưng đại Bồ Tát nầy chẳng thọ lấy tứ niệm xứ, dầu tu các thiền mà chẳng thọ lấy các thiền, nhẫn đến chẳng thọ lấy quả A La Hán, quả Bích Chi Phật. Đại Bồ Tát nầy vì chúng sanh mà thọ lấy thân để tùy theo chỗ đáng, chỗ nên hầu làm lợi ích họ.

Do hạnh, loại, tướng mạo nầy mà được gọi đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát bất thối chuyển thường nghĩ nhớ Vô thượng Bồ đề, trọn chẳng xa lìa tâm nhứt thiết chủng trí. Vì chẳng xa lìa tâm nhứt thiết chủng trí nên chẳng quý sắc, chẳng quý tướng, chẳng quý Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng quý sáu độ, chẳng quý tứ thiền, tứ vô lượng tâm nhẫn đến ngũ thần thông, chẳng quý tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, chẳng quý mười trí lực đến mười tám pháp bất cộng, chẳng quý tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, chẳng quý thấy Phật, chẳng quý chủng thiện căn. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp tự tướng không, chẳng có pháp quý được và tâm hay quý. Tất cả pháp vô sở hữu, tự tướng không như hư không. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát bất thối chuyển nầy thành tựu tâm như đây ờ trong bốn oai nghi của thân thể: đi, đứng, nằm, ngồi, tới lui, ra vào luôn nhứt tâm bất loạn. Do những hạnh, loại, tướng mạo nầy mà gọi là đại Bồ Tát bất thối chuyển. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát hiện thân tại gia vì lợi ích chúng sanh mà thọ lấy ngũ dục để bố thí cho chúng sanh: người cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần y phục, ngọa cụ, thuốc men đều cung cấp cho. Đại Bồ Tát nầy tự làm đàn ba la mật và dạy người làm Đàn ba la mật, khen ngợi pháp Đàn ba la mật, cũng vui mừng khen ngợi người làm Đàng ba la mật, nhẫn đến Bát nhã ba la mật cũng vậy. Ở tại gia, đại Bồ Tát nầy đem trân bửu đầy Diêm Phù Đề, đầy cõi cõi Đại Thiên để cấp thí cho mọi loài chúng sanh, chẳng tự vì mình mà thường tu phạm hạnh, chẳng hiếp đáp, khinh dễ, cướp giựt của kẻ khác cho họ phải sầu lo. Do những hạnh, loại, tướng mạo nầy mà gọi là bực bất thối chuyển đại Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Chấp Kim Cang Thần Vương nhẫn đến Ngũ Tánh Chấp Kim Cang Thần thường theo kề cận thủ hộ đại Bồ Tát nầy mà nghĩ rằng: Đại Bồ Tát nầy sẽ được Vô thượng Bồ đề. Do đây nên hoặc chư Thiên Tử, hoặc hư Ma Vương, Phạm Vương, hoặc người thế lực ở nhơn gian đều chẳng phá hoại được tâm nhứt thiết trí của đại Bồ Tát nầy, nhẫn đến thành Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là tướng đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thường đầy đủ ngũ căn của bực Bồ Tát: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Đây gọi là tướng bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát bất thối chuyển làm thượng nhơn chớ chẳng làm hạ nhơn. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thượng nhơn? – Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nhứt tâm thật hành Vô thượng Bồ đề, lòng chẳng tán loạn thời gọi là thượng nhơn. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thường nhất tâm niệm Phật đạo, vì sanh hoạt thanh tịnh nên chẳng làm những nghề chú thuật, hòa hiệp, thuốc men, chẳng phù chú quỷ thần, sai nhập nam nữ để hỏi sự kiết hung, phước lộc, sống chết. Tại sao vậy? Vì rõ biết các pháp tự tướng không, chẳng thấy các tướng nên chẳng làm việc tà mạng mà làm chánh mạng. Đây gọi là tướng bất thối chuyển đại Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nay Phật sẽ lại nói hạnh, loại, tướng mạo của đại Bồ Tát bất thối chuyển, ngươi nên nhứt tâm lắng nghe. Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật. Vì thường chẳng xa rời Vô thượng Bồ đề nên chẳng nói sự ngũ ấm, chẳng nói sự thập nhị nhập, chẳng nói sự thập bát giới. Tại sao vậy? Vì thường quan niệm ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới tướng không. Đại Bồ Tát nầy chẳng thích nói đến việc quan. Tại sao vậy? Vì an trụ trong tướng không của các pháp nên chẳng có sự sang, sự hèn. Chẳng thích nói việc cướp trộm, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc được hoặc mất. Chẳng thích nói việc quân trận, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc

nhiều hoặc ít. Chẳng thích nói việc chiến đấu, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc thương hoặc ghét. Chẳng thích nói việc phụ nữ, trụ trong pháp không nên chẳng thấy việc đẹp hoặc xấu. Chẳng thích nói việc xóm làng, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc hiệp hoặc tan. Chẳng thích nói việc thành thị, vì trong thiệt tế chẳng thấy hoặc thắng hoặc thua. Chẳng thích nói quốc sự, vì an trụ trong thiệt tế chẳng thấy có pháp thuộc nơi đó hoặc chẳng thuộc nơi đó. Chẳng thích nói đến chính mình, vì an trụ trong pháp tánh nên chẳng thấy có pháp nào là ngã hoặc là vô ngã, nhẫn đến chẳng thấy có ai biết, ai thấy. Như vậy, đại Bồ Tát chẳng thích nói các sự việc thế gian, chỉ ưa nói Bát nhã ba la mật, chẳng xa rời tâm nhứt thiết trí. Lúc làm Đàn ba la mật chẳng làm sự xan tham, lúc làm Thi ba la mật chẳng làm sự phá giới, lúc làm Nhẫn ba la mật chẳng làm sự giận tranh, lúc làm Tấn ba la mật chẳng làm sự giải đãi, lúc làm Thiền ba la mật chẳng làm sự tán loạn, lúc làm Huệ ba la mật chẳng làm sự ngu si. Đại Bồ Tát nầy dầu thật hành tất cả pháp không, nhưng thích chánh pháp, mến chánh pháp. dầu thật hành pháp tánh nhưng thường tán thán pháp bất hoại mà mến tích thiện tri thức như là chư Phật và chư Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật. Có thể giáo hóa người ưa muốn Vô thượng Bồ đề. Đại Bồ Tát nầy thường muốn thấy chư Phật. Khi nghe nói Phật hiện ở cõi nước nào liền nguyện vãng sanh. Ngày đêm luôn tưởng niệm Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nầy nhập sơ thiền đến phi phi tưởng xứ định, vì dùng sức phương tiện nên phát khởi tâm cõi Dục, thác sanh vào trong hàng chúng sanh hay thật hành thập thiện nghiệp, và trong chỗ hiện tại có Phật ở. Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây, phải biết đó là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát an trụ nơi một không, ngoại không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, an trụ nơi tứ niệm xứ nhẫn đến ba môn giải thoát: không, vô tướng, vô tác. Với trong địa vị của mình tự biết rất rõ, chẳng còn nghi là phải hay không phải bậc bất thối chuyển. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy chẳng còn thầy có chút pháp nào ở trong Vô thượng Bồ đề hoặc chuyển hay bất thối chuyển. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có người được quả Tu Đà Hoàn, an trụ trong bậc Tu Đà Hoàn, tự biết rõ ràng, trọn chẳng nghi ngờ. Cũng vậy, an trụ trong bất thối chuyển, đại Bồ Tát nầy tự biết rõ ràng, trọn chẳng nghi ngờ. An trụ trong bậc nầy, đại Bồ Tát thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Lúc các ma sự phát khởi thì hay biết, cũng chẳng theo ma sự phá hoại ma sự. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có người phạm tội ngũ nghịch, tâm tội ngũ nghịch luôn theo dính người đói cho đến chết chẳng rời, dầu có nghĩ việc khác cũng vẫn không ngăn cách tâm tội ấy. Cũng vậy, đại Bồ Tát nầy tự an trụ trong địa vị của mình, tâm thường bất động. Tất cả Thiên, Nhơn, A Tu La trong đời không làm động chuyển được tâm Bồ Tát nầy. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy vượt trên tất cả hàng Thiên, Nhơn, A Tu La mà vào trong địa vị chánh Pháp, an trụ nơi bực mình đã chứng, đầy đủ thần thông Bồ Tát, hay tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, từ một Phật độ đến một Phật độ. Ở chỗ chư Phật mười phương gieo trồng những thiện căn, hầu gần thưa hỏi chư Phật. Đại Bồ Tát nầy an trụ như vậy, lúc có ma sự phát khởi liền hay biết mà chẳng theo, dùng sức phương tiện đặt ma sự vào trong thiệt tế. Với địa vị tự chứng, đại Bồ Tát nầy chẳng nghi ngờ, hối tiếc. Rõ biết thiệt tế nầy chẳng phải một, chẳng phải hai. Do cớ trên đây mà đại Bồ Tát nầy nhẫn đến lúc chuyển thân, trọn chẳng hướng về bậc Thanh Văn, Bích Chi

Phật. Trong các pháp tự tướng không, đại Bồ Tát nầy chẳng thấy có pháp nào hoặc sanh hoặc diệt hoặc cấu hoặc tịnh. Nầy Tu Bồ Đề! Nhẫn đến lúc chuyển thân, đại Bồ Tát nầy trọn chẳng nghi rằng mình sẽ được hay chẳng được Vô thượng Bồ đề. Vì các pháp tự tướng không chính đó là Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nầy an trụ trong địa vị của mình chứng, chẳng theo lời người khác, không ai phá hoại được. Vì bực nầy đã thành tựu trí huệ bất động vậy. Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây, phải biết đó gọi là bực đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu có ác ma hiện thân Phật đến bảo đại Bồ Tát nầy rằng: Nay Ngài ở trong đây chứng lấy quả A La Hán, Ngài cũng chẳng được thọ ký Vô thượng Bồ đề, cũng chưa được vô sanh pháp nhẫn, Ngài không có hạnh, loại, tướng mạo của bực bất thối chuyển, cũng không có tướng để được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Lúc nghe lời nói như trên, đại Bồ Tát nầy trọn không kinh sợ, nghi ngờ và tự biết quyết định sẽ được chư Phật thọ ký Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì chư Bồ Tát do pháp ấy mà được thọ ký, nay tôi cũng có pháp ấy tất được thọ ký. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu ác ma hoặc người bị ma sai hiện hình Phật đến thọ ký quả Thanh Văn, Bích Chi Phật cho đại Bồ Tát nầy. Đại Bồ Tát nầy liền tự nghĩ rằng đây là ác ma hoặc người bị ác ma sai hiện hình Phật đến làm như vậy. Vì chư Phật chẳng bao giờ bảo Bồ Tát xa lìa Vô thượng Bồ đề để an trụ bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Do những hạnh, loại, tướng mạo như trên mà gọi là bực đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hiện thân Phật đến chỗ Bồ Tát mà bảo rằng: Kinh sách của Ngài học chẳng phải của Phật nói, cũng chẳng phải của Thanh Văn nói, đó là của ma nói. Đại Bồ Tát nầy liền tự nghĩ biết là ác ma hiện ra bảo tôi xa rời Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đại Bồ Tát nầy đã được chư Phật quá khứ thọ ký cho, đã ở bậc bất thối chuyển. Tại sao vậy? Vì chư đại Bồ Tát có bao nhiêu hạnh, loại, tướng mạo bất thối chuyển thì đại Bồ Tát nầy cũng có đủ những hạnh, loại, tướng mạo ấy. Đây gọi là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nầy vì hộ trì chánh pháp mà chẳng tiếc thân mạng huống là những vật khác. Lúc hộ trì Phật pháp, đại Bồ Tát nghĩ rằng chẳng phải vì hộ trì chánh pháp của một đức Phật mà vì hộ trì chánh pháp của thập phương tam thế tất cả chư Phật nên chẳng tiếc thân mạng. Nầy Tu Bồ Đề! Như lời Phật đã dạy: Tất cả pháp chơn không. Lúc có kẻ ngu si phá hoại, chẳng lời của Phật mà tuyên nói rằng đó là phi pháp, là chẳng lành, chẳng phải lời dạy của Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Vì hộ trì pháp chơn không như vậy mà đại Bồ Tát chẳng tiếc thân mạng. Đại Bồ Tát cũng tự nghĩ rằng tôi cũng ở trong số chư Phật vị lai, đã thọ ký trong số đó, pháp chơn không ấy cũng là pháp của tôi. Tôi vì hộ pháp ấy mà chẳng tiếc thân mạng. Nầy Tu Bồ Đề! Vì thấy sự lợi ích quan hệ như vậy nên đại Bồ Tát chẳng tiếc thân mạng để hộ trì. Do những hạnh, loại, tướng mạo ấy mà biết là tướng của bậc bất thối chuyển . Lại nầy Tu Bồ Đề! Nghe đức Phật huyết pháp, đại Bồ Tát chẳng nghi hối, nghe xong ghi nhớ, thọ trì, trọn chẳng quên mất. Tại sao vậy, vì đại Bồ Tát đã được đà la ni. – Bạch đức Thế Tôn! Được đà la ni gì mà khi nghe đức Phật thuyết các kinh pháp lại chẳng quên mất? – Nầy Tu Bồ Đề! Vì Bồ Tát được văn trì đà la ni nên chẳng quên mất các kinh pháp của đức Phật đã dạy và chẳng nghi hối. – Bạch đức Thế Tôn! Chỉ chẳng quên, chẳng nghi kinh pháp của đức Phật dạy, còn Thanh Văn, Bích Chi Phật, Thiên Long, Bát Bộ nói có được chẳng quên, chẳng nghi

chăng? – Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả lời nói về các sự việc, Bồ Tát được đà la ni nầy đều chẳng quên, chẳng nghi. Nầy Tu Bồ Đề! Những hạnh, loại, tướng mạo như vậy, phải biết đó là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển".

*** 57. PHẨM THÂM ÁO THỨ NĂM MƯƠI BẢY

Lúc ấy Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát bất thối chuyển thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức". Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát bất thối chuyển thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát bất thối chuyển được vô lượng vô biên trí huệ, chẳng đồng với hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. An trụ trong trí huệ ấy, đại Bồ Tát nầy phát sanh bốn trí vô ngại. Vì được bôn trí vô ngại nầy nên tất cả Trời, Người, thê gian không thê cùng tận được". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "bạch đức Thế Tôn! đức Phật có thể hằng sa kiếp khen ngợi những hạnh, loại, tướng mạo của đại Bồ Tát bất thối chuyển. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát bất thối chuyển nầy an trụ trong chỗ thâm áo nào mà lúc thật hành sáu ba la mật được đầy đủ tứ niệm xứ nhẫn đến đầy đủ nhứt thiết chủng trí?" – Lành thay, lành thay! Nầy Tu Bồ Đề! Người vì đại Bồ Tát bất thối chuyển mà hỏi chỗ thâm áo đó. Nầy Tu Bồ Đề! Chỗ thâm áo đây nghĩa của nó là không, là vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô nhiễm, là ly, là tịch diệt, là như, là pháp tánh, thiệt tế, là Niết Bàn. Những pháp trên đây là nghĩa của thâm áo. – Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có không, vô tướng, vô tác nhẫn đến Niết Bàn là thâm áo, còn tất cả pháp là chẳng phải ư? – Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả pháp cũng là nghĩa thâm áo cả: sắc cũng thâm áo, thọ, tưởng, hành, thức cũng thâm áo, nhẫn đến ý cũng thâm áo, sắc đến pháp cũng thâm áo, nhãn giới đến ý thức giới cũng thâm áo, Đàn na ba la mật đến Vô thượng Bồ đề cũng thâm áo. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc nhẫn đến Vô thượng Bồ đề cũng đều thâm áo? – Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc như thâm áo nên sắc cũng thâm áo, nhẫn đến vì Vô thượng Bồ đề như thâm áo nên Vô thượng Bồ đề cũng thâm áo. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc như thâm áo nhẫn đến Vô thượng Bồ đề như thâm áo? – Nầy Tu Bồ Đề! sắc như dó chẳng phải sắc chẳng phải rời sắc, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề như đó chẳng phải Vô thượng Bồ đề chẳng phải rời Vô thượng Bồ đề. – Bạch đức Thế Tôn! Thật là hy hữu. Đức Phật dùng sức phương tiện vi diệu làm cho đại Bồ Tát bất thối chuyển rời sắc xứ Niết Bàn, cũng làm cho rời tất cả pháp xứ Niết Bàn. – Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật dùng sức phương tiện vi diệu làm cho đại Bồ Tát bất thối chuyển rời sắc xứ Niết Bàn, cũng làm cho rời tất cả pháp xứ Niết Bàn. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có pháp thâm áo như vậy cùng Bát nhã ba la mật tương ứng, quan sát, tính lường, suy gẫm, nghĩ rằng: Tôi phải thật hành như thế, đúng như lời dạy trong Bát nhã ba la mật, tôi phải học tập như thế, đúng như trong Bát nhã ba la mật đã nói. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát có thể làm, có thể học đúng như lời, quán sát đúng như trong Bát nhã ba la mật, siêng năng tinh tấn đầy thì lúc phát khởi một niệm sẽ được vô lượng vô biên vô số phước đức, siêu việt vô lượng

kiếp, gần quả Vô thượng Bồ đề, huống là thường thật hành Bát nhã ba la mật đúng với niệm Vô thượng Bồ đề. Ví như người tánh nhiều dâm dục hẹn ước với cô gái xinh đẹp, đến giờ hẹn cô gái vì trở ngại nên không đến được. Ý ngươi thế nào? Nầy Tu Bồ Đề! Chỗ nhớ tưởng của gã đàn ông đó sẽ ở đâu? – Bạch đức Thế Tôn! Gã ấy niệm niệm luôn nhớ đến cô gái, mong cô sẽ đến để cùng ngồi, cùng nằm, cùng vui. – Nầy Tu Bồ Đề! Trong một ngày đêm, nơi tâm gã ấy có mấy niệm phát sanh? – Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều. – Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát niệm Bát nhã ba la mật đúng như lời trong Bát nhã ba la mật, thật hành trong khoảng một niệm sẽ siêu việt số kiếp cũng như số tâm niệm trong một ngày đêm của gã đó. Đại Bồ Tát nầy thật hành Bát nhã ba la mật, xa rời những tội Vô thượng Bồ đề. Đại Bồ Tát nầy trong một ngày thật hành Bát nhã ba la mật được thiện căn công đức chẳng giảm, công đức đầy cả hằng sa cõi Đại Thiên. Với những công đức kém khác sánh chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, nhẫn đến toán số thí dụ cũng chẳng bằng công đức nầy. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu có người xa rời Bát nhã ba la mật mà cúng dường Tam Bảo: Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo trong thời gian hằng sa kiếp được phước nhiêu chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, được vô lượng vô biên vô số phước. – Nầy Tu Bồ Đề! Vẫn không bằng phước đức của đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật hành đúng như lời. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật là đạo chư đại Bồ Tát. Thừa đạo nầy mau được Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu có người xa rời Bát nhã ba la mật, trải qua số kiếp như hằng sa cúng dường các bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, Bích Chi Phật và chư Phật. người nầy được phước nhiều chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều. – Nầy Tu Bồ Đề! Vẫn không bằng phước đức của đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật tu hành đúng như lời. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật nầy thì hơn hẳn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, nhập địa vị Bồ Tát, sẽ được Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Có người xa rời Bát nhã ba la mật, trong khoảng thời gian hằng sa kiếp tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Người nầy được phước nhiều chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều. – Nầy Tu Bồ Đề! Phước đức đó vẫn không bằng phước của đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật đúng như lời trong một ngày bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật là mẹ của chư đại Bồ Tát, hay sanh thành chư đại Bồ Tát. Vì chư đại Bồ Tát an trụ trong Bát nhã ba la mật thì đầy đủ được tất cả Phật pháp vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát xa rời Bát nhã ba la mật, trong khoảng hằng sa kiếp làm việc pháp thí. Người nầy được phước nhiều chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Được rất nhiều. – Nầy Tu Bồ Đề! Vẫn không bằng phước pháp thí trong một ngày của người ở trong Bát nhã ba la mật thật hành đúng như lời. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy chẳng xa rời Bát nhã ba la mật thì chẳng xa rời nhứt thiết chủng trí, chẳng xa rời nhứt thiết chủng trí thì chẳng xa rời Bát nhã ba la mật. Thế nên đại Bồ Tát muốn được Vô thượng Bồ đề thì chẳng xa rời Bát nhã ba la mật. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu có đại Bồ Tát xa rời Bát nhã ba la mật mà tu hành tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí trải qua hằng sa kiếp người nầy được phước nhiều chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều. – Nầy Tu Bồ Đề! Vẫn không bằng một ngày tu tập tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí của người ở trong Bát nhã ba la mật thật hành đúng như lời. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát chẳng xa rời Bát nhã ba

la mật thì không bao giờ thối chuyển nhứt thiết chủng trí. Còn xa rời thì có thể thối chuyển. Thế nên, Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành chẳng nên xa rời Bát nhã ba la mật. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát xa rời Bát nhã ba la mật, trải hằng sa kiếp thật hành tài thí, pháp thí và thiền định, rồi đem công đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Người nầy được phước nhiều chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều. – Nầy Tu Bồ Đề! Vẫn không bằng phước một ngày tài thí, pháp thí, thiền định, hồi hướng Vô thượng Bồ đề của thiện nam, thiện nữ ở trong Bát nhã ba la mật thật hành đúng như lời. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật hồi hướng là hồi hướng đệ nhứt. Nếu rời Bát nhã ba la mật hồi hướng thì chẳng gọi là hồi hướng. Thế nên muốn được Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải học Bát nhã ba la mật hồi hướng. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát xa rời Bát nhã ba la mật, trải hằng sa kiếp hòa hiệp, tùy hỉ thiện căn của tam thế chư Phật và của hàng đệ tử Phật rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Người nầy được phước nhiều chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều. – Nầy Tu Bồ Đề! Nhiều không bằng phước một ngày tùy hỉ thiện căn, hồi hướng Vô thượng Bồ đề của thiện nam, thiện nữ ở trong Bát nhã ba la mật thật hành đúng như lời. Thế nên muốn được Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải học phương tiện trong Bát nhã ba la mật hồi hướng Vô thượng Bồ đề. – Bạch đức Thế Tôn! Cứ theo lời đức Phật đã phán dạy thì các pháp do nhơn duyên khởi tác đều từ vọng tưởng sanh ra, chẳng phải chơn thiệt, thế sao thiện nam, thiện nữ lại được phước đức lớn? Bạch đức Thế Tôn! Vì là pháp nhơn duyên khởi tác thì chẳng nên được chánh kiến nhập pháp vị, chẳng nên được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chẳng nên được Vô thượng Bồ đề. – Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Vì là pháp nhơn duyên khởi tác thì chẳng nên được chánh kiến, nhập pháp vị, nhẫn đến chẳng nên được Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật biết pháp nhơn duyên khởi tác cũng không, chẳng kiên cố, hư dối chẳng thiệt. Vì đại Bồ Tát nầy khéo học nội không nhẫn đến khéo vô pháp hữu pháp không. An trụ trong mười tám pháp không nầy, đại Bồ Tát quán sát pháp khởi tác không, bèn chẳng xa rời Bát nhã ba la mật, lần lần được vô lượng vô biên vô số phước đức. – Bạch đức Thế Tôn! Vô số cùng vô lượng với vô biên có gì khác nhau? – Nầy Tu Bồ Đề! Vô số là nói chẳng ở trong số những pháp hữu vi hoặc vô vi. Vô lượng là nói chẳng lường được hoặc là quá khứ hoặc là vị lai hoặc là hiện tại. Vô biên là nói các pháp không thể được bờ mé. – Bạch đức Thế Tôn! Vả có sắc, thọ, tưởng, hành, thức nào cũng vô số vô lượng vô biên chăng? – Nầy Tu Bồ Đề! Có nhơn duyên mà sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số vô lượng vô biên. – Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên gì mà sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số vô lượng vô biên? – Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc không, vì thọ, tưởng, hành, thức không nên cùng chúng sanh vô lượng vô biên. – Bạch đức Thế Tôn! Chỉ sắc không, chỉ thọ, tưởng, hành, thức không mà chẳng phải tất cả pháp đều không cả ư? – Nầy Tu Bồ Đề! Phật thường nói tất cả pháp không ư? – Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật thường phán dạy tất cả pháp không. Bạch đức Thế Tôn! Các pháp không thì tức là vô tận vô số vô lượng vô biên. Bạch đức Thế Tôn! Trong không đó, số chẳng thể được, lượng chẳng thể được, biên chẳng thể được. Thế nên vô tận vô số vô lượng vô biên nghĩa không khác nhau. – Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Những pháp ấy nghĩa chẳng khác biết nhau. Nầy Tu Bồ Đề! Pháp ấy chẳng nói được. Đức

Phật dùng sức phương tiện mà phân biệt tuyên nói, đó là vô tận, vô số, vô lượng, vô biên, vô trước, không, vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, Niết Bàn. Dùng sức phương tiện mà đức Phật phân biệt tuyên nói. – Bạch đức Thế Tôn! Thật là hỉ hữu. các pháp thiệt tướng chẳng nói được mà đức Phật dùng sức phương tiện tuyên nói. Cứ theo chỗ tôi hiểu nghĩa của đức Phật dạy thì tất cả pháp cũng chẳng nói được. – Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả pháp chẳng nói được. Tướng chẳng nói được của tất cả pháp tức là không. Tướng không đó chẳng nói được. – Bạch đức Thế Tôn! Nghĩa chẳng nói được có tăng, có giảm chăng? – Nầy Tu Bồ Đề! Nghĩa chẳng nói được chẳng tăng, chẳng giảm. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu nghĩa chẳng nói được đó chẳng tăng chẳng giảm thì Đàn ba la mật cũng chẳng tăng giảm, nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng chẳng tăng giảm. Bạch đức Thế Tôn! Nếu sáu ba la mật nhẫn đến pháp bất cộng chẳng tăng tại sao đại Bồ Tát lại được Vô thượng Bồ đề? – Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Nghĩa chẳng nói được đó chẳng tăng, chẳng giảm. Đại Bồ Tát lúc tu tập Bát nhã ba la mật, vì có sức phương tiện nên chăng nghĩ rằng tôi làm tăng Bát nhã ba la mật nhân đến tăng Đàn na ba la mật, mà quan niệm rằng chỉ vì danh tự mà gọi là Đàn na ba la mật thôi. Đại Bồ Tát lúc thật hành Đàn na ba la mật, tâm và thiện căn hồi hướng đúng như tướng của Vô thượng Bồ đề, nhẫn đến lúc thật hành Bát nhã ba la mật, tâm và hồi hướng đúng như tướng của Vô thượng Bồ đề. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là Vô thượng Bồ đề? – Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả pháp như tướng, đây gọi là Vô thượng Bồ đề. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tất cả pháp như tướng gọi là Vô thượng Bồ đề? – Nầy Tu Bồ Đề! Sắc như tướng, thọ, tưởng, hành, thức như tướng, nhẫn đến Niết Bàn như tướng là Vô thượng Bồ đề. Tướng như ấy cũng chẳng tăng, chẳng giảm. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng rời Bát nhã ba la mật thường quán sát pháp như ấy chẳng thấy có tăng, có giảm. Thế nên nghĩa bất khả thuyết không tăng giảm, Đàn na ba la mật nhẫn đến pháp bất cộng cũng không tăng giảm. Đại Bồ Tát do vì pháp bất tăng giảm nầy ứng với hạnh Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát dùng sơ tâm được Vô thượng Bồ đề hay là dùng hậu tâm được Vô thượng Bồ đề? Bạch đức Thế Tôn! Sơ tâm ấy chẳng đến hậu tâm, còn hậu tâm kia chẳng ở tại sơ tâm. Tâm và tâm sở chẳng cùng chung như vậy thì làm sao thiện căn lại tăng ích. Nếu thiện căn chẳng tăng thì sao lại được Vô thượng Bồ đề? – Nầy Tu Bồ Đề! Vì người mà Phật sẽ dùng ví dụ. Người có trí được ví dụ thì dễ hiểu được nghĩa. Nầy Tu Bồ Đề! Như thắp đèn, là dùng ngọn lửa ban đầu để đốt cháy tim đèn hay là dùng ngọn lửa lúc sau? – Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải ngọn lửa ban đầu cháy tim đèn, cũng chẳng phải rời ngọn lửa ban đầu. Chẳng phải ngọn lửa lúc sau cháy tim đèn, cũng chẳng phải rời ngọn lửa lúc sau. – Nầy Tu Bồ Đề! Tim đèn ấy có bị đốt cháy không? – Bạch đức Thế Tôn! Tim đèn ấy thiệt bị đốt cháy. – Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng dùng sơ tâm được Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng rời sơ tâm được Vô thượng Bồ đề, chẳng dùng hậu tâm hậu tâm cũng chẳng rời hậu tâm được Vô thượng Bồ đề mà thiệt được Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Trong đại Bồ Tát từ sơ phát tâm thật hành Bát nhã ba la mật đầy đủ thập địa, được Vô thượng Bồ đề. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là thập địa mà đại Bồ Tát đầy đủ rồi được Vô thượng Bồ đề? – Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đầy đủ Càn Huệ địa, Tánh địa, Bát Nhơn địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly Dục địa, Dĩ

Tác địa, Bích Chi Phật địa, Bồ Tát địa và Phật địa. Đầy đủ những địa đó rồi đại Bồ Tát được Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học đủ mười địa đó rồi, chẳng phải sơ tâm cũng chẳng rời sơ tâm, chẳng phải hậu tâm cũng chẳng rời hậu tâm được Vô thượng Bồ đề mà thiệt được Vô thượng Bồ đề. – Bạch đức Thế Tôn! Pháp nhơn duyên ấy rất sâu: chẳng phải sơ tâm cũng chẳng rời sơ tâm, chẳng phải hậu tâm cũng chẳng rời hậu tâm được Vô thượng Bồ đề, mà đại Bồ Tát được Vô thượng Bồ đề. – Nầy Tu Bồ Đề! Nếu tâm đã diệt, tâm ấy có sanh trở lại chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Tâm sanh có phải là tướng diệt chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Là tướng diệt. – Nầy Tu Bồ Đề! Tâm tướng diệt đó, tâm là diệt chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Cũng trụ như vậy chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Cũng trụ như vậy, như như trụ. – Nầy Tu Bồ Đề! Tâm đó như như trụ sẽ chứng thiệt tế chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Như thế có phải là rất sâu chăng? – Bạch đức Thế Tôn! thiệt là rất sâu. – Nầy Tu Bồ Đề! Chỉ tâm như vậy thôi ư? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Rời tâm như vậy ư? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát có thể hành như vậy có phải hành sâu Bát nhã ba la mật chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Đó là hành sâu Bát nhã ba la mật. – Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát hành như vậy, đó là hành chỗ nào? – Bạch đức Thế Tôn! Đó là hành mà không có chỗ hành được. Vì đại Bồ Tát nếu hành Bát nhã ba la mật thì trụ trong các pháp như, không có quan niệm như thế: không chỗ quan niệm, không ai quan niệm. – Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát hành như vậy, đó là hành chỗ nào? – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy hành chỗ như vầy: hành trong đệ nhứt nghĩa, vì không có tướng sai biệt vậy. – Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát hành trong đệ nhứt vô niệm, đó là tướng hành ư? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ấy có hoại các tướng chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào là không hoại các tướng? – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy hành Bát nhã ba la mật chẳng quan niệm tôi sẽ hoại các pháp tướng. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật mà chưa đầy đủ mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng thì chẳng được Vô thượng Bồ đề. Bạch đức Thế Tôn! Do vì sức phương tiện nên đại Bồ Tát đối với các pháp cũng chẳng nắm lấy tướng, cũng chẳng phá hoại tướng. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát rõ biết tất cả pháp tự tướng không. An trụ trong tự tướng không, đại Bồ Tát vì chúng sanh mà nhập ba tam muội. Dùng ba tam muội đó để thành tựu chúng sanh. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát nhập ba tam muội thành tựu chúng sanh như thế nào? – Nầy Tu Bồ Đề! An trụ trong ba tam muội, đại Bồ Tát thấy chúng sanh đi trong pháp tạo tác, bèn dùng sức phương tiện dạy cho họ được vô tác. Thấy chúng sanh đi trong ngã tướng, bèn dùng sức phương tiện dạy cho họ đi trong không. thấy chúng sanh đi trong tất cả tướng, bèn dùng sức phương tiện dạy chọ đi trong vô tướng. Nầy Tu Bồ Đề! Đó là đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật ba tam muội rồi dùng ba tam muội để thành tựu chúng sanh".

*** 58. PHẨM MỘNG HÀNH THỨ NĂM MƯƠI TÁM

Lúc đó Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: “Nếu đại Bồ Tát lúc chiêm bao nhập ba tam muội: không, vô tướng và vô tác tam muội, chừng có lợi ích nơi Bát nhã ba la mật chăng?” Ngài Tu Bồ Đề nói: “Nếu lúc ban ngày, đại Bồ Tát nhập ba tam muội có lợi ích nơi Bát nhã ba la mật thì ban đên trong chiêm bao cũng sẽ có lợi ích. Tại sao vậy? Vì ngày, đêm chiêm bao đồng nhau không khác. Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu ban ngày đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật có lợi ích Bát nhã ba la mật thì trong chiêm bao, hành Bát nhã ba la mật cũng phải có lợi ích”. Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: “Trong chiêm bao, đại Bồ Tát hành động tác nghiệp, những nghiệp đó có hợp thành chăng? Cứ như lời đức Phật dạy thì tất cả pháp như chiêm bao, vì thế chẳng nên có hợp thành. Tại sao vậy? Vì trong chiêm bao không có pháp hợp thành, lúc thức nhớ tưởng, phân biệt mới nên có hợp thành”. Ngài Tu Bồ Đề nói: “Nếu người trong chiêm bao giết chết chúng sanh, khi thức dậy nghĩ nhớ, phân biệt hành động đó: tôi giết như thế được lắm! Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sự việc đó như thế nào?” Ngài Xá Lợi Phất nói: “Không có cảnh duyên thì nghiệp chẳng sanh, không có cảnh duyên thì tư chẳng sanh. Có duyên thì nghiệp sanh, có duyên thì tư sanh. Tâm phát sanh ở trong kiến văn, giác tri, chớ tâm chẳng sanh từ nơi chẳng có kiến văn, giác tri. Trong đây có tâm tịnh, có cấu. Thế nên vì có cảnh duyên mà nghiệp sanh, nghiệp chẳng sanh nơi không có duyên. Vì có cảnh duyên mà tư sanh, tư chẳng sanh nơi không có duyên”. Ngài Xá Lợi Phất nói: “Như lời đức Phật nói: Tất cả nghiệp, tất cả tư đều là tự tướng ly, sao lại bảo rằng vì có duyên nên nghiệp sanh, không duyên thì nghiệp chẳng sanh. Vì có duyên nên tư sanh, không duyên thì tư sanh chẳng sanh?” Ngài Tu Bồ Đề nói: “Vì nắm lấy tướng nên có duyên thì nghiệp sanh, không duyên thì chẳng sanh. Vì nắm lấy tướng nên có duyên thì tư sanh, không duyên thì chẳng sanh”. Ngài Xá Lợi Phất nói: “Nếu đại Bồ Tát trong chiêm bao bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, đem thiện căn phước đức nầy hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây có phải là thiệt hồi hướng chăng?” Ngài Tu Bồ Đề! Nói: “Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Hiện đây có Di Lặc Bồ Tát đã được đức Phật thọ ký bất thối chuyển, sẽ thành Phật, Ngài nên hỏi Di Lặc Bồ Tát sẽ giải đáp”. Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Di Lặc Bồ Tát: “Thưa Ngài Tu Bồ Đề vừa bảo rằng hiện đây có Di Lặc Bồ Tát đã được đức Phật thọ ký bực bất thối chuyên, sẽ thành Phật. Ngài Di Lặc Bồ Tát sẽ giải đáp”. Di Lặc Bồ Tát bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Sẽ dùng danh từ Di Lặc để đáp chăng? Hoặc là sắc, thọ, tưởng, hành, thức để đáp chăng? Hoặc dùng sắc, thọ, tưởng, hành, thức không để đáp chăng? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể đáp được. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không chẳng thể đáp được. Tôi chẳng thấy pháp ấy có thể đáp được, cũng chẳng thấy ai hay đáp được. Tôi chẳng thấy người ấy được thọ ký, cũng chẳng thấy pháp có thể thọ ký, chẳng thấy nơi chỗ thọ ký. Tất cả các pháp ấy đều không hai, không khác”. Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Như lời của Ngài nói đó, là được pháp tác chứng chăng?” Ngài Di Lặc Bồ Tát nói: “Như pháp của tôi nói đó, như vậy chẳng chứng”. Lúc đó Ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng: Di Lặc Bồ Tát có trí huệ sâu xa, từ lâu đã thật hành sáu ba la mật, vì dùng vô sở đắc nên hay nói như vậy. Bấy giờ đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Ngươi dùng pháp ấy được A La Hán, ngươi có thấy pháp ấy chăng?” Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thấy”. Đức

Phật dạy: “Nầy Xá Lợi Phất Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật cũng như vậy, chẳng nghĩ rằng pháp ấy sẽ được thọ ký, pháp ấy đã được thọ ký, pháp ấy sẽ được Vô thượng Bồ đề. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nghi ngờ rằng tôi được hay chẳng được mà tự biết mình thiệt được Vô thượng Bồ đề. Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Có đại Bồ Tát lúc hành bố thí ba la mật, hoặc thầy chúng sanh đói rét, y phục rách rưới, phát nguyện rằng: Trong thời gian tôi hành bố thí ba la mật đó, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có sự đói rét như vậy. Những đồ dùng, đồ uống ăn, y phục, như cõi Trời Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự tại. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ bố thí ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành trì giới ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh sát sanh, trộm cướp nhẫn đến tà kiến, bị chết yểu, nhiều bịnh, xấu tướng, thiếu oai đức, nghèo hèn, tàn tật, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành Trì giới ba la mật đây, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có nghiệp ác và báo xấu như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ Trì giới ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành Nhẫn nhục ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh giận thù, mắng nhiếc, đánh đập, tàn sát lẫn nhau, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành Nhẫn nhục ba la mật đây, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có những sự đó, tất cả đều xem nhau như cha, như mẹ, như anh chị em, như thiện tri thức, đều có lòng từ bi. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Tinh tấn ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh lười biếng, chẳng siêng tu pháp lành, rời bả ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật thừ, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành Tinh tấn ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có sự như vậy, tất cả đều siêng tu tinh tất, đều được đắc độ nơi pháp Tam thừa. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ Tinh tấn ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành Thiền ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh bị ngũ cái che trùm: dâm dục, ngủ nghỉ, điệu hối, nghi ngờ, mất thiền, mất định, mất vô lượng tâm, phái phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi tu Thiền ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi đều không có sự như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ Thiền ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh ngu si, mất chánh kiến thế gian, xuất thế gian hoặc cho rằng không nghiệp, không nhơn duyên nghiệp, hoặc cho rằng thân là thường còn, hoặc cho rằng đoạn diệt, hoặc nói là vô sở hữu, phải phát nguyện rằng: Theo tời gian tôi hành Bát nhã ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có sự như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ Bát nhã ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh an trụ nơi ba tụ: một là chánh định tụ, hai là tà định tụ, ba là bất định tụ, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành lục ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật. chúng sanh trong cõi nước tôi không có tà định tụ, cũng không có danh từ tà tụ. Nầy Tu Bồ Đề!

Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần kề nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi không có ba ác đạo, cũng không có danh từ ba ác đạo. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần kề nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy mặt đất gai chông, hầm hố, gò mương rãnh nhơ uế, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không có như vậy, mặt đất bằng phẳng như bàn tay. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành tư như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần kề nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy cõi nầy thuần đất, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi toàn vàng ròng làm cát trải khắp. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần kề nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh luyến trước, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có luyến trước như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần kề nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy bốn giai cấp trong chúng sanh: Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà La, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi không có danh từ bốn giai cấp. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần Vô thượng Bồ đề. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh có những hạng hạm trung, thượng, có nhà hạ, trung, thượng, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có ưu liệt như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh có thân hình dị biệt, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có thân hình biệt dị nhau, tất cả đều xinh đẹp, đoan trang, sạch sẽ, đầy đủ tướng mạo. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh có chúa có tôi, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không có danh từ chúa tôi, cũng không có hình tượng dị biệt, chỉ trừ đức Phật Pháp vương. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy, thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh chia ra sáu loài khác nhau, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không có sáu loài, cũng không có danh từ sáu loài: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nhơn loại, Chư Thần, chư Thiên, tất cả chúng sanh trong nước

tôi đều đồng tu hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh có bốn loài: noãn, thai, thấp và hóa sanh, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi tất cả chúng sanh chỉ có hóa sanh mà không ba thứ sanh kia. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh không có ngũ thần thông, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước tôi đều được ngũ thần thông. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh đại tiểu tiện ô uế, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước tôi đều dùng pháp hỉ làm sự ăn, trọn không có đại tiểu tiện ô uế. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh không có quang minh, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước tôi thân thể đều có ánh sáng. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy có thời tiết giờ ngày, tháng, năm, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không co danh từ giờ, ngày, tháng, năm. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh yếu mạng, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước tôi đều sống lâu vô lượng kiếp. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh không có tướng hảo, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi đều đầy đủ ba mươi hai tướng hảo. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh rời lìa thiện căn, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi đều thành tựu thiện căn, do phước đức ấy mà có thể cúng dường chư Phật mười phương. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh có ba độc, bốn định, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước tôi không có bốn bịnh hàn, nhiệt, phong, đàm, không có ba độc tham, sân, si. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh có ba thừa, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có danh tự hai thừa, chỉ có thuần một thừa. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ

Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh có tăng thượng mạn, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có danh từ tăng thượng mạn. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, nghĩ quang minh, thọ mạng của tôi hữu lượng số tăng thêm hữu hạn, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, quang minh, thọ mạng vô lượng số tăng thêm vô hạn. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi hằng sa quốc độ của chư Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí. Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát nên nghĩ rằng dầu đường sanh tử dài, chúng sanh tánh nhiều, nhưng bờ sanh tử như hư không, bờ chúng sanh tánh cũng như hư không. Trong đó thiệt không có sanh tử qua lại, cũng không có ai giải thoát. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

*** 59. PHẨM HẰNG GIÀ ĐỀ BÀ THỨ NĂM MƯƠI CHÍN

Bấy giờ trong đại chúng có một nữ nhơn tên Hằng Già Đề Bà, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, gối hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi sẽ hành sáu ba la mật để tịnh Phật quốc độ, đúng như lời dạy của đức Phật trong Bát nhã ba la mật". Nữ nhơn nầy đem hoa vàng, hoa bạc, cùng hoa tươi dưới nước, trên đất với những món cúng dường trang nghiêm và hai tấm thảm dệt bằng chỉ vàng, trải trên đức Phật. Trên hư không ngay đảnh đức Phật, những món của nữ nhơn vừa rải để cúng dường đó liền hóa thành bốn cột đài báu ngay ngắn xinh đẹp. Nữ nhơn nầy đem công đức cúng dường Phật cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Khi đó đức Phật biết rõ thâm tâm của nữ nhơn nầy nên liền mỉm cười, đúng như cách thức của chư Phật, những tia sáng nhiều màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng từ miệng đức Phật chiếu khắp mười phương vô lượng vô biên Phật độ, những tia sáng ấy xoay trở về nhiễu quanh bên hữu đức Phật ba vòng rồi nhập vào đảnh đức Phật. Ngài A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối hữu, chắp tay thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên gì mà đức Phật mỉm cười? Theo pháp của chư Phật, không bao giờ vô cớ mà cười". Đức Phật phán dạy: "Nầy A Nan! Hằng Già Bà Đề nầy sẽ thành Phật ở đời vị lai trong kiếp Tinh Tú, hiệu là Kim Hoa Phật. Nầy A Nan! Nữ nhơn nầy sau khi chết sẽ thọ thân nam tử, sanh về nước Diệu Hỷ của đức Phật A Súc. Ở nước Diệu Hỷ đó tu phạm hạnh thanh tịnh. Nầy A Nan! Ở nước Diệu Hỷ, Bồ Tát đó hiệu là Kim Hoa. Khi mãn báo ở nước Diệu Hỷ, Bồ Tát Kim Hoa sẽ sanh về cõi nước chư Phật khác, mãi mãi chẳng xa rời chư Phật. Như Chuyển Luân Thánh Vương từ một hành cung nầy đến một hành cung khác, trọn đời chưn Vương chẳng đạp đất. Cũng

vậy, từ một nước Phật đến một nước Phật, mãi đến khi thành Vô thượng Bồ đề, Kim Hoa Bồ Tát chưa có lúc nào chẳng thấy Phật". Ngài A Nan thầm nghĩ Kim Hoa đại Bồ Tát sau nầy thành Phật, phải biết đại hội Bồ Tát cũng như pháp hội của Phật. Đức Phật bảo Ngài A Nan: "Đúng như chỗ ngươi vừa nghĩ, thời kỳ Phật Kim Hoa, đại hội Bồ Tát phải biết là như pháp hội của Phật. Nầy A Nan! Thuở Phật Kim Hoa, Tỳ Kheo Tăng đông vô lượng vô biên, chẳng đếm được, có thể là ngàn trăm, ngàn vạn ức na do tha. Trong nước đó không có những thứ xấu uế như đây". – Bạch đức Thế Tôn! Từ nơi nào mà nữ nhơn nầy gieo cội phước đức, trồng căn lành? – Nầy A Nan, từ nơi Phật Nhiên Đăng, nữ nhơn nầy mới đầu phát tâm Bồ đề, trồng căn lành, hồi hướng Phật đạo. Lúc đó, nữ nhơn nầy cũng dùng hoa vàng, rải cúng dường Phật Nhiên Đăng để cầu Vô thượng Bồ đề. Nầy A Nan! Như lúc đó chính ta dùng năm cành hoa, rải cúng dường Phật Nhiên Đăng để cầu Vô thượng Bồ đề. Phật Nhiên Đăng biết thiện căn của ta đã thành tựu nên thọ ký Vô thượng Bồ đề cho ta. Nữ nhơn nầy nghe ta được thọ ký liền nguyện rằng: Cầu mong cho tôi ở đời sau cũng được thọ ký Vô thượng Bồ đề như đại Bồ Tát nầy. Nầy A Nan! Ngươi nên biết rằng từ nơi Phật Nhiên Đăng, nữ nhơn nầy mới đầu phát Bồ đề tâm. – Bạch đức Thế Tôn! Phải chăng nữ nhơn nầy từ lâu đã tu tập Vô thượng Bồ đề? – Đúng như vậy. Nầy A Nan! Từ lâu nữ nhơn nầy đã tu tập Vô thượng Bồ đề".

*** 60. PHẨM HỌC KHÔNG BẤT CHỨNG THỨ SÁU MƯƠI

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Muốn hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát học không tam muội và nhập không tam muội thế nào? Học vô tướng tam muội, vô tác tam muội và nhập vô tướng, vô tác tam muội thế nào? Học tứ niệm xứ nhẫn đến học bát thánh đạo và tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu bát thánh đạo thế nào?" – Nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải quán sắc không, phải quán thọ, tưởng, hành, thức không, phải quán thập nhị nhập, thập bát giới không, nhẫn đến phải quán Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới không. Lúc quán như vậy chớ cho tâm tán loạn. Nếu tâm chẳng tán loạn, đại Bồ Tát chẳng thấy pháp ấy. Nếu chẳng thấy pháp ấy thì chẳng chứng. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy khéo học tự tướng không, chẳng có gì khác, chẳng có ai, phần chứng pháp chứng đều chẳng thể thấy được. – Bạch đức Thế Tôn! Như đứng Phật dạy: Đại Bồ Tát chẳng nên ở nơi không pháp mà tác chứng. Bạch đức Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát an trụ trong không pháp mà tác chứng? – Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát quán không được đầy đủ, trước hết nguyện như vầy: Nay tôi chẳng nên ở nơi không mà tác chứng, nay là lúc tôi học, chẳng phải lúc tôi chứng. Đại Bồ Tát chẳng chuyên nhiếp tâm cột ở trong cảnh duyên, vì thế mà đại Bồ Tát chẳng thối chuyển trong Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng chứng lấy quả vô lậu. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát rất khéo hành như vậy, thời diệu pháp được thành tựu. Tại sao vậy? Lúc an trụ trong không pháp, đại Bồ Tát tự nghĩ nay là lúc tôi học, chẳng phải lúc chứng. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải nghĩ rằng: Nay là lúc tôi học Đàn ba la mật nhẫn đến lúc tôi học Bát nhã ba la mật, chẳng phải là lúc

chứng, là lúc tôi tu tứ niệm xứ, chẳng phải là lúc chứng, nhẫn đến là lúc tu bát thánh đạo, chẳng phải là lúc chứng, là lúc tu ba tam muội, chẳng phải là lúc chứng, là lúc tu mười trí lực, chẳng phải là lúc chứng, nhẫn đến là lúc tôi học nhứt thiết chủng trí, chẳng phải là lúc chứng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán cùng đạo Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Như thế đó, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật học không quán, an trụ trong không, học vô tướng, vô tác, tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu bát thánh đạo chẳng chứng tứ niệm xứ nhẫn đến chẳng chứng lấy bát thánh đạo. Đại Bồ Tát nầy dầu học, dầu hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chẳng tác chứng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chẳng tác chứng quả Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như tráng sĩ dũng mãnh, giỏi binh pháp sáu mươi bốn môn, tay nắm chặt binh khí đứng yên bất động, nghệ thuật giỏi, tướng đẹp sạch, mọi người ai cũng yêu kính, tạo sự nghiệp ít, được hưởng lợi nhiều. Do cớ nầy mà được đại chúng cung kính, tôn trọng, ca ngợi. Thấy mọi người kính trọng, tráng sĩ nầy lại càng hoan hỉ, vì sự duyên ít nên sẽ đến xứ khác để giúp đỡ kẻ già yếu qua khỏi chỗ hiểm nạn khủng bố. Giữa đường hiểm trở có nhiều giặc cướp núp ngầm cướp hại. Do tráng sĩ đó đầy đủ trí lực nên mọi người qua được đường hiểm trở, về đến nhà chẳng bị cướp hại, đều an ổn vui mừng. Nầy Tu Bồ Đề! Cũng vậy, đại Bồ Tát ở trong tất cả chúng sanh, tâm từ bi hỉ xả tràn đầy cùng khắp, khi đó đại Bồ Tát an trụ trong bốn tâm vô lượng, đầy đủ sáu ba la mật, chẳng chứng lấy quả vô lậu, học nhứt thiết chủng trí, nhập ba môn giải thoát: không, vô tướng, vô tác. Bấy giờ Bồ Tát chẳng theo tất cả các tướng, cũng chẳng chứng vô tướng tam muội. Vì chẳng chứng vô tướng tam muội nên chẳng sa vào các bực Thanh Văn và Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như chim có đủ cánh, bay lượn trong hư không chẳng bị rơi rớt, dầu chim ở trong hư không mà chẳng an trụ trong hư không. Cũng vậy, đại Bồ Tát dầu học không, vô tướng, vô tác giải thoát môn mà chẳng tác chứng. Vì chẳng tác chứng nên chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Dầu chưa đủ mười trí lực, đại từ, đại bi, vô lượng Phật pháp, nhứt thiết chủng trí mà cũng chẳng chứng lấy không, vô tướng, vô tác giải thoát môn. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như xạ thủ đại tài, bắn tên lên hư không lại nối tiếp bắn tên lên ghim lấy tên trước, các mũi tên ghim giữ nhau chẳng cho rơi xuống đất theo ý của xạ thủ đó, nếu cho rớt thì thôi không bắn tên lên nữa, bấy giờ các mũi tên mới rớt xuống đất. Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật. Vì Vô thượng Bồ đề do sức phương tiện, lúc các thiện căn chưa đầy đủ thì chẳng chứng lấy thiệt tế, nếu thiện căn đã đầy đủ mới chứng lấy thiệt tế. Thế nên, Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nên như vậy mà quán pháp tướng của các pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Chỗ làm của đại Bồ Tát thiệt là rất sâu. Tại sao vậy? Vì dầu đại Bồ Tát học các pháp tướng ấy, học thiệt tế, học như, học pháp tánh, học rốt ráo không, nhẫn đến học tự tướng không và ba môn giải thoát mà trọn chẳng giữa đường sa vào bực Nhị thừa: Thanh Văn, Bích Chi Phật. Thiệt là ít có vậy. – Nầy Tu Bồ Đề! Vì chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh nên đại Bồ Tát nầy phát nguyện như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nghĩ rằng tôi chẳng nên rời bỏ tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh chìm trong pháp vô sở hữu, tôi phải cứu độ họ. Lúc đó Bồ Tát liền nhập không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô tác giải thoát môn. Phải biết đại Bồ Tát nầy thành tựu sức phương tiện, lúc chưa được nhứt thiết chủng trí, hành ba môn giải thoát mà chẳng giữa đường chứng

lấy thiệt tế. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát muốn quán những pháp thậm thâm, đó là nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ nhẫn đến ba môn giải thoát. Bấy giờ đại Bồ Tát phải có tâm niệm như vầy: Các chúng sanh mãi đi trong tướng ngã nhẫn đến tướng tri giả, kiến giả, dính nơi pháp sở đắc, tôi vì dứt các tướng nầy cho chúng sanh nên lúc được Vô thượng Bồ đề tôi sẽ thuyết pháp. Bấy giờ đại Bồ Tát hành không vô tướng, vô tác giải thoát môn mà chẳng chứng thiệt tế. Vì chẳng chứng nên sa vào bực Thanh Văn và Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Do tâm muốn thành tựu thiện căn như vậy nên đại Bồ Tát chẳng giữa đường tác chứng thiệt tế, chẳng mất tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ định, tứ niệm xứ, nhẫn đến chẳng mất mười tám pháp bất cộng. Khi đó đại Bồ Tát thành tựu tất cả pháp trợ đạo, nhẫn đến thành tựu Vô thượng Bồ đề trọn chẳng hao, chẳng giảm. Vì có sức phương tiện nên Bồ Tát nầy thường tăng ích pháp lành, căn trí thông lợi hơn cả căn trí của A La Hán và Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nghĩ rằng: Các chúng sanh mãi dính nơi bốn điên đảo: chấp thường, chấp lạc, chấp tịnh và chấp ngã. Vì các chúng sanh nầy mà tôi câu nhứt thiết chủng trí. Lúc tôi được Vô thượng Bồ đề, sẽ vì họ mà nói pháp vô thường, khổ, bất tịnh và pháp vô ngã. Đại Bồ Tát thành tựu tâm nguyện như vậy, dùng sức phương tiện Bát nhã ba la mật, dầu chưa được Phật tam muội, chưa đầy đủ mười trí lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng, nhưng chẳng chứng lấy thiệt tế. Lúc ấy tu vô tác giải thoát môn, dầu chưa được Vô thượng Bồ đề nhưng chẳng chứng lấy thiệt tế. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nghĩ rằng: các chúng sanh mãi chấp trước pháp sở đắc. Đó là ngã, chúng sanh nhẫn đến tri giả, kiến giả. Ấy là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, là nhập, là giới, là tứ thiền, là tứ vô lượng tâm, là tứ định, là tu hành như vậy. Lúc tôi được Vô thượng Bồ đề, sẽ làm cho chúng sanh chẳng chấp pháp sở đắc như vậy. Bồ Tát thành tựu tâm đó, dùng sức phương tiện hành Bát nhã ba la mật, lúc chưa đầy đủ mười trí lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng thì chẳng chứng lấy thiệt tế, khi đó Bồ Tát tu không tam muội đầy đủ. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nghĩ rằng: Chúng sanh mãi mãi đi trên các tướng, đó là những tướng nam, nữ, sắc, vô sắc. Nếu lúc tôi được Vô thượng Bồ đề, sẽ làm cho chúng sanh không có nhận thức các tướng sai lầm như vậy. Bồ Tát thành tựu tâm đó, dùng sức phương tiện hành Bát nhã ba la mật, lúc chưa đầy đủ mười trí lực nhẫn đến pháp bất cộng thì không chứng lấy thiệt tế. Khi đó Bồ Tát tu vô tướng tam muội đầy đủ. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát học sáu ba la mật, học nội không nhẫn đến học vô pháp hữu pháp không, học tứ niệm xứ nhẫn đến học ba giải thoát môn, học mười trí lực, bốn vô úy, bốn vô ngại, đại từ đại bi, học mười tám pháp bất cộng, thành tựu trí huệ như vậy thì chẳng bao giờ chấp trước những pháp tạo tác hoặc trụ trước trong tam giới. Lúc đại Bồ Tát nầy học pháp trợ đạo cùng hành pháp trợ đạo, nên thử hỏi rằng: Đại Bồ Tát muốn được Vô thượng Bồ đề sao lại học quán các pháp không mà chẳng chứng lấy thiệt tế, vì chẳng chứng lấy nên chẳng sa vào hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Quán vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu, cũng chẳng chứng lấy thiệt tế mà tu Bát nhã ba la mật? Nầy Tu Bồ Đề! Lúc thử hỏi như trên, nếu đại Bồ Tát đó đáp thế nầy: Đại Bồ Tát chỉ nên quán không, chỉ nên quán vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu. Đại Bồ Tát chẳng nên học không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô khởi, vô sở hữu, chẳng nên học pháp trợ đạo. Nầy Tu Bồ Đề! Phải

biết Bồ Tát đó chưa được chư Phật thọ ký Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì người nầy chẳng nói được chỗ sở học của bực Bồ Tát bất thối chuyển, chẳng trình bày được, chẳng giải đáp được. Nếu đại Bồ Tát đó nói được, giải đáp được chỗ sở học của bực bất thối chuyển, phải biết đó là bực đã học đạo Bồ Tát, nhập bực Bạc địa như chư đại Bồ Tát bất thối chuyển khác". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chừng có Bồ Tát chưa được bất thối chuyển mà giải đáp được chăng?" Đức Phật phán dạy: "Có. Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát đó nơi Bát nhã ba la mật hoặc đã nghe hoặc chẳng nghe, có thể giải đáp được như bực đại Bồ Tát bất thối chuyển". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Rất đông Bồ Tát cầu Phật đạo mà ít có Bồ Tát giải đáp được như các bực đại Bồ Tát bất thối chuyển trong hàng hữu học và vô học như vậy". Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Bồ Tát rất ít. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát ít có được thọ ký bực Càn Huệ bất thối chuyển. Nếu người nào được thọ ký thì có thể giải đáp được. Thiện căn của người đó sáng rõ. Tất cả chư thiên cùng người đời không ai phá hoại được".

— Hết —

KINH KIM CÀNG BÁT NHÃ BA LA MẬT
Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập,

PHẨM MỘNG TRUNG BẤT CHỨNG THỨ SÁU MƯƠI MỐT ĐẾN 75

Bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh

61. PHẨM MỘNG TRUNG BẤT CHỨNG THỨ SÁU MƯƠI MỐT

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu đại Bồ Tát nhẫn đến trong chiêm bao, chẳng tham muốn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng chẳng tham muốn ba cõi. Quán các pháp như mộng, như ảo, như hưởng, như diệm, như hóa, cũng chẳng chứng lấy. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát trong chiêm bao thấy Phật cùng vô số Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Thiên, Long, Quỷ, Thần. Thấy đức Phật thuyết pháp cho đại chúng. Bồ Tát nầy theo Phật nghe pháp liền hiểu nghĩa trong đó rồi thật hành theo pháp. Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Trong chiêm bao, đại Bồ Tát thấy đức Phật đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, phóng ánh sáng vọt lên không trung thuyết pháp cho chúng đại Tỳ Kheo, rồi hiện đại thần lực biến làm hóa nhơn đến Phật độ khác mà làm Phật sự. Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu

Bồ Đề! Nếu trong chiêm bao, đại Bồ Tát thấy giặc nổi dậy đánh phá xóm làng, thành thị, hoặc phóng hỏa, hoặc thấy những ác thú cọp, sói, sư tử, hoặc thấy có kẻ muốn đến chặt đầu mình, hoặc thấy cha mẹ, anh chị, bạn hữu chết. dầu thấy bao nhiêu sự dữ hung, khổ sầu như vậy mà chẳng kinh sợ, buồn lo. Sau khi thức giấc liền suy gẫm ba cõi hư vọng đều như cảnh chiêm bao thôi. Lúc tôi được Vô thượng Bồ đề, sẽ vì chúng sanh mà giảng nói ba cõi như chiêm bao. Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! thế nào mà biết là đại Bồ Tát bất thối chuyển lúc được Vô thượng Bồ đề, trong nước không có ba ác đạo? Trong chiêm bao, nếu đại Bồ Tát thấy các Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục liền nghĩ rằng tôi phải siêng năng tinh tấn, lúc được Vô thượng Bồ đề, trong cõi nước tôi không có ba ác đạo. Tại sao vậy? Vì cảnh chiêm bao cùng các pháp không hai, không sai khác. Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Trong chiêm bao, đại Bồ Tát thấy lửa Địa ngục nấu chúng sanh liền phát thệ: Nếu tôi thiệt là bực bất thối chuyển, nguyện lửa nầy liền tắt. Nếu lửa Địa ngục liền tắt theo lời nguyện, phải biết đó là tướng bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Ban ngày đại Bồ Tát thấy thành thị bị hỏa hoạn liền nghĩ rằng: Trong chiêm bao, tôi thấy hạnh, loại, tướng mạo bất thối chuyển, nay tôi thiệt có như vậy. Tự lập thệ rằng: Xin cho lửa nầy liền tắt. Sau khi lập thệ, nếu lửa liền tắt thì phải biết đó là đại Bồ Tát được thọ ký Vô thượng Bồ đề, trụ bực bất thối chuyển. Nếu lửa đó chẳng liền tắt, đốt cháy từ nhà nầy đến nhà khác, từ xóm nầy đến xóm khác, nầy Tu Bồ Đề! Phải biết những nhà bị cháy là do đời trước nghiệp nhơn phá pháp sâu dầy nên đời nay mang tai họa thừa ấy. Do nhơn duyên đó, phải biết là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Nay đức Phật lại vì người mà nói hạnh, loại, tướng mạo của đại Bồ Tát bất thối chuyển. Nếu có nam tử hay nữ nhơn bị quỷ thần dựa. Khi đó Bồ Tát tự nghĩ: Nếu tôi được chư Phật quá khứ thọ ký, tâm tôi thanh tịnh cầu Vô thượng Bồ đề, hành chánh đạo thanh tịnh, xa rời tâm cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật, đáng được Vô thượng Bồ đề. Tôi quyết chắc sẽ được Vô thượng Bồ đề, chẳng phải là không được. Hiện tại chư Phật ở mười phương quốc độ không gì chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, chẳng chứng. Chư Phật biết thâm tâm tôi định chắc quyết sẽ được Vô thượng Bồ đề. Do lòng chí thành phát thệ ấy, nam tử hay nữ nhơn bị quỷ thần dựa não hại đây sẽ được khỏi khổ nạn, quỷ thần sẽ rời xa. Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát phát thệ như vậy, nếu quỷ thần chẳng rời đi, thì phải biết Bồ Tát đó chưa được chư Phật quá khư thọ ký Vô thượng Bồ đề. Nếu quỷ thần rời, thì phải biết đã được chư Phật quá khứ thọ ký Vô thượng Bồ đề. Do những hạnh, loại, tướng mạo đó mà biết là đại Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát xa rời sáu ba la mật và sức phương tiện, tu hành tứ niệm xứ nhẫn đến ba môn môn tam muội chưa lâu, chưa nhập địa vị Bồ Tát. Bồ Tát đó bị ác ma nhiễu hại bèn thệ rằng, nếu tôi thiệt được chư Phật thọ ký thì quỷ thần nầy phải rời đi. Ác ma có oai lực hơn quỷ thần nên quỷ thần liền rời đi. Bồ Tát nầy nghĩ rằng do sức thệ nguyện của tôi mà quỷ thần phải rời đi, chớ chẳng biết là sức của ác ma. Vì cậy chỗ chức chứng đắc nên khinh dễ các Bồ Tát khác: Tôi đã được chư Phật thọ ký, còn các Ngài thì chưa. Sanh lòng tăng thượng mạn. Do đây mà xa lìa nhứt thiết chủng trí, xa lìa Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết người đó sa vào hai bực: hoặc bực Thanh Văn, hoặc bực Bích Chi Phật. Do

nhơn duyên luống thệ như trên, không có sức phương tiện nên mà sự phát khởi. Người đó vì chẳng thân cận, y chỉ thiện tri thức, chẳng hỏi rành tướng mạo bất thối chuyển nên bị ma trói buộc càng thêm kiên cố. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát đó hành sáu ba la mật chẳng được lâu nên không có sức phương tiện. Phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào là Bồ Tát hành sáu ba la mật chẳng được lâu, nhẫn đến chưa nhập địa vị Bồ Tát, bị ác ma nhiễu hại? Nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hóa hiện các thứ thân hình đến bảo Bồ Tát rằng: Ở chỗ chư Phật, Ngài được thọ ký Vô thượng Bồ đề, Ngài tên ấy, cha tên ấy, mẹ tên ấy, anh chị em tên ấy, bảy đời cha mẹ của Ngài tên họ như vậy, Ngài sanh trong ấp ấy, làng ấy, thành ấy, nước ấy, tại địa phương ấy. Nếu thấy Bồ Tát tánh hạnh hòa nhu, ác ma nói: Đời trước Ngài cũng hòa nhu. Nếu thấy Bồ Tát thấy tánh nóng gấp, ác ma nói: Đời trước ngài cũng như vậy. Nếu thấy Bồ Tát tu hạnh tịch tịnh, ác ma nói: Đời trước Ngài cũng tu như vậy. Nếu thấy Bồ Tát khất thực, nạp y, chiều chẳng uống tương, một lần ngồi ăn, ăn một bát, ở nơi gò mả, ở chỗ trống, ở dưới cây, ngồi luôn chẳng nằm, ngồi kiết già, chỉ thọ ba y, hoặc thiểu dục, hoặc tri trúc, hoặc tu hạnh xa lìa, hoặc chăng thoa chưn, hoặc ít nói chuyện, ác ma bèn nói: đời trước Ngài cũng có hạnh như vậy, đời nay Ngài có công đức Đầu Đà nầy, đời trước Ngài cũng có công đức như vậy. Bồ Tát nghe nói việc đời trước và họ tên, lại nghe khen ngợi công đức Đầu Đà liền vui mừng, sanh lòng kiêu mạng. Bấy giờ ác ma nói: Ngài có công đức như vậy, có tướng như vậy, Ngài đã thiệt chư Phật tho ký Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hiện làm Tỳ Kheo vấn y, hoặc hiện làm Cư Sĩ, hoặc hiện hình cha mẹ đến bảo Bồ Tát: Ngài đã được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Tại sao? Vì bao nhiêu tướng bất thối chuyển, Ngài đều có đủ. Nầy Tu Bồ Đề! Thiệt ra những tướng mạo bất thối chuyển chơn thiệt của đức Phật nói, người nầy hoàn toàn không có. Phải biết Bồ Tát đó bị ma nhiễu hại. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát đó hoàn toàn không có tướng mạo bất thối chuyển. Nhơn nghe khen tặng mà sanh Lại nầy Tu Bồ Đề!; òng kiêu mạn, khinh miệt người khác. Phải biết đó là ma sự của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát hành sáu ba la mật chẳng được lâu, chẳng biết tướng danh tự, chẳng biết tướng sắc, tướng thọ, tưởng, hành, thức. Ác ma đến nói: Đời sau, lúc Ngài được Vô thượng Bồ đề, sẽ có những danh hiệu như vầy. Rồi ác ma theo chỗ tưởng niệm của Bồ Tát đó mà nói danh hiệu. Bồ Tát vô trí, không có phương tiện đó nghĩ rằng tôi đã trước có danh hiệu thành Phật như người nầy nói, hiệp đúng với bổn ý của tôi. Chắc là tôi đã được chư Phật thọ ký. Nầy Tu Bồ Đề! Tướng mạo bất thối chuyển của đức Phật nói, người nầy hoàn toàn không có. Chỉ theo danh hiệu trống rỗng ấy rồi kiêu mạn, khinh miệt người khác. Vì thế mà xa lìa Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát nầy xa lìa Bát nhã ba la mật, không có sức phương tiện, xa lìa thiện tri thức, theo ác tri thức nên sa vào hai bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Nếu được liền tại thân đời nầy, ăn năm sám hối, lâu lâu qua lại trong sanh tử rồi sau mới trở lại y chỉ Bát nhã ba la mật. Nếu gặp thiện tri thức rồi thường gần gũi thì sẽ được Vô thượng Bồ đề. Còn nếu tại thân nầy chẳng liền sám hối sẽ phải sa vào hai bực: hoặc Thanh Văn, hoặc Bích Chi Phật. Nầy Tu Bồ Đề! Nơi tứ trọng giới, nếu Tỳ Kheo phạm một giới thì chẳng phải là Sa Môn, chẳng phải là Thích tử, hiện đời chẳng được bốn quả Sa Môn. Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát đó ham danh tự giả, có tâm kiêu mạn, khinh miệt người khác, phải biết tội nầy nặng hơn tội phạm giới trọng của Tỳ Kheo. Nầy Tu Bồ Đề! Chẳng

những nặng hơn bốn trọng giới mà còn hơn cả tội ngũ nghịch. Bởi ham nhận danh hiệu giả mà sanh lòng cao ngạo, khinh miệt người khác, phải biết là tội rất nặng. Như về những danh hiệu, còn các ma sự nhỏ nhặt khác, Bồ Tát phải cảnh giác biết rõ. Lại nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát ở chỗ vắng vẻ núi đầm trống xa. Ma đến khen ngợi rằng: Hạnh Ngài làm là pháp viễn ly của Phật ca ngợi. Nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật chẳng ca ngợi sự viễn ly như vậy, nghĩa là chỉ ở nơi vắng vẻ núi đầm trống xa mà gọi là viễn ly. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu ở chỗ vắng vẻ núi đầm trống xa như vậy mà chẳng phải là pháp viễn ly thì có pháp viễn ly khác thế nào? – Nầy Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát xa rời tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, ở chỗ vắng vẻ núi đầm trống xa, đây là pháp viễn ly mà đức Phật hứa khả. Pháp viễn ly nầy Bồ Tát phải tu hành. Ngày đêm hành pháp viễn ly nầy thì gọi là Bồ Tát viễn ly hạnh. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu pháp viễn ly của ác ma nói, ở chỗ vắng vẻ núi đầm trống xa mà tâm Bồ Tát nầy ở tại nơi ồn náo; đó là chẳng xa rời tâm niệm Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng siêng tu Bát nhã ba la mật, Bồ Tát nầy chẳng đầy đủ được nhứt thiết chủng trí. Bồ Tát nầy hành pháp viễn ly của ác ma nói, lòng chăng thanh tịnh mà đi khinh khi các Bồ Tát ở gần thành thị tâm thanh tịnh, không có tâm niệm ồn náo, Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng không có tâm tạp ác khác, đầy đủ thiền định, giải thoát, trí huệ, thần thông. Bồ Tát xa rời Bát nhã ba la mật không có sức phương tiện đó, dầu ở chỗ tuyệt trống vắng ngoài trăm do tuần, chỗ cầm thú, quỷ thần, la sát ở, hoặc một năm cho đến trăm ngàn vạn ức năm, hoặc lâu hơn thời gian trên, mà chẳng biết pháp viễn ly chơn thiệt của Bồ Tát: đó là thâm phát Vô thượng Bồ đề, chẳng có tâm tạp ác, ồn náo. Chỗ làm của Bồ Tát nầy đức Phật không hứa khả. Nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật nói pháp viễn ly chơn thiệt. Bồ Tát nầy chẳng ở trong đó, cũng chẳng thấy tướng viễn ly đó. Tại sao? Vì Bồ Tát nầy chỉ hành theo pháp viễn ly hư giả. Bấy giờ ác ma đến đứng trong hư không khen rằng: Lành thay! Lành thay! Nầy thiện nam! Đó là pháp viễn ly chơn thiệt của Phật nói. Ngài hành pháp viễn ly ấy sẽ mau được Vô thượng Bồ đề. Nghe lời khen ấy, Bồ Tát nầy có tâm niệm ham pháp viễn ly ấy tất sẽ khinh dễ các người cầu Phật đạo khác cho là ồn náo. Đó là lấy ồn náo làm chẳng ồn náo, đáng cung kính mà chẳng cung kính, chẳng đáng cung kính mà cung kính. Bồ Tát nầy nói: Chư quỷ thần nớ tưởng đến khen ngợi tôi. Chỗ tôi hành trì đúng là hạnh viễn ly, không ai khen tặng những người ở gần thành thị. Do cớ đó mà Bồ Tát nầy khinh khi các Bồ Tát khác. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ Tát nầy gọi là Bồ Tát Chiên Đà La làm ô nhiễm chư Bồ Tát. Người nầy giống hình Bồ Tát mà thiệt là kẻ đại tặc trong nhơn gian và trên trời, cũng là kẻ giặc vấn y trong hàng Sa Môn. Với người như vậy, những người cầu Phật đạo chẳng nên gần gũi, cúng dường, cung kính. Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết người nầy sa vào hàng tăng thượng mạn. Thế nên nếu đại Bồ Tát muốn chẳng rời bỏ nhứt thiết chủng trí, muốn được Vô thượng Bồ đề, nhứt tâm muốn cầu Vô thượng Bồ đề, muốn lợi ích tất cả chúng sanh thì chẳng nên gần gũi hạng người như vậy để cung kính, cúng dường. Theo pháp của đại Bồ Tát, phải thường xuyên cầu tự lợi, nhàm sợ thế gian, tâm luôn xa rời ba cõi, đối với hạng người ấy phải có lòng từ bi hỉ xả. Tôi hành Bồ Tát đạo chẳng nên sanh tội lỗi như vậy. Nếu có lỗi như vậy phải mau dứt trừ. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải khéo cảnh giác ma sự ấy. Ở trong ma sự ấy phải khéo cố gắng ra khỏi. Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thâm tâm muốn

được Vô thượng Bồ đề, phải gần gũi, cung kính, cúng dường thiện tri thức. – Bạch đức Thế Tôn! Những ai là thiện tri thức của đại Bồ Tát? – Nầy Tu Bồ Đề! Chư Phật là thiện tri thức của đại Bồ Tát. Chư đại Bồ Tát cũng là thiện tri thức của Bồ Tát. A La Hán cũng là thiện tri thức của Bồ Tát. Lại nầy Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật là thiện tri thức của Bồ Tát. Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng là thiện tri thức của Bồ Tát. Như, thiệt tế, pháp tánh cũng là thiện tri thức của Bồ Tát. Nầy Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật là đạo, là rất sáng, là đuốc, là trí, là huệ, là cứu, là quy, là cồn đảo, là đường rốt ráo, là cha, là mẹ. Tứ niệm xứ nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng vậy. Tại sao? Vì sáu ba la mật và ba mươi bảy phẩm trợ đạo là cha, là mẹ của mười phương chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, chư Phật hiện tại. Tại sao? Vì sáu ba la mật và ba mươi bảy phẩm trợ đạo hay sanh mười phương chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát muốn được Vô thượng Bồ đề, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh thì phải học sáu ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo và bốn nhiếp pháp để nhiếp lấy chúng sanh. Đây là bốn nhiếp pháp: bố thí, ái ngữ, lợi ích và đồng sự. Nầy Tu Bồ Đề! Vì có công năng lợi ích như vậy nên ta nói sáu ba la mật và ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đại Bồ Tát, là Thế Tôn, là đạo, là rất sáng, là đuốc, là trí, là huệ, là cứu, là quy, là cồn đảo, là đường rốt ráo , là cha, là mẹ. Thế nên đại Bồ Tát muốn an trụ chẳng theo lời người khác, muốn dứt nghi cho tất cả chúng sanh, muốn tịnh Phật quốc độ, muốn thành tựu chúng sanh, thì phải học Bát nhã ba la mật nầy. Tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật nói rộng các pháp mà chư đại Bồ Tát cần phải học. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tướng của Bát nhã ba la mật? – Nầy Tu Bồ Đề! Như tướng hư không là tướng Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật không có tướng. – Bạch đức Thế Tôn! Chừng có duyên cớ mà tướng các pháp cũng như tướng Bát nhã ba la mật chăng? – Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Tướng các pháp cũng như tướng Bát nhã ba la mật. Vì tất cả pháp tướng ly, tướng không. Do nhơn duyên ấy nên tướng các pháp cũng như tướng Bát nhã ba la mật. Đó là tướng ly, tướng không. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là tất cả pháp ly, tất cả pháp là tất cả pháp không, thì làm sao biết chúng sanh là cấu hoặc tịnh? Bạch đức Thế Tôn! Pháp ly tướng không cấu, không tịnh. Pháp ly tướng, không tướng chẳng thể được Vô thượng Bồ đề. Ly tướng và không tướng chẳng có pháp để được. Bạch đức Thế Tôn! Trong ly tướng, trong không tướng không có Bồ Tát được Vô thượng Bồ đề. Bạch đức Thế Tôn! Như vậy thì tôi làm sao có thể biết được nghĩa đức Phật tuyên nói? – Nầy Tu Bồ Đề! Chúng sanh có mãi mãi hiện hành tâm ngã, ngã sở chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Có. Chúng sanh mãi mãi hiện hành tâm ngã, ngã sở. – Nầy Tu Bồ Đề! Tâm ngã, ngã sở đó có ly tướng chăng? Có không tướng chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Tâm ngã, ngã sở ly tướng, không tướng. – Nầy Tu Bồ Đề! Do tâm ngã, ngã sở đó, chúng sanh có qua lại trong sanh tử chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Do tâm ngã, ngã sở đó, chúng sanh qua lại trong sanh tử. – Nầy Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh qua lại trong sanh tử nên biết là có cấu, có não. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh không tâm ngã, ngã sở, tâm không chấp trước thì chẳng còn qua lại trong sanh tử. Nếu chẳng qua lại trong sanh tử thì không có cấu, não. Thế là chúng sanh có tịnh. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát hành như vậy, đó là chẳng hành sắc, thọ, tưởng, hành, thức là chẳng hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, là chẳng hành nội không đến vô pháp hữu pháp không,

là chẳng hành mười trí lực đến nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì pháp ấy chẳng thể được, cũng không người hành, cũng không chỗ hành, cũng không phép hành. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hành như vậy, tất cả Thiên, Nhơn, A Tu La ở thế gian chẳng hàng phục được đại Bồ Tát nầy. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng bằng được Bồ Tát nầy. Tại sao vậy? Vì chỗ an trụ của Bồ Tát nầy không ai bằng được, đó là địa vị Bồ Tát. Bạch đức Thế Tôn! Chỗ hành của đại Bồ Tát nầy đúng với tâm nhứt thiết chủng trí, không ai bằng được. – Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành như vậy mau gần với nhứt thiết chủng trí. Nầy Tu Bồ Đề! Cứ theo ý ngươi thế nào? nếu như tất cả mọi loài chúng sanh ờ Diêm Phù Đề đều hành nghiệp người, đều được thân người và đều được Vô thượng Bồ đề cả. Nếu có thiện nam, thiện nữ trọn đời cung kính, cúng dường, ngợi khen tất cả chư Phật đó, rồi đem tất cả thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Do cơ ấy được phước nhiều chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều. – Nầy Tu Bồ Đề! Phước không nhiều bằng thiện nam, thiện nữ ở giữa đại chúng tuyên nói Bát nhã ba la mật, chỉ dạy rành rẽ, khai diễn rõ ràng đúng với Bát nhã ba la mật và cũng chánh ức niệm. Nhân đến chúng sanh trong cõi Đại Thiên cũng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Như tất cả chúng sanh trong Diêm Phù Đề đồng thời đều được thân người. Có thiện nam, thiện nữ dạy họ hành thập thiện, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, dạy họ được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật, dạy họ được Vô thượng Bồ đề. Đem thiện căn dạy bảo đó hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Thiện nam, thiện nữ đó được phước nhiều chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều. – Nầy Tu Bồ Đề! Phước nhiều không bằng thiện nam, thiện nữ đem Bát nhã ba la mật nầy diễn nói, chỉ dạy rõ ràng, rành rẽ cho chúng sanh, cũng chẳng xa rời nhứt thiết chủng trí. Như Diêm Phù Đề, nhẫn đến cõi Đại Thiên cũng như vậy. Đại Bồ Tát nầy chẳng xa rời tâm nhứt thiết chủng trí thì đến tột cùng bờ tất cả phước điền. Trừ chư Phật, không có pháp nào bằng thế lực của đại Bồ Tát. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật, đối với tất cả chúng sanh phát khởi lòng đại từ, vì thấy các chúng sanh hướng đến chỗ chết nên sanh lòng đại bi. Lúc hành đạo, Bồ Tát vui thích nên sanh lòng đại hỉ. Vì chẳng cùng chung với tưởng niệm nên được đại xả. Nầy Tu Bồ Đề! Đó là đại Bồ Tát được ánh đại trí. Ánh sáng đại trí đầy tức là sáu ba la mật. Nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ dầu chưa làm Phật mà có thể làm phước điền lớn cho tất cả chúng sanh, chẳng thối chuyển nơi Vô thượng Bồ đề. Hưởng thọ bốn sự cúng dường, hành đúng tâm Bát nhã ba la mật, quyết định báo ơn thí chủ, mau gần nhứt thiết chủng trí. Thế nên đại Bồ Tát muốn chẳng luống hưởng thọ bốn sự thí cúng của người, muốn đạo Tam thừa cho chúng sanh, muốn làm ánh sáng lớn cho chúng sanh, muốn cứu vớt lao ngục tam giới, muốn ban con mắt sáng cho chúng sanh, thì phải thường hành Bát nhã ba la mật. Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát có muốn nói thì nói Bát nhã ba la mật. Nói Bát nhã ba la mật rồi thường ghi nhớ Bát nhã ba la mật. Thường ghi nhớ Bát nhã ba la mật rồi thường hành Bát nhã ba la mật, chẳng cho tâm niệm khác phát sanh được, ngày đêm siêng hành Bát nhã ba la mật, tâm niệm tương ứng, chẳng thôi, chẳng nghĩ. Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có người chưa từng được châu ma ni, lúc sau được, được rồi vui mừng hớn hở. Rồi sau lại đánh mất bèn rất lo sầu, thường nhớ tưởng châu ma ni đó, tự tại sao tôi lại đánh mất châu ma ni. Cũng vậy, đại Bồ Tát luôn nghĩ nhớ Bát nhã ba la mật, chẳng rời tâm nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức

Thế Tôn! Tất cả niệm tưởng, tánh của nó tự ly, tánh của nó tự không, tại sao đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật lại chẳng rời lìa tâm nhứt thiết chủng trí? Trong pháp viễn ly, pháp không đó, không có Bồ Tát, cũng không có niệm, không nhứt thiết chủng trí. – Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát biết tất cả pháp như vậy, tánh nó tự ly, tánh nó tự không, chẳng phải do Thanh Văn, Bích Chi Phật làm ra, cũng chẳng phải do Phật làm ra. Các pháp tướng thường trụ, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, như, thiệt tế, đây gọi là Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, chẳng rời lìa tâm nhứt thiết chủng trí. Tại sao? Vì Bát nhã ba la mật tánh tự ly, tánh tự không, chẳng tăng, chẳng giảm vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật, tánh nó tự ly, tánh nó tự không, thì thế nào đại Bồ Tát bằng với Bát nhã ba la mật, được Vô thượng Bồ đề? – Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát bằng với Bát nhã ba la mật, chẳng tăng, chẳng giảm. Tại sao? Vì Bát nhã ba la mật chẳng phải một, chẳng phải khác. Nếu đại Bồ Tát nghe tướng Bát nhã ba la mật như vậy mà chẳng kinh sợ, nghi ngờ. Phải biết đại Bồ Tát nầy hành Bát nhã ba la mật, phải biết đại Bồ Tát nầy an trụ bực bất thối chuyển. – Bạch đức Thế Tôn! Không, chăng chỗ có, là hành Bát nhã ba la mật chăng? – Không phải. – Bạch đức Thế Tôn! Rời không, còn có pháp hành Bát nhã ba la mật chăng? – Không có. – Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật đó hành Bát nhã ba la mật chăng? – Không. – Bạch đức Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là hành Bát nhã ba la mật chăng? – Không. – Bạch đức Thế Tôn! Sáu ba la mật hành Bát nhã ba la mật chăng? – Không. – Bạch đức Thế Tôn! Tứ niệm xứ đến pháp bất cộng là hành Bát nhã ba la mật chăng? – Không. – Bạch đức Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức tướng không, hư dối chẳng thiệt, không chỗ có, tướng chẳng kiên cố, tướng như, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thiệt tế là hành Bát nhã ba la mật chăng? – Không. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp đó đều chẳng hành, thì Bát nhã ba la mật thế nào mà gọi là đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật? – Nầy Tu Bồ Đề! Ngươi có thấy pháp nào hành Bát nhã ba la mật chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Ngươi có thấy chỗ hành Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Pháp mà ông chẳng thấy đó, pháp ấy có thể được chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Pháp ấy chẳng thể được, pháp ấy sẽ sanh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Nầy Tu Bồ Đề! Đó gọi là vô sanh pháp nhẫn của đại Bồ Tát. Bồ Tát thành tựu nhẫn nầy được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là vô sở úy, vô ngại trí của Phật. Đại Bồ Tát hành pháp đó siêng cần tinh tấn thì chẳng mất đại trí nhứt thiết chủng trí, đó là trí Vô thượng Bồ đề. Không bao giờ chẳng được. Tại sao? Vì đại Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề chẳng lui sụt, chẳng giảm bớt. – Bạch đức Thế Tôn! Các pháp tướng vô sanh, trong đó được thọ ký Vô thượng Bồ đề chăng? – Không. – Bạch đức Thế Tôn! Các pháp tướng sanh, trong đó được thọ ký Vô thượng Bồ đề chăng? – Không. – Bạch đức Thế Tôn! Các pháp chẳng sanh, chẳng vô sanh, trong đó được thọ ký Vô thượng Bồ đề chăng? – Không. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát làm sao biết là các pháp được thọ ký Vô thượng Bồ đề! – Nầy Tu Bồ Đề! Ngươi thấy có các pháp được thọ ký Vô thượng Bồ đề chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Tôi chẳng thấy có pháp được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Tôi cũng chẳng thấy có người được chỗ được. – Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu lúc đại Bồ Tát ở nơi tất cả pháp vô sở đắc, chẳng nghĩ rằng tôi sẽ

được Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng nghĩ dùng sự đó được Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chỗ Vô thượng Bồ đề. Tại sao? Vì chư đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không có tưởng nhớ, phân biệt. Tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có tưởng nhớ, phân biệt vậy".

*** 62. PHẨM MA SẦU THỨ SÁU MƯƠI HAI

Khi đó Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật này rất sâu khó thấy, không có nhớ tưởng, phân biệt, vì là rốt ráo ly vậy. Bạch đức Thế Tôn! Chúng sanh nào nghe Bát nhã ba la mật này mà có thể thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, gần gũi, thực hành đúng như lời, nhẫn đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề chẳng xen tạp tâm và tâm sở khác, phải biết là chẳng từ nơi công đức nhỏ". Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Này Kiêu Thi Ca! Người nghe Bát nhã ba la mật này nhân đến chẳng xen tạp các tâm, tâm sở khác, chẳng phải từ nơi công đức nhỏ mà được như vậy. Này Kiều Thi Ca! Theo ý ngươi thế nào? Nếu chúng sanh trong Diêm Phù Đề thành tựu thập thiện đạo, thành tựu tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định. Lại có thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật, đọc tụng, gần gũi, chánh ức niệm, thực hành đúng như lời. Thiện nam, thiện nữ này hơn hẳn chúng sanh kia trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến toán số ví dụ đều chẳng bằng được". Bấy giờ có một Tỳ Kheo nói với Thích Đề Hoàn Nhơn: "Thiện nam, thiện nữ hành Bát nhã ba la mật đó, công đức hơn Ngài". Thích Đề Hoàn Nhơn nói: "Thiện nam, thiện nữ đó chỉ một phen phát tâm còn hơn tôi, huống là nghe Bát nhã ba la mật này, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, thực hành đúng như lời. Thiện nam, thiện nữ đó chẳng phải chỉ hơn tôi, mà cũng hơn tất cả chư Thiên, Nhơn, A tu la ở thế gian. Chẳng phải chỉ hơn tất cả chư Thiên, Nhơn, A tu la ở thế gian, mà cũng hơn các bậc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán và Bích Chi Phật. Chẳng phải chỉ hơn các bậc Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật, mà cũng hơn chư Bồ Tát hành năm ba la mật xa lìa Bát nhã ba la mật, cũng hơn Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật mà không có sức phương tiện. Thiện nam, thiện nữ đó hành Bát nhã ba la mật đúng như lời, thì chẳng dứt giống Phật, thường thấy Phật, sớm gần đạo tràng. Đại Bồ Tát thực hành như vậy là vì muốn cứu vớt chúng sanh khỏi bị chìm đắm trong biển rộng. Đại Bồ Tát học như vậy là vì chẳng học những môn học của Thanh Văn, của Bích Chi Phật. Đại Bồ Tát học như vậy, bốn Thiên Vương đến chỗ Bồ Tát thưa rằng: Ngài nên siêng học gấp. Lúc ngồi đạo tràng thành Vô Thượng Bồ Đề, như chư Phật quá khứ thọ bốn cái bát, chúng tôi sẽ mang đến dưng lên Ngài. Và chư Thiên khác nhẫn đến Đại Tự Tại Thiên cũng sẽ cúng dường. Chư Phật mười phương cũng thường hộ niệm đại Bồ Tát này. Tất cả sự nạn ách khốn khổ thế gian, Bồ Tát này đều khỏi cả, cũng không có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh thế gian. Vì hành Bát nhã ba la mật đại Bồ Tát này được công đức trong thời hiện tại như vậy". Ngài A Nan nghĩ rằng: Thiên Đế Thích tự lực mình nói như vậy, hay là do thần lực của Phật? Biết tâm niệm của Ngài A Nan, Thích Đề Hoàn Nhơn nói: "Lời nói của tôi vừa rồi đều là thần lực của đức Phật cả". Đức Phật bảo Ngài A

Nan: “Đúng như lời Thích Đề Hoàn Nhơn nói, đều là oai thần của Phật. Này A Nan! Lúc Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật sâu xa này, các ác ma trong cõi Đại Thiên đều hồ nghi: Bồ Tát này sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, hay sẽ giữa đường chứng thiệt tế, sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Lại này A Nan! Lúc Đại Bồ Tát nếu chẳng rời lìa Bát nhã ba la mật thì ác ma rất sầu khổ như tên nhọn xoi tim. Ác ma lại phóng gió lửa lớn nổi lên bốn phía, muốn làm cho Bồ Tát khiếp sợ biếng trễ, nhẫn đến sanh một niệm loạn tâm ở trong nhứt thiết chủng trí”. – Bạch đức Thế tôn! Chư Bồ Tát đều bị ác ma làm nhiễu loạn, hay có người chẳng bị làm nhiễu loạn? – Này A Nan! Có người bị nhiễu loạn, có người chẳng bị nhiễu loạn. – Bạch đức Thế Tôn! Những Bồ Tát nào bị ác ma làm nhiễu loạn? – Này A Nan! Có Bồ Tát ở đới trước nghe Bát nhã ba la mật mà lòng không tin, không hiểu. Bồ Tát này bị ma nhiễu loạn. Lại này A Nan! Lúc nghe Bát nhã ba la mật, Bồ Tát có ý nghi ngờ: Bát nhã ba la mật là thiệt có hay là thiệt không? Bồ Tát này bị ma nhiễu loạn. Lại này A Nan! Có Bồ Tát xa lìa thiện tri thức, chẳng nghe Bát nhã ba la mật. Vì chẳng nghe nên chẳng thấy, chẳng hỏi nên hành Bát nhã ba la mật thê nào? Nên tu Bát nhã ba la mật thê nào? Bồ Tát này ác ma nhiễu loạn được. Lại này A Nan! Nếu Bồ Tát xa lìa Bát nhã ba la mật để thọ những pháp khác. Bồ Tát này bị ác ma nhiễu loạn. Ác ma nghĩ rằng: Bọn này sẽ có bạn có đảng, sẽ thỏa mãn nguyện vọng của ta. Bồ Tát này tự mình sa vào hai bậc, cũng làm cho người khác sa vào hai bậc. Lại này A Nan! Lúc nghe nói Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát bảo người khác rằng: Bát nhã ba la mật sâu xa này, chính tôi còn chẳng thấu đáo được, các người nghe học làm gì. Bồ Tát này ác ma nhiễu loạn được. Lại này A Nan! Nếu Bồ Tát khinh khi Bồ Tát khác rằng: Tôi hành Bát nhã ba la mật, hành viễn ly không, Ngài không có công đức đó. Bấy giờ ác ma rất vui mừng hớn hở: Nếu có Bồ Tát tự thị danh tánh bè đảng đông mà khinh khi chư Bồ Tát tốt khác, Bồ Tát này không thiệt có công đức bất thối chuyển. Vì không có thiệt nên sanh các phiền não, chỉ ham hư danh mà khinh tiện người khác không ở trong pháp của mình được. Ác ma nghĩ rằng: Nay cảnh giới cung diện của ta sẽ không trống, sẽ thêm đông ba ác đạo. Bấy giờ ác ma giúp oai lực cho Bồ Tát đó làm cho người khác tin lời nói của Bồ Tát đó. Vì tin lời nói nên thọ lãnh tu học theo kinh của Bồ Tát đó. Lúc tu học theo kinh của Bồ Tát đó. Lúc tu học theo kinh đó thêm nhiều các kết sử. Vì tâm của các người này điên đảo nên thân khẩu ý ba nghiệp gây tội mà đều thọ ác báo, do đó thêm nhiều ba ác đạo mà cung điện quyến thuộc ma càng đông. Vì thấy lợi như vậy nên ác ma vui mừng hớn hở. Này A Nan! Nếu người hành Bồ Tát đạo tranh đấu với người cầu Thanh Văn, ác ma thấy vậy nghĩ rằng đó là xa rời nhứt thiết chủng trí. Nếu Bồ Tát tranh đấu giận giữ mắng, nhiếc ác ma rất mừng rằng cả hai đều xa rời nhứt thiết chủng trí. Này A nan! Nếu Bồ Tát chưa được thọ ký có ác tâm tranh đấu mắng nhiếc đối với Bồ Tát đã được thọ ký, tùy khởi niệm nhiều ít, sẽ phải trãi qua số kiếp bao nhiêu đó, nếu chẳng bỏ nhứt thiết chủng trí, rồi sau mới được bổ nhậm bao nhiêu số kiếp đại trang nghiêm. – Bạch đức Thế Tôn! Ác tâm đó trải qua bao nhiêu kiếp số như vậy, giữa chừng có được xuất trừ chăng? – Này A Nan! Dầu ta có nói người cầu Bồ Tát đạo và người cầu Thanh Văn được xuất tội, nhưng với người cầu Bồ Tát đạo mà giận dữ tranh đấu mắng nhiếc ôm hờn chẳng ăn năn, chẳng bỏ lỗi, ta chẳng nói có xuất tội. Quyết sẽ lại thọ bao nhiêu kiếp số đó. Nếu chẳng bỏ nhứt thiết chủng trí vậy

sau mới đại trang nghiêm. Nếu Bồ Tát đó tự cải hối rằng: Tôi có lỗi lớn, tôi sẽ chịu khuất dưới tất cả chúng sanh, đời này và đời sau tôi đều làm cho họ được hòa giải. Tôi sẽ chịu sự đạp đi của tất cả chúng sanh như cầu, như đò, như kẻ điếc câm. Sao tôi lại mắng nhiếc người, tôi chẳng nên phá hoại tâm Vô Thượng Bồ Đề, tôi phải độ tất cả chúng sinh khổ não này, sao tôi lại giận dữ đối với họ. – Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát cùng ở chung với Bồ Tát thời phải thế nào? – Này A Nan! Cùng ở chung, Bồ Tát phải xem nhau như Phật. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát phải quan niệm rằng: Bồ Tát này là bạn cùng ngồi một thuyền với tôi, cùng tôi đồng học sáu ba la mật đến nhứt thiết chủng trí. Nếu Bồ Tát đó tạp hạnh, rời tâm nhứt thiết chủng trí thì tôi không nên học theo như vậy. Bồ Tát học như vậy thì gọi là bạn đồng học.

*** 63. PHẨM ĐẲNG HỌC THỨ SÁU MƯƠI BA

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Những gì là đẳng pháp của đại Bồ Tát mà Bồ Tát phải học?”. – Này Tu Bồ Đề! Nội không đến vô pháp hữu pháp không là đẳng pháp của Bồ Tát. Sắc và sắc tướng không, thọ, tưởng, hành, thức và thọ, tưởng, hành, thức tướng không, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề tướng không là đẳng pháp của Bồ Tát. Đây gọi là đẳng pháp của đại Bồ Tát. An trụ trong đẳng pháp này mà đại Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát vì sắc tận, vì sắc ly, vì sắc diệt, vì sắc bất sanh nên học, đó là học nhứt thiết chủng trí? Nhẫn đến vì tứ niệm xứ đến pháp bất cộng: tận, ly, diệt và bất sanh nên học nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề? Theo ý ngươi thế nào? Sắc như, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như, Phật như. Các như đó có tận, có diệt, đoạn chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học như đó là học nhứt thiết chủng trí, chẳng tác chứng, chẳng diệt, chẳng đoạn như vậy, học như thế ấy là đại Bồ Tát học nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học như vậy là học sáu ba la mật, là học tứ niệm xứ đến học pháp bất cộng. Nếu học tứ niệm xứ đến pháp bất cộng, đó là học nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Học như vậy là cùng tận mé bờ của các môn học. Ma và Thiên ma chẳng phá hoại được. Học như vậy thì chẳng đến bậc bất thối chuyển. Học như vậy là học đạo sở hành của Phật. học như vậy là được pháp ủng hộ, là học đại từ đại bi, là học tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Học như vậy là học ba lần chuyển mười hai hành pháp luân. Học như vậy là học độ chúng sanh. Học như vậy là học chẳng dứt giống Phật. Học như vậy là học mở cửa cam lồ. Học như vậy là học muốn hiển thị tánh vô vi. Này Tu Bồ Đề! Người hạ liệt chẳng thể học được như vậy. Người học như vậy là vì muốn cứu vớt chúng sanh chìm đắm trong sanh tử. Người học như vậy trọn chẳng sa vào Địa ngục, Ngạ quỉ, Súc sanh, trọn chẳng sanh ở biên địa, trọn chẳng sanh vào nhà Chiên Đà La, trọn chẳng mang tật điếc đuôi, câm ngọng, què thọt, các căn đầy đú, quyến thuộc thành tựu, trọn chẳng cô độc, nghèo cùng. Người học như vậy trọn chẳng sát sanh, nhẫn đến trọn chẳng tà kiến. Người học như vậy chẳng sanh sống tà mạng, chẳng gần người ác, người phá giới. Người học như vậy, do sức phương tiện nên chẳng sanh cõi Trời Trường Thọ. Những gì là

sức phương tiện? Như trong Bát nhã ba la mật đã nói: Đại Bồ Tát do sức phương tiện mà nhập tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định mà chẳng theo thiền tâm định để thọ sanh. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát học như vậy, ở trọng tất cả Pháp được thanh tịnh, đó là thanh tịnh tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Tất cả pháp bổn tanh thanh tịnh sao đức Phật dạy rằng Bồ Tát ở trong tất cả pháp được thanh tịnh? – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Tất cả pháp bổn tánh thanh tịnh. Ở trong các Pháp đó, nếu đại Bồ Tát tâm thông đạt, chẳng mê mờ, đó chính là Bát nhã ba la mật. Các pháp như vậy, tất cả phàm phu chẳng biết, chẳng thấy. Vì những chúng sanh đó mà đại Bồ Tát hành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, hành tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Học như vậy, Bồ Tát ở trong tất cả pháp được mười trí lực, bốn vô sở úy. Học như vậy để biết tâm xu hướng của tất cả chúng sanh. Ví như ở quả đất, một ít chỗ sản xuất vàng bạc, châu báu. Cũng vậy trong chúng sanh có số ít người học được Bát nhã ba la mật, còn phần nhiều sa vào Thanh Văn, Bích Chi Phật. Ví như trong loài người, ít người tạo nghiệp Chuyển Luân Thánh Vương, còn người tạo nghiệp Tiểu Vương thì đông. Cũng vậy, một sô ít chúng sanh hành Bát nhã ba la mật cầu nhứt thiết chủng trí, phần đông học đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật. Này Tu Bồ Đề! Trong hàng chư Bồ Tát phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, ít có người hành trúng như lời, mà phần nhiều sa vào bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật. Nhiều Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không có sức phương tiện, số ít người trụ bực bất thối chuyển. Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên đại Bồ Tát muốn trụ bực bất thối chuyển, muốn trụ trong số bất thối chuyển, phải học Bát nhã ba la mật sâu xa này. Lại này Tu Bồ Đề! Lúc học Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng sinh lòng tham lam, căm giận, ngu si, giải đãi, tán loạn, phá giới, chẳng sanh tâm lầm lỗi khác, chẳng sanh tâm nắm lấy sắc tướng, chẳng sanh tâm nắm lấy tướng tứ niệm xứ đến Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật này thì không có pháp để được. Vì không có pháp để được nên chẳng sanh tâm nắm lấy tướng. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật sâu xa như vậy thì tổng nhiếp tất cả ba la mật, làm cho các ba la mật được tăng trưởng, các ba la mật đều tùy tùng. Vì Bát nhã ba la mật sâu xa này là chỗ vào của tất cả ba la mật. Ví như trong ngã kiến nhiếp hết sáu mươi hai kiến. Cũng vậy, Bát nhã ba la mật này nhiếp hết các ba la mật. Ví như người chết, vì mạng căn diệt nên các căn khác cũng đều diệt theo. Cũng vậy, lúc đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật sâu xa này thì các ba la mật đều tùy tùng! Này Tu Bồ Đề! Muốn cho các ba la mật được thành tựu rốt ráo, đại Bồ Tát phải học Bát nhã ba la mật sâu xa này. Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật sâu xa này thì lên trên tất cả chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Trong cõi Đại Thiên, chúng sanh có nhiều chăng? – Bạch đức Thế tôn! Chúng sanh trong Diêm Phù Đề còn rất nhiều huống là trong cõi Đại Thiên. – Này Tu Bồ Đề! Nếu tất cả chúng sanh trong cõi Đại Thiên đồng thời được thân người đều chứng Vô Thượng Bồ Đề, có vị Bồ Tát đem y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men cúng dường bao nhiêu Phật như vậy, do nhơn duyên cúng dường đó được phước nhiều chăng? – Bạch đức Thế tôn! rất nhiều, rất nhiều. – Này Tu Bồ Đề! Phước ấy không nhiều bằng thiện nam, thiện nữ học Bát nhã ba la mật, chánh ức niệm, thực hành đúng như lời. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật có thế lực làm cho đại Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề. Thế nên, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát

muốn lên trên tất cả chúng sanh thì phải học Bát nhã ba la mật. Muốn làm chỗ cứu hộ cho chúng sanh khôn được cứu hộ, muốn làm chỗ về nương cho chúng sanh không chỗ về nương, muốn làm cho con đường rốt ráo cho chúng sanh không có đường rốt ráo, muốn làm mắt sáng cho chúng sanh mù, muốn được công đức Phật, muốn làm Phật tự tại du hí, muốn làm Phật sư tử hống, muốn dộng chuông Phật, đánh trống Phật, thổi ốc Phật, lên tòa Phật cao thuyết Pháp, muốn dứt nghi cho tất cả chúng sanh thì phải học Bát nhã ba la mật sâu xa. Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật sâu xa thì không công đức lành nào mà chẳng được. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát đó chừng có được công đức Thanh Văn, Bích Chi Phật chăng? – Này Tu Bồ Đề! Đều có thể được cả, nhưng chẳng an trụ trong đó, dùng trí quán xong liền thẳng qua nhập vào trong ngôi vị Bồ Tát. Đại Bồ Tát học như vậy thì gần nhứt thiết chủng trí, mau được Vô Thượng Bồ Đề. Đại Bồ Tát học như vậy thì làm phước điền cho tất cả Thiên, Nhơn, A Tu La ở thế gian. Học như vậy, đại Bồ Tát lên trên bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, mau gần nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật sâu xa như vậy, phải biết là bực bất thối chuyển Bồ Tát, mau gần nhứt thiết chủng trí, xa rời Thanh Văn, Bích Chi Phật, gần Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát này nghĩ rằng: Đây là Bát nhã ba la mật, tôi do Bát nhã ba la mật này mà được nhứt thiết chủng trí. Nếu Bồ Tát có ý nghĩ như trên thì chẳng gọi là hành Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật mà không có ý nghĩ: Đây là Bát nhã ba la mật, đây là người có Bát nhã ba la mật, đây là pháp Bát nhã ba la mật, đây là người hành Bát nhã ba la mật được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu Bồ Tát chẳng có ý nghĩ như trên thì gọi là hành Bát nhã ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nghĩ rằng không có Bát nhã ba la mật ấy, không có người có Bát nhã ba la mật ấy, không có hành Bát nhã ba la mật được Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì tất cả pháp như, pháp tánh, thiệt tế thường trụ vậy. Hành như vậy, đó là đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật".

*** 64. PHẨM TÙY HỈ THỨ SÁU MƯƠI BỐN

Khi đó, Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng: Lúc đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, thì lên trên tất cả chúng sanh, huống là lúc được Vô Thượng Bồ Đề. Các chúng sanh nghe nhứt thiết chủng trí này, nếu người nào tin hiểu thì được lợi lành trong hàng người, được hơn thế trong hàng có thọ mạng, huống là phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Chúng sanh này hay phát được tâm Vô Thượng Bồ Đề, các chúng sanh khác đều phải mong muốn. Thích Đề Hoàn Nhơn đem bông mạn đà la cõi trời rải trên đức Phật mà tuyên lời rằng: "Do phước đức này, nếu có ai phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thì làm cho người ấy đầy đủ Phật pháp, đầy đủ nhứt thiết trí, đầy đủ pháp tự nhiên, nếu ai cầu Thanh Văn thì làm cho họ đầy đủ pháp Thanh Văn. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, tôi trọn chẳng sanh một niệm muốn họ thối chuyển, tôi cũng chẳng sanh một niệm khiến họ thối chuyển,

sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Bạch đức Thế Tôn! Tôi nguyện cho chư Bồ Tát thêm tinh tấn nơi Vô Thượng Bồ Đề hơn, thấy chúng sanh ở trong sanh tử bị nhiều khổ não nên muốn lợi ích an vui cho tất cả thế gian, Thiên, Nhơn, A tu la, do tâm đó mà nguyện rằng: Tôi cũng tự độ cũng sẽ độ người chưa được độ, tôi đã tự giải thoát cũng sẽ giải thoát người chưa giải thoát, tôi đã an ổn cũng sẽ an người chưa được an, tôi đã diệt độ cũng sẽ khiến người chưa được diệt độ được diệt độ. Bạch đức Thế Tôn! Đối với Bồ Tát mới phát tâm, thiện nam, thiện nữ có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước? Với Bồ Tát phát tâm lâu, có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước? Với nhứt sanh bổ xứ Bồ Tát, có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước?" Đức Phật phán dạy: "Này Kiều Thi Ca! Cõi nước Tứ Thiên Hạ có thể cân biết được cân lượng, không thể cân lường được phước đức tùy hỷ này. Cõi nước Đại Thiên có thể cân biết được cân lượng, không thể cân lường được phước tùy hỷ này. Lại này Kiều Thi Ca! Cõi nước Đại Thiên, nước biển đầy trong đó, lấy một sợi tóc chẻ ra làm trăm phần, đem một phần tóc đó chấm lấy nước biển có thể biết được sô giọt, không thể đếm biết được phước tùy hỷ này". Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào tâm chẳng tùy hỷ Vô Thượng Bồ Đề thì đều là quyến thuộc của ma. Các người tâm chẳng tùy hỷ là từ trong ma sanh ra. Tại sao? Vì những người phát tâm tùy hỷ đều vì phá cảnh giới ma mà thọ sanh. Thế nên muốn ái kính Tam Bảo thì phải có tâm tùy hỷ, rồi hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, do vì chẳng một tướng, chẳng hai tướng". Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca! Với chư Bồ Tát, nếu người có tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy thì thường gặp chư Phật. Người đó trọn chẳng thấy sắc ác, trọn chẳng nghe tiếng ác, trọn chẳng ngửi mùi ác, trọn chẳng ăn vị ác, trọn chẳng chạm vật ác, trọn chẳng theo niệm ác, trọn chẳng xa rời chư Phật. Người đó sẽ sanh từ một cõi Phật đến một cõi Phật, luôn gần bên Phật và gieo trồng căn lành. Tại sao vậy? Vì người đó ở vơ lượng vô số thiện căn của chư Bồ Tát mới phát tâm, của chư Bồ Tát đệ nhị địa đến cửa đệ thập địa nhứt sanh bổ xứ chư đại Bồ Tát mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, do nhơn duyên căn lành này mà người đó mau gần Vô Thượng Bồ Đề. Chư Bồ Tát này được Vô Thượng Bồ Đề rồi độ thoát vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Này Kiều Thi Ca! Vì thế nên thiện nam, thiện nữ ở nơi thiện căn của Bồ Tát mới phát tâm phải tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải tâm cũng chẳng phải rời tâm". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tâm ấy như huyễn, làm sao có thể được Vô Thượng Bồ Đề?". – Này Tu Bồ Đề! Ngươi có thấy tâm như huyễn đó chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không, tôi chẳng thấy huyễn, cũng chẳng thấy tâm như huyễn. – Này Tu Bồ Đề! Nếu không huyễn, cũng không tâm như huyễn, ngươi có thấy tâm đó chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Này Tu Bồ Đề! Rời huyễn và rời tâm như huyễn, ngươi thấy có pháp nào được Vô Thượng Bồ Đề chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Tôi chẳng thấy rời huyễn và rời tâm như huyễn lại có pháp được Vô Thượng Bồ Đề. Bạch đức Thế Tôn! Tôi chẳng thấy lại có những pháp nào có thể nói được là có là không, vì pháp tướng đó rất ráo ly, nên chẳng sa vào có, chẳng sa vào không. Nếu pháp rốt ráo ly thì chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Pháp vô sở hữu cũng chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì tất cả pháp vô sở hữu, trong đó không có ai cấu, không có ai tịnh vậy. Thế nên Bát nhã ba la mật

rốt ráo ly, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật và Thí ba la mật đều rốt ráo ly, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng rốt ráo ly. Nếu pháp đã rốt ráo ly thì chẳng nên tu, chẳng nên hoại. Hành Bát nhã ba la mật cũng không có pháp có thể được được, vì rốt ráo ly vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật rốt ráo ly, sao lại nhơn nơi Bát nhã ba la mật để Vô Thượng Bồ Đề. Vô Thượng Bồ Đề cũng rốt ráo ly. Trong hai thứ rốt ráo ly đó làm sao có thể có cái bị được". Đức Phật phán dạy: "Lành thay! Lành thay! Bát nhã ba la mật rốt ráo ly, Thiền, Tấn, Nhẫn, Giới và Thí ba la mật đều rốt ráo ly, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí rốt ráo ly. Này Tu Bồ Đề! Nếu Bát nhã ba la mật rốt ráo ly, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí rốt ráo ly. Vì thế nên có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng phải rốt ráo ly thì chẳng gọi là Thiền, Tấn, Nhẫn, Giới, Thí ba la mật, nhẫn đến chẳng gọi là nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Nếu là Bát nhã ba la mật thì rốt ráo ly, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí rốt ráo ly. Vì thế nên chẳng phải chẳng nhơn nơi Bát nhã ba la mật mà được Vô Thượng Bồ Đề. Cũng chẳng do ly mà được ly. Nhưng Vô Thượng Bồ Đề chẳng phải nhơn nơi Bát nhã ba la mật". – Bạch đức Thế Tôn! Nghĩa sở hành của đại Bồ Tát thật là rất sâu. – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Nghĩa sở hành của đại Bồ Tát rất sâu. Này Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát có thể làm những sự khó làm: đó là hành nghĩa sâu mà chẳng chứng bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. – Bạch đức Thế Tô! Như tôi nghe nghĩa của đức Phật dạy thì sở hành của đại Bồ Tát chẳng lấy làm khó. Tại sao? Vì đại Bồ Tát chẳng được nghĩa sâu đó để tác chứng, cũng chẳng được Bát nhã ba la mật để tác chứng, cũng không người tác chứng. Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chẳng thể được, những nghĩa gì có thể tác chứng, những gì là Bát nhã ba la mật tác chứng, những gì là người tác chứng, tác chứng rồi được Vô Thượng Bồ Đề? Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nghe pháp đó mà tâm chẳng kinh sợ mê mờ thì gọi là hành Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật chẳng thấy mình hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy là Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy mình sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy? Vì lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng: Thanh Văn, Bích Chi Phật cách xa tôi, nhứt thiết chủng trí cách tôi gần. Bạch đức Thế Tôn! Như hư không kia chẳng nghĩ rằng có pháp cách xa nó hay gần nó, vì hư không vô phân biệt. Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nghĩ rằng: bục Thanh Văn, Bích Chi Phật cách tôi xa, nhứt thiết chủng trí cách tôi gần. Vì trong Bát nhã ba la mật vô phân biệt. Bạch đức Thế Tôn! Như người huyễn chẳng nghĩ huyễn sư cách tôi gần, khán giả cách tôi xa. Vì người huyễn vô phân biệt. Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nghĩ là gần là xa, vì vô phân biệt vậy. Bạch đức Thế Tôn! Như tượng trong gương chẳng nghĩ rằng hình vật sở nhơn gần tôi, thứ khác thì xa tôi. Vì tượng vô phân biệt. Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nghĩ là gần, là xa, vì vô phân biệt vậy. Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật không thương, không ghét. Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật cũng không thương, không ghét. Vì trong Bát nhã ba la mật không thương, không ghét. Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật, tất cả phân biệt, tưởng niệm đã dứt mất. Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật tất cả phân biệt, tưởng niệm cũng dứt mất. Vì rốt ráo không vậy. Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật hiện ra hóa nhơn. Hóa nhơn đó chẳng nghĩ rằng: bực Thanh Văn, Bích Chi Phật cách

xa tôi, Vô Thượng Bồ Đề cách tôi gần, vì hóa nhơn đó vô phân biệt vậy. Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nghĩ rằng Thanh Văn, Bích Chi Phật cách tôi xa, Vô Thượng Bồ Đề cách tôi gần. Bạch đức Thế Tôn! Như người vì có chỗ làm nên biến hóa, sự việc biến hóa đó vô phân biệt. Bát nhã ba la mật cũng vậy, vì có việc phải làm mà tu. Việc ấy thành tựu mà Bát nhã ba la mật cũng không phân biệt. Bạch đức Thế Tôn! Như người thợ, vì có sự nghiệp phải làm nên thầy trò tạo ra người gỗ hoặc voi, ngựa, trâu, dê gỗ. Các hình gỗ đó cũng làm được việc mà vô phân biệt. Bát nhã ba la mật cũng vậy, vì có sự việc phải làm nên nói sự việc ấy thành tựu, nhưng Bát nhã ba la mật vô phân biệt". Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Chỉ có Bát nhã ba la mật vô phân biệt thôi, còn năm ba la mật kia có vô phân biệt chăng?". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Năm ba la mật kia cũng đều vô phân biệt". Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Sắc vô phân biệt, thọ, tưởng, hành, thức vô phân biệt, thập nhị nhập, thập bát giới vô phân biệt, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, không, vô tướng, vô tác, mười trí lực, bốn vô úy, bốn vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng, Vô Thượng Bồ Đề, Vô vi tánh cũng đều vô phân biệt. Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp, từ sắc đến Vô vi tánh đều vô phân biệt thì làm sao phân biệt có sáu đạo sanh tử: đó là Địa ngục, là Ngạ quỉ, là Súc sanh, là Thiên, là Nhơn, là A tu la? Làm sao phân biệt là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là chư Phật?". Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì nhơn duyên chúng sanh điên đảo tạo nghiệp nơi thân, khẩu, ý, theo nghiệp trước mà thọ thân sáu đạo: thân Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A tu la, Nhơn, Thiên. Như lời Ngài nói, làm sao phân biệt có Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật? Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Tu đà Hoàn tức là vô phân biệt mà có. Quả Tu Đà Hoàn cũng là vô phân biệt mà có. Nhẫn đến Phật và quả Phật cũng là vô phân biệt mà có. Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Chư Phật quá khứ cũng là vô phân việt, do dứt phân biệt mà có. Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Vì thế nên phải biết tất cả pháp không có phân biệt, vì tướng bất hoại, các pháp như, pháp tánh, thiệt tế vậy. Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Thế nên đại Bồ Tát phải hành Bát nhã ba la mật vô phân biệt. Hành Bát nhã ba la mật vô phân biệt rồi thì được Vô Thượng Bồ Đề vô phân biệt".

*** 65. PHẨM HƯ KHÔNG THỨ SÁU MƯƠI LĂM

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thưa Ngà Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật là hành pháp chơn thiệt hay là hành pháp không chơn thiệt?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật là hành pháp không chơn thiệt. Tại sao? Vì Bát nhã ba la mật này không chơn thiệt, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí không chơn thiệt vậy. Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không chơn thiệt chẳng thể được, huống là chơn thiệt. Nhẫn đến hành nhứt thiết chủng trí pháp không chơn thiệt chẳng thể được, huống là pháp chơn thiệt". Lúc đó chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc nghĩ rằng: Có thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, hành đúng như nghĩa Bát nhã ba la mật đã nói, nơi đẳng pháp chẳng chứng thiệt tế, chẳng sa vào bực

Thanh Văn, Bích Chi Phật, người như vậy đáng được đảnh lễ. Ngài Tu Bồ Đề nói với chư thiên tử: "Chư đại Bồ Tát ở nơi đẳng pháp chẳng chứng bực Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng lấy làm khó. Chư đại Bồ Tát đại trang nghiêm, tôi sẽ độ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Biết chúng sanh rốt ráo chẳng thể được mà độ chúng sanh, đây mới là khó. Chư Thiên Tử! Đại Bồ Tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề nguyện rằng: Tôi sẽ độ tất cả chúng sanh. Chúng sanh thiệt chẳng thể được, người này muốn độ chúng sanh như muốn độ hư không. Tại sao? Vì hư không là ly, phải biết chúng sanh cũng là ly. Vì hư không là không, phải biết chúng sanh cũng là không. Vì hư không chẳng kiên cố, phải biết chúng sanh cũng không kiên cố. Vì hư không hư dối, phải biết chúng sanh cũng hư dối. Chư Thiên Tử! Thế nên biết chỗ làm của Đại Bồ Tát là khó. Vì lợi ích chúng sanh không có được mà đại trang nghiêm. Bồ Tát này vì chúng sanh mà kiết thệ nguyên, là muốn cùng tranh đấu với hư không. Bồ Tát này kiết thệ nguyện rồi cũng chẳng thấy có chúng sanh mà vì chúng sanh kiết thệ nguyện. Tại sao? Vì chúng sanh là ly, phải biết thệ nguyện cũng ly. Vì chúng sanh hư dối, phải biết thệ nguyện cũng hư dối. Nếu đại Bồ Tát nghe pháp như vậy mà lòng chẳng sợ, chẳng mê, phải biết đó là đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật. Tại sao? Vì sắc ly tức là chúng sanh ly; thọ, tưởng, hành, thức ly tức là chúng sanh ly. Sắc ly tức là sáu ba la mật ly; thọ, tưởng, hành, thức ly tức là sáu ba la mật ly, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí ly tức là sáu ba la mật ly. Nếu nghe tất cả pháp ly tướng như vậy mà lòng chẳng kinh sợ, mê mờ, phải biết đó là đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật lòng không mê mờ?". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Duyên cớ gì mà đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật lòng không mê mờ?". Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên như vậy nên đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật lòng chẳng mê mờ. Nơi Bồ Tát này: chẳng có người mê mờ, chẳng có sự mê mờ, chẳng có chỗ mê mờ, vì tất cả pháp này đều chẳng có thể được vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nghe pháp như vậy mà lòng chẳng sợ sệt, chẳng mê mờ, phải biết là Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật. Tại sao? Vì người, sự và chỗ đều chẳng thể có được vậy. Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật như vậy, chư Thiên, Thích Đề Hoàn Nhơn, Phạm Vương, Thiên và chư Thiên chủ thế giới đều nên đảnh lễ". Đức Phật phán dạy: "Chẳng như chư Thiên Tử ấy nên đảnh lễ, mà chư thiên cõi trên nữa như Quang Âm Thiên, Biến Tịnh Thiên, Quảng Quả Thiên, Tịnh Cư Thiên, đều nên đảnh lễ Bồ Tát đó. Này Tu Bồ Đề! Hiện tại nay chư Phật ở mười phương cũng hộ niệm đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật đó. Phải biết Bồ Tát đó như là Phật. Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong hằng sa thế giới đều làm ma. Mỗi một ma này lại biến hóa làm hằng sa ma. Tất cả số ma đó chẳng lưu nạn được đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thành tựu hai pháp sau đây thời ma chẳng phá hoại được: một là quán tất cả pháp không, hai là chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh. Bồ Tát thành tựu hai pháp này thì ma chẳng phá hoại được. Lại có hai pháp mà đại Bồ Tát thành tựu thì ma chẳng phà hoại được: một là việc làm đúng như lời nói, hai là được chư Phật hộ niệm. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành như vậy, chư Thiên đều đến chỗ Bồ Tát để thân cận, thăm hỏi, khuyến dụ, an ủi rằng: Không lâu Ngài sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, Ngài thường phải hành những hạnh không, vô tướng, vô tác. Tại sao? Vì Ngài hành những hạnh đó thì Ngài hộ cho chúng sanh không được hộ, Ngài y chỉ chó chúng sanh không chỗ y chỉ, Ngài cứu chúng sanh

không được cứu, Ngài làm con đường rốt ráo cho chúng sanh không đường rốt ráo, Ngài làm chỗ về cho chúng sanh không nơi về, làm cồn đảo cho chúng sanh không cồn đảo, làm ánh sáng cho kẻ tối, làm mắt sáng cho kẻ mù. Tại sao? Vì đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật thì hiện tại vô thượng vô số chư Phật mười phương ở trong đại chúng thuyết pháp, đều khen ngợi tuyên dương danh tánh của đại Bồ Tát rằng: Đại Bồ Tát tên hiệu đó thành tựu công đức Bát nhã ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Như lúc ta thuyết pháp, ta khen ngợi Bửu Tướng Bồ Tát, Thi Khí Bồ Tát. Lại có chư đại Bồ Tát ở tại nước của đức Phật A Súc hành Bát nhã ba la mật, tịnh tu phạm hạnh, ta cũng khen ngợi danh tánh của Bồ Tát đó. Này Tu Bồ Đề! Cũng như phương Đông hiện tại chư Phật thuyết pháp. Trong đó có đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, tịnh tu phạm hạnh, ta cũng hoan hỷ ngợi khen Bồ Tát đó. Chín phương kia cũng vậy. Lại có Bồ Tát từ khi mới phát tâm muốn đầy đủ Phật đạo nhẫn đến được nhứt thiết chủng trí, lúc chư Phật thuyết pháp cũng hoan hỷ khen ngợi Bồ Tát đó. Tại sao? Vì chỗ làm của chư đại Bồ Tát rất khó, là những công hạnh chẳng dứt mất giống Phật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những Bồ Tát nào, lúc chư Phật thuyết pháp tự khen ngợi tuyên dương?". – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát bất thối chuyển, lúc chư Phật thuyết pháp tự khen ngợi tuyên dương. – Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát bất thối chuyển nào được Phật ngợi khen? – Này Tu Bồ Đề! Như đức Phật A Súc lúc làm Bồ Tát thật hành học tập, chư Bồ Tát cũng học như vậy. Chư Bồ Tát bất thối chuyển này được chư Phật lúc thuyết pháp hoan hỷ ngợi khen. Lại này Tu Bồ Đề! Có Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật tin hiểu tất cả pháp vô sanh mà chưa được vô sanh pháp nhẫn, tin hiểu tất cả pháp không mà chưa được vô sanh pháp nhẫn, tin hiểu tất cả pháp hư dối chẳng thiệt, không chỗ có, chẳng bền chắc mà chưa được vô sanh pháp nhẫn. Này Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát như vậy, lúc chư Phật thuyết pháp hoan hỷ khen ngợi, tuyên dương danh tánh. Này Tu Bồ Đề! Nếu chư đại Bồ Tát nào được chư Phật lúc thuyết pháp hoan hỷ tự ngợi khen thì diệt dứt được bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nào được chư Phật thuyết pháp hoan hỷ tự ngợi khen thì sẽ được an trụ bực bất thối chuyển. An trụ bực đó rồi sẽ được nhứt thiết chủng trí. Lại này Tu Bồ Đề! Lúc nghe Bát nhã ba la mật sâu xa này, đại Bồ Tát tâm sáng lẹ chẳng nghi ngờ mà nghĩ rằng: sự đó đúng như đức Phật đã nói. Đại Bồ Tát đó cũng ở nơi đức Phật A Súc và chư Bồ Tát được nghe rộng Bát nhã ba la mật này cũng tin hiểu. Tin hiểu rồi hành đúng như Phật đã nói sẽ được trụ bực bất thối chuyển. Này Tu Bồ Đề! Chỉ nghe Bát nhã ba la mật được lợi ích lớn, huống là tin hiểu rồi trụ đúng lời, hành đúng như lời. Trụ và hành đúng như lời rồi an trụ trong nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu như đức Phật nói chư đại Bồ Tát trụ đúng như lời, hành đúng như lời, an trụ trong nhứt thiết chủng trí. Đại Bồ Tát không pháp để được thế nào an trụ trong nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát trụ trong pháp như đó là an trụ nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Trừ như ra, không còn pháp nào để được thì ai trụ trong như, trụ trong như rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề? Ai trụ trong như để thuyết pháp? Như ấy còn chẳng thể được, huống là trụ trong như được Vô Thượng Bồ Đề. Không bao giờ có ai trụ trong như để thuyết pháp. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Trừ như ra không còn pháp nào để được, ai trụ trong như. Trụ trong như rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Ai trụ trong như

để thuyết pháp. Như ấy còn chẳng thể được, huống là ai trụ trong như được Vô Thượng Bồ Đề. Ai trụ trong như để thuyết pháp. Tại sao vậy? Như ấy: không có sanh, không có diệt, không có trụ, không có dị. Nếu pháp không có sanh, diệt, trụ, dị thì trong đó ai sẽ trụ như. Ai sẽ trụ như mà thuyết pháp. Không bao giờ có sự đó". Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chỗ làm của chư đại Bồ Tát rất là khó: ở trong Bát nhã ba la mật sâu xa muốn được Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy? Vì không có ai trụ trong như, cũng không ai sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, cũng không ai thuyết pháp. Đại Bồ Tát ở nơi đây lòng chẳng kinh sợ, nghi ngờ". Ngài Tu Bồ Đề nói với Thiên Đế Thích: "Ngài nói chỗ làm của Đại Bồ Tát rất là khó: ở trong pháp rất khó đó mà tâm chẳng kinh sợ, nghi ngờ. Thưa Ngài Kiều Thi Ca! Trong các pháp không, ai kinh sợ? Ai nghi ngờ?". Thiên Đế Thích nói: "Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Chỗ Ngài nói chỉ là pháp không, chẳng có chướng ngại. Như ngước bắn giữa hư không, mũi tên bay đi không chướng ngại. Ngài Tu Bồ Đề thuyết pháp vô ngại cũng như vậy".

*** 66. PHẨM CHÚC LỤY THỨ SÁU MƯƠI SÁU

Khi đó Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi nói như vậy, đáp như vậy, có phải là thuận theo pháp mà chẳng là chánh đáp chăng?". Đức Phật phán dạy: "Này Kiều Thi Ca! Lời đáp của ngươi thiệt đều thuận theo pháp cả". – Bạch đức Thế Tôn! Thiệt là hi hữu! Chỗ nói của Ngài Tu Bồ Đề đều là không, là vô tướng, là vô tác, là tứ niệm xứ nhẫn đến là Vô Thượng Bồ Đề. – Này Kiều Thi Ca! Tỳ Kheo Tu Bồ Đề lúc hành không, Đàn ba la mật còn là bất khả đắc huống là người hành Đàn ba la mật. Nhẫn đến Bát nhã ba la mật còn bất khả đắc, huống là người hành Bát nhã ba la mật. Tứ niệm xứ còn bất khả đắc, huống là người tu tứ niệm xứ. Nhẫn đến bát thánh đạo. Thiền, giải thoát, tam muội định còn bất khả đắc, huống là người phát sanh tứ vô ngại trí. Đại từ đại bi còn bất khả đắc, huống là người hành đại từ đại bi. Mười tám pháp bất cộng còn bất khả đắc, huống là người hay sanh mười tám pháp bất cộng. Vô Thượng Bồ Đề còn khả đắc, huống là người được Vô Thượng Bồ Đề. Nhứt thiết trí còn bất khả đắc, huống là người được nhứt thiết trí. Như Lai còn bất khả đắc, huống là người sẽ làm Như Lai. Pháp vô sanh còn bất khả đắc, huống là người chứng được pháp vô sanh. Ba mươi hai tướng còn bất khả đắc, huống là người được ba mươi hai tướng. Tám mươi tùy hình hảo còn bất khả đắc, huống là người được tám mươi tùy hình hảo. Tại sao vậy? Này Kiều Thi Ca! Vì Tỳ Kheo Tu Bồ Đề ở nơi tất cả pháp: hành ly, hành vô sở đắc, hành không, hành vô tướng, hành vô tác. Này Kiều Thi Ca! Đem chỗ sở hành của Tỳ Kheo Tu Bồ Đề đây muốn so sánh với hạnh Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần ngàn muôn ức, nhẫn đến toán số thí dụ cũng không bằng được. Tại sao vậy? Vì trừ công hạnh của Phật, đối với công hạnh của Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì công hạnh Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát là tối tôn, tối thượng, tối diệu. Thế nên đại Bồ Tát muốn được tối thượng ở trong

tất cả chúng sanh thì phải hành Bát nhã ba la. Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát vượt trên bực Thanh Văn và Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát, hay đầy đủ Phật pháp, được nhứt thiết chủng trí, dứt tất cả tập khí phiền não mà làm Phật". Bấy giờ trong đại hội, chư Thiên Đao Lợi đem hoa mạn đà la cõi trời rãi trên đức Phật và chư Tăng. Khi đó, tám trăm vị Tỳ Kheo đứng dậy rải hoa cúng Phật, trịch y quỳ gối chắp tay bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi sẽ thật hành công hạnh vô thượng mà hành Thanh Văn và Bích Chi Phật không thể thật hành này". Đức Phật biết tâm niệm của các vị Tỳ Kheo nên mỉm cười. Như pháp của Chư Phật, những ánh sáng nhiều màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía từ miệng đức Phật phóng ra chiếu khắp cõi Đại Thiên, nhiễu quanh đức Phật ba vòng rồi rót vào đảnh đức Phật. Ngài A Nan liền đứng dậy trịch y quỳ gối chắp tay bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Duyên cớ gì mà đức Phật mỉm cười? Chư Phật không bao giờ không nhơn duyên mà cười". Đức Phật phán dạy: "Này A Nan! Tám trăm vị Tỳ Kheo đây, trong kiếp Tinh Tú sẽ thành Phật đồng hiệu là Tán Hoa, đại chúng, quốc độ và thọ mạng cũng đều đồng. Mỗi vị đều qua tám muôn tuổi đi xuất gia làm Phật. Thời kỳ đó, các quốc độ của chư Phật ây thường mưa hoa trời năm màu. Thế nên, này A Nan! Đại Bồ Tát muốn thật hành công hạnh tối thượng thì phải hành Bát nhã ba la mật. Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể thật hành Bát nhã ba la mật sâu xa này thì phải biết đó là Bồ Tát bỏ thân trong loài người mà sanh đến trong đây, hoặc từ trên cung trời Đâu Suất chết mà đến sanh nơi đây, đã từ trong loài người hoặc trên cung trời Đâu Suất rộng nghe Bát nhã ba la mật sâu xa này. Này A Nan! Ta thấy chư đại Bồ Tát hay thật hành Bát nhã ba la mật sâu xa này. Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã ba la mật sâu xa này rồi thọ trì, đọc tụng, thân cận, chánh ức niệm, lại đem dạy cho người hành đạo Bồ Tát, phải biết thiện nam, thiện nữ đó hiện diện từ chư Phật, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa rồi thọ trì, đọc tụng, thân cận, cũng đã trồng căn lành từ chỗ chư Phật. Thiện nam, thiện nữ đó nên nghĩ rằng: Tôi trồng căn lành chẳng phải từ chỗ Thanh Văn, cũng chẳng phải từ chỗ Thanh Văn nghe Bát nhã ba la mật sâu xa. Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, thân cận, tùy nghĩa, tùy pháp thật hành Bát nhã ba la mật sâu xa này, phải biết đó là người hiện diện thấy Phật. Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật sâu xa này mà lòng tin thanh tịnh không bị ngăn phá, phải biết đó là người đã từng cúng dường Phật trồng căn lành, cùng thiện tri thức tương đắc. Này A Nan! Người ở chỗ phước điền chư Phật trồng căn lành dầu rằng chẳng dối hư nhưng cần được Thanh Văn, Bích Chi Phật và Phật mà được giải thoát. Phải rành rẽ thấu đáo thật hành sáu ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Không bao giờ có sự người này được Vô Thượng Bồ Đề mà trụ bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Này A Nan! Thế nên ta đem Bát nhã ba la mật chúc lụy cho ngươi. Này A Nan! Nếu người thọ trì tất cả pháp, trừ Bát nhã ba la mật, nếu quên mất thì lỗi còn ít chẳng thành đại tội. Người thọ trì Bát nhã ba la mật sâu xa nếu quên mất thì tội rất nhiều. Thế nên ta đem Bát nhã ba la mật sâu xa này chúc lụy cho ngươi. Ngươi phải khéo thọ trì, đọc tụng thông thuộc. Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Bát nhã ba la mật, đó là thọ trì Vô Thượng Bồ Đề của tam thế chư Phật: quá khứ, vị lai và hiện tại. Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào hiện tại cúng dường ta với những hoa hương, chuỗi ngọc, y phục, phan lọng và

khung kính, tôn trọng, ca ngợi, thì phải thọ trì Bát nhã ba la mật và đọc tụng, giảng thuyết, thân cận, cung kính, tôn trọng, ca ngợi, cúng dường hoa hương, chuỗi ngọc, phan lọng. Này A Nan! Cúng dường Bát nhã ba la mật là cúng dường ta, cũng là đã cúng dường tam thế chư Phật rồi. Nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe nói Bát nhã ba la mật mà lòng tin thanh tịnh cung kính mến thích, đó là đã có lòng tinh thanh tịnh, cung kính mến thích tam thế chư Phật. Này A Nan! Người mến thích chẳng lìa Phật thì phải mến thích chẳng lìa Bát nhã ba la mật nhẫn đến một câu chớ để quên mất. Này A Nan! Ta nói nhơn duyên chúc lụy rất nhiều, nay ta chỉ nói tóm lược: Như ta là Thế Tôn thì Bát nhã ba la mật cũng là Thế Tôn. Thế nên vì nhiều nhơn duyên, ta đem Bát nhã ba la mật chúc lụy cho ngươi. Này A Nan! Nay ta ở giữa tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la chúc lụy ngươi: những ai muốn bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, chẳng bỏ Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại thì cẩn thận chớ bỏ Bát nhã ba la mật. Này A Nan! Đây chánh là pháp mà ta dạy bảo hàng đệ tử. Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật sâu xa, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, rôi lại vì người khác nói rộng những ý nghĩa của Bát nhã ba la mật đó, chỉ dạy tuyên nói rành rẽ làm cho dễ hiểu. Người này ma được Vô Thượng Bồ Đề, mau gần nhứt thiết chủng trí. Vì trong Bát nhã ba la mật hay sanh Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật. Này A Nan! Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá khứ và vị lai đều xuất sanh từ Bát nhã ba la mật. Vô Thượng Bồ Đề của mười phương chư Phật hiên nay cũng xuất sanh từ Bát nhã ba la mật. Thế nên đại Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải nên học sáu ba la mật. Vì sáu ba la mật là mẹ của Bồ Tát, hay sanh ra chư Bồ Tát. Này A Nan! Nếu có đại Bồ Tát học sáu ba la mật này thì đều sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế ma ta đem sáu ba la mật chúc lụy cho ngươi lần nữa. Này A Nan! Sáu Bát nhã ba la mật đây là tạng pháp vô tận của chư Phật: Chư Phật hiện tại thuyết pháp ở mười phương đều ra từ trong tạng pháp sáu ba la mật. Chư Phật quá khứ cũng từ trong sáu ba la mật mà học được Vô Thượng Bồ Đề. Chư Phật vị lai sẽ từ trong sáu ba la mật mà học được Vô Thượng Bồ Đề. Hàng đệ tử của tam thế chư Phật đều từ trong sáu ba la mật mà học được diệt độ: hoặc đã diệt độ, hoặc đương diệt độ, hoặc sẽ được diệt độ. Này A Nan! Người và hàng Thanh Văn mà thuyết pháp, làm cho chúng sanh trong cõi Đại Thiên đều chứng được quả A La Hán, vẫn chưa phải là sự việc của đệ tử Phật. Nếu người đem một câu đúng với Bát nhã ba la mật dạy cho đại Bồ Tát mới phải là sự việc của đệ tử Phật. Ta cũng rất vui mừng hơn là người dạy cho chúng sanh trong cõi Đại Thiên đều chứng được quả A La Hán. Lại này A Nan! Chúng sanh trong cõi Đại Thiên đây, không trước không sau, đồng thời đều chứng được quả A La Hán. Chư A La Hán này thật hành công đức bố trí, trì giới, thiền định. Công đức đó có nhiều chăng?". – Bạch đức Thế Tôn! Công đức đó rất nhiều. – Vẫn chẳng bằng đệ tử của ta đem pháp đúng với Bát nhã ba la mật nói cho đại Bồ Tát nhẫn đến chừng một ngày. Phước đức người này rất nhiều. Chẳng những một ngày, chỉ chừng nửa ngày, chỉ chừng khoảng bữa ăn, hoặc chỉ nói pháp đó trong giây phút, phước đức cũng rất nhiều. Vì căn lành của đại Bồ Tát hơn tất cả Thanh Văn và Bích Chi Phật. Đại Bồ Tát tự mình muốn được Vô Thượng Bồ Đề cũng dạy bảo người khác cho học được Vô Thượng Bồ Đề. Này A Nan! Bồ Tát như vậy hành sáu ba la mật, hành tứ niệm xứ nhẫn đến hành nhứt thiết chủng trí, thêm lớn căn lành

mà chẳng được Vô Thượng Bồ Đề thì không bao giờ có". Lúc nói Bát nhã ba la mật như vậy, đức Phật ở giữa tứ chúng Trời, Người, Quỷ thần, Bát bộ mà hiện thần thông biến hóa. Tất cả đại chúng đều thấy đức Phật A Súc đương thuyết pháp cho chư Tỳ Kheo Tăng. Chư Tăng này đông nhiều như nước biển cả, đều là bực A La Hán sạch hết phiền não, đều được tự tại giải thoát: tâm giải thoát và huệ giải thoát, tâm đều hòa nhu thuận như đại tượng, chỗ làm đã xong, đã được tự lợi, hết kiết sử, được chánh trí giải thoát, trong tất cả tâm và tâm sở đều được tự tại. Cũng thấy chư đại Bồ Tát thành tựu vô lượng công đức. Bấy giờ đức Phật nhiếp thần túc, đại chúng không còn thấy đức Phật A Súc và đại hội Thanh Văn Bồ Tát cùng nước Diệu Hỷ đối trước mắt nữa. Đức Phật bảo Ngài A Nan: "Này A Nan! Tất cả pháp chẳng đối lập với mắt: các pháp chẳng thấy nhau, các pháp chẳng biết nhau. Như cõi nước Phật A Súc và Thanh Văn Bồ Tát chẳng đối lập trước mắt, các pháp cũng chẳng đối lập trước mắt: các pháp chẳng thấy nhau, các pháp chẳng biết nhau. Vì các pháp không thấy, không biết, không tác, không động, chẳng nắm lấy được, chẳng nghĩ bàn được. Như huyễn nhơn không lãnh thọ, không cảm giác, không chơn thiệt. Đại Bồ Tát hành như vậy là hành Bát nhã ba la mật, chẳng nắm lấy các pháp. Này A Nan! Đại Bồ Tát học như vậy gọi là học Bát nhã ba la mật. Người muốn được các ba la mật phải học Bát nhã ba la mật. Học như vậy gọi là đệ nhứt học, là tối thượng học, là vi diệu học. Học như vậy là an lạc lợi ích tất cả thế gian: kẻ không được cứu hộ thì làm người cứu hộ họ. Học như vậy là chỗ học của chư Phật. Chư Phật an trụ trong sự học đó có thể dùng tay hữu cất cõi Đại Thiên lên rồi đặt lại chỗ cũ mà chúng sanh trong đó vẫn không hay biết. Tại sao vậy? Này A Nan! Chư Phật học Bát nhã ba la mật này, được tri kiến vô ngại đối với tất cả pháp quá khứ, vị lai và hiện tại. Này A Nan! Trong các sự học, Bát nhã ba la mật là tối tôn đệ nhứt vi diệu vô thượng. Này A Nan! Có người nào muốn được ngằn mé của Bát nhã ba la mật, đó là muốn được bờ mé của hư không. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật là vô lượng. Ta chẳng bao giờ nói lượng của Bát nhã ba la mật. Những danh từ, những câu, những chữ là hữu lượng. Bát nhã ba la mật là vô lượng".
– Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Bát nhã ba la mật là vô lượng? – Này A Nan! Vì Bát nhã ba la mật vô tận nên vô lượng. Vì Bát nhã ba la mật ly nên vô lượng. Này A Nan! Chư Phật quá khứ học Bát nhã ba la mật này mà đắc độ nên là vô tận. Chư Phật vị lai học Bát nhã ba la mật này mà đắc độ nên là vô tận. Chư Phật hiên tại mười phương học Bát nhã ba la mật này mà đắc độ nên là vô tận, đã, đương và sẽ vô tận. Người nào muốn cùng tận Bát nhã ba la mật này, đó là kẻ muốn cùng tận hư không. Bát nhã ba la mật chẳng cùng tận: đã, sẽ và đương chẳng cùng tận. Năm ba la mật: Thiền đến Thí ba la mật cũng chẳng cùng tận: đã, sẽ và đương chẳng cùng tận. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp đó đều vô sanh. Nếu các pháp đó đã vô sanh thì làm so có tận". Khi đó đức Phật hiện tướng lưỡi che trùm cả mặt mà bảo Ngài A Nan rằng: "Từ ngày nay ở giữa bốn bộ chúng giảng dạy rộng rãi rành rẽ Bát nhã ba la mật, phải cho rõ ràng dễ hiểu. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật sâu xa này nói rộng các pháp tướng. Trong đại chúng đây, người cầu Thanh Văn cầu Bích Chi Phật, cầu Phật đạo đều phải học trong này. Học xong thì đều được thành tựu cả. Này A Nan! Bát nhã ba la mật này là tất cả tự môn. Hành nơi đây có thể vào môn đà la ni. Bồ Tát học môn đà la ni này thì được tất cả biện tài vô ngại. Này A

Nan! Bát nhã ba la mật là diệu pháp của tất cả tam thế chư Phật. Vì thế nên ta vì ngươi mà giảng dạy rành rẽ. Nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, thân cận Bát nhã sâu xa thì có thể thọ trì Vô Thượng Bồ Đề của tam thế chư Phật. Này A Nan! Ta nói Bát nhã ba la mật là đôi chân của hành giả. Ngươi thọ trì Bát nhã ba la mật này thì có thể thọ trì tất cả pháp, vì ngươi được đà la ni vậy".

*** 67. PHẨM BẤT KHẢ TẬN THỨ SÁU MƯƠI BẢY

Khi đó Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật rất sâu xa, tôi phải hỏi đức Phật. Suy nghĩ xong, Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật này bất khả tận. Như đức Phật dạy vì hư không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật bất khả tận. Bạch đức Thế Tôn! Tại so phải sanh khởi Bát nhã ba la mật?". Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Vì sắc bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì thọ, tưởng, hành, thức bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì đàn na ba la mật bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì thi la ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Lại này Tu Bồ Đề! Vì vô minh không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật của Bồ Tát phải sanh. Vì hành không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì thức không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì danh sắc không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì lục nhập không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì lục xúc không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì thọ không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì ái không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì thủ không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì hữu không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì sanh không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật của Bồ Tát phải sanh. Như vậy, Bát nhã ba la mật của Bồ Tát phải sanh. Mười hai nhơn duyên như vậy là pháp riêng của Bồ Tát, hay trừ được các biên chấp điên đảo. Lúc ngồi đạo tràng nên quán như vậy sẽ được nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Nếu có đại Bồ Tát nào đem pháp hư không bất khả tận mà hành Bát nhã ba la mật, quán mười hai nhơn duyên, thì chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, được an trụ Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Người cầu đạo Bồ Tát mà thối chuyển, đó là vì xa rời tâm niệm Bát nhã ba la mật vậy. Người đó chẳng biết hành Bát nhã ba la mật dùng pháp hư không bất khả tận như thế nào để quán mười hai nhơn duyên. Này Tu Bồ Đề! Vì người cầu đạo Bồ Tát mà chẳng được sức phương tiện như vậy nên thối chuyển nới Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát được không thối chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, đều do được sức phương tiện như vậy cả. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải dùng pháp hư không bất khả tận để quán Bát nhã ba la mật. Phải dùng pháp hư không bất khả tận để sanh khởi Bát nhã ba la mật. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc quán mười hai nhơn duyên, chẳng thấy có pháp nào không do nhơn duyên mà sanh, chẳng thấy có pháp nào thường còn chẳng diệt, chẳng thấy có pháp nào có ngã, có nhơn, có thọ giả, mạng giả, chúng

sanh nhẫn đến tri giả, kiến giả, chẳng thấy có pháp vô thường, chẳng thấy pháp khổ, vô ngã, chẳng thấy pháp tịch diệt và phi tịch diệt. Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật phải quán mười hai nhơn duyên như vậy. Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát có thể hành Bát nhã ba la mật như vậy, thì lúc đó chẳng thấy sắc là thường hay vô thường, là khổ hay lạc, là ngã hay vô ngã, là tịch diệt hay phi tịch diệt. Như với sắc, với thọ,, tưởng, hành, thức cũng vậy. Lúc đó đại Bồ Tát cũng chẳng thấy Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy dùng pháp ấy để thấy Bát nhã ba la mật. Nhẫn đến chẳng thấy Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng thấy dùng pháp ấy dùng pháp ấy để thấy Vô Thượng Bồ Đề. Vì tất cả pháp đều bất khả đắc vậy. Đó là đúng với hạnh Bát nhã ba la mật. Nếu lúc đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật vô sở đắc, thì ác ma sầu khổ như bị tên xoi tim, như người có cha mẹ mới chết mất". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chỉ một ác ma sầu khổ, hay là ác ma trong cõi Đại Thiên cũng đều sầu khổ?". – Này Tu Bồ Đề! Các ác ma trong cõi Đại Thiên đều sầu khổ như tên xoi tim, không thể tự an. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có thể hành Bát nhã ba la mật như vậy, lúc đó tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la chăng thể nào hại được. Thế nên đại Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải hành Bát nhã ba la mật này. Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật thì trọn vẹn tu Thí, Giới, Nhẫn, Tất, Thiền và Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật thì đầy đủ các ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật, thế nào đầy đủ các ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có bố thí bao nhiêu đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ Bố thí ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có trì giới đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ trì giới ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có nhẫn nhục bao nhiêu đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có tinh tấn bao nhiêu đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ Tinh tấn ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có thiền định bao nhiêu đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ Thiền ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có trí huệ bao nhiêu đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ Bát nhã ba la mật. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật thì đầy đủ sáu ba la mật".

*** 68. PHẨM LỤC ĐỘ TƯƠNG NHIẾP THỨ SÁU MƯƠI TÁM

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Trì giới ba la mật?". Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Lúc bố thí, đại Bồ Tát đem sự bố thí đó hồi hướng nhứt thiết trí, ở trong tất cả chúng sanh, thân, khẩu, ý an trụ nơi đức từ. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Trì giới ba la mật". – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Nhẫn nhục ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Lúc đại Bồ Tát bố thí, kẻ lãnh thọ giận mắng Bồ Tát, Bồ Tát nhịn nhục chẳng sanh lòng phiền giận. Đây là đại

Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Nhẫn nhục ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Lúc đại Bồ Tát bố thí, kẻ lãnh thọ giận mắng, Bồ Tát bố thí thêm và nghĩ rằng tôi phải bố thí chẳng nên có lòng hối tiếc, liền lúc đó phát sanh hai tinh tấn: thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Lúc bố thí, Bồ Tát hồi hướng nhứt thiết trí, chẳng mong bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, chỉ nhứt tâm nghĩ đến nhứt thiết trí. Đây là Đại Bồ Tát an trụ bố thí ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Lúc bố thí, đại Bồ Tát biết bố thí là không hư huyễn ảo, chẳng thấy vì chúng sanh bố thí có ích hay vô ích. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật, thân, khẩu, ý ba nghiệp phát sanh phước đức bố thí giúp nên Vô Thượng Bồ Đề, giữ lấy công đức này, chẳng lấy bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, an trụ trong Trì giới ba la mật, chẳng biết đoạt mạng sống kẻ khác, chẳng biết trộm của cải tài vật kẻ khác, chẳng làm tà dâm, chẳng vọng ngôn, chẳng lưỡng thiệt, chẳng ác khẩu, chẳng ỷ ngữ, chẳng tham lam bỏn sẻn, chẳng giận giữ ganh ghét, chẳng tà kiến, thật hành bố thí: kẻ đói cho ăn, kẻ khát cho uống, cần xe cho xe, cần áo cho áo, cần chuỗi ngọc cho chuỗi ngọc, cần hương hoa cho hương hoa, cần giường nệm, phòng nhà, đèn đuốc, tất cả đồ tư sanh đều cung cấp cho cả, đem sự bố thí đó cùng chung với chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, hồi hướng như vậy thì chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật mà nắm lấy Bố thí ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Thi ba la mật, nếu có ai đến làm rã rời thân thể, lúc đó Bồ Tát chẳng sanh một niệm giận thù mà nghĩ rằng: Tôi được sự lợi ích rất lớn, họ đến làm thân thể tôi rời rã, tôi không có một niệm hận thù. Đây là đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật mà nắm lấy Nhẫn nhục ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thân tinh tấn và tâm tinh tấn thường chẳng lìa bỏ, nghĩ rằng: Tất cả chúng sanh ở trong biển sanh tử, tôi phải cứu vớt đặt họ trên bờ cam lồ. Đây là đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, chẳng tham bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, nghĩ rằng: Tôi phải an trụ trong Thiền na ba la mật để độ tất cả chúng sanh trong sanh tử. Đây là đại Bồ Tát an trụ trì giới ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật không có pháp nào thấy được: hoặc pháp tác, pháp vô tác, pháp số, pháp tướng, hoặc hữu hoặc vô, chỉ thấy tất cả đều chẳng ngoài tướng như, do sức phương tiện Bát nhã ba la mật nên chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là Đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật mà nắm lấy Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật mà nắm lấy năm ba la mật kia? – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó, nếu có chúng sanh nào đến giận mắng, hoặc chặt đức thân thể, Bồ Tát an trụ nhẫn nhục nghĩ rằng: Tôi phải bố thí tất cả chúng sanh, chẳng nên chẳng cho, chúng sanh cần ăn uống, cho ăn uống, nhẫn đến tất cả đồ tư sanh nếu cần tôi đều cho họ tất cả, đem

công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Lúc Bồ Tát hồi hướng chẳng sanh hai tâm niệm: ai hồi hướng và hồi hướng chỗ nào. Đây là đại Bồ Tát an trụ nhẫn nhục ba la mật mà nắm lấy Bố thí ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó trọn chẳng giết hại, trộm cướp, tà dâm nhẫn đến chẳng tà kiến, cũng chẳng tham bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đem công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Lúc hồi hướng, Bồ Tát chẳng sanh ba tâm niệm: ai hồi hướng, dùng pháp gì để hồi hướng và hồi hướng chỗ nào. Đây là đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật mà nắm lấy trì giới ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật, phát sinh Tinh tấn nghĩ rằng: Tôi sẽ qua một do tuần, hoặc mười trăm ngàn muôn ức do tuần, tôi sẽ qua một thế giới nhẫn đến qua trăm ngàn muôn ức thế giới hoặc chỉ để khuyên dạy một người trì ngũ giới thôi, huống là làm cho họ được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, Bích Chi Phật hay quả Phật. Đem công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Đây là đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật mà năm lấy Tinh tân ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật, lìa dục, lìa ác, những pháp bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỉ lạp nhập sơ thiền, nhẫn đến xả niệm thanh tịnh nhập tứ tứ thiền, trong các thiền ấy tâm tâm sở thanh tịnh đều hồi hướng nhứt thiết trí. Lúc hồi hướng, Bồ Tát này ở nơi thiền và thiền chi đều bất khả đắc. Đây là đại Bồ Tát an trụ nhẫn nhục ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ nhẫn nhục ba la mật, quán các pháp hoặc tướng ly, tướng tịch diệt, tướng vô tận, chẳng chứng lấy tướng tịch diệt, nhẫn đến ngồi đạo tràng được nhứt thiết chủng trí, rời đạo tràng để chuyển pháp luân. Đây là đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật mà nắm lấy Bát nhã ba la mật, vì là chẳng lấy bỏ vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật mà nắm lấy ba la mật kia? – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ tinh tấn ba la mật, thân tâm tinh tấn chẳng lười chẳng nghỉ, tự nghĩ rằng: Tôi quyết chắc sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải không được. Vì lợi ích cho chúng sanh mà Bồ Tát này đến một do tuần hoặc đến trăm ngàn muôn ức do tuần, hoặc qua một thế giới hoặc qua trăm ngàn muôn ức thế giới, hoặc chẳng dạy được một người vào trong Phật đạo, Thanh Văn đạo, hoặc chỉ dạy được một người hành mười nghiệp đạo lành, tinh tấn chẳng biếng trễ, làm pháp thí và tài thí cho họ được đầy đủ. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng hồi hướng bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật mà nắm lấy Bố thí ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, tự mình chẳng sát sanh, chẳng bảo người sát sanh, hoan hỷ khen ngợi người chẳng sát sanh, nhẫn đến tự mình xa rời tà kiến, bảo người xa rời tà kiến, hoan hỷ khen ngợi người chẳng tà kiến. Bồ Tát này an trụ Trì giới ba la mật, chẳng cầu phước cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, chẳng cầu bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát chẳng sanh ba tâm niệm: chẳng thấy người hồi hướng, chẳng thấy pháp hồi hướng và chẳng thấy chỗ hồi hướng. Đây là Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật mà nắm lấy trì giới ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời

gian đó hoặc có Người hay Phi Nhơn đến chặt đứt rời rã thân thể, Bồ Tát suy nghĩ: Ai chém tôi, ai chặt tôi, ai cướp hại tôi. Bồ Tát lại nghĩ rằng: Tôi được lợi ích lành rất lớn, tôi vì chúng sanh mà thọ lấy thân này, hôm nay chúng sanh đến lấy lại. Khi đó Bồ Tát chánh ức niệm thiệt tướng các pháp. Đem công đức này cùng chung với chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng cầu bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật mà nắm lấy Nhẫn nhục ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật lìa dục ác bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỉ lạc nhập sơ thiền, nhập nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, nhập từ, bi, hỉ, xả, nhẫn đến nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ định, thọ trì bốn thiền, bốn vô lượng tâm và bốn vô sắc định này, chẳng thọ quả báo mà thọ sanh nơi lợi ích chúng sanh để đem sáu ba la mật thành tựu chúng sanh, đó là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, từ một Phật độ này đến một Phật độ khác, cúng dường thân cận chư Phật để trồng căn lành. Đây là Bồ Tát an trụ tinh tấn ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật, chẳng thấy pháp Đàn na ba la mật, nhẫn đến chẳng thấy pháp Thiên na ba la mật, chăng thấy tướng Thiên na ba la mật, chăng thấy pháp tứ niệm xứ, chẳng thấy tướng tứ niệm xứ, nhẫn đến chẳng thấy pháp nhứt thiết chủng trí, chẳng thấy tướng nhứt thiết chủng trí. Thấy tất cả pháp: phi pháp, phi phi pháp. Đối với tất cả pháp, Bồ Tát không chấp trước. Bồ Tát này chỗ làm đúng như chỗ nói. Đây là Bồ Tát an trụ tinh tấn ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật mà nắm lấy năm ba la mật kia? – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật lìa dục, lìa ác bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỉ nhập sơ thiền, nhập nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, nhập từ, bi, hỉ, xả, nhẫn đến nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ định, an trụ trong Thiền na ba la mật, tâm chẳng loạn động, thật hành tài pháp hai sự bố thí lợi ích chúng sanh. Bồ Tát này tự mình hành hai sự bố thí, dạy người hành bố thí, ca ngợi pháp bố thí và hoan hỉ khen ngợi người hành bố thí. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng cầu bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là Bồ Tát an trụ thiền na ba la mật mà nắm lấy Đàn na ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật chẳng sanh tâm dâm dục, sân khuể, ngu si, chẳng não hại người, chỉ tu hành tâm tương ưng nhứt thiết trí. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng cầu bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật mà nắm lấy Trì giới ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật quán sắc như đống bọt, quán thọ như bong bóng nước, quán tưởng như ánh nắng chói, quán hành như cây chuối, quán thức như huyễn ảo. Lúc quán như vậy, thấy năm ấm là tướng không bền chắc, nghĩ rằng: Chém tôi là ai? Chặt tôi là ai? Ai là thọ, là tưởng, ai là hành, là thức, ai là người mắng, ai là người bị mắng, ai sanh lòng giận. Đây là Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật mà nắm lấy nhẫn nhục ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật nhập các thiền định. Các thiền, các định và những tướng thiền chi đó sanh khởi những thứ thần thông: đi trên nước như đất, vào trong đất như nước, có thiên nhĩ, biết tâm niệm người khác là loạn hay định, biết những đời trước, có thiên nhãn. Nương năm thần thông đó, Bồ Tát từ một Phật độ đến một Phật độ, thân cận cúng dường chư Phật để trồng căn lành, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Đem công đức này cùng chung với

tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Đây là Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật chẳng thấy có sắc, chẳng thấy có thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy có sáu ba la mật, chẳng thấy có tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí, chẳng thấy có tánh hữu vi, tánh vô vi, vì chẳng thấy có nên chẳng tác, vì chẳng tác nên chẳng sanh, vì chẳng sanh nên chẳng diệt. Tại sao vậy? Vì có Phật hay không Phật vẫn là như: pháp tướng, pháp tánh thường trụ, chẳng sanh, chẳng diệt. Bồ Tát này thường nhứt tâm đúng nhứt thiết chủng trí. Đây là Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật mà nắm lấy năm ba la mật kia? – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật: nội không, nội không bất khả đắc, ngoại không, ngoại không bất khả đắc, nội ngoại không, nội ngoại không bất khả đắc, không không, không không bất khả đắc, nhẫn đến nhứt thiết pháp không, nhứt thiết pháp không bất khả đắc. Bồ Tát an trụ trong mười bốn không đó, chẳng thấy có tướng sắc hoặc không hay chẳng không, chẳng thấy có tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc không hay chẳng không, nhân đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề hoặc không hay chẳng không, chẳng thấy có tánh hữu vi, tánh vô vi hoặc không hay chẳng không. Bồ Tát này an trụ trong Bát nhã ba la mật như vậy có bố thí đều quán bố thí không. Những gì là không? Người thí, kẻ thọ và tài vật đều không, chẳng cho tâm niệm bỏn sẻn tham trước sanh khởi. Tại sao vậy? Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng không có vọng tưởng phân biệt, như chư Phật lúc được Vô Thượng Bồ Đề không có tâm tham trước, đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật cũng không có tâm tham trước. Chỗ đáng tôn trọng nhứt của Bồ Tát này chính là Bát nhã ba la mật vậy. Đây là Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật mà nắm lấy Đàn na ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật chẳng sanh tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Với Bồ Tát này, bực Thanh Văn, Bích Chi Phật bất khả đắc, tâm xu hướng Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng bất khả đắc. Bồ Tát này từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó tự mình chẳng sát sanh, chẳng bảo người sát sanh, hoan hỉ khen ngợi người chẳng sát sanh, nhẫn đến tự mình không tà kiến, chẳng bảo người tà kiến, ca ngợi pháp chẳng tà kiến, hoan hỉ khen ngợi người chẳng tà kiến. Do vì nhơn duyên trì giới này không có pháp nắm lấy được, hoặc bực Thanh Văn, Bích Chi Phật huống là những pháp khác. Đây là Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật nắm lấy Trì giới ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật phát sanh tùy thuận pháp nhẫn, nghĩ rằng trong pháp này không có pháp gì hoặc sanh hoặc diệt, hoặc sanh hoặc tử, không có pháp gì hoặc chửi hoặc mắng, hoặc chém hoặc chặt, hoặc trói hoặc đánh, hoặc đạp hoặc giết. Bồ Tát này từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, nếu hoặc có tất cả chúng sanh đến mắng chửi, dùng dao gậy ngói đá chém chặt tổn hại, Bồ Tát chẳng động tâm, Bồ Tát nghĩ rằng: Rất lạ thay, trong pháp này chẳng có ai bị mắng giết tổn hại cả mà chúng sanh lại nhận sự khổ não này. Đây là Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật nắm lấy Nhẫn nhục ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật vì chúng sanh mà thuyết pháp khiến họ hành sáu ba la mật, dạy họ tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, cho họ được quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chí Phật, cho họ được quả Vô Thượng Bồ Đề, chẳng an trụ trong tánh hữu vi, chẳng an trụ trong tánh vô vi. Đây là

Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật nhập tất cả các tam muội, ngoại trừ tam muội của chư Phật, hoặc tam muội của Thanh Văn, của Bích Chi Phật, của Bồ Tát đều hành, đều nhập cả. Nơi các tâm tam muội đó, Bồ Tát nghịch thuận xuất nhập tám bội xả: bội xả thứ nhất là trong có sắc tướng ngoài quán sắc, bội xả thứ hai là trong không sắc tướng ngoài quán sắc, bội xả thứ ba là tịnh bội xả thân tác chứng, bội xả thứ tư là vượt qua tất cả sắc tướng, dứt diệt tướng có đối đãi, vì chẳng nghĩ nhớ các thứ sắc tướng nên nhập hư không vô biên xứ, bội xả thứ năm là vượt qua tất cả hư không xứ, nhập thức vô biên xứ, bội xả thứ sáu là vượt qua tất cả thức xứ, nhập vô sở hữu xứ, bội xả thứ bảy là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, bội xả thứ tám là vượt qua tất cả phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập diệt thọ, tưởng, định. Nơi chánh định tám thứ bội xả, Bồ Tát này nghịch thuận xuất nhập chín thứ đệ định: bốn thiền, bốn định vô sắc và diệt thọ tưởng định. Bồ Tát này nói tám bội xả và chín thứ đệ định mà nhập sư tử phấn tấn tam muội: nhập sơ thiền, xuất sơ thiền, nhập nhị thiền, nhân đến xuất phi phi tưởng xứ định nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập phi phi tưởng xứ định nhẫn đến xuất nhị thiền, nhập sơ thiền. Bồ Tát này y nơi sư tử phấn tấn tam muội mà nhập siêu việt tam muội: nhập sơ thiền, xuất sơ thiền nhập nhị thiền, nhẫn đến xuất phi phi tưởng xứ nhập diệt thọ tưởng định, xuất diệt tận định nhập sơ thiền, xuất sơ thiền nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập nhị thiền, xuất nhị thiền nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập tam thiền, xuất tam thiền nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập hư không xứ, xuất hư không xứ nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập thức xứ, xuất thức, xứ nhập diệt tận định nhập thức xứ, xuất thức, xứ nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập vô sở hữu xứ, xuất vô sở hửu xứ nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập phi phi tưởng xứ, xuất phi phi tưởng xứ nhập diệt tận định nhập tán tâm ra tán tâm nhập diệt tận định, xuất diệt tận định lại nhập tán tâm, ra tán tâm nhập phi phi tưởng xứ, xuất phi phi tưởng xứ lại vào tán tâm, ra tán tâm nhập vô sỡ hữu xứ, xuất vô sở hữu xứ vào tán tâm, ra tán tâm nhập thức xứ, xuất thức xứ vào tán tâm, ra tán tâm nhập không xứ, xuất không xứ vào tán tâm, ra tán tâm nhập tứ thiền, xuất tứ thiền vào tán tâm, ra tán tâm nhập tam thiền, xuất tam thiền vào tán tâm, ra tán tâm nhập nhị thiền, xuất nhị thiền vào tán tâm, ra tán tâm nhập sơ thiền, xuất sơ thiền vào tán tâm. Bồ Tát này ở nơi siêu việt tam muội chứng được tướng bình đẳng của tất cả pháp. Đây là Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật".

*** 69. PHẨM ĐẠI PHƯƠNG TIỆN THỨ SÁU MƯƠI CHÍN

Khi đó Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát đó thành tựu sức phương tiện như vậy, từ lúc phát tâm đến nay được bao lâu?". Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đó thành tựu được sức phương tiện, từ lúc phát tâm đến nay đã vô lượng vô số kiếp". – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát đó thành tựu sức phương tiện như vậy là cúng dường bao nhiêu đức Phật? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ

Tát đó thành tựu sức phương tiện như vậy cúng dường chư Phật như số cát sông Hằng. – Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát được sức phương tiện như vậy là trồng thứ căn lành nào? – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát thành tựu sức phương tiện như vậy, từ lúc mới phát tâm đến nay đầy đủ cả Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thành tựu sức phương tiện như vậy thiệt là rất ít có. – Này Tu Bồ Đề! Như mặt trời, mặt trăng đi quanh soi sáng bốn thiên hạ đem lại nhiều sự lợi ích. Cũng vậy, Bát nhã ba la mật chiếu năm ba la mật kia đem nhiều sự lợi ích. Này Tu Bồ Đề! Như Chuyển Luân Thánh Vương, do thành tựu luân bửu nên được gọi là Chuyển Luân Thánh Vương. Cũng vậy, năm ba la mật kia nếu rời Bát nhã ba la mật thì chẳng được tên Ba la mật. Nếu chẳng rời Bát nhã ba la mật thì năm ba la mật kia được tên Ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Như phụ nữ không chồng dễ bị xâm phạm. Cũng vậy, nếu năm ba la mật kia xa lìa Bát nhã ba la mật thì ác ma, hoặc thiên ma phá hoại rất dễ dàng. Nếu năm ba la mật kia được Bát nhã ba la mật thì ma không ngăn phá được. Như phụ nữ có chồng thì khó bị xâm phạm. Này Tu Bồ Đề! Như binh tướng trang bị giáp trượng đầy đủ thì lân quốc cường địch không xâm lăng được. Cũng vậy, năm ba la mật kia chẳng xa lìa Bát nhã ba la mật thì ác ma hoặc thiên ma, hoặc kẻ tăng thượng mạn, hoặc Bồ Tát, Chiên Đà La không phá hoại được. Này Tu Bồ Đề! Như các Tiểu Vương tùy thời về chầu Chuyển Luân Thánh Vương. Cũng vậy, năm ba la mật tùy thuận Bát nhã ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Như các dòng nước chảy vào sông Hằng đổ vào biển cả. Cũng vậy, năm ba la mật nhờ Bát nhã ba la mật thủ hộ theo đến nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Như tay mặt của người làm việc tiện lợi, Bát nhã ba la mật cũng vậy. Như tay trái của người làm việc chẳng tiện, năm ba la mật cũng vậy. Này Tu Bồ Đề! Như các dòng nước hoặc lớn hoặc nhỏ đều chảy vào biển lớn. Cũng vậy, năm ba la mật được Bát nhã ba la mật thủ hộ, theo Bát nhã ba la mật nhập nhứt thiết chủng trí được tên Ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Như bốn binh chủng của Chuyển Luân Thánh Vương, luân bửu dẫn đạo ở trước. Ý vua muốn dừng lại thì luân bửu liền dừng lại khiến bốn binh chủng đều được mãn nguyện mà luân bửu cũng chẳng rời khỏi vị trí của nó. Cũng vậy, Bát nhã ba la mật dẫn đạo năm ba la mật đến nhứt thiết chủng trí, luôn ở trong đó chẳng rời khỏi chỗ. Này Tu Bồ Đề! Như luân bửu dẫn đạo bốn binh chủng của Luân Vương. Cũng vậy, Bát nhã ba la mật dẫn đạo năm ba la mật đến nhứt thiết chủng trí. An trụ Bát nhã ba la mật cũng chẳng phân biệt rằng Bố thí ba la mật tùy tùng tôi, còn bốn ba la mật kia thì không tùy tùng. Bố thí ba la mật cũng chẳng phân biệt rằng tôi tùy tùng Bát nhã ba la mật, còn bốn ba la mật kia thì không tùy tùng. Các ba la mật kia cũng đều chẳng phân biệt như vậy. Tại sao vậy? Vì tánh của các ba la mật không chỗ năng vi tạo tác, tự tánh nó là không, là hư dối như huyễn ảo". Khi đó Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp tự tánh không, thế nào đại Bồ Tát hành sáu ba la mật lại sẽ được Vô Thượng Bồ Đề?" – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật nghĩ rằng tâm thế gian này đều điên đảo, nếu tôi không dùng sức phương tiện thì không thể độ chúng sanh thoát sanh tử. Vì chúng sanh mà tôi hành Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật. Vì chúng sanh mà Bồ Tát xả thí vật sở hữu trong thân, ngoài thân. Lúc xả nghĩ rằng tôi không xả chi cả.

Tại sao vậy? Vì những vật đó sẽ bại hoại. Suy nghĩ như vậy, Bồ Tát có thể trọn vẹn được Bố thí ba la mật. Vì chúng sanh mà Bồ Tát trọn không phá giới, nghĩ rằng: Tôi vì chúng sanh mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nếu giết hại chúng sanh thì không phải. Nhẫn đến nghĩ rằng: Tôi vì chúng sanh mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nếu tà kiến hay ham bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật thì không phải. Suy nghĩ như vậy, Bồ Tát có thể trọn vẹn được Trì giới ba la mật. Vì chúng sanh mà Bồ Tát chẳng sanh lòng sân hận dầu chỉ một niệm, nghĩ rằng tôi phải làm lợi ích cho chúng sanh, sao tôi lại sanh khởi sân hận. Suy nghĩ như vậy, Bồ Tát có thể trọn vẹn được Nhẫn nhục ba la mật. Vì chúng sanh nên từ lúc phát tâm đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát không hề sanh lòng lười biếng. Siêng cần như vậy, Bồ Tát có thể trọn vẹn được Tinh tấn ba la mật. Vì chúng sanh nên từ lúc phát tâm đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát không hề để tâm tán loạn. Nhiếp tâm như vậy, Bồ Tát có thể trọn vẹn được Thiền na ba la mật. Vì chúng sanh nên từ lúc phát tâm đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát trọn chẳng rời trí tuệ. Vì ngoài trí tuệ không còn pháp nào để có thể độ thoát chúng sanh. Tu trí tuệ như vậy, Bồ Tát có thể trọn vẹn được Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu các ba la mật không tướng sai biệt, tại sao ở trong năm ba la mật, Bát nhã ba la mật lại là vi diệu tối thượng đệ nhứt? – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Các ba la mật vẫn không sai biệt, nhưng nếu không Bát nhã ba la mật thì năm ba la mật kia không được tên Ba la mật. Do Bát nhã ba la mật mà năm ba la mật kia được tên Ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Như những loài chim nhiều màu sắc, đến kế bên núi Tu Di thì đều đồng một màu. Năm ba la mật cũng vậy, do Bát nhã ba la mật đến trong nhứt thiết chủng trí chuyển thành một thứ không sai khác. Chẳng còn phân biệt là bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì các ba la mật không tự tánh, do đó mà các ba la mật không sai khác. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu theo thiệt nghĩa không phân biệt, tại sao Bát nhã ba la mật ở trong năm ba la mật lại là vi diệu tối thượng? – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Dầu trong thiệt nghĩa không phân biệt, nhưng vì thế tục mà nói là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật. Vì muốn độ chúng sanh thoát ly sanh tử, nhưng thiệt thì chúng sanh chẳng sanh, chẳng tử, chẳng khởi, chẳng thối. Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp vô sở hữu. Do cớ đó mà Bát nhã ba la mật ở trong năm ba la mật là vi diệu tối tôn tối thượng. Này Tu Bồ Đề! Như ở Diêm Phù Đề trong hàng phụ nữ, thì ngọc nữ là đệ nhứt tối thượng tối diệu. Cũng vậy, ở trong năm ba la mật thì Bát nhã ba la mật là đệ nhứt tối thượng vi diệu. – Bạch đức Thế Tôn! Do ý gì mà đức Phật nói Bát nhã ba la mật là tối thượng tối diệu? – Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã ba la mật này giữ lấy tất cả pháp lành đem đến trong nhứt thiết chủng trí, trụ mà chẳng trụ vậy. – Này Tu Bồ Đề! Không. Bát nhã ba la mật không pháp lấy được, không pháp bỏ được. Tại sao? Vì tất cả pháp chẳng lấy, chẳng bỏ vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Nơi những pháp nào mà Bát nhã ba la mật chẳng lấy, chẳng bỏ? – Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật nơi sắc chẳng lấy, chẳng bỏ, nơi thọ, tưởng, hành, thức chẳng lấy, chẳng bỏ. Nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng lấy, chẳng bỏ. – Bạch đức Thế Tôn! Tại sao chẳng lấy sắc nhẫn đến chẳng lấy Vô Thượng Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát chẳng nhớ nghĩ sắc nhẫn đến chẳng nhớ nghĩ Vô Thượng Bồ Đề, đó gọi là chẳng lấy sắc nhẫn đến chẳng lấy Vô Thượng

Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu chẳng nghĩ nhớ sắc nhẫn đến chẳng nghĩ nhớ Vô Thượng Bồ Đề, thì thế nào tăng ích được căn lành. Căn lành chẳng tăng ích thì thế nào trọn vẹn được các ba la mật. Các ba la mật nếu chẳng trọn vẹn thì làm sao được Vô Thượng Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát chẳng nghĩ nhớ sắc nhẫn đến chẳng nghĩ nhớ Vô Thượng Bồ Đề, chính lúc đó căn lành được tăng ích. Do căn lành tăng ích nên trọn vẹn các ba la mật. Do trọn vẹn các ba la mật nên được Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì lúc chẳng nghĩ nhớ sắc nhẫn đến chẳng nghĩ nhớ Vô Thượng Bồ Đề thì chính là lúc được Vô Thượng Bồ Đề vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Tại sao lúc chẳng nghĩ nhớ sắc nhẫn đến chẳng nghĩ nhớ Vô Thượng Bồ Đề bèn được Vô Thượng Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Vì nhớ nghĩ nên tham trước ba cõi: Dục, Sắc và Vô sắc. Vì chẳng nhớ nghĩ nên không tham trước. Thế nên đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nên có chỗ tham trước. – Bạch đức Thế Tôn! Hành Bát nhã ba la mật như vậy, đại Bồ Tát an trụ chỗ nào? – Này Tu Bồ Đề! Hành như vậy, đại Bồ Tát chẳng trụ nơi sắc, nhẫn đến chẳng trụ nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Do vì cớ gì mà đại Bồ Tát chẳng trụ trong nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Vì chẳng tham trước nên chẳng trụ. Tại sao? Vì Bồ Tát này chẳng thấy có pháp nào để trước được, trụ được. Như vậy, Bồ Tát dùng chẳng trước, chẳng trụ nơi pháp mà hành Bát nhã ba la mật. – Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nghĩ rằng hành được như vậy, tu được như vậy đó là hành Bát nhã ba la mật. Nay tôi hành Bát nhã ba la mật, tôi tu Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát nắm lấy tướng như vậy thì chính là xa rời Bát nhã ba la mật. Nếu xa rời Bát nhã ba la mật thì chính là xa rời Đàn na ba la mật đến nhứt thiết chủng trí. Tại sao? Vì Bát nhã ba la mật không chỗ trước, tự tánh không. Nếu Bồ Tát trước tướng như vậy thì thối nơi Bát nhã ba la mật. Nếu thối Bát nhã ba la mật thì thối Vô Thượng Bồ Đề, chẳng được thọ ký. Nếu Bồ Tát lại nghĩ rằng trụ Bát nhã ba la mật này hay sanh Đàn na ba la mật nhẫn đến hay sanh đại bi. Nghĩ như vậy thì mất Bát nhã ba la mật. Mất Bát nhã ba la mật thì chẳng sanh được Đàn na ba la mật nhẫn đến chẳng sanh được đại bi. Nếu Bồ Tát lại nghĩ rằng chư Phật vì biết các pháp không thọ, không thưởng nên được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu Bồ Tát diễn thuyết khai thị dạy bảo như vậy thì mất Bát nhã ba la mật. Tại sao? Vì đối với các pháp, chư Phật không chỗ biết, không chỗ được, cũng không có pháp nói được huống là có chỗ được. Không bao giờ có như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật làm sao không bị lỗi lầm đó? – Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật nghĩ rằng các pháp vô sở hữu, chẳng lấy được. Nếu pháp đã là vô sở hữu, không lấy được thì là vô sở đắc. Hành như vậy chính là hành Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát chấp trước pháp vô sở hữu thì xa rời Bát nhã ba la mật. Tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có pháp "chấp trước" vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật xa rời Bát nhã ba la mật chăng? Đàn na ba la mật xa rời Đàn na ba la mật chăng? Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí xa rời nhứt thiết chủng trí chăng? Nếu như vậy thì làm sao Bồ Tát được Bát nhã ba la mật nhẫn đến được nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát không quan niệm sắc: đây là sắc, là sắc gì? Nhẫn đến không quan niệm nhứt thiết chủng trí: đây là nhứt thiết chủng trí, nhứt thiết chủng trí gì? Như vậy là Bồ Tát đó hay sanh được Bát nhã ba la mật nhẫn đến hay sanh được nhứt thiết chủng trí. Lại này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật,

đại Bồ Tát chẳng quán sắc là thường hay vô thường, là khổ hay lạc, là ngã hay vô ngã, là không hay bất không, là ly hay phi ly. Tại sao? Vì tự tánh chẳng sanh được tự tánh. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy. Nếu hành Bát nhã ba la mật mà quán sắc nhẫn đến quán nhứt thiết chủng trí như vậy, thì Bồ Tát hay sanh được Bát nhã ba la mật nhẫn đến hay sanh được nhứt thiết chủng trí. Như Chuyển Luân Thánh Vương đến chốn nào thì bốn binh chủng đều tùy tùng. Cũng vậy, Bát nhã ba la mật đến đâu thì năm ba la mật đều tùy tùng theo, đến an trụ trong nhứt thiết chủng trí. Như giỏ đánh xe tứ mã chẳng lạc được bằng thẳng thì tùy ý đến chỗ muốn. Cũng vậy, Bát nhã ba la mật ngồi trên năm Bát nhã ba la mật chẳng mất chánh đạo đến nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Gì là đạo, gì là phi đạo của đại Bồ Tát? – Này Tu Bồ Đề! Đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật chẳng phải là đạo của Bồ Tát. Đạo nhứt thiết trí là đạo của Bồ Tát. Đó gọi là đạo và phi đạo của đại Bồ Tát. – Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát vì đại sự mà Bát nhã ba la mật phát khởi: đó là hiển thị, là đạo, là phi đạo. Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật vì độ vô lượng chúng sanh mà phát khởi, vì lợi ích vô số chúng sanh mà phát khởi. Dầu làm sự lợi ích đó mà Bát nhã ba la mật chẳng thọ sắc, chẳng thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng thọ bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật là hướng đạo của chư đại Bồ Tát, chỉ bày Vô Thượng Bồ Đề, hay xa rời bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật mà an trụ nhứt thiết chủng trí. Vì Bát nhã ba la mật không sanh, không diệt, các pháp thường trụ vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật không sanh, không diệt, chư đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật sao lại phải bố thí, phải trì giới, phải nhẫn nhục, phải tinh tấn, phải thiền định? Sao lại phải tu trí huệ? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát niệm nhứt thiết chủng trí phải bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Đại Bồ Tát đem công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Hồ hướng như vậy thì trọn vẹn sáu ba la mật và tâm từ bi cùng các công đức. Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát chẳng xa rời sáu ba la mật thì chẳng rời nhứt thiết chủng trí. Thế nên đại Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề thì phải học, phải hành sáu ba la mật. Đại Bồ Tát hành sáu ba la mật thì đầy đủ tất cả các căn lành, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Thế nên đại Bồ Tát phải tập hành sáu ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát phải tập hành sáu ba la mật thế nào? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải quán như thế này: Sắc chẳng hiệp, chẳng tan. Thọ, tưởng, hành và thức chẳng hiệp, chẳng tan. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hiệp, chẳng tan. Đây gọi là đại Bồ Tát tập hành sáu ba la mật. Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải suy nghĩ như vầy: Tôi chẳng nên trụ trong sắc, tôi chẳng nên trụ trong thọ, tưởng, hành, thức. Nhẫn đến tôi chẳng nên trụ trong nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì sắc không chỗ trụ, vì thọ, tưởng, hành, thức không chỗ trụ. Nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí không chỗ trụ. Đại Bồ Tát cùng pháp vô trụ tập hành sáu ba la mật thì sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Như có người muốn ăn trái am la, trái ba na bà thì phải gieo hột của nó, rồi tùy thời mà tưới bón vun vén, cây đó lần lần mọc lớn, đến thời tiết hòa hiệp thì có trái để được ăn. Cũng vậy, đại Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải học sáu ba la mật: dùng bố thí để nhiếp lấy chúng sanh, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ để nhiếp thủ chúng sanh, độ chúng sanh thoát sanh tử. Đại Bồ Tát hành như vậy sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Thế nên, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát

muốn chẳng theo lời người thì phải học Bát nhã ba la mật, muốn tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, muốn ngồi đạo tràng, muốn chuyển pháp luân thì phải học Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát muốn ở nơi tất cả pháp được tự tại thì phải học Bát nhã ba la mật. Học Bát nhã ba la mật này thì được tự tại ở trong tất cả pháp. Lại này Tu Bồ Đề! ở trong tất cả các pháp, Bát nhã ba la mật là tối đại. Như biển cả là tối đại trong muôn dòng sông. Thế nên người muốn cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật và Bồ Tát đạo thì phải học Bát nhã ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Như nhà thiện xạ, tay cầm cung tên như ý thì chẳng sợ giặc thù. Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật thì ma và thiên ma chẳng phá hoại được. Thế nên đại Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề thì phải hành Bát nhã ba la mật. Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật này được chư Phật mười phương hộ niệm. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào chư Phật mười phương hộ niệm cho đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành Đà na ba la mật, chư Phật mười phương đều hộ niệm, lúc hành Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật thì chư Phật mười phương đều hộ niệm. Hộ niệm thế nào? Bồ thí bất khả đắc, trì giới nhẫn đến nhứt thiết chủng trí bất khả đắc. Đại Bồ Tát có thể chẳng được các pháp như vậy thì chư Phật đều hộ niệm đại Bồ Tát. Lại này Tu Bồ Đề! Chư Phật chẳng vì sắc, chẳng vì thọ, tưởng, hành, thức mà niệm, nhẫn đến chẳng vì nhứt thiết chủng trí mà niệm. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chỗ học rất nhiều, thiệt ra không chỗ học. – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bố Tát chỗ học rất nhiều, thiệt ra không chỗ học. Tại sao? Vì đại Bồ Tát chỗ học các pháp đều bất khả đắc. – Bạch đức Thế Tôn! Chỗ thuyết pháp hoặc lược, hoặc rộng của đức Phật. Ở trong các pháp đó, chư đại Bồ Tát muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề, đối với sáu ba la mật hoặc lược, hoặc rộng phải thọ trì, đọc tụng, rồi suy gẫm chánh quán, vì tâm và tâm sở chẳng hiện hành vậy. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Đại Bồ Tát học sáu ba la mật hoặc lược, hoặc rộng thì phải biết tướng lược, tướng rộng của tất cả pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát biết tướng lược, rộng của tất cả pháp thế nào? – Này Tu Bồ Đề! Biết sắc tướng như biết thọ, tưởng, hành, thức tướng như, nhẫn đến biết nhứt thiết chủng trí tướng như. Đó là biết được tướng lược và rộng của tất cả pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng như của sắc, thế nào là tướng như của thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Sắc ấy như: không sanh, không diệt, không trụ, không dị, đây gọi là tướng của sắc. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí như: không sanh, không diệt, không trụ, không dị, đây gọi là tướng như của nhứt thiết chủng trí. Trong đây đại Bồ Tát cần phải học. Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc biết thiệt tế của các pháp, đó là biết tướng lược và rộng của tất cả pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là thiệt tế của các pháp? – Này Tu Bồ Đề! Vô tế gọi là thiệt tế. Bồ Tát học thiệt tế này thì biết tướng lược, rộng tất cả pháp. Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát biết pháp tánh của các pháp thì biết được tướng lược, rộng của tất cả pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp tánh của các pháp? – Này Tu Bồ Đề! Sắc tánh gọi là pháp tánh. Tánh đó không phần, không phi phần. Vì biết pháp tánh mà Bồ Tát biết tướng lược, rộng của tất cả pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Lại phải biết thế nào biết tướng lược, rộng của tất cả pháp? – Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát biết tất cả pháp chẳng hiệp, chẳng tan. – Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì chẳng hiệp, chẳng tan? –

Này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng hiệp, chẳng tan. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng hiệp, chẳng tan. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hiệp, chẳng tan. Hữu vi tánh, vô vi tánh chẳng hiệp, chẳng tan. Tại sao? Vì các pháp đó tự tánh không thì làm sao có hiệp có tan! Nếu các pháp đã là tự tánh không thì là phi pháp. Pháp cùng phi pháp chẳng hiệp, chẳng tan. Phải nên biết tướng lược, rộng của tất cả pháp như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Đó gọi là đại Bồ Tát lược nhiếp Bát nhã ba la mật. Bạch đức Thế Tôn! Trong lược nhiếp Bát nhã ba la mật này, hàng Bồ Tát mới phát tâm cần phải học, nhẫn đến đại Bồ Tát bực thập địa cũng phải học. Đại Bố Tát học lược nhiếp Bát nhã ba la mật này thì biết tướng lược, rộng của tất cả pháp. Bạch đức Thế Tôn! Pháp môn này, bực đại Bồ Tát lợi căn có thể nhập được. – Này Tu Bồ Đề! Bực Bồ Tát độn căn cũng nhập được pháp môn này. Bực Bồ Tát trung căn và Bồ Tát tán tâm cũng nhập được môn này. Pháp môn này không trở ngại. Nếu đại Bồ Tát nhứt tâm học, đều nhập được pháp môn này. Người giải đãi ít tinh tấn, vọng ức niệm loạn tâm thì chẳng nhập được. Người tinh tấn chẳng giải đãi, chánh ức niệm nhiếp tâm thì vào được. Người muôn trụ bực bất thôi chuyên, người muôn đên nhứt thiêt chủng trí thì vào được. Các Bồ Tát này phải học đúng như Bát nhã ba la mật đã nói, nhẫn đến phải học đúng như Đàn na ba la mật đã nói. Đại Bồ Tát Này sẽ được nhứt thiết chủng trí. Đại Bồ Tát này hành Bát nhã ba la mật, nếu có bao nhiêu ma sự vừa phát sanh thì liền diệt mất. Vì thế nên đại Bồ Tát muốn có sức phương tiện thì phải hành Bát nhã ba la mật. Nếu đại Bồ Tát hành, tập và tu Bát nhã ba la mật như vậy thì được hiện tại chư Phật trong vô lượng vô số thế giới hộ niệm. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật này xuất sanh chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai và chư Phật hiện tại. Thế nên đại Bồ Tát phải nghĩ rằng pháp của tam thế chư Phật được, tôi cũng sẽ được như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải tập Bát nhã ba la mật. Nếu tập Bát nhã ba la mật như vậy, thì màu được Vô Thượng Bồ Đề. Do đó nên đại Bồ Tát thường chẳng được xa rời tâm nhứt thiết chủng trí. Nếu đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật như vậy, nhẫn đến chừng khoảng khẩy ngón tay, được phước đức rất nhiều. Nếu có người giáo hóa chúng sanh trong cõi Đại Thiên bố thí vô giá, dạy họ trì giới, thiền định, trí huệ, dạy học được giải thoát, giải thoát tri kiến, dạy họ được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật, vẫn chẳng bằng Bồ Tát này tu Bát nhã ba la mật chừng khoảng khẩy móng tay. Tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật hay xuất sanh bố thí đến trí huệ, hay xuất sanh quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật. Chư Phật hiện tại mười phương đều từ trong Bát nhã ba la mật này mà xuất sanh. Chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai cũng đều từ trong Bát nhã ba la mật mà xuất sanh. Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đúng tâm nhứt thiết chủng trí mà hành Bát nhã ba la mật, hoặc chừng khoảng khẩy ngón tay, hoặc nửa ngày hay một ngày, một tháng, trăm ngày, một năm, hoặc trăm năm, một kiếp, trăm kiếp, nhẫn đến hoặc vô lượng vô biên vô số kiếp. Bồ Tát đó tu Bát nhã ba la mật này được phước đức rất nhiều, hơn là dạy chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương bố thí, trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật. Tại sao? Vì chư Phật xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật tuyên thuyết bố thí đến giải thoát tri kiến, tuyên thuyết quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật. Nếu có đại Bồ Tát an trụ đúng như Bát nhã ba la mật đã nói, phải biết đó là bực Bồ Tát bất thối chuyển được chư Phật hộ niệm. Sức

phương tiện như vậy thành tựu, phải biết Bồ Tát đó gần gũi cúng dường vô lượng ngàn muôn ức chư Phật, trồng căn lành, theo sát các bực thiện tri thức, từ lâu đã hành sáu ba la mật, từ lâu đã tu mười tám không, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, mười trí lực đến nhứt thiết chủng trí. Phải biết đại Bồ Tát đó trụ bực Pháp Vương Tử, đầy đủ các hạnh nguyện, thường chẳng rời chư Phật, chẳng rời căn lành, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Phải biết Bồ Tát đó biện tài vô tận, đầy đủ đà la ni, thân sắc đầy đủ, thọ ký đầy đủ, vì chúng sanh mà thọ lấy thân. Phải biết Bồ Tát đó giỏi tự môn, giỏi biết phi tự môn. Khéo nơi nói, khéo nơi chẳng nói. Khéo nơi một lời, hai lời và nhiều lời. Khéo biết tướng nữ, tiếng nam. Khéo biết sắc nhẫn đến thức. Khéo biết tánh thế gian, tánh Niết Bàn. Khéo biết các pháp tướng. Khéo biết tánh hữu vi, tướng vô vi, khéo biết pháp hữu, pháp vô. Khéo biết tự tánh, tha tánh. Khéo biết pháp hiệp, pháp tan. Khéo biết pháp tương ứng, pháp chẳng tương ứng. Khéo biết như và chẳng như. Khéo biết pháp tánh, pháp vị. Khép biết duyên và không duyên. Khéo biết ấm nhập và giới. Khéo biết tứ đế, khéo biết mười hai nhơn duyên. Khéo biết tứ thiền, tứ vô lượng tâm và tứ vô săc định. Khéo biết sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhân đên nhứt thiết chủng trí. Khéo biết tánh hữu vi, tánh vô vi. Khéo biết tánh có, tánh không. Khéo biết quán sắc, quán thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến quán nhứt thiết chủng trí. Khéo biết sắc sắc tướng không nhẫn đến Bồ Đề Bồ Đề tướng không. Khéo biết xả đạo và chẳng xả đạo. Khéo biết sanh và diệt. Khéo biết trụ và dị. Khéo biết dục, sân, si. Khéo biết chẳng dục, chẳng sân, chẳng si. Khéo biết kiến và bất kiến. Khéo biết tất cả kiến. Khéo biết danh, khéo biết sắc, khéo biết danh sắc, khéo biết nhơn duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên. Khéo biết hành tướng, khéo biết khổ. Khéo biết tập, khéo biết diệt, khéo biết đạo. Khéo biết Ngạ quỷ và Ngạ quỷ thú. Khéo biết súc sanh và Súc sanh thú. Khéo biết Nhơn và Nhơn thú. Khéo biết Thiên và Thiên thú. Khéo biết Tu Đà Hoàn. Khéo biết Tư Đà Hàm, quả tư Đà Hàm và đạo Tư Đà Hàm. Khéo biết A Na Hàm, quả A Na Hàm và đạo A Na Hàm. Khéo biết A La Hán và đạo A La Hán. Khéo biết Bích Chi Phật. Khéo biết Phật, nhứt thiết chủng trí và đạo nhứt thiết chủng trí. Khéo biết các căn và đầy đủ các căn. Khéo biết huệ, tật huệ, hữu lực huệ, lợi huệ, xuất huệ, đại huệ, quảng huệ, thâm huệ, đại huệ, vô đẳng huệ, thiệt huệ. Khéo biết đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Khéo biết phương tiện. Khéo biết thuận chúng sanh. Khéo biết tâm, thân tâm. Khéo biết nghĩa. Khéo biết ngữ. Khéo biết phân biệt Tam thừa. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, sanh Bát nhã ba la mật, tu Bát nhã ba la mật được những lợi ích như vậy".

*** 70. PHẨM TAM HUỆ THỨ BẢY MƯƠI

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật thế nào? Sanh Bát nhã ba la mật thế nào? Tu Bát nhã ba la mật thế nào?". Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Vì sắc tịch diệt, vì sắc không, vì sắc hư dối, vì sắc chẳng cứng chắc nên phải hành Bát nhã ba la mật. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy. Như lời ngươi hỏi, sanh Bát nhã ba la mật thế nào? Vì như hư không sanh, nên sanh Bát

nhã ba la mật. Như lời ngươi hỏi, tu Bát nhã ba la mật thế nào? Vì tu các pháp phá hoại, nên tu Bát nhã ba la mật". – Bạch đức Thế Tôn! Hành Bát nhã ba la mật, sanh Bát nhã ba la mật, tu Bát nhã ba la mật phải bao nhiêu thời gian? – Này Tu Bồ Đề! Từ lúc mới phát tâm đến lúc mời đạo tràng nên hành, nên sanh, nên tu Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Tâm niệm nào nên hành Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Thường chẳng bỏ tâm nhứt thiết chủng trí, chẳng cho tâm niệm khác xen vào được, đó là hành Bát nhã ba la mật, là sanh Bát nhã ba la mật, là tu Bát nhã ba la mật. Nếu tâm và tâm sở chẳng hiện hành, đó là hành, là sanh, là tu Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật sẽ được nhứt thiết chủng trí chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Chẳng tu Bát nhã ba la mật được nhứt thiết chủng trí chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Cũng tu, cũng chẳng tu được nhứt thiết chủng trí chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu không như vậy thì làm thế nào sẽ được nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát được nhứt thiết chủng trí như như tướng. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là như như tướng? – Này Tu Bồ Đề! Như thiệt tế. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là như thiệt tế? – Này Tu Bồ Đề! Như pháp tánh. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là như pháp tánh? – Này Tu Bồ Đề! Như ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh? – Này Tu Bồ Đề! Theo ý ngươi thế nào? Pháp ngã, chúng sanh, thọ mạng có thể được chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thể được. – Này Tu Bồ Đề! Nếu ngã, chúng sanh, thọ mạng chẳng thể được thì sao lại nói là có ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh. Nếu trong Bát nhã ba la mật chẳng nói có tất cả pháp thì sẽ được nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Chỉ Bát nhã ba la mật là chẳng thể nói, còn Thiền na ba la mật đến Đàn na ba la mật cũng chẳng thể nói chăng? – Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật chẳng thể nói, Đàn na ba la mật đến tất cả pháp hoặc hữu vi, vô vi, hoặc Thanh Văn Pháp, Bích Chi Phật Pháp, Bồ Tát Pháp, Phật Pháp cũng đều chẳng thể nói. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chẳng thể nói, sao lại nói là Địa ngục, là Ngạ quỷ, là Súc sanh, là Nhơn, là Thiên, là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Bồ Tát, là chư Phật? – Này Tu Bồ Đề! Theo ý ngươi thế nào? Danh tự của chúng sanh thiệt có thể được chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không thể được. – Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh đã là không thể được thì làm sao nói là có Địa ngục nhẫn đến chư Phật? Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật phải nên học tất cả pháp không nói được. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật phải học sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến phải học nhứt thiết chủng trí. – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải học sắc chẳng tăng, chẳng giảm, nhẫn đến phải học nhứt thiết chủng trí chẳng tăng, chẳng giảm. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc bất tăng, bất giảm học, nhẫn đến thế nào là nhứt thiết chủng trí bất tăng, bất giảm học? – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là bất sanh, bất diệt học? – Này Tu Bồ Đề! Vì chẳng khởi, chẳng tác các hành nghiệp, hoặc có hoặc không. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là chẳng khởi, chẳng tác các hành nghiệp hoặc có hoặc không? – Này Tu Bồ Đề! Vì quán các pháp tự tánh không. – Bạch đức Thế Tôn! Phải quán các pháp tự tánh không thế nào? – Này Tu Bồ Đề! Phải quán sắc sắc tướng không. Phải quán thọ, tưởng, hành, thức,

tướng không. Phải quán nhã nhãn tướng không. Nhẫn đến phải quán ý thức giới ý thức giới tướng không. Nhẫn đến phải quán vô pháp hữu pháp không vô pháp hữu pháp không tướng không. Phải quán tứ thiền tứ thiền tướng không. Nhẫn đến phải quán diệt thọ tưởng định diệt thọ tưởng định tướng không. Phải quán tứ niệm xứ tứ niệm xứ tướng không. Nhẫn đến phải quán Vô Thượng Bồ Đề tướng không. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát phải quán các pháp tự tướng không. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu sắc sắc tướng không, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề tướng không, thì đại Bồ Tát sao lại phải hành Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Chẳng hành, đó gọi là hành Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào chẳng hành mà gọi là hành Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã ba la mật bất khả đắc nên Bồ Tát bất khả đắc, hành cũng bất khả đắc, vì người hành, pháp hành, chỗ hành đều bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bô Tát hành, chẳng hành Bát nhã ba la mật, vì tất cả các hí luận đều bất khả đắc vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu chẳng hành là đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, thì Bồ Tát mới phát tâm hành Bát nhã ba la mật thế nào? – Này Tu Bồ Đề! Từ lúc mới phát tâm trở lại, Bồ Tát phải học pháp không vô sở đắc. Vì Bồ Tát này dùng pháp vô sở đắc mà bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nhẫn đến dùng pháp vô sở đắc tu nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là hữu sở đắc? Thế nào gọi là vô sở đắc? – Này Tu Bồ Đề! Những pháp có hai là có sở đắc. Không có hai là không sở đắc. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì có hai là có sở đắc? Những gì không hai là không sở đắc? – Này Tu Bồ Đề! Nhãn và sắc là hai, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề và Phật là hai. Đó gọi là hai. – Bạch đức Thế Tôn! Từ trong hữu sở đắc mà không sở đắc, hay là từ trong vô sở đắc mà không sở đắc? – Này Tu Bồ Đề! Chẳng từ trong hữu sở đắc mà không sở đắc, chẳng từ trong vô sở đắc mà không sở đắc. Này Tu Bồ Đề! Hữu sở đắc và vô sở đắc bình đẳng, đây gọi là không sở đắc. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ở trong pháp hữu sở đắc và vô sở đắc bình đẳng cần phải học. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật như vậy thì gọi là người vô sở đắc, người không lầm lỗi. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật mà chẳng hành hữu sở đắc, chẳng hành vô sở đắc thì sao lại từ một bực lên một bực đến được nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng ở trong hữu sở đắc để từ một bực lên một bực. Tại sao vậy? Này Tu Bồ Đề! Vô sở đắc là tướng của Bát nhã ba la mật, vô sở đắc là tướng của Vô Thượng Bồ Đề, vô sở đắc cũng là tướng của người hành Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát phải hành Bát nhã ba la mật như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật bất khả đắc, Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc, người hành Bát nhã ba la mật bất khả đắc, thì làm sao chư đại Bồ Tát phân biệt các pháp tướng: là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến là Vô Thượng Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy có sắc, nhẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy có sắc, nhẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề, làm sao đầy đủ được sáu ba la mật vào trong Bồ Tát vị. Vào xong, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí xong, chuyển pháp luân làm Phật sự độ chúng sanh thoát sanh tử. – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng vì sắc mà hành Bát nhã ba la mật, nhẫn đến chẳng

vì Vô Thượng Bồ Đề mà hành Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát vì sự gì mà hành Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Vì không chỗ làm mà đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp không chỗ làm, không chỗ tác, Bát nhã ba la mật cũng không chỗ làm, không chỗ tác, Vô Thượng Bồ Đề cũng không chỗ làm, không chỗ tác, đại Bồ Tát cũng không chỗ làm, không chỗ tác. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành Bát nhã ba la mật không chỗ làm, không chỗ tác. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không chỗ làm, không chỗ tác thì chẳng nên phân biệt có ba thừa: Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Phật thừa. – Này Tu Bồ Đề! Trong các pháp không chỗ làm, không chỗ tác thì không có phân biệt. Trong có chỗ làm, có chỗ tác thì có phân biệt. Tại sao vậy? Vì phàm phu ngu nhơn chẳng nghe thánh pháp, chấp trước năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Họ chấp trước Đàn na ba la mật nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Ngu nhơn này quan niệm có sắc và được sắc đó, nhẫn đến có Vô Thượng Bồ Đề và được Vô Thượng Bồ Đề đó. Bồ Tát nghĩ rằng tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, tôi sẽ độ chúng sanh thoát sanh tử. Này Tu Bồ Đề! Ta dùng ngũ nhãn quan sát còn chăng thấy có sắc nhân đến Vô Thượng Bồ Đề, huống là ngu nhơn không có con mắt mà muốn được Vô Thượng Bồ Đề độ chúng sanh thoát sanh tử. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu đức Phật dùng nhũ nhãn quan sát chẳng thấy kẻ được độ trong những chúng sanh bị sanh tử, tại sao ngày nay đức Thế Tôn được Vô Thượng Bồ Đề, phân biệt chúng sanh có ba tụ: chánh định, tà định và bất định. – Này Tu Bồ Đề! Ta được Vô Thượng Bồ Đề, vốn chẳng thấy có chúng sanh ba tụ: chánh định, tà định, bất định. Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh ở nơi không pháp mà tưởng có pháp. Để trừ sự hư vọng chấp trước pháp thế tục của họ nên ta nói có được, chớ chẳng phải là đệ nhứt nghĩa. – Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải ở nơi đệ nhứt nghĩa mà được Vô Thượng Bồ Đề ư? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Ở nơi điên đảo mà được Vô Thượng Bồ Đề ư? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu chẳng ở nơi đệ nhứt nghĩa được Vô Thượng Bồ Đề cũng chẳng ở nơi điên đảo được Vô Thượng Bồ Đề; phải chăng là không có Thế Tôn được Vô Thượng Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Không phải như vậy. Ta thiệt được Vô Thượng Bồ Đề không trụ nơi tướng hữu vi, nơi tướng vô vi. Này Tu Bồ Đề! Như hóa nhơn của Phật biến hóa ra đó, chẳng trụ nơi tướng hữu vi, vô vi, mà hóa nhơn cũng có đến, đi, ngồi, đứng. Này Tu Bồ Đề! Hóa nhơn đó hoặc hành sáu ba la mật, hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, hành vô sắc định, ngũ thần thông, hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, nhập không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, hành nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, hành bát bội xả, cửu thứ đệ định, hành mười trí lực, bốn vô úy, bốn vô ngại, đại từ đại bi, được Vô Thượng Bồ Đề, chuyển pháp luân. Hóa nhơn đó biến hóa vô lượng chúng sanh có ba tụ. Này Tu Bồ Đề! Theo ý ngươi nghĩ thế nào? Hóa nhơn đó hành Đàn ba la mật nhẫn đến có ba tụ chúng sanh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Này Tu Bồ Đề! Đức Phật cũng như vậy. Đức Phật biết các pháp như hóa. Như hóa nhơn độ chúng sanh. Không có chúng sanh thiệt để độ. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, hành như hóa nhơn hành vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều như hóa, thì Phật cùng hóa nhơn có gì khác? – Này Tu Bồ Đề! Phật cùng hóa nhơn không khác. Tại sao? Vì Phật hay làm sự việc; hóa nhơn cũng hay làm sự việc. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu không Phật,

riêng hóa nhơn hay làm sự việc chăng? – Này Tu Bồ Đề! Riêng hóa nhơn hay làm sự việc. – Bạch đức Thế Tôn! Tại sao không Phật, hóa nhơn lại hay làm sự việc. – Này Tu Bồ Đề! Như thuở quá khứ có Phật hiện Tu Phiến Đa, vì muốn độ hàng Bồ Tát mà hiện hóa Phật, rồi tự diệt độ. Hóa Phật đó trụ thế nửa kiếp làm Phật sự, thọ ký cho chư Bồ Tát xong rồi diệt độ. Tất cả chúng sanh thế gian đều cho là Phật thiệt diệt độ. Nhưng này Tu Bồ Đề! Hóa nhơn thiệt không sanh, không diệt. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, phải tin và biết rằng tất cả pháp như hóa. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu đức Phật cùng hóa nhơn do đức Phật biến hóa ra đó không sai khác nhau, thì làm sao khiến người bố thí thanh tịnh? Như có người cúng dường đức Phật. Người này nhẫn đến lúc vô dư Niết Bàn được phước đức chẳng cùng tận. Nếu như có người cúng dường hóa Phật, cũng được phước đức chẳng cùng tận như vậy chăng? – Này Tu Bồ Đề! Đức Phật dùng thiệt tướng của các pháp mà làm phước điền cho Trời, Người và tất cả chúng sanh. Hóa Phật cũng dùng thiệt tướng của các pháp mà làm phước điền cho Trời, Người và tất cả chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Để hóa Phật và gieo phước đức chỗ hóa Phật đó lại, nêu có thiện nam, thiện nữ thành tâm cung kính niệm Phật. Nhơn duyên căn lành này mãi đến giải thoát, phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy vẫn chẳng cùng tận. Để sự thành tâm cung kính niệm Phật đó lại, nếu có thiện nam, thiện nữ đem một bông hoa rãi trên hư không mà niệm Phật, người này mãi đến lúc giải thoát, phước đức đó chẳng cùng tận. Để sự thành tâm cung kính niệm Phật đó lại, nếu có người chỉ một lần xưng Nam Mô Phật, người này mãi đến lúc giải thoát, phước đức ấy vẫn chẳng cùng tận. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Gieo căn lành trong phước điền Phật, được phước vô lượng. Vì thế nên biết rằng đức Phật cùng hóa Phật không sai khác. Vì pháp tướng của các pháp không khác vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành Bát nhã ba la mật, nhập trong thiệt tướng các pháp như vậy. Thiệt tướng các pháp như vậy. Thiệt tướng các pháp đó chẳng hư hoại, đó gọi là tướng Bát nhã ba la mật nhẫn đến là tướng Vô Thượng Bồ Đề chẳng hư hoại. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiệt tướng các pháp chẳng hư hoại, tại sao đức Phật lại hoại các pháp tướng mà dạy rằng đây là sắc, là thọ, tưởng, hành và thức, là nội pháp, là ngoại pháp, là thiện pháp, là bất thiện pháp, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu tránh pháp, là hữu vi pháp, là vô vi pháp…Đức Thế Tôn! chừng không hoại các pháp tướng chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. Vì dùng tướng danh tự để chỉ bày các pháp muốn cho chúng sanh được hiểu. Đức Phật chẳng hoại pháp tướng các pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu vì dùng tướng danh tự để chúng sanh được hiểu mà nói các pháp. Nếu các pháp không danh, không tướng thì làm sao dùng danh tướng hiển bày muốn chúng sanh được hiểu? – Này Tu Bồ Đề! Theo pháp thế tục có danh tướng chớ thiệt thì không chỗ chấp trước. Này Tu Bồ Đề! Như người phàm nghe nói khổ liền chấp danh lấy tướng. Còn chư Phật và các thánh đệ tử thì chẳng chấp danh lấy tướng. Này Tu Bồ Đề! Nếu danh chấp danh, tướng chấp tướng thì lẽ ra hư không cũng chấp hư không, vô tướng cũng chấp vô tướng, vô tác cũng chấp vô tác, thiệt tế cũng chấp thiệt tế, pháp tánh cũng chấp pháp tánh, vô vi tánh cũng chấp vô vi tánh. Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đó chỉ có danh tướng, pháp đó chẳng ở trong danh tướng. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chỉ ở trong danh tướng phải hành Bát nhã ba la mật, trong danh tướng đó cũng chẳng nên chấp. –

Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì đại Bồ Tát vì ai mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thọ nhiều sự cần khổ? Lúc Bồ Tát hành đạo, Bồ Tát bố thí, trì giới, hành nhẫn nhục, siêng tinh tấn, nhập thiền định, tu trí huệ, hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, hành không, vô tướng, vô tác, hành mười trí lực đến đại từ đại bi? – Này Tu Bồ Đề! Như lời Tu Bồ Đề vừa nói, nếu tất cả pháp hữu vi chỉ có danh tướng thì đại Bồ Tát vì ai mà hành Bồ Tát đạo? Này Tu Bồ Đề! Nếu hữu vi pháp chỉ có danh tướng, bằng đồng danh tướng đó, danh tướng cũng không. Vì thế nên đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo được nhứt thiết chủng trí, chuyển pháp luân, dùng pháp ba thừa độ thoát chúng sanh. Danh tướng đó cũng không sanh, không diệt, không trụ, không dị. – Bạch đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Ta nói nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật nói nhứt thiết chủng trí, nói đạo chủng trí, nói nhứt thiết chủng trí. Ba trí đó khác nhau như thế nào? – Này Tu Bồ Đề! Nhứt thiết trí là tất cả Thanh Văn và Bích Chi Phật, đạo chủng trí là trí của đại Bồ Tát, nhứt thiết chủng trí là trí của chư Phật. – Bạch đức Thế Tôn! Duyên cớ gì mà nhứt thiết trí là trí của Thanh Văn và Bích Chi Phật? – Này Tu Bồ Đề! Danh từ nhứt thiết là nói pháp nội pháp ngoại, là pháp mà hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật biết được mà chẳng dùng được, nhứt thiết đạo và nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Duyên cớ gì mà đạo chủng trí là trí của chư đại Bồ Tát? – Này Tu Bồ Đề? Nhứt thiết đạo, hoặc Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Bồ Tát đạo, đại Bồ Tát phải biết đầy đủ. Cũng phải dùng đạo này độ chúng sanh, cũng chẳng làm thiệt tế để chứng. – Bạch đức Thế Tôn! Như lời đức Phật dạy: Đại Bồ Tát phải đầy đủ các đạo mà chẳng nên lấy đạo này làm thiệt tế để chứng. Tại sao vậy? Bạch đức Thế Tôn! – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát này chưa tịnh Phật độ, chưa thành tựu chúng sanh, lúc này chẳng nên chứng lấy thiệt tế. – Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát trụ trong đạo nên chứng thiệt tế chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Trụ trong phi đạo có nên chứng thiệt tế chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Trụ trong chẳng phải đạo chẳng phải phi đạo có nên chứng thiệt tế chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát trụ chỗ nào nên chứng thiệt tế? – Này Tu Bồ Đề! Theo ý ngươi thế nào? Người trụ trong đạo, vì chẳng thọ các pháp nên lậu tận tâm được giải thoát phải chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Này Tu Bồ Đề! Người trụ phi đạo mà lậu tận tâm được giải thoát chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Này Tu Bồ Đề! Người trụ trong chẳng phải đạo chẳng phải phi đạo mà lậu tận tâm giải thoát chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Tôi không chỗ trụ, chẳng thọ các pháp, lậu tận tâm được giải thoát vậy. – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát cũng như vậy, không chỗ trụ chứng thiệt tế. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Vì tướng duy nhất mà gọi là nhứt thiết chủng trí, đó là tất cả pháp tịch diệt tướng. Lại những hành loại, tướng mạo, danh tự hiển bày ngôn thuyết, đức Phật đều biết đúng như thiệt, vì thế nên gọi là nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Nhứt thiết trí, đạo chủng trí và nhứt thiết chủng trí, ba trí đó kiết sử đoạn có hết hẳn và còn thừa sai khác chăng? – Này Tu Bồ Đề! Phiền não đoạn không sai khác. Tập khí phiền não, chư Phật đều đoạn hẳn tất cả, Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng đoạn hết hẳn. – Bạch đức Thế Tôn! Những người đó chẳng được pháp vô vi có đoạn được phiền não

chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp vô vi có được sai khác chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu trong pháp vô vi không thể được sai khác, cớ sao nói người này phiền não tập khí đoạn hẳn, người này chẳng đoạn hẳn? – Này Tu Bồ Đề! Tập khí chẳng phải phiền não. Người Thanh Văn, Bích Chi Phật đó, thân và khẩu có những tướng dạng tương tợ dâm dục, sân khuể và ngu si mà kẻ phàm phu vì đó mắc phải tội, đó là tập khí của tam độc vậy. Chư Phật không có như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu đạo không pháp, Niết Bàn cũng không pháp, tại sao lại phân biệt nói là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Bồ Tát, là Phật? – Này Tu Bồ Đề! Đó đều do vô vi pháp mà có phân biệt sai khác như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Thiệt vì do pháp vô vi mà phân biệt có Tu Đà Hoàn đến Phật chăng? – Này Tu Bồ Đề! Do thế gian ngôn thuyết mà có sai biệt như vậy chớ chẳng phải là đệ nhứt nghĩa. Trong đệ nhứt nghĩa không có phân biệt ngôn thuyết. Tại sao? Vì trong đệ nhứt nghĩa không có ngôn thuyết. Vì kiết sử đoạn dứt mà nói hậu tế. – Bạch đức Thế Tôn! Trong các pháp tự tướng không, tiền tế còn bất khả đắc, huống là nói có hậu tế. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Trong các pháp tự tướng không còn chẳng có tiền tế, huống là có hậu tế. Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh chẳng biết các pháp tự tướng không nên nói là tiền tế, nói là hậu tế. Trong các pháp tự tướng không, tiền tế, hậu tế đều bất khả đắc. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải ở trong các pháp tự tướng không mà hành Bát nhã ba la mật. Nếu đại Bồ Tát hành pháp tự tướng không, thì không chỗ chấp, hoặc nội pháp hoặc ngoại pháp, hoặc hữu vi pháp, hoặc vô vi pháp, hoặc pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, hoặc Phật pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Thường nói Bát nhã ba la mật. Do nghĩa gì mà Bát nhã ba la mật gọi là Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Được đệ nhứt nghĩa độ tất cả pháp đến bờ kia, do nghĩa trên đây mà gọi là Bát nhã ba la mật? Lại này Tu Bồ Đề! Chư Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật và A La Hán dùng Bát nhã ba la mật này để đến bờ kia, do nghĩa này mà gọi là Bát nhã ba la mật. Lại này Tu Bồ Đề! Phân biệt tính lường phá hoại tất pháp đến vi trần, trong đó chẳng được cứng chắc, do nghĩa này mà gọi là Bát nhã ba la mật. Lại này Tu Bồ Đề! Các pháp như, pháp tánh và thiệt tế đều vào trong Bát nhã ba la mật, do nghĩa này mà gọi là Bát nhã ba la mật. Lại này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật này không có pháp hoặc hiệp hoặc tan, hoặc có sắc hoặc không sắc, hoặc thấy được hoặc chẳng thấy được, hoặc có đối hoặc không đối, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi. Tại sao? Vì Bát nhã ba la mật này không sắc, không hình, không dối, một tướng duy nhứt, đó là vô tướng. Lại này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật này hay sanh tất cả pháp, tất cả biện tài, tất cả chiếu minh. Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật này, tất cả ma hoặc thiên ma, hoặc người cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật, cùng các ngoại đạo, phạm chí, kẻ oán thù, người ác chẳng phá hoại được Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật. Tại sao? Vì những hạng người đó, ở trong Bát nhã ba la mật đều bất khả đắc. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành đúng nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy. Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát muốn hành nghĩa Bát nhã ba la mật, phải hành nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã. Cũng phải hành nghĩa khổ trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa tỉ trí, nghĩa thế trí, nghĩa tha tâm trí, nghĩa tận trí, nghĩa vô sanh trí, nghĩa như thiệt trí. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã ba la mật

mà phải hành Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Trong Bát nhã ba la mật sâu xa này, nghĩa cùng phi nghĩa đều bất khả đắc, tai sao đại Bồ Tát lại vì nghĩa Bát nhã ba la mật sâu xa mà hành Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã ba la mật sâu xa nên nghĩ rằng: Tham dục là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành, sân khuể và ngu si là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành, tất cả tà kiến là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành. Tại sao? Vì tướng như của ba độc không có nghĩa, không có phi nghĩa, tướng như của tất cả tà kiến không có nghĩa, không có phi nghĩa. Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải nghĩa rằng: Sắc chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, nhẫn đến thức chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, Đàn na ba la mật nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa. Tại sao vậy? Này Tu Bồ Đề! Đức Phật lúc được Vô Thượng Bồ Đề không có phá để được, hoặc nghĩa hoặc phi nghĩa. Này Tu Bồ Đề! Có Phật hay không Phật, các pháp, pháp tướng thường trụ không có nghĩa, không có phi nghĩa. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật phải rời nghĩa và phi nghĩa. – Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Bát nhã ba la mật chăng phải nghĩa, chăng phải phi nghĩa? – Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp hữu vi không tướng vi tác, vì lẽ đó mà Bát nhã ba la mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa. – Bạch đức Thế Tôn! Tất cả Thánh Hiền như Phật và đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, tại sao đức Phật nói Bát nhã ba la mật không có nghĩa và phi nghĩa? – Này Tu Bồ Đề! Dầu tất cả Thánh Hiền đều lấy vô vi làm nghĩa, cũng chẳng vì thế mà tăng, cũng chẳng vì thế mà tổn. – Này Tu Bồ Đề! Ví như hư không như, chẳng hay lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng làm tổn hại chúng sanh. Cũng vậy, Bát nhã ba la mật của Bồ Tát cũng không tăng, không tổn. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chẳng học vô vi Bát nhã ba la mật, được nhứt thiết chủng trí chăng? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học vô vi Bát nhã ba la mật này sẽ được nhứt thiết chủng trí, vì chẳng lấy hai pháp vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Chẳng hai pháp có thể được chẳng hai pháp chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Hai pháp có thể được chẳng hai pháp chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát không lấy hai pháp, không lấy chẳng hai pháp thì làm sao sẽ được nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Không chỗ được tức là được. Bởi được này là không chỗ được".

*** 71. PHẨM ĐẠO THỌ THỨ BẢY MƯƠI MỐT

Ngài Tu Bồ Đề thưa: " Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật này rất sâu. Chư đại Bồ Tát chẳng thấy có chúng sanh mà vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề, đây là rất khó. Như người muốn trồng cây giữa hư không thì rất khó. Bạch đức Thế Tôn! Cũng vậy, đại Bồ Tát vì chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề, chúng sanh cũng bất khả đắc". Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Chỗ làm của chư đại Bồ Tát rất khó: vì chúng sinh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề, cứu độ những chúng sanh điên đảo chấp ngô, chấp ngã. Này Tu Bồ Đề! Như người trồng cây chẳng biết gốc, thân, cành, lá, bông, trái mà yêu quí vun bón xới tưới, cây lớn dần hoa, lá, trái, hột đều

thành tựu mà được hưởng thọ. Cũng vậy, chư đại Bồ Tát vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề, lần lần hành sáu ba la mật, được nhứt thiết chủng trí, thành tựu Phật thọ, đem hoa, lá, trái, hột lợi ích chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là lá cây lợi ích chúng sanh? Chúng sanh nhờ nơi đại Bồ Tát mà được lìa khỏi ba ác đạo, đó là lợi ích. Thế nào là hoa lợi ích chúng sanh? Nhờ nơi đại Bồ Tát mà chúng sanh được sanh làm người dòng sang quý, được sanh cõi Trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến cõi Trời Phi Phi Tưởng, đó là hoa lợi ích. Thế nào là quả lợi ích chúng sanh? Đại Bồ Tát đó được nhứt thiết chủng trí làm cho chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Phật, chúng sanh này lần lần dùng pháp ba thừa nhập nơi vô dư Đại Niết Bàn, đó là quả lợi ích chúng sanh. Đại Bồ Tát đó chẳng thấy có thiệt chúng sanh mà độ chúng sanh khiến lìa chấp ngã điên đảo. Đại Bồ Tát nghĩ rằng: Trong tất cả pháp không có chúng sanh, ta vì chúng sanh mà cầu nhứt thiết chủng trí, chúng sanh đó thiệt bất khả đắc". – Bạch đức Thế Tôn! Phải biết rằng Bồ Tát đó như là Phật. Tại sao vậy? Vì do nơi Bồ Tát đó mà dứt tất cả mầm giống Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, dứt tất cả mầm giống các nạn, bần cùng hạ tiện, dứt tất cả mầm giống cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Phải biết rằng Bồ Tát đó như là Phật. Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát chẳng phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề thì thế gian không có chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, thế gian cũng không có Bích Chi Phật, A La Hán, A Na Hàm, Tư Đà Hàm, Tu Đà Hoàn. Cũng không lúc nào dứt ba ác đạo và ba cõi. Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời người nói, đại Bồ Tát đó như là Phật. Tại sao vậy? Vì do như mà gọi là Như Lai. Vì do như mà gọi là Bích Chi Phật, A La Hán và tất cả Hiền Thánh. Vì do như mà gọi là sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Vì do như mà gọi là tất cả pháp nhẫn đến tánh hữu vi, tánh vô vi. Những như đó đều như thiệt không sai khác, vì thế mà gọi là như. Chư đại Bồ Tát học như đó được nhứt thiết chủng trí, được gọi là Như Lai. Do nhân duyên đó, do hành tướng đó mà nói rằng phải biết đại Bồ Tát như là Phật. Vì là tướng như. Này Tu Bồ Đề! Thế nên đại Bồ Tát phải học như Bát nhã ba la mật. Bồ Tát học như Bát nhã ba la mật thì có thể học tất cả pháp như. Học tất cả pháp như thì được đầy đủ tất cả pháp như. Được đầy đủ tất cả pháp như rồi thì trụ tất cả pháp như được tự tại. Trụ tất cả pháp như, được tự tại rồi thì khéo biết căn của tất cả chúng sanh. Khéo biết căn của tất cả chúng sanh rồi thì khéo biết căn cụ túc của tất cả chúng sanh và khéo biết nghiệp nhơn duyên của tất cả chúng sanh. Biết nghiệp nhơn duyên của tất cả chúng sanh rồi thì được nguyện trí đầy đủ. Được nguyện trí đầy đủ rồi thì tam thế huệ thanh tịnh. Tam thế huệ thanh tịnh rồi thì lợi ích tất cả chúng sanh. Lợi ích tất cả chúng sanh rồi thì thanh tịnh Phật quốc độ. Thanh tịnh Phật quốc độ rồi thì được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi thì chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân rồi thì an lập chúng sanh nơi ba thừa khiến nhập vô dư y Niết Bàn. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát muốn được tất cả công đức lợi mình lợi người thì phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát có thể hành Bát nhã ba la mật sâu xa đúng như lời, tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la phải nên đảnh lễ. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Đại Bồ Tát có thể hành Bát nhã ba la mật sâu xa đúng như lời, tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la phải nên đảnh lễ. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát mới phát tâm vì chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề được bao nhiêu phước đức? – Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong

Tiểu Thiên quốc độ đều phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, theo ý ngươi thế nào, phước của họ có nhiều chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều vô lượng. – Này Tu Bồ Đề! Phước của họ sánh với phước của Bồ Tát mới phát tâm chẳng bằng phần trăm, phần ngàn, phần muôn ức, nhẫn đến toán số thí dụ cũng vẫn không bằng được. Tại sao? Vì phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật đều do Bồ Tát mà ra. Còn Bồ Tát trọn không do Thanh Văn, Bích Chi Phật mà ra. Đến Trung Thiên nhị thiên quốc độ và Đại Thiên tam thiên quốc độ so sánh cũng như vậy. Và để chúng sanh trong Đại Thiên tam thiên quốc độ phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật lại. Cứ như chúng sanh trong Đại Thiên tam thiên quốc độ đều trụ bực Càn Huệ địa, bực Tánh địa, bực Bát Nhơn địa, bực Kiến địa, bực Bạc địa, bực Ly dục địa, bực Dĩ Biên địa, bực Bích Chi Phật địa, tất cả phước đức đó nếu muốn đem sánh với Bồ Tát mới phát tâm thì vẫn chẳng bằng phần trăm, phần ngàn, phần muôn ức, nhẫn đến toán số thí dụ đều chẳng bằng được. Này Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát mới phát tâm trong Đại Thiên quốc độ chẳng bằng Bồ Tát nhập pháp vị. Chư đại Bồ Tát nhập pháp vị trong Đại Thiên quốc độ chẳng bằng Bồ Tát hướng Phật đạo. Chư Bồ Tát hướng Phật đạo trong Đại Thiên quốc độ chẳng bằng công đức của Phật, một phần trăm, phần ngàn, phần muôn ức, nhẫn đến toán số thí dụ đều chẳng bằng được. – Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát mới phát tâm nên niệm nhớ những pháp gì? – Này Tu Bồ Đề! Nên niệm nhớ nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là nhứt thiết chủng trí? Những duyên gì, tăng thượng gì, hành loại gì, tướng mạo gì của nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Nhứt thiết chủng trí không chỗ có, không niệm, không sanh, không hiển thị. Như Tu Bồ Đề hỏi những duyên, những tăng thượng, những hành, những tướng của nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Nhứt thiết chủng trí không có pháp, duyên niệm làm tăng thượng, tịch diệt làm hành, vô tướng làm hướng. Đó gọi là duyên, tăng thượng, hành và tướng của nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có nhứt thiết chủng trí không pháp, hay là sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng không pháp? – Này Tu Bồ Đề! Sắc nhẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng không pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên gì mà nhứt thiết chủng trí không pháp, sắc đến hữu vi tướng, vô vi tướng không pháp? – Này Tu Bồ Đề! Vì nhứt thiết chủng trí tự tánh không, nếu pháp tự tánh không thì gọi là không pháp. Sắc nhẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà các pháp tự tánh không? – Này Tu Bồ Đề! Các pháp hòa hiệp nhơn duyên sanh, trong pháp không tự tánh, nếu không tự tánh thì gọi là không pháp. Vì thế nên đại Bồ Tát phải biết tất cả pháp không tánh. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp tánh không vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không tánh, Bồ Tát mới phát tâm dùng sức phương tiện gì để có thể hành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, để có thể hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, tam tam muội, bát bội xả, cửu thứ đệ định, Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, nhứt thiết chủng trí, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có thể học các pháp không tánh, cũng có thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, biết quốc độ và chúng sanh cũng không tánh, đó chính là sức phương tiện. – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đó hành sáu ba la mật tu học

Phật đạo, nhẫn đến hành nhứt thiết chủng trí tu học Phật đạo, cũng biết Phật đạo không tánh. Đại Bồ Tát này hành sáu ba la mật tu học Phật đạo, nhẫn đến chưa thành tựu Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, nhứt thiết chủng trí, đó là tu học Phật đạo, khi đã đầy đủ Phật đạo nhơn duyên rồi, dùng một niệm tương ứng huệ được nhứt thiết chủng trí, đồng thời tất cả phiền não tập khí dứt hẳn, vì chẳng sanh vậy. Bấy giờ dùng Phật nhãn nhìn xem Đại Thiên quốc độ, pháp không còn là bất khả đắc, huống là pháp có. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành không tánh Bát nhã ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đây gọi là sức phương tiện của đại Bồ Tát, pháp không còn là bất khả đắc, huống lá pháp có. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát này lúc bố thí: bố thí, người thọ và Bồ Tát tâm, pháp không còn chẳng biết được, huống là pháp có. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí: người được, pháp được và chỗ được, pháp không còn chẳng biết được, huống là pháp có. Tại sao? Vì tất cả pháp bổn tánh như vậy. Chẳng phải do Phật làm, chẳng phải do Thanh Văn, Bích Chi Phật hay người khác làm. Vì tất cả pháp không có tác giả. – Bạch đức Thế Tôn! Các pháp tánh các pháp ly chăng? – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Các pháp tánh các pháp ly. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp tánh các pháp ly, thì làm sao pháp ly lại biết được pháp ly, hoặc là có hoặc là không? Tại sao? Vì pháp không chẳng biết được pháp không, pháp có chẳng biết được pháp có, pháp không chẳng biết được pháp có, pháp có chẳng biết được pháp không. Bạch đức Thế Tôn! Như vậy thì tất cả các pháp không có tướng, tại sao đại Bồ Tát lại phân biệt pháp đó là có hay không? – Này Tu Bồ Đề! Do nơi thế tục đế mà đại Bồ Tát vì chúng sanh nói hoặc có hoặc không, chớ chẳng phải là đệ nhứt nghĩa đế. – Bạch đức Thế Tôn! Thế tục đế cùng đệ nhứt nghĩa đế khác nhau chăng? – Này Tu Bồ Đề! Thế đế cùng đệ nhứt nghĩa đế không khác. Tại sao? Vì thế đế như tức là đệ nhứt nghĩa như. Bởi chúng sanh chẳng thấy, chẳng biết như này nên đại Bồ Tát dùng thế đế dạy chúng sanh mà nói hoặc có hoặc không. Lại này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh đối trong năm ấm có chấp lấy tướng mà chẳng biết là vô sở hữu. Vì dạy chúng sanh đó mà đại Bồ Tát nói hoặc có hoặc không, khiến chúng sanh biết vô sở hữu. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải nên hành Bát nhã ba la mật như vậy".

*** 72. PHẨM BỒ TÁT HẠNH THỨ BẢY MƯƠI HAI

Ngài Tu Bồ Đề thưa: " Bạch đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói Bồ Tát hạnh. Những gì là Bồ Tát hạnh?". Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát hạnh là vì Vô Thượng Bồ Đề mà thật hành, đây gọi là Bồ Tát hạnh". – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát vì Vô Thượng Bồ Đề mà thật hành, đây gọi là Bồ Tát hạnh". – Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát hành sắc không, hành, thọ, tưởng, hành, thức không, hành nhãn không đến ý, hành sắc không đến pháp, hành nhãn giới không đến ý thức giới, hành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, hành nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhứt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, chư pháp không, tánh không, tự tướng không,

vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, hành sơ thiền đến tứ thiền, hành từ bi hỷ xả, hành hư không vô biên xứ đến phi tưởng phi phi tưởng xứ, hành tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, hành không tam muội, vô tác tam muội, hành bát bội xả, hành cửu thứ đệ định, hành Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, hành mười tám pháp bất cộng, hành đại từ đại bi, hành tịnh Phật quốc độ, hành thành tựu chúng sanh, hành các thứ biện tài, hành văn tự, hành không văn tự, hành các môn đà la ni, hành tánh hữu vi, hành tánh vô vi, tất cả hành đều như Vô Thượng Bồ Đề duy nhứt, chẳng hành có hai sai khác. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật gọi là Vô Thượng Bồ Đề hạnh, đây là Bồ Tát hạnh. – Bạch đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói Phật. Có nghĩa gì mà gọi là Phật? – Này Tu Bồ Đề! Biết thiệt nghĩa của các pháp nên gọi là Phật. Được thiệt tướng của các pháp nên gọi là Phật. Thông đại thiệt nghĩa nên gọi là Phật. Biết tất cả các pháp đúng như thiệt nên gọi là Phật. – Bạch đức Thế Tôn! Có nghĩa gì mà gọi là Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Nghĩa không là nghĩa Bồ Đề. Nghĩa như, nghĩa pháp tánh, nghĩa thiệt tê là nghĩa Bô Đê. Lại này Tu Bô Đê! Danh tướng ngôn thuyết là nghĩa Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Thiệt nghĩa của Bồ Đề chẳng hoại được, chẳng phân biệt được, đó là nghĩa Bồ Đề. Lại này Tu Bồ Đề! Thiệt tướng của các pháp chẳng hư dối, chẳng dị biệt là nghĩa Bồ Đề. Vì thế nên gọi là Bồ Đề. Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Đề đó là sở hữu của chư Phật nên gọi là Bồ Đề. Lại này Tu Bồ Đề! Chư Phật Chánh Biến Tri nên gọi là Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát vì Bồ Đề đó mà hành sáu ba la mật nhẫn đến hành nhứt thiết chủng trí, đối với các pháp, gọi là đắc, là thất, là tăng, là giảm, là sanh, là diệt, là cấu, là tịnh? – Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát vì Bồ Đề mà hành sáu ba la mật nhẫn đến hành nhứt thiết chủng trí, đối với các pháp không được, không mất, không thêm, không bớt, không sanh, không diệt, không nhơ, không sạch. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, chẳng vì được, mất, thêm, bớt, sanh, diệt, nhơ, sạch mà phát xuất. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng vì được, mất, thêm, bớt, sanh, diệt, nhơ, sạch mà phát xuất, thì đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật làm sao có thể lấy được Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, làm sao hành nội không đến vô pháp hữu pháp không, làm sao hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, làm sao hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, làm sao hành không, vô tướng, vô tác giải thoát môn, làm sao hành Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, làm sao hành Bồ Tát thập địa, làm sao hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật, nhập trong Bồ Tát vị? – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát vì chẳng lấy hai pháp mà hành sáu ba la mật nhẫn đến vì chẳng lấy hai pháp mà hành nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát vì chẳng lấy hai pháp mà hành sáu ba la mật, nhẫn đến vì chẳng lấy hai pháp mà hành nhứt thiết chủng trí, thì Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến tối hậu tâm làm sao thêm lớn căn lành? – Này Tu Bồ Đề! Nếu lấy hai pháp mà hành thì căn lành chẳng thêm lớn được. Tại sao? Vì tất cả phàm phu đều nương hai pháp mà chẳng thêm lớn được căn lành. Đại Bồ Tát chẳng lấy hai pháp mà hành nên từ sơ tâm đến hậu tâm, căn lành được thêm lớn. Vì thế nên tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la đều không thể phục, không thể hoại được căn lành của đại Bồ Tát để làm cho sa vào bực Thanh Văn, bực Bích Chi

Phật và các pháp ác bất thiện, đều không thể chế ngự đại Bồ Tát khiến chẳng thể hành sáu ba la mật để thêm lớn căn lành. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải như vậy mà hành Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Có phải đại Bồ Tát vì căn lành mà hành Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Không phải vì căn lành, cũng chẳng phải chẳng vì căn lành, và cũng chẳng phải vì chẳng phải căn lành mà đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Này Tu Bồ Đề! Theo pháp đại Bồ Tát, chưa cúng dường chư Phật, chưa đầy đủ căn lành, chưa được chơn thiệt tri thức, thì chẳng có thể được nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát cúng dường chư Phật, đầy đủ căn lành, được chơn thiện tri thức có thể được nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm cúng dường chư Phật, mười hai bộ kinh của chư Phật tuyên nói: tu đa la nhẫn đến luận nghị, đại Bồ Tát đó nghe, thọ trì, tụng thuộc, suy gẫm, thấu rõ. Vì thấu rõ nên được đà la ni. Vì được đà la ni nên phát khởi vô ngại trí. Vì phát khởi vô ngại trí nên sanh về đâu, nhẫn đến khi được nhứt thiết trí trọn chẳng quên mất. Đại Bồ Tát cũng ở chỗ chư Phật trồng căn lành. Do thiện căn đó hộ trì mà trọn chẳng sa vào ác đạo các nạn. Do nhờ thiện căn đó mà được thâm tâm thanh tịnh. Vì được thâm tâm thanh tịnh nên có thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh. Nhờ thiện căn đó gia hộ nên luôn chẳng xa rời thiện tri thức, đó là chư Phật, chư đại Bồ Tát và chư Thanh Văn hay tán thánh Phật Pháp Tăng. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải cúng dường chư Phật, trồng căn lành, gần gũi chơn thiện tri thức".

*** 73. PHẨM CHỦNG THIỆN CĂN THỨ BẢY MƯƠI BA

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát chẳng cúng dường chư Phật, chẳng đầy đủ căn lành, chẳng được chơn thiện tri thức, sẽ được nhứt thiết chủng trí chăng?". Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát cúng dường chư Phật, trồng căn lành, được chơn thiện tri thức còn khó được nhứt thiết chủng trí, huống là không cúng dường Phật, chẳng trồng căn lành, chẳng được chơn thiện tri thức". – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát cúng dường chư Phật, trồng căn lành, được chơn thiện tri thức tại sao lại khó được nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đó xa rời sức phương tiện, chẳng theo chư Phật nghe sức phương tiện, chỗ trồng căn lành chẳng đầy đủ, chẳng thường theo sự chỉ dạy của chơn thiện tri thức. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là sức phương tiện mà đại Bồ Tát hành theo đó để được nhứt thiết chủng trí? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm hành Đàn na ba la mật, đúng theo tâm nhứt thiết trí mà bố thí cho Phật hoặc Bích Chi Phật hoặc Thanh Văn, hoặc cho Nhơn hay Phi Nhơn. Đại Bồ Tát đó lúc ấy chẳng sanh tưởng niệm bố thí, chẳng sanh tưởng niệm người lãnh thọ. Tại sao? Vì quán tất cả pháp tự tướng không, không sanh, không tướng, nhứt định, không chỗ chuyển mà nhập vào thiệt tướng các pháp, đó là tướng vô tác, vô khởi của tất cả pháp. Đại Bồ Tát đó dùng sức phương tiện này làm cho thiện căn thêm lớn. Vì thiện căn thêm lớn mà hành Đàn na ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, bố thí chẳng hưởng thọ quả báo

thế gian. Đại Bồ Tát đó chỉ vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh mà hành Đàn na ba la mật. Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm hành Thi la ba la mật, đúng theo tâm nhứt thiết chủng trí mà trì giới, chẳng sa vào trong dâm nộ si, cũng chẳng sa vào trong sự phiền trược của phiền não, và những pháp phá đạo bất thiện như xan tham, phá giới, sân khuể, giải đãi, loạn ý, ngu si, mạn, đại mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, bất như mạn, tà mạn, hoặc có tâm Thanh Văn, hoặc có tâm Bích Chi Phật. Tại sao vậy? Vì đại Bố Tát đó quán tất cả pháp tự tướng không, không sanh, không tướng nhứt định, không chỗ chuyển mà nhập vào thiệt tướng các pháp, đó là tướng vô tác, vô khởi của các pháp. Vì đại Bồ Tát đó thành tựu sức phương tiện này nên căn lành Thi la ba la mật tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, trì giới chẳng tưởng thọ quả báo thế gian, chỉ vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh mà hành Thi la ba la mật. Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm hành Sằn đề ba la mật, đúng theo tâm nhứt thiết trí, vì sức phương tiện thành tựu nên hành kiến đế đạo và tư duy đạo, nhưng chẳng lấy quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán. Tại sao? Vì đại Bồ Tát đó biết các pháp tự tướng không, không sanh, không tướng nhứt định, không chỗ chuyển. Đại Bồ Tát đó dầu hành các pháp trợ đạo mà hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là đại Bồ Tát vô sanh pháp nhẫn. Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm hành Tỳ lê gia ba la mật, nhập sơ thiền đến tứ thiền, nhập tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định. Dầu xuất nhập các thiền mà chẳng thọ quả báo. Tại sao? Vì đại Bồ Tát đó thành tựu sức phương tiện, biết các thiền định tự tướng không, không sanh, không tướng nhứt định, không chỗ chuyển, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, tinh tấn mà chẳng hưởng thọ quả báo thế gian. Chỉ vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh mà hành Tinh tấn ba la mật. Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm hành Thiền na ba la mật, đúng tâm nhứt thiết trí nhập bát bội xả, cửu thứ đệ định, cũng chẳng chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát đó biết các pháp tự tướng không, không sanh, không tướng nhứt định, không chỗ chuyển. Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm hành Bát nhã ba la mật, học Phật thập lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, nhẫn đến chưa được nhứt thiết chủng trí, chưa tịnh Phật độ, chưa thành tựu chúng sanh, trong thời gian chặng giữa đó phải học như vậy. Tại sao? Vì đại Bồ Tát đó biết các pháp tự tướng không, không sanh, không tướng nhứt định, không chỗ chuyển. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành Bát nhã ba la mật chẳng hưởng thọ quả báo như vậy".

*** 74. PHẨM BIẾN HỌC THỨ BẢY MƯƠI BỐN

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát đó thành tựu đại trí huệ hành pháp rất sâu đó mà cũng chẳng hưởng thọ quả báo". Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thành tựu đại trí huệ hành Bát nhã ba la mật sâu xa đó cũng chẳng thọ lấy quả báo. Tại sao vậy? Vì Đại Bồ Tát đó ở trong các pháp tánh bất động". – Bạch đức Thế Tôn! Trong các pháp, tánh gì bất động? – Này Tu Bồ Đề!

Trong tánh vô sỡ hữu bất động. Trong tánh sắc bất động. Trong tánh thọ, tưởng, hành, thức bất động. Trong tánh Đàn na ba la mật bất động. Trong tánh Thi la ba la mật đến tánh Bát nhã ba la mật bất động. Trong tánh tứ thiền, tánh tứ vô lượng tâm, tánh vô sắc định bất động. Trong tánh tứ niệm xứ đến tánh bát thánh đạo phần bất động. Trong tánh tam tam muội, tánh đại từ đại bi bất động. Tại sao vậy? Vì các pháp tánh đó chính là vô sở hữu. Vì pháp vô sở hữu chẳng có thể được pháp sở hữu. – Bạch đức Thế Tôn! Pháp sở hữu có thể được pháp sở hữu chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Pháp sở hữu có thể được pháp vô sở hữu chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Pháp vô sở hữu có được pháp vô sở hữu chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp vô sở hữu chẳng có thể được pháp sở hữu, pháp sở hữu chẳng có thể được pháp sở hữu, pháp sở hữu chẳng có thể được pháp vô sở hữu, pháp sở hữu chẳng có thể được pháp vô sở hữu, pháp vô sở hữu chẳng có thể được pháp vô sở hữu, phải chăng đức Thế Tôn chẳng được đạo? – Này Tu Bồ Đề! Có được, chẳng do bốn câu đó. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là có được? – Này Tu Bồ Đề! Chăng phải sở hữu, chăng phải không sở hữu, không các hí luận, đó gọi là được đạo. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là Đại Bồ Tát hí luận? – Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát quan niệm sắc hoặc là thường hoặc là vô thường, đó là hí luận. Quan niệm thọ, tưởng, hành, thức là thường hoặc vô thường, đó là hí luận. Quan niệm sắc là khổ hoặc lạc, đó là hí luận. Quan niệm thọ, tưởng, hành, thức là khổ hoặc lạc, đó là hí luận. Quan niệm sắc là ngã, là vô ngã, đó là hí luận. Quan niệm thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là vô ngã, đó là hí luận. Quan niệm sắc là tịch diệt hoặc chẳng tịch diệt, đó là hí luận. Quan niệm thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt hoặc chẳng tịch diệt, đó là hí luận. Quan niệm khổ thánh đế phải thấy, tập thánh đế phải dứt, diệt thánh đế phải chứng, đạo thánh đế phải tu, đó là hí luận. Quan niệm phải tu tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đó là hí luận. Quan niệm phải tu tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo phần, đó là hí luận. Quan niệm phải tu không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô tác giải thoát môn, đó là hí luận. Quan niệm phải tu bát bội xả, cửu thứ đệ định, đó là hí luận. Quan niệm tôi phải hơn quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, đó là hí luận. Tôi phải trọn vẹn Bồ Tát thập địa, đó là hí luận. Tôi phải nhập Bồ Tát vị, đó là hí luận. Tôi phải tịnh Phật quốc độ, đó là hí luận. Tôi phải thành tựu chúng sanh, đó là hí luận. Tôi phải phát sanh Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đó là hí luận. Tôi sẽ được nhứt thiết chủng trí, đó là hí luận. Tôi sẽ dứt tập khí tất cả phiền não, đó là hí luận. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đó lúc hành Bát nhã ba la mật, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hí luận được nên chẳng hí luận. Tại sao vậy? Tánh chẳng hí luận tánh, vô tánh chẳng hí luận vô tánh. Rời ngoài tánh và vô tánh không còn pháp gì có thể được để gọi là kẻ hí luận, là pháp hí luận và chỗ hí luận. Thế nên, này Tu Bồ Đề! Sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí không hí luận. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành vô hí luận Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc chẳng hí luận được, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hí luận được? – Này Tu Bồ Đề! Sắc tánh không, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tánh không. Nếu pháp tánh không tức là không hí luận. Vì thế nên sắc nhẫn đến nhứt thiết

chủng trí chẳng hí luận được. Này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát hay hành vô hí luận Bát nhã ba la mật như vậy thì liền được nhập Bồ Tát vị. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp không có tánh, Bồ Tát hành đạo gì mà nhập Bồ Tát vị? Dùng Thanh Văn đạo, dùng Bích Chi đạo hay dùng Phật đạo? – Này Tu Bồ Đề! Chẳng dùng Thanh Văn đạo, chẳng dùng Bích Chi Phật đạo, chẳng dùng Phật đạo mà được vào Bồ Tát vị. Đại Bồ Tát học khắp các đạo mà được vào Bồ Tát vị. Này Tu Bồ Đề! Như Bát Nhơn trước học các đạo rồi sau mới vào chánh vị, chưa được quả mà trước sanh đạo của quả. Cũng vậy, Bồ Tát trước học khắp các đạo rồi sau mới nhập Bồ Tát vị, chưa được nhứt thiết chủng trí mà trước sanh khởi kim cang tam muội. Bấy giờ dùng một niệm tương ứng huệ được nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát học khắp các đạo nhập Bồ Tát vị, vậy thì Bát Nhơn hướng Tu Đà hoàn được Tu Đà Hoàn, hướng Tư Đà Hàm được Tư Đà Hàm, hướng Đại Bồ Tát Na Hàm được A Na Hàm, hướng A La Hán được A La Hán, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo. Các đạo như vậy đều riêng khác. Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát học khắp các đạo rồi sau nhập Bồ Tát vị, Bồ Tát này nếu sanh bát đạo lẽ ra phải làm Bát Nhơn, nếu sanh kiến đạo lẽ ra phải làm Tu Đà hoàn, nếu sanh tư duy đạo lẽ ra phải làm Tư Đà Hàm, A Na Hàm, là A La Hán, nếu sanh Bích Chi Phật đạo lẽ ra phải làm Bích Chi Phật. Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát mà làm Bát Nhơn rồi sau nhập Bồ Tát vị thì không bao giờ có. Chẳng nhập Bồ Tát vị mà được nhứt thiết chủng trí cũng không bao giờ có. Nếu Đại Bồ Tát mà làm Tu Đà Hoàn nhẫn đến làm Bích Chi Phật rồi sau nhập Bồ Tát vị cũng không bao giờ có. Chẳng nhập Bồ Tát vị mà được nhứt thiết chủng trí cũng không bao giờ có. Bạch đức Thế Tôn! Tôi phải nên biết thế nào về Đại Bồ Tát khắp học các đạo được nhập Bồ Tát vị? – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát mà làm Bát Nhơn, được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến được quả A La Hán, được quả Bích Chi Phật đạo rồi sau nhập Bồ Tát vị, không bao giờ có. Chẳng nhập Bồ Tát vị mà được nhứt thiết chủng trí cũng không bao giờ có. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm hành sáu ba la mật, dùng trí quán tâm địa. Những gì là tám? Đó là Càn Huệ địa, Tánh địa, Bát Nhơn địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly Dục địa, Dĩ Biện địa và Bích Chi Phật địa, dùng đạo chủng trí nhập Bồ Tát vị. Sau khi đã nhập Bồ Tát vị, dùng nhứt thiết chủng trí dứt tất cả tập khí phiền não. Này Tu Bồ Đề! Hoặc là trí, hoặc là đoạn của bực Bát nhơn, của bực Tu Đà Hoàn, nhẫn đến hoặc là trí hoặc là đoạn của A La Hán, của Bích Chi Phật đều là vô sanh pháp nhẫn của Bồ Tát đó. Bồ Tát đó học đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật như vậy, dùng đạo chủng trí nhập Bồ Tát vị. Nhập Bồ Tát vị rồi dùng nhứt thiết chủng trí dứt tất cả tập khí phiền não được Phật đạo. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hoặc khắp các đạo đầy đủ thì được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề rồi thì lợi ích tất cả chúng sanh. – Bạch đức Thế Tôn! Đạo của đức Thế Tôn tuyên nói: Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo. Những gì là đạo chủng trí của Bồ Tát? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải sanh khởi tất cả đạo chủng tịnh trí. Những gì đạo chủng tịnh trí? Như tướng mạo các pháp, những pháp có thể hiển thị được, Bồ Tát phải chánh tri. Đã chánh tri rồi vì người khác mà diễn thuyết khai thị, làm cho chúng sanh được hiểu. Đại Bồ Tát này phải hiểu tất cả âm thanh ngữ ngôn. Dùng âm thanh đó mà thuyết pháp khắp cùng Đại Thiên thế giới dường như tiếng vang. Vì thế nên, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát trước

phải học đầy đủ tất cả đạo. Đạo trí đầy đủ rồi phân biệt biết thâm tâm của chúng sanh. Đó là chúng sanh Địa ngục đạo, Súc sanh đạo, Ngạ quỷ đạo, Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ nhơn, Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ quả, Bồ Tát phải biết, phải ngăn. Long thần, A tu la, Bát bộ đạo nhơn và quả, Bồ Tát phải biết, phải ngăn. Nhơn, Thiên đạo nhơn và quả, Bồ Tát phải biết. Tứ niệm xứ đến Bát thánh đạo phần nhơn và quả, Bồ Tát phải biết. Không, vô tướng, vô tác giải thoát môn, Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi nhơn và quả, Bồ Tát phải biết. Bồ Tát dùng đạo này làm cho chúng sanh nhập quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán, nhập đạo Bích Chi Phật và đạo Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Đó gọi là tịnh đạo chủng trí của đại Bồ Tát. Bồ Tát học đạo chủng trí này rồi vào tướng thâm tâm của chúng sanh. Vào xong, tùy theo tâm của chúng sanh mà thuyết pháp đúng chỗ, lời nói chẳng luống. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát đó khéo biết căn tướng của chúng sanh, khéo biết tâm và tâm sở của tất cả chúng sanh, sống chết đi về đâu. Này Tu Bồ Đề! Phải hành Bát nhã ba la mật như vậy. Tại sao? Vì tất cả pháp hành, tất cả pháp trợ đạo đều vào trong Bát nhã ba la mật mà chư Đại Bồ Tát, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật phải hành. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tứ niệm xứ đến Vô Thượng Bồ Đề, tất cả pháp đó đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhứt tướng, đó là vô tướng, thì những pháp trợ đạo đó thế nào lại có thể lấy được Vô Thượng Bồ Đề? Bạch đức Thế Tôn! Pháp nhứt tướng chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, đó là pháp vô tướng, không chỗ lấy, không chỗ bỏ, như hư không, không lấy không bỏ. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Các pháp tự tướng không, không chỗ lấy, không chỗ bỏ. Này Tu Bồ Đề! Có những chúng sanh chẳng biết các pháp tự tướng không. Vì những chúng sanh đó mà hiển thị pháp trợ đạo làm cho họ đến Vô Thượng Bồ Đề. Lại này Tu Bồ Đề! Bao nhiêu những pháp: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, lục độ, mười tám không, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ đến tám thánh đạo phần, ba môn giải thoát, tám bội xả, chính định thứ đệ, Phật thập lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, nhứt thiết chủng trí, trong những thánh pháp này đều không hiệp, không hình, không sắc, không đối, là nhứt tướng, đó là vô tướng. Vì dùng pháp thế tục tuyên nói cho chúng sanh được hiểu, chớ chẳng phải dùng đệ nhứt nghĩa. Này Tu Bồ Đề! Ở trong tất cả pháp này, Đại Bồ Tát phải dùng trí thấy biết mà học. Học xong, phân biệt các pháp nên dùng hay chẳng nên dùng. – Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì Bồ Tát phân biệt rồi nên dùng hay chẳng nên dùng? – Này Tu Bồ Đề! Pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, Bồ Tát phân biệt biết nhưng chẳng nên dùng. Nhứt thiết chủng trí, Bồ Tát phân biệt biết và nên dùng. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ở trong những thánh pháp đó, phải học Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Do cớ gì mà gọi thánh pháp và những gì là thánh pháp? – Này Tu Bồ Đề! Chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Đại Bồ Tát và chư Phật nơi tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến chẳng hiệp, chẳng tan, nơi sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, điệu cử, tán loạn, vô minh chẳng hiệp, chẳng tan, nơi sơ thiền đến tứ thiền chẳng hiệp, chẳng tan, nơi từ bi hỉ xả đến phi phi tưởng xứ chẳng hiệp, chẳng tan, nơi tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần chẳng hiệp, chẳng tan, nơi nội không đến đại bi, hữu vi, vô vi tánh chẳng hiệp, chẳng tan. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp đó đều không sắc, không hình, không đối, nhứt

tướng, đó là vô tướng. Pháp vô sắc với pháp vô sắc không hiệp, không tan. Pháp vô hình với pháp vô hình chẳng hiệp, chẳng tan. Pháp vô đối với pháp vô đối chẳng hiệp, chẳng tan. Pháp nhứt tướng với pháp nhứt tướng chẳng hiệp, chẳng tan. Pháp vô tướng với pháp vô tướng chẳng hiệp, chẳng tan. Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật vô sắc, vô hình, vô đối, nhứt tướng, đó là vô tướng này, chư đại Bồ Tát phải học. Học xong, chẳng được các pháp tướng. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chẳng học tướng sắc, tướng thọ, tưởng, hành, thức chăng? Chẳng học tướng nhãn đến tướng ý, chẳng học tướng sắc đến tướng pháp, chẳng học tướng địa chủng đến tướng thức chủng ư? Chẳng học tướng Đàn na ba la mật đến tướng Bát nhã ba la mật ư? Chẳng học tướng nội không đến tướng vô pháp hữu pháp không ư? Chẳng học tướng tứ thiền, tướng tứ vô lượng tâm, tướng tứ vô sắc định ư? Chẳng học tướng tứ niệm xứ đến tướng bát thánh đạo phần ư? Chẳng học tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác ư? Chẳng học tướng bát bội xả, tướng cửu thứ đệ định ư? Chẳng học tướng thập lực đến tướng đại từ đại bi ư? Chẳng học tướng tứ đế, tướng thuận nghịch mười hai nhơn duyên ư? Chẳng học tướng hữu vi tánh, vô vi tánh ư? Bạch đức Thế Tôn! Nếu chăng học các pháp tướng thì Đại Bồ Tát làm sao lại học các pháp tướng để vượt hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật? Nếu chẳng vượt hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật thì làm sao nhập Bồ Tát vị? Nếu chẳng nhập Bồ Tát vị thì làm sao sẽ được nhứt thiết chủng trí? Nếu chẳng được nhứt thiết chủng trí làm sao sẽ chuyển pháp luân? Nếu chẳng chuyển pháp luân thì làm sao dùng ba thừa độ chúng sanh thoát sanh tử? – Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp thiệt có tướng, Bồ Tát nên học tướng đó. Này Tu Bồ Đề! Bởi tất cả pháp thiệt không tướng, không sắc, không hình, không đối, là nhứt tướng, đó là vô tướng. Vì thế nên Đại Bồ Tát chẳng học tướng, chẳng học vô tướng. Tại sao? Vì có Phật hay không Phật, các pháp vẫn nhứt tướng, vẫn tánh thường trụ. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, thì đại Bồ Tát làm sao tu Bát nhã ba la mật? Nếu chẳng tu Bát nhã ba la mật thì chẳng vượt hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật. Nếu chẳng vượt hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật thì chẳng nhập Bồ Tát vị. Nếu chẳng nhập Bồ Tát vị thì chẳng được vô sanh pháp nhẫn. Nếu chẳng được vô sanh pháp nhẫn thì không thể được các thứ thần thông của Bồ Tát. Nếu chẳng được Bồ Tát thần thông thì không thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh. Nếu chẳng tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh thì không thể được nhứt thiết chủng trí. Nếu chẳng được nhứt thiết chủng trí thì không thể chuyển pháp luân. Nếu chẳng chuyển pháp luân thì không thể làm cho chúng sanh được các quả: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, đạo Bích Chi Phật và Vô Thượng Bồ Đề. Cũng chẳng thể làm cho chúng sanh được phước bố thí, trì giới, phước tu thiền định. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Các pháp vô tướng: Chẳng phải nhứt tướng, dị tướng. Nếu tu vô tướng là tu Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào tu vô tướng là tu Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Tu các pháp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tu các pháp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Tu sắc hoại, thọ, tưởng, hành, thức hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý hoại, tu sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp hoại, tu bất định quán hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu từ, bi, hỉ, xả hoại là tu

Bát nhã ba la mật. Tu không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm Thiên, A na bát ba hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng tập, tướng nhơn, tướng sanh, tướng duyên, tướng bế, tướng diệt, tướng diệu, tướng xuất, tướng đạo, tướng chánh, tướng tích, tướng ly đều hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu nhập nhị nhơn duyên hoại, tu tướng ngã nhơn, chúng sanh, thọ giả, nhẫn đến tướng tri giả, kiến giả hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu tướng thường, lạc, ngã, tịnh hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu bát thánh đạo phần hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, vô giác vô quán tam muội hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế, đạo thánh đế hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu tận trí, vô sanh trí hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu pháp trí, tỉ trí, thê trí, tha tâm trí hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu sáu ba la mật hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu nội không hoại nhẫn đến vô pháp hữu pháp không hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu Phật thập lực nhẫn đến bất cộng pháp hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu nhứt thiết trí hoại là tu Bát nhã ba la mật. Tu dứt hẳn tập khí tất cả phiền não hoại là tu Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tu sắc hoại nhẫn đến tu dứt hẳn tập khí tất cả phiền não hoại là tu Bát nhã ba la mật? Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát chẳng quan niệm có sắc pháp, có thọ, tưởng, hành, thức pháp, nhẫn đến chẳng quan niệm có dứt hẳn tập khí tất cả phiền não pháp, đó là tu Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì người quan niệm có pháp là chẳng tu Bát nhã ba la mật. Người quan niệm có pháp là chẳng tu Đàn na ba la mật đến chẳng tu Bát nhã ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Vì người đó chấp trước nơi pháp, chẳng hành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật. Người chấp trước như vậy, không có giải thoát, không có đạo, không có Niết Bàn. Tu bát bội xả, cửu thứ đệ định hoại là tu Bát nhã ba la mật. Người có quan niệm có pháp, chẳng tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, chẳng tu không tam muội đến nhứt thiết chủng trí. Vì người đó chấp trước pháp vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là có pháp? Những gì là không pháp? – Này Tu Bồ Đề! Hai là có pháp, không hai là không pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là hai? – Này Tu Bồ Đề! Sắc tướng đến thức tướng là hai. Nhãn tướng đến ý tướng là hai. Sắc tướng đến pháp tướng là hai. Đàn na ba la mật tướng đến Phật tướng là hai. Vô Thượng Bồ Đề tướng đến vô vi tánh là hai. – Này Tu Bồ Đề! Tất cả tướng là hai cả. Tất cả hai đều là có pháp. Vừa có pháp liền có sanh tử. Vừa có sanh tử liền chẳng rời được những sanh, già, bịnh, chết, buồn khổ não. Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên phải biết tướng hai có pháp thì không có Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, không có đạo, không có quả, nhẫn đến không có thuận nhẫn, huống là thấy sắc tướng nhẫn đến thấy nhứt thiết chủng trí tướng. Nếu không tu tập đạo hành làm sao được quả Tu Đà hoàn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề và dứt hẳn tập khí tất cả phiền não!”.

*** 75. PHẨM TAM THỨ ĐỆ HÀNH THỨ BẢY MƯƠI LĂM

Lúc Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu có pháp tướng hãy còn chẳng được thuận nhẫn, huống là đắc đạo. Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp không tướng thì sẽ được thuận nhẫn chăng? Thì sẽ được các bực này chăng? Hoặc Càn Huệ địa, hoặc Tánh địa, hoặc Bát Nhơn địa, hoặc Kiến địa, hoặc Bạc địa, hoặc Ly Dục địa, hoặc Bồ Tát địa, hoặc Bích Chi Phật địa, hoặc Bồ Tát địa, hoặc Phật địa, hoặc tu đạo, do tu đạo này sẽ dứt được phiền não chăng? Vì những phiền não ấy nên chẳng vượt qua được bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật để nhập Bồ Tát vị. Nếu chẳng nhập bực Bồ Tát vị thì chẳng được nhứt thiết chủng trí. Nếu chẳng được nhứt thiết chủng trí thì chẳng dứt được tất cả tập khí phiền não. Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có pháp tướng thì những đạo pháp ấy chẳng phát sanh. Nếu chẳng phát sanh những đạo pháp ấy thì chẳng thể được nhứt thiết chủng trí". Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Nếu người không có pháp thì có thuận nhẫn cho đến dứt tất cả tập khí phiền não". – Bạch đức Thế Tôn! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát có pháp tướng chăng? Đó là tướng sắc đến tướng thức, tướng nhãn đến tướng ý, tướng sắc đến tướng pháp, tướng nhãn giới đến tướng ý thức giới, tướng tứ niệm xứ đến tướng nhứt thiết chủng trí, tướng sắc, tướng sắc đoạn đến tướng thức, tướng thức đoạn, tướng thập nhị xứ, tướng thập nhị xứ đoạn, tướng thập bát giới, tướng thập bát giới đoạn, tướng thập nhị nhơn duyên, tướng thập nhị nhơn duyên đoạn, tướng tham dục, tướng tham dục đoạn, tướng sân, tướng sân đoạn, tướng si, tướng si đoạn, tướng tứ đế, tướng tứ đế đoạn, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, tướng đoạn tất cả tập khí phiền não. – Không. Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát không có tướng pháp và tướng phi pháp, chính đây là thuận nhẫn. Nếu không có tướng pháp và tướng phi pháp thì là tu đạo, là đạo quả. Này Tu Bồ Đề! Nơi Đại Bồ Tát, có pháp là Bồ Tát đạo, không pháp là Bồ Tát quả. Vì như vậy nên phải biết tất cả pháp đều không có tánh. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh, thì làm sao đức Phật do vì biết tất cả pháp không tánh mà được thành Phật, có sức tự tại nơi tất cả pháp? – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Tất cả pháp không có tánh. Ngày trước, lúc ta hành đạo Bồ Tát, ta tu sáu ba la mật, lìa các ái dục, lìa các pháp ác bất thiện, có giác, có quán, lìa dục ái, sanh hỉ lạc, nhập sơ thiền, nhẫn đến nhập tứ thiền. Nơi các thiền ấy cùng những chi thiền, ta chẳng nắm lấy tướng của nó, ta chẳng nghĩ là có các thiền ấy, ta chẳng hưởng thọ thiền vị, cũng chẳng thấy được thiền, ta hành bốn thiền mà vẫn thanh tịnh không nhiễm trước. Nơi các thiền ấy ta chẳng nhận lấy quả báo. Y trụ nơi bốn thiền, ta phát khởi năm thần thông: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, túc mạng thông, tha tâm thông và thần túc thông. Nơi các thần thông ấy ta chẳng nắm lấy tướng, chẳng nghĩ là có thần thông ấy, chẳng hưởng thọ thần thông vị, chẳng thấy được thần thông, nơi năm thần thông ấy ta chẳng phân biệt. Này Tu Bồ Đề! Khi ấy ta dùng một niệm tương ứng huệ được Vô Thượng Chánh Giác, đó là khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế, đạo thánh đế, thành tựu mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, được thành bực Phật, biết rõ ba tụ chúng

sanh: chánh định tụ, tà định tụ và bất định tụ. – Bạch đức Thế Tôn! Ở trong các pháp không có tánh, làm sao đức Thế Tôn phát khởi bốn thiền, năm thần thông? Chúng sanh cũng không có, sao lại phân biệt làm ba tụ? Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp dục ác bất thiện có tánh tự, tánh tha thì lúc làm hạnh Bồ Tát trước kia, ta không thể quán các pháp dục ác bất thiện là không có tánh để nhập sơ thiền. Bởi các pháp dục ác bất thiện không có tánh tự, tánh, tha, đều là không có tánh, nên lúc làm hạnh Bồ Tát trước kia, ta rời lìa các pháp dục ác bất thiện, nhập sơ thiền nhẫn đến nhập tứ thiền. Này Tu Bồ Đề! Nếu các thần thông có tánh tự, tánh tha thì không thể biết được các thần thông là không có tánh để chứng Vô Thượng Bồ Đề. Bởi các thần thông không có tánh tự, tánh tha đều là không có tánh. Vì thế nên chư Phật ở nơi các thần thông biết là không có tánh mà được Vô Thượng Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát biết các pháp không có tánh, nhơn tứ thiền và ngũ thần thông mà được Vô Thượng Bồ Đề, thì hàng tân học Bồ Tát ở trong các pháp không có tánh, sao lại thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo, rồi do thứ đệ hành, thứ đệ học và thứ đệ đạo mà được Vô Thượng Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát lúc ban sơ hoặc từ chư Phật mà được nghe, hoặc từ nơi sự cúng dường nhiều chư Phật, chư Bồ Tát mà được nghe, hoặc từ chư A La Hán, chư A Na Hàm, chư Tư Đà Hàm, chư Tu Đà Hoàn mà được nghe, rằng vì được vô sở hữu nên là Phật, vì được vô sở hữu nên là A La Hán, là A Na Hàm, là Tư Đà Hàm, là Tu Đà Hoàn. Rằng tất cả Hiền Thánh đều vì được vô sở hữu mà có danh hiệu. Tất cả pháp hữu vi tạo tác đều không có tánh, nhẫn đến không có mảy may như chừng lông tơ. Bồ Tát có được nghe như vậy rồi nghĩ rằng nếu tất cả pháp đều không có tánh, vì được tánh vô sở hữu nên là Phật, vì được vô sở hữu tánh nên là A La Hán, là A Na Hàm, là Tư Đà Hàm, là Tu Đà Hoàn. Tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề nếu tôi chẳng được tất cả pháp thường, không có tánh. Tại sao tôi không phát tâm được Vô Thượng Bồ Đề! Tôi được Vô Thượng Bồ Đề rồi, tất cả chúng sanh đi trong hữu tướng, tôi sẽ làm cho họ an trụ trong vô sở hữu. Này Tu Bồ Đề! Sau khi suy nghĩ như vậy rồi, Bồ Tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, để độ tất cả chúng sanh, chỗ làm thứ đệ hành, thứ đệ học và thứ đệ đạo của Bồ Tát đó đúng như chỗ làm của quá khứ chư Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề. Hàng tân học Bồ Tát đó nên học sáu môn ba la mật: Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Thiền định ba la mật và Bát nhã ba la mật. Bồ Tát đó lúc hành Bố thí ba la mật: tự bố thí, cũng dạy người bố thí, khen công đức bố thí và vui mừng ca ngợi người làm việc bố thí. Do nhơn duyên bố thí ấy, mà Bồ Tát được giàu có lớn. Bồ Tát này rời xa lòng bỏn sẻn, đem đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, phòng nhà, đèn đuốc, hương hoa, chuỗi ngọc, những vật dụng sanh sống đều cung cấp cho tất cả chúng sanh. Bồ Tát này hành bố thí, trì giới như vậy nên sanh trong Nhơn, Thiên được bực tôn quý lớn. Do bố thí, trì giới như vậy nên được những thiền định. Do bố thí, trì giới, thiền định như vậy nên được những trí huệ, những giải thoát, những giải thoát tri kiến, vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Được vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Được tịnh Phật quốc độ rồi được thành tựu chúng sanh. Được thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp tam thừa độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát đem sự bố thí ấy mà thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ

đạo đều là bất khả đắc cả. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh vậy. Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, tự trì giới, cũng dạy người trì giới, khen công đức trì giới, vui mừng ca ngợi người trì giới. Do nhơn duyên trì giới nên sanh trong Trời, Người được rất tôn quý, thấy người nghèo cùng ban cho của cải, thấy người chẳng trì giới dạy họ trì giới, thấy người loạn tâm dạy họ thiền định, thấy người si mê dạy họ trí huệ, thấy người không giải thoát dạy họ giải thoát, thấy người không giải thoát tri kiến dạy họ giải thoát tri kiến. Do sự trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nên vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Được tịnh Phật quốc độ rồi thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử. Này Tu Bồ Đề! Dùng trì giới ấy, Bồ Tát thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo như vậy. Sự đó đều bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh vậy. Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, tự hành nhẫn nhục, cũng dạy người nhẫn nhục, khen công đức nhẫn nhục, vui mừng ca ngợi người nhẫn nhục. Lúc hành nhẫn nhục ba la mật như vậy, Bồ Tát bố thí cho chúng sanh được đầy đủ, dạy họ trì giới, dạy họ thiền định, dạy họ trí huệ, dạy họ giải thoát, dạy họ giải thoát tri kiến. Do nhơn duyên bố thí, trì giới, thiền định, trí huệ như vậy nên vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Được vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Được tịnh Phật quốc độ rồi thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử. Này Tu Bồ Đề! Dùng nhẫn nhục ba la mật, Bồ Tát thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo như vậy. Sự đó đều bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh vậy. Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, tự hành Tinh tiến ba la mật, cũng dạy người tinh tiến, khen công đức tinh tiến, vui mừng ca ngợi người tinh tiến. Lúc hành tinh tiến ba la mật như vậy, Bồ Tát bố thí cho chúng sanh được đầy đủ, dạy họ trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do nhơn duyên đó nên vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Tịnh Phật quốc độ rồi thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa giáo hóa chúng sanh thoát khỏi sanh tử. Này Tu Bồ Đề! Dùng tinh tiến ba la mật, Bồ Tát thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo như vậy. Sự đó đều bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh vậy. Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm, tự nhập thiền, tự nhập vô lượng tâm, nhập vô sắc định, cũng dạy người nhập thiền định, khen công đức nhập thiền định, vui mừng ca ngợi người nhập thiền định. Trụ những thiền định, Bồ Tát bố thí cho chúng sanh được đầy đủ, dạy cho họ trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do nhơn duyên đó nên vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Tịnh Phật quốc độ rồi thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử. Này Tu Bồ Đề! Dùng thiền ba la mật, Bồ Tát thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo như vậy. Sự đó đều bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp

không có tự tánh vậy. Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, tự hành Bát nhã ba la mật, bố thí cho chúng sanh được đầy đủ, dạy họ trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Lúc hành Bát nhã ba la mật như vậy, Bồ Tát tự hành sáu ba la mật, cũng dạy người hành sáu ba la mật, khen công đức người hành sáu ba la mật, vui mừng ca ngợi người hành sáu ba la mật. Bồ Tát do nhơn duyên bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Thiền định ba la mật, Bát nhã ba la mật như vậy và sức phương tiện nên vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Tịnh Phật quốc độ rồi thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử. Này Tu Bồ Đề! Dùng sáu ba la mật, Bồ Tát thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo như vậy. Sự đó đều bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp đều không có tự tánh vậy. Đây gọi là Bồ Tát ban sơ phát tâm thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo. Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, do tâm tương ứng nhứt thiết chủng trí, tin hiểu các pháp không có tánh mà tu sáu niệm. Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả và niệm Thiên. Thế nào là Bồ Tát tu niệm Phật? Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát niệm Phật chẳng lấy sắc để niệm, chẳng lấy thọ, tưởng, hành, thức để niệm. Tại sao? Vì sắc không tự tánh, thọ, tưởng, hành, thức không tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm Phật. Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát niệm Phật chẳng lấy ba mươi hai tướng để niệm, cũng chẳng lấy thân kim sắc, chẳng lấy vầng trượng quang, chẳng lấy tám mươi tùy hình hảo để niệm. Tại sao? Vì thân Phật đó không có tự tánh. Nếu pháp không có tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm Phật. Lại này Tu Bồ Đề! Chẳng nên lấy những giới niệm để niệm Phật. Chẳng nên lấy những định, những huệ, những giải thoát, những giải thoát tri kiến để niệm Phật. Tại sao? Vì những giới ấy không có tự tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm Phật. Lại này Tu Bồ Đề! Chẳng nên lấy mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi để niệm Phật. Tại sao? Vì không tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm Phật. Lại này Tu Bồ Đề! Chẳng nên lấy mười hai nhơn duyên để niệm Phật. Tại sao? Vì pháp nhơn duyên không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm Phật. Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát phải nên niệm Phật như vậy. Đây là Bồ Tát ban sơ phát tâm thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo. Bồ Tát đó an trụ trong thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo hay đầy đủ tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, tu hành không, vô tướng, vô tác tam muội nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, vì các pháp không có tánh vậy. Bồ Tát đó biết các pháp không có tánh, trong ấy không có tánh có, không tánh không. Thế nào là Bồ Tát tu niệm Pháp? Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng niệm pháp thiện, chẳng niệm pháp bất thiện, chẳng niệm pháp ký, chẳng niệm pháp vô ký, chẳng niệm pháp thế gian, chẳng niệm pháp xuất thế gian, chẳng niệm pháp tịnh, chẳng niệm pháp bất tịnh, chẳng niệm pháp thánh, chẳng niệm pháp phàm, chẳng niệm pháp hữu lậu, chẳng niệm pháp vô lậu, chẳng niệm pháp thuộc Dục giới, thuộc Sắc giới, thuộc Vô sắc giới, chẳng niệm

pháp hữu vi, pháp vô vi. Tại sao? Vì các pháp ấy không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm pháp. Vì học trong pháp không có tánh nên sẽ được đầy đủ tứ niệm xứ nhẫn đến sẽ được nhứt thiết chủng trí. Lúc Bồ Tát này được Vô Thượng Chánh Giác, được các pháp không có tánh. Trong không có tánh ấy: chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không. Bồ Tát phải nên tu niệm Pháp như vậy. Ở trong pháp ấy, nhẫn đến không có chút niệm, huống là niệm Pháp. Thế nào là Bồ Tát tu niệm Tăng? Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát niệm Tăng, vì pháp vô vi nên phân biệt có chúng đệ tử Phật. Trong đó nhẫn đến không có chút niệm, huống là niệm Tăng. Bồ Tát phải nên niệm Tăng như vậy. Thế nào là Bồ Tát tu niệm giới? Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ ban sơ đến nay phải niệm thánh giới: giới không khuyết, giới không hở, giới không tì, giới không dục, giới không vướng, giới tự tại, giới của bực trí khen, giới cụ túc, giới theo chánh định. Phải niệm giới đó không có tự tánh, nhẫn đến không có chút niệm, huống là niệm giới. Thế nào là Bồ Tát tu niệm xả? Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ ban sơ đến nay phải nên niệm xả: hoặc niệm tự xả, hoặc niệm tha xả, hoặc xả tài, hoặc xả pháp, hoặc xả phiền não, vì quán sự xả ấy không có được, nhẫn đến không có chút niệm, huống là niệm xả. Thế nào là Bồ Tát tu niệm Thiên? Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát nghĩ rằng chư Thiên cõi Trời Tứ Thiên Vương có tín, giới, thí, văn, huệ. Ở tại đây chết sanh về cõi Trời ấy. Tôi cũng có tín, giới, thí, văn, huệ đó. Nhẫn đến Trời Tha Hóa, Trời Tự Tại có những tín, giới, thí, văn, huệ. Ở đây chết sanh về cõi Trời ấy. Tôi cũng có tín, giới, thí, văn, huệ đó. Bồ Tát phải nên niệm trong các cõi Trời không có tự tánh, còn không có chút niệm, huống là niệm Thiên. Bồ Tát hành sáu niệm như vậy thì gọi là thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh, những là niệm sắc không có tánh thọ, tưởng, hành, thức không có tánh, nhãn đến ý, sắc đến pháp đều không có tánh , nhãn giới đến ý thức giới không có tánh, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không đều không có tánh, tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí đều không có tánh. Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh thời không đạo, không trí, không quả? – Này Tu Bồ Đề! Ngươi thấy sắc tánh đó thiệt có chăng? Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tánh đó thiệt có chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không thấy có. – Này Tu Bồ Đề! Ngươi chẳng thấy các pháp thiệt có, sao lại hỏi như vậy? – Bạch đức Thế Tôn! Nơi đây tôi không dám có nghi, mà chỉ vì đời sau những Tỳ Kheo cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, Bồ Tát đạo sẽ bảo rằng: Nếu tất cả pháp không có tánh thì ai cấu, ai tịnh, ai triền phược, ai giải thoát? Vì chẳng hiểu biết, họ có thể phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá tịnh mạng. Vì phá như vậy, họ sẽ đọa vào ba ác đạo. Bạch đức Thế Tôn! Tôi sợ đời sau sẽ có sự tệ hại như vậy nên tôi hỏi đức Phật. Bạch đức Thế Tôn! Ở trong pháp không có tánh, tôi tin hiểu, không nghi ngờ, không ăn năn".

— Hết —

KINH KIM CÀNG BÁT NHÃ BA LA MẬT
Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập,

Bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh

76. PHẨM NHỨT NIỆM THỨ BẢY MƯƠI SÁU

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh, thì Bồ Tát vì những lợi ích gì mà vì chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề?". Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Vì tất cả pháp không có tánh nên Bồ Tát vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì những ai có được có chấp thì khó được giải thoát. Này Tu Bồ Đề! Ngươi có được tướng thì không có đạo, không có quả, không có Vô Thượng Bồ Đề". – Bạch đức Thế Tôn! Người không được tướng thì có đạo, có quả, có Vô Thượng Bồ Đề chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không có được tức là đạo, tức là quả, tức là Vô Thượng Bồ Đề, vì pháp tánh chẳng hoại diệt vậy. Nếu pháp không có được mà muốn được đạo, muốn được quả, muốn được Vô Thượng Bồ Đề, đó là muốn hoại pháp tánh. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp không có được tức là đạo, tức là quả, tức là Vô Thượng Bồ Đề, sao lại có Bồ Tát bực sơ địa đến bực thập địa, sao lại có pháp vô sanh nhẫn, sao lại có báo đắc thần thông, sao lại có báo đắc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, an trụ trong những báo đắc ấy có thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh và cúng dường chư Phật những y phục, uống ăn, hoa hương, chuỗi ngọc, nhà phòng, giường niệm, đèn đuốc, những vật dụng cần để sống, nhẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề chẳng dứt mất phước đức đó, cho đến sau khi nhập diệt, Xá Lợi và đệ tử được cúng dường? – Này Tu Bồ Đề! Do vì các pháp không có tướng nên được bực Bồ Tát sơ địa đến thập địa, có báo đắc ngũ thần thông, sáu ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, cũng do nhơn duyên thiện căn mà có thể lợi ích chúng sanh, nhân đến sau khi nhập diệt, Xá Lợi và đệ tử được cúng dường. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tướng thì sáu ba la mật, năm thần thông có gì sai biệt? – Này Tu Bồ Đề! Nơi pháp không có tướng, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, các thần thông không có sai biệt. Do chúng sanh chấp có bố thí đến các thần thông nên phân biệt mà nói thôi. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào nơi pháp không có tướng, bố thí đến các thần thông không có sai biệt? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật, người thí, kẻ thọ đều không có được mà hành bố thí, không được giới mà trì giới, không được nhẫn mà hành nhẫn nhục, không được tinh tiến mà hành tinh tiến, không được thiền mà hành thiền, không được trí huệ mà hành trí huệ, không được thần thông mà hành thần thông, không được tứ niệm xứ đến bát thánh đạo mà hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, không được ba tam muội mà hành ba tam muội, chẳng được chúng sanh mà thành tựu chúng sanh, không được tịnh Phật quốc độ mà tịnh Phật quốc độ, không

được các pháp Phật mà được Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải nên hành Bát nhã ba la mật không có được như vậy. Lúc đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không có được này, thì ma hay thiên ma không phá hoại được. – Bạch đức Thế Tôn! Lúc đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, thế nào trong một niệm đầy đủ sáu ba la mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ đến tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo? – Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, Bồ Tát chẳng xa rời Bát nhã ba la mật, khi tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ chẳng xa rời Bát nhã ba la mật, nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo chẳng xa rời Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Đại Bồ Tát vì chẳng xa rời Bát nhã ba la mật nên trong một niệm đầy đủ hành sáu ba la mật nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo? – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát có hành bố thí chẳng xa rời Bát nhã ba la mật, chẳng thấy có hai tướng, lúc trì giới cũng chẳng thấy có hai tướng, nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo cũng chẳng thấy có hai tướng. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Đại Bồ Tát lúc bố thí nhẫn đến lúc tu tám mươi tùy hình hảo chẳng thấy có hai tướng? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật muốn đầy đủ bố thí ba la mật, trong bố thí ba la mật nhiếp hết các ba la mật và tứ niệm xứ đến tám mươi tùy hình hảo. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Đại Bồ Tát lúc bố thí nhiếp hết các pháp vô lậu? – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát an trụ tâm vô lậu mà bố thí. Trong tâm vô lậu chẳng thấy tướng ai thí, ai thọ và vật thí. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu này dứt trừ tâm ái nhiễm, tâm xan tham mà hành bố thí. Bấy giờ chẳng thấy bố thí nhẫn đến chẳng thấy pháp Vô Thượng Bồ Đề. Bồ Tát này dùng tâm vô tướng, tâm vô lậu mà trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, chẳng thấy là giới, là nhẫn nhục, là tinh tiến, nhẫn đến chẳng thấy pháp Vô Thượng Bồ Đề. Bồ Tát này dùng tâm vô tướng, tâm vô lậu tu tứ niệm xứ, chẳng thấy là tứ niệm xứ nhẫn đến chẳng thấy tám mươi tùy hình hảo. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp vô tướng, vô tác, thế nào đầy đủ bố thí ba la mật nhẫn đến đầy đủ tám mươi tùy hình hảo? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng tâm vô tướng, tâm vô lậu mà hành bố thí: người cần ăn cho ăn, nhẫn đến cần dùng đến thứ gì đều cung cấp cho tất cả, hoặc vật ngoài thân, vật trong thân, hoặc cắt xẻ thân thể, hoặc quốc thành thê tử đều bố thí cho chúng sanh. Nếu có người đến bảo: Cần chi bố thí như vậy, không có lợi ích gì. Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật này nghĩ rằng dầu người này đến trách tôi bố thí nhưng vẫn không hối hận, tôi phải siêng bố thí, chẳng nên chẳng ban cho, bố thí xong cùng chung tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Cũng chẳng thấy có những tướng người thí, người thọ, vật thí, người hồi hướng, pháp hồi hướng, chỗ hồi hướng là Vô Thượng Bồ Đề. Đều không thấy có những tướng đó. Tại sao? Vì tất cả pháp do nội không nên không, do ngoại không nên không, do nội ngoại không nên không, do không không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, nhứt thiết pháp không, tự tướng không nên không. Lúc quán như vậy nghĩ rằng: Ai hồi hướng? Hồi hướng chỗ nào? Dùng pháp gì để hồi hướng? Đây gọi là chánh hồi hướng. Bấy giờ Bồ Tát hay thành tựu chúng sanh, hay tịnh Phật quốc độ, hay đầy đủ sáu ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba tam muội nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Bồ Tát này đầy đủ Bố thí ba

la mật mà chẳng hưởng thọ quả báo thế gian. Thí như Trời Tha Hóa Tự Tại tùy ý cần dùng thứ gì đều liền được cả. Cũng vậy, Bồ Tát tâm nguyện những gì liền được như ý. Do quả báo bố thí đó, đại Bồ Tát hay cúng dường chư Phật, cũng hay ban đầy đủ tất cả chúng sanh Trời, Người, A tu la. Bồ Tát này dùng bố thí ba la mật nhiếp lấy chúng sanh. Dùng sức phương tiện đem pháp tam thừa độ chúng sanh khỏi sanh tử. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ở trong những pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà đầy đủ Bố thí ba la mật như vậy. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát ở trong pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà đầy đủ Trì giới ba la mật? Lúc hành trì giới ba la mật, Đại Bồ Tát trì các thứ giới. Đó là thánh vô lậu giới nhập bát thánh đạo phần, giới tự nhiên, giới báo đắc, giới thọ đắc, giới tâm sanh, tất cả những giới đây đều chẳng thiếu, chẳng phá, chẳng tạp, chẳng trược, chẳng chấp. Là giới tự tại, là giới của người trí ca ngợi. Dùng giới này mà không chỗ nắm lấy hoặc sắc hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc ba mươi hai tướng, hoặc tám mươi tùy hình hảo, hoặc dòng lớn Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư SĨ, hoặc Trời Tứ Vương, Trời Đạo Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại, Trời Cõi Sắc, Trời Vô Sắc, hoặc quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, hoặc Chuyển Luân Thánh Vương. Chỉ vì tất cả chúng sanh mà cùng họ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vô tướng, vô đắc, vô nhị mà hồi hướng là pháp thế tục, chẳng phải đệ nhứt thiệt nghĩa. Bồ Tát này đầy đủ Trì giới ba la mật, dùng sức phương tiện khởi tứ thiền, vì không tham mê nơi thiền nên được năm thần thông. Nhơn tứ thiền mà được thiên nhãn. Bồ Tát này có hai thiên nhãn: tu đắc và báo đắc. Được thiên nhãn rồi, Bồ Tát này thấy phương đông chư Phật hiện tại nhẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, chín phương kia cũng đều thấy như vậy. Những sự đã thấy không sai, không quên. Bồ Tát này dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn hai thường, nghe chư Phật mười phương thuyết pháp. Chỗ được nghe không sai, không quên, hay lợi ích mình và người. Dùng tha tâm trí, Bồ Tát này biết tâm của chư Phật mười phương và biết tâm của tất cả chúng sanh, cũng hay làm lợi ích tất cả chúng sanh. Dùng túc mạng trí, Bồ Tát này biết những nghiệp nhơn quá khứ, vì nghiệp nhơn duyên chẳng mất nên chúng sanh đó sanh nơi nào ở đây đều biết rõ. Dùng lậu tận trí, Bồ Tát này làm cho chúng sanh được những quả Tu Đà Hoàn đến A La Hán, Bích Chi Phật. Chỗ nào nơi nào cũng đều có thể làm cho chúng sanh vào trong pháp lành. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ở trong các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà đầy đủ Thi la ba la mật". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát ở trong các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà có thể đầy đủ nhẫn nhục ba la mật?". – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến nay, mãi đến lúc ngồi đạo tràng, trong thời gian đó có bị bất luận chúng sanh nào đến đánh đập chém giết, Bồ Tát này chẳng sanh lòng giận dù chỉ là một niệm. Bồ Tát là phải tu hai thứ nhẫn. Một là chẳng sanh lòng giận thù đối với bất luận chúng sanh nào đến mắng chửi, đánh đập, chém giết. Hai là tất cả pháp vô sanh. Bồ Tát sanh pháp nhẫn, nếu lúc bị người đến mắng chửi, đánh đập, Bồ Tát phải suy nghĩ như vầy: Mắng ta là ai? Ai chê, ai đánh, ai đập? Ai nhận chịu? Bồ Tát phải suy gẫm thiệt tánh của các pháp, đó là rốt ráo không, không pháp, không chúng sanh. Các pháp còn là bất khả đắc huống gì chúng sanh mà có. Lúc quán sát như vậy, Bồ Tát chẳng thấy người mắng, chẳng thấy người chém giết. Lúc quán sát như vậy, Bồ Tát này liền

được vô sanh pháp nhẫn. Sao gọi là vô sanh pháp nhẫn? Vì biết các pháp tướng thường chẳng sanh, các phiền não từ nào đến giờ cũng thường chẳng sanh. An trụ trong hai thứ nhẫn này, Đại Bồ Tát có thể đầy đủ tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đầy đủ tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, ba môn giải thoát, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi. Bồ Tát này an trụ pháp thánh vô lậu xuất thế, chẳng cùng đồng với hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, đầy đủ thánh thần thông. An trụ trong thánh thần thông, Bồ Tát này dùng thiên nhãn thấy chư Phật phương đông, liền được niệm Phật tam muội nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, chín mươi phương kia cũng vậy. Dùng thiên nhĩ, Bồ Tát này nghe pháp của chư Phật mười phương diễn nói, rồi đem chỗ đã được nghe dạy lại chúng sanh. Bồ Tát này cũng biết tâm chư Phật, biết tâm niệm của tất cả chúng sanh. Biết tâm của tất cả chúng sanh rồi theo tâm của họ mà thuyết pháp. Dùng túc mạng trí, Bồ Tát này biết căn lành đời trước của tất cả chúng sanh rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp cho họ vui mừng. Dùng lậu tận thần thông, Bồ Tát này giáo hóa chúng sanh cho họ được thánh quả tam thừa. Đại Bồ Tát này thật hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện thành tựu chúng sanh, đầy đủ nhứt thiết chủng trí, được Vô Thượng Bồ Đề, chuyển pháp luân. Này Tu Bồ Đề! Ở trong pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào ở trong pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Đại Bồ Tát có thể đầy đủ Tinh tiến ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát thành tựu thân tinh tiến, tâm tinh tiến, nhập sơ thiền đến tứ thiền, được các thứ thần thông, hay phân một thân làm nhiều thân, nhẫn đến tay rờ mó mặt trời, mặt trăng. Vì thành tựu thân tinh tiến, Bồ Tát này bay đến vô lượng trăm ngàn muôn thế giới cúng dường chư Phật đủ tất cả vật dụng cần thiết, cho đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề, phước đức quả báo vẫn chẳng dứt hết. Lúc Bồ Tát này được Vô Thượng Bồ Đề, tất cả Trời và Người ở thế gian đến ân cần cúng dường y phục, thức ăn, đồ uống, cho đến sau khi nhập Niết bàn, Xá Lợi và đệ tử được cúng dường, cũng do sức thần thông đến chỗ đức Phật để nghe, để lãnh giáo pháp, cho đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng trái, chẳng mất. Bồ Tát này lúc tu nhứt thiết chủng trí, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát thành tựu thân tinh tiến hay đầy đủ Tinh tiến ba la mật như vậy. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Bồ Tát thành tựu tâm tinh tiến hay đầy đủ tinh tiến ba la mật? Đại Bồ Tát tâm tinh tiến, dùng tâm tinh tiến thánh vô lậu này vào tám phần thánh đạo, chẳng cho nghiệp bất thiện của thân hay khẩu được vào, cũng chẳng nắm lấy các pháp tướng là thường hay vô thường, là khổ hay vui, là ngã hay vô ngã, là hữu vi hay vô vi, là cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô Sắc, là tánh hữu lậu hay tánh vô lậu, là sơ thiền nhẫn đến hay là tứ thiền, là từ, là bi hay là hỉ, là xả, là hư không vô biên xứ nhẫn đến hay là phi tưởng phi phi tưởng xứ, là tứ niệm xứ, là tứ chánh cần, là tứ như ý túc, là ngũ căn, là ngũ lực, là thất giác phần, là bát thánh đạo phần, là không, vô tướng, vô tác, là mười trí lực nhẫn đến hay là mười tám pháp bất cộng. Bồ Tát này chẳng nắm lấy tướng là thường hay vô thường, là khổ hay vui, là ngã hay vô ngã, là quả Tu Đà Hoàn, là quả Tư Đà Hàm, là quả A Na Hàm, là quả A La Hán, là đạo Bích Chi Phật, là đạo Bồ Tát, là Vô Thượng Bồ Đề, là vị Tu Đà Hoàn, là vị Tư Đà Hàm, là vị A Na Hàm, là vị A La Hán, là vị Bích Chi Phật, là vị Bồ Tát, là vị Phật. Bồ Tát này

chẳng nắm lấy tướng do chúng sanh này dứt kiết sử ba cõi nên được quả Tu Đà hoàn, vì chúng sanh này tam độc mỏng nên được quả Tư Đà Hàm, vì chúng sanh này dứt kiết tập cõi Dục nên được quả A Na Hàm, vì chúng sanh này dứt kiết tập cõi trên nên được quả A La Hán, vì chúng sanh này dùng đạo Bích Chi Phật, vì chúng sanh này hành đạo chủng trí nên gọi là Bồ Tát. Cũng chẳng nắm lấy những pháp tướng này. Tại sao? Vì chẳng nên đem tánh nắm lấy tướng, do vì là tánh không. Dùng tâm tinh tiến này, Bồ Tát làm lợi ích rộng lớn cho chúng sanh, cũng chẳng thấy có chúng sanh ấy. Đây là Bồ Tát đầy đủ Tinh tiến ba la mật mà đầy đủ các pháp, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, do vì bất khả đắc vậy. Vì thành tựu thân tinh tiến và tâm tinh tiến, Bồ Tát này nhiếp lấy tất cả pháp lành, và vì cũng chẳng nắm lấy những pháp lành này, Bồ Tát đi từ một cõi Phật đến một cõi Phật làm lợi ích chúng sanh, hiện những thần thông tùy ý vô ngại: hoặc mưa hoa, mưa hương, hoặc trỗi các thứ kỹ nhạc, hoặc động địa, hoặc phóng ánh sáng, hoặc hiện thế giới bảy báu trang nghiêm, hoặc hiện nhiều thứ thân hình, hoặc phóng ánh sáng đại trí huệ, làm cho chúng sanh biết thánh đạo, làm cho chúng sanh rời xa sát sanh đến tà kiến, hoặc dùng việc bố thí để lợi ích chúng sanh, hoặc dùng trì giới hoặc dùng thân thể chia xẻ, hoặc đem vợ con, quốc thành, hoặc đem chính thân mình để cấp cho, tùy phương các tiện lợi làm lợi ích chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Hành Bát nhã ba la mật ở trong các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Đại Bồ Tát dùng thân và tâm tinh tiến, hay đầy đủ Tinh tiến ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào ở các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật hay đầy đủ Thiền ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Trừ những thiền định của Phật, Đại Bồ Tát đều có thể đầy đủ tất cả những thiền định. Bồ Tát này rời lìa các dục nhiễm, các pháp bất thiện, các pháp ác, do lìa dục mà hỉ lạc, có giác, có quán, nhập sơ thiền nhẫn đến nhập tứ thiền. Bồ Tát này dùng tâm từ bi hỉ xả trùm khắp mười phương tất cả thế gian. Bồ Tát này qua khỏi tất cả sắc tướng, dứt tướng có đối đãi, vì chẳng nghĩ nhớ tướng biệt dị mà nhập vô biên hư không xứ, nhẫn đến nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ. An trụ trong Thiền ba la mật, Bồ Tát này thuận và nghịch nhập bát bội xả, cửu thứ đệ định, nhập không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, hoặc có lúc nhập điện quang tam muội, hoặc có lúc nhập thánh chánh tam muội, hoặc có lúc nhập như kim cang tam muội. An trụ trong Thiền ba la mật, Bồ Tát này tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, dùng đạo chủng trí nhập tất cả thiền định, vượt qua Càn Huệ địa, Tánh địa, Bát nhơn địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly Dục địa, Dĩ Biện địa và Bích Chi Phật địa mà vào Bồ Tát vị, khi đã nhập Bồ Tát vị rồi đầy đủ Phật địa, đi trong các địa ấy nhẫn đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng bao giờ ở giữa đường nắm lấy đạo quả. An trụ trong Thiền ba la mật, Bồ Tát này từ một nước Phật đến một nước Phật cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành thanh tịnh cõi Phật, từ một nước Phật đến một nước Phật làm lợi ích chúng sanh, hoặc dùng bố thí nhiếp lấy chúng sanh, hoặc dùng trì giới, hoặc dùng tam muội, hoặc dùng trí huệ, hoặc dùng giải thoát, hoặc dùng tri kiến giải thoát nhiếp lấy chúng sanh, giáo hóa chúng sanh khiến họ được những pháp lành của quả Tu Đà Hoàn đến đạo Bích Chi Phật, đều có thể dạy cho chúng sanh đắc đạo. An trụ trong Thiền ba la mật, Đại Bồ Tát này hay phát sanh tất cả môn đà la ni, được bốn trí vô ngại, được những thần thông báo đắc. Bồ Tát này vĩnh viễn chẳng vào bào thai người

mẹ, vĩnh viễn chẳng thọ ngũ dục, luôn vô sanh bất sanh, dầu có sanh cũng chẳng bị phát sanh làm ô nhiễm. Tại sao? Vì Bồ Tát này thấy tất cả pháp như huyễn ảo mà làm lợi ích chúng sanh, cũng không thấy có chúng sanh và tất cả pháp để được giáo hóa chúng sanh khiến họ được chỗ vô sở đắc vì là pháp thế tục, chẳng phải thiệt nghĩa đệ nhất. An trụ Thiền ba la mật, Bồ Tát này hành tất cả thiền định, giải thoát, tam muội, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng rời lìa Thiền ba la mật. Lúc hành đạo chủng trí như vậy, Bồ Tát này được nhứt thiết chủng trí, dứt tất cả tập khí phiền não. Dứt xong, tự lợi ích cho mình đồng thời cũng lợi ích cho người. Đã tự lợi và lợi tha rồi làm phước điền cho tất cả Trời, Người, A tu la trong đời. Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát hay đầy đủ Thiền ba la mật vô tướng như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là an trụ trong pháp vô tướng, vô tác, vô đắc lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát tu tập đầy đủ Bát nhã ba la mật? – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát đối với các pháp chẳng thấy tướng quyết định thiệt. Bồ Tát này thấy sắc bất định chẳng phải thiệt tướng, nhẫn đến thấy thức bất định chẳng phải thiệt tướng, chẳng thật sắc sanh nhân đến chẳng thấy thức sanh. Nếu chẳng thấy sắc sanh nhẫn đến chẳng thấy thức sanh thì với tất cả pháp hữu lậu hay vô lậu đều chẳng thấy chỗ đến, chỗ đi, cũng chẳng thấy chỗ tập học. Lúc quán sát như vậy, Bồ Tát chẳng thấy có sắc tánh nhẫn đến thức tánh, cũng chẳng thấy có tánh pháp hữu lậu và tánh pháp vô lậu. Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật tin hiểu tất cả pháp không có tướng. Tin hiểu như vậy rồi Bồ Tát hành nội không nhẫn đến hành vô pháp hữu pháp không, với các pháp từ sắc đến Vô Thượng Bồ Đề không nắm lấy. Hành Bát nhã ba la mật vô sở hữu, Bồ Tát này hay đầy đủ đạo Bồ Tát, đó là sáu ba la mật nhẫn đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Bồ Tát này an trụ trong không tịnh Phật đạo, đó là sáu ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, thần thông báo đắc, dùng những pháp này làm lợi ích cho chúng sanh: nên dùng bố thí để nhiếp thì dạy họ bố thí; nên dùng trì giới để nhiếp thì dạy họ trì giới, nên dùng thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến để nhiếp thì dạy họ thiền định, trí huệ, giải thoát và tri kiến giải thoát; nên dùng các đạo pháp để dạy thì dạy họ được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán và đạo Bích Chi Phật; nên dùng Phật đạo để giáo hóa thì dạy họ được đạo Bồ Tát đầy đủ Phật đạo. Tùy theo chỗ nên để giáo hóa chúng sanh, cho họ đều được sự lợi ích đáng được. Lúc hiện những thứ thần thông lực như vậy, Bồ Tát đi qua vô lượng hằng sa cõi nước độ chúng sanh ra khỏi sanh tử, cung cấp những đồ cần dùng cho chúng sanh được đầy đủ, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thấy cõi nước thanh tịnh vi diệu để tự trang nghiêm cõi nước mình. Như trong cung Trời Tha Hóa Tự Tại, những đồ cần dùng tùy ý hiện đến, cũng như những tịnh độ rời lìa cầu dục, Bồ Tát trang nghiêm cõi mình như vậy. Do phước báo này, Bồ Tát được Đàn na ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tiến ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, năm thần thông báo đắc, hành đạo Bồ Tát, đạo chủng trí, thành tựu tất cả công đức sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc bấy giờ, Bồ Tát này chẳng thọ sắc nhẫn đến chẳng thọ thức, chẳng thọ tất cả pháp lành hay chẳng lành, thế gian hay xuất thế, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi, tất cả pháp như vậy đều chẳng thọ. Lúc Bồ Tát này được Vô Thượng Bồ Đề, tất cả đồ vật

cần dùng sanh sống trong nước đều không có chủ. Tại sao? Vì Bồ Tát này hành chẳng thọ tất cả pháp, bởi đều bất khả đắc. Này Tu Bồ Đề! Ở trong pháp vô tướng, Đại Bồ Tát hay đầy đủ Bát nhã ba la mật".

*** 77. PHẨM LỤC DỤ THỨ BẢY MƯƠI BẢY

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là ở trong các pháp vô tướng tự tướng không chẳng phân biệt mà trọn vẹn tu sáu ba la mật, đó là Thí la ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tiến ba la mật, Thiền ba la mật và Bát nhã ba la mật? Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là ở trong pháp không biệt dị mà phân biệt nói tướng dị biệt? Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã ba la mật nhiếp lấy thí, giới, nhẫn, tiến và thiền? Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là hành pháp có tướng biệt dị rồi dùng đạo nhứt tướng mà đắc quả?". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong năm ấm như mộng, như hưởng, như ảnh, hư diệm, như huyễn, như hóa mà thật hành bố thí, trì giới, mà tu nhẫn nhục, tinh tiến, mà nhập thiền định, mà rèn trí huệ, biết năm ấm này như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, biết năm ấm vô tướng như mộng cho đến biết năm ấm vô tướng như hóa. Tại sao? Vì mộng không tự tánh, hưởng, ảnh, diệm, huyễn, hóa đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thì là pháp vô tướng. Nếu pháp vô tướng thì là pháp nhứt tướng, đó là vô tướng. Này Tu Bồ Đề! Do nhơn duyên như vậy nên biết Bồ Tát bố thí vô tướng: người thí vô tướng, người thọ cũng vô tướng. Có thể biết bố thí như vậy thì hay đầy đủ Bố thí ba la mật nhẫn đến hay đầy đủ Bát nhã ba la mật, hay đầy đủ tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, hay đầy đủ nội không đến vô pháp hữu pháp không, hay đầy đủ không, vô tướng, vô tác tam muội, hay đầy đủ bát bội xả, cửu thứ đệ định, năm thần thông, năm trăm môn đà la ni, hay đầy đủ mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng. Bồ Tát này an trụ trong pháp báo đắc vô lậu hay quán vô lượng cõi nước phương Đông, nhẫn đến bay qua vô lượng cõi nước mười phương, cúng dường chư Phật và lợi ích chúng sanh. Chúng sanh nào nên dùng bố thí để nhiếp thì dùng bố thí nhiếp họ, nên dùng trì giới để nhiếp thì dùng trì giới để dạy họ, nên dùng nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ để nhiếp thì dạy họ nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, nhẫn đến nên dùng các thứ pháp lành để nhiếp thì dùng các thứ pháp lành để nhiếp lấy họ. Bồ Tát này thành tựu tất cả pháp lành như vậy thọ thân thế gian chẳng bị thế gian sanh tử làm vô tướng, vô tác, vô đắc nhiễm. Do vì chúng sanh nên Bồ Tát ở trên trời, trong Người thọ sự tôn quý giàu vui, đem sự tôn quý giàu vui này nhiếp lấy chúng sanh. Vì Bồ Tát này biết tất cả pháp vô tướng nên biết quả Tu Đà hoàn mà chẳng an trụ trong đó, biết quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật mà chẳng an trụ trong đó. Tại sao? Vì Bồ Tát này dùng nhứt thiết chủng trí biết tất cả pháp rồi sẽ phải được nhứt thiết chủng trí nên chẳng cùng đồng với hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát biết tất cả pháp vô tướng như vậy rồi biết sáu ba la mật vô tướng nhẫn đến biết tất cả Phật pháp vô tướng. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong năm ấm

như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa thì hay đầy đủ Giới ba la mật vô tướng. Giới này chẳng thiếu, chẳng hư, chẳng tạp, chẳng chấp, là giới vô lậu mà thánh nhơn khen ngợi vào tám phần thánh đạo. An trụ trong giới này trì tất cả giới, đó là danh tự giới, tự nhiên giới, luật nghi giới, tác giới, vô tác giới, oai nghi giới, phi oai nghi giới. Đại Bồ Tát này thành tựu các giới chẳng nguyện cầu sanh vào dòng lớn Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, cung chẳng nguyện cầu sanh vào nhà Tiểu Vương hay Chuyển Luân Thánh Vương, chẳng nguyện cầu sanh các cõi Trời, chẳng nguyện cầu được quả Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật. Tại sao? Vì tất cả pháp vô tướng đó là nhứt tướng, pháp vô tướng không thể được pháp vô tướng, pháp hữu tướng không thể được pháp hữu tướng, pháp hữu tướng không thể được pháp vô tướng, pháp vô tướng không thể được pháp hữu tướng. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát này lúc hành Bát nhã ba la mật như vậy hay đầy đủ Giới ba la mật mà vào Bồ Tát vị, vào Bồ Tát vị rồi được sanh vô pháp nhẫn, hành đạo chủng trí, được báo đắc năm thần thông, an trụ năm trăm môn đà la ni, được bốn trí vô ngại, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, dầu vào trong năm đường chúng sanh mà nghiệp báo sanh tử không làm nhiễm vô tướng, vô tác, vô đắc được. Này Tu Bồ Đề! Ví như hóa Chuyển Luân Thánh Vương dầu ngồi, nằm, đi, đứng chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ đứng, chỗ ngồi, chỗ nằm mà hay lợi ích chúng sanh, cũng chẳng thấy có chúng sanh. Bồ Tát này cũng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Ví như Tu Phiến Đa Phật được Vô Thượng Bồ Đề vì ba thừa mà chuyển pháp luân, không có ai được thọ ký Bồ Tát, hóa làm Phật rồi xả thọ mạng nhập vô dư Niết Bàn. Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật cũng như vậy, hay đầy đủ Giới ba la mật. Đầy đủ Giới ba la mật rồi nhiếp tất cả pháp lành. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát an trụ trong năm ấm như mộng, như hưởng, như ảnh như diệm, như huyễn, như hóa, đầy đủ Nhẫn ba la mật vô tướng. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong hai thứ nhẫn thì có thể đầy đủ Nhẫn ba la mật, đó là sanh nhẫn và pháp nhẫn. Từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, nếu có bất luận chúng sanh nào đến mắng chửi, đánh đập, chém giết Bồ Tát, Bồ Tát này vì muốn đầy đủ Nhẫn ba la mật nên chẳng sanh lòng giận thù, dầu chỉ một niệm. Bồ Tát này suy nghĩ như vầy: Ai mắng ta? Ai đánh ta? Ai chém ta? Tại sao vậy? Vì Bồ Tát này ở trong tất cả pháp được vô tướng nhẫn, nên chẳng bao giờ nghĩ rằng người đó mắng ta, hại ta. Nếu thật hành như vậy, Đại Bồ Tát hay đầy đủ Nhẫn ba la mật. Do đầy đủ Nhẫn ba la mật nên được vô sanh pháp nhẫn". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là vô sanh pháp nhẫn? Nhẫn này đoạn dứt những gì và biết những gì?". Đức Phật bảo Ngài tu Bồ Đề: "Này Tu Bồ Đề! Được pháp nhẫn, nhẫn đến chẳng sanh mảy may pháp chẳng lành nên gọi là vô sanh pháp nhẫn. Tất cả phiền não sở đoạn của Bồ Tát đều hết, đó gọi là đoạn dứt. Dùng trí huệ biết tất cả pháp chẳng sanh, đây gọi là biết". – Bạch đức Thế Tôn! Vô sanh pháp nhẫn của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật cùng vô sanh pháp nhẫn của Bồ Tát có gì khác nhau? – Này Tu Bồ Đề! Hoặc trí hoặc đoạn của Tu Đà Hoàn gọi là nhẫn của Bồ Tát, hoặc trí hoặc đoạn của Tư Đà Hàm gọi là nhẫn của Bồ Tát, hoặc trí hoặc đoạn của A Na Hàm gọi là nhẫn của Bồ Tát, hoặc trí hoặc đoạn của A La Hán gọi là nhẫn của Bồ Tát, hoặc trí hoặc đoạn của Bích Chi Phật gọi là nhẫn của Bồ Tát, đó là sai khác. Này Tu

Bồ Đề! Đại Bồ Tát thành tựu nhẫn này hơn cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. An trụ trong báo đắc vô sanh nhẫn này, Đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo đầy đủ đạo chủng trí. Vì đầy đủ đạo chủng trí nên thường chẳng rời lìa ba mươi bảy phẩm trợ đạo nhẫn đến không, vô tướng, vô tác tam muội, thường chẳng rời lìa năm thần thông. Vì chẳng rời lìa năm thần thông nên hay thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ xong sẽ được nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đầy đủ Nhẫn ba la mật vô tướng như vậy. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ trong năm ấm vô tướng như mộng, như hưởng, như ảnh như diệm, như huyễn, như hóa mà thật hành tinh tiến và tâm tinh tiến. Do thân tinh tiến mà khởi thần thông. Do khởi thần thông mà đến thế giới mười phương cúng dường chư Phật, lợi ích chúng sanh. Dùng sức thân tinh tiến mà giáo hóa chúng sanh cho họ an trụ nơi ba thừa. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật hay đầy đủ Tinh tiến ba la mật vô tướng như vậy. Bồ Tát này do tâm tinh tiến, tinh tiến vô lậu của bực thánh mà nhập trong tám phần thánh đạo, hay đầy đủ Tinh tiến ba la mật. Tinh tiến ba la mật này nhiếp hết tất cả pháp lành, những là tứ niệm xứ, tứ chánh cân, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, bát bội xả, cửu thứ đệ định, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng. Bồ Tát thật hành những pháp lành trong đây tất phải đầy đủ nhứt thiết chủng trí. Đầy đủ nhứt thiết chủng trí rồi dứt tất cả tập chủng phiền não, đầy đủ ba mươi hai tướng, thân phóng vô lượng vô đẳng quang minh. Phóng quang minh rồi chuyển ba lần mười hai hành pháp luân. Do chuyển pháp luân nên Đại Thiên thế giới chấn động sáu cách, quang minh chiếu khắp Đại Thiên thế giới. Chúng sanh trong Đại Thiên thế giới nghe âm thanh thuyết pháp đều được do ba thừa mà được độ thoát. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Tinh tiến ba la mật hay lợi ích lớn cho chúng sanh, hay đầy đủ nhứt thiết chủng trí như vậy. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ trong năm ấm vô tướng như mộng, như hưởng, như ảnh như diệm, như huyễn, như hóa, hay đầy đủ Thiền ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nhập sơ thiền nhẫn đến nhập đệ tứ thiền, nhập tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỉ, xả, nhập hư không vô biên xứ nhẫn đến nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập không tam muội đến nhập vô tướng, vô tác tam muội, nhập điện quang tam muội, nhập như kim cang tam muội, nhập thánh chánh tam muội. Trừ tam muội của chư Phật, những tam muội khác, hoặc những tam muội cùng đồng Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát này đều chứng, đều nhập. Dầu nhập nhưng cũng chẳng thọ mùi vị tam muội, cũng chẳng thọ quả tam muội. Tại sao? Vì Bồ Tát này biết những tam muội ấy không tướng, không tánh sở hữu thì có đâu lại ở trong pháp không tướng mà thọ mùi vị pháp không tướng mà thọ mùi vị pháp không tướng, ở trong pháp vô sở hữu mà thọ mùi vị pháp vô sở hữu. Nếu chẳng thọ mùi vị thì chẳng theo sức của thiền định sanh trời cõi Sắc hay Vô sắc. Tại sao? Vì Bồ Tát này chẳng thấy hai cõi ấy, cũng chẳng thấy thiền định ấy, cũng chẳng thấy người nhập thiền, cũng chẳng thấy ngươi dùng pháp ấy nhập thiền, chẳng thấy chỗ nhập thiền. Nếu ở nơi pháp ấy mà chẳng có được. Bấy giờ Bồ Tát liền hay đầy đủ Thiền na ba la mật vô tướng. Bồ Tát dùng Thiền na ba la mật vô tướng này có thể vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát do đầy đủ Thiền ba la mật vô tướng mà hay vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật.

– Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát này khéo học nội không, khéo học ngoại không, nhẫn đến khéo học vô pháp hữu pháp không. Nơi các thứ không ấy, không có pháp để làm chỗ an trụ được, như hoặc là quả Tu Đà Hoàn, hoặc là quả Tư Đà Hàm, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Những pháp không này cũng không. Đại Bồ Tát thật hành những pháp không như vậy hay vào trong bực Bồ Tát. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là bực đại Bồ Tát? Thế nào là chẳng phải bực? – Này Tu Bồ Đề! Tất cả sở hữu đắc là chẳng phải bực Bồ Tát. Tất cả vô sở đắc là bực Bồ Tát. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là hữu sở đắc? Những gì là vô sở đắc? – Này Tu Bồ Đề! Sắc là hữu sở đắc, thọ, tưởng, hành, thức là hữu sở đắc. Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý là hữu sở đắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí là hữu sở đắc. Đây là chẳng phải bực Bồ Tát. Này Tu Bồ Đề! Bực Bồ Tát là các pháp ấy chẳng chỉ bày được, chẳng nói phô được. Các pháp nào chẳng chỉ bày được? Đó là sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Tại sao? Này Tu Bồ Đề! Sắc tánh là chẳng chỉ được, chẳng nói được, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tánh là chẳng chỉ được, chẳng nói được. Như thế gọi là Bồ Tát. Bồ Tát vào trong bực Bồ Tát rồi, tất cả thiên định tam muội đầy đủ còn chăng theo sức của thiên định đê sanh, huống là an trụ trong tham, sân, si, để sanh khởi những tội nghiệp ư? Bồ Tát an trụ trong pháp như huyễn lợi ích cho chúng sanh, nhưng cũng chẳng thấy có chúng sanh, cũng chẳng thấy có huyễn. Nếu tất cả không thấy có được thì hay thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Này Tu Bồ Đề! Như thế gọi là Bồ Tát đầy đủ Thiền ba la mật vô tướng hay chuyển pháp luân, đó là pháp luân không có được. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật biết tất cả pháp như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát biết tất cả pháp như mộng, như hưởng, như ảnh như diệm, như huyễn, như hóa? – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát chẳng thấy mộng, chẳng thấy người thấy mộng, chẳng thấy hưởng, chẳng thấy người nghe hưởng, chẳng thấy ảnh, chẳng thấy người thấy ảnh, chẳng thấy diệm, chẳng thấy người thấy diệm, chẳng thấy huyễn, chẳng thấy hóa, chẳng thấy người thấy hóa. Tại sao? Vì những mộng, hưởng, ảnh, diệm, huyễn và hóa ấy là pháp điển đảo của kẻ phàm, người ngu vậy. A La Hán chẳng thấy mộng, chẳng thấy người thấy mộng, nhẫn đến chẳng thấy hóa, chẳng thấy người thấy hóa. Bích Chi Phật, Đại Bồ Tát và chư Phật đều cũng chẳng thấy mộng, chẳng thấy người thấy mộng, nhẫn đến chẳng thấy hóa, chẳng thấy người thấy hóa. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tánh sở hữu, chẳng sanh, chẳng định. Nếu là pháp không có tánh sở hữu, chẳng sanh, chẳng định thì thế nào Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật lại ở trong ấy nắm lấy tướng sanh, tướng định, việc ấy chẳng phải vậy. Thiệt vậy, này Tu Bồ Đề! Hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng trước chấp nơi sắc nhẫn đến chẳng trước chấp nơi thức, chẳng trước chấp Dục, Sắc, Vô sắc ba cõi, chẳng trước chấp các thiền, các giải thoát tam muội, chẳng trước chấp tứ niệm xứ nhẫn đến bát thánh đạo, chẳng chấp trước không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, chẳng chấp trước Đàn na ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật. Do vì chẳng chấp trước nên hay đầy đủ Bồ Tát sơ địa. Trong sơ địa cũng chẳng trước chấp. Tại sao? Vì Bồ Tát này còn chẳng thấy có được địa ấy, huống là sanh lòng trước chấp! Nhẫn đến thập địa cũng vậy. Đại Bồ Tát này hành Bát nhã ba la mật cũng chẳng thấy có được Bát nhã ba la mật. Nếu lúc hành Bát nhã ba la mật chẳng thấy có

được Bát nhã ba la mật, thì lúc ấy thấy tất cả pháp đều vào trong Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy có được các pháp ấy. Vì các pháp ấy cùng Bát nhã ba la mật không hai, không khác. Tại sao? Vì các pháp vào trong như, pháp tánh, thiệt tế nên là vô phân biệt. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp vô tướng, vô phân việt sao lại nói là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi là vô vi? – Này Tu Bồ Đề! Theo ý ông thế nào? Trong thiệt tướng của các pháp, có pháp nào nói được là thiện, là bất thiện, nhẫn đến hữu vi, vô vi chăng? Có pháp nào nói được là quả Tu Đà Hoàn, nhẫn đến A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Vô Thượng Bồ Đề chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Chẳng nói được. – Này Tu Bồ Đề! Vì nhơn duyên như vậy nên phải biết tất cả pháp vô tướng, vô phân biệt, không sanh, không định, chẳng chỉ bày, nói phô được. Này Tu Bồ Đề! Ngày trước lúc ta hành Bồ Tát đạo, cũng không có pháp nào có tánh được hoặc là sắc, hoặc là thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến hoặc là hữu vi hoặc là vô vi, hoặc là quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật từ lúc mới phát tâm đến lúc thành Vô Thượng Bồ Đề phải khéo học các pháp tánh. Vì khoa học các pháp tánh nên gọi là đạo Vô Thượng Bồ Đề. Hành đạo ấy hay đầy đủ sáu ba la mật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. An trụ trong pháp ấy được Vô Thượng Bồ Đề, dùng pháp tam thừa độ thoát chúng sanh, cũng chẳng chấp trước pháp tam thừa. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng pháp vô tướng phải học Bát nhã ba la mật như vậy".

*** 78. PHẨM TỨ NHIẾP THỨ BẢY MƯƠI TÁM

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp như như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, không có thiệt sự, không có tánh, tự tướng rỗng không, thì làm thế nào phân biệt là pháp lành, pháp chẳng lành, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu, là pháp vô lậu, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, là pháp hay được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, là pháp hay được đạo Bích Chi Phật, là pháp hay được Vô Thượng Bồ Đề?" Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Kẻ phàm, người ngu có mộng, có người thấy mộng, nhẫn đến có hóa, có người thấy hóa. Họ phát khởi thân, khẩu, ý gây nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký, nghiệp phước, nghiệp tội, nghiệp bất động. Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật an trụ trong hai thứ không: tất cánh không và vô thỉ không, vì chúng sanh mà thuyết pháp rằng: Các chúng sanh này! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức rỗng không, không có sở hữu; thập nhị thập, thập bát giới rỗng không, không có sở hữu. Sắc thọ, tưởng, hành, thức, thập nhị thập, thập bát giới là mộng, là hưởng, là ảnh, là diệm, là huyễn, là hóa. Trong đó không có năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, không có mộng cũng không có người thấy mộng, không có hưởng cũng không có người nghe hưởng, không có ảnh cũng không có người thấy ảnh, không có diệm cũng không có người thấy diệm, không có huyễn cũng không có người thấy huyễn, không có hoá cũng không có người thấy hóa. Tất cả pháp không có căn bổn, thiệt tánh vô sở hữu. Các người ở trong không có ấm lại

thấy có ấm, không có nhập lại thấy có nhập, không có giới lại thấy có giới. Tất cả pháp ấy đều từ nhơn duyên hòa hợp mà sanh. Do tâm điên đảo mà khởi, thuộc nghiệp quả báo. Tại sao các người ở trong những pháp rỗng không, không có căn bổn mà lại nắm lấy tướng căn bổn? Lúc bấy giờ Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện ở trong pháp xan tham mà cứu thoát chúng sanh ra, dạy họ thật hành Đàn na ba la mật, giữ công đức bố thí này được phước báo lớn. Từ nơi phước báo lớn cứu thoát ra, dạy họ trì giới, nương công đức trì giới, được sanh chỗ tôn quý trên Trời. Rồi lại cứu thoát ra, dạy họ an trụ sơ thiền, do công đức sơ thiền, sanh Trời Phạm Thiên, nhẫn đến dạy họ an trụ nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi phi tưởng xứ cũng như vậy. Chúng sanh thật hành bố thí ấy và quả báo bố thí, trì giới và quả báo trì giới, thiền định và quả báo thiền định, từ nơi đó mà cứu thoát họ, đặt họ nơi vô dư Niết Bàn, đó là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác giải thoát môn, bát bội xả, cửu thứ đệ định, thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp. Bồ Tát làm an ôn chúng sanh, cho họ an trụ trong pháp vô lậu của bực thánh, không sắc, không hình, không đối. Có ai có thể được quả Tu Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật thì Bồ Tát an ổn giáo hóa, làm cho họ an trụ quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật. Có ai có thể được Vô Thượng Bồ Đề thì Bồ Tát an ổn giáo hóa làm cho họ an trụ Vô Thượng Bồ Đề". – Bạch đức Thế Tôn! Chư Đại Bồ Tát là hi hữu khó theo kịp. Các Ngài hay thật hành Bát nhã ba la mật sâu xa này. Các pháp không có tánh là rốt ráo không, vô thỉ không, mà các ngài phân biệt các pháp là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu, nhẫn đến là hữu vi là vô vi. – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Chư Đại Bồ Tát rất là hi hữu khó theo kịp, hay thật hành Bát nhã ba la mật sâu xa này. Các pháp không có tánh, rốt ráo không, vô thỉ không, mà các Ngài phân biệt các pháp. Này Tu Bồ Đề! Nếu các ông biết pháp của Đại Bồ Tát này là rất hi hữu khó theo kịp, thì biết rằng tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng có thể được, huống là người khác. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp hi hữu khó theo kịp của Đại Bồ Tát mà tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật không thể có được? – Này Tu Bồ Đề! Nên nhứt tâm lắng nghe. Có Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật an trụ trong báo đắc sáu ba la mật, và an trụ rong báo đắc ngũ thần thông, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, các đà la ni, các trí vô ngại, đi qua đến cõi nước mười phương, có ai đáng dùng bố thí được độ thì dùng bố thí nhiếp họ, có ai dùng trì giới được độ thì dùng trì giới nhiếp họ, có ai đáng dùng nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ để nhiếp họ. Có ai đáng dùng sơ thiền được độ thì dùng sơ thiền để nhiếp họ. Có ai đáng dùng nhị thiền, tam thiền nhẫn đến phi phi tưởng xứ được độ thì theo chỗ thích ứng mà nhiếp lấy họ. Có ai nên dùng từ, bi, hỉ, xả được độ thì dùng từ bi hỉ xả để nhiếp họ. Cá ai nên dùng tứ niệm xứ, tứ chánh cần, có ai nên dùng tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, không tam muội, vô tác tam muội được độ thì theo chỗ thích ứng để nhiếp lấy họ. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát dùng bố thí lợi ích chúng sanh thế nào? – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát bố thí tùy chỗ chúng sanh cần dùng mà cung cấp tất cả cho họ, như là thức ăn, món uống, Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, y phục, xe ngựa,

hương hoa, anh lạc…đồng như cúng dường chư Phật, A La Hán, A Na Hàm, Tư Đà hàm, Tu Đà Hoàn không khác. Hoặc bố thí cho bực đã nhập chánh đạo, người phàm, dưới đến chim thú đều không phân biệt sai khác, bố thí đồng đẳng. Tại sao? Vì tất cả pháp chẳng khác, chẳng phân biệt nên Bồ Tát này không khác, không phân biệt. Bố thí như vậy rồi sẽ được báo pháp vô phân biệt, đó là nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát thấy kẻ ăn xin mà quan niệm rằng: Phật là phước điền, ta nên cúng dường, chim thú chẳng phải là phước điền, ta chẳng nên bố thí thì chẳng phải là pháp Bồ Tát. Tại sao? Đại Bồ Tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề chẳng nghĩ rằng: Chúng sanh này nên bố thí lợi ích, chúng sanh này chẳng nên bố thí, do vì bố thí chúng sanh này được sanh dòng lớn Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, nhẫn đến do vì bố thí nên dùng pháp tam thừa độ họ vào vô dư Niết Bàn. Nếu có chúng sanh đến xin, Bồ Tát chẳng sanh lòng phân biệt sai khác: nên cho người này, không nên cho người này. Tại sao? Vì Bồ Tát vì những chúng sanh này mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nếu còn phân biệt chọn lựa thì sa vào chỗ quở trách của chư Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật, Thanh Văn và tất cả Trời, Người, thế gian. Ai thỉnh Ngài cứu tất cả chúng sanh! Ngài là nhà của tất cả chúng sanh, là chỗ hỗ trợ tất cả chúng sanh, là chỗ nương tựa của tất cả chúng sanh mà lại phân biệt, lựa chọn nên cho, chẳng nên cho. Lại nữa, lúc Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, hoặc có người hay Phi Nhơn đến muốn cầu xin thân thể, tay chưn của Bồ Tát, bấy giờ Bồ Tát chẳng nên sanh hai lòng: nên cho hay chẳng nên cho. Tại sao? Vì Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà thọ thân, nay chúng sanh đến lấy đâu nên chẳng cho. Bồ Tát phải quan niệm rằng tôi vì lợi ích chúng sanh mà thọ thân này, chúng sanh chẳng xin còn phải cho họ, huống là xin mà lại chẳng cho! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật phải học như vậy. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu thấy có người đến xin, Đại Bồ Tát phải quan niệm: Trong đây ai cho, ai nhận, gì là vật cho? Tất cả pháp ấy đều không có tự tánh, vì là rốt ráo không vậy. Pháp không tướng thì không có cho, không có giựt. Tại sao? Vì là rốt ráo không, là nội không, là ngoại không, là nội ngoại không, là đại không, là đệ nhứt nghĩa không, là tự tướng không. An trụ trong các thứ không ấy mà bố thí thì đầy đủ Đàn na ba la mật. Vì đầy đủ Đàn na ba la mật nên nếu bị đâm chém thân thể hay bị cướp giựt tài vật, Bồ Tát này liền nghĩ rằng: Chặt chém ta là ai? Cướp giựt của ta là ai? Này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn thấy phương Đông có hằng sa Đại Bồ Tát, vào địa ngục làm cho lửa tắt, nước sôi lạnh, dùng ba sự để giáo hóa: một là thần thông, hai là biết tâm niệm kẻ khác, ba là thuyết pháp. Bồ Tát này dùng sức thần thông làm cho trong Địa ngục lửa tắt, nước sôi lạnh, biết tâm niệm kẻ khác, dùng từ bi hỉ xả tùy ý thuyết pháp. Những chúng sanh ấy ở nơi Bồ Tát sanh lòng thanh tịnh, thoát khỏi địa ngục rồi lần lần do pháp tam thừa mà được hết khổ sanh tử. Như phương Đông, chín phương kia cũng vậy. Này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn quan sát trong hằng sa quốc độ mười phương, thấy chư Bồ Tát hầu hạ chư Phật, cung cấp đồ cần dùng, mến kính chư Phật. Nếu chư Phật có dạy bảo thì chư Bồ Tát ấy đều hay thọ trì tất cả nhẫn đến lúc thành Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng quên sót. Này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn quan sát mười phương hằng sa quốc độ, thấy chư đại Bồ Tát vì Súc sanh mà xả thân thể phân tán các nơi, có Súc sanh nào ăn thịt của Đại Bồ Tát ấy đều sanh lòng mến kính. Do có lòng mến kinh Bồ Tát nên thoát ly loài Súc

sanh, được gặp chư Phật, nghe pháp tu hành, do ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật và Phật pháp mà nhập vô dư Niết Bàn. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Chư Đại Bồ Tát làm lợi ích chúng sanh rất nhiều, giáo hóa chúng sanh khiến phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đúng pháp tu hành nhẫn đến nhập vô dư Niết Bàn. Lại này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn thấy chư Đại Bồ Tát trong hằng sa quốc độ mười phương trừ những khổ đói khát của hàng Ngạ quỉ. Hàng Ngạ quỉ này đều kính mến Bồ Tát. Do sự kính mến Bồ Tát này mà được thoát ly Ngạ quỉ, gặp Phật nghe pháp, tu hành đúng pháp, lần lần do ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật thừa mà nhập vô dư Niết Bàn. Đại Bồ Tát vì độ chúng sanh mà thật hành tâm đại bi như vậy. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn thấy chư Đại Bồ Tát ở trên Trời Tứ Thiên Vương thuyết pháp. Cũng thuyết pháp tại cung trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa. Chư Thiên nghe Bồ Tát thuyết pháp, lần lần do ba thừa mà được diệt độ. Này Tu Bồ Đề! Trong hàng Thiên chúng này, nếu có ai say mê ngũ dục, Bồ Tát hiện lửa nổi dậy đốt cháy cung điện họ rồi thuyết pháp cho họ: Này chư Thiên! Tất cả pháp hữu vi đều vô thường, đâu có an ổn được. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn thấy hàng Phạm Thiên trong hằng sa quốc độ ở mười phương thế giới chấp lấy tà kiến. Chư Bồ Tát dạy họ xa rời tà kiến mà bảo rằng: Sao các Ngài ở trong các pháp hư vọng không tướng mà lại sanh tà kiến! Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ tâm đại từ vì chúng sanh mà thuyết pháp. Này Tu Bồ Đề! Đó là pháp hi hữu khó theo kịp của Đại Bồ Tát vậy. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đức Như lai dùng Phật nhãn thấy chư Đại Bồ Tát trong hằng sa quốc độ mười phương thế giới dùng bốn sự để nhiếp lấy chúng sanh. Đó là bố thí, ái ngữ, lợi ích và đồng sự. Thế nào là Bồ Tát dùng bố thí để nhiếp lấy chúng sanh? Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát dùng hai thứ bố thí để nhiếp lấy chúng sanh. Đó là tài thí và pháp thí. Những gì là tài thí nhiếp lấy chúng sanh? Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đem các thứ bảo vật: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, kha bối, san hô…, hoặc đem đồ uống ăn, Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục, mền mùng, phòng nhà, đèn đuốc, hoa hương, anh lạc, hoặc con trai, con gái, hoặc bò, dê, voi, ngựa, xe cộ, hoặc đem thân thể mình mà cung cấp cho chúng sanh. Bồ Tát bảo chúng sanh rằng: Các ngươi nếu có cần dùng gì thì đến lấy như đến lấy vật của mình chớ có nghi ngại. Bố thí xong, Bồ Tát này dạy cho họ pháp tam quy: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Hoặc dạy họ thọ ngũ giới, thọ bát trai giới, hoặc dạy sơ thiền, nhẫn đến phi tưởng, phi phi tưởng định, hoặc dạy từ bi hỉ xả, hoặc dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm Thiên, hoặc dạy quán bất tịnh, quán xuất nhập tức, hoặc tướng hoặc xúc, hoặc dạy họ tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, bát bội xả, cửu thứ đệ định, thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, hoặc dạy quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, đạo Bích Chi Phật, hoặc dạy Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sanh: tài thí xong lại dạy cho họ được Niết Bàn an ổn vô thượng. Đây gọi là pháp hi hữu khó theo kịp của Đại Bồ Tát. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Bồ Tát dùng pháp thí nhiếp chúng sanh? Này Tu Bồ Đề! Pháp thí có hai thứ: một là thế gian, hai là xuất thế gian?

Những gì là pháp thí thế gian? Trình bày dạy rõ pháp thế gian như là quán bất tịnh, quán xuất nhập tức, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định. Những pháp thế gian như vậy với những pháp cùng đồng với pháp sở hành của phàm phu, thì gọi là pháp thí thế gian. Bồ Tát này pháp thí thế gian như vậy rồi dùng nhiều các giáo hóa cho họ xa rời pháp thế gian. Xa rời pháp thế gian xong, Bồ Tát dùng sức phương tiện làm cho họ được pháp vô lậu của bực Thánh và quả vô lậu của bực Thánh. Những gì là pháp vô lậu của bực Thánh? Những gì là quả vô lậu của bực Thánh? Pháp vô lậu của bực Thánh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo và ba môn giải thoát. Quả vô lậu của bực Thánh là quả Tu Đà Hoàn, nhẫn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Pháp Thánh vô lậu của Đại Bồ Tát còn có trí huệ trong quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến trí huệ trong quả A La Hán, trí huệ trong đạo Bích Chi Phật, trí huệ trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, trí huệ trong sáu ba la mật nhẫn đến trí huệ trong đại từ đại bi. Tất cả pháp như vậy, hoặc pháp thế gian, xuất thế gian, trí huệ, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, nhứt thiết chủng trí trong pháp ấy thì gọi là pháp Thánh vô lậu của Đại Bồ Tát. Những gì là quả Thánh vô lậu? Dứt tất cả chủng tập phiền não thì gọi quả Thánh vô lậu. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát có được nhứt thiết chủng trí chăng? – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy, Đại Bồ Tát được nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát với Phật có những gì khác? – Này Tu Bồ Đề! Có khác. Đại Bồ Tát được nhứt thiết chủng trí thì gọi là Phật. Tại sao? Vì tâm Bồ Tát cùng tâm Phật không khác. Bồ Tát an trụ trong nhứt thiết chủng trí, đối với tất cả pháp không pháp nào chẳng soi sáng. Đây gọi là Đại Bồ Tát thế gian pháp thí. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nhơn thế gian pháp thí mà được xuất thế gian pháp thí. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh cho họ được pháp thế gian, dùng sức phương tiện dạy cho họ được pháp xuất thế gian. Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp xuất thế gian của Bồ Tát? Những pháp chẳng cùng đồng với pháp phàm phu. Đó là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, tám giải thoát môn, bát bội xả, cửu thứ đệ định, thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, năm trăm đà la ni môn. Đây gọi là pháp xuất thế gian. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là tứ niệm xứ? Đại Bồ Tát quán nội thân theo thân mà quán sát, quán ngoại thân theo thân mà quán sát, siêng năng tinh tiến dùng nhứt tâm trí huệ quán sát, quán tập nhơn của thân do nhơn duyên sanh, quán thân diệt, quán sát hành sanh diệt của thân tập, đạo này không sở Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, nơi thế gian không sở thọ. Đó là thân niệm xứ. Thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ cũng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là tứ chánh cần? Những pháp ác bất thiện chưa sanh nên siêng năn tinh tiến. Những pháp ác bất thiện đã sanh, vì dứt trừ nên siêng năng tinh tiến. Những pháp thiện chưa sanh, vì sanh khởi nên siêng năng tinh tiến. Những pháp thiện đã sanh, vì thêm lớn đầy đủ nên siêng năng tinh tiến. Đây gọi tứ chánh cần. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là tứ như ý túc? Nguyện dục tam muội quyết đoán thật hành thành tựu. Tinh tiến tam muội quyết đoán thật hành thành tựu. Nhứt tâm tam muội quyết đoán thật hành thành tựu. Tư duy tam muội quyết đoán thật hành thành tựu. Đây gọi là tứ như ý túc. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là ngũ căn? Đó là tín căn, tinh tiến căn, niệm căn, định căn và huệ căn. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là ngũ lực? Đó là tín lực, tinh tiến lực,

niệm lực, định lực và huệ lực. Thế nào là thất giác phần? Đó là niệm giác phần, hỉ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần và xả giác phần. Thế nào là bát thánh đạo phần? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tiến, chánh niệm và chánh định. Thế nào là tam tam muội? Đó là không tam muội môn, vô tướng tam muội môn và vô tác tam muội môn. Thế nào là không tam muội? Dùng không hành và vô ngã hành để nhiếp tâm gọi là không tam muội. Thế nào là vô tướng tam muội? Dùng tịch diệt hành và ly hành để nhiếp tâm gọi là vô tướng tam muội. Thế nào là vô tác tam muội? Dùng vô thường hành và khổ hành để nhiếp tâm gọi là vô tác tam muội. Thế nào là bát bội xả? Trong có tướng sắc, ngoài quán sắc là bội xả thứ nhứt. Trong không tướng sắc, ngoài quán sắc là bội xả thứ hai. Tịnh bội xả là bội xả thứ ba. Qua khỏi tất cả tướng sắc, diệt tướng có đối ngại, vì chẳng nghĩ đến tất cả tướng dị biệt mà quán hư không vô biên, nhập vô biên hư không xứ, là bội xả thứ tư. Nhẫn đến qua khỏi phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, nhập diệt thọ tưởng bội xả, là bội xả thứ tám. Thế nào là cửu thứ đệ định? Hành giả rời lìa pháp ái dục, ác bất thiện có giác, có quán, ly dục, sanh hỉ lạc, nhập sơ thiền, nhẫn đến qua khỏi phi phi tưởng xứ, nhập diệt thọ tưởng định, gọi là cửu thứ đệ định. Thế nào là mười trí lực của Phật? Sức trí biết đúng thiệt phải chỗ, chẳng phải chỗ. Sức trí biết đúng thiệt về những nghiệp, những thọ, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhơn duyên, biết quả báo suốt thuở quá khứ, hiện tại và vị lai của chúng sanh. Sức trí biết đúng thiệt tất cả thiền định, giải thoát tam muội. Sức trí biết đúng thiệt căn tánh thượng, trung hay hạ của tất cả chúng sanh. Sức trí biết đúng thiệt những tri kiến hiểu biết và chỗ thích muốn của tất cả chúng sanh. Sức trí biết đúng thiệt những cảnh giới sai khác của tất cả chúng sanh. Sức trí biết đúng thiệt chỗ đục đến của tất cả đạo hạnh. Sức trí biết đúng thiệt đời trước của tất cả chúng sanh từ một kiếp đến vô lượng kiếp. Sức trí biết đúng thiệt, dùng thiên nhãn thấy chúng sanh sanh về đường lành, đường dữ nhẫn đến nhập Niết Bàn. Sức trí biết đúng thiệt vô lậu tam giải thoát. Đây là mười trí lực của Phật". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Thế nào là tứ vô sở úy? Đức Phật nói lời thành thiệt rằng: Ta là người nhứt thiết chánh trí. Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc chư Thiên, Ma Vương, Phạm Vương, hoặc người nào bảo thiệt rằng pháp ấy chẳng biết. Cũng chẳng thấy nhẫn đến chút tướng sợ sệt. Vi thế nên ta được an ổn, được không chỗ trụ, an trụ chỗ của bực thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử rống hay chuyển pháp luân thanh tịnh, mà tất cả chúng khác, hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, chư Thiên, Ma, Phạm thiệt chẳng chuyển được. Đây là sự vô úy thứ nhứt vậy. Đức Phật nói lời thành thiệt rằng: Nơi ta tất cả tập lậu đã hết sạch. Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc chư Thiên hay Ma Vương, Phạm Vương, hoặc những chúng khác như thiệt nói tập lậu ấy chẳng hết. Cũng chẳng thấy nhẫn đến có chút tướng sợ sệt. Vì thế nên ta được an ổn, được không sợ sệt, an trụ chỗ của bực thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử rống hay chuyển pháp luân thanh tịnh, mà các Sa Môn hay Bà La Môn hoặc chư Thiên, Ma Vương, Phạm Vương, hoặc những chúng khác thiệt chẳng chuyển được. Đây là sự vô úy thứ hai vậy. Đức Phật nói lời thành thiệt rằng: Ta nói đây là pháp chướng đạo. Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc chư Thiên hay Ma Vương, Phạm Vương, hoặc những sanh chúng khác như thiệt nói thọ pháp ấy chẳng chướng đạo. Cũng chẳng thấy nhẫn đến có chút

tướng sợ sệt. Vì thế nên ta được an ổn, được không sợ sệt, an trụ chỗ của bực thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử rống hay chuyển pháp luân thanh tịnh, mà các Sa Môn hay Bà La Môn hoặc chư Thiên, Ma Vương, hoặc những chúng khác chẳng chuyển được. Đây là sự vô úy thứ ba vậy. Đức Phật nói lời thành thiệt rằng: Thánh đạo của ta nói có thể ra khỏi thế gian, thiệt hành theo đây có thể biết khổ. Nếu có Sa Môn hay Bà La môn, hoặc chư Thiên, hay Ma Vương, Phạm Vương, hoặc những chúng khác như thiệt nói hành đạo ấy chẳng hay ra khỏi thế gian, chẳng hay hết khổ. Cũng chẳng thấy nhẫn đến có chút tướng sợ sệt. Vì thế nên ta được an ổn, được không sợ sệt, an trụ chỗ của bực thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử rống hay chuyển pháp luân thanh tịnh, mà các Sa Môn, Bà La Môn hoặc chư Thiên, Ma Vương, Phạm Vương, hoặc những chúng khác thiệt chẳng chuyển được. Đây là sự vô úy thứ tư vậy. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là bốn trí vô ngại? Một là nghĩa vô ngại trí. Hai là pháp vô ngại trí. Ba là từ vô ngại trí. Bốn là nhạo thuyết vô ngại trí. Trí huệ duyên nơi nghĩa là nghĩa vô ngại trí. Trí huệ duyên nơi pháp là pháp vô ngại trí. Trí huệ duyên nơi ngôn từ là từ vô ngại trí. Trí huệ duyên nơi nhạo thuyết là nhạo thuyết vô ngại trí. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là mười tám pháp bất cộng? Nơi chư Phật: một là thân không lỗi, hai là miệng không lỗi, ba là niệm không lỗi, bốn là không có tưởng dị biệt, năm là không có tâm chẳng định, sáu là không có sự chẳng biết rồi mà bỏ, bảy là nguyện dục không giảm, tám là tinh tiến không giảm, chín là niệm không giảm, mười là huệ không giảm, mười một là giải thoát không giảm, mười hai là giải thoát tri kiến không giảm, mười ba là tất cả thân nghiệp hành động theo trí huệ, mười bốn là tất cả khẩu nghiệp hành động theo trí huệ, mười lăm là tất cả ý nghiệp hành động theo trí huệ, mười sáu là trí huệ biết đời quá khứ vô ngại, mười bảy là trí huệ biết đời vị lai vô ngại, mười tám là trí huệ biết đời hiện tại vô ngại. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là ba mươi hai tướng? Một, lòng bàn chân bằng phẳng. Hai, lòng bàn chưn làn chỉ xoáy hình bánh xe ngàn cọng. Ba, ngón tay và ngón chưn dài hơn người khác. Bốn, tay và chưn dịu mềm hơn chỗ khác trên thân. Năm, gót chưn rộng no đầy đẹp tốt. Sáu, các ngón tay, ngón chưn có màn lưới mỏng trong suốt liền nhau, đẹp hơn người khác. Bảy, lưng bàn chưn cao bằng đẹp tương xứng với gót chưn. Tám, bắp chưn thon đẹp như bắp chưn của Lộc Vương. Chín, đứng thẳng hai tay rờ đến gối. Mười, tướng âm ẩn kín như mã vương, tượng vương. Mười một, thân ngang rộng như cội cây ny câu lô. Mười hai, mỗi lỗ lông mộc một sợi lông màu xanh dịu mềm mà xoắn về phía hữu. Mười bốn, thân màu hoàng kim, màu đẹp hơn vàng diêm phù đàn. Mười lăm, ánh sáng từ thân chiếu ra một tượng. Mười sáu, da mỏng mịn trơn chẳng dính bụi, ruồi muỗi chăng đậu được. Mười bảy, bảy chỗ trên thân no đầy: hai lòng bàn chưn, hai lòng bàn tay, trên đầu hai vai và giữa cổ. Mười tám, dưới hai nách no đầy. Mười chín, phần thân trên như sư tử. Hai mươi, thân hình ngay thẳng. Hai mươi mốt, vai tròn đẹp. Hai mươi hai, có bốn mươi cái răng. Hai mươi ba, răng trắng bằng kín và chưn rất sâu. Hai mươi bốn, bốn cái răng nanh rất trắng hơn cả và lớn. Hai mươi lăm, hai má vuông bầu như má sư tử. Hai mươi sáu, trong yết hầu có hai chỗ rịn nước tân dịch, vị ngọt ngon trên hết các vị ngọt ngon nhứt. Hai mươi bảy, lưỡi lớn mỏng mềm có thể che trùm đến tóc và tai. Hai mươi tám, âm thanh trong trẻo, vang xa như tiếng chim ca lăn tần già. Hai mươi chín, màu mắt sáng như vàng

ròng. Ba mươi, lông nheo như của ngưu vương. Ba mươi mốt, giữa chặng hai mày có lông trắng mềm nhuyễn như bông. Ba mươi hai, xương thịt trên đỉnh đầu vun thành búi. Thân đức Phật thành tựu đủ ba mươi hai tướng này, ánh sáng chiếu khắp cõi Đại Thiên. Nếu lúc muốn chiếu rộng thời chiếu khắp vô lượng vô số thế giới mười phương. Vì chúng sanh nên đức Phật thọ thân ánh sáng một trượng. Nếu phóng vô lượng quang thì không có thời tiết, năm tháng, ngày giờ. Âm thanh của đức Phật vang khắp cõi Đại Thiên. Nếu lúc muốn tiếng lớn thì vang khắp vô lượng vô số thế giới mười phương. Tùy theo số chúng sanh nhiều ít, âm thanh của đức Phật đều khắp đến họ cả. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là tám mươi tùy hình hảo? Một, đỉnh đầu không thể thấy đến. Hai, mũi thẳng cao đẹp và lỗ kín. Ba, mày như vành trăng mới sanh và màu ngọc lưu ly biếc. Bốn, vành tai lớn dầy. Năm, thân vóc vững chắc như Na la diên. Sáu đầu xương móc nhau như móc xích. Bảy, lúc xoay mình lại dạng như tượng vương. Tám, lúc đi bàn chưn cách đất bốn tấc mà chỉ chưn lại hiện trên đất. Chín, móng tay như màu đồng đỏ mỏng mà láng bóng. Mười, xương gối cứng chắc tròn đẹp. Mười một, toàn thân sạch sẽ. Mười hai, thân mềm dịu. Mười ba, thân chăng cong. Mười bốn, ngón tay dài vót tròn. Mười lăm, chỉ tay trang nghiêm. Mười sáu, mạch máu ẩn sâu. Mười bảy, mắt cá chẳng lộ. Mười tám, thân nhuần láng. Mười chín, thân tự giữ ngay, đi thẳng xiên. Hai mươi, thân đầy đủ. Hai mươi mốt, biết đầy đủ. Hai mươi hai, dung nghi đầy đủ. Hai mươi ba, luôn an ổn không gì làm động được. Hai mươi bốn, oai chấn tất cả. Hai mươi lăm, tất cả đều thích nhìn. Hai mươi sáu, khuôn mặt chẳng lớn dài. Hai mươi bảy, chánh dung mạo chẳng đổi sắc. Hai mươi tám, khuôn mặt đầy đủ. Hai mươi chín, môi đỏ màu như màu trái tần bà. Ba mươi, âm thanh vẳng sâu. Ba mươi mốt, lỗ rún sâu tròn đẹp. Ba mươi hai, lông xoắc về phía hữu. Ba mươi ba, tay chưn đều bằng đầy. Ba mươi bốn, tay chưn như ý. Ba mươi lăm, chỉ tay thẳng sáng. Ba mươi sáu, chỉ tay dài. Ba mươi bảy, chỉ tay thẳng dứt. Ba mươi tám, tất cả chúng sanh ác tâm khi nhìn thấy đều hòa vui. Ba mươi chín, gương mặt rộng rất đẹp. Bốn mươi, gương mặt đầy sạch như mặt trăng. Bốn mươi mốt, tùy theo ý chúng sanh mà hòa vui cùng nói chuyện. Bốn mươi hai, chưn lông ra hơi thơm. Bốn mươi ba, miệng ra hơi thơm vô thượng. Bốn mươi bốn, nghi dung như sư tử. Bốn mươi lăm, đi đứng như tượng vương. Bốn mươi sáu, cách đi như nga vương. Bốn mươi bảy, đầu như trái ma đà na. Bốn mươi tám, đầy đủ tất cả âm thanh. Bốn mươi chín, răng bén. Năm mươi, lưỡi màu đỏ. Năm mươi mốt, lưỡi mỏng. Năm mươi hai, lông màu hồng. Năm mươi ba, lông sạch sẽ. năm mươi bốn, mắt rộng dài. Năm mươi lăm, cửa lỗ đủ tướng. Năm mươi sáu, tay chưn trắng đỏ như màu hoa sen hồng. Năm mươi bảy, rún chẳng lộ. Năm mươi tám, bụng chẳng lộ. Năm mươi chín, bụng nhỏ. Sáu mươi, thân chẳng nghiêng động. Sáu mươi mốt, thân vững nặng. Sáu mươi hai, thân phần lớn. Sáu mươi ba, thân cao. Sáu mươi bốn, tay chưn dịu láng sạch sẽ. Sáu mươi lăm, từ nơi thân ánh sáng chiếu ra một trượng. Sáu mươi sáu, ánh sáng chiếu thân mà đi. Sáu mươi bảy, bình đẳng xem chúng sanh. Sáu mươi tám, chẳng khinh chúng sanh. Sáu mươi chín, tùy theo chúng sanh âm thanh chẳng hơn kém. Bảy mươi, thuyết pháp chẳng thấp. Bảy mươi mốt, tùy theo ngữ ngôn của chúng sanh mà thuyết pháp cho họ. Bảy mươi hai, phát âm đúng các âm thanh. Bảy mươi ba, thứ đệ có nhơn duyên thuyết pháp. Bảy mươi bốn, tất cả chúng sanh không

ai có thể nhìn xem hết những tướng trên thân đức Phật. Bảy mươi lăm, người xem không nhàm chán. Bảy mươi sáu, tóc dài đẹp. Bảy mươi bay, tóc chẳng rối. Bảy mươi tám, tóc xoắn đẹp. Bảy mươi chín, tóc màu như thanh châu. Tám mươi, tay chưn có tướng phước đức. Này Tu Bồ Đề! Thân của đức Phật thành tựu tám mươi tùy hình hảo như vậy. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh rằng: Này thiện nam tử! Phải khéo học phân biệt các chữ, cũng khéo biết một chữ nhẫn đến bốn mươi hai chữ. Tất cả ngôn ngữ đều nhập tự môn đầu tiên. Tất cả ngữ ngôn cũng nhập tự môn thứ hai, nhẫn đến tự môn thứ bốn mươi hai, tất cả ngữ ngôn đều nhập trong đó. Một chữ đều nhập trong bốn mươi hai chữ. Bốn mươi hai chữ cũng nhập trong một chữ. Chúng sanh phải khéo học bốn mươi hai chữ ấy. Khéo học bốn mươi hai chữ rồi có thể khéo giảng thuyết tự pháp. Khéo giảng nói tự pháp rồi khéo giảng nói vô tự pháp. Này Tu Bồ Đề! Như đức Phật khéo biết pháp, khéo biết tự, khéo biết vô tự. Vì vô tự pháp mà nói tự pháp. Tại sao? Vì vượt qua tất cả danh tự pháp nên gọi là Phật pháp. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng hai thứ bố thí nhiếp lấy chúng sanh, đó là tài thí và pháp thí. Đây là việc hi hữu khó theo kịp của Bồ Tát. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát ái ngữ nhiếp lấy chúng sanh? Đại Bồ Tát dùng sáu ba la mật, vì chúng sanh thuyết pháp, bảo rằng: Các ngươi thật hành sáu ba la mật nhiếp lấy tất cả thiện pháp. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát lợi hành nhiếp lấy chúng sanh? Đại Bồ Tát luôn luôn giáo hóa chúng sanh, bảo họ thật hành sáu ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát đồng sự nhiếp lấy chúng sanh? Do dùng sức sáu thứ thần thông, Đại Bồ Tát biến hóa nhiều cách vào trong sáu loài cùng với chúng sanh đồng sự, rồi dùng bốn pháp nhiếp mà nhiếp lấy họ". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh rốt ráo bất khả đắc, pháp cũng bất khả đắc, pháp tánh cũng bất khả đắc, vì rốt ráo không, vô thỉ không vậy. Đại Bồ Tát thế nào lúc hành Bát nhã ba la mật, hành Thiền ba la mật, hành Tiến ba la mật, hành Nhẫn ba la mật, hành Giới ba la mật, hành Thí ba la mật lại hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám không; lại hành không, vô tướng và vô tác tam muội, bát bội xả, cửu thứ đệ định, lại hành Phật thập lực, tứ vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo? Thế nào lại an trụ báo đắc năm món thần thông mà vì chúng sanh thuyết pháp; chúng sanh thiệt bất khả đắc vì chúng sanh bất khả đắc vậy. Sắc bất khả đắc, nhẫn đến thức bất khả đắc, vì năm ấm bất khả đắc vậy. Sáu ba la mật, nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo đều bất khả đắc. Trong những bất khả đắc ấy, không có chúng sanh, không có sắc, nhẫn đến không có tám mươi tùy hình hảo. Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì chúng sanh thuyết pháp? Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát còn bất khả đắc, huống là có Bồ Tát pháp!". Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Đúng như lời ông nói. Vì chúng sanh bất khả đắc nên biết là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhứt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, chư pháp không, tánh không, tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không. Vì chúng sanh bất khả đắc nên biết là ngũ ấm không, thập nhị nhập không, thập bát giới không, thập nhị nhơn duyên không, tứ đế không, ngã, chúng sanh thọ

mạng đều không, sanh giả, dưỡng giả, dục giả, chúng số giả đều không, nhơn giả, tác giả, sử tác giả đều không, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả đều không, tri giả, kiến giả đều không. Vì chúng sanh bất khả đắc nên biết tứ thiền không, tứ vô lượng tâm không, tứ vô sắc định không, nên biết ba mươi bảy pháp trợ đạo không, không, vô tướng, vô tác đều không, bát bội xả không, cửu thứ đệ định không. Vì chúng sanh bất khả đắc nên biết Phật thập lực không, tứ vô úy không, bốn trí vô ngại không, mười tám pháp bất cộng không. Nên biết quả Tu Đà Hoàn không, quả Tư Đà Hàm không, quả A Na Hàm không, quả A La Hán không, đạo Bích Chi Phật không. Nên biết Bồ Tát địa không, Vô Thượng Bồ Đề không. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp không như vậy, vì chúng sanh thuyết pháp chẳng mất các tướng không. Bồ Tát này lúc quán như vậy biết rõ tất cả pháp vô ngại. Biết tất cả pháp vô ngại rồi chẳng phá hoại các pháp tướng, chẳng thấy khác, chẳng phân biệt, chỉ vì chúng sanh, thuyết pháp đúng như thiệt. Ví như hóa nhơn của đức Phật biến hóa ra, hóa nhơn này lại hóa ra làm vô lượng ngàn trăm ức người, có người dạy bố thí, có người dạy trì giới, nhân nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, có người dạy tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định. Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Hóa nhơn của đức Phật biến hóa ra đó có phân biệt, phá hoại các pháp chăng?". – Bạch đức Thế Tôn! Hóa nhơn đó không có tâm, không có tâm sở, đâu có phân biệt, phá hoại các pháp. – Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên phải biết Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật vì chúng sanh mà thuyết pháp đúng chỗ đáng nói, đem chúng sanh ra khỏi chỗ điên đảo, làm cho chúng sanh được đến chỗ an trụ, vì pháp chẳng trói, chẳng mở vậy. Tại sao vậy? Này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng trói, chẳng mở. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng trói, chẳng mở. Sắc không trói, không mở chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức không trói, không mở chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Tại sao? Vì sắc rốt ráo thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến tất cả pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi cũng đều rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát vì chúng sanh thuyết pháp cũng chẳng có được chúng sanh và tất cả pháp. Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy. Bồ Tát vì chẳng an trụ nơi pháp nên an trụ trong các pháp tướng, đó là sắc không nhẫn đến pháp hữu vi, pháp vô vi không. Tại sao? Vì sắc nhẫn đến pháp hữu vi, pháp vô vi tự tánh bất khả đắc nên không có chỗ an trụ. Pháp vô sở hữu chẳng an trụ pháp vô sở hữu. Pháp tự tánh chẳng an trụ pháp tự tánh. Pháp tha tánh chẳng an trụ pháp tha tánh. Tại sao? Vì tất cả pháp ấy đều bất khả đắc. Pháp bất khả đắc sẽ an trụ chỗ nào? Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng các pháp không ấy có thể thuyết pháp như vậy. Hành Bát nhã ba la mật như vậy, ở nơi chư Phật và hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật không có lỗi. Tại sao? Chư Phật, chư Bồ Tát và Bích Chi Phật cùng A La Hán được pháp này rồi vì chúng sanh thuyết pháp cũng chẳng chuyển các pháp tướng. Vì như, pháp tánh, thiệt tế chẳng chuyển được vậy. Tại sao? Vì các pháp không có tánh. Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp tánh, như, thiệt tế chẳng chuyển thì sắc cùng pháp tánh có khác chăng? Sắc cùng với như và thiệt tế có khác chăng. Thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu có khác chăng? – Không. Này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng khác pháp tánh, chẳng khác như, chẳng khác thiệt tế. thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến hữu lậu, vô lậu cũng chẳng khác. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu sắc chẳng khác pháp

tánh, chẳng khác như, chẳng khác thiệt tế, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến hữu lậu, vô lậu chẳng khác thì làm sao phân biệt pháp ác có ác báo là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, pháp lành có báo lành là Người và Trời? Thế nào phân biệt pháp ác, không thiện có báo không ác, không thiện là quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề? Này Tu Bồ Đề! Vì là thế đế nên phân biệt nói có quả báo, chẳng phải trong đệ nhứt nghĩa đế. Trong đệ nhứt nghĩa đế chẳng thể nói nhơn duyên, quả báo. Tại sao? Đệ nhứt nghĩa đế thiệt không có tướng, không có phân biệt, cũng không có ngôn thuyết. Dó là vì sắc nhẫn đến pháp hữu lậu, vô lậu bất sanh bất diệt, bất cấu, bất tịnh, rốt ráo không, vô thỉ không vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu do nơi thế đế mà phân biệt nói có quả báo chớ chẳng phải đệ nhứt nghĩa đế, thì tất cả người phàm lẽ ra có quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Người phàm có biết là thế đế, có biết là đệ nhứt nghĩa đế chăng? Nếu biết thì người phàm ấy lẽ ra đã là quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Bởi người phàm thiệt chẳng biết thế đế, chẳng biết đệ nhứt nghĩa đế, chẳng biết đạo, chẳng biết phân biệt đạo quả thì làm sao có được các quả. Này Tu Bồ Đề! Thánh nhơn biết thế đế, biết đệ nhứt nghĩa đế, có đạo, có tu đạo, thế đế thánh nhơn sai biệt có các quả. – Bạch đức Thế Tôn! Tu đạo được quả chăng? – Không. Này Tu Bồ Đề! Tu đạo chẳng được quả, cũng chẳng rời lìa đạo được quả, cũng chẳng an trụ trong đạo được quả. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà phân biệt các quả, cũng chẳng phân biệt là tánh hữu vi, tánh vô vi. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu chẳng phân biệt tánh hữu vi, tánh vô vi mà được các quả, tại sao đức Phật lại nói vì kiết sử tam giới hết nên gọi là quả Tu Đà hoàn, vì tham, sân, si mỏng nên gọi là Tư Đà Hàm, vì tham, sân, si mạn nghi cõi Dục hết nên gọi là quả A Na Hàm, vì tham, sân, si, mạn, nghi cõi Sắc, Vô Sắc hết nên gọi là quả A La Hán, bao nhiêu pháp tập nhơn đều diệt tan thì gọi là Bích Chi Phật đạo, vì tất cả tập chủng phiền não dứt hẳn nên gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Bạch đức Thế Tôn! Tôi phải biết phân biệt tánh hữu vi, tánh vô vi thế nào để được các quả? – Này Tu Bồ Đề! Ông cho quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề là hữu vi? Là vô vi? – Bạch đức Thế Tôn! Đều là vô vi. – Này Tu Bồ Đề! Trong pháp vô vi có phân biệt chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thông đạt tất cả pháp, hoặc hữu vi hoặc vô vi là nhứt tướng, đó là vô tướng, thì có phân biệt là hữu vi hay vô vi chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát vì chúng sanh thuyết pháp chẳng phân biệt các pháp. Đó là vì nội không nhẫn đến vì vô pháp hữu pháp không vậy. Bồ Tát ấy tự mình được pháp không chỗ chấp trước rồi cũng dạy người khác pháp không chỗ chấp trước: Hoặc là sáu ba la mật, hoặc là tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, hoặc là ba mươi bảy pháp trợ đạo nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Vì Bồ Tát này tự mình chẳng chấp trước, nên cũng dạy người khác được chẳng chấp trước. Vì không chỗ chấp trước nên không chỗ ngại. Ví như hóa nhơn của đức Phật biến hóa ra, bố thí cũng chẳng thọ báo bố thí, chỉ vì độ chúng sanh. Nhẫn đến thành nhứt thiết chủng trí chẳng thọ báo nhứt thiết chủng trí. Cũng vậy, Đại Bồ Tát hành sáu ba la mật nhẫn đến hành tất cả pháp, hoặc hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, Đại Bồ Tát chẳng trụ cũng chẳng thọ báo, chỉ vì độ chúng sanh. Tại sao? Vì Đại Bồ Tát ấy

khéo thông đạt tất cả pháp tướng vậy".

*** 79. PHẨM THIỆN ĐẠT THỨ BẢY MƯƠI CHÍN

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát khéo thông đạt các pháp tướng?". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ví như hóa nhơn chẳng hiện hành tham, sân, si, chẳng hiện hành sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng hiện hành nội ngoại pháp, chẳng hiện hành phiền não kiết sử, chẳng hiện hành pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, cũng không có thánh quả. Cũng như vậy, Bồ Tát không có những sự ấy, cũng chẳng phân biệt pháp ấy. Đây gọi là thông đạt các pháp tướng". – Bạch đức Thế Tôn! Hóa nhơn thế nào có tu đạo? – Này Tu Bồ Đề! Hóa nhơn tu đạo chẳng cấu, chẳng tịnh, cũng chẳng ở năm loài sanh tử. Ý của ông nghĩ sao, này Tu Bồ Đề! Hóa nhơn của đức Phật biến hóa ra có sự thiệt căn bổn, có cấu, có tịnh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Hóa nhơn của đức Phật biến ra không có sự thiệt căn bổn, cũng không có cấu, cũng không có tịnh, cũng chẳng ở năm loài sanh tử. – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát khéo thông đạt các pháp tướng cũng như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức như hóa chăng? – Này Tu Bồ Đề! Tất cả sắc như hóa, tất cả thọ, tưởng, hành, thức như hóa. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả sắc như hóa, tất cả thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến tất cả pháp như hóa. Hóa nhơn không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không cấu, không tịnh, không năm loài sanh tử, cũng không chỗ giải thoát, thì Bồ Tát có những công dụng gì? – Này Tu Bồ Đề! Ý của ông nghĩ sao, Đại Bồ Tát lúc hành đạo Bồ Tát, các Ngài có thấy chúng sanh từ trong Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nhơn, Thiên được giải thoát chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Các Ngài không thấy có. – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng thấy có chúng sanh từ ba cõi được giải thoát. Tại sao? Vì Đại Bồ Tát thấy biết tất cả pháp như huyễn, như hóa. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát thấy biết tất cả pháp như huyễn, như hóa, vì những sự gì mà Bồ Tát hành sáu ba la mật, hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, hành tứ vô sắc định, hành ba mươi bảy pháp trợ đạo nhẫn đến hành đại từ đại bi, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh? – Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh tự biết các pháp như huyễn, như hóa thì Đại Bồ Tát trọn chẳng ở vô số kiếp vì chúng sanh mà hành Bồ Tát đạo. Bởi chúng sanh chẳng tự biết các pháp như huyễn, như hóa nên Đại Bồ Tát ở vô lượng vô số kiếp hành sáu ba la mật, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, được Vô Thượng Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa thì chúng sanh an trụ tại chỗ nào để được Bồ Tát hành sáu ba la mật cứu vớt? – Này Tu Bồ Đề! Chúng sanh chỉ an trụ trong danh tướng, hư vọng, ức tưởng, phân biệt, vì thế nên Bồ Tát hành sáu ba la mật ở trong danh tướng, hư vọng cứu chúng sanh ra. – Bạch đức Thế Tôn! Gì là danh? Gì là tướng? – Này Tu Bồ Đề! Danh ấy chỉ là cưỡng làm giả đặt ra: này là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, này là nam, là nữ, là lớn, là nhỏ, này là Địa ngục, là Ngạ quỷ, là Súc sanh, là Nhơn, là Thiên, này là hữu vi, là vô vi, mày là quả Tu Đà Hoàn, quả Tư

Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, này là Phật đạo. Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp hòa hiệp đều là giả danh. Dùng danh lấy các pháp thế nên là danh. Tất cả pháp hữu vi chỉ có danh tướng. Người phàm ở trong đó sanh chấp trước. Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì dùng sức phương tiện nên ở trong danh tự, dạy cho họ xa rời mà bảo rằng: Các chúng sanh này! Danh ấy chỉ có danh rỗng không, phát sanh trong hư vọng, ức tưởng, phân biệt. Các ngươi chớ chấp trước hư vọng, ức tưởng. Sự ấy bổn lại đều không có, vì tự tánh rỗng không vậy, bực trí giả chẳng chấp trước nó. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện vì chúng sanh mà thuyết pháp. Đó là danh. Những gì là tướng? Này Tu Bồ Đề! Có hai thứ tướng là chỗ mà người phàm chấp trước: Một là sắc tướng. Hai là vô sắc tướng. Những gì gọi là sắc tướng? Những thứ có sắc hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc cấu, đều là rỗng không. Ở trong những pháp rỗng không ấy ức tưởng, phân biệt để tâm nắm lấy tướng. Đây gọi là sắc tướng. Những gì là vô sắc tướng? Nơi các pháp vô sắc ức tưởng, phân biệt để tâm nắm lấy tướng nên sanh phiền não. Đây gọi là vô sắc tướng. Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện dạy chúng sanh xa lìa sự chấp trước phương tiện dạy chúng sanh xa lìa sự chấp trước tướng ấy. Ở trong pháp vô tướng khiến họ rời lìa hai pháp, đó là tướng, là vô tướng. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dạy chúng sanh rời lìa tướng khiến họ an trụ trong tánh vô tướng. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chỉ có danh tướng, thế nào Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật có thể tự lợi ích, cũng dạy người khác khiến họ được lợi hành? Thế nào Bồ Tát đầy đủ các quả địa: từ một quả địa đến một quả địa, cũng dạy chúng sanh khiến họ được quả Tam thừa? – Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp căn bổn quyết định có mà chẳng phải chỉ là danh tướng, thì Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng có thể tự lợi ích, cũng chẳng có thể lợi ích người khác. Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp không có căn bổn sự thiệt mà chỉ có danh tướng, nên Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật có thể đầy đủ Thiền ba la mật, Tiến ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, vì vô tướng vậy. Có thể đầy đủ thứ Thiền ba la mật, Tứ vô lượng tâm ba la mật, Tứ vô sắc định ba la mật, vì vô tướng vậy. Có thể đầy đủ Tứ niệm xứ ba la mật nhẫn đến bát thánh đạo phần ba la mật. Có thể đầy đủ nội không Ba la mật nhẫn đến Vô pháp Hữu pháp không ba la mật, vì vô tướng vậy. Có thể đầy đủ Giải thoát ba la mật, Cửu thứ đệ định ba la mật, vì vô tướng vậy. Có thể đầy đủ giải thoát ba la mật, Cửu thứ đệ định ba la mật, vì vô tướng vậy. Có thể đầy đủ Phật thập lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng ba la mật, vì vô tướng vậy. Vì vô tướng, nên Bồ Tát tự mình đầy đủ các pháp lành, cũng giáo hóa người khác khiến họ đầy đủ pháp lành, vì vô tướng vậy. Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp tướng mà thiệt có chừng hào ly, thì lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát chẳng biết được các pháp vô tướng, vô niệm được Vô Thượng Bồ Đề, cũng dạy chúng sanh khiến họ được pháp vô lậu. Tại sao? Vì tất cả pháp vô lậu đều vô tướng, vô niệm vậy. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dùng pháp vô lậu lợi ích chúng sanh. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp vô tướng, vô niệm, sao lại kể là pháp Thanh Văn, là pháp Bích Chi Phật, là Bồ Tát, là pháp Phật? – Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao, pháp vô tướng với pháp Thanh Văn có khác chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không có khác. – Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tướng có phải tức là quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà

Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát, pháp Phật chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Đúng như vậy. – Này Tu Bồ Đề! Vì lẽ ấy nên biết tất cả pháp đều vô tướng. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học tất cả pháp vô tướng này thì được thêm lớn pháp lành, đó là sáu ba la mật, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Tại sao vậy? Bồ Tát chẳng lấy những pháp khác làm trọng yếu bằng ba môn giải thoát. Vì tất cả pháp tự tướng không, đó gọi là không giải thoát môn. Vì tất cả pháp vô tướng, đó gọi là vô tướng giải thoát môn. Vì tất cả pháp vô tác, vô khởi, đó gọi là vô tác giải thoát môn. Nếu Đại Bồ Tát học ba môn giải thoát thì có thể học tướng ngũ ấm, có thể học tướng thập nhị nhập, có thể học tướng thập bát giới, có thể học tướng tứ thánh đế, có thể học mười hai nhơn duyên, có thể học nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, có thể học sáu ba la mật đến mười tám pháp bất cộng. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật có thể học tướng ngũ ấm như thế nào? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật biết sắc tướng, biết sắc sanh diệt, biết sắc như. Thế nào là biết sắc tướng? Biết sắc rôt ráo không, thành phần của nó phân chia sai khác hư giả không thiệt như bọt nước, không bền, không chắc. Đó là biết sắc tướng. Thế nào là biết sắc sanh diệt? Lúc sanh khởi, sắc không từ đâu lại, lúc đi không chỗ đến. Nếu biết chẳng lại, chẳng đi, đó là biết sắc sanh diệt. Thế nào là biết sắc như? Sắc như ấy chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng lại, chẳng đi, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh, đó là biết sắc như. Này Tu Bồ Đề! Như đó là nói như thiệt chẳng hư. Như đó là trước sau và chặng giữa cũng vậy, thường chẳng đổi khác. Đó là biết sắc như. Thế nào là biết thọ tướng? Thế nào là biết thọ sanh diệt? Thế nào là biết thọ như? Bồ Tát biết các thọ tướng như bong bóng nước: một khởi, một diệt. Đó là biết thọ tướng. Biết thọ không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Đó là biết thọ sanh diệt. Thọ như ấy chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh, đó là biết thọ như. Thế nào là biết tưởng tướng? Tưởng sanh diệt? Tưởng như? Tưởng ấy, Bồ Tát biết như diệm, chẳng thể được, mà vọng tưởng là nước. Đó là tưởng tướng. Tưởng ấy không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Đó là biết tưởng sanh diệt. Tưởng như ấy chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng chuyển đổi nơi thiệt tướng. Đó là biết tưởng như. Thế nào là biết hành tướng? Hành sanh diệt? Hành như? Bồ Tát biết hành như thân cây chuối, từ bẹ từ bẹ lột bỏ chẳng có cứng chắc. Đó là biết hành tướng. Các hành sanh khởi không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Đó là biết hành sanh diệt. Các hành chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh. Đó là biết hành như. Thế nào là biết thức tướng? Thức sanh diệt? Thức như? Bồ Tát biết thức như nhà ảo thuật, ảo thuật ra bốn binh chủng, không có thiệt. Đó là biết thức tướng. Thức ấy lúc phát sanh không từ đâu lại, lúc diệt không chỗ đến. Đó là biết thức sanh diệt. Thức như ấy chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh. Đó là biết thức như. Thế nào là biét thập nhị nhập? Bồ Tát biết nhãn căn nhãn căn tánh không, nhẫn đến ý căn ý căn tánh không, biết sắc sắc tánh không, nhẫn đến pháp pháp tánh không. Thế nào là biết thập bát giới? Bồ Tát biết nhãn giới nhãn giới tánh không, nhẫn đến ý thức ý thức giới không. Thế nào là biết tứ thánh đế? Lúc biết khổ thánh đế, Bồ Tát xa rời quan

niệm dị biệt, thấy có hai pháp mà biết khổ đế chẳng hai, chẳng khác. Với tập, diệt và đạo cũng như vậy. Thế nào là biết mười hai nhơn duyên? Bồ Tát biết mười hai nhơn duyên chẳng có tướng sanh". Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lúc hành Bát nhã ba la mật, nếu Đại Bồ Tát đều riêng phân biệt biết các pháp, toan không do sắc tánh mà pháp hoại pháp tánh, nhẫn đến do nhứt thiết chủng trí tánh mà phá hoại pháp tánh chăng?". – Này Tu Bồ Đề! Nếu ngoài pháp tánh lại còn có pháp thì mới có lẽ là pháp hoại pháp tánh. Ngoài pháp tánh, pháp chẳng thể có được nên chẳng hoại. Tại sao? Này Tu Bồ Đề! Phật và đệ tử của đức Phật biết ngoài pháp tánh, pháp chẳng thể có được. Vì pháp chẳng thể có được nên chẳng thể nói ngoài pháp tánh có pháp. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật phải học pháp tánh. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát nếu học pháp tánh phải chăng là không chỗ học? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học pháp tánh thì học tất cả pháp. Tại sao? Vì tất cả pháp là pháp tánh. – Bạch đức Thế Tôn! Duyên cớ gì tất cả pháp là pháp tánh? – Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp vào trong tánh vô vi vô tướng. Vì thế nên học pháp tánh thì học tất cả pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là pháp tánh, tại sao Đại Bồ Tát học sáu ba la mật, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định? Tại sao Bồ Tát học ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba môn giải thoát, tám bội xả, chín định thứ đệ, mười trí lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng? Tại sao học sáu thần thông, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo? Tại sao Bồ Tát học sanh vào nhà đại tộc, các cõi Trời? Tại sao Bồ Tát học địa phát tâm thứ nhứt đến địa thứ mười? Tại sao Bồ Tát học địa Thanh Văn, địa Bích Chi Phật, vị Bồ Tát? Tai sao Bồ Tát học thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, các môn đà là ni, nhạo thuyết biện tài. Tại sao Bồ Tát học Vô Thượng Bồ Đề, học xong được nhứt thiết chủng trí biết tất cả pháp? Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp tánh của các pháp không có sự khác biệt ấy. Bạch đức Thế Tôn! Phải chăng Bồ Tát sa vào phi đạo? Tại sao? Vì trong pháp tánh không có sự khác biệt ấy. Trong pháp tánh không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Pháp tánh cũng chẳng xa rời sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc tức là pháp tánh, pháp tánh tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Tất cả pháp cũng vậy. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Đúng như lời ông nói: sắc tức là pháp tánh, thọ, tưởng, hành, thức tức là pháp tánh. Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, nếu Đại Bồ Tát thấy có pháp ngoài pháp tánh thì là chẳng cầu Vô Thượng Bồ Đề. Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát biết tánh của tất cả các pháp là Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát biết tất cả pháp là pháp tánh rồi ở nơi pháp không danh tướng dùng danh tướng để giảng thuyết, đó là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến là Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Ví như nhà ảo thuật ở trước công chúng thuật làm các thứ hình sắc, nào là gái, trai, voi, ngựa, nào là vườn rừng xinh tươi và những nhà cửa, nào là suối chảy, ao tắm, xiêm Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, hoa hương, anh lạc, đồ uống, món ăn, nào là hòa ca tấu nhạc để giúp vui mọi người. Nhà ảo thuật lại thuật làm ra người rồi bảo bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, tu trí huệ. Nhà ảo thuật này lại thuật làm dòng đại tộc, các cõi Trời, các Thánh Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Đại Bồ Tát từ sơ phát tâm thật hành sáu ba la mật, hành sơ địa đến thập địa, nhập vị Bồ Tát, du hí thần thông, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, du hí các thiền định giải thoát tam muội, thật hành

Phật thập lực nhẫn đến thân Phật đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Nhà ảo thuật, thuật làm ra như vậy cho mọi người xem. Trong hàng khán giả, người vô trí hết sức khen ngợi tài giỏi của nhà ảo thuật. Người có trí suy gẫm rằng: thật chưa từng có, trong ấy không có sự thiệt mà có thể dùng pháp không chỗ có để làm vui đẹp mọi người, từ nơi không hình tướng, không sự có sự tướng nhưng vẫn không có tướng có. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng thấy có pháp rời ngoài pháp tánh. Lúc hành Bát nhã ba la mật, vì sức phương tiện, Đại Bồ Tát dầu chẳng thấy có chúng sanh mà tự bố thí, cũng dạy người khác bố thí, khen ngợi bố thí, vui mừng khen ngợi bố thí. Nhẫn đến tự tu trí huệ, cũng dạy người tu trí huệ, vui mừng khen ngợi người tu trí huệ. Đại Bồ Tát tự thật hành thập thiện, ngũ giới, bát giới, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ba mươi bảy pháp trợ đạo, nhẫn đến tự thật hành mười tám pháp bất cộng, khen ngợi mười tám pháp bất cộng, vui mừng khen ngợi người thật hành mười tám pháp bất cộng. Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp tánh trước, sau và giữa có dị biệt thì Đại Bồ Tát chẳng thể do sức phương tiện để hiển thị pháp tánh, thành tựu chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Do vì pháp tánh trước, sau và giữa không dị biệt, thế gian Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật vì lợi ích chúng sanh mà thật hành Bồ Tát đạo vậy".

*** 80. PHẨM THẬT TẾ THỨ TÁM MƯƠI

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh rốt ráo bất khả đắc thì Bồ Tát vì ai mà thật hành Bát nhã ba la mật?". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Bồ Tát vì thật tế mà hành Bát nhã ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Nếu thật tế cùng chúng sanh tế dị biệt thì Bồ Tát chẳng hành Bát nhã ba la mật. Nhưng do vì thật tế, chúng sanh tế chẳng dị biệt nên Đại Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh mà hành Bát nhã ba la mật. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì chẳng phá hoại thật tế mà kiến lập chúng sanh trong thật tế. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật tế tức là chúng sanh tế thì Bồ Tát kiến lập thật tế ở nơi thật tế. Bạch đức Thế Tôn! Nếu kiến lập thật tế ở nơi thật tế thì là kiến lập tự tánh ở nơi tự tánh. Bạch đức Thế Tôn! Chẳng được kiến lập tự tánh ở nơi tự tánh. Bạch đức Thế Tôn! Tại sao lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát kiến lập chúng sanh ở nơi thật tế? – Này Tu Bồ Đề! Thật tế chẳng thể kiến lập ở thật tế, tự tánh chẳng thể kiến lập ở tự tánh. Nay Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật vì sức phương tiện nên kiến lập chúng sanh ở thật tế. Thật tế chẳng khác chúng sanh tế. Thật tế cùng chúng sanh tế không hai, không khác. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là sức phương tiện của Đại Bồ Tát? Dùng sức phương tiện ấy, Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật kiến lập chúng sanh ở thật tế, cũng chẳng phá hoại tướng thật tế. – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên kiến lập chúng sanh ở nơi bố thí. Kiến lập xong, Bồ Tát nói bố thí rốt ráo rỗng không: Bố thí như vậy trước, sau, chặng giữa đều rỗng không, người thí rỗng không, quả báo bố thí rỗng không, kẻ thọ nhận cũng rỗng không. Này các người! Trong thật tế, tất cả pháp ấy đều bất khả đắc. Các người chớ quan niệm bố thí khác, người thí khác, quả bố thí khác, kẻ thọ nhận khác. Nếu các người chẳng quan

niệm dị biệt thì bố thí có thể đưa đến mùi cam lồ, được quả mùi vị cam lồ. Vì bố thí như thế nên các người chớ chấp trước sắc, chớ chấp trước thọ, tưởng, hành, thức. Tại sao? Bố thí ấy, tướng bố thí rỗng không. Người thí, người thí rỗng không. Quả báo thí, quả báo thí rỗng không. Kẻ thọ nhận, kẻ thọ nhận rỗng không. Trong rỗng không mà bố thí thì bố thí bất khả đắc, người thí bất khả đắc, quả báo thí bất khả đắc, kẻ thọ nhận bất khả đắc. Tại sao? Vì các pháp ấy rốt ráo tự tánh rỗng không vậy. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên dạy chúng sanh trì giới, bảo họ rằng các người trừ bỏ sát sanh nhẫn đến trừ bỏ tà kiến. Tại sao? Vì pháp mà các người phân biệt không có tánh như vậy. Các người nên suy nghĩ kỹ: những gì là chúng sanh mà muốn giết chết? Dùng những vật gì để giết chết? Nhẫn đến tà kiến cũng suy nghĩ kỹ như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng sức phương tiện như vậy thành tựu chúng sanh. Đại Bồ Tát này liền vì chúng sanh mà nói quả báo bố thí, trì giới. Quả báo bố thí, trì giới ấy tự tánh rỗng không. Biết quả báo bố thí, trì giới tự tánh rỗng không rồi, trong ấy chẳng chấp trước. Vì chẳng chấp trước nên tâm chẳng tán loạn hay sanh trí huệ. Dùng trí huệ ấy dứt diệt tất cả kiết sử phiền não, nhập vô dư Niết Bàn. Trên đây là pháp thế tục, chẳng phải đệ nhứt thiệt nghĩa. Tại sao? Vì trong rỗng không, không có diệt, cũng không có kẻ diệt. Các pháp rốt ráo không chính đó là Niết Bàn. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thấy chúng sanh tâm phiền não giận hờn bèn dạy rằng: Người lại đây! Người nên tu hạnh nhẫn nhục, làm người nhẫn nhục, người nên thích nhẫn nhục. Sân hận của người, tự tánh nó rỗng không. Người nên suy nghĩ kỹ như vầy: Tôi ở trong pháp nào mà giận? Ai là người giận? Người bị giận là ai? Pháp ấy đều không. Pháp tánh không ấy không có lúc nào là chẳng rỗng không. Rỗng không ấy chẳng phải do Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật làm ra, cũng chẳng phải do chư Thiên hay quỷ thần làm ra. Người nên suy nghĩ kỹ như vầy: Giận ai? Ai là người giận? Những gì là sự giận? Tất cả pháp ấy tự tánh rỗng không. Pháp rỗng không không có chỗ giận. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát dùng pháp nhơn duyên ấy kiến lập chúng sanh nơi tánh không, thứ lớp lần lần chỉ dạy cho họ được lợi ích vui mừng, cho họ được Vô Thượng Bồ Đề. Đây là pháp thế tục, chẳng phải đệ nhứt thiệt nghĩa. Tại sao? Vì trong tánh không ấy không có người được, không có pháp được, không có chỗ được. Này Tu Bồ Đề! Đó gọi là pháp thật tế tánh không. Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà hành pháp ấy. Chúng sanh ấy cũng bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp rời lìa tướng chúng sanh vậy. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên thấy chúng sanh giải đãi dạy cho họ thân tinh tiến, tâm tinh tiến, bảo họ rằng: Này các người! Trong tánh không của các pháp không có giải đãi, không có người giải đãi, tánh của tất cả pháp này đều không, không gì vượt qua tánh không. Các người sanh thân tinh tiến, tâm tinh tiến. Vì sanh pháp lành nên chớ có giải đãi. Đây là pháp lành: hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tiến, hoặc thiền định, hoặc trí huệ, hoặc các thiền định giải thoát tam muội, hoặc tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, hoặc không vô tướng, vô tác giải thoát môn đến mười tám pháp bất cộng. Chớ có giải đãi. Này các người! Trong tánh không của tất cả pháp ấy phải biết không có tướng đối ngại. Trong pháp không đối ngại ấy, không có người giải đãi, không có pháp giải đãi. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la

mật, Đại Bồ Tát dạy chúng sanh cho họ an trụ tánh không, chẳng rơi vào pháp có hai. Tại sao? Vì trong tánh không ấy không có hai, không có dị biệt vậy. Pháp không hai ấy không có chỗ chấp trước được. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành tánh không Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát dạy chúng sanh cho họ tinh tiến, bảo họ rằng: Này các người! Phải siêng năng tinh tiến hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tiến, hoặc thiền định, hoặc trí huệ, hoặc thiền định giải thoát tam muội, hoặc tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, hoặc không, vô tướng, vô tác giải thoát môn, hoặc Phật thập lực, hoặc tứ vô úy, hoặc tứ vô ngại trí, hoặc mười tám pháp bất cộng, hoặc đại từ, đại bi. Với các pháp ấy các người chớ quan niệm là tướng hai, cũng chớ quan niệm là tướng chẳng hai. Tại sao? Vì tánh các pháp ấy đều không. Pháp tánh không này, chẳng nên dùng tướng hai để quan niệm, cũng chẳng nên dùng tướng chẳng hai để quan niệm. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh xong, thứ đệ dạy cho họ được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, nhập Bồ Tát vị, được Vô Thượng Bồ Đề. Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát thấy chúng sanh loạn tâm bèn dùng sức phương tiện vì lợi ích chúng sanh nên bảo họ rằng: Này các người! Phải tu thiền định, các người chớ sanh loạn tưởng, phải sanh nhứt tâm. Tại sao? Tánh của các pháp ấy đều là tánh không. Trong tánh rỗng không ấy không có pháp để được, hoặc là loạn hoặc là nhứt tâm. Các người an trụ trong tam muội ấy, chỗ có những tác nghiệp hoặc là thân, là khẩu, là ý, hoặc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, hoặc siêng tinh tiến, hành thiền định, tu trí huệ, hoặc hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, hoặc hành các giải thoát, các định thứ đệ, hoặc hành Phật thập lực đến đại từ đại bi, hoặc hành ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, hoặc Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo, hoặc quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, hoặc đạo Bích Chi Phật, hoặc nhứt thiết chủng trí, hoặc thành tựu chúng sanh, hoặc tịnh Phật quốc độ. Các người phải tùy theo sở nguyện của mình mà thật hành để được an trụ tánh không. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện vì làm lợi ích chúng sanh nên từ khi sơ phát tâm trọn chẳng lười bỏ, thường cầu pháp lành để lợi ích chúng sanh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, theo chư Phật nghe pháp, bỏ thân thọ thân nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng quên mất. Chư Bồ Tát ấy thường được các đà là ni, các căn đầy đủ, đó là thân căn, ngữ căn và ý căn. Tại sao? Vì Đại Bồ Tát này thường tu nhứt thiết chủng trí. Vì tu nhứt thiết chủng trí nên tất cả đạo hạnh đều tu, hoặc là đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật, hoặc là đạo Bồ Tát thần thông. Lúc hành đạo thần thông, Bồ Tát thường lợi ích chúng sanh, vào trong năm loài sanh tử mà trọn chẳng hao mất. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật an trụ tánh không dùng thiền định lợi ích chúng sanh. Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật an trụ tánh không, vì sức phương tiện nên lợi ích chúng sanh, bảo họ rằng: Này các người! Phải quán tất cả pháp tánh không. Các người nên làm các nghiệp: hoặc thân nghiệp, hoặc khẩu nghiệp, hoặc ý nghiệp hướng đến mùi vị cam lồ. Trong tánh không không có pháp thối lui, cũng không có người thối. Bởi tánh không chẳng phải là pháp. Ở trong pháp vô sở hữu sao lại có thối! Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ

Tát dạy bảo chúng sanh như vậy, thường chẳng lười bỏ. Bồ Tát này tự thật hành thập thiện, cũng dạy người khác làm thập thiện. Với năm giới, bát giới trai cũng như vậy. Bồ Tát này tự hành tứ thiền, cũng dạy người khác hành tứ thiền. Thường tự hành từ, bi, hỉ, xả, tự hành bốn định vô sắc, tự hành tứ niệm xứ đến tám phần thánh đạo, tự hành Phật thập lực đến mười tám pháp bất cộng, đến tám mươi tùy hình hảo, cũng dạy người khác hành từ tâm nhẫn đến hành tám mươi tùy hình hảo như vậy. Bồ Tát này ở trong quả Tu Đà Hoàn sanh trí huệ nhưng chẳng an trụ trong quả ấy, cũng dạy người khác được quả Tu Đà hoàn, nhẫn đến A La Hán cũng vậy. Bồ Tát này tự ở trong đạo Bích Chi Phật sanh trí huệ nhưng chẳng an trụ trong đó, cũng dạy người khác được đạo Bích Chi Phật. Bồ Tát này tự mình đến đạo Vô Thượng Bồ Đề, cũng dạy người khác được đạo Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật vì sức phương tiện nên trọn chẳng lười bỏ". Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu tánh các pháp thường không. Trong tánh thường rỗng không ấy, chúng sanh bất khả đắc, pháp và phi pháp cũng bất khả đắc thì đại Bồ Tát thế nào câu nhứt thiết chủng trí?". Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Đúng như lời ông nói, tánh các pháp đều không. Trong tánh không ấy, chúng sanh bất khả đắc, pháp và phi pháp cũng bất khả đắc. Này Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp tánh chẳng không thì Đại Bồ Tát chẳng Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý cứ tánh không thành Vô Thượng Bồ Đề và vì chúng sanh nói pháp tánh không. Này Tu Bồ Đề! Sắc tánh rỗng không, thọ, tưởng, hành, thức tánh rỗng không. Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát nói pháp ngũ ấm tánh không, pháp thập nhị nhập tánh không, pháp thập bát giới tánh không, pháp tứ thiền, tứ tâm, tứ vô sắc định tánh không, pháp tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần tánh không, pháp ba môn giải thoát, tám bội xả, chín định thứ đệ, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo đều tánh không. Đại Bồ Tát cũng nói những pháp Tu Đà Hoàn quả, Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm quả, A La Hán quả, Bích Chi Phật đạo, nhứt thiết chủng trí dứt tập chủng phiền não đều tánh không. Này Tu Bồ Đề! Nếu nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không mà tánh chẳng không thì phá hoại tánh không. Này Tu Bồ Đề! Tánh không ấy chẳng thường, chẳng đoạn. Tại sao? Vì tánh không ấy không chỗ trụ, cũng không chỗ từ đâu lại, cũng không chỗ từ đâu đi. Đây gọi là tướng pháp trụ. Trong đây không có pháp, không có trụ, không có tán, không có tăng, không có giảm, không có sanh, không có diệt, không có cấu, không có tịnh. Đây là các pháp tướng. Đại Bồ Tát an trụ trong các pháp tướng ấy phát tâm Vô Thượng Bồ Đề chẳng thấy pháp có chỗ phát, không có phát, không có trụ. Đây gọi là tướng pháp trụ. Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát ấy thấy tất cả pháp tánh không, chẳng thối chuyển Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì Bồ Tát ấy chẳng thấy có pháp hay chướng ngại thì ở chỗ nào mà sanh nghi. Đây gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Tánh không ấy chẳng có chúng sanh, chẳng có ngã, chẳng có nhơn, chẳng có thọ, chẳng có mạng, nhẫn đến chẳng có tri giả, kiến giả. Trong tánh không ấy, sắc bất khả đắc, thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc, nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo bất khả đắc. Này Tu Bồ Đề! Ví như đức Phật hóa làm tứ chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu bà Di, rồi thường vì tứ chúng này mà thuyết pháp ngàn vạn ức kiếp chẳng dứt. Ý của ông nghĩ sao, hóa chúng ấy sẽ được

quả Tu Đà Hoàn, nhẫn đến sẽ được Vô Thượng Bồ Đề chăng?". – Bạch đức Thế Tôn! Không. Tại sao? Vì các hóa chúng ấy không có căn bổn thiệt sự. Tất cả pháp tánh không, cũng không có căn bổn thiệt sự, thì có những chúng sanh nào được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Đại Bồ Tát vì chúng sanh nói pháp tánh không. Chúng sanh ấy thiệt bất khả đắc. Vì chúng sanh rơi vào trong điên đảo nên cứu vớt chúng sanh, khiến họ an trụ nơi chẳng điên đảo. Điên đảo tức là không điên đảo. Điên đảo và không điên đảo đều là một tướng mà có nhiều điên đảo, có ít chẳng điên đảo. Trong chỗ không điên đảo thì không có ngã, không có chúng sanh, nhẫn đến không có tri giả, kiến giả. Trong chỗ không điên đảo cũng không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không có mười hai nhập, nhẫn đến không có Vô Thượng Bồ Đề. Đây gọi là các pháp tánh không. Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát an trụ trong đây, ở nơi trong tướng chúng sanh điên đảo mà cứu vớt chúng sanh. Đó là trong tướng không chúng sanh, có chúng sanh mà cứu vớt ra. Nhẫn đến trong tướng trị giả, kiến giả mà cứu vớt ra. Ở trong tướng không sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà cứu vớt chúng sanh. Mười hai nhập, mười tám giới nhẫn đến tất cả pháp hữu lậu cũng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Cũng có các pháp vô lậu. Đó là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần. Các páp ấy đều là pháp vô lậu, cũng chẳng bằng tướng đệ nhứt nghĩa. Tướng đệ nhứt nghĩa ấy vô tác, vô vi, vô sanh, vô tướng, vô thuyết. Đây gọi là đệ nhứt nghĩa, cũng gọi là tánh không, cũng gọi là Phật đạo. Trong ấy chúng sanh bất khả đắc, nhẫn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc, sắc, thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì Đại Bồ Tát chẳng phải vì đạo pháp mà cầu Vô Thượng Bồ Đề. Đại Bồ Tát vì chư pháp thiệt tướng tánh không mà cầu Vô Thượng Bồ Đề. Tánh không ấy, tiền tế, hậu tế và trung tế đều tánh không! Thường là tánh không, chẳng có lúc nào là chẳng tánh rỗng không. Đại Bồ Tát hành tánh không Bát nhã ba la mật ấy, vì những chúng sanh chấp trước tướng chúng sanh, muốn cứu vớt họ mà cầu đạo chủng trí. Lúc cầu đạo chủng trí, Đại Bồ Tát thật hành khắp tất cả đạo như là Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo. Đại Bồ Tát ấy đầy đủ tất cả đạo, cứu vớt chúng sanh ra khỏi là tưởng, chấp trước. Thanh tịnh cõi Phật xong, tùy theo thọ mạng được Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Thuở quá khứ, đạo của chư Phật mười phương là tánh không. Thuở vị lai, thuở hiện tại, đạo của chư Phật mười phương là tánh không. Rời tánh không, thế gian không có đạo, không có quả. Cần phải gần gũi chư Phật nghe dạy các pháp tánh không này. Hành pháp này chẳng mất nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Rất là hi hữu. Chư Đại Bồ Tát có hành pháp tánh không ấy mà cũng chẳng phá hoại tướng tánh không. Đó là sắc khác với tánh không, thọ, tưởng, hành, thức khác với tánh không, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề khác với tánh không. – Này Tu Bồ Đề! Sắc tức là tánh không, tánh không tức là sắc. Nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề tức là tánh không, tánh không tức là Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc khác với tánh không, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề khác với tánh không thì Đại Bồ Tát chẳng thể được nhứt thiết chủng trí. Nay sắc chẳng khác tánh không, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng khác tánh không. Vì thế nên Đại Bồ Tát biết tất cả pháp tánh không, phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì trong

ấy không có pháp nào hoặc là thiệt hoặc là thường, chỉ vì hành phàm phu chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có tâm chấp ngã trước nội pháp ngoại pháp, nên thọ lấy thân ngũ ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức kế sau. Vì lẽ ấy mà chẳng thoát được sanh, già, bệnh, chất, sầu bi khổ não, qua lại năm loài. Vì cớ sự ấy nên Đại Bồ Tát hành tánh không Bát nhã ba la mật, chẳng phá hoại các pháp tướng sắc, thọ…hoặc không hoặc bất không. Tại sao? Vì tướng sắc tánh không chẳng phá hoại sắc, đó là sắc, là không, là thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy. Ví như hư không chẳng phá hoại hư không. Nội hư không chẳng phá hoại ngoại hư không, ngoại hư không chẳng phá hoại nội hư không. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng phá hoại sắc tướng không. Tướng sắc không chẳng phá hoại sắc. Tại sao? Vì hai pháp ấy không có tánh có thể có bị phá hoại, đó là không, là chẳng phải không. Nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp rỗng không vô phân biệt, tại sao Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến nay phát nguyện rằng tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề? Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp vô phân biệt, tại sao Bồ Tát phát tâm rằng tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề? Bạch đức Thế Tôn! Nếu phân biệt các pháp chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát hành hai tướng thì không có Vô Thượng Bồ Đề. Nếu phân biệt làm hai phần thì không có Vô Thượng Bồ Đề. Nếu chẳng hai, chẳng phân biệt các pháp thì là Vô Thượng Bồ Đề. Bồ Đề là tướng bất nhị, là tướng bất hoại. Này Tu Bồ Đề! Bồ Đề ấy chẳng hành trong sắc, chẳng hành trong thọ, tưởng, hành, thức. Nhẫn đến Bồ Đề chẳng hành trong Bồ Đề. Tại sao? Vì sắc tức là Bồ Đề, Bồ Đề tức là sắc, chẳng hai, chẳng phân biệt. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy. Bồ Đề ấy chẳng thấy vì lấy mà hành, chẳng phải vì bỏ mà hành. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát, Bồ Đề chẳng phải vì lấy mà hành, chẳng phải vì bỏ mà hành, vậy Đại Bồ Tát, Bồ Đề chỗ nào mà hành? – Này Tu Bồ Đề! Như ý ông nghĩ sao? Như hóa nhơn của đức Phật biến hóa ra hành tại chỗ nào, là hành trong lấy, là hành trong bỏ? – Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải hành trong lấy, chẳng phải hành trong bỏ. – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát, Bồ Đề cũng như vậy, chẳng phải hành trong lấy, chẳng phải hành trong bỏ. Này Tu Bồ Đề! Như ý ông nghĩ sao? A La Hán trong chiêm bao, Bồ Đề hành chỗ nào? Là hành trong lấy, là hành trong bỏ? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Chẳng phải hành trong lấy, chẳng phải hành trong bỏ. Tại sao? Vì A La Hán rốt ráo không ngủ thì thế nào trong chiêm bao, Bồ Đề là hành trong lấy, là hành trong bỏ. – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát, Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy. Chẳng phải hành trong lấy, chẳng phải hành trong bỏ, chỗ gọi là hành trong sắc, nhẫn đến hành trong nhứt thiết chủng trí. – Bạch đức Thế Tôn! Phải chăng Đại Bồ Tát chẳng hành thập địa, chẳng hành sáu ba la mật, chẳng hành ba mươi bảy pháp trợ đạo, chẳng hành mười tám không, chẳng hành các thiền giải thoát tam muội, chẳng hành mười trí lực, nhẫn đến chẳng hành tám mươi tùy hình hảo, trụ năm thần thông, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, được Vô Thượng Bồ Đề? – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói. Nay Bồ Tát dầu Bồ Đề không chỗ hành, nếu chẳng đầy đủ thập địa, sáu ba la mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, nhẫn đến tám mươi tù hình hảo, hạnh thường xả, pháp chẳng hư Luống, pháp chẳng sai lầm, nếu chẳng đầy đủ những pháp ấy thì trọn chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Đại Bồ Tát

ấy trụ trong tướng sắc, trụ trong tướng thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến trụ trong tướng Vô Thượng Bồ Đề, có thể đầy đủ thập địa, nhẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề. Tướng ấy thường tịch diệt, không có pháp hay tăng, hay giảm, hay sanh, hay diệt, hay cấu, hay tịnh, có thể đắc đạo, có thể đắc quả. Vì pháp thế tục đế mà Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề chớ chẳng phải đệ nhứt thiệt nghĩa. Tại sao? Vì trong đệ nhứt nghĩa không có sắc, nhẫn đến không có Vô Thượng Bồ Đề, cũng không có người hành Vô Thượng Bồ Đề. Tất cả pháp ấy đều vì thế tục mà nói, chớ chẳng phải đệ nhứt nghĩa. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến nay hành Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Đề cũng chẳng tăng thêm, chúng sanh cũng chẳng giảm bớt, Bồ Tát cũng không tăng giảm. Này Tu Bồ Đề! Như ý ông nghĩ sao? Nếu người lúc ban sơ đắc đạo trụ vô gián tam muội, được căn vô lậu thành tựu, hoặc quả Tu Đà Hoàn, hoặc quả Tư Đà Hàm, hoặc quả A Na Hàm, hoặc quả A La Hán. Lúc bấy giờ ông có sở đắc, hoặc là mộng, hoặc là tâm, hoặc là đạo, hoặc đạo quả chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không có chỗ được. – Này Tu Bồ Đề! Làm thế nào biết người được đạo A La Hán? – Bạch đức Thế Tôn! Vì thế tục đế nên phân biệt gọi là đạo A La Hán. – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Vì thế tục đế nên gọi là Bồ Tát, nên gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Trong Bồ Đề ấy không có pháp để được hoặc tăng, hoặc giảm. Bởi vì các pháp tánh không vậy. Các pháp tánh không còn là bất khả đắc, huống là có được tâm sơ địa nhẫn đến tam thập địa, huống là có sáu ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo nhẫn đến tất cả Phật pháp! Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Vô Thượng Bồ Đề được pháp Vô Thượng Bồ Đề lợi ích chúng sanh như vậy".

*** 81. PHẨM CỤ TÚC THỨ TÁM MƯƠI MỐT

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát hành sáu ba la mật, mười tám không, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng mà chẳng đầy đủ Bồ Tát đạo, chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề, vậy Đại Bồ Tát phải thế nào để được Vô Thượng Bồ Đề?". Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: "Lúc hành Bát nhã ba la mật, nếu Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên hành Đàn na ba la mật: chẳng thấy có bố thí, chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có người thọ, cũng chẳng xa rời các pháp ấy mà hành Đàn na ba la mật. Đây là soi sáng Bồ Tát đạo. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì sức phương tiện nên đầy đủ Bồ Tát đạo như vậy. Đầy đủ xong thì có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy". Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát tu tập Bát nhã ba la mật thế nào?" Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Nếu Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì sức phương tiện nên chẳng phá hoại sắc, chẳng tùy theo sắc. Tại sao? Vì sắc tánh không, nên chẳng hoại chẳng tùy. Nhẫn đến thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì sức phương tiện nên hành Đàn na ba la mật chẳng hoại, chẳng tùy. Tại sao? Vì Đàn na ba la mật tánh không,

nên chẳng hoại, chẳng tùy. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy". – Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tự tánh có thể hoại được, có thể tùy được, thì thế nào Đại Bồ Tát có thể tu tập Bát nhã ba la mật và các học xứ của chư Đại Bồ Tát. Tại sao? Vì Đại Bồ Tát nếu chẳng học Bát nhã ba la mật thì chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề? – Này Xá Lợi Phất! Như lời ông nói, Bồ Tát chẳng học Bát nhã ba la mật thì chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Vì chẳng rời sức phương tiện nên có thể được. Này Xá Lợi Phất! Nếu Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật mà có một pháp tánh khả đắc thì mới nên lấy, còn nếu là bất khả đắc thì sẽ lấy chỗ nào? Những Bát nhã ba la mật, Thiền na ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Thi la ba la mật, Đàn na ba la mật, sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Này Xá Lợi Phất! Bát nhã ba la mật ấy chẳng nắm lấy tướng được. Nhẫn đến tất cả Phật pháp chẳng nắm lấy tướng được. Này Xá Lợi Phất! Đó gọi là bất thủ Bát nhã ba la mật nhẫn đến Phật pháp, là chỗ phải nên học của Đại Bồ Tát. Lúc Đại Bồ Tát học trong ấy, tướng học còn là bất khả đắc huống là Bát nhã ba la mật, Phật pháp, Bồ Tát pháp, Bích Chi Phật pháp, Thanh Văn pháp, phàm phu pháp. Tại sao? Này Xá Lợi Phất! Các pháp không một pháp nào có tánh. Các pháp không có tánh như vậy thì những gì là phàm phu, là Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật! Nếu không có các Hiền Thánh ấy thì sao lại có pháp, vì biết pháp ấy nên phân biệt nói là phàm phu, là Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tánh không thiệt, không căn bổn thì sao lại biết là phàm phu nhẫn đến là Phật? – Này Xá Lợi Phất! Chỗ nắm lấy phàm phu như sắc…có tánh có thiệt chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không chỉ là do tâm điên đảo thôi. – Này Xá Lợi Phất! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện, vì thấy các pháp không có tánh không có căn bổn nên có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện, vì thấy các pháp không có tánh không có căn bổn nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề? – Này Xá Lợi Phất! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát chẳng thấy các pháp căn bổn ở trong đó thối mất, sanh lòng giải đãi. Này Xá Lợi Phất! Nay các pháp căn bổn thiệt không ngã, không có tánh sở hữu, thường rỗng không. Chỉ vì điên đảo ngu si nên chúng sanh nắm lấy ấm, nhập giới. Đại Bồ Tát này lúc thấy các pháp không có tánh sở hữu, thường rỗng không, tự tướng không, thật hành Bát nhã ba la mật, tự lập mình như nhà ảo thuật mà vì chúng sanh thuyết pháp. Với người xan tham, Bồ Tát vì họ nói pháp bố thí. Với người phá giới, nói pháp trì giới. Với người sân hận, nói pháp nhẫn nhục. Với người giải đãi, nói pháp tinh tiến. Với người tán loạn, nói pháp Thiền định. Với người ngu si, nói pháp trí huệ. Bồ Tát thuyết pháp làm cho chúng sanh an trụ nơi bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ. Rồi sau đó vì họ mà nói thánh pháp có thể ra khỏi khổ. Dùng pháp ấy có thể được quả Tu Đà hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát khả đắc chúng sanh vô sở hữu ấy, dạy họ bố thí nhẫn đến trí huệ rồi sau nói thánh pháp có thể ra khỏi khổ. Vì dùng pháp ấy nên được quả Tu Đà hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. – Này Xá Lợi Phất! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát không có lỗi hữu sở đắc. Tại sao? Này Xá Lợi Phất! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát chẳng có được chúng sanh. Chỉ vì pháp rỗng không tương tục mà gọi là chúng sanh. Này Xá

Lợi Phất! Đại Bồ Tát an trụ trong hai đế mà vì chúng sanh thuyết pháp, đó là thế đế nà đệ nhứt nghĩa đế. Này Xá Lợi Phất! Trong hai đế, dầu chúng sanh bất khả đắc, Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật vì sức phương tiện nên thuyết pháp cho chúng sanh. Chúng sanh nghe pháp ấy, đời nay ngô ngã còn là bất khả đắc, huống là người sẽ được Vô Thượng Bồ Đề và pháp dùng để tu. Này Xá Lợi Phất! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên thuyết pháp cho chúng sanh như vậy. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy tâm quảng đại, không có pháp khả đắc, hoặc là nhứt tướng, hoặc là dị tướng, hoặc là biệt tướng mà có thể đại trang nghiêm như vậy. Vì dùng sự trang nghiêm ấy nên chẳng sanh cõi Dục, chẳng sanh cõi Sắc, chẳng sanh cõi vô sắc. Bồ Tát ấy chẳng thấy tánh hữu vi, tánh vô vi mà ở trong ba cõi độ thoát chúng sanh, cũng chẳng có được chúng sanh. Tại sao? Vì chúng sanh chẳng phược, chẳng giải được. Vì chúng sanh chẳng phược, chẳng giải nên không cấu, không tịnh. Vì không cấu, không tịnh nên không phân biệt năm loài. Vì không phân biệt năm loài nên không nghiệp, không phiền não. Vì không nghiệp, không phiền não thì chẳng nên có quả báo. Vì do quả báo ây mà sanh trong ba cõi. – Đúng như vậy. Này Xá Lợi Phất! Như lời ông nói, nếu chúng sanh là trước có sau không thì chư Phật, Bồ Tát có tội lỗi. Các pháp, năm loài sanh tử cũng như vậy, nếu trước có sau không thì chư Phật, chư Bồ Tát có tội lỗi. Này Xá Lợi Phất! Nay đây không luận có Phật hay không Phật, các pháp tướng vẫn trụ không dị biệt. Trong pháp tướng ấy còn không có ngã, không có chúng sanh, thọ giả nhẫn đến không có tri giả, kiến giả, huống là có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nếu không có những pháp ấy thì thế nào có năm loài qua lại, và chỗ cứu vớt chúng sanh ra. Này Xá Lợi Phất! Các pháp ấy, tánh của nó thường không. Vì thế nên chư Đại Bồ Tát từ nơi chư Phật quá khứ nghe pháp tướng ấy mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Trong ấy không có pháp gì để sẽ được, cũng không có chỗ nào chúng sanh quyết định nắm lấy. Pháp chẳng thể ra được. Chỉ vì chúng sanh điện đảo nên nắm lấy. Bởi thế mà Đại Bồ Tát phát đại trang nghiêm thường chẳng thối chuyển Vô Thượng Bồ Đề. Bồ Tát này chẳng nghi ngờ rằng tôi sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Chắc chắn tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Sau khi được Vô Thượng Bồ Đề rồi, dùng thiệt pháp lợi ích chúng sanh cho họ ra khỏi điên đảo. Này Xá Lợi Phất! Ví như nhà ảo thuật, thuật làm trăm ngàn muôn ức người, những thứ uống ăn cho no đủ. Những người này vui mừng hô rằng tôi được phước lớn, tôi được phước lớn. Ý của ông nghĩ sao, trong đây có người nào ăn uống no đủ chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại, thật hành sáu ba la mật, tứ thiền, tứ tâm, tứ định, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, đầy đủ Bồ Tát đạo, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ. Nhưng không có pháp chúng sanh có thể được độ". Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật : "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là Bồ Tát đạo ấy có thể thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ. – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm trở lại, hành Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Thiền định ba la mật, Bát nhã ba la mật nhẫn đến hành mười tám pháp bất cộng, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát hành Bố thí ba la mật thành tựu chúng sanh? – Này Tu Bồ Đề! Có Đại Bồ Tát lúc hành Bố Thí ba la mật, tự mình bố thí, cũng dạy người khác bố thí, bảo họ rằng các người chớ nắm lấy bố thí,

nếu nắm lấy bố thí thì sẽ lại phải thọ thân nữa. Vì phải thọ thân nữa nên phải nhận nhiều sự khổ. Này các người! Trong các pháp tướng không có bị bố thí, không có người bố thí, không có kẻ nhận lãnh. Ba thứ ấy đều tánh rỗng không ấy chẳng thể lấy được. Tướng không thể lấy được là tánh rỗng không. Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bố thí ba la mật, Đại Bồ Tát bố thí chúng sanh, trong ấy chẳng có được bố thí, chẳng có được người thí, chẳng có được kẻ nhận. Tại sao? Vì vô sở đắc ba la mật gọi là Bố thí ba la mật. Vì Bồ Tát ấy chẳng có được ba pháp ấy nên c1o thể dạy chúng sanh cho họ được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bố thí ba la mật, Đại Bồ Tát thành tựu chúng sanh. Bồ Tát ấy tự mình hành bố thí, cũng dạy người bố thí, khen ngợi pháp bố thí, vui mừng khen ngợi người bố thí. Bố thí như vậy xong, Bồ Tát ấy sanh nhà dòng Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, hoặc làm Tiểu Vương, hoặc làm Chuyển Luân Thánh Vương. Bấy giờ dùng bốn việc nhiếp lấy chúng sanh. Đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Dùng bốn việc ấy nhiếp lấy chúng sanh rồi, chúng sanh lần lần an trụ nơi giới, tứ thiền, tứ tâm, tứ định, tứ niệm xứ nhân đến bát thánh đạo phân, ba giải thoát môn, được vào trong chánh vị, được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, hoặc được đạo Bích Chi Phật. Hoặc dạy cho họ được Vô Thượng Bồ Đề ấy rất dễ được. Tại sao? Không có pháp nhứt định làm chỗ chúng sanh nắm lấy được, chỉ vì điên đảo nên chúng sanh nắm lấy thôi. Vì thế mà các người nên tự mình rời lìa sanh tử, cũng phải dạy người khác rời lìa sanh tử. Các người phát tâm hay lợi ích cho mình, cũng sẽ lợi ích người khác. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành Bố thí ba la mật như vậy. Do hành bố thí ba la mật mà từ khi mới phát tâm trở lại, Bồ Tát trọn chẳng đọa ác đạo, thường làm Chuyển Luân Thánh Vương. Tại sao? Vì tùy theo chỗ gieo giống mà được quả báo lớn vậy. Lúc Bồ Tát ấy làm Chuyển Luân Thánh Vương thấy có người đến xin nghĩ rằng tôi chẳng vì việc làm khác mà thọ ngôi Chuyển Luân Thánh Vương, mà chỉ vì lợi ích tất cả chúng sanh. Suy nghĩ xong bảo người đến xin rằng đây là vật của nhà người, nhà ngươi tự lấy đi chớ e dè, ta không tiếc đâu. Ta vì chúng sanh mà thọ lấy sanh tử, vì thương xót các người mà ta đầy đủ lòng đại bi. Bồ Tát thật hành đại bi ấy làm lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng được tướng chúng sanh quyết định thiệt, chỉ giả danh mà có thể gọi là chúng sanh. Danh tự ấy rỗng không. Như tiếng vang, thiệt chẳng thể nói tướng quyết định được. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành Bố thí ba la mật như vậy, ở trong chúng sanh không tiếc gì cả, nhẫn đến chẳng tiếc da thịt của chính thân mình, huống là vật ngoài thân. Do pháp này mà có thể cứu vớt chúng sanh ra khỏi sanh tử. Pháp này là những gì? Đó là Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Bát nhã ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, dùng những pháp ấy làm cho chúng sanh từ trong sanh tử được ra khỏi. Lại Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Bố thí ba Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Bát nhã ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng mật, bố thí xong bảo rằng: Này các người! Các người đến đây giữ giới, tôi sẽ cung cấp các người không để thiếu hụt. Những đồ uống ăn, Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục, đồ năm, nhẫn đến tất cả đồ cần để sống tôi sẽ cung cấp đầy đủ đồ dùng cho các người không thiếu hụt, hoặc là món ăn, thức uống nhẫn đến bảy báu. Các người an trụ trong giới luật nghi này, lần lần sẽ được hết khổ, nương nơi ba thừa mà được giải

thoát, hoặc Thanh Văn thừa, hoặc Bích Chi Phật thừa, hoặc Phật thừa. Lại Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Bố thí ba la mật, nếu thấy chúng sanh sân hận thì bảo họ rằng: Này các người! Duyên cớ gì mà các người giận hờn? Tôi sẽ cấp đồ cần dùng cho các người. Các người muốn vật gì cứ lấy ở nơi tôi, tôi sẽ cung cấp đầy đủ để các người khỏi thiếu hụt. Bồ Tát này an trụ trong Bố thí ba la mật dạy chúng sanh nhẫn nhục, bảo họ rằng: Trong tất cả pháp, không có pháp nào thiệt chắc, chỗ giận của các người là nhơn duyên rỗng không, chẳng thiệt chắc, đều từ nhớ tưởng, hư vọng mà sanh. Các người bị cái sân hận không căn bổn phá hoại nơi tâm mà ác khẩu mắng nhiếc, dao gậy hại nhau, nhẫn đến giết chết. Các người chớ vì pháp hư vọng ấy mà sanh sân hận không căn bổn phá hoại nơi tâm mà ác khẩu mắng nhiếc, dao gậy hại nhau, nhẫn đến giết chết. Các người chớ vì pháp hư vọng ấy mà sanh sân hận để rồi phải đọa trong Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, chịu vô lượng khổ. Các người chớ vì những pháp hư vọng không thiệt mà gậy tội nghiệp. Vì tội nghiệp ấy thì còn chẳng được thân người, huống là được sanh đời có Phật. Này các người! Đời có Phật khó gặp, thân người khó được. Các người chớ để mất dịp tốt. Nếu mất dịp tốt thì chẳng cứu được. Đại Bồ Tát ấy giáo hóa chúng sanh như vậy. Tự mình hành nhẫn nhục, cũng dạy người khác hành nhẫn nhục, khen ngợi pháp nhẫn nhục, vui mừng khen ngợi người hành nhẫn nhục. Bồ Tát ấy làm cho chúng sanh an trụ trong nhẫn nhục, lần lần do tam thừa mà được hết khổ. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật làm cho chúng sanh an trụ nhẫn nhục. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát an trụ bố thí ba la mật làm cho chúng sanh tinh tiến? Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát thấy chúng sanh giải đãi, bảo họ rằng: Các người sao lại giải đãi? Chúng sanh thưa vì nhơn duyên ít. Bồ Tát ấy bảo mọi người rằng tôi sẽ làm cho các người đầy đủ nhơn duyên: hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, những nhơn duyên như vậy làm cho các người đều đầy đủ. Những chúng sanh ấy được Bồ Tát lợi ích nhơn duyên nên họ được thân tinh tiến, khẩu tinh tiến, tâm tinh tiến. Vì ba nghiệp tinh tiến nên đầy đủ tất cả pháp lành, tu pháp thánh vô lậu. Vì tu pháp thánh vô lậu nên được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành Bố thí ba la mật, an trụ Tinh tiến ba la mật để nhiếp lấy chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát lúc hành Bố thí ba la mật, giáo hóa chúng sanh khiến họ tu Thiền ba la mật? Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát thấy chúng sanh loạn tâm, bảo họ rằng các người nên tu thiền định. Chúng sanh thưa chúng tôi chẳng đầy đủ nhơn duyên. Bồ Tát bảo ta sẽ làm cho các người đầy đủ nhơn duyên, để các người tâm chẳng theo giác quán, tâm chẳng chạy tan. Do đủ nhơn duyên ấy, chúng sanh dứt giác quán, nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, hành từ, bi, hỉ, xả. Do thiền và tâm vô lượng ấy mà chúng sanh có thể tu tứ niệm xứ nhẫn đến bát thánh đạo phần. lúc tu ba mươi bảy pháp trợ đạo ấy, chúng sanh lần nhập tam thừa mà được Niết Bàn, trọn chẳng mất đạo. Này Tu Bồ Đề! Như vậy, lúc hành Bố thí ba la mật, Đại Bồ Tát dùng Thiền ba la mật nhiếp lấy chúng sanh, khiến họ hành Thiền ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát hành Bố thí ba la mật, dùng Bát nhã ba la mật nhiếp lấy chúng sanh? Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát thấy chúng sanh ngu si, không trí huệ, bảo họ rằng: Các người sao không tu trí huệ? Chúng sanh thưa vì không đầy đủ nhơn duyên. Bồ Tát ấy bảo những nhơn duyên mà các người cần để được đầy đủ trí huệ có thể lấy ở ta, đó là bố

thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định. Khi những nhơn duyên ấy đã đầy đủ, các ngươi tư duy như vầy: Lúc tư duy Bát nhã ba la mật, có pháp gì có thể được chăng? Những là ngã, chúng sanh, thọ mạng, nhẫn đến tri giả, kiến giả có thể được chăng? Những là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, sáu ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề có thể được chăng? Lúc tư duy như vậy, ở trong Bát nhã ba la mật, chúng sanh ấy không có pháp nào có thể được, có thể nắm lấy. Nếu chẳng nắm lấy các pháp, nấy giờ chúng sanh ấy chẳng thấy pháp có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh, chẳng phân biệt là Địa ngục, là Súc sanh, là Ngạ quỷ, là A tu la, là Nhơn, là Thiên, là Trì giới, là phá giới, là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Phật. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bố thí ba la mật, Đại Bồ Tát dùng Bát nhã ba la mật nhiếp lấy chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát an trụ trong Bố thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tiến ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật nhẫn đến ba mươi bảy pháp trợ đạo nhiếp lấy chúng sanh? Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Bồ thí ba la mật, đem đồ cấp dưỡng làm lợi ích cho chúng sanh. Do nhơn duyên làm lợi ích này, chúng sanh có thể tu tứ niệm xứ nhẫn đến bát thánh đạo phần. Chúng sanh hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo ấy được ra khỏi sanh tử. Như vậy, Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng thánh pháp vô lậu nhiếp lấy chúng sanh. Lại Này Tu Bồ Đề! Lúc Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh bảo họ rằng: Này các người! Các người đến nơi ta mà lấy những vật cần dùng, những là đồ uống ăn, Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục, đồ nằm, hương hoa, nhẫn đến bảy báu. Từ nay các người mãi mãi được lợi ích an vui. Các người chớ nghĩ rằng những vật này chẳng phải sở hữu của chúng tôi. Từ lâu luôn luôn ta vì chúng sanh mà tập hợp những vật ấy, các người nên lấy những vật ấy như vật của mình không khác. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh khiến họ hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, nhẫn đến khiến họ được ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười trí lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, cũng khiến họ được các pháp vô lậu, những là quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Như vậy, lúc hành Bố thí ba la mật, Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh cho họ được rời lìa ba ác đạo và tất cả sự khổ sanh tử qua lại. Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trì giới ba la mật giáo hóa chúng sanh, bảo họ rằng: Các người thiếu nhơn duyên gì mà phá giới? Ta sẽ cấp cho các người để đầy đủ nhơn duyên, những là bố thí, nhẫn đến trí huệ và các thứ vật dùng để sống. Đại Bồ Tát này an trụ Trì giới ba la mật làm lợi ích chúng sanh, khiến họ hành mười điều lành, xa rời mười điều bất thiện. Những chúng sanh ấy trì các giới, chẳng phá giới, chẳng tạp giới, chẳng nắm lấy giới, lần lần do ba thừa mà được hết khổ. Thi ba la mật làm đầu như Bố thí ba la mật. Bốn ba la mật kia cũng như vậy".

*** 82. PHẨM TỊNH PHẬT QUỐC THỨ TÁM MƯƠI HAI

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề suy nghĩ: Những gì là Đại Bồ Tát đạo? Bồ Tát an trụ đạo ấy có thể làm được đại trang nghiêm như vậy. Đức Phật biết tâm niệm của Ngài Tu Bồ Đề liền dạy rằng: "Này Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật là Đại Bồ Tát đạo, ba mươi bảy pháp trợ đạo là Đại Bồ Tát đạo, tám mươi bội xả, chín định thứ đệ là Đại Bồ Tát đạo, mười trí lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng là Đại Bồ Tát đạo, tất cả pháp cũng là Đại Bồ Tát đạo. Này Tu Bồ Đề! Vả có pháp nào Bồ Tát chẳng học mà có thể được Vô Thượng Bồ Đề chăng? Này Tu Bồ Đề! Không có pháp nào mà Bồ Tát chẳng học. Tại sao? Vì nếu Bồ Tát chẳng học tất cả pháp thì chẳng thể được nhứt thiết chủng trí". – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không sao lại nói Bồ Tát học tất cả pháp. Phải chăng đức Thế Tôn ở trong không hí luận mà làm hí luận ư! Những là cái này, cái kia, là pháp thế gian, là pháp xuất thế, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi, là pháp phàm phu, là pháp A La Hán, là pháp Bích Chi Phật, là pháp Phật. – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp thiệt rỗng không. Này Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp chẳng rỗng không thì Đại Bồ Tát chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Nay vì tất cả pháp thiệt rỗng không nên Đại Bồ Tát có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, nếu tất cả pháp rỗng không, phải chăng đức Phật ở trong không hí luận mà làm hí luận, những là phân biệt đây kia, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian nhẫn đến là Phật pháp. Này Tu Bồ Đề! nếu chúng sanh thế gian biết tất cả pháp không thì Đại Bồ Tát chẳng học tất cả pháp, được nhứt thiết chủng trí. Nay vì chúng sanh chẳng biết tất cả pháp không nên Đại Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề rồi phân biệt các pháp, giảng nói cho chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Nơi đạo Bồ Tát này, từ ban sơ đến nay phải tư duy như vầy: Trong tất cả pháp không có được tánh nhứt định, chỉ từ nơi hòa hiệp nhơn duyên mà sanh khởi, nên có danh tự là các pháp, tôi phải tư duy các pháp không có tánh thiệt có thể nắm lấy được, hoặc là sáu ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, hoặc là quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì tất cả pháp, tất cả pháp tánh rỗng không, không chẳng nắm lấy không. Không còn là chẳng có được, huống là trong không mà có nắm lấy. Này Tu Bồ Đề! Tư duy như vậy, Bồ Tát chẳng nắm lấy tất cả pháp mà học tất cả pháp. Bồ Tát an trụ trong sự học ấy quan sát tâm hành của chúng sanh: tâm chúng sanh này hành tại chỗ nào? Bồ Tát biết tâm chúng sanh hành trong hư vọng chẳng thiệt, bèn nghĩ rằng chúng sanh ấy nắm lấy pháp hư vọng chẳng thiệt, rất dễ độ. Bấy giờ Đại Bồ Tát an trụ trong Bát nhã ba la mật, vì dùng sức phương tiện nên giáo hóa chúng sanh rằng: Này các người, nên hành bố thí sẽ được nhiều của cải, cũng chẳng nên cậy quả báo bố thí mà tự cống cao. Tại sao? Vì trong ấy không có pháp chắc thiệt. Giáo hóa họ trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ cũng như vậy. Chúng sanh hành pháp ấy có thể được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Nhưng chớ nghĩ rằng có pháp ấy. Giáo hóa như vậy thì gọi là hành Bồ Tát đạo, vì ở nơi các pháp không chỗ nắm lấy, vì trong các pháp ấy không có chắc thiệt. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tướng nắm lấy, bởi là tánh không có, là tánh rỗng không. Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bồ Tát đạo như vậy, Đại Bồ Tát không chỗ an trụ. Bồ Tát ấy vì dùng pháp chẳng an trụ, nên hành Bố thí ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành Trì giới ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành Nhẫn nhục ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành Tinh tiến ba la mật cũng chẳng an

trụ trong ấy, hành Thiền na ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành Bát nhã ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành bốn thiền, bốn tâm, bốn định, tám bội xả, chín định thứ đệ cũng chẳng an trụ trong ấy. Tại sao? Vì sơ thiền…, sơ thiền… tánh rỗng không, người hành thiền…cũng rỗng không, pháp được dùng cũng rỗng không. Được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến được đạo Bích Chi Phật cũng chẳng an trụ trong ấy. – Bạch đức Thế Tôn! Duyên cớ gì mà chẳng an trụ trong ấy? – Này Tu Bồ Đề! Do hai nhơn duyên mà chẳng an trụ trong ấy: Một là các đạo quả tánh rỗng không, không có chỗ an trụ, cũng không có pháp được dùng, cũng không có người an trụ. Hai là chẳng lấy chút ít làm đủ. Bồ Tát nghĩ rằng tôi chẳng nên chẳng được quả Tu Đà Hoàn, tôi chắc chắn sẽ được quả Tu Đà Hoàn. Chỉ chẳng nên an trụ trong quả ấy. Tại sao? Vì từ lúc ban sơ phát tâm trở lại, tôi không còn có tâm nào khác, chỉ nhứt tâm hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ấy an trụ nhứt tâm như vậy có thể sanh Bồ Đề đạo. – Bạch đức Thế Tôn! nếu tất cả pháp bất sanh thì thế nào Đại Bồ Tát hay sanh Bồ Đề đạo? – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp vô sanh. Vì sao vô sanh? Vì không chỗ làm, không chỗ khởi nên tất cả pháp bất sanh. – Bạch đức Thế Tôn! Có Phật hay không có Phật, các pháp pháp tướng thường trụ ư? – Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Có Phật hay không có Phật, các pháp pháp tướng thường trụ. Bởi chúng sanh chẳng biết pháp ấy an trụ pháp tướng, nên Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà Bồ Đề đạo. Bồ Tát dùng đạo ấy cứu chúng sanh ra khỏi sanh tử. – Bạch đức Thế Tôn! Dùng đạo sanh được Bồ Đề chăng? – Không. – Bạch đức Thế Tôn! Dùng đạo bất sanh, chẳng phải bất sanh được Bồ Đề chăng? – Không. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào sẽ được Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải dùng đạo được Bồ Đề, cũng chẳng dùng phi đạo được Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Bồ Đề tức là đạo, đạo tức là Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ Đề tức là đạo và đạo tức là Bồ Đề, nay lúc Bồ Tát chưa thành Phật lẽ ra phải được Vô Thượng Bồ Đề. Sao lại nói chư Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác có ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi? – Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật có được Bồ Đề chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật không có được Bồ Đề. Tại sao? Vì Phật tức là Bồ Đề, Bồ Đề tức là Phật. – Này Tu Bồ Đề! Như lời hỏi của Tu Bồ Đề, lúc làm Bồ Tát cũng lẽ ra được Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ấy đầy đủ sáu ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, đầy đủ mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đầy đủ an trụ như kim cang tam muội, dùng một niệm tương ứng huệ được Vô Thượng Bồ Đề, bấy giờ gọi là Phật, ở trong tất cả pháp được tự tại. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát tịnh Phật quốc độ? – Này Tu Bồ Đề! Có Bồ Tát từ ban sơ phát tâm trở lại tự trừ nghiệp thô nơi thân, trừ nghiệp thô nơi khẩu, trừ nghiệp thô nơi ý, cũng làm sạch ba nghiệp thô của người khác. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là nghiệp thô nơi thân, nghiệp thô nơi khẩu, nghiệp thô nơi ý? – Này Tu Bồ Đề! Những nghiệp bất thiện như sát sanh nhẫn đến tà kiến gọi là ba nghiệp thô của Bồ Tát. Lại này Tu Bồ Đề! Lòng xan tham, lòng phá giới, lòng giận hờn, lòng giải đãi, lòng tán loạn, lòng ngu si gọi là ý nghiệp thô của Bồ Tát. Giới chẳng thanh tịnh gọi là thân, khẩu nghiệp thô. Lại này Tu Bồ Đế! Nếu Bồ Tát xa rời hạnh tứ niệm xứ thì gọi là Bồ Tát nghiệp thô, xa rời tứ chánh cần nhẫn đến bát thánh đạo phần, tám giải thoát môn cũng gọi là

Bồ Tát nghiệp thô. Lại này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát tham quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến tham quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật thì gọi là Bồ Tát nghiệp thô. Lại này Tu Bồ Đề! nếu Bồ Tát có tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có tướng Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, có tướng sắc, thanh, hương, vi, xúc, pháp, tướng nam, tướng nữ, tướng cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, có tướng pháp thiện, pháp bất thiện, hữu vi, vô vi thì gọi là Bồ Tát nghiệp thô. Đại Bồ Tát đều xa rời những tướng nghiệp thô như vậy, tự mình bố thí, cũng dạy người khác bố thí: cần thức ăn cho thức ăn, cần Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục, cho Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục, nhẫn đến cần các thứ vật dùng để sống đều cấp cho tất cả. Cũng dạy người khác hành bố thí như vậy. Đem phước đức ấy cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng tịnh Phật quốc độ. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ cũng như vậy. Đại Bồ Tát ấy hoặc đem trân bảo đầy cả cõi Đại Thiên cúng dường Tam Bảo, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho quốc độ tôi đều bảy báu làm thành. Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đem kỹ nhạc trời trỗi trước Phật và tháp Phật, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho trong cõi nước tôi thường nghe nhạc trời. Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đem hương trời đầy cả cõi Đại Thiên cúng dường chư Phật và tháp Phật, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho cõi nước tôi thường có hương trời. Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng trăm thức uống ăn cúng dường Phật và Tăng, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho chúng sanh trong cõi nước tôi đều được trăm thức uống ăn. Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng hương trời mịn trơn cúng dường Phật và Tăng, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho chúng sanh trong cõi nước tôi, tất cả đều thọ hương trời mịn trơn. Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tùy ý ngũ dục cúng dường Phật và Tăng cùng tất cả chúng sanh, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho trong cõi nước tôi, hàng đệ tử và tất cả chúng sanh đều được tùy ý ngũ dục, cùng tất cả chúng sanh đồng hồi hướng tịnh Phật quốc độ. nguyện rằng chúng tôi thành Phật, trong cõi nước tôi như ngũ dục cõi Trời ứng theo tâm hiện đến. Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát nguyện rằng tôi sẽ tự mình nhập sơ thiền, cũng dạy tất cả chúng sanh nhập sơ thiền, với nhị thiền nhẫn đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng như vậy. Đại Bồ Tát ấy cũng nguyện: Lúc tôi được Vô Thượng Bồ Đề, tôi sẽ làm cho chúng sanh chẳng xa rời tứ thiền nhẫn đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có thể tịnh Phật quốc độ. Bồ Tát ấy ngần ấy thời gian hành Bồ Tát đạo, đầy đủ các nguyện. Bồ Tát ấy tự thành tựu tất cả pháp lành, cũng cho tất cả chúng sanh thành tựu pháp lành. Bồ Tát ấy tự thọ thân hình đoan chánh, những chúng sanh được hóa độ cũng đoan chánh. Tại sao? Vì nhơn duyên phước đức sâu dày vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nên tịnh Phật quốc độ như vậy. Trong quốc độ ấy nhẫn đến không có danh từ ba ác đạo, cũng không có danh từ tà kiến, ba độc, hai thừa Thanh Văn và Bích Chi Phật. Tai chẳng nghe tiếng vô thường khổ không, cũng chẳng có ngã và ngã sở hữu, nhẫn đến không tên các kiết sử phiền não, cũng không những tên phân biệt các quả. Trong quốc độ ấy, gió thổi cây bảy báu, tùy theo chỗ đáng được độ mà vang ra âm thanh, như là âm thanh không vô tướng, vô tác, chư pháp thiệt tướng, có Phật hay không có Phật, tất cả pháp, tất cả pháp tướng đều không, trong rỗng không ấy không có tướng, trong

không có tướng thì không có tác, phát ra pháp âm như vậy. Hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc nằm, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi thường nghe pháp âm ấy. Lúc Bồ Tát ấy được Vô Thượng Bồ Đề, chư Phật trong mười phương quốc độ đều khen ngợi. Chúng sanh nghe danh hiệu chư Phật ấy chắc chắn sẽ đến Vô Thượng Bồ Đề. Lúc Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề rồi thuyết pháp. Chúng sanh nghe pháp, không có ai chẳng tin mà sanh nghi nói rằng: đúng pháp, chẳng đúng pháp. Tại sao? Vì trong các pháp thiệt tướng đều đúng pháp, không có chẳng đúng pháp. Có những kẻ phước mỏng, ở nơi chư Phật và chư đệ tử Phật chẳng gieo căn lành, chẳng theo thiện tri thức, chìm trong ngã kiến, nhẫn đến chìm trong tất cả thứ kiến chấp, rơi vào biên kiến hoặc đoạn hoặc thường. Kẻ ấy vì tà kiến nên chẳng phải Phật nói là Phật, là Phật lại nói là chẳng phải Phật. Kẻ ấy với phi pháp nói là pháp, pháp lại nói là phi pháp. Vì phá pháp nên kẻ ấy khi thân hoại mạng chết phải đọa vào ác đạo, Địa ngục … Lúc chư Phật được Vô Thượng Bồ Đề thấy những chúng sanh ấy qua lại năm loài, bèn làm cho họ rời lìa tà tụ, an lập họ trong chánh định tụ. Chúng sanh không còn tâm tạp uê, hoặc là pháp thê gian, hoặc là pháp xuất thê, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Nhẫn đến làm cho chúng sanh trong cõi nước ấy, chắc chắn đến Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Đây là Đại Bồ Tát tịnh Phật quốc độ vậy".

*** 83. PHẨM QUYẾT ĐỊNH THỨ TÁM MƯƠI BA

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy là quyết định hay chẳng quyết định?". Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát quyết định, không phải chẳng quyết định". – Bạch đức Thế Tôn! Quyết định nơi đâu: trong đạo Thanh Văn, trong đạo Bích Chi Phật hay là trong đạo Phật? – Đại Bồ Tát chẳng phải quyết định trong đạo Thanh Văn, Bích Chi Phật mà quyết định trong Phật đạo. – Bạch đức Thế Tôn! Là sơ phát tâm Bồ Tát quyết định hay là tối hậu thân Bồ Tát quyết định? – Này Tu Bồ Đề! Sơ phát tâm Bồ Tát quyết định, bất thối Bồ Tát quyết định, hậu thân Bồ Tát quyết định. – Bạch đức Thế Tôn! Quyết định Bồ Tát có đọa sanh ác đạo chăng? – Không. Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Hoặc bực Bát Nhơn, hoặc bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật có đọa sanh trong ác đạo chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Cũng vậy. Này Tu Bồ Đề! Từ lúc mới phát tâm trở lại, Đại Bồ Tát bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, hành thiền, tu huệ, dứt tất cả nghiệp bất thiện, không bao giờ còn đọa ác đạo, hoặc không bao giờ sanh Trời Trường Thọ, hoặc sanh chỗ chẳng được tu pháp làm lành, hoặc sanh biên địa, hoặc sanh nhà ác, tà kiến, địa phương, không tên Phật, không tên Pháp, không tên Tăng. Bồ Tát ấy không bao giờ còn sanh vào những nơi đó. Này Tu Bồ Đề! Sơ phát tâm Bồ Tát ở nơi Vô Thượng Bồ Đề không bao giờ dùng tâm hành mười điều bất thiện. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát có thiện căn công đức thành tựu như vậy thì tất chẳng thọ lấy quả báo bất thiện. Như đức Phật tự thuật đời trước của mình thọ lấy quả báo bất thiện. Lúc đó thiện căn công đức ở đâu? – Này Tu Bồ Đề! Vì lợi ích cho chúng sanh, Đại Bồ Tát tùy theo đó mà thọ lấy thân, rồi dùng thân ấy làm lợi ích cho

chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc làm Súc sanh có sức phương tiện lớn. Nếu bị kẻ oán tắc muốn tìm giết hại, Bồ Tát dùng sức nhẫn nhục vô thượng, dùng tâm từ bi vô thượng bỏ thân mà chẳng não hại kẻ oán tặc. Hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật các ông có sức phương tiện ấy chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không có. – Này Tu Bồ Đề! Vì lẽ ấy nên phải biết rằng Đại Bồ Tát muốn đầy đủ tâm đại từ bi, vì thương xót lợi ích cho chúng sanh mà thọ thân Súc sanh. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát an trụ trong những căn lành gì mà thọ những thân vậy? – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ ban sơ phát tâm nhẫn đến lúc ngồi đạo tràng thành Phật, trong khoảng thời gian ấy không có căn lành nào mà chẳng đầy đủ. Đầy đủ rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế nên từ ban sơ phát tâm, Đại Bồ Tát phải học đầy đủ tất cả căn lành. Học căn lành rồi sẽ được nhứt thiết chủng trí, sẽ dứt tất cả tập khí phiền não. – Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Đại Bồ Tát thành tựu pháp lành vô lậu như vậy mà lại sanh vào loài ác đạo, Súc sanh? – Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sa? Đức Phật có thành tựu pháp lành vô lậu chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Tất cả pháp lành vô lậu đức Phật đều đã thành tựu. – Này Tu Bồ Đề! Nếu đức Phật tự hóa làm thân Súc sanh để làm Phật sự độ chúng sanh thì có phải là thiệt Súc sanh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không phải. – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát cũng như vậy, thành tựu pháp lành vô lậu, vì độ chúng sanh mà thọ thân Súc sanh, dùng thân ấy để giáo hóa chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Như A La Hán biến hóa các thứ thân có thể làm cho chúng sanh hoan hỷ chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Có thể. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Đại Bồ Tát dùng pháp lành vô lậu ấy tùy theo chỗ nên mà thọ lấy thân, dùng thân ấy làm lợi ích chúng sanh, cũng chẳng thọ đau khổ. Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như nhà ảo thuật, thuật ra các thứ thân hình, nào là voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ…để trình bày cho mọi người. Này Tu Bồ Đề! Những vật và người ấy có thiệt chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thiệt. – Này Tu Bồ Đề! Cũng vậy, Đại Bồ Tát thành tựu pháp lành vô lậu hiện làm các thứ thân để dùng các thứ thân ấy làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng chẳng thọ các sự khổ. – Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát được thành vô lậu trí huệ mà tùy theo thêm hình nào thích ứng để độ chúng sanh thì hiện các thứ thân hình ấy. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát an trụ pháp lành nào để có thể làm những phương tiện như vậy mà chẳng bị vô tướng, vô tác, vô đắc nhiễm? – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát dùng Bát nhã ba la mật làm sức phương tiện như vậy, ở trong hằng hà sa quốc độ mười phương làm lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng tham lấy những thân ấy. Tại sao? Vì kẻ nắm lấy, pháp lấy và cho chỗ lấy, cả ba thứ ấy đều bất khả đắc, vì tự tánh rỗng không vậy. Không chẳng lấy không. Trong không chẳng có kẻ lấy, cũng chẳng có chỗ lấy. Tại sao? Vì tướng rỗng không, trong rỗng không bất khả đắc vậy. Này Tu Bồ Đề! Đây gọi là bất khả đắc không. Bồ Tát an trụ trong đây có thể được Vô Thượng Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát chỉ an trụ trong Bát nhã ba la mật được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng an trụ trong pháp khác chăng? – Này Tu Bồ Đề! Có pháp nào chẳng vào trong Bát nhã ba la mật chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật tự tánh không, thì tất cả pháp sao lại đều vào trong Bát nhã ba la mật. Bạch đức Thế Tôn! Trong không chẳng có pháp vào hay chẳng vào? – Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp, tất cả pháp tướng có không chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Đều không cả. – Này Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp, tất cả pháp tướng không, sao ông lại nói tất cả pháp chẳng vào

trong không. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật an trụ trong tất cả pháp không mà có thể khởi thần thông ba la mật. An trụ trong thần thông ba la mật ấy, đi đến hằng sa quốc độ mười phương cúng dường hiện tại chư Phật, nghe chư Phật thuyết pháp, ở chỗ chư Phật gieo căn lành? – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát xem hằng sa quốc độ mười phương đều không. Chư Phật trong quốc độ ấy cũng tánh không, chỉ vì giả danh tự nên chư Phật hiện thân. Giả danh tự ấy cũng không. Nếu quốc độ mười phương và chư Phật tánh chẳng không, thì thành ra không ấy có thiên lệch. Bởi không ấy chẳng thiên lệch nên tất cả pháp, tất cả pháp tướng không. Vì lẽ ấy nên tất cả pháp, tất cả pháp tướng không. Thế nên Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện sanh Thần thông ba la mật, khởi thiên Nhãn, thiên nhĩ, như ý túc, tri tha tâm, túc mạng trí, biết chúng sanh sanh tử. Nếu rời lìa thần thông ba la mật, Bồ Tát chẳng có thể làm lợi ích chúng sanh, cũng chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Thần thông ba la mật ấy của Đại Bồ Tát là đạo lợi ích Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì dùng thiên nhãn ấy tự thấy các pháp lành của mình và cũng dạy người khác được các pháp lành. Đối với pháp lành ấy cũng chẳng nắm lấy, vì là tự tánh không vậy. Rỗng không chẳng có chỗ nắm lấy. Nếu nắm lấy thì thọ mùi vị, trong rỗng không chẳng có mùi vị. Đại Bồ Tát ấy lúc hành Bát nhã ba la mật hay sanh thiên nhãn như vậy. Dùng thiên nhãn ấy xem tất cả pháp rỗng không. Thấy pháp rỗng không ấy chẳng lấy tướng, chẳng tác nghiệp, và cũng nói pháp ấy cho người, cũng chẳng thấy có tướng chúng sanh, chẳng thấy có tên chúng sanh. Đại Bồ Tát ấy vì dùng pháp vô sở đắc nên khởi thần thông ba la mật. Dùng thần thông ba la mật ấy, bao nhiêu chỗ nên làm của thần thông, Bồ Tát ấy đều có thể làm được. Bồ Tát dùng thiên nhãn quá hơn nhơn nhãn, thấy quốc độ mười phương. Thấy rồi, Bồ Tát ấy bay đến mười phương làm lợi ích chúng sanh: hoặc dùng bố thí, hoặc dùng trì giới, hoặc dùng bố thí, hoặc dùng nhẫn nhục, hoặc dùng thiền định, hoặc dùng trí huệ làm lợi ích chúng sanh. Hoặc dùng ba mươi bảy pháp trợ đạo, các thiền giải thoát tam muội, hoặc dùng pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát, hoặc dùng pháp Phật lợi ích chúng sanh. Bồ Tát vì kẻ xan tham mà nói pháp như vầy: Các người nên bố thí. Nghèo cùng là sự khổ não. Người nghèo cùng còn chẳng tự lợi ích, làm sao có thể lợi ích người khác. Vì thế nên các người phải siêng bố thí. Bố thí thì tự mình được vui sướng, cũng làm cho kẻ khác vui sướng. Chớ vì nghèo cùng mà ăn nuốt trộm cắp lẫn nhau, để rồi chẳng dời khỏi ba ác đạo. Bồ Tát vì kẻ phá giới mà nói pháp như vầy: Này các người! Sự phá giới rất là khổ não. Người pháp giới còn tự mình chẳng lợi ích, làm sao có thể lợi ích người khác. Sự phá giới phải nhận quả báo khổ: hoặc ở Địa ngục, hoặc Ngạ quỷ, hoặc ở Súc sanh. Các người phá giới bị đọa trong ba ác đạo còn chẳng tự cứu được, làm sao cứu được người khác. Vì thế các người chớ nên chìu theo tâm niệm phá giới, đến lúc chết sẽ hối hận. Với những người giận hờn, cãi lộn nhau, Bồ Tát nói pháp như vầy: Các người chớ nên giận nhau. Sự giận làm rối loạn lòng người, chẳng thuận với pháp lành. Nay các người giận nhau loạn tâm hoặc sẽ bị đọa Địa ngục, Ngạ quỷ hoặc Súc sanh. Vì thế nên các người còn chẳng nên sanh một niệm giận thù, huống là nhiều. Với những người giải đãi, Bồ Tát thuyết pháp làm cho họ tinh tiến. Với những người tâm loạn, Bồ Tát thuyết pháp làm cho họ được thiền định. Với những người ngu si,

Bồ Tát thuyết pháp cho họ được trí huệ. Với kẻ hành dâm dục, dạy họ quán bất tịnh. Với kẻ giận hờn, dạy họ quán từ bi. Với kẻ ngu si, dạy họ quán mười hai nhơn duyên. Chúng sanh hành phi đạo, dạy họ vào chánh đạo, đó là Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo. Vì chúng sanh ấy, Bồ Tát thuyết pháp như vầy: Cứ như chỗ chấp trước của các người, chỗ pháp tánh ấy tánh nó rỗng không. Trong pháp tánh rỗng không ấy chẳng nên chấp trước. Tướng chẳng chấp trước là rỗng không. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát an trụ trong Thần thông ba la mật làm lợi ích cho chúng sanh. Này Tu Bồ Đề! Nếu xa rời thần thông, Bồ Tát chẳng thể tùy thuận ý của chúng sanh để khéo thuyết pháp. Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát phải phát khởi thần thông. Này Tu Bồ Đề! Ví như chim kia không cánh thì chẳng bay cao được. Cũng vậy, không thần thông thì Bồ Tát chẳng thể giáo hóa chúng sanh theo ý mình. Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát phải phát khởi các thần thông, phát khởi thần thông rồi, nếu muốn lợi ích chúng sanh thì tùy ý có thể làm lợi ích. Bồ Tát ấy dùng thiên nhãn thấy hằng hà sa quốc độ, cũng thấy chúng sanh trong các quốc độ ấy. Thấy rồi dùng sức thần thông qua đến các nơi ấy, biết rõ tâm chúng sanh rồi theo chỗ thích ứng mà thuyết pháp cho họ được lợi ích. Hoặc nói bố thí, hoặc nói trì giới, hoặc nói nhẫn nhục, hoặc nói tinh tiến, hoặc nói thiền định, hoặc nói trí huệ, nhẫn đến hoặc nói pháp Niết Bàn. Dùng thiên nhĩ, Bồ Tát ấy nghe hai loại âm thanh: của Người và của Phi nhơn. Dùng thiên nhĩ, Bồ Tát ấy nghe chư Phật mười phương thuyết pháp, nghe rồi đều có thể thọ trì. Bồ Tát ấy đúng như chỗ đã được nghe, đem dạy lại cho chúng sanh. Bồ Tát ấy dùng tha tâm trí biết rõ tâm chúng sanh rồi tùy theo chỗ thích ứng để thuyết pháp. Hoặc nói bố thí, nhẫn đến hoặc nói pháp Niết Bàn. Bồ Tát ấy dùng túc mạng trí nhớ biết những đời trước của mình, cũng nhớ biết những đời trước của người khác. Dùng túc mạng trí, Bồ Tát ấy nhớ biết danh tự của chư Phật và thánh chúng thuở quá khứ cùng các nơi chỗ. Có chúng sanh nào tin ưa túc mạng, Bồ Tát ấy vì họ mà hiện sự việc đời trước để thuyết pháp cho họ: hoặc nói bố thí, nhẫn đến hoặc nói pháp Niết Bàn. Dùng sức như ý thần thông, Bồ Tát ấy qua đến vô lượng quốc độ của chư Phật, cúng dường chư Phật, theo chư Phật gieo căn lành rồi trở về bổn quốc. Dùng lậu tận thần thông trí chứng, Bồ Tát này tùy theo chỗ thích ứng mà thuyết pháp cho chúng sanh. Hoặc nói bố thí, nhẫn đến hoặc nói pháp Niết Bàn. Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát phải phát khởi các thần thông như vậy. Do tu những thần thông ấy nên Bồ Tát tùy ý thọ thân, sự khổ, cảnh vui chẳng làm nhiễu được. Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát du hí thần thông như vậy thì có thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh. Lại này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát chẳng tịnh Phật quốc độ, chẳng thành tựu chúng sanh thì chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì chẳng đầy đủ nhơn duyên nên chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là nhơn duyên đầy đủ, do đó Đại Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp lành là nhơn duyên Vô Thượng Bồ Đề của Đại Bồ Tát. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp lành, do những pháp lành ấy nên được Vô Thượng Bồ Đề? – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm nhẫn lại, Bồ Thí ba la mật là nhơn duyên pháp lành, trong ấy chẳng phân biệt người thí, kẻ nhận, vì là tánh rỗng không. Dùng bố thí ba la mật

này, Bồ Tát có thể tự lợi ích và lợi ích chúng sanh, từ chốn sanh tử cứu họ ra khỏi, cho họ được Niết Bàn. Các pháp lành ấy đều là nhơn duyên Vô Thượng Bồ Đề của Đại Bồ Tát. Hạnh đạo ấy, chư Đại Bồ Tát quá khứ, vị lai, hiện tại được ra khỏi sanh tử, đã ra khỏi, nay ra khỏi, sẽ ra khỏi. Trì giới ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật, bốn thiền, bốn vô lượng tâm, bốn vô sắc định, bốn niệm xứ nhẫn đến tám phán thánh đạo, mười tám không nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, những công đức như vậy đều là đạo Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Đó gọi là pháp lành. Đại Bồ Tát đầy đủ những pháp lành ấy rồi sẽ được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi, Đại Bồ Tát sẽ chuyển pháp luân độ tất cả chúng sanh".

*** 84. PHẨM TỨ ĐẾ THỨ TÁM MƯƠI BỐN

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp ấy là Bồ Tát pháp thì những gì là Phật pháp?". Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Như ông hỏi, những pháp ấy là Bồ Tát pháp thì những gì là Phật pháp? Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát pháp cũng là Phật pháp. Nếu biết nhứt thiết chủng trí là được nhứt thiết chủng trí, dứt tất cả tập chủng phiền não, Bồ Tát sẽ được pháp ấy. Đức Phật do nhứt niệm tương ứng huệ biết tất cả pháp rồi được Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Đó là sự khác biệt nơi đức Phật và Bồ Tát. Ví như hướng đạo khác với đắc quả. Hai người ấy đều là thánh nhơn mà có hướng với đắc khác nhau. Này Tu Bồ Đề! Người đi trong đạo vô ngại thì gọi là Đại Bồ Tát. Trong đạo giải thoát không có tất cả ám chướng thì gọi là Phật". – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp tự tướng rỗng không. Trong pháp tướng rỗng không ấy, sao lại có sự khác biệt là Địa ngục, là Ngạ quỷ, là Súc sanh, là Nhơn, là Thiên, là bực Càn Huệ, là bực Tánh địa, là bực Bát Nhơn địa, là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Bồ Tát, là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác? Bạch đức Thế Tôn! Như người bất khả đắc, nghiệp nhơn duyên cũng bất khả đắc, quả báo cũng bất khả đắc. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, trong pháp tự tướng không không có chúng sanh, không có nghiệp nhơn duyên, không có quả báo. Này Tu Bồ Đề! Chúng sanh chẳng biết các pháp tự tướng không. Chúng sanh ấy gây tạo nghiệp nhơn duyên, hoặc tội, hoặc phước, hoặc bất động. Do tội nghiệp nhơn duyên mà chúng sanh ấy đọa trong ba ác đạo, do phước nghiệp nhơn duyên sanh loài người hay cõi Trời Dục Giới, do bất động nghiệp nhơn duyên sanh trong cõi Sắc hay cõi Vô sắc. Đại Bồ Tát ấy lúc hành Đàn na ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, thọ thành hết những phẩm trợ đạo ấy, vào Kim Cang tam muội, được Vô Thượng Bồ Đề rồi, làm lợi ích cho chúng sanh. Vì sự lợi ích ấy thường chẳng mất nên chẳng đọa trong sáu đường sanh tử. – Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật được Vô Thượng Bồ Đề rồi, có được sáu đường sanh tử chăng? – Này Tu Bồ Đề! Đức Phật không có được sáu đường sanh tử. – Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật có được nghiệp ác, nghiệp thiện, nghiệp vô ký chăng? – Này Tu Bồ Đề! Không có được. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có được, sao đức Phật lại nói là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nhơn, Thiên; lại nói là Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na

Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát và chư Phật? – Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh biết các pháp tự tướng không thì Đại Bồ Tát chẳng cầu Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng cứu chúng sanh nơi ba ác đạo, nhẫn đến qua lại trong sáu đường sanh tử. Này Tu Bồ Đề! Bởi chúng sanh thiệt chẳng biết các pháp tự tướng không, nên chẳng thoát được sáu đường sanh tử. Bồ Tát ấy ở chỗ chư Phật, nghe các pháp tự tướng không, phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Các pháp chẳng phải như là của hàng phàm phu chấp trước. Các chúng sanh ấy ở trong pháp vô sở hữu lại điên đảo vọng tưởng phân biệt có được pháp: Không có chúng sanh lại tưởng là có chúng sanh, không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức lại tưởng là có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhẫn đến tất cả pháp hữu vi đều vô sở hữu, lại dùng tâm điên đảo vọng tưởng gây tạo các nghiệp: thân, khẩu, ý rồi qua lại trong sáu đường sanh tử chẳng thoát được. Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật, tất cả pháp lành đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật, hành Bồ Tát đạo, được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp tứ thánh đế: khổ thánh đế, khổ tập thánh đế, khổ diệt thánh đế, khổ diệt đạo thánh đế. Khai thị rành rẽ tất cả pháp lành trợ đạo đều nhiếp vào trong bốn thánh đế. Vì dùng pháp lành trợ đạo ấy nên phân biệt có Tam Bảo là: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng Bảo. Vì chẳng tin và nghịch chống Tam Bảo ấy nên chẳng rời lìa được sáu đường sanh tử. – Bạch đức Thế Tôn! Có phải là dùng khổ thánh đế được độ, dùng khổ trí được độ, dùng tập thánh đế được độ, dùng tập trí được độ, dùng diệt thánh đế được độ, dùng diệt trí được độ, dùng đạo thánh đế được độ, dùng đạo trí được độ chăng? – Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải khổ Thánh đế bình đẳng, nên ta nói tức là Niết Bàn. Chẳng dùng khổ Thánh đế nhẫn đến chẳng dùng đạo thánh đế, cũng chẳng dùng khổ trí nhẫn đến chẳng dùng đạo trí được Niết Bàn. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tướng bình đẳng của bốn thánh đế? – Này Tu Bồ Đề! Nếu là không có khổ, không có khổ trí, không có tập, không có tập trí, không có diệt, không có diệt trí, không có đạo, không có đạo trí thì gọi là tướng bình đẳng của tứ thánh đế. Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Bốn thánh đế như chẳng khác với pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thiệt tế. Có Phật hay không có Phật, pháp tướng vẫn thường trụ. Tại sao? Vì chẳng hư, chẳng mất vậy. Đại Bồ Tát ấy lúc hành Bát nhã ba la mật. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát vì thông đạt thiệt tế nên hành Bát nhã ba la mật? Như vì thông đạt thiệt tế nên chẳng đọa Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa mà thẳng vào Bồ Tát vị. – Này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát như thiệt thấy các pháp. Thấy rồi được pháp vô sở hữu. Được pháp vô sở hữu rồi thấy tất cả pháp không đều nhiếp nơi tứ thánh đế. Những pháp chẳng nhiếp nới tứ thánh đế cũng đều không. Nếu xem thấy như vậy, lúc ấy Đại Bồ Tát bèn vào trong Bồ Tát vị. Đó là Bồ Tát an trụ trong tánh địa chẳng theo đảnh đọa. Tại sao? Vì dùng đảnh đọa ấy thì đọa vào Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa. Bồ Tát ấy an trụ trong tánh địa hay phát sanh bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn vô sắc định. Bồ Tát ấy an trụ trong sơ định địa, phân biệt tất cả các thông đạt bốn thánh đế: biết khổ, chẳng móng tâm duyên khổ, nhẫn đến biết đạo, chẳng móng tâm duyên đạo, chỉ thuận theo tâm Vô Thượng Bồ Đề mà quán các pháp như thiệt tướng. – Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là quán các pháp tướng như thiệt? – Này Tu Bồ Đề! Là quán các pháp không. – Bạch đức Thế Tôn! Những gì là quán không? – Này Tu Bồ Đề! Là tự tướng không. Bồ Tát ấy dùng

trí huệ như vậy quán tất cả pháp không, không có pháp tánh có thể thấy được. An trụ trong pháp tánh ấy được Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy? Vì tướng vô tánh là Vô Thượng Bồ Đề. Tướng vô tánh ấy chẳng phải chư Phật làm ra, chẳng phải Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải A La Hán làm ra, cũng chẳng phải bực hướng đạo làm ra, cũng chẳng phải bực đắc quả làm ra, cũng chẳng phải Bồ Tát làm ra. Chỉ vì chúng sanh chẳng biết, chẳng thấy các pháp như thiệt tướng, nên Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện mà vì chúng sanh thuyết pháp".

*** 85. PHẨM THẤT DỤ THỨ TÁM MƯƠI LĂM

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp tánh vô sở hữu, chẳng phải Phật làm ra nhẫn đến chẳng phải Bồ Tát làm ra, thì sao lại phân biệt có các pháp dị biệt, những là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Người, Trời, những là do nơi nghiệp nhơn duyên mà biết có kẻ sanh Địa Ngục, có kẻ sanh Ngạ quỷ, có kẻ sanh Súc sanh, do nơi nghiệp nhơn duyên như vậy mà biết có kẻ sanh trong loài Người, sanh các cõi Trời, nhẫn đến Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, do nơi nghiệp nhơn duyên ấy mà biết có người được Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, do nghiệp nhơn duyên ấy mà biết là Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp vô tánh không có nghiệp dụng, sao lại có vì tác nghiệp nhơn duyên, hoặc đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, hoặc sanh trong Người trên Trời, hoặc được Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật, Đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo sẽ được nhứt thiết chủng trí, vì được nhứt thiết chủng trí nên có thể cứu chúng sanh ra khỏi sanh tử?". Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Trong pháp vô tánh không có nghiệp, không có quả báo. Này Tu Bồ Đề! Hàng phàm phu chẳng nhập thánh pháp, chẳng biết các pháp không có tánh tướng. Vì điên đảo ngu si nên họ khởi các nghiệp nhơn duyên. Các chúng sanh ấy, theo nghiệp mà có thân, hoặc thân Địa ngục, thân Ngã quỷ, thân Súc sanh, thân Người, thân Trời. Pháp vô tánh ấy không có nghiệp, không có quả báo. Vô tánh thường là vô tánh. Như Tu Bồ Đề nói, nếu tất cả pháp vô tánh, sao lại có Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật được nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Đạo có phải là vô tánh chăng? Quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật, nhứt thiết chủng trí có phải là vô tánh chăng?" – Bạch đức Thế Tôn! Đạo vô tánh, quả Tu Đà Hoàn cũng vô tánh, nhẫn đến chư Phật, nhứt thiết chủng trí cũng vô tánh. – Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tánh có thể được pháp vô tánh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Pháp vô tánh không thể được pháp vô tánh. – Này Tu Bồ Đề! Pháp hữu tánh có thể được pháp hữu tánh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Pháp hữu tánh không thể được pháp hữu tánh. – Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tánh và đạo, tất cả pháp ấy đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhứt tướng, đó là vô tướng. – Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát dùng sức phương tiện thấy chúng sanh do vì điên đảo chấp trước năm ấm, trong vô thường thấy là thường, trong khổ thấy là lạc, trong bất tịnh thấy là tịnh, trong vô ngã thấy là ngã. Chấp trước chỗ vô sở hữu. Bồ Tát ấy vì sức phương tiện, ở trong vô

sở hữu cứu thoát chúng sanh. – Bạch đức Thế Tôn! Chỗ chấp trước của phàm phu có thiệt chăng? Có khác biệt chăng? Có khác biệt chăng? Vì chấp trước nên khởi nghiệp, vì nghiệp nhơn duyên nên ở trong năm đường sanh tử chẳng ra khỏi được. – Này Tu Bồ Đề! Chỗ chấp trước khởi nghiệp của phàm phu không có một chút sự thiệt như lông tóc. Chỉ vì điên đảo thôi. Này Tu Bồ Đề! Nay sẽ vì ông mà nói ví dụ. Người trí do ví dụ mà được hiểu. Này Tu Bồ Đề! Như chỗ thấy trong chiêm bao, người hưởng thọ ngũ dục có chỗ nơi thiệt chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Chiêm bao còn là hư vọng bất khả đắc, huống là người ở trong chiêm bao hưởng thọ ngũ dục có chỗ nơi thiệt! – Này Tu Bồ Đề! Các pháp, hoặc hữu lậu vô lậu, hoặc hữu vi vô vi, và có pháp gì chẳng như chiêm bao chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Các pháp hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi vô vi, không có pháp gì chẳng như chiêm bao. – Này Tu Bồ Đề! Trong chiêm bao có năm đường sanh tử qua lại chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. – Này Tu Bồ Đề! Trong chiêm bao có tu đạo, do sự tu đạo này hoặc cấu nhiễm, hoặc thanh tịnh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Tại sao? Vì chiêm bao không có sự thiệt, chăng thể nói là câu, là tịnh được. – Này Tu Bồ Đề! Tượng trong gương có sự thiệt chăng? Có hay khởi nghiệp, do nghiệp nhơn duyên ấy mà đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, hoặc sanh trong Người, trên Trời chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Tượng ấy không có sự thiệt, chỉ có gạt được trẻ nít thôi. Tượng ấy làm sao có được nghiệp nhơn duyên, rồi do nghiệp nhơn duyên sẽ đọa Địa ngục nhẫn đến sanh trong Người, trên Trời! – Này Tu Bồ Đề! Tượng trong gương ấy có tu đạo, do sự tu đạo ấy mà bị cấu hay tịnh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Tại sao? Vì tượng ấy rỗng không chẳng có sự thiệt nên không thể nói là cấu, là tịnh. – Này Tu Bồ Đề! Như trong khe sâu có vang. Vang ấy có nghiệp, rồi do nghiệp nhơn duyên ấy hoặc đọa Địa ngục nhẫn đến sanh trong Người, trên Trời chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Vang ấy rỗng không, chẳng có âm thanh thiệt gì làm sao có nghiệp rồi do nghiệp nhơn duyên mà đọa Địa ngục nhẫn đến sanh trong Người, trên Trời. – Này Tu Bồ Đề! Vang ấy vả có tu đạo, do tu đạo ấy mà có nhiễm, có tịnh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Tại sao? Vì vang ấy không có sự thiệt nên chẳng thể nói là cấu, là tịnh. – Này Tu Bồ Đề! Như nắng dợn chẳng phải nước như tướng nước, chẳng phải sông như tướng sông. Nắng dợn ấy vả có nghiệp, do nghiệp nhơn duyên mà đọa Địa ngục, nhẫn đến do tu đạo mà có cấu, có tịnh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Thành Càn Thát Bà ấy rốt ráo không có, chỉ gạt được mắt kẻ vô trí thôi, thì làm sao có nghiệp nhẫn đến có thể nói được là cấu, là tịnh. – Này Tu Bồ Đề! Nhà ảo thuật, thuật ra các thứ vật, những là voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Huyễn ảo ấy vả có nghiệp, do nhơn duyên ấy hoặc đọa Địa ngục, nhẫn đến do sự tu đạo mà có cấu, có tịnh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Vật huyễn ảo ấy rỗng không, chẳng có sự thiệt thì làm sao có được nghiệp, nhẫn đến có thể nói là cấu, là tịnh. – Này Tu Bồ Đề! Như hóa nhơn do đức Phật biến hóa ra. Hóa nhơn ấy vả có nghiệp, do nghiệp nhơn duyên ấy hoặc đọa Địa ngục, nhẫn đến có cấu, có tịnh chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Không. Hóa nhơn ấy không có sự thiệt, thì làm sao có được nghiệp, rồi do nghiệp nhơn duyên ấy hoặc đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, hoặc sanh trong Người, trên Trời, làm sao có được sự tu đạo, rồi do sự tu đạo ấy mà có cấu, có tịnh. – Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ở trong tướng rỗng không ấy có kẻ cấu, có kẻ tịnh chăng? – Bạch

đức Thế Tôn! Không. Trong ấy vô sở hữu, không có kẻ bị cấu, không có kẻ được tịnh. – Này Tu Bồ Đề! Như không có kẻ bị cấu, không có kẻ được tịnh thì cũng không có cấu, tịnh. Tại sao? Vì chúng sanh ở trong ngã và ngã sở có cấu, có tịnh. Người thấy thiệt thì chẳng cấu, chẳng tịnh. Như người thấy thiệt chẳng cấu, chẳng tịnh nên cũng không có cấu, tịnh".

*** 86. PHẨM BÌNH ĐẲNG THỨ TÁM MƯƠI SÁU

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Người thấy thiệt chẳng cấu, chẳng tịnh. Người thấy chẳng thiệt cũng chẳng cấu, chẳng tịnh. Tại sao? Vì tất cả pháp tánh vô sở hữu. Bạch đức Thế Tôn! Trong vô sở hữu không có cấu, không có tịnh. Trong sở hữu cũng không có cấu, không có tịnh. Bạch đức Thế Tôn! Trong vô sở hữu, trong hữu sở hữu cũng không có câu, không có tịnh. Bạch đức Thê Tôn! Tại sao người như thiệt ngữ chẳng cấu, chẳng tịnh, người chẳng thiệt ngữ cũng chẳng cấu, chẳng tịnh?". Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Tướng các pháp bình đẳng ấy ta nói là tịnh. Này Tu Bồ Đề! Những gì là các pháp bình đẳng? Đó là như, bất dị, bất cuồng, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thiệt tế. Có Phật hay không Phật, pháp tánh thường trụ, đó gọi là tịnh. Đây là vì thế đế mà nói, chớ chẳng phả đệ nhứt nghĩa. Đệ nhứt nghĩa vượt qua tất cả ngữ ngôn, luận nghị, âm thanh". – Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp rỗng không, chẳng thể nói được như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa. Tại sao? Đại Bồ Tát dùng những pháp như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa. Làm sao phát được tâm Vô Thượng Bồ Đề mà nguyện rằng: Tôi sẽ đầy đủ sáu ba la mật, tôi sẽ đầy đủ Thần thông ba la mật, tôi sẽ đầy đủ Trí ba la mật, tôi sẽ đầy đủ bốn thiền, bốn tâm, bốn vô sắc định, bốn niệm xứ nhẫn đến tám phần thánh đạo, tôi sẽ đầy đủ giải thoát môn, tám bội xả, chín định thứ đệ, tôi sẽ đầy đủ mười trí lực nhẫn đến đầy đủ mười tám pháp bất cộng, tôi sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, tôi sẽ đầy đủ các môn đà la ni, các môn tam muội, tôi sẽ phóng quang minh chiếu khắp mười phương, biết tâm niệm chúng sanh thuyết pháp thích ứng? – Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Các pháp của ông nói có như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Vâng. Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như mộng đến như hóa, thì làm sao Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật? Như mộng đến như hóa là hư vọng chẳng thiệt, chẳng nên dùng pháp hư vọng chẳng thiệt để được đầy đủ Đàn na ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Pháp hư vọng chẳng thiệt chẳng có thể được đầy đủ Đàn na ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Hành pháp hư vọng chẳng thiệt ấy chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp ấy đều là pháp tạo ác ức tưởng tư duy. Dùng pháp tạo tác ức tưởng tư duy ấy chẳng có thể được nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp ấy có thể trợ giúp đạo pháp mà chẳng có thể thêm ích cho quả, các pháp ấy không có sanh, không có xuất, không có tướng. Từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, Đại Bồ Tát thật hành nghiệp lành như là Bố thí ba la mật nhẫn đến

nhứt thiết chủng trí. Tại sao? Vì Đại Bồ Tát ấy biết các pháp như mộng nhẫn đến như hóa, các pháp như vậy chẳng có được Bố thí ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, chẳng thành tựu chúng sanh được, chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Đại Bồ Tát ấy thật hành nghiệp lành Bố thí ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, biết như mộng nhẫn đến biết như hóa, cũng biết tất cả chúng sanh như đi trong mộng nhẫn đến như đi trong hóa. Đại Bồ Tát ấy chẳng nắm lấy Bát nhã ba la mật là pháp có. Do vì chẳng nắm lấy như vậy nên được nhứt thiết chủng trí, biết các pháp như mộng, không chỗ nắm lấy được, nhẫn đến biết các pháp như hóa, không chỗ nắm lấy được. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật không thể nắm lấy tướng được, Thiền ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng chẳng thể nắm lấy tướng được. Đại Bồ Tát ấy biết tất cả pháp là chẳng thể nắm lấy tướng được rồi phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy? Tất cả pháp chẳng thể nắm lấy tướng được, không có căn bổn định thiệt, nó như mộng nhẫn đến như hóa. Dùng pháp chẳng thể nắm lấy tướng, không thể được pháp chẳng thể nắm lấy tướng. Chỉ vì chúng sanh chẳng biết, chẳng thấy các pháp tướng như vậy, nên Đại Bồ Tát ấy vì chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề! Từ lúc mới phát tâm đến nay, Đại Bồ Tát ấy chỗ có bố thí là vì tất cả chúng sanh, nhẫn đến chỗ có tu trí huệ đều vì tất cả chúng sanh, chẳng phải vì chính thân mình. Cầu Vô Thượng Bồ Đề, Đại Bồ Tát chẳng vì sự khác mà chỉ vì tất cả chúng sanh. Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát thấy chúng sanh không có chúng sanh mà trụ trong tướng chúng sanh, nhẫn đến không có tri giả, không có kiến giả mà trụ trong tướng tri, tướng kiến. Đại Bồ Tát ấy làm cho chúng sanh rời xa điên đảo, rời xa rồi an trí chúng sanh trụ trong pháp tánh cam lồ không có tướng hư vọng, đó là không có tướng chúng sanh nhẫn đến không có tướng tri giả, tướng kiến giả. Lúc bấy giờ Bồ Tát ấy đều rời bỏ tâm động, tâm có niệm, tâm hí luận mà thường hành tâm chẳng động, tâm chẳng niệm, tâm chẳng hí luận. Này Tu Bồ Đề! Do sức phương tiện như vậy, lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát tự mình không chỗ nắm lấy, cũng dạy tất cả chúng sanh cho họ được không chỗ nắm lấy. Đó là thế đế chớ chẳng phải đệ nhứt nghĩa đế. – Bạch đức Thế Tôn! Lúc được Vô Thượng Bồ Đề, đức Thế Tôn được các Phật pháp, đó là do thế đế mà được hay là do đệ nhứt nghĩa đế mà được? – Này Tu Bồ Đề! Do vì thế đế mà nói đức Phật được pháp ấy. Trong pháp ấy không có pháp gì có thể được gọi là người ấy được pháp ấy. Tại sao? Vì người ấy được pháp ấy là hữu sở đắc. Nếu dùng pháp nhị thì không có đạo, không có quả. – Bạch đức Thế Tôn! Nếu hành pháp nhị thì không có đạo, không có quả, còn hành pháp bất nhị thì có đạo, có quả chăng? – Này Tu Bồ Đề! Hành pháp nhị không đạo, không quả, hành pháp bất nhị cũng không đạo, không quả. Nếu không có pháp nhị, không có pháp bất nhị tức là đạo, tức là quả. Tại sao vậy? Dùng pháp như vậy đắc đạo, đắc quả, dùng pháp như vậy chẳng đắc đạo, chẳng đắc quả, đó là hí luận. Trong các pháp bình đẳng không có hí luận. Tướng không có hí luận là các pháp bình đẳng. – Bạch đức Thế Tôn! Các pháp không có tánh, trong đó những gì là bình đẳng? – Này Tu Bồ Đề! Nếu không pháp có, không pháp không, cũng chẳng nói các pháp tướng bình đẳng, trừ bình đẳng không còn pháp nào khác rời lìa tất cả pháp tướng bình đẳng. Tướng bình đẳng ấy, hoặc phàm phu, hoặc thánh nhơn đều không thể đi được, không thể đến được. – Bạch đức Thế Tôn! Cho đến đức Phật cũng chẳng thể đi, chẳng thể đến ư! –

Này Tu Bồ Đề! Các pháp bình đẳng ấy tất cả thánh nhơn đều chẳng thể đi, chẳng thể đến, dầu là Phật. – Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật có sức tự tại đi trong tất cả pháp, sao lại nói đức Phật cũng chẳng thể đi, cũng chẳng thể đến? – Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp bình đẳng cùng Phật có khác nhau thì nên hỏi như vậy. Nay hàng phàm phu bình đẳng, các Thánh Nhơn Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Đại Bồ Tát, chư Phật và thánh pháp đều bình đẳng, là bình đẳng duy nhứt, không có hai. Nghĩa là hàng phàm phu ấy, Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật ấy ở trong tất cả pháp bình đẳng ấy đều là bất khả đắc. – Bạch đức Thế Tôn! nếu trong các pháp bình đẳng đều chẳng có được phàm phu nhẫn đến Phật, thì hàng phàm phu, Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật không có sai khác nhau ư! – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Trong các pháp bình đẳng không có sai khác nhau, là phàm phu, thì làm sao phân biệt có Tam Bảo xuất hiện thế gian? – Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo cùng các pháp bình đẳng có khác nhau chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Như chỗ tôi được nghe ý nghĩa từ đức Phật dạy thì Tam Bảo cùng các pháp bình đẳng không khác nhau. Bạch đức Thế Tôn! Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo ấy tức là bình đẳng. Pháp ấy đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhứt tướng, nghĩa là vô tướng. Đức Phật có trí lực ấy có thể phân biệt được nơi chỗ các pháp vô tướng: là phàm phu, là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Đại Bồ Tát, là chư Phật. – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Ý ông nghĩ sao? Nếu chư Phật được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng phân biệt các pháp thì sẽ biết là Địa ngục, là Ngạ quỷ, là Súc sanh, là Nhơn, là Thiên, là Trời Tứ Thiên Vương, nhẫn đến là Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, là bốn niệm xứ nhẫn đến là tám phần thánh đạo, là nội không nhẫn đến là vô pháp hữu pháp không, là Phật thập lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Sẽ chẳng biết vậy. – Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên biết rằng đức Phật có đại ân lực, ở trong các pháp bình đẳng chẳng động mà phân biệt các pháp. – Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật ở trong các pháp bình đẳng chẳng độ, người phàm phu ở các pháp bình đẳng cũng chẳng động, Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật ở trong các pháp bình đẳng cũng chẳng động. Bạch đức Thế Tôn! Nếu tướng các pháp bình đẳng tức là tướng Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật, tức là tướng bình đẳng. Bạch đức Thế Tôn! Nay các pháp đều riêng tướng. Nghĩa là tướng sắc khác, tướng, thọ, tưởng, hành, thức khác, tướng, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý khác, tướng địa khác, tướng thủy, hỏa, phong, không, thức, khác, tướng tham khác, tướng sân, si khác, tướng tà kiến khác, tướng thiền khác, tướng vô lượng tâm khác, tướng vô sắc định khác, tướng tứ niệm xứ khác, nhẫn đến tướng bát thánh đạo phần khác, tướng Bố thí ba la mật khác, nhẫn đến tướng Bát nhã ba la mật khác, tướng ba giải thoát môn khác, tướng mười tám không khác, tướng Phật thập lực khác, tướng bốn vô úy khác, tướng bốn trí vô ngại khác, tướng mười tám pháp bất cộng khác, tánh pháp hữu vi khác, tánh pháp vô vi khác. Tướng người phàm phu khác, nhẫn đến tướng Phật khác, các pháp đều riêng tướng khác như vậy, làm thế nào lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát ở trong các pháp tướng sai khác mà chẳng sanh phân biệt. Nếu chẳng sanh chẳng phân biệt thì chẳng thể hành Bát nhã ba la mật. Nếu chẳng thể hành Bát nhã ba la mật thì chẳng thể từ một địa đến một địa. Nếu chẳng thể từ một địa đến một địa thì chẳng thể vào

Bồ Tát vị. Vì chẳng thể vào Bồ Tát vị nên chẳng thể vượt qua Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa. Vì chẳng vượt qua Thanh Văn, Bích Chi Phật địa nên chẳng đầy đủ được thần thông ba la mật nên chẳng đầy đủ được Bố thí ba la mật nhẫn đến chẳng đầy đủ được Bát nhã ba la mật, từ một Phật quốc đến một Phật quốc cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo các căn lành, dùng căn lành ấy có thể thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ. – Này Tu Bồ Đề! Như lời ông hỏi, các pháp tướng ấy cũng là tướng người phàm phu, cũng là Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật. – Bạch đức Thế Tôn! Các pháp ấy đều riêng tướng, nghĩa là tướng sắc khác, nhẫn đến tướng pháp hữu vi, tướng pháp vô vi khác, làm sao Đại Bồ Tát quán nhứt tướng chẳng khởi phân biệt? – Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Tướng sắc ấy có rỗng không chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Thiệt rỗng không. – Này Tu Bồ Đề! Trong rỗng không, các pháp tướng riêng khác có thể có được chăng? Nghĩa là tướng sắc nhẫn đến tướng Phật. – Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thể có được. – Này Tu Bồ Đề! Vì lẽ ấy nên phải biết rằng trong các pháp bình đẳng chẳng phải người phàm phu, cũng chẳng rời lìa người phàm phu, nhân đên chăng phải Phật, cũng chăng rời lìa Phật. – Bạch đức Thế Tôn! Bình đẳng ấy là pháp hữu vi hay pháp vô vi? – Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải pháp hữu vi, chẳng phải pháp vô vi. Tại sao vậy? Rời lìa pháp hữu vi thì chẳng có được pháp vô vi. Rời lìa pháp vô vi thì chẳng có được pháp hữu vi. Này Tu Bồ Đề! Tánh hữu vi, tánh vô vi ấy, cả hai pháp ấy chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhứt tướng, nghĩa là vô tướng. Đức Phật cũng dùng thế đế để nói chớ chẳng phải lấy đệ nhứt nghĩa. Tại sao? Trong đệ nhứt nghĩa không có thân hành, không có khẩu hành, không có ý hành, cũng chẳng rời lìa thân, khẩu, ý hành mà được đệ nhứt nghĩa. Tướng bình đẳng của các pháp hữu vi, vô vi ấy, tức là đệ nhứt nghĩa. Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát ở trong đệ nhứt nghĩa chẳng động mà làm việc Bồ Tát làm lợi ích cho chúng sanh".

*** 87. PHẨM NHƯ HÓA THỨ TÁM MƯƠI BẢY

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp bình đẳng không có tạo tác thi vi, thì làm sao Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật ở trong pháp bình đẳng chẳng động mà làm việc Bồ Tát để bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự?". Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Đúng như lời ông nói, các pháp bình đẳng ấy không có tạo tác. Nếu chúng sanh tự biết các pháp bình đẳng, thì đức Phật chẳng dùng thần lực ở trong các pháp bình đẳng chẳng động mà cứu vớt họ ra khỏi tướng ngô, tướng ngã nhẫn đến tướng tri giả, tướng kiến giả, do rỗng không mà ra khỏi năm đường sanh tử, ra khỏi tướng sắc nhẫn đến tướng thức, ra khỏi tướng nhãn nhẫn đến tướng ý, ra khỏi tướng địa chủng nhẫn đến tướng thức chủng. Làm cho họ xa lìa tánh tướng hữu vi để được tánh tướng vô vi. Vô vi tánh tướng tức là rỗng không vậy". – Bạch đức Thế Tôn! Dùng những không gì mà tất cả pháp không? – Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát xa rời tất cả pháp tướng. Vì dùng không ấy nên tất cả pháp không. – Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có hóa nhơn làm hóa nhơn. Hóa nhơn ấy vả có

sự thiệt mà chẳng rỗng không chăng? – Bạch đức Thế Tôn! Hóa nhơn ấy không có sự thiệt nào mà chẳng rỗng không. – Này Tu Bồ Đề! Không ấy và hóa nhơn, hai sự ấy chẳng hiệp, chẳng tan, vì do không không nên không, chẳng nên phân biệt là không, là hóa. Tại sao? Vì hai sự ấy ở trong không đều chẳng có được là không, là hóa. Tại sao vậy? Này Tu Bồ Đề! Sắc tức là hóa, thọ, tưởng, hành, thức là hóa, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí là hóa. – Bạch đức Thế Tôn! Thế gian pháp là hóa, còn pháp xuất thế có là hóa chăng? – Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đều là hóa. Ở trong pháp ấy, có pháp Thanh Văn biến hóa, có pháp Bích Chi Phật biến hóa, có pháp chư Phật biến hóa, có pháp phiền não biến hóa, có pháp nghiệp nhơn duyên biến hóa. Vì lẽ ấy, Này Tu Bồ Đề! Nến tất cả pháp đều là biến hóa. – Bạch đức Thế Tôn! Các phiền não đoạn dứt ấy, nghĩa là quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Phật đạo, dứt đoạn tập chủng các phiền não có phải đều là biến hóa chăng? – Này Tu Bồ Đề! nếu có pháp tướng sanh diệt thì đều là biến hóa. – Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì không phải biến hóa? – Này Tu Bồ Đề! Nếu là pháp không sanh, không diệt, không phải biến hóa. – Bạch đức Thế Tôn! Pháp gì không sanh, không diệt, không phải biến hóa? – Này Tu Bồ Đề! Niết Bàn không tướng hư dối là chẳng phải biến hóa. – Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật tự nói, các pháp bình đẳng chẳng phải Thanh Văn làm ra, chẳng phải Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải Đại Bồ Tát làm ra, chẳng phải chư Phật làm ra. Có Phật hay không có Phật, tánh các pháp thường không. Tánh không tức là Niết Bàn. Sao đức Phật lại nói một pháp Niết Bàn chẳng phải biến hóa? – Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Các pháp bình đẳng chẳng phải Thanh Văn làm ra, nhẫn đến tánh không tức là Niết Bàn. Nếu hàng Bồ Tát mới phát tâm, nghe tất cả pháp đều rốt ráo tánh không nhẫn đến Niết Bàn cũng đều như hóa ấy thì lòng rất kinh sợ. Đó là vì mới phát tâm nên Bồ Tát ấy còn phân biệt pháp sanh diệt thì như hóa, pháp chẳng sanh diệt thì chẳng như hóa. – Bạch đức Thế Tôn! Làm sao dạy Bồ Tát mới phát tâm biết được tánh không? – Này Tu Bồ Đề! Các pháp có phải là trước có mà nay không chăng?”.

*** 88. PHẨM TÁT ĐÀ BA LUÂN THỨ TÁM MƯƠI TÁM

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Đại Bồ Tát cầu Bát nhã ba la mật phải như Đại Bồ Tát Đàn Ba Luân. Đại Bồ Tát ấy hiện nay ở chỗ Đại Lôi Âm Phật mà hành Bồ Tát đạo”. Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát Đàn Ba Luân cầu Bát nhã ba la mật như thế nào?”. – Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát Đàn Ba Luân trước kia, lúc cầu Bát nhã ba la mật chẳng tiếc thân mạng, chẳng màng danh lợi. Ngài ở trong rừng vắng vẻ, nghe trên hư không có tiếng bảo rằng: Này thiện nam tử! Người từ đây đi qua phương Đông chớ nhớ đến mỏi mệt, chớ nhớ đến ngủ nghỉ, chớ nhớ đến uống ăn, chớ nhớ đến ngày đêm, chớ nhớ đến lạnh nóng, chớ nhớ đến trong ngoài. Khi đi người chớ nhìn hai bên. Khi đi người chớ phá hoại tướng thân, chớ phá hoại tướng sắc, tướng thọ, tưởng, hành, thức. Tại sao vậy? Nếu phá hoại các tướng ấy thì ở trong Phật pháp có trở ngại. Nếu ở Phật pháp có trở ngại thì qua lại ở năm

đường sanh tử, cũng chẳng được Bát nhã ba la mật. Bồ Tát Đàn Ba Luân đáp: Tôi sẽ Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý theo lời dạy. Tại sao vậy? Vì tôi muốn vì tất cả chúng sanh mà làm ánh sáng lớn, tôi muốn tập hợp pháp của tất cả chư Phật, tôi muốn được Vô Thượng Bồ Đề. Trên hư không lại có tiếng nói: Lành thay, lành thay! Người nên có lòng tin pháp không, vô tướng, vô tác. Đem tâm lý mà cầu Bát nhã ba la mật: ly tướng ngã, nhẫn đến ly tướng tri giả, kiến giả. Người phải xa rời ác tri thức, phải gần gũi cúng dường thiện tri thức. Ai là thiện tri thức? Là người có thể nói pháp không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt và nhứt thiết chủng trí, làm cho người nghe, tâm họ thâm nhập vui mừng tin ưa. Đó là thiện tri thức. Nếu người đi như vậy không lâu sẽ được nghe Bát nhã ba la mật. Hoặc được nghe từ trong quyển kinh. Hoặc được nghe từ nơi Bồ Tát nói. Chỗ mà người theo đó được nghe Bát nhã ba la mật, người phải xem nơi ấy như đức Phật. Người phải tri ân, phải nghĩ rằng đây tức là thiện tri thức của tôi. Do nghe pháp Bát nhã ba la mật ấy, tôi sẽ chóng được chẳng thối chuyển Vô Thượng Bồ Đề, được ở gần chư Phật, thường sanh trong nước có Phật, xa rời các chướng nạn, được đầy đủ chỗ không chướng nạn. Người phải suy lường công đức ấy, phải ở chỗ được nghe pháp xem như đức Phật. Người chớ mong tâm về thế lợi mà theo bên pháp sư, mà chỉ vì ưa thích chánh pháp, chỉ vì kính trọng chánh pháp nên theo bên Bồ Tát pháp sư. Lúc bấy giờ người phải cảnh giác biết những ma sự. Nếu ác ma giả vì pháp mà đem ngũ dục đến dâng cho Bồ Tát pháp sư. Nếu Bồ Tát pháp sư nhập thiệt pháp minh vì công đức lực nên nhận lấy, nhưng không hề nhiễm ngũ dục ấy. Bồ Tát pháp sư lại vì ba việc nên nhận lấy ngũ dục ấy: một là vì sức phương tiện, hai là vì muốn cho chúng sanh gieo căn lành, ba là vì muốn cùng chúng sanh đồng sự ấy. Đối với sự ấy, người chớ sanh tâm chẳng kính tin mà phải sanh lòng kính tin, nghĩ rằng: Tôi chưa được phương tiện trí. Đại sư vì độ chúng sanh nên dùng pháp phương tiện cho họ được phước đức, nên đại sư mới nhận lấy ngũ dục ấy, nơi Bồ Tát trí huệ vẫn không trước, không ngại, chẳng bị ngũ dục nhiễm ô. Người liền phải quán thiệt tướng các pháp, nghĩa là tất cả pháp chẳng cấu, chẳng tịnh. Tại sao vậy? Tất cả pháp tự tánh rỗng không, không có chúng sanh, không có ngã, không có nhơn. Tất cả pháp như ảo, như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa. Người quán các pháp thiệt tướng ấy rồi phải theo pháp sư, không lậu người sẽ thành tựu Bát nhã ba la mật. Lại nữa, người phải cảnh giác biết ma sự. Nếu Bồ Tát pháp sư thấy người muốn học Bát nhã ba la mật mà chẳng để ý đến thì người chớ có sanh lòng oán hận. Người chẳng phải nên vì pháp mà sanh lòng cung kính, chớ có ý chán lười, phải thường theo bên pháp sư. Sau khi nghe lời chỉ bảo từ trên hư không, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát đi qua phương Đông không bao lâu chợt nghĩ rằng sao tôi không hỏi tiếng trên hư không phải đi đến xứ nào, xa hay gần, sẽ phải theo ai để được nghe Bát nhã ba la mật. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát liền đứng lại, ưu sầu khóc than mà nghĩ rằng: Tôi ở lại đây chỉ nhớ đến mỏi nhọc nhẫn đến chẳng nhớ đến đói khát, lạnh nóng, nếu chẳng được nhơn duyên nghe học Bát nhã ba la mật, tôi quyết chẳng rời khỏi nơi đây. Này Tu Bồ Đề! Như người chỉ có một đứa con trai, đứa con ấy bỗng chết, người ấy ưu sầu đau khổ, trong lòng chỉ có sầu khổ chớ chẳng nghĩ gì khác. Cũng vậy, lúc ấy Tát Đà Ba Luân Bồ Tát không nghĩ gì khác ngoài sự mong muốn được biết bao giờ tôi được nghe Bát nhã ba la mật, tai sao tôi không hỏi tiếng trên hư không: tôi

phải đến xứ nào, xa hay gần, sẽ theo ai để học Bát nhã ba la mật. Lúc Tát Đà Ba Luân Bồ Tát buồn nghĩ như vậy, trên hư không có đức Phật bảo rằng: Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử! Chư Phật quá khứ lúc hành Bồ Tát đạo, cầu Bát nhã ba la mật cũng như người ngày nay vậy. Người giữ gìn tâm siêng năng tinh tiến, ưa thích chánh pháp ấy mà đi qua phương Đông cách đây năm trăm do tuần có tòa thành tên Chúng Hương. Thành ấy có bảy lớp, bảy báu trang nghiêm, nhà cửa bao lớn đều trang sức bằng bảy báu, hào bằng bảy báu, hàng cây bảy báu vòng quanh bảy vòng. Tòa thành ấy ngang rộng mười hai do tuần, giàu vui an tịnh, nhơn dân đông đảo, có năm trăm thị xã, đường xá tương đương đẹp tốt như tranh vẽ. Cầu cống rộng rãi sạch sẽ như đất bằng. Trên bảy lớp thành đều có lâu đài, cây bảy báu hàng, nhánh lá bằng hoàng kim, bạch ngân, ngọc xa cừ, mã não, san hô, lưu ly, pha lê và chân châu màu hồng. giây báu kết giăng, linh lưới bằng vàng trùm lên thành. Gió thổi Linh khua vang tiếng hòa nhã làm vui lòng người nghe, như ngũ nhạc khéo hòa tấu rất là vui vẻ, tiếng lưới vàng và linh báu cũng như vậy. Bốn phía thành có ao nước chảy trong sạch, lạnh âm vừa thích. Trong ao có những chiếc thuyên băng bảy báu. Đó là do nghiệp đời trước của chúng sanh nới ấy gây nên. Ngồi thuyền báu ấy qua lại vui chơi. Trong nước ao có các loại hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng và nhiều thứ hoa khác che khắp mặt ao. Bao nhiêu thứ hoa trong cõi Đại Thiên đều có trong ấy. Bốn phía thành lại có năm trăm khu vườn nhà bảy báu trang nghiêm rất đáng ưa thích. Trong mỗi khu vườn ấy đều có năm trăm ao nước. Mỗi ao rộng mười dặm cũng bằng bảy báu nhiều màu trang nghiêm. Trong ao nước ấy cũng có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng chen đầy mặt nước. Hoa sen ấy lớn như bánh xe: màu xanh ánh sáng xanh, màu vàng ánh sáng vàng, màu đỏ ánh sáng đỏ, màu trắng ánh sáng trắng. Mặt nước ao lại có nhiều loại chim: chim le, chim nhạn, chim uyên ương kêu tiếng hòa nhau. Các khu vườn nhà ấy không thuộc riêng ai. Đó là do nghiệp đời trước của chúng sanh xứ ấy gây nên, họ luôn mãi tin ưa chánh pháp sâu xa và thật hành Bát nhã ba la mật nên hưởng thọ quả báo ấy. Này thiện nam tử! Trong thành Chúng Hương có tòa đài cao, cung điện của Đại Bồ Tát Đàm Vô kiệt ở trên đài ấy. Cung ấy rộng một do tuần, bằng bảy báu nhiều màu trang nghiêm rất đáng ưa thích. Tường rào bảy lớp cũng bằng bảy báu, bao lơn bảy báu, lầu gác bảy báu, hào báu bảy lớp cũng bằng bảy báu chồng chất xây thành, bảy lớp hàng cây, nhánh lá bảy báu, bảy lớp vườn bao quanh. Trong cung điện ấy có bốn khu vườn vui chơi: một khu vườn tên Thường Hỉ, khu thứ hai tên Ly Ưu, khu thứ ba tên Hoa Sức, khu thứ tư tên Hương Sức. Trong mỗi khu vườn có tám ao: ao thứ nhất tên Hiền, ao thứ hai tên Hiền Thượng, ao thứ ba tên Hoan Hỉ, ao thứ tư tên Hỉ Thượng, ao thứ năm tên An Ổn, ao thứ sáu tên Đa An Ổn, ao thứ bảy tên Viễn Ly, ao thứ tám tên Bất Thối Chuyển. Bốn bên ao, mỗi mặt riêng một thứ báu: hoàng kim, bạch ngân, lưu ly và pha lê. Ngọc mai côi làm đáy ao, trên trải cát hoàng kim. Cạnh mỗi ao đều có thềm bực bằng các thứ báu. Khoảng giữa thềm bực có hàng cây ba tiêu bằng vàng diêm phù đàn. Trong tất cả ao đều có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng che trùm mặt nước. Bốn bên các ao đều có cây hoa đẹp, gió thổi các hoa rơi vào trong nước ao. Nước ao có đủ tám công đức, thơm như chiên đàn, đầy đủ màu sắc và mùi vị, vừa nhẹ vừa nhu nhuyễn. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cùng sáu muôn tám ngàn thể nữ, ngũ dục đầy đủ, chung vui cùng hưởng. Nhơn dân trong thành cùng

vào các vườn Thường Hỉ và ao Hiền…, ngũ dục đầy đủ, cũng chung vui cùng hưởng. Này thiện nam tử! Sau khi cùng các thể nữ dạo chơi vui thú xong, ngày ba thời, Đàm Vô Kiệt Bồ Tát giảng thuyết Bát nhã ba la mật. Nam nữ lớn nhỏ trong thành Chúng Hương chọn nơi đông người tụ họp, thiết lập pháp tia lớn. Bốn chưn pháp tọa ấy hoặc bằng bạch ngân, hoặc bằng lưu ly, hoặc bằng pha lê, trên trải nệm êm dầy nhiều màu thòng những tua tụa, dùng bạch điệp đẹp trùm lên trên, rải những hoa đẹp hương thơm. Pháp tọa ấy cao năm dặm, giăng trướng bạch châu. Bốn phía khoảng đấy ấy rải hoa năm màu, đốt những hương thơm, nước thơm tưới trên đất. Đó là để cúng dường Bát nhã ba la mật vậy. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ngồi trên pháp tòa ấy giảng thuyết Bát nhã ba la mật. Nhơn chúng nơi thành ấy cúng dường cung kính Đàm Vô kiệt Bồ Tát để nghe Bát nhã ba la mật. Đại hội ấy có trăm ngàn vạn chúng, chư Thiên cùng người thế gian hòa hiệp một chỗ. Trong đó có người lắng nghe, có người thọ, có người trì, có người tụng, có người biên, có người chánh quán, có người thật hành đúng theo lời dạy. Bấy giờ do nhơn duyên ấy nên chúng sanh đều chẳng đọa ác đạo, chăng thôi chuyên Vô Thượng Bồ Đề. Này thiện nam tử! Người qua đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát sẽ được nghe Bát nhã ba la mật. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát là thiện tri thức trong nhiều đời trước của người, hay dạy cho người Vô Thượng Bồ Đề, chỉ dạy cho người được lợi ích vui mừng. Thuở trước, lúc Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cầu Bát nhã ba la mật cũng như người ngày nay. Người đi chớ kể ngày đêm, chớ e ngại, không lâu người sẽ được nghe Bát nhã ba la mật. Khi nghe lời chỉ bảo trên hư không, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát lòng rất vui mừng nghĩ rằng bao giờ tôi sẽ được thấy vị thiện tri thức ấy để được nghe Bát nhã ba la mật. Này Tu Bồ Đề! Ví như có người trúng phải tên độc, trong lòng người ấy không nghĩ gì khác, chỉ nghĩ rằng lúc nào gặp được lương y nhổ tên độc ra, chữa khỏi nạn khổ cho tôi. Cũng vậy, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát không còn nghỉ gì khác, chỉ tâm nguyện lúc nào tôi được thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, cho tôi được nghe Bát nhã ba la mật, dứt hết tâm chấp có. Ở tại chỗ cũ ấy, Tát Đà Ba Luân tâm tưởng niệm Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, ở trong tất cả pháp được tri kiến vô ngại, liền được vô lượng môn tam muội hiện tiền, đó là: chư pháp tánh quán tam muội, chư pháp tánh bất khả đắc tam muội, pháp chư pháp vô minh tam muội, chư pháp bất dị tam muội, chư pháp bất hoại tự tại tam muội, chư pháp năng chiếu minh tam muội, chư pháp ly ám tam muội, chư pháp vô dị tương tục tam muội, chư pháp bất khả đắc tam muội, tán hoa tam muội, chư pháp vô ngã tam muội, như huyễn oai thế tam muội, đắc như cảnh tượng tam muội, đắc nhứt thiết chúng sanh ngữ ngôn tam muội, nhứt thiết chúng sanh hoan hỷ tam muội, nhập phân biệt âm thanh tam muội, đắc chủng chủng ngữ ngôn tự cú trang nghiêm tam muội, vô úy tam muội, tánh thường mặc nhiên tam muội, đắc vô ngại giải thoát tam muội, ly trần cấu tam muội, danh tự ngữ cú trang nghiêm tam muội, kiến chư pháp tam muội, chư pháp vô ngại đảnh tam muội, như hư không tam muội, như kim cang tam muội, bất úy trước sắc tam muội, đắc thắng tam muội, chuyển nhãn tam muội, tất pháp tánh tam muội, năng giữ an ổn tam muội, sư tử hống tam muội, thắng nhứt thiết chúng sanh tam muội, hoa trang nghiêm tam muội, đoạn nghi tam muội, đoạn nhứt thiết kiên cố tam muội, xuất chư pháp đắc thần thông lực vô úy tam muội, năng đạt chư pháp tam muội, chư pháp tài ấn tam muội, chư pháp vô phân biệt kiến tam muội, ly chư kiến tam muội, ly nhứt

thiết ám tam muội, giải thoát nhứt thiết tướng tam muội, trừ nhứt thiết giải đãi tam muội, đắc thâm pháp minh tam muội, bất khả đoạt tam muội, phá ma tam muội, bất trước tam giới tam muội, khởi quang minh tam muội, kiến chư Phật tam muội. An trụ trong các tam muội ấy, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát liền thấy mười phương vô lượng vô số chư Phật vì chư Đại Bồ Tát mà nói Bát nhã ba la mật. Lúc ấy chư Phật mười phương an ủi Tát Đà Ba Luân Bồ Tát rằng: Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử! Lúc chúng ta hành Bồ Tát đạo thuở trước cầu Bát nhã ba la mật được các tam muội ấy cũng như chỗ được của người hiện nay vậy. Được các tam muội ấy rồi chúng ta khéo vào Bát nhã ba la mật, thành tựu sức phương tiện, trụ bực bất thối chuyển. Chúng ta quán tánh các tam muội ấy chẳng thấy có pháp gì xuất tam muội, nhập tam muội, cũng chẳng thấy ai hành Phật đạo, cũng chẳng thấy ai được Vô Thượng Bồ Đề. Này thiện nam tử! Đó gọi là Bát nhã ba la mật, nghĩa là chẳng quan niệm có các pháp ấy. Này thiện nam tử! Chúng ta an trụ trong pháp vô sở niệm mà được thân màu hoàng kim rất sáng chói này, có ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, trí huệ chẳng thể nghĩ bàn được, giới vô thượng, tam muội vô thượng, Phật vô thượng trí huệ, tất cả công đức thảy đều đầy đủ. Đã đầy đủ tất cả công đức mà đức Phật còn chẳng thể lấy tướng nói hết được, huống là hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật và những người khác! Này thiện nam tử! Vì lẽ ấy nên ở trong Phật pháp này phải càng cung kính mến nhớ, sanh lòng tin thanh tịnh. Đối với thiện tri thức phải xem như đức Phật. Tại sao vậy? Vì nhờ thiện tri thức thủ hộ mà Bồ Tát mau được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc ấy Tát Đà Ba Luân Bồ Tát bạch chư Phật mười phương: Ai là thiện tri thức của tôi mà tôi phải thân cận cúng dường? Chư Phật mười phương bảo Tát Đà Ba Luân Bồ Tát: Đàm Vô Kiệt Bồ Tát đã nhiều đời giáo hóa Vô Thượng Bồ Đề cho người thành tựu. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cho người thành tựu. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát thủ hộ người, dạy cho người sức phương tiện Bát nhã ba la mật, Bồ Tát ấy là thiện tri thức của người. Dầu người có cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát hoặc một kiếp, hai kiếp, ba kiếp nhẫn đến hơn trăm kiếp, dầu đội cung kính, đem tất cả đồ sắc, thanh, hương, vị, xúc, vui thích trong cõi Đại Thiên cúng dường hết chưa đáp được ơn trong khoảnh khắc. Tại sao vậy? Vì do nhơn duyên của Đàm Vô Kiệt Bồ Tát làm cho người được những tam muội như vậy, được sức phương tiện Bát nhã ba la mật như vậy. Chư Phật an ủi giáo hóa Tát Đà Ba Luân Bồ Tát như vậy, làm cho ngài vui mừng xong, bỗng nhiên chẳng hiện. Từ tam muội dậy, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát chẳng còn thấy chư Phật bèn nghĩ rằng: Chư Phật ấy từ đâu đến, đi về đâu? Vì chẳng thấy chư Phật nên Ngài lại buồn rầu chẳng vui: Ai sẽ dứt hết chỗ nghi ngờ của tôi? Ngài lại nghĩ rằng Đàm Vô Kiệt Bồ Tát từ lâu đã thường hành Bát nhã ba la mật, được sức phương tiện và các đà la ni, nơi pháp Bồ Tát được tự tại, cúng dường nhiều chư Phật quá khứ, nhiều đời làm thầy tôi, thường làm lợi ích cho tôi. Tôi sẽ hỏi Đàm Vô Kiệt Bồ Tát : chư Phật từ đâu đến, đi đến đâu? Lúc ấy đối với Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát sanh lòng cung kính, tôn trọng, mến ưa, nghĩ rằng: Tôi phải lấy gì cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát? Hiện nay tôi nghèo cùng, không có hoa hương, vàng bạc, châu báu. Không có những vật khả dĩ cúng dường Bát nhã ba la mật và pháp sư Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Tôi không nên đi tay không để đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Nếu tôi đi không thì khó sanh lòng mừng rỡ. Vì Bát nhã ba la mật, tôi phải

bán thân để có tài vật cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Từ nhiều đời tôi đã mất vô số thân. Trong vô thỉ sanh tử hoặc chết, hoặc bán, hoặc vì dục vọng mà nhiều đời chịu vô lượng khổ não ở trong địa ngục. Chưa bao giờ vì pháp thanh tịnh, vì pháp sư mà mất thân. Giữa đường, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát vào một thành, đến giữa chợ rao lớn rằng: Ai cần người! Ai cần người! Ai muốn mua người? Bấy giờ ác ma nghĩ rằng, vì mến chánh pháp mà Tát Đà Ba Luân này tự bán thân, vì Bát nhã ba la mật mà cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Ông ấy sẽ chánh vấn Bát nhã ba la mật thế nào để chóng được Vô Thượng Bồ Đề? Ông ấy sẽ được đầy đủ đa văn như nước biển cả, lúc đó chẳng thể ngăn trở phá hoại được. Ông ấy sẽ đầy đủ tất cả công đức lợi ích chư Đại Bồ Tát nơi Vô Thượng Bồ Đề, qua khỏi cảnh giới của ta, và cũng dạy những người khác ra khỏi cảnh giới của ta để được Vô Thượng Bồ Đề. Ta phải phá hoại công việc của ông ấy. Bấy giờ ác ma che các nhà Bà La Môn, Cư Sĩ chẳng nghe tiếng rao bán thân của Tát Đà Ba Luân Bồ Tát, chỉ trừ một trưởng giả nữ, vì nhơn duyên đời trước, nên ác ma chẳng che được. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát rao bán thân chăng ai hỏi mua, bèn buồn rầu rồi khóc lóc, đứng lại một nơi, rơi lệ tự nghĩ rằng vì tôi có một tội lớn nên bán thân mà chẳng ai mua, vì Bát nhã ba la mật mà tôi tự bán thân để cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng Tát Đà Ba Luân Bồ Tát mến chánh pháp mà tự bán thân, vì Bát nhã ba la mật nên muốn cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, ta sẽ thử ông ấy coi có phải thiệt vì thâm tâm mến pháp mà xả thân chăng? Thiên Đế Thích liền hóa làm người Bà La Môn đi ngang qua chỗ Tát Đà Ba Luân đứng hỏi rằng: Cớ chi mà ngươi đứng nơi đây khóc than buồn rầu, nhan sắc tiều tụy như vậy? Thưa Bà La Môn! Tôi mến kính chánh pháp. Vì Bát nhã ba la mật nên tôi bán thân để cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát nhưng không ai mua. Tôi nghĩ mình phước bạc không có của báu, muốn bán thân cũng chẳng ai mua. Tôi lấy gì cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Bà La Môn nói: Tôi chẳng cần người. Hiện nay tôi muốn tế Trời, cần có tim, máu và tủy người. Ông có thể bán những vật ấy cho tôi không? Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nghĩ rằng tôi được lợi lớn, được lợi đệ nhứt. Nay tôi vì đầy đủ Bát nhã ba la mật, phương tiện lực nên được người mua tim, máu và tủy. Nghĩ xong, Tát Đà Ba Luân trong lòng rất vui mừng không còn buồn rầu, bảo Bà La Môn rằng: Tôi bằng lòng trao cho ông tất cả những gì ông muốn dùng. Bà La Môn hỏi: Ông lấy giá bao nhiêu? Tát Đà Ba Luân đáp: Tùy ý ông cho bao nhiêu cũng được. Liền đó, Tát Đà Ba Luân tay mặt cầm dao bén đâm vào cánh tay tả tuôn máu ra, rồi cắt thịt bắp vế bên mặt, muốn chặt xương để lấy tủy. Khi ấy có một người trưởng giả nữ ở trên gác cao thất Tát Đà Ba Luân tự cắt thân thể, chẳng tiếc mạng sống, muốn biết duyên do, nàng liền xuống gác đến hỏi Tát Đà Ba Luân rằng: Người Trời, Người, A tu la, sao lại tự hủy thân khốn khổ đến như vậy. Dùng tim, máu, tủy này để làm gì? Tát Đà Ba Luân đáp: Tôi bán thân cho ông Bà La Môn đây, để có tiền vật cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Trưởng giả nữ hỏi: Ông muốn đem bán tim, máu và tuỷ để cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát sẽ được công đức gì? Tát Đà Ba Luân đáp: Đàm Vô Kiệt Bồ Tát khéo học Bát nhã ba la mật và phương tiện lực. Ngài sẽ giảng dạy tôi việc phải làm của Bồ Tát và đạo sở hành của Bồ Tát. Tôi học pháp ấy, đạo ấy, lúc được Vô Thượng Bồ Đề làm y chỉ cho chúng sanh sẽ được thân màu hoàng kim đủ ba

mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo quang minh vô lượng, đại từ đại bi hỉ xả, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, Phật thập lực, mười tám pháp bất cộng, sáu thần thông chẳng thể nghĩ bàn, giới định trí huệ thanh tịnh, được Vô Thượng Bồ Đề. Ở trong các pháp được tri kiến nhứt thiết vô ngại. Đem pháp bảo vô lượng phân bố cho tất cả chúng sanh. Những công đức lợi ích như vậy, tôi sẽ được từ nơi Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ấy. Trưởng giả nữ nghe Phật pháp thượng diệu ấy lòng rất vui mừng kinh ngạc, rởn ốc nói: Rất là hi hữu. Chỗ ông nói vi diệu khó được nghe. Vì mỗi mỗi pháp công đức ấy đáng xả cả hằng sa thân mạng. Chỗ ông nói đó rất là vi diệu! Nay ông cần những gì, tôi sẽ cung cấp hết. Những vàng bạc, châu báu, hoa hương, phan lọng, y phục, nhạc khí, tôi sẽ cấp cho ông tất cả để ông cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Ông chớ nên hủy hoại thân thể. Tôi cũng sẽ đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cùng ông gieo căn lành để được pháp vi diệu như lời ông nói đó. Lúc ấy Thiên Đế Thích hoàn lại bổ hình khen: Lành thay, lành thay! Ông bền chịu sự đau khổ như vậy mà chẳng động tâm. Chư Phật quá khứ lúc hành đạo Bồ Tát cũng như vậy mà cầu Bát nhã ba la mật và phương tiện lực nên được Vô Thượng Bồ Đề. Tôi thiệt chẳng dùng tim, máu, tủy người, chỉ đến để thử nhau thôi. Ông cầu mong điều gì, tôi sẽ ban cho! Tát Đà Ba Luân đáp: Tôi cầu mong Vô Thượng Bồ Đề. Thiên Đế Thích nói: Điều ấy sức tôi làm không được. Đó là cảnh giới chư Phật. Tôi quyết phải báo đền, vậy ông nên cầu việc khác. Tát Đà Ba Luân nói: Nếu như vậy, xin thân thể tôi bình phục như cũ. Liền đó thân thể của Tát Đà Ba Luân bình phục không còn thương tích y như trước không khác. Thiên Đế Thích bỗng nhiên chẳng thiện. Trưởng giả nữ bảo Tát Đà Ba Luân: Người đến nhà tôi, cần thứ gì tôi sẽ xin cha mẹ tôi cấp cho. Tôi cũng sẽ từ giả cha mẹ rồi mang theo kẻ hầu hạ cùng người đi đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát để cúng dường và cầu pháp. Tát Đà Ba Luân liền đứng ngoài cửa nhà trưởng giả nữ. Nàng vào thưa cha mẹ xin đủ đồ dùng để cúng dường và xin pháp cha mẹ cho nàng mang theo năm trăm thị nữ vốn là kẻ hầu hạ nàng cùng đi với Tát Đà Ba Luân đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát để cúng dường Bát nhã ba la mật. Bồ Tát ấy sẽ vì chúng con mà thuyết pháp. Con sẽ thật hành đúng theo và sẽ được pháp của chư Phật. Cha mẹ nàng hỏi: Tát Đà Ba Luân là người nào? Nàng thưa: Người ấy hiện đứng ngoài cửa. Người ấy dùng thâm tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, muốn độ tất cả chúng sanh khỏi vô lượng khổ sanh tử. Vì cầu pháp mà người ấy tự bán thân mình để cúng dường Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật có tên là đạo sở học của Bồ Tát. Vì cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát mà Tát Đà Ba Luân ở giữa chợ rao lớn: Ai muốn cần người, ai muốn mua người? Bán thân không ai hỏi mua, người ấy đứng một chỗ buồn rầu khóc than. Thiên Đế Thích hóa làm người Bà La Môn đến thử thách hỏi duyên cớ. Tát Đà Ba Luân nói tôi muốn bán thân để cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, nhưng vì phước bạc nên chẳng ai hỏi mua. Bà La môn nói tôi chẳng cần người, tôi muốn tế Trời, phải dùng tim, máu và tuỷ người. ông có bán được không? Tát Đà Ba Luân nghe nói hết buồn rầu, vui mừng ưng bán không cần giá cả. Lúc ấy Tát Đà Ba Luân tay mặt cầm dao bén đâm vào cánh tay trái lấy máu, rồi cắt thị bắp vế mặt, muốn chẻ xương lấy tủy. Con ở trên gác ngó thấy vội xuống hỏi duyên cớ. Khi biết rõ duyên do, con hứa cung cấp đầy đủ đồ cúng dường và ngăn người ấy hủy hoại thân thể. Con cũng hứa sẽ xin phép cha

mẹ cùng đi với người ấy đến cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Cha mẹ nàng nói: Thật là hi hữu khó có. Người ấy tinh tiến vì pháp và rất thích pháp tướng. Những Phật pháp ấy chẳng thể nghĩ bàn, là tối đệ nhứt ở tất cả thế gian, là nhơn duyên an lạc của tất cả chúng sanh. Vì pháp ấy mà người ấy đại thệ trang nghiêm. Cha mẹ cho phép con đến gặp Đàm Vô Kiệt Bồ Tát để thân cận cúng dường. Vì con đã phát tâm lớn muốn được Phật pháp. Con tinh tiến như vậy cha mẹ đâu được chẳng tùy hỉ. Được cha mẹ cho phép, trưởng giả nữ rất vui mừng, liền trang nghiêm xe bảy báu năm trăm cỗ. Đích thân nàng cùng năm trăm thị nữ sắm sửa đồ cúng dường, đem các thứ hoa tươi và hoa bằng vàng, bằng bạc, những Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục trân báu, chuỗi ngọc, hương tốt, đồ ăn uống thơm ngon, rồi cùng Tát Đà Ba Luân và năm trăm thị nữ, mỗi người ngồi một xe, cung kính trang trọng đi lần về phương đông, thấy thánh Chúng Hương bày báu trang nghiêm, bảy lớp vây quang, hào bằng bảy báu và hàng cây bảy báu cũng đều bảy lớp. Thành ấy rộng mười hai do tuần, giàu thạnh an tĩnh rất là vui sướng. Trong thành nhơn dân đông đúc, có năm trăm thị xã, đường xá tương được đẹp đẽ như tranh vẽ. Câu kỳ bằng phăng, rộng rãi, sạch sẽ. Đến khi vào trong thành, thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ngồi trên pháp tòa giữa đài cao đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn muôn ức thính chúng cung kính vây quanh. Lúc thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, Tát Đà Ba Luân lòng liền vui mừng như Tỳ Kheo nhập đệ tam thiền nhiếp tâm an tĩnh, tự nghĩ rằng theo nghĩ thì chúng ta chẳng nên ngồi xe đến Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Suy nghĩ xong liền xuống xe đi bộ. Trưởng giả nữ cùng năm trăm thị nữ cũng xuống xe đi bộ. Bấy giờ Tát Đà Ba Luân cùng trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ châu báu trang nghiêm, cung kính vây quang, đồng đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát có đài bảy báu trang nghiêm với ngưu đầu chiên đàn đỏ, màn lưới chơn châu che trùm phía trên, bốn gốc đều treo bửu châu ma ni để làm đèn sáng và có bốn lò hương báu thường đốt hương thơm để cúng dường Bát nhã ba la mật. Trong đài có giường lớn bảy báu, giường nhỏ bốn báu đặt trên giường lớn. Bát nhã ba la mật được biên vào là vàng hoàng kim và an trí trên giường nhỏ. Các thứ phan lọng trang nghiêm treo che phí trên. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát cùng chúng nữ nhơn thấy đài báu thờ Bát nhã ba la mật ấy có các châu báu trang nghiêm. Lại thấy Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn cùng vô lượng trăm ngàn vạn chư Thiên dùng hoa trời mạn đà la, chiên đàn nghiền bột, mạt các thứ báu rải trên đài. Trên hư không trỗi nhạc trời để cúng dường đài báu ấy. Tát Đà Ba Luân hỏi Thiên Đế Thích: Ngài Kiều Thi Ca! Có duyên cớ gì mà Ngài cùng vô lượng trăm ngàn vạn chư Thiên đem hoa hương trời và kỹ nhạc trời cúng dường đài ấy như vậy? Thiên Đế Thích đáp: Người chẳng biết ư Đây là Ma ha bát nhã ba la mật, là mẹ của chư Đại Bồ Tát, hay sanh chư Phật và nhiếp trì Bồ Tát. Bồ Tát học Bát nhã ba la mật ấy thành tựu tất cả công đức, được các Phật pháp và nhứt thiết chủng trí. Tát Đà Ba Luân liền vui mừng hỏi Thiên Đế Thích: Ngài Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật ấy là mẹ chư Đại Bồ Tát, hay sanh chư Phật và nhiếp trì Bồ Tát. Bồ Tát học Bát nhã ba la mật ấy thành tựu tất cả công đức, được các Phật pháp và nhứt thiết chủng trí nay ở tại chỗ nào? Thiên Đế Thích đáp: Trong đài cao ấy có giường lớn bảy báu, trên giường lớn đặt giường nhỏ bốn báu, Bát nhã ba la mật được biên trên lá vàng hoàng kim an trí trên giường nhỏ ấy. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát dùng ấn bảy báu ấn lên. Chúng ta không

thể mở được để cho người xem. Lúc ấy Tát Đà Ba Luân Bồ Tát cùng trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ đem đồ cúng dường như hoa hương, chuỗi ngọc, phan lộng chia làm hai phần: một phần cúng dường Bát nhã ba la mật, một phần cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát đang ngồi trên pháp tọa. Sau khi cúng dường phần Bát nhã ba la mật xong, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát cùng các nữ nhơn đem phần cúng dường thứ hai đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ngồi trên pháp tọa, liền vì pháp lấy đồ cúng dường dâng lên Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Những đồ cúng dường ấy hiện lên hư không, phía trên Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, hóa thành hoa đài, bửu trướng, bửu cái, bốn phía bửu các treo thòng những phan báu. Tát Đà Ba Luân và các nữ nhơn thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát biến hóa như vậy lòng rất vui mừng nghĩ rằng: Thiệt chưa từng có. Công đức thần thông của Đàm Vô Kiệt Bồ Tát là như vậy. Lúc hành Bồ Tát đạo mà sức thần thông còn được từng ấy huống là lúc được Vô Thượng Bồ Đề. Trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ lòng tin thanh tịnh kính trọng Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đồng nguyện rằng: Như Đàm Vô Kiệt Bồ Tát được các thâm pháp Bồ Tát, như Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cúng dường Bát nhã ba la mật, như Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ở trong đại chúng hiển thị diễn thuyết nghĩa Bát nhã ba la mật, như Đàm Vô Kiệt Bồ Tát được sức phương tiện Bát nhã ba la mật, thành tựu thần thông, ở nơi công việc Bồ Tát được tự tại, chúng tôi cũng sẽ như vậy. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát và các nữ nhơn cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát rồi, đồng đảnh lễ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Sau đó cùng đứng qua một phía. Đứng qua một phía xong, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát bạch Đàm Vô Kiệt Bồ Tát rằng: Ngày trước lúc tôi cầu Bát nhã ba la mật, ở trong rừng vắng vẻ nghe tiếng trên hư không dạy rằng: này thiện nam tử! Từ đây người đi qua phương Đông sẽ được nghe Bát nhã ba la mật. Tôi theo lời đi qua phương Đông. Chẳng bao lâu tôi nghĩ rằng sao tôi chẳng hỏi nơi tiếng hư không: Tôi phải đi đến xứ nào, xa gần, nghe pháp nơi ai? Tôi quá buồn khổ khóc lóc, ở lại đó bảy ngày đêm, vì quá buồn khổ nên tôi không màng ăn uống, chỉ nghĩ rằng lúc nào tôi được nghe Bát nhã ba la mật? Đương lúc tôi buồn rầu nhứt tâm niệm Bát nhã ba la mật như vậy, tôi thấy đức Phật hiện thân trên hư không bảo tôi rằng: Nhà ngươi chớ buông bỏ tâm đại nguyện, đại tinh tiến. Dùng tâm đại nguyện, đại tinh tiến ấy, nhà ngươi đi qua phương Đông cách đây năm trăm do tuần có tòa thành tên Chúng Hương, trong thành ấy có Đại Bồ Tát tên Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Nhà người sẽ được nghe Bát nhã ba la mật nơi Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Bồ Tát ấy là thiện tri thức nhiều đời của nhà ngươi, thường thủ hộ nhà ngươi. Đức Phật chỉ bảo xong, tôi đi qua phương Đông, trong lòng chẳng nghĩ gì khác, chỉ tâm niệm bao giờ tôi được thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát vì tôi mà nói Bát nhã ba la mật? Lúc ấy tôi dừng lại giữa đường, nơi tất cả pháp, tôi được tri kiến vô ngại, được các tam muội quán chư Pháp tánh…hiện ra trước. Tôi an trụ trong các tam muội ấy, thấy mười phương vô lượng vô số chư Phật giảng thuyết Bát nhã ba la mật. Chư Phật giảng thuyết Bát nhã ba la mật. Chư Phật khen tôi rằng: Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử! Thuở trước, lúc cầu Bát nhã ba la mật, ta được các tam muội cũng như nhà ngươi hôm nay vậy. Được các tam muội ấy rồi thì được khắp các Phật pháp. Chư Phật vì tôi thuyết pháp và an ủi tôi xong, bỗng nhiên chẳng thiện. Tôi từ tam muội dậy, suy nghĩ rằng: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu? Vì không còn thấy chư Phật nên tôi rất buồn rầu.

Tôi lại suy nghĩ rằng Đàm Vô Kiệt Bồ Tát trước đã cúng dường chư Phật gieo các căn lành, từ lâu hành Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, ở trong Bồ Tát đạo đã được tự tại, là thiện tri thức của tôi, thủ hộ tôi. Tôi sẽ hỏi Đàm Vô Kiệt Bồ Tát sự việc ấy: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu. Nay tôi hỏi đại sư: Chư Phật ấy từ đâu đến và đi đến đâu? Đại sư vì tôi nói chỗ chư Phật từ đâu đến và đi cho tôi được biết. Tôi biết rồi cũng thường chẳng rời thấy chư Phật".

*** 89. PHẨM ĐÀM VÔ KIỆT THỨ TÁM MƯƠI CHÍN

Lúc ấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát bảo Tát Đà Ba Luân Bồ Tát: Này thiện nam tử! Chư Phật không từ đâu đến, đi cũng không đến đâu. Tại sao vậy? Chư pháp như, tướng chẳng động. Chư pháp như túc là chư Phật. Pháp vô sanh không đến, không đi. Pháp vô diệt tức là chư Phật. Pháp vô diệt không đến, không đi. Pháp vô diệt tức là chư Phật. Pháp thiệt tế không đến, không đi. Pháp thiệt tế là chư Phật. Pháp không không đến, không đi. Pháp không là chư Phật. Pháp vô nhiễm không đến, không đi. Pháp vô nhiễm là chư Phật. Pháp tịch diệt không đến, không đi. Pháp tịch diệt là chư Phật. Tánh hư không không đến, không đi. Tánh hư không là chư Phật. Này thiện nam tử! Rời các pháp ấy không còn có Phật. Chư Phật như, các pháp như, một như không sai khác. Này thiện nam tử! Như ấy thường một, không có hai, không có ba, ra ngoài các pháp số, vì là vô sở hữu. Ví như tháng cuối xuân, giữa ngày lúc nắng nóng, có người thấy ánh nắng dợn động bèn đuổi theo mong tìm được nước. Ý ông nghỉ sao? Nước ấy từ ao nào, núi nào, suối nào chảy đến, nay đi về đâu, hoặc là chảy về biển Đông, biển Tây, biển Nam, biển Bắc ư Tát Đà Ba Luân thưa: Thưa Đại sư! Trong ánh nắng còn không có nước, làm sao có được chỗ nước đến, nước đi! Này thiện nam tử! Kẻ ngu vô trí bị sự khát bức ngặt, thấy nắng dợn bèn tường là nước. Này thiện nam tử! nếu có người phân biệt chư Phật có đi, phải biết các người ấy đều là ngu phu. Tại sao vậy? Này thiện nam tử! Chư Phật, chẳng thể lấy sắc thân thấy được. Chư Phật, pháp thân không đến, không đi, cũng không chỗ đến, chỗ đi. Này thiện nam tử! Thí như nhà ảo thuật, thuật ra các thứ như voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Ý ông nghĩ sao? Ảo sự ấy từ chỗ nào đến, đi đến đâu? Thưa Đại sư! Ảo sự không thiệt làm sao có chỗ đến, chỗ đi. Này thiện nam tử! Người mà phân biệt Đức Phật có đến, có đi cũng như vậy. Này thiện nam tử! Ví như chiêm bao thấy voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. ý ông nghĩ sao? Cảnh vật được thấy trong chiêm bao có chỗ đến chỗ đi chăng? Thưa Đại sư! Cảnh vật được thấy trong chiêm bao đều là hư vọng, làm sao lại có đến, có đi. Này thiện nam tử! Nếu người mà phân biệt Đức Phật có đến, có đi cũng như vậy. Này thiện nam tử! Đức Phật nói các pháp như chiêm bao. Nếu có chúng sanh nào chẳng biết pháp nghĩa ấy, cho danh tự sắc thân là Phật, người ấy phân biệt chư Phật có đến, có đi. Vì chẳng biết tướng thiệt tế của các pháp, nên đều là hạng ngu phu vô trí. Các người ấy mãi mãi qua lại năm được, xa rời Bát nhã ba la mật, xa rời các Phật pháp. Này thiện nam tử! Đức Phật nói các pháp như ảo, như mộng. Nếu có chúng sanh nào biết đúng thiệt, thì người ấy chẳng phân biệt các pháp, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh,

hoặc diệt. Nếu chẳng phân biệt các pháp hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt thì có thể biết được thiệt tướng của các pháp mà Đức Phật đã nói. Người ấy hành Bát nhã ba la mật gần Vô Thượng Bồ Đề, gọi là chơn Phật đệ tử, chẳng hư vọng ăn của tín thí. Người ấy đáng nhận cúng dường. Là phước điền thế gian. Này thiện nam tử! Ví như ở đại hải, những châu báu trong nước chẳng từ phương Đông lại, chẳng từ phương Nam lại, chẳng từ phương Tây lại, chẳng từ phương Bắc lại, cũng chẳng từ bốn phương cạnh và trên dưới lại. Vì do nơi căn lành của chúng sanh mà biển sanh châu báu ấy. Châu báu ấy cũng chẳng phải không nhơn duyên mà sanh. Châu báu ấy đều từ nhơn duyên hòa hiệp mà sanh. Châu báu ấy nếu diệt mất, nó cũng chẳng đi đến mười phương. Các duyên hòa hiệp thì có. Các duyên rời thì diệt. Này thiện nam tử Thân chư Phật cũng vậy, từ bổn nghiệp nhơn duyên quả báo mà sanh. Lúc sanh chẳng từ mười phương đến, lúc diệt cũng chẳng đi đến mười phương. Chỉ các duyên hiệp thì có, các duyên rời thì diệt. Này thiện nam tử! Ví như đờn không hầu, lúc tiếng phát ra không chỗ đến, lúc tiếng diệt không chỗ đi. Vì các duyên hòa hiệp nên có tiếng. Có thùng, có cô, có da, có dây, có trụ, có cần, có người lấy tay khảy, các duyên ấy hòa hiệp mà có âm thanh ấy. Âm thanh ấy cũng chẳng từ thùng đờn nhẫn đến chẳng từ tay người phát ra. Các duyên hòa hiệp bèn có âm thanh. Lúc các duyên ấy rời tan, âm thanh cũng không có chỗ đi. Này thiện nam tử Thân chư Phật cũng như vậy, từ vô lượng công đức nhơn duyên sanh, chẳng từ một nhơn, một duyên, một công đức sanh, cũng chẳng không nhơn duyên mà có. Vì các duyên hòa hiệp nên có. Thân chư Phật chẳng riêng từ một sự mà thành. Đến không từ đâu, đi không đến đâu. Này thiện nam tử Phải biết chư Phật, tướng đến, tướng đi như vậy. Này thiện nam tử Cũng phải biết tất cả pháp không có tướng đến, đi. Nếu ông biết chư Phật và các pháp không có tướng đến, đi, sanh, diệt thì tất là được Vô Thượng Bồ Đề, cũng hay lành Bát nhã ba la mật và phương tiện lực. Lúc ấy Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn đem hoa trời mạn đà la trao cho Tát Đà Ba Luân Bồ Tát mà nói rằng: Người lấy hoa này cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Tôi phải thủ hộ cúng dường Ngài. Tại sao vậy? Vì do nơi ngài mà hôm nay đem sự lợi ích đến cho trăm ngàn muôn ức chúng sanh, khiến họ được Vô Thượng Bồ Đề. Này Ngài! Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ấy rất khó gặp được. Vì lợi ích cho tất cả chúng sanh mà Đại Bồ Tát chị những sự nhọc nhằn khổ sở trong vô lượng vô số kiếp. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nhận lấy hoa mạn đà la rải trên Đàm Vô Kiệt Bồ Tát mà bạch rằng: Thưa Đại sư! Từ ngày hôm nay, thân tôi thuộc về Đại sư dùng cung cấp cúng dường. Lúc ấy trưởng giả nữa và năm trăm thị nữ thưa với Tát Đà Ba Luân Bồ Tát rằng: Từ hôm nay chúng tôi cũng đem thân thuộc về Ngài. Do căn lành nhơn duyên này, chúng tôi sẽ được pháp như vậy, cũng như Ngài đã được. Chúng tôi cùng Ngài đời đời cúng dường chư Phật, đời đời thường cúng dường ngài. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát bảo chúng nữ nhơn: Các người lấy tâm chí thành thuộc về tôi, tôi sẽ nhận các người. Chúng nữ thưa: Chúng tôi tâm chí thành thuộc về Ngài, tùy theo chỗ Ngài dạy bảo. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát và chúng nữ đem những đồ bửu vật trang nghiêm cùng năm trăm cỗ xe bảy báu dâng lên Đàm Vô Kiệt Bồ Tát mà bạch rằng: Tôi đem năm trăm nữ nhơn này phụng cấp đại sư. Năm trăm cỗ xe này tùy đại sư dùng. Thiên Đế Thích liền khen rằng: Lành thay, lành thay! Này Ngài Đại Bồ Tát thí xả tất cả sở hữu phải như vậy. Bố thí như vậy sẽ chóng

được Vô Thượng Bồ Đề. Cúng dường người thuyết pháp như vậy ắt có thể được nghe Bát nhã ba la mật và phương tiện lực. Chư Phật quá khứ, thuở trước lúc hành Bồ Tát đạo cũng an trụ trong sự bố thí như vậy mà được nghe Bát nhã ba la mật và phương tiện lực rồi được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc ấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát muốn cho Tát Đà Ba Luân Bồ Tát được căn lành đầy đủ nên thọ lấy năm trăm cỗ xe, năm trăm thị nữ và trưởng giả nữ, thọ lấy xong bèn đem cho lại Tát Đà Ba Luân Bồ Tát. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát thuyết pháp đến mặt trời lặn, Ngài rời khỏi pháp tọa vào cung. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nghĩ rằng: Tôi vì pháp mà đến đây, vậy tôi chẳng nên ngồi và nằm. Tôi phải dùng hai oai nghi: hoặc đi, hoặc đứng để chờ pháp sư từ nội cung ra thuyết pháp. Lúc ấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát trọn bảy năm nhứt tâm nhập trong Vô lượng A tăng kỳ Bồ Tát tam muội và hành Bát nhã ba la mật cùng phương tiện lực. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát cũng trọn bảy năm đi tu kinh hành hoặc đứng, chẳng ngồi, chẳng nằm, không có ngủ nghỉ, không tham dục giận phiền, lòng chẳng chấp luyến, chỉ niệm Đàm Vô Kiệt Bồ Tát bao giờ xuất định ra thuyết pháp. Qua bảy năm, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nghĩ rằng tôi phải vì Đàm Vô Kiệt Bồ Tát mà trần thiết pháp tọa để Ngài sẽ ngồi trên đó thuyết pháp. Tôi phải rưới quét sạch sẽ, rải các thứ hoa, trang nghiêm chỗ thuyết pháp, vì Đàm Vô Kiệt Bồ Tát sẽ thuyết Bát nhã ba la mật và phương tiện lực. Lúc ấy Tát Đà Ba Luân Bồ Tát cùng trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ đặt giường bảy báu. Năm trăm nữ nhơn đều cởi thượng Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý của mình trải trên pháp tọa, tâm niệm Đàm Vô Kiệt Bồ Tát sẽ ngồi trên pháp tọa này thuyết Bát nhã ba la mật và phương tiện lực. Sắp đặt pháp tọa xong, tìm nước rưới đất mà tìm không được. Tại sao? Vì ác ma che ngăn làm cho nước chẳng hiệp. Ma nghĩ rằng Tát Đà Ba Luân Bồ Tát tìm nước chẳng được, ở nơi Vô Thượng Bồ Đề nếu móng khởi chừng một niệm kém khác thì trí huệ chẳng chiếu, căn lành chẳng thêm, sẽ chậm trễ nơi nhứt thiết trí. Lúc ấy Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nghĩ rằng tôi phải tự đâm thân mình lấy máu rưới đất để bụi không bay lấm dơ Đại sư. Tôi còn cần thân thể này, nó sẽ hư hại. Từ vô thỉ đến nay, tôi luôn luôn mất thân mạng chưa từng được có pháp. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát liền cầm dao bén tự đâm vào thân, lấy máu rưới đất. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát với trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ đều không có tâm thiện khác, ma cũng không có dịp hại được. Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng: Thiệt chưa từng có, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát mến yêu chánh pháp đến đỗi như vậy. Tự đâm thân mình lấy máu rưới đất. Bồ Tát ấy cùng chúng nữ nhơn tâm chẳng động chuyển. Ác ma Ba Tuần chẳng phá hư được căn lành của họ. Tâm họ kiên cố, phát đại trang nghiêm, chẳng tiếc thân mạng. Dùng thân tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Sẽ độ tất cả chúng sanh khỏi vô lượng sanh tử. Thiên Đế Thích khen ngợi Tát Đà Ba Luân Bồ Tát: Thiện nam tử! Ngài có sức tinh tiến kiến cố khó lay động, chẳng nghĩ bàn được. Ngài yêu mến chánh pháp, cầu được chánh pháp rất là vô thượng. Thiện nam tử! Chư Phật thuở quá khứ cũng như vậy. Dùng thân tâm yêu pháp, tiếc pháp, trọng pháp, tập họp các công đức, được Vô Thượng Bồ Đề. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nghĩ rằng tôi đã vì Đàm Vô Kiệt Bồ Tát trần thiết pháp tọa, quét rưới đất sạch sẽ rồi, tôi phải tìm ở đâu để được hoa đẹp thơm để trang nghiêm đất chỗ thuyết pháp này. Và lúc Bồ Tát ngồi trên pháp tọa thuyết pháp còn phải rải hoa cúng dường. Biết tâm niệm Tát Đà Ba Luân Bồ Tát, Thiên Đế Thích liền đem ba ngàn thạch hoa trời mạn

đà la trao cho Tát Đà Ba Luân Bồ Tát. Được hoa rồi, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát dùng phân nửa số hoa rải đất, còn phân nửa số hoa chờ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ra ngồi thuyết pháp sẽ cúng dường. Lúc ấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát nhập tam muội quá bảy năm rồi, từ tam muội dậy, vì thuyết Bát nhã ba la mật nên cùng vô lượng trăm ngàn vạn chúng cung kính vây quanh đến ngồi trên pháp tọa. Lúc thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát lòng rất vui mừng như Tỳ Kheo nhập đệ tam thiền, bèn cùng trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát rải hoa cúng dường, đầu mặt đảnh lễ rồi ngồi qua một phía. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát thấy đại chúng ngồi xong, bèn bảo Tát Đà Ba Luân Bồ Tát rằng: Này thiện nam tử! Lắng nghe và lãnh thọ kỹ. Nay tôi sẽ vì ông mà thuyết tướng Bát nhã ba la mật. Này thiện nam tử! Vì các pháp bình đẳng nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng bình đẳng. Vì các pháp rời lìa nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng rời lìa. Vì các pháp bất cộng nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng bất động. Vì các pháp vô niệm nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô niệm. Vì các pháp vô úy nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô úy. Vì các pháp nhứt vị nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng nhứt vị. Vì các pháp vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì các pháp vô sanh nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô sanh. Vì các pháp vô diệt nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô diệt. Vì hư không vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì nước đại hải vô niên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì núi Tu Di trang nghiêm nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng trang nghiêm. Vì hư không vô phân biệt nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô phân biệt. Vì sắc vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì địa chủng vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì không chủng vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì như kim cang bình đẳng nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng bình đẳng. Vì các pháp vô phân biệt nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô phân biệt. Vì các tánh bất khả đắc nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng bất khả đắc. Vì các pháp vô sở hữu bình đẳng nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng sở hữu bình đẳng. Vì các pháp vô tác nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô tác. Vì các pháp bất khả tư nghì nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng bất khả tư nghì. Liền lúc ấy, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát tại chỗ ngồi được các tam muội. Những là chư pháp đẳng tam muội, chư pháp ly tam muội, chư pháp vô úy tam muội, chư pháp nhứt vị tam muội, chư pháp vô sanh tam muội, pháp vô diệt tam muội, hư không vô biên tam muội, đại hải thủy vô biên tam muội, tu di sơn trang nghiêm tam muội, hư không vô phân biệt tam muội, sắc vô biên tam muội, thọ, tưởng, hành, thức vô biên tam muội, địa chủng vô biên tam muội, thủy, hỏa, phong, không chủng vô biên tam muội, như kim cang đẳng tam muội, chư pháp vô phân biệt tam muội, chư pháp bất khả tư nghì tam muội. Được sáu trăm vạn môn tam muội như vậy". Đức Phật bào Ngài Tu Bồ Đế: "Như ta hôm nay ở trong tam thiên Đại thiên thế giới cùng chư tăng Tỳ kheo vây quanh, lấy tướng ấy, lấy tướng mạo ấy, lấy danh tự ấy thuyết Bát nhã ba la mật. Tát Đà Ba Luân Bồ Tát được sáu trăm muôn tam muội ấy, thấy mười phương hằng sa chư Phật ở trong Đại Thiên thế giới cùng chư Tăng Tỳ Kheo cung kính vây quanh, lấy tướng như vậy, lấy tướng mạo như vậy,

lấy danh tự ấy thuyết đại Bát nhã ba la mật ấy cũng như vậy. Từ thuở ấy về sau, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát đa văn trí huệ chẳng nghĩ bàn được, như nước đại hải thường chẳng rời chư Phật, sanh nơi nước có Phật, nhẫn đến trong giấc mơ cũng chẳng có lúc nào chưa từng thấy Phật, tất cả các nạn thảy đều đã dứt, tại cõi nước Phật tùy theo nguyện sanh về. Này Tu Bồ Đề! phải biết nhơn duyên Bát nhã ba la mật ấy có thể thành tựu tất cả công đức Đại Bồ Tát, được nhứt thiết chủng trí. Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên chư Đại Bồ Tát nếu muốn học sáu ba la mật, muốn thâm nhập chư Phật trí huệ, muốn được nhứt thiết chủng trí thì phải thọ trì Bát nhã ba la mật ấy, đọc tụng, chánh ức niệm, rộng vì người mà giảng thuyết, cũng biên chép quyển kinh, tôn trọng tán thán, cúng dường hương hoa nhẫn đến kỷ nhạc. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật là mẹ của mười phương chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Mười phương chư Phật đều tôn trọng Bát nhã ba la mật vậy".

*** 90. PHẨM CHÚC LỤY THỨ CHÍN MƯƠI

Bấy giờ đức Phật bảo Ngài A Nan: "Này A Nan! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật có phải là đại sư của ông chăng? Còn ông có phải là đệ tử của đức Phật chăng?" Ngài A Nan thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật là đại sư của tôi. Đấng Thiện Thệ là đại sư của tôi. Tôi là đệ tử của đức Phật". – Đúng như vậy. Đức Phật là đại sư của ông. Ông là đệ tử của đức Phật. Nếu như chỗ phải làm của hàng đệ tử thì ông đã làm rồi. Này A Nan! Ông dùng nghiệp thân, khẩu, ý nhơn từ cúng dường, hầu hạ đức Phật, cũng thường đúng theo ý của đức Phật, không có trái lỗi. Này A Nan! Thân ta hiện tại đây, ông ái kính, cúng dường, cung cấp, hầu hạ, tâm ông thường thanh tịnh. Sau khi ta diệt độ, tất cả sự ái kính, cúng dường, cung cấp ấy ông phải dành cho Bát nhã ba la mật. Nhẫn đến lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật đem Bát nhã ba la mật chúc lụy cho ông. Này A Nan! Ông chớ có quên, chớ để mất, chớ làm người đoạn Phật chủng tối hậu. Này A Nan! Tùy bao nhiêu thời gian mà Bát nhã ba la mật còn tại thế gian, phải biết là bao nhiêu thời gian có Phật ở đời thuyết pháp. Này A Nan! Nếu có ai biên chép Bát nhã ba la mật, rồi thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, rộng giảng thuyết cho người, lấy các thứ hoa hương, phan lọng, bửu Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, đèn đuốc cung kinh, tôn trọng, ca ngợi, cúng dường, phải biết người ấy chẳng rời thấy Phật, chẳng rời nghe pháp, được thường gần bên Phật". Đức Phật nói Bát nhã ba la mật rồi, Di Lặc Bồ Tát…chư Thiên Đế Thích, Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Huệ Mạng Xá Lợi phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Ma Ha Câu Si La, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nan…cùng tất cả đại chúng và tất cả thế gian, chư Thiên, nhơn chúng, Càn thát bà, A tu la…nghe lời đức Phật nói đều rất vui mừng.

— Hết —

★ ★ ★ ★ ★

➤ **KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT .PDF**

KINH KIM CANG HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ DỊCH

KINH KIM CANG – THÍCH TRÍ TỊNH DỊCH .PDF

Xem Và Đọc kinhkimcang.PDF

DOWNLOAD Kinh Kim Cang PDF

Kinh Kim Cang Thích Duy Lực Dịch **.PDF**

Download PDF

kinh Kim Cang Hòa Thượng Thích Trí Tịnh Dịch

Kinh Kim Cang Bát Nhã Toàn Tập (5.4GB)

Mediafire	Google	Idrive

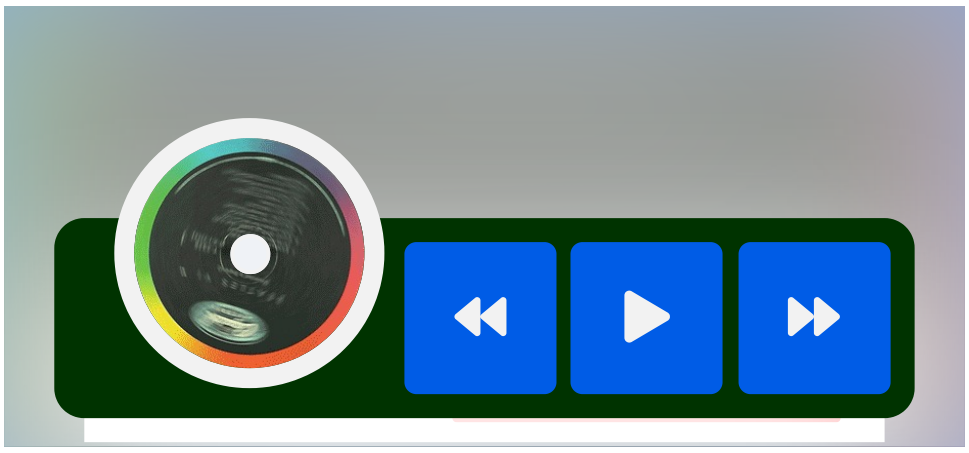

Tứ Diệu Đế

➤ TỨ CHỦNG THANH TỊNH MINH HỐI

➤ GIẢNG GIẢI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

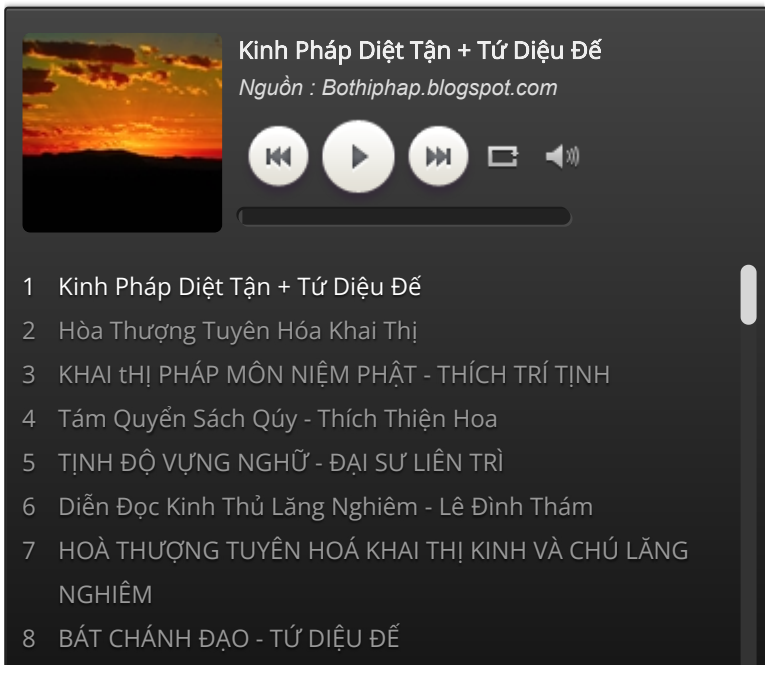
Kinh Pháp Diệt Tận + Tứ Diệu Đế
Nguồn : Bothiphap.blogspot.com
1 Kinh Pháp Diệt Tận + Tứ Diệu Đế
2 Hòa Thượng Tuyên Hóa Khai Thị
3 KHAI tHỊ PHÁP MÔN NIỆM PHẬT - THÍCH TRÍ TỊNH
4 Tám Quyển Sách Qúy - Thích Thiện Hoa
5 TỊNH ĐỘ VỰNG NGHĨ - ĐẠI SƯ LIÊN TRÌ
6 Diễn Đọc Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Lê Đình Thám
7 HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ KHAI THỊ KINH VÀ CHÚ LĂNG NGHIÊM
8 BÁT CHÁNH ĐẠO - TỨ DIỆU ĐẾ

9 Hương Sen Vạn Đức - Thích Trí Tịnh

± Phóng To (Zoom in) ⇱ **Download ⇱**

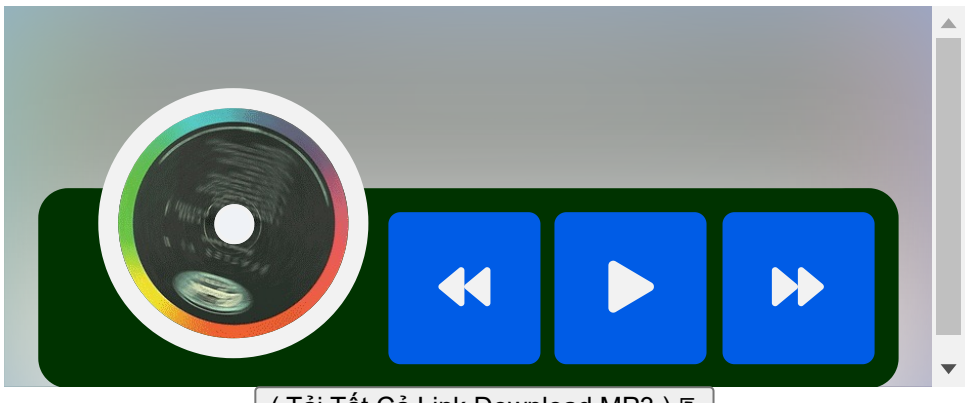

(Tải Tất Cả Link Download MP3) ⇱

KINH KIM CANG HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN HOA GIẢNG

➔ Download MP3

Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Hòa Thượng Tuyên Hóa Giảng

➔ Download MP3

► ĐỌC KINH KIM CANG HT. THÍCH THIỆN HOA

► ĐỌC KINH KIM CANG HT. THÍCH DUY LỰC

1

https://doc-kinhkimcang.blogspot.com/

TỨ DIỆU ĐẾ

BOTHIPHAP.BLOGSPOT.COM

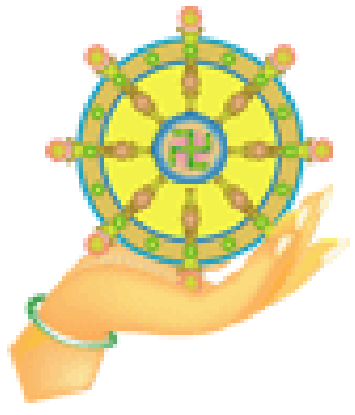

☞ Gửi Tin Nhắn Văn Bản

ADMIN : ĐẶNG VĂN QUÝ 17 / 03 / 1991 (PD:Thiện Đức)

Website : dangvanquy.blogspot.com

☟ Nguyện đem công đức này trang nghiêm Phật Tịnh Độ
trên đền bốn ân nặng dưới cứu khổ ba đường
nếu có ai thấy nghe đều phát tâm Bồ Đề
hết một báo thân này đồng sanh về Cực Lạc.

☞ This is where you support and contact me

► NIỆM PHẬT SÁM PHÁP

www.bothiphap.blogspot.com

KINH KIM CANG BAT NHA BA LA MAT
Kinhkimcang MP3, KINHKIMCANG.PDF
Kinh Hoa Nghiêm .PDF
Downlaod Kinh Kim Cang Trọn Bộ
Tải Kinh Kim Cang MP3